H. 8j235 (3)

ÉDITIONS PÉDAGOGIQUES CULTURELLES

Tân Học

BAN TRUNG-HỌC

HAUT COMMISSARIAT DE FRANCE POUR L'INDOCHINE
DIRECTION DES ARCHIVES ET DE LA BIBLIOTHÈQUE

TẬP XXI — **44 TRANG**

Với sự hợp tác của quý Ông :

Trương-vĩnh-Tống	*Nhà Học-giả.*
Trần-cửu-Chấn	*Tấn-sĩ văn-chương.*
Vỏ-văn-Lúa	*Cử-nhơn văn-chương.*
Phan-ngọc-Phương	*Cử-nhơn khoa-học.*
Phạm-văn-Thuật	*Cử-nhơn văn-chương (Anh-văn).*
Xuân-Sa	*Giáo-sư toán-học.*
Thái-Từ-Quang	*Nhà học-giả.*
Nguyễn-văn-Hạnh	*Giáo-sư Pháp-văn.*
Huỳnh-văn-Đó	— —
Châu-sáng-Thế	*Giáo-sư Anh-văn.*
Nguyễn-văn-Đoan	*Cựu G. Đ. Thể-dục.*
Vũ-hữu-Tiềm	*Giáo-sư Việt-ngữ.*
Đào-văn-Lân	— —
Trúc-Khanh	— —
Lưu-đình-Khải	*G. Đ. Trường mỹ-thuật.*
Bùi-văn-Kỉnh	*Giáo-sư Hội-họa.*
Thái-văn-Cẩn	— —
Thiếu-lăng-Quân	*Giáo-sư Tốc-ký V. N.*
Cô Tân-huỳnh-Hoa	*Cholon.*
Cô Hoàng-thị-Tâm	—
Cô Phan-Yến-Nguyệt	*Tân-an.*

BIBL. CENTRALE de l'Indochine 979/9

GIÁ { *Nam-Việt, Miên* : 4$ / *Trung, Bắc-Việt* : 5$

TÒA-SOẠN
165, đại lộ La Somme
Giây nói : 21.309 — Saigon

Bài vở chúng tôi chia ra như sau :

Trong CẦN HỌC Ban Tiểu-học : *có bài :*

1) Lớp Ba và lớp Nhì,
2) Lớp Nhứt và lớp tiếp liên,
3) Pháp-văn Thực-hành,
4) Ca dao Toán-học,
5) Danh-từ Toán-học,
6) Tinh hoa văn học,
7) Hán Việt thường đàm,
8) Dược tánh trích yếu,
9) Rương vàng của con tôi.

Trong CẦN HỌC Ban Trung-học : *có bài :*

I — Lớp Đệ Nhứt và Đệ Nhị niên,
II — Lớp Đệ Tam và Đệ Tứ niên,
III — Ban Ban Tú tài Việt và Pháp,
IV — Anh văn Thực-hành và bổ-túc,
V — Anthologie de la Poésie V. N.
VI — Chữ số chung,
VII — Kinh tế chánh trị,
VIII — Tập Thể-dục,
IX — Lớp dạy Vẽ,
X — Tốc ký V. N.

XIN LƯU Ý : Quí Bạn đọc đã đặt mua dài hạn mà muốn chọn lựa 1 trong 2 Ban. Xin cho chúng tôi biết sớm, để tiện việc gởi CẦN HỌC đến và tính lại số tiền đã đóng trước.

Ở SAIGON - CHỢLỚN - GIAĐỊNH

Quí bạn nào muốn đổi 10 số CẦN HỌC lẻ để lấy 1 bộ CẦN HỌC đóng lại từ I đến X, (bộ 1), xin đem mau đến Tòa-soạn CẦN HỌC, 165, Đại lộ La Somme, Saigon, và xin chịu thêm 5$00 tiền đóng.

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

Hộp Thơ

Dưới đây là những đoạn thơ rút ra trong những bức thơ của các bạn đọc CẦN HỌC gởi đến Tòa-soạn.

Kính ông,

Tôi rất thỏa mãn mỗi khi tôi tự học các môn trong tập văn CẦN HỌC. Tôi nhận thấy lắm điều cần ích cho giới học-sinh. Càng xem tôi càng thích và trông xem các bài vở số tới...

Tôi trân trọng cám ơn Ông và Giáo-sư các môn đã tận tâm cố-gắng giúp giới học-sinh và quần-chúng.

Một Học-sinh
(Chủng-viện Saigon)

Kính Ông,

Tôi đã được đọc nhiều tập CẦN HỌC, với một tấm lòng nhiệt-liệt hoan-nghinh, và không khỏi cảm kích sự cộng tác chặc chẻ của quí Ông, đã hiến cho chúng tôi những bài vở đặc-sắc và giá-trị.

Tập văn CẦN HỌC là những hoa màu đặc-sắc gieo vào đường học-vấn của đàn em, vì thế cảm thấy nhiều sự ích-lợi trong lớp bổ-túc của chúng nó.

Tôi xin thành thật cám ơn quí Ông, người đã đem những tia sáng trên con đường tiến hóa, người đã đem các anh em, chị em học-sinh trên con đường sang suốt để tìm tòi và phụng sự chân-lý.

Tôi mong, với sự kinh-nghiệm và sáng-suốt của quí Ông, chúng tôi sẽ được đọc nhiều, được hấp-thụ nhiều, những chương trình tuyệt-tác trong các bài vở mà quí Ông sẽ tuần-tự bày vẽ cho chúng tôi sau nầy.

Tôi rất hân hạnh và mong mỏi : sẽ là một phần-tử nhỏ trong nền tảng trường-cửu của Tập văn CẦN HỌC : và không quên thành thật cầu mong CẦN HỌC bất diệt và cổ-động cho CẦN HỌC.

Mlle Dương-thị-thanh-Hy
Secrétaire Mairie (Police Urbaine)
TOURANE

Kính Ông,

Tình cờ đọc tập CẦN HỌC của ông, tôi không khỏi phấn khởi mừng thầm cho tương lai nền học-vấn sau nầy.

Với sự sáng tác, tìm tòi, trình bày một cách khoa-học của Ông và quí ngài cộng-sự, chúng tôi tin rằng các con em và những người muốn trau-dồi thêm văn-chương từ nay sẽ có một sự chỉ dẫn rõ ràng và dễ-dàng của quí ngài.

Chúng tôi hết sức hoan-nghinh ông và tất cả quí ngài cộng sự sáng-tác nầy.

. . . . . .

M. TRƯƠNG-XUÂN
Ty Công An Quốc-Gia
QUẢNG-NAM
Tri Faifoo (Hội An)

Kính Thầy Phêrô,

Tôi có được số « tập trung CẦN HỌC và các số sau, của Thầy gởi tặng. Tôi xin hết lòng cám ơn Thầy. Cũng như Thầy đã hiểu rõ, xưa trong trường, mình học cái gì và nay phải dạy những gì. Hai cái **gì** *đó có lúc không ăn rập nhau. Nhưng nhờ biết tháo-vát một tí, là làm việc được ngay. Năm đầu, tôi lấy làm cực lực trong chỗ kiếm bài vừa trí trẻ em lắm. Sau nầy nhờ đáo chi như « Giáo-khoa tạp chí » và Học Báo, mà nhứt là nhờ tập văn CẦN HỌC của Thầy, nay tôi không còn chi là ngán.*

. . . . . .

Père P. Triệu
Chủng viện Vĩnhlong

GIÁ TIỀN MUA DÀI HẠN :

	Ở NAM-VIỆT, MIỀN			*Ở TRUNG, BẮC-VIỆT*		
	B.Tiểu-học	B.Trung-học	Cả 2 Ban	B.Tiểu-học	B.Trung-học	Cả 2 Ban
3 tháng 12 số :	30$00	45$00	70$00	40$00	55$00	80$00
6 tháng 25 số :	65$00	90$00	150$00	85$00	115$00	175$00
12 tháng 50 số :	125$00	175$00	290$00	170$00	220$00	325$00

Thơ và bưu-phiếu xin đề :

Mr NGÔ-VĂN-THANH

165, đại lộ La Somme -:- Saigon

BA PHƯƠNG THUỐC BÍ TRUYỀN

Rất công hiệu của người Việt-Nam

1· **Thuốc trừ lao, bổ phổi** *của cụ* **Trịnh-hải-Long**. *Uống* **ngừa lao** *hay đệ nhứt.*

2· *Thuốc* **đại bổ Nước Cốt Sâm Cao lỵ. Đại Bổ** *người già yếu, thanh niên, phụ nữ suy nhược.*

3· **Hải-Long Tráng dương bổ thận hoàn**. *Đại bổ thận. Giúp cho người yếu đuối đặng* **mạnh mẽ**.

Mua sỉ hay lẻ do nhà thuốc

Cụ TRỊNH-HẢI-LONG

19, Rue Vassoigne, Tânđịnh—Saigon

Giấy phép số 424 T.X.B

Ngày 27 tháng 10 d. l 1950

IN TẠI ẤN-QUÁN

— NAM-HƯNG —

165, Đại lộ La Somme — Saigon

ÉDITIONS PÉDAGOGIQUES CULTURELLES

Giáo Học

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIỆT NAM

BAN TRUNG-HỌC

TẬP XXII — 44 TRANG

Với sự hợp tác của quý Ông :

Trương-vĩnh-Tống	*Nhà Học-giả.*
Trần-cửu-Chấn	*Tấn-sĩ văn-chương.*
Vỏ-văn-Lúa	*Cử-nhơn văn-chương.*
Phan-ngọc-Phương	*Cử-nhơn khoa-học.*
Phạm-văn-Thuật	*Cử-nhơn văn-chương (Anh-văn).*
Xuân-Sa	*Giáo-sư toán-học.*
Thái-Từ-Quang	*Nhà học-giả.*
Nguyễn-văn-Hạnh	*Giáo-sư Pháp-văn.*
Huỳnh-văn-Đó	
Đoàn-phò-Vĩnh	*Nhà học-giả.*
Nguyễn-văn-Đoan	*Cựu G. Đ. Phế-đậu.*
Vũ-hữu-Tiềm	*Giáo-sư Việt-ngữ.*
Đào-văn-Lân	
Trúc-Khanh	
Lưu-đình-Khải	*G. Đ. Trường mỹ-thuật.*
Bùi-văn-Kỉnh	*Giáo-sư Hội-họa.*
Thái-văn-Cẩn	
Thiếu-lăng-Quân	*Giáo-sư Tốc-ký V. N.*
Cô Tân-huỳnh-Hoa	*Cholon.*
Cô Hoàng-thị-Tâm	
Cô Phan-Yến-Nguyệt	*Tân-an.*

GIÁ { *Nam-Việt, Miên* : 4$ / *Trung, Bắc-Việt* : 5$

TÒA-SOẠN
165, đại lộ La Somme
Giây nói : 21.309 — Saigon

Hộp Thơ

Cùng quí bạn đọc, có nhiều bạn đã hưởng ứng cuộc thi : Giảng nghĩa và bình-luận 2 chữ Cần Học *đã ra đầu đề từ số 10 đến giờ. Song chúng tôi đã đăng ít bài có giá trị hơn. Nay chúng tôi xin đăng bài dưới đây của ông N. Trương-vĩnh-Tống gởi cho tòa soạn để hiến các bạn đọc biết một việc cần thiết trong đời người. Vì chúng tôi đôi khi nghe nói* : « tôi lớn rồi, không Cần Học ». *Vậy nay bài này sẽ trả lời cho những kẻ ấy và khóa sổ cuộc thi của chúng tôi.*

Sau nầy chúng tôi sẽ mở một cuộc thi khác.

L.T.S.

CÒN SỐNG, CÒN PHẢI HỌC

Sự học là sự cần thứ nhứt trong đời người ta. Hãy coi trong sách Khổng-Tử Gia-Ngữ chép một hồi vấn đáp của thầy trò đức Khổng, thì thấy rằng đời người ta ở vào lúc nào cũng phải có học, đụng đến việc gì cũng phải có học, học cho tới lúc chết mới thôi.

Thầy Tử-Cống hỏi đức Khổng-Tử rằng :

— Tứ (tên thầy Tử-Cống) nầy, những mệt vì học, mỏi vì đạo, bây giờ muốn nghỉ để thờ vua có nên chăng ?

Đức Khổng-tử đáp :

— Phận làm tôi thờ vua, sớm hôm kính cẩn, mà cho trọn được chức trách cũng là việc khó, nghỉ học làm sao được ?

Vậy xin nghỉ để thờ cha mẹ được không ?

Đạo làm con hiếu thảo với cha mẹ thiệt là vô cùng, vả lại còn phải đem đạo hiếu thảo của mình mà khuyên dạy người ta, cũng là việc khó, nghỉ học làm sao được ?

— Vậy xin nghỉ vui chơi với vợ con được chăng ?

— Đạo làm chồng phải làm gương cho vợ, đạo làm cha phải làm gương cho con, vả lại còn để cho anh em và người ta trông vào mà bắt chước, cũng là việc khó, nghỉ học làm sao được ?

— Vậy xin nghỉ để giao-du với bè bạn được chăng ?

— Nghĩa bè bạn phải khuyên nhau điều lành, răn nhau điều dữ, đồng tâm hiệp lực với nhau, cũng là việc khó, nghỉ học làm sao được ?

— Vậy xin nghỉ để làm ruộng được chăng ?

— Nghề nông là việc gốc trong thiên hạ, hễ làm ruộng thì phải suy xét tinh, nghề làm ruộng, lại cũng là việc rất khó, nghỉ học làm sao được ?

— Nếu vậy thì Tử may không lúc nào được nghỉ hay sao ?

— Có lúc được nghỉ chớ : hễ lúc nào cái lỗ huyệt đào nhẫn nhụi, cái nấm mồ đắp chắc chắn, người trên đời đều cách biệt với mình ấy là cái lúc nghỉ học đó.

— Như vậy thì cái chết chẳng hay lắm sao ? Người quân tử đến chết mới được nghỉ, kẻ tiểu nhơn đến chết mới chịu thôi, cái chết thiệt là lúc nhàn.

Học để mà hành, hành do ở học. Con người ta ở đời từ nhỏ tới lớn, từ lớn đến già, đối với trong gia-đình, ngoài xã-hội, xử trí bao nhiêu là việc, tiếp ứng bao nhiêu là người, đều có đạo lý ở trong, nếu không có học thì xử-trí tiếp-ứng đều sái lạc đạo lý hết thảy. Mà cái đạo lý đối với mỗi người mỗi khác, mỗi việc mỗi khác, chẳng có người nào giống người nào, chẳng có việc nào giống việc nào, thì có lúc nào nghỉ được việc học, vì mỗi lúc thiếu tài-liệu để tiếp ứng người đời, để xử-trí việc đời. Họa chăng tới lúc đã chết đi, nghỉ cả tiếp ứng người đời, nghỉ cả xử trí việc đời, thì mới nghỉ được việc học.

Cho nên đức Khổng-tử là bậc thánh-triết, mà một đời ngài chỉ tự đắc một điều « *háo học* », ngài nói : « *Học mà chẳng chán. Học mà chưa tìm được nghĩa-lý, thì giận mà quên ăn, tới chừng tìm được nghĩa-lý rồi, thì vui mà quên lo* ». Cho tới khi ngài đã già bảy chục tuổi ngoài, mà ngài còn ao-ước rằng : « *Trời cho ta mượn thêm vài tuổi để học kinh Dịch, có thể không có lỗi nặng nữa* » vì cái lẽ ngài vẫn nói : « *Sớm nghe đạo, chiều chết được rồi.* »

Học trò ngài có ba ngàn người, lớp cao có bảy-mươi-hai người mà ngài chỉ vừa lòng có một người « *háo học* » như ngài là thầy Nhan-Hồi, thì thấy rằng ở đời rất hiếm người « *háo học* ». Thầy Tử-Cống tuy đã vào lớp cao mà còn chán sự học như vậy, thì vẫn chưa học được thầy cái nết « *háo học* » và còn thua bạn Nhan-Hồi một đỗi xa.

TRƯƠNG-VĨNH-TỐNG

Đệ-nhứt và đệ-nhị niên

ÁM-TẢ *Việt-ngữ.*

Có kẻ bảo tiếng ta nghèo, không thể sản-xuất một nền văn-học có giá-trị. Đó chẳng qua là một thành-kiến sai lầm. Một thứ tiếng giàu hay nghèo, là do nơi trình độ của dân-tộc nói thứ tiếng ấy. Nếu trình độ dân ta ngày càng cao thì tiếng ta cũng ngày thêm phong-phú là lẽ tất-nhiên vậy.

Có người lại nói tiếng Việt-Nam là một thứ tiếng đơn-âm không có biến thể cho nên tiến-hóa chậm và không tiện-lợi để diễn-giải các khoa học. Về phương-diện nầy chúng ta vẫn công-nhận rằng các thứ tiếng phức-âm và nhiều biến thể thì tiện lợi hơn.

Nhưng các thứ tiếng đơn-âm và không biến thể lại có một ưu-điểm-khác bù lại. Những thứ tiếng phức-âm từ thế-kỷ nọ đến thế-kỷ kia thay hình đổi dạng cho nên đọc những di-văn của đời trước, nhà khảo-cứu cũng như nhà thẩm-mỹ thường gặp nhiều nỗi khó-khăn. Trái hẳn thế, những thứ tiếng đơn-âm ít biến hóa lại cho nhà khảo-cổ một sự dễ-dàng trong khi nhìn-nhận chân-tướng của quá khứ, và lưu-truyền di tích lại tương-lai.

Lê-văn-Nựu

Câu hỏi 1) Giải nghĩa những chữ : *thành kiến, phong-phú, đơn-âm, phức-âm, ưu điểm, nhà-thẩm-mỹ, chân-tướng.*

2) Tìm chữ phản nghĩa với : *quá khứ.*

3) Tìm 5 chữ đôi có chữ *phong* ở trước, như *phong-phú.*

(Trả lời bài ám tả trong số 21)

1) Giải nghĩa : *Cấy hái* ; tiếng nôm để chỉ sự làm ruộng. *Cấy hái chỉ việc cấm mạ* xuống ruộng. *Thượng-điền Thượng* : trên, *điền* : ruộng. Thượng-điền chỉ làm lễ cuối mùa gặt hái, mùa ruộng năm đó.— *Trừ-tịch* : đêm 30 Tết.— *Xuân thủ. Xuân* : mùa, *thủ* : đầu. Ý nói đầu mùa xuân.

2) Trong nước V.N mùa cấy hái theo mùa mưa mùa nắng :

Lúa chiêm : ruộng sâu, về đầu tháng 11 cấy và sang cuối tháng tư, trong tháng năm gặt gọi là mùa lúa *chiêm*, thường ít hơn lúa mùa.

Lúa mùa : bắt đầu cấy từ tháng năm và lúa sớm thì tháng 8 gặt, gọi là lúa ba *trăng* (tức là ba kỳ trăng rằm, 3 tháng, còn thường thì tháng sáu cấy, đến đầu tháng mười gặt là lúa **mùa**.— Nếu bị bão hụt hư thì còn có thể cấy

lại vào cuối tháng bảy, tháng tám,thì gặt trễ về cuối tháng mười, tháng một (11).

3) Chữ ngược nghĩa với *lạnh lẽo* là ấm áp, *cấy hái* là gặt hái, *Thượng-điền* là hạ nêu.

Bài giải về những câu hỏi Ám-tả
« ĐÔ-THÀNH SAU MỘT TRẬN MƯA »

(trong Cần-Học số 19, trang 18.)

I. GIẢI-NGHĨA

Lành-lạnh : hơi lạnh, lạnh hơi hơi, (tĩnh-từ kép có nghĩa giảm bớt ý diễn-tả của tĩnh từ đơn : **lạnh**, lạnh hơn **lành-lạnh** ; chớ lộn với tĩnh từ kép : **lành-lặn** có nghĩa chỉ về cách ăn-mặc quần áo **lành** (không rách-rưới) và tầm -thường thôi chớ không sang, không đẹp.

Tụ ; (hán tự) nhóm họp lại. **Tản** : tan tác ra.

Không trung : (h.t.) trong khoảng không. **Tự-do** : (h.t.) tự ý, không bị cản trở.

Trần-gian : (h.t.) *trần* là bụi-bặm, *gian* là khoảng giữa tức là *đời-sống bụi bặm*, nơi có bụi bặm tức là ở dưới đời ; đồng nghĩa với những tiếng : **trần-thế, trần-tục, thế-gian, nhân-gian**.

Thời-trang : (h.t.) *trang*-sức ăn-mặc đúng theo *thời*, theo mốt (lối) đương *thời* vì **trang** là *quần-áo*, **thời** là mùa, là **thời**-buổi.

II. ĐỒNG-NGHĨA

Vội-vàng : *hấp-tấp, lật đật, vội vã mau gấp*

Vất-vả : khốn khó, khổ-cực, nhọc-nhằn, gian-nan (chính *gian-nan* là *hán-tự* song đã *việt-ngữ hóa*)

Dẻo-dang : *mềm-mại*

PHẢN-NCHĨA

thong thả, chầm chậm từ-từ, ung-dung, thư thái.

thanh-nhàn (*h. t.*)

thảnh-thơi, nhàn nhã (h. t.)

cứng-cỏi.

III. PHÂN TÍCH LOẠI-TỰ :

Ánh nắng vàng rực-rỡ đã tự-do chiếu xuống trần-gian.

Ánh nắng : danh-từ kép hợp bởi *danh-từ*, **ánh** *danh-từ* **nắng,** chủ-từ của động từ **chiếu** (Còn thể nói **ánh** là *danh-từ chung* biến thành *loại-từ riêng*, chỉ định danh-từ **nắng**, thì **nắng** là danh-từ *đơn* thường, thôi.)

Vàng : tĩnh-từ (phẩm từ) chỉ về *màu sắc*, thuộc về danh từ *nắng*.

Rực-rỡ : tĩnh-từ biến làm *trạng-từ* thêm nghĩa cho tĩnh-từ *vàng*.

Đã chiếu : động từ chiếu ở thời quá-khứ, ghép trạng từ **đã** với động từ **chiếu** mà thành ra, chỉ cái dụng của chủ từ **nắng**.

tự-do : danh-từ biến làm *trạng-từ*, thêm nghĩa cho động-từ **chiếu**.

xuống : động-từ biến làm giới-từ chỉ cái **chiều** của động-từ **chiếu**, liền-lạc động-từ chiếu với danh từ trần-gian, (*chớ lộn với* **trạng-từ** *xuống* chỉ nơi chốn).

trần-gian : danh-từ kép làm trường-hợp *túc-từ chỉ nơi chốn* của động-từ *chiếu*.

IV. ĐẠI Ý BÀI ÁM-TẢ

Sau một trận mưa, trời bừng sáng, mây biến tan, ánh nắng chiếu rực-rỡ. Ở thành-đô, sau lúc trời mưa, người người lại hoạt-động, cảnh - vật lại tươi đẹp trong cuộc sống ồn-ào, hăng hái, náo-nhiệt, tưng-bừng.

Vũ-hữu-TIỀM

TÁC VĂN

Đầu đề : *Trò hãy tả một đám ma mà trò đã thấy ?* (**Dàn bài trong số 21**)

Bài làm

Vào một buổi sáng đẹp trời, ở về phía đông bừng lên một thứ ánh sáng đỏ đỏ vàng vàng. Ánh sáng dần dần rõ hẳn ra.... Người ta gọi là bình minh.

Trên con đường náo nhiệt ở giữa châu thành, với cặp da, với bình mực, tôi đi thẳng đến trường, lòng tôi lúc ấy vui lạ, đoán được giờ nầy ở sân trường mấy chị em, cùng lớp với tôi đang trò truyện.

Sự náo-động của Kinh thành làm cho tôi có một thói quen của thính-giác. Bỗng từ đằng xa đưa lại một giọng kèn ò í e náo nhiệt. Vì con đường đến trường học phải đi ngược lại đụng đầu với đám ma, nên tôi được thấy rõ cả một đám ma. Đoàn người, đoàn xe kéo dài ra ~~có lẽ là một~~ nửa cây số.

Thoạt tiên, 3 đứa nhỏ cầm ba cái cờ đen viền trắng, thứ đến là chiếc bài-vị do hai thằng nhỏ khiêng, trên mặt bài-vị có đặt một bình hương khói lên nghi ngút tỏa ra làm cho bức chân dung của kẻ quá cố mờ mờ, huyền ảo. Rồi đến một loạt câu đối, cái thì bằng vải, cái bằng nỉ, cái bằng sa-tanh. Trên mỗi bức đều có viết chữ Hán bằng mực Tàu đen láy. Cũng có một vài bức bằng chữ Việt như : THÀNH THẬT — MẾN TIẾC hoặc NGÀN THU VĨNH BIỆT hoặc NGHĨA TỬ LÀ NGHĨA TẬN.

Sau loạt trướng, câu đối, liễn ấy, đến giàn nhạc cổ điển gồm hai cái nhị (đàn cò) hai ống tiêu, hai cây đàn tranh, hai cái hồ, một cây kèn «đại». Sự trang nghiêm gây ra bởi những thanh âm của nhạc. Bài Nam ai trỗi lên quá não nuột. Tiếng đàn đã khéo làm cho bất cứ một ai cũng thấy nao nao lòng. Sau giàn nhạc

là cái linh-xa.... do hai con ngựa quàng vải đen viền trắng kéo. Chiếc xe cũng được bao phủ bằng màu đen. Theo sau chiếc linh-xa là một đoàn người mặc toàn đồ trắng.... vừa đi vừa khóc lóc, mấy người đàn bà vừa khóc vừa kể lể. Sau đám gia nhân ấy là những bạn bè thân thiết của người quá cố. Sau hết là một đoàn xe xích lô chở bòng hoặc đi không để kiếm mối lúc đám ma đã chôn và người ta trở về.

Đám ma qua đi, và để lại trong lòng tôi một cảm tưởng rất lạ, rất bàng khuàng. Cái đám ma nầy đã gợi lại trong lòng tôi một sự đau buồn vì trước đây 2 năm, tôi đã được đi đưa đám người hiền mẫu thân yêu của tôi.

Thì ra đời người rất ngắn ngủi, hễ chết là hết, hết một cách vĩnh viễn.

Tuy nhiên, chết cũng năm bảy đường chết. Có người chết để mọi người phải thương tiếc, có người chết còn lưu danh nhơ nhuốc. Có người chết hùng, lại có người chết hèn mọn như loài cây cỏ. Nghĩ như vậy, lòng tôi tự nói với mình :

Phải làm sao có ích cho nhân quần xã-hội rồi có chết cũng mãn-nguyện.

VIỆT-ÁNH
(nữ sinh Quốc-Việt)

Bài kỳ sau *Tết sắp đến, trò hãy thảo một bài văn mừng tuổi thầy dạy.*

Dàn bài

1o) *Nguyên nhân cuộc lễ tết*
2o) *Kể công ơn Thầy.*
3o) *Những lời hứa với thầy và kết.*

ORTHOGRAPHE. — *Les nids.*

Aussitôt que les arbres ont développé leurs fleurs, mille ouvriers commencent leurs travaux. Ceux-ci portent de longues pailles dans le trou d'un vieux mur, ceux-là maçonnent des bâtiments aux fenêtres d'une église ; d'autres dérobent du crin à une cavale, ou le brin de laine que la brebis a laissé supendu à la ronce. Il y a des bûcherons qui croisent des branches dans la cime d'un arbre ; il y a des filandières qui recueillent la soie sur un chardon. Mille palais s'élèvent, et chaque palais est un nid ; chaque nid voit des métamorphoses charmantes : un œuf brillant, ensuite un petit couvert de duvet. Ce nourrisson prend des plumes ; sa mère lui apprend à se soulever sur sa couche. Bientôt il va jusqu'à se percher sur le bord de son berceau, d'où il jette un premier coup d'œil sur la nature.

Chanteaubriand

QUESTIONS :

1.— Expliquez les mots : cavale, métamorphoses, nourrisson.

2.— Analyse grammaticale de : *ce* (nourrisson), *lui* (apprend), *se* (soulever)

3.— Analyse logique de la phrase: « Ceux-ci portent. . . . . suspendu à la ronce.»

Réponses aux questions de la dictée —

« La fille de l'aveugle »

I.— Explications :

Sébile : Sorte de récipient dans lequel le mendiant reçoit les aumônes.

Feignant : faisant semblant de...

Epreuves : compositions données à subir aux candidats à un examen.

II.— Analyse :

Cette phrase renferme trois propositions :

1.— *La nuit, elle se remettait au travail* : Prop. princ.

2.— *quand l'aveugle croyait* : prop. subordonnée circonstancielle de temps.

3.— *que sa fille était endormie* : prop. subordonnée conjonctive.

III—. Fonction grammaticale :

Nuit : complément circonstanciel de temps de ***se remettait.***

Bruit : complément circonstanciel de matière de ***se relevait.***

Place : complément circonstanciel de lieu de ***mena.***

VOCABULAIRE

1.— Famille du mot : *Nourrisson.*

Nourrir	nourricier	le nourrisson
la nourriture	nourri	nutritif
la nourrice	le nourrisseur	la nutrition

Faites entrer ces mots dans des phrases simples que vous composerez.

Ex : Les parents travaillent pour nourrir leurs enfants. Les sucreries gatent l'estomac : ayez une nourriture saine...

2.— Sens de quelques expressions formées avec le mot *trou*.

Faire un trou à la lune : emporter de l'argent qui ne vous appartient pas; s'enfuir avec la caisse.

Boucher un trou : payer une dette quand on en a beaucoup.

Faire son trou : réussir à se créer une situation.

Passer par le trou d'une aiguille : faire les choses les plus difficiles.

Un trou, un petit : une petite ville où la vie est ennuyeuse, où l'on vit à l'écart du mouvement général.

Un bouche-trou : quelqu'un occupant une place pour la forme ou remplaçant une personne momentanément absente.

Rédaction française

Sujet.— *Un mendiant assis au soleil sur la place du marché, mange son maigre repas. Décrivez-le. Quelles réflexions sugggère la vue de ce malheureux ?(concours d'admission en 1ère Année d'E.P.S. 1949. Saigon).*

Développement

Je me promenais lentement sur le trottoir du Boulevard de la Somme quand, à un tournant de rue, je croisai un vieux mendiant. Il s'avançait péniblement, furetant à droite et à gauche, cherchant sans doute quelque coin d'ombre pour s'installer. Ce n'était plus un homme, mais une loque humaine, tant les privations de toutes sortes l'avaient fortement amaigri : des yeux enfoncés profondément dans l'orbite, des joues creuses, la peau toute ratatinée. Une longue barbite poivre et sel pendillait sous son menton. Sur le dos de ses mains, des veines couraient, saillantes comme des cordes. Les vêtements qui couvraient son corps maigre étaient à l'extrême limite de l'usure : un paletot jaune rapiécé de mille pièces, un pantalon noir élimé et déteint.

Arrivé à l'encoignure d'un mur, il se laissa tomber plutôt qu'il ne s'assit sur le sol dur et respira profondément. Le soleil qui arrivait de biais mettait en relief son teint have et ses traits fatigués.

Lentement, soigneusement, le pauvre vieux déballa un petit paquet qu'il serrait sous son bras et qui contenait son unique repas de la journée : Une boulée de riz brûlé, raclé du fond de la marmite et que lui aurait donné quelque ménagère compatissante,

des tranches de concombre provenant des restes de repas qu'on lui aurait jetés, quelques os mal rongés auxquels pendaient encore des fibres de viande et qu'il aurait ramassés dans la poubelle d'un marchand de soupe. Ses yeux pétillaient d'aise à la vue de son repas ainsi mis à découvert. Une nuée de mouches se détachant du tas d'ornières d'à côté s'abattirent sur les os. Du revers de sa main il les chassa, et avec ses doigts prit le riz qu'il porta à sa bouche édentée. Il mangea lentement, avalant difficilement le riz dur qu'il n'arriva pas à macher et qui blessa sans doute ses gencives.

Le repas fini, il s'allongea le long du mur, et se couvrant la face avec son chapeau de latanier, il se prépara à sa sieste quotidienne.

Quel spectacle navrant que ce pauvre vieux mangeant son maigre repas au soleil ! Comme il est à plaindre ce malheureux qui n'a ni toit pour l'abriter, ni enfants pour le soigner dans ses vieux jours!

H. o. ĐÓ

Sujet à proposer : *Sur une branche d'arbre se trouve un petit nid de moineaux: Décrire. Votre frère grimpe sur l'arbre pour les prendre. Racontez la scène et retracez les attitudes de la mère moineau.*

Plan

1°) *Introduction*.— Circonstances de temps et de lieu.

2o) *Développement* { *a)* le nid et les oisillons. *b)* votre frère grimpe sur l'arbre. *c)* attitude des oisillons. *d)* attitude de la mère moineau.

3o) *Conclusion*.— Vos réflexions.

DEVOIRS CORRIGÉS

Traduction de la version : *«Un bon voisin»*

Người láng giềng hảo tâm

Tôi tự nhủ : «Mầy ở ấm yên trong nhà. Bánh mì có sẵn trên kệ tủ; mái nhà mầy tuy lợp tranh nhưng cũng đủ che mưa đỡ nắng. Mầy khỏi phải âu lo gì về chuyện vợ con. Nhưng đây là một bác có cái nhà mà trần vừa sụp đổ, nôi của con bác phải bị gió lốc bốn bề; Đây là một góa phụ mà trận hỏa hoạn vừa rồi đã thiêu mất cái nhá; đây là một cụ già không con cái để giúp cụ vun xới khoảnh vườn; và đây ba trẻ mồ côi không cha mẹ để gặt hái mùa màng. Số phận những người ấy sẽ ra sao khi đông sắp đến ? Ai sẽ là người đến trợ giúp họ ? Thôi ! ta sẽ giúp họ. Ta nên chịu nhọc để họ bớt khổ sở đôi chút.

Truduction du texte de thème : «*Thể thao*»

Les exercices physiques (Le sport).

Regardez ceux qui pratiquent la culture physique : leurs membres se développent, leurs démarches s'affermit, vraiement ils sont dignes d'être hommes. Quant aux paresseux, le manque d'exercices physiques les rend fluets (malingres), faibles sur leurs jambes, à tel point qu'un assez fort coup de vent pourrait les renverser. Rien qu'à regarder les Européens, qui aiment le sport, avec leur corps vigoureux (robustes), et nos compatriotes faibles, débiles (chétifs), on comprend tout de suite (immédiatement), l'utilité des exercices physiques (de l'éducation physique).

Qu'est-ce la culture physique ? C'est s'exercer à marcher, à courir, à sauter, à faire des mouvements du corps, des bras et des jambes pour rendre les muscles souples et résistants.

L'éducation physique, en outre, rend l'esprit sain et ouvert. D'ordinaire, quand nous lisons, quand nous travaillons, et que nous sommes en bonne santé, notre esprit reposé saisit vite les raisons de chaque chose et l'ouvrage se trouve vite fait; mais quand le corps est fatigué, l'intelligence faiblit, on s'ennuie, on se sent las, on n'arrive à rien malgré ses efforts.

DEVOIRS A PROPOSER.

Thème.— *Trước khi nói phải nghĩ*

Một hôm thầy giáo muốn thử học trò xem có thông minh không, hỏi chúng nó rằng : "Trong chuồng có 8 con lợn, nếu ta đem bán 3 con thì còn lại mấy con ?" Các trò đều thưa : «Còn 5 con». Thầy khen phải.

Một lát, thầy lại hỏi : «Các con hãy trông trên mái nhà có 7 con chim sẻ đậu. Bây giờ ví thử thầy đem súng ra bắn, 3 con bị đạn chết, thì ở trên mái còn mấy con ?" Các trò đều tranh nhau đáp : «Còn bốn con."

Thầy chê các trò không thông minh, chúng nó lấy làm ngạc nhiên. Thầy liền giảng nghĩa rằng : «Nếu ta bắn được 3 con nằm chết ở trên nóc nhà, các con chim không bị đạn sợ đều bay đi hết. Thế thì ở trên mái nhà còn có 3 con chim chết, sao lại còn 4 con được ?»

Rồi thầy khuyên các trò trước khi nói phải nghĩ.

Version.— *Confidences d'un arbre.*

«.... C'est une destinée singulièrement heureuse que la mienne! Comme vous le savez, je ne suis qu'un simple arbre, sans agrément et sans utilité. Pourtant on m'entoure de soins et de respect. Des paysannes se prosternent devant moi. Elles accrochent à mes racines un prûle parfum, et tous les soirs, je goûte du "mùi trầm" pendant qu'elles font de douces prières.

Savez-vous pourquoi on me fait toutes ces révérences? C'est qu'on croit qu'en moi s'incarne certain génie. Mais je l'avoue, ce génie n'existe pas et, c'est moi qui profite des cadeaux, qui jouis de la vénération du peuple superstitieux. Je suis un peu égoïste, il est vrai, mais comment faire? Pour éviter les coups de hache, il faut laisser ces gens dans l'ignorance; car si je les en tire, ce sera ma perte.»

ĐỊA-LÝ-HỌC TỔNG-QUÁT

Soạn theo chương-trình Ban Trung-học

(Trình-độ lớp Đệ Nhứt niên và Tân Đệ lục)

Lời nói đầu

« *Địa lý học tổng quát* » trước kia là một chuỗi bài của chúng tôi dạy lớp riêng cho các học-sinh dự-bị thì vào năm Đệ nhị-niên trường Trung-học Mỹ tho.

Thất thế chúng tôi không có mảnh ý đăng trên mặt báo hay là xuất bản thành sách vì lẽ sức học mình kém đối với một khoa-học phiền-phức và quá cao. *Nhưng sự học vấn càng lúc lại khẩn-thiết, vấn đề biên soạn và phiên-dịch sách giáo-khoa biến thành một yếu tố trọng đại của giai-đoạn Lịch-sử hiện-thời.*

Bởi vậy các bạn thân mến có thật lòng khuyến-miễn chúng tôi đề nhận lấy trách-vụ biên soạn quyển « *Địa-lý-học tổng quát* ». Chúng tôi nhận lời vì các bạn ấy thật lòng tán-trợ trong nhiệm vụ khó khăn nầy. Nay tập-chí «*Cần Học* » có lòng tốt cho phép chúng tôi lần lược đặng lên quí tập văn đề *mở rộng phạm-vi thảo-luận và bổ khuyết.*

« *Địa-lý học tổng quát* » là chương trình dạy ở ban *Trung-học* dành để cho lớp *Đệ-nhứt-niên* và *Tân-Đệ-lục*. Nó là một cơ sở bản-nguyên để

cho học sinh thâu tập những ý-niệm khái-quát về Địa-lý. Phần nầy rất quan-trọng nên chi vào Ban « *Trung-đẳng giáo-dục* », sinh viên phải học lại với trăm lần tượng tế. « *Địa-lý học tổng quát.*» gồm những bộ phần địa - lý « *Địa lý số học tổng quát* », « *Địa-lý hình thể tổng quát* », « *Địa-lý thảo mộc và động vật* » và « *Địa-lý nhân danh* ».

Quyển sách « *Địa-lý học tổng quát* » của chúng tôi chia ra ba phần riêng biệt : (*Hình-thể địa-lý-học.— Cuộc sinh-hoạt trên quả Địa cầu.— Lịch-sử phát-kiến của Trái Đất*). Mỗi phần lại gồm có nhiều *chương* và phần *phụ-lục* để *giải-thích* và *phiên-âm* những *danh từ địa-lý*.

Phương pháp biên soạn của chúng tôi về *Nhân-danh, Địa-danh* trong thế-giới là phiên-âm theo giọng Việt-Nam (như *Bolovic* là « *Bô-li-uy* », *Soudan* là « *Xu-đăng* » v.v.) Nhưng phần phiên-âm chúng tôi sắp theo trình-tự ở bản *Phụ-lục* — còn ở các chương sách chúng tôi để nguyên danh từ đặc-hữu với dấu ngoặc như « Bogota », « Chili », « Argentine ». Có như vậy mới làm cho học sinh hiểu danh-từ ấy là chữ gì trong sách pháp. Còn những địa danh nào mà phiên-dịch ra ý nghĩa được thì chúng tôi dịch ra như « *Groen land* » là « *Lam-địa* » (đất xanh) « *Kourochivo* » là *Hắc-lưu* (giòng nước đen), « *Terre-neuve* » là *Tân-địa* v. v.

Những danh-từ đã phổ-thông từ lâu thì chúng tôi áp-dụng như các sách báo xưa hay đã dùng. *Bởi cái trách-vụ khó khăn nên chúng tôi yêu-cầu và trông đợi những lời chỉ giáo hữu ích cho nền học-vấn do các bậc cao-minh khuyến-cáo.*

o°o

Trước hết chúng tôi thành thật đa tạ lòng hảo-ý của ông giám-đốc tạp chí « *Cần-Học* » và các bạn thân mến có thật lòng khuyên miễn thứ nhứt là anh chị *LÂM-VĂN-GIẢN* giáo-viên trường sơ học Mỹ-tho.

— Để báo đáp công ơn sinh thành của phụ mẫu, con xin cung-phụng quyển sách nầy cho cha mẹ yêu quí.

— Để báo bổ đức cù-lao của quí Thầy và quí ông Giáo-sư đã dẫn tôi ra khỏi cảnh tối tăm của thời niên thiếu.

Môn-nhân thành kính tặng quyển sách thấp hạ cho tất cả quí Thầy như ông ĐỖ-NGỰ-ĐỆ, HUỲNH-VĂN-NHIỀU, HUỲNH-CÔNG-QUÍ, NGUYỄN-VĂN-NGỮ...

Tác-giả chí
THU-PHONG
ĐOÀN-PHÔ-VĨNH

(Viết tại Saigon ngày 31 tháng 10 d.l., thứ 3, ngày 21. tháng chín)
V.n. Canh-Dần.

Sách-tham-khảo

— *Géographie générale* (Classe de sixième) *Etienne Baron.*
— *Géographie générale* (Classe de seconde) E. *Baron.*
— *Géographie générale* (Classe de sixième) *Albert Demangeon* et *André Meynier*
— *Géographie générale* (Classe de seconde) par A. *Demangeon* et *André Meynier.*
— *Géographie générale* par *Gallouédec* et *Maurette*
— *Géographie générale* par *De Martonne*
— *Géologie* par *G. Bourreil.*
— Bộ « *Larousse du XXe siècle* »
— *Pháp Việt từ điển* và *Hán-Việt từ điển* của cụ *Đào-duy Anh* và *Sách báo cũ.*

Phần thứ nhứt. Hình-thể Địa-lý-học.

Chương I

Mục-đích Địa-lý-học. Quả Địa-cầu trong Vũ-trụ. — Hình-thể Địa cầu

I) Mục-đích Địa-lý-học.

Địa-lý-học là một môn học nghiên-cứu các hiện-tượng tự nhiên trên mặt Đất và sự liên-quan của hiện-tượng ấy đối với nhân-sinh. *Môn ấy* là *một khoa-học khảo-sát có hệ-thống về tình trạng hiện tại của các tinh-tú* và *Quả Địa-cầu mà nơi đây loài người và vạn-vật sinh-hoạt.*

Địa-lý-học là phản-ánh đích thật của hình-thể Địa-cầu : nghiên-cứu vị-trí trái Đất đối với vũ-trụ, hình thức và thành phần cùng với sự chuyển động trên mặt Đất (như Bình-nguyên, núi đồi, sông biển, thảo-mộc, động vật, lãnh-thổ, dân-tộc v. v...)

« *Địa-lý-học cận thời* » gồm « *những khoa-học địa-lý* » như dưới đây :

1·) *Hình-thể địa-lý học.* 2·) *Kinh-tế địa-lý-học.*
3·) *Chánh-trị địa-lý-học.* 4·) *Nhân-danh địa-lý-học,*

Bởi cái khoa-học quan-trọng trực-tiếp đến sinh-tồn của nhân-loại nên nhà hiền-triết « *Voltaire* » phẩm-bình rằng : « *Địa-lý-học là một khoa-học mà chúng ta phải luyện tập mãi để tiến đến chỗ hoàn-thiện.* »

o°o

1·) **Hình-thể địa-lý-học,** là một bộ-phần của môn ấy nghiên cứu những phương diện như sau đây :

a) **Địa-thế** thuộc về phần *hình-thái-học* tức là học về các nguyên-nhân sinh ra núi, đồi, ảnh-hưởng của gió đối với núi và tuyết-sương xoi mòn từ khi núi còn «thanh xuân» đến lúc núi già.

Tóm tắt *hình thể địa lý* là *khảo cứu những* **tác dụng xoi mòn và bồi bổ,** của dòng nước hải-lưu, băng hà, gió đối với Địa-thể.

b) **Thủy-lộ-học** nghiên-cứu nguồn gốc phát sinh của sông, biển ; tác-dụng của hải-lưu ở đại-dương, đại hải..,

Thủy-lộ-học lại chia ra hai ngành : *Thủy-lộ-học ở biển* và *Thủy-lộ học ở đại-lục* (sông cả, sông con, hồ, suối...v.v...)

c) **Khí-hậu-học** hay là **phong-thổ-học** nghiên cứu các hiện-tượng của khí hậu trên địa-đối của quả Địa cầu và nguyên do phát sinh hiện-tượng ấy có ảnh-hưởng trực-tiếp đến sinh hoạt của cả vạn vật.

d) **Sinh vật địa-lý-học** khảo-sát sự phân-phối của các sinh vật trên Địa-cầu như người ta, loài vật, cây cối và nghiên-cứu những hình thức sinh hoạt của ba giới ấy từ kỷ nguyên nầy sang đến thời đại khác.

2.) **Kinh-tế địa-lý-học** nghiên-cứu những *tài-nguyên* về *nông-nghiệp, kỷ-nghệ, thương-mãi* của các quốc-gia trên thế-giới do loài người *sản-suất* và *khai khẩn*.

Kinh-tế địa-lý học gồm có nghành như dưới đây :

a) Nông-nghiệp địa lý khảo-sát những điều-kiện sản-xuất và phân-phối của những vật liệu thuộc về thảo-mộc và động-vật.

b) Khoáng-nghiệp địa-lý khảo-sát về các hầm mỏ trong xứ rất cần thiết, cho nền kỷ-nghệ quốc-gia.

c) Kỷ-nghệ địa-lý khảo-sát những phương-pháp kỷ-nghệ để dùng *vật-liệu khoáng-sản* đặng sáng chế ra *phẩm-vật* và *hàng hoá*.

d) Thương-mãi địa lý chuyên lo về phương tiện vận-tải sự *nhập-cảng* và *xuất-cảng* hàng-hóa.

3.) **Chánh-trị địa-lý-học** nghiên-cứu những chánh-thể của các quốc-gia trên hoàn-cầu biến-thiên theo điều-kiện nhu-yếu của Lịch-sử. Như dưới chế-độ phong-kiến, nền *quân chủ chuyên-chế* nhưng cũng theo thời-gian biến-hóa đến giai-đoạn « *dân-chủ* » hay là « *dân-chủ xã-hội* »...

4.) **Nhân-danh địa-lý-học** nghiên-cứu các nhân-chủng trên Địa-cầu như : *hoàng-chủng* ; *hồng-chủng* ; *bạch-chủng* và *hắc-chủng*.

Người ta lại khảo-sát sự quan-hệ của nhân-loại tương-đối với Địa-cầu, hoàn-cảnh của người đối với địa lý, sự hoạt-động nhân-sinh để chế-ngự lại Tạo-hóa.

Nhân danh địa-lý chia ra 3 ngành : *Địa-dư nhân-khẩu* và *xã-hội*.
— *Địa-dư kinh-tế*.

5.) **Số-học địa-lý-học** mục-đích nghiên cứu về *hình-thể Địa-cầu* sự *vận-hành* và *vị-trí* của *Địa-cầu* đối với *giải ngân-hà*. Số học địa-lý là môn thiên-văn-học vậy.

kỳ sau xem :

II. Quả Địa-cầu trong Vũ-tru.
III. Địa-cầu là một trong chín hành-tinh ở Thái-dương-hệ.
IV. Hình-thể của Địa-cầu.

ĐẦU BÀI THI TRUNG-HỌC ĐỆ NHỨT CẤP

(Khóa II, 18-9-50)

LUẬN QUỐC-VĂN

« Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi ;
mà khó vì lòng người ngại núi e sông »

- NGUYỄN-BÁ-HỌC

Hãy **giảng-nghĩa** câu tư-tưởng nầy, và nói sẽ **ứng-dụng** trong đời mình ra sao ?

(Bài làm dưới đây có công-dụng thêm thành một bài giảng rộng về Việt-văn).

CÁCH LÀM BÀI VÀ MỘT VÀI NHẬN XÉT

Trước khi làm bài, đọc kỹ đầu đề, tất nhiên đã nhận định :

1°) Phần quan-trọng trong sự *giảng nghĩa* câu tư-tưởng trên là bàn rộng về **nghĩa bóng** đúng theo ý tác-giả.

2°) Cách ứng-dụng cụ-thể trong đời mình, tức là trình bày cách ứng-dụng thật sự, chớ không vu vơ.

Nên biết : bài ra không khó, không ẩn-ý khúc-mắc, không dự phần triết-lý cao siêu gì thật đấy, nhưng chớ lầm tưởng rằng bài không khó mà dễ làm được hay, nên để ý và khéo lắm đấy, mới tránh được cách hành-văn nhạt-tẻ, khô-khan với những luận-điệu luân-lý suông, thường thấy trong những bài văn khuyên người, răn đời của những bậc hay **giảng đạo-lý, thuyết nhân nghĩa** suông, không hiểu thấu hoàn-cảnh, không căn-cứ vào tình-trạng xã-hội.

(Viết mấy hàng trên đây, là chỉ đưa ra một vài ý-kiến riêng, để cùng các bạn nhận xét, mong giúp ích mà thôi, chớ người trình-bày bài làm dưới đây, không bao giờ dám ngộ nhận là hay. Lại chân thành yêu-cầu với các bạn, bớt thì giờ, hoặc giúp bài, hoặc giúp ý-kiến, tùy tiện ; để chúng ta cùng góp sức bồi đắp một nền học Việt-ngữ, nối chí các bậc tiền bối vậy).

BÀI LÀM.— Dàn bài : I. *Nhập đề.*

II. *Giảng nghĩa :* { a, *nghĩa đen,* b, *nghĩa bóng.*

III. *Phê-bình* : *a*, ý-nghĩa đúng hay không ?
b, văn-chương có nghệ-thuật thế nào ?

IV. *Ứng-dụng trong đời* : *a*, kể một chuyện thích-hợp ;
b, cách mình ứng-dụng trong đời mình : lấy câu tư-tưởng ấy làm châm ngôn để nhẫn nại gây dựng, quyết chí lập thân.

V. *Kết*.

I. Người xưa đã nói : « **Thế thượng vô nan sự, giai do Tâm bất kiên**, nghĩa là : « **Ở trên đời, không việc gì khó, chi tại lòng không bền đó thôi** ». Gần đây, ông Nguyễn-Bá-Học (1857-1921) lại nói : « **Đường đi khó, không khó vì ngăn sông, cách núi ; mà khó vì lòng người ngại núi, e sông** ».

Xem đó thì biết những tư-tưởng hay, xưa với nay nào có khác gì.

Câu tư-tưởng nầy của Nguyễn-Quân, ta tìm được ở đâu ? Ấy là câu đầu trong bài văn có ngụ ý khuyên người và răn đời, nhan đề là « **Mạo hiểm** », nghĩa là « **Xông pha nguy-hiểm** », để lập nên công-nghiệp, để tranh đấu trở lực mà thành công trên đường đời, con đường có nhiều người cho là gập ghềnh, khúc-khuỷu, khó đi.

II. Vậy, trước hết hãy thử bàn xem câu tư-tưởng ấy về nghĩa đen là gì : « *Đường đi* **khó, không khó** *vì ngăn sông, cách núi, mà* **khó** *vì lòng người ngại núi, e sông* ». Ấy là : « *đường đi, có sông ngăn, có núi cách,* **không khó** *đi là vì lòng người muốn đi một cách hăng hái, nên không ngại núi, chẳng e sông ; và nhìn nhận rằng đường có núi cách, sông ngăn thường là* **khó** *đi,* phần ít người đi được ; chớ còn đường dễ đi mà ai cũng đi được phải là đường phẳng, đường liền.

Nghĩa đen thì thế, nhưng nghĩa bóng mới là chủ ý của tác-giả, vì ông muốn nói rằng :

« **Việc làm khó, không khó vì gian-nguy, trở lực, mà khó vì lòng người e trở lực, sợ gian-nguy** ».

Vậy thử hỏi : « **vượt** *gian-nguy*, **thắng** *trở lực* là nhờ ở lòng người **gắng** *vượt*, **cố** *thắng* hay do lòng người **chưa gắng đã thối, chưa cố đã nản** trước trở lực, gian nguy ? »

Và đặt ra câu hỏi như thế, mà trả lời suông, thì người đời, ai chả nói rằng : « Phải, làm việc khó là chỉ tại người ta e ngại, hay thối chí ngã lòng, không biết nỗ lực, kiên tâm đó thôi, vì đã có những câu : « **nước chảy đá mòn** », « **kiến tha lâu đầy tổ** » và « **có công mài sắt, có ngày nên kim** ».

III. Với những luận điệu ấy, những câu đồng nghĩa ấy đủ làm lý hùng biện rằng câu tư-tưởng của Nguyễn-Quân là đúng lắm. Nhưng tiếc thay ! Chỉ trả lời suông thế thôi chớ ít người chịu luyện tập mình thực-hành việc làm theo đúng câu tư-tưởng ấy.

Vậy đem câu tư-tưởng ấy ra phê-bình thì phải nhìn nhận rằng về *toàn diện*, câu tư-tưởng ấy « *toàn bích* » : Ý nghĩa đã rất đúng, lời văn lại rất hay-Ý-nghĩa thì ở trên đã nhận định rồi, dưới đây xin bình về lời văn ; và trước khi bình, xin nhắc lại câu tư-tưởng ấy :

« *Đường đi* **khó, không khó** *vì* **ngăn sông, cách núi** *mà* **khó** *vì lòng người* **ngại núi, e sông.**»

Đọc lên câu tư-tưởng ấy, ta nhận thấy lời văn thế nào ? — Thưa rằng : câu văn này gồm có mười chín tiếng, Nguyễn-Quân dường như không điều luyện và cũng không ngờ rằng đã dùng mấy phần của **mỹ từ pháp** và cũng tài tình thay là trong cả câu dài ấy không có một tiếng đôi, tiếng kép nào; về phần cả mười chín tiếng đơn, làm cho câu văn mạnh hơn, danh thép hơn, thì đọc qua, ai cũng đã nhận rõ, còn dưới đây xin trình bày mấy phần của **mỹ-từ pháp** là phép làm cho câu văn được thêm vẻ hoa-mỹ và làm nổi những tiếng muốn nhấn mạnh trong câu văn :

a) **cách điệp ngữ : khó** không **khó** . . .mà **khó**. . .
ngăn **sông**, e **sông**, cách **núi**, ngại **núi**.

b) **cách tiểu đối ; ngăn sông** đối với **cách núi**
ngại núi đối với **e sông**.

c) **cách đảo ngữ ; ngăn sông** tức là **sông ngăn**
cách núi tức là **núi cách**.

Những mệnh đề trên thì danh từ **sông** ở **trên**, danh-từ *núi* **ở dưới**, đến những mệnh đề dưới thì lại đảo lộn ngược danh từ *sông* **xuống dưới**, danh từ *núi* lên **trên**.

ngăn **sông**, cách **núi**
ngại **núi**, e **sông**.

Một câu văn mười chín tiếng mà phân tách được bảy mệnh-đề, văn xuôi mà *lời hay như bài thơ hay, vế chỉnh như câu đối chỉnh*, cách hành văn tự nhiên chớ không gò bó, đẽo gọt; ý thì được diễn tả danh thép rõ ràng, nay nhìn nhận làm một câu tư tưởng đưa ra làm đầu đề luận văn, thật là đích đáng, thật là xứng đáng lắm thay !

Cho nên, khi mới đọc đầu bài, tự nhiên tôi đã nở một nụ cười, vì tình cờ chưa ! đầu bài nầy có một cuộc kỳ ngộ kỳ phùng với việc làm gây dựng tương lai đời tôi mà tôi đã theo, đang theo và nhứt quyết còn cố theo mãi mãi, việc làm ấy tôi sẽ xin kể ra sau đoạn kế đây.

Đã lâu rồi, từ ngày mới biết nhận xét về cuộc sống rằng trong đó đầy gian-nan, lắm trở lực ; nhận xét được ngay ở cuộc sống từ trong gia-đình tôi, ra bạn bè, những người chung quanh tôi, đến cuộc sống chung phần đông của đồng-bào ; và cả đến trong những môn học khúc-mắc, tất cả toàn-thể đều đúng một tình-trạng chung là : *khó-khăn*, **khó** đạt, **khó** hiểu, **khó** biết, **khó** nhớ, **khó** làm, không phải vì nhứt định như vậy hết, mà chính là một phần lớn vì *lòng không* **quyết**, *chí không* **cố**, *sức không* **gắng**, dạ không **bền** đó thôi.

IV. Thì đây nhé, lúc này ai cũng nói rằng thời buổi khó-khăn, thường thì sống ngày lại qua ngày cũng vất-vả, khó nhọc lắm, thế mà giữa lúc khó-khăn một thanh-niên cố-công, bền chí đã lập nghiệp ! không nhờ ở sự may mắn tình-cờ nào cả, mà chính là chỉ nhờ ở chỗ dày công, tu chí làm việc ; hàng ngày cố-gắng, tự khắc nghiệt, buộc mình vào công, tu chí làm việc, theo đúng chương trình của đời anh đã do chính anh nghiên-cứu kỹ, phác họa ra với căn cứ khoa-học, thiết-thực ; ban đầu anh thực-hiện phần căn-bản tối thiểu, rồi cứ lần lần như một vết dầu loang, loang, anh tiếp-tục hoạt-động cần-lao cả tâm lẫn lực một cách đều đều không ngừng ; thế là tay trắng xuất thân, với một mớ học-vấn phổ thông, một nắm hiểu biết thường thức, một bước nhận-định sáng-suốt, anh đã thành công : nay anh đứng chủ trương một nhà sách kiêm xuất-bản và một tiệm may ở giữa đô thành. Ai không tin, xin tìm biết chủ-nhân nhà Sách P. **Văn-Tươi** ở *Sabourain* hay nhà may **Jan** ở ngõ **Eden**, thì rõ.

Đó là một tấm gương sống, hiện nay, cho nhiều thanh-niên, kể chi hằng-hà gương sáng của các vĩ-nhân, anh-hùng làm nên công nghiệp phi thường từ xưa, trong lịch-sử còn đó đã ghi chép rõ ràng ; và cố nhiên, tất cũng đều nhờ có tấm lòng *không* **ngại núi, e sông ; gian nguy, chí không sờn ; trở lực, lòng không nản**.

Nhận biết như vậy rồi, sau khi suy nghĩ, tôi đã tìm được một cách ứng-dụng câu tư-tưởng của Nguyễn-Quân vào đời tôi, cách ứng-dụng cụ-thể nhờ tin vào phương-pháp *tự-kỷ ám-thị* như sau đây : (dùng ý-chí tự mình điều-khiển mình bằng cách đem tranh ảnh, câu văn gương mẫu, bày ra trước mắt để nhắc nhở hằng ngày điều mình muốn làm, muốn đạt).

Tôi đã viết vào những mảnh giấy rồi dán lên tường trong buồng ngủ và trước bàn học những câu tư-tưởng.

Đường đi khó, không khó vì ngăn sông, cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi, e sông.

NGUYỄN-BÁ-HỌC

Thế thượng vô nan sự...

Không sợ nguy nan, cố thắng trở lực, thì dời non, lấp biển cũng là việc dễ làm.

VIỆT THỤ

V. Và từ đấy, những câu này đã chiếm địa-vị, đã in sâu vào trong trí tôi, không bao giờ tôi coi là những câu tư-tưởng suông, mà tôi trọng là những câu châm ngôn giúp vào việc làm thực hiện công cuộc dựng tương lai, xây hạnh-phúc vậy.

VŨ-HỮU-TIỀM

Kỳ thi tú tài phần thứ nhất (11-9-1950)

Ban Khoa-Học A và B

ANH VĂN DỊCH RA QUỐC-VĂN

The Christmas tree

The unwrapped the bit of newspaper and disclosed a silver ornament for a Christmas tree : a frail thing like a silver plum, with deep rosy indentations on each side.

« Oh ! » she exclaimed « I an't it lovely ! »

Her fingers cautiously held the long bubble of silver and glowing rose. The lesser child was fumbling with one of the little packets...

At length she got out her treasure – a little silvery bell, with a grass drop hanging inside. The bell was made of frail, glassy substance, light as air.

«Oh, the bell !» rang out Millicent's clanging voice. « The bell ! It's my bell—my bell ! It's mine ! Don't break it, Marjory. Don't break it,will you ?...

« You undo another », said the mother, politic...

D.H. LAWRENCE

Cây Dạ-Thánh

Cô bé tháo banh nhật báo và bày ra một vật màu bạc dùng để trang hoàng cây Dạ–Thánh : một vật mảnh mai hình như một quả mơ bạc, có răng cưa sâu, hồng hồng, nơi mỗi phía.

« Ô » cô bé hô lên « Đây có tuyệt không ! »

Ngón tay cô cẩn thận cầm lấy cái bông dài màu bạc và đỏ hồng. Cô bé nhỏ hơn thì đang lục-lạo tò-mò với một trong những gói nhỏ,

Rốt cuộc, cô kéo ra được của quý của cô-một cái chuông nhỏ mạ bạc, có một hạt chai treo lủng-lẳng ở trong. Chuông ấy làm bằng một chất thủy tinh mỏng mảnh và nhẹ như không khí.

« Ồ, cái chuông ! » giọng rộn ràng của Millicent vang reo lên « Cái chuông ! Chuông của tôi — chuông tôi ! Chuông nầy của mình tôi. Đừng làm bể nó, Marjory. Đừng làm bể nó, chịu không ?...

— « Con mở gói khác ra », bà mẹ lại bảo, khôn khéo...

P.V. THUẬT

Thi bằng tú tài toàn phần

(Khoá ngày 4-9-50 Saigon)

BAN TRIẾT HỌC KHOA HỌC

Luận Quốc Văn

II.— Trong bài thơ *«Cảm hứng»* cụ Nguyễn-Khuyến có những câu :

«Bạn già lớp trước nay còn mấy
Truyện cũ mười phần chín chẳng như.
Cũng muốn sống thêm trăm tuổi nữa.
Thử xem thấy mãi thế này ư ?.»

Giải nghĩa những câu đó và tìm hiểu tâm sự của tác giả đối với thời thế lúc bấy giờ.

Bài làm

Cụ Nguyễn-Khuyến là một nhà nho, có thể nói là một chí-sĩ lỗi thời ? Công danh cụ Yên-Đổ không màng. Có tài mà không chịu ra làm quan, cụ lui về làng Yên đổ là nơi chôn rau cắt rốn (rún) của cụ. Cùng đánh bạn với nhiều danh-sĩ bốn phương, trong số ấy có cụ Dương-Khuê là một người bạn tri-âm với Cụ. Hai nho Sĩ thường cùng nhau ngâm vịnh, khi chén rượu, lúc cuộc cờ...

Cái thời thế mà cụ Nguyễn Khuyến sống lúc ấy thật là có nhiều điều bất mãn. Cụ làm văn thơ cho khuây khoả mối tình Non-Nước.

Chính cái bệnh đau mắt chỉ là một cớ thứ hai buộc cụ lui về vui thú điền viên.

« Cả tập Quế Sơn thi tập » (hiệu cụ là Quế Sơn) cụ làm trong lúc làm người tri sĩ.

Bài thơ Cảm Hứng của Cụ có thể nói là một bài thơ hay trong những bài thơ hay của cụ.

Bốn câu chót bài Cảm-hứng này là bốn câu có giá trị.

Ngồi trên chiếc thuyền Câu bé tẻo teo mà câu cá, trên mặt một cái ao vào mùa *thu lạnh lẽo nước trong veo*, trong khi trên từng *mây trời xanh ngắt*. Tóm lại cả một mùa thu đã chiếm một địa vị quan trọng trong lòng cụ. Nào là *thu ẩm*, *thu điếu*, *Thu Vịnh* —v...v....

Sau khi hớp một chén mống rượu con, cụ mới cảm hứng mà viết ...

Bạn già lớp trước nay còn mấy ?

Nào đâu là những bạn già ngày xưa, cùng cụ ngâm-vịnh, thưởng thức những

kỳ-thú trong Văn Chương ?... Thế cho nên bao nhiêu « *chuyện cũ mười phần* » ngày xưa, có đến *«chín phần chẳng như...»* điều mong ước trong lòng son sắt của Cụ.

Lòng son sắt đây là cái tình cùng Giang Sơn, cùng non nước vậy.

Cụ cũng nhận thấy mình già rồi, nào có sống trên cõi đời này bao nhiêu nữa đâu ?

Nhưng thi-sĩ vốn có tánh ngông (cuồng),nên Cụ cũng ước rằng giá được *«sống thêm trăm tuổi nữa...»* thì hẳn là sướng lắm vì được từng trải, được chứng kiến nhiều chuyện đời.

Cụ ước sống để mà xem cuộc đời có *«mãi mãi thế này... ư ?»* Hay là cuộc dâu-biển sẽ đổi khác đi, Vườn dâu hóa thành bãi biển !...

Cái tâm của Cụ Nguyễn Khuyến thật là ngạo nghễ nhưng có chứa đựng cái mỉa mai chua xót bên trọng.

Đây là Cụ chỉ ước mơ mà thôi chớ chẳng có bao giờ Cụ được sống thêm trăm năm nữa đâu !... Và trong một bài khác Cụ viết :

Cũng muốn sống thêm trăm tuổi nữa,
Sợ ông Bành-Tổ tống đồng môn.

Ông Bành Tổ ngày xưa là một người sống rất lâu. Cho nên Cụ Nguyễn-Khuyến dù muốn sống lâu nhưng lại sợ phải đóng «đồng môn» cho ông Bành Tổ.

Phải nhận là cái hoàn cảnh của Cụ Nguyễn-Khuyến lúc ấy là một hoàn cảnh lúc giao thời. Y như Cụ Tú-Xương vậy.

Nhìn nước non tang thương mà trong lòng oán hận.

Dù sao thì Cụ Nguyễn-Khuyến cũng vẫn là nhà Nho với tất cả chí-khí không bao giờ bằng lòng về hoàn cảnh hiện tại cả:

Chẳng bao giờ Cụ sống được một trăm tuổi nữa, đó chỉ là một tư-tưởng vì thời thế mà thành điên cuồng (theo nghĩa tương đối). Cụ chỉ sống có 74 tuổi mà thôi (1835—1909)

TRÚC-KHANH

BREVET D'ETUDES DU 1er CYCLE

(*Session du 14-9-50 — Saigon*)

Orthographe— *Science et bonheur.*

A vrai dire, civilisation ne signifie pas tout à fait bonheur en effet, il se trouve qu'au lieu de profiter de l'accroissement de leurs connaissances, souvent les hommes ont mal employé les ressources que leur a apportées un labeur scientifique prolongé. Si les avions devaient servir uniquement à bombarder les villes, l'aviation serait une funeste découverte. Si les progrès de la chimie consistaient à produire des gaz nocifs... la chimie serait une science maudite. Donc

la civilisation, dans le sens légitime de ce mot, c'est-à-dire, une plus grande somme de bonheur à nos vies humaines, ne consiste pas uniquement dans la connaissance des choses, et même en leur emploi utilitaire. Il faut quelque chose de plus. C'est, si l'on veut, encore qu'on ait abusé de ce mot, une sorte d'ordre moral, la notion de solidarité et de fraternité humaines, le respect du droit...Autrement dit, la science est au bonheur humain une condition nécessaire, mais non suffisante.

Charles RICHET.

Questions : 1) Justifiez les expressions : *funeste découverte, science maudite.*

2) Analysez grammaticalement les mots : *que* et *leur* contenu dans la phrase : *les ressources que leur a apportées un labeur scientifique prolongé.*

3) Nature et fonction des propositions contenues dans la phrase : c'est, si l'on veut... le respect du droit...

Réponses :

1) **Funeste découverte :** découverte mauvaise, qui peut amener la mort.

Il est bien clair que si les hommes ne se servaient de l'aviation, qui est susceptible de rendre d'immenses services comme moyen de communication, que pour semer la mort et pour faire la guerre, cette découverte deviendrait abominable,

Science maudite : Science digne de malédiction, d'insulte.

La chimie est un merveilleux instrument de synthèse. Mais si on ne lui assignait pour but que la recherche des gaz asphyxiants, des toxiques de plus en plus meurtriers pour faire la guerre, elle serait digne de toutes les malédictions.

2) QUE } pronom relatif ayant pour antécédent *ressources*, fém. plur. complément direct d'objet de *a apportées*

LEUR } pronom personnel, mis pour hommes masc. plur. complément indirect de *a apportées*.

Nombre	Propositions	Nature	Fonction
1	C'est une sorte d ordre moral, la notion de solidarité et de fraternité humaines, le respect du droit.	prop. principale	
2	Si d'on veut	— subord. conj. introduite par la conj. de subordination *SI*	complém. de supposition de la principale
3	encore qu'on ait abusé de ce mot	sub. conj. introduite par la loc. conjonctive *encore que*	compl. de la principale

Composition française. — *Sujet : Parmi les nombreuses découvertes de la technique moderne, choisissez une invention qui vous semble particulièrement merveilleuse ou utile. Donnez les raisons de votre choix.*

Remarque

Sujet facile. — Le choix d'une invention dépend de la préférence de chacun. Le tout est de savoir justifier son choix. Peser, à ce propos, le sens des deux adjectifs du canevas : « *merveilleuse* » et « *utile* ». La présence de ces qualificatifs écarte d'office les inventions meurtrières, comme les V_1, V_2 ou la bombe atomique !

Plan

Début. — Enumération des principales inventions modernes. — Parmi elles, l'Electricité semble l invention la plus utile, car

1.) *elle fournit un éclairage.*
- *a)* économique
- *b)* pratique
- *c)* élégant

2.) *elle est une source d'énergie.*

elle actionne :
- *a)* les appareils de Radio
- *b)* les Tramways
- *c)* les décortiqueries

Début.— A notre époque, des inventions sans nombre révolutionnent, chaque jour la vie sociale : les *avions,* qui filent de plus en plus vite; les *paquebots* géants, qui sillonnent les océans; les *chemins de fer,* qui desservent les plus humbles bourgades; la *Radio,* qui trans porte parole et musique au loin ; le *cinéma,* qui évoque sur l'écran les scènes de la vie...Nous n'avons garde d'oublier *l'automobile, l'imprimerie, l électricité* et la *bombe atomique.*

Parmi toutes ces inventions, celle qui, à mon sens, me semble la plus merveilleuse et aussi la plus utile est l'*électricité,* ce fluide mystérieux qui peut voyager partout à l'aide de deux fils métalliques.

Premier rôle de l'électricité : l'Eclairage.

Avec l'électricité, l'éclairage trouve une solution élégante et adéquate. En effet, l'électricité fournit :

1.— Un éclairage économique — A bien considérer, l'éclairage électrique offre plus d'avantages que tout autre éclairage. Pas besoin d'acheter du pétrole ou de l'essence, ni de mèche ou de manchon... Aucun de ces inconvénients avec l'usage du courant électrique : on manœuvre un commutateur et la lumière se fait.

2.— un éclairage pratique — On peut canaliser l'électricité partout. Lors des fêtes, on peut aisément multiplier les ampoules électriques. D'autre part, les dangers d'incendie — sans être supprimés — diminuent considérablement. En effet, on n'a qu'à songer au risque d'incendie dans le maniement des allumettes à côté du pétrole ou de l'essence dans les lampes à manchon.

L électricité rend possibble l'éclairage dans les bateaux, les avions, les hôtels avec le minimum de soin. Quoi de plus commode que d'installer une lampe électrique avec abat-jour dans son lit même et de presser sur une poire pour allumer la lumière ou pour l éteindre à son gré.

3.— Un éclairage élégant — Les lampes à pétrole distribuent une lumière souvent fumeuse. Seul l'éclairage électrique fournit une lumière blanche, éclairante. Le luminosité peut facilement varier avec la puissance de l'ampoule employée. D'ailleurs, l'éclairage électrique se prête à mille agencements où l'élégance et la fantaisie se donnent cours. Que l on songe aux illuminations pendant les grandes

fêtes, aux enseignes lumineuses des magasins de luxe ou aux féeries nocturnes des jets d'eau multicolores des Expositions internationales, et l'on comprend que l Electricité est une invention éminemment élégante.

Deuxième rôle de l'Electricité: Source d'énergie.

On peut considérer l'électricité comme le principe de la force motrice en général. En effet, elle met en marche nombre d'autres inventions non moins intéressantes.

1.— La Radio.— De nos jours, la Radio est entrée dans le domaine pratique. Dans le plus humble ménage, trône à l'endroit le plus convenable un appareil de radio, qui amplifie pour la plus grande joie de tous concerts, théâtre et nouvelles. Mais cette merveilleuse invention restera inutilisable sans l'électricité, qui captera les ondes.

2.— Tramways— Les Tramways présentent sur les les trains ordinaires l'avantage de se passer de *locomotive*, lourde et encombrante; Plus de charbon, plus d'eau ! Eh bien ! les tramways sont encore tributaires de l'électricité.

3.—Décortiqueries – Parmi les autres machines qui fonctionnent avec le secours de l'électricité, il faut signaler les *décortiqueries*, dont l'importance dans notre pays n'est plus à faire.

Quiconque a visité une décortiquerie a dû se rendre compte du merveilleux travail qu'elle accomplit : le paddy entre par un bout et sort de l'autre sous forme de riz bien blanc. Ici encore, l'électricité est absolument nécessaire pour manœuvrer tant de mécanismes.

Conc usion.— L'électricité semble donc l'invention la plus merveilleuse et la plus utile. Peut-être elle ne fait pas couler autant d'encre que d'autre, comme l'aviation ou la bombe atomique par exemple. Modestement, elle contribue à élever notre standard de vie.

Nguyễn-văn-Hạnh

Trong số tới sẽ đăng bài Mathématiques.

DICTÉE VIETNAMIENNE *Xuân và Tết.*

Cứ mỗi lần hoa đào nở, mỗi lần Tết đến, không hẹn mà ai nấy cũng nghỉ tay để đợi một cuộc đời mới, sáng-sủa và đầy hạnh-phúc.

Từ thành thị đến thôn quê, ai ai cũng lo Tết, cũng tưng bừng sắm sửa, đón, mừng năm mới. Trong lòng ai cũng sáng lên, thứ sáng êm dịu của hi-vọng một đời tươi đẹp hơn. Tiếng pháo giao-thừa làm rõ-rệt lòng hi-vọng ấy. Những sự cực nhọc vất-vả vừa qua, những nỗi sầu tư, điều thất-vọng như tan theo khói pháo, đi về quá khứ, nhường chỗ cho những tánh tình mới mẻ ấm-áp. Xuân theo Tết về là đem lại cho cây cỏ, trời đất một sự thay đổi tâm-hồn và hình-thức để hòa-hợp với sự thay đổi bàn-bạc chung quanh.

Hoàng-Đạo

1) Giải nghĩa những chữ : *thôn-quê, bất-diệt, giao-thừa, quá-khứ.*

2) Cho biết tự-loại và công-dụng của những chữ : *sáng-sủa, thành-thị, tưng-bừng, nhường chỗ.* — Nature et fonction de ces mots.)

3) Đổi những câu xác-định (phrases affirmatives) sau nầy thành những câu phù-định (négatives) ngược nghĩa với những câu đã cho.

a) ai ai cũng lo Tết. b) Tiếng pháo giao-thừa rõ-rệt lòng hy-vọng ấy. — c) Xuân đem lại cho cây cỏ một sự thay đổi đáng yêu.

4) Hãy tả những cuộc : sắm sửa để đón xuân ở nhà trong dịp Tết vừa qua.

BÀI GIẢI NHỮNG CÂU HỎI ÁM-TẢ

I.— GIẢI NGHĨA

Thôn quê : làng xóm nhà quê.

Bất-diệt : chẳng mất, chẳng chết, chẳng dứt, (chẳng tiêu diệt).

Giao-thừa : giao-tiếp, giao cũ, tiếp mới ; đây là lúc mười hai giờ đêm cuối cùng tháng chạp (12) âm-lịch, tức là giờ chót của năm cũ, bắt đầu sang năm mới. Theo lệ thường thì đúng 12 giờ đêm ấy, người ta hay đốt pháo đón giao thừa. Có nơi còn rắc vôi bột chung quanh sân thành hình cung tên, có nghĩa là đuổi ma quỉ, hay rắc thành *ba hình vuông, bảy hình tròn*, có nghĩa là sang đầu năm mới thì mọi sự đều *vuông tròn*, như ý *ba vuông, bảy tròn...* Các nơi đình, chùa, đền, miếu thì có cúng tế, chuông trống tưng bừng.

Quá-khứ : qua đi rồi ; đồng nghĩa với **dĩ-vãng**, phản nghĩa với **tương-lai.**

II.-- LOẠI TỰ VÀ CÔNG DỤNC

Sáng-sủa : tĩnh-từ kép chỉ cái thể của danh-từ *cuộc đời*.

Thành-thị : danh-từ-kép dự phần làm túc từ chỉ nơi chốn cho những động từ : lo, sắm-sửa, đón, mừng *dự phần túc từ* vì những động từ trên còn úc từ chỉ nơi chốn nữa là danh-từ : thôn-quê.

Tưng-bừng : tĩnh từ biến làm trạng-từ chỉ thể cách, thêm nghĩa cho động-từ *sắm-sửa*.

Nhường chỗ : thành-ngữ động-từ chỉ cái dụng của 2 chủ từ : sự cực nhọc, vất vả, nỗi sầu-tư, điều thất-vọng.

Đổi XÁC-ĐỊNH ra PHỦ-ĐỊNH

Xác định	Phủ-định
a. Ai ai cũng lo Tết	a. Người ta không lo Tết. — Không ai là lo Tết.
b. Tiếng pháo giao thừa **làm** rõ-rệt **lòng** hy-vọng **ấy**.	b. Tiếng pháo giao thừa **không thể** làm rõ rệt **chút lòng hy vọng nào**. — **không thể làm** rõ rệt lòng hy vọng **chút nào**.
c. Xuân đem lại cho cây cỏ một sự thay đổi đáng yêu.	c. Dường như Xuân cũng không đem lại cho cây cỏ một sự thay đổi đáng yêu nào. (!)

IV.— TẢ NHỨNG CUỘC SẮM SỬA ĐÓN XUÂN TRONG DỊP TẾT VỪA QUA

Trong dịp Tết vừa qua, không mấy nhà sắm sửa để đón Xuân như những năm thanh bình ngày trước. Sự nô nức, sự trịnh trọng đón Xuân đã không thấy nữa. Người ta chỉ dọn dẹp nhà cửa sơ-sơ, chưng mấy cành hay một vài cụm bông ; bầy một ít trái cây, ít chai rượu lấy lệ, mua một ít tờ báo vài tập văn Xuân. Có phải vì không mấy ai đành vui Xuân một cách tưng bừng, hớn hở, trong lúc nước nhà đang còn mắc nạn binh lửa đó chăng ?

VŨ-HỮU-TIỀM

Có một bộ Cần Học tức là có Giáo-sư chân-chánh trong nhà.

Thème — *Nghỉ hè.*

Trời nóng nực khó chịu. Học nhiều, nghĩ lắm, sợ đuối sức và mệt trí, nên vào khoảng mấy tháng hè, từ trung tuần tháng sáu đến đầu tháng chín tây, thì các trường đâu đấy đóng cửa.

Tuy vậy người học trò tốt, không lấy lẽ rằng nghỉ, mà xao lãng hẳn sự học. Mỗi ngày cũng phải ôn lại các bài trong một vài giờ, thì mới không quên được những điều đã học. Có thế thì năm sau vào trường mới hòng có đủ sức mà tranh đua với chúng bạn.

Câu-hỏi : *1) Mùa mưa bắt đầu vào từ độ nào ?*

2) Khi nghỉ hè, các trò phải ôn tập làm sao ?

TRADUCTION.— *Les vacances d'été.*

Il fait une chaleur insupportable. On a peur que l'excès dansl'étude et dans la réflexion n'entraîne la fatigue physique et intellectuelle.C'est pourquoi, pendant l'été, depuis le milieu de juin jusqu'à septembre, toutes les écoles chôment.

Cependant les bons élèves ne doivent pas en prendre prétexte pour interrompre tout à fait leurs études. Au contraire, ils doivent tous les jours repasser leurs leçons pendant quelques heures,pour ne pas les oublier. De cette manière, à la prochaine rentrée, ils auront assez de force pour pouvoir se livrer à l'émulation avec leurs camarades.

DẠY VIỆT-NGỮ từ tiểu-học, sơ-học đến trung-học :

a) lớp tại nhà, tại trường,

b) lớp học theo lối gởi thư (gởi các bài: **tác văn luận văn, câu hỏi ám-tả, tập đọc, ám đọc, từ ngữ, bài tập văn phạm, từ ngữ, văn vần** (thơ, đủ loại).

— *Muốn học một món hay đủ các món tùy ý.*

— *Mỗi tuần lễ* **sáu** *bài.* (Thêm một bài phiên dịch **pháp-văn** sang **việt-văn**.)

Học-phí châm chước tùy theo hoàn-cảnh các bạn.

VŨ-HỮU-TIỀM, *tại Tòa--soạn CẦN HỌC.*—

BACCALAURÉAT 1ère PARTIE. SÉRIE MODERNE

Saigon. 2e Session 1950

MATHÉMATIQUES

Problème.

Soit un cercle de rayon R, de centre 0 est un triangle équilatéral ABC inscrit dans ce cercle. On fait tourner la figure autour du diamètre A O passant par A. Le cercle engendre une sphère de centre O et le triangle, un cône de révolution.

On coupe les 2 solides par un plan P parallèle à la base du cône situé entre cette base et le sommet A à la distance x de la base.

1°) Calculer en fonction de R et de x les surfaces S_1 et S_2 des cercles sections de la sphère et du cône par le plan P.

2°) Former la différence $y = S_1 - S_2$ et étudier ses variations pour les différentes positions du plan P. Maximum de cette différence.

Représentation graphique.

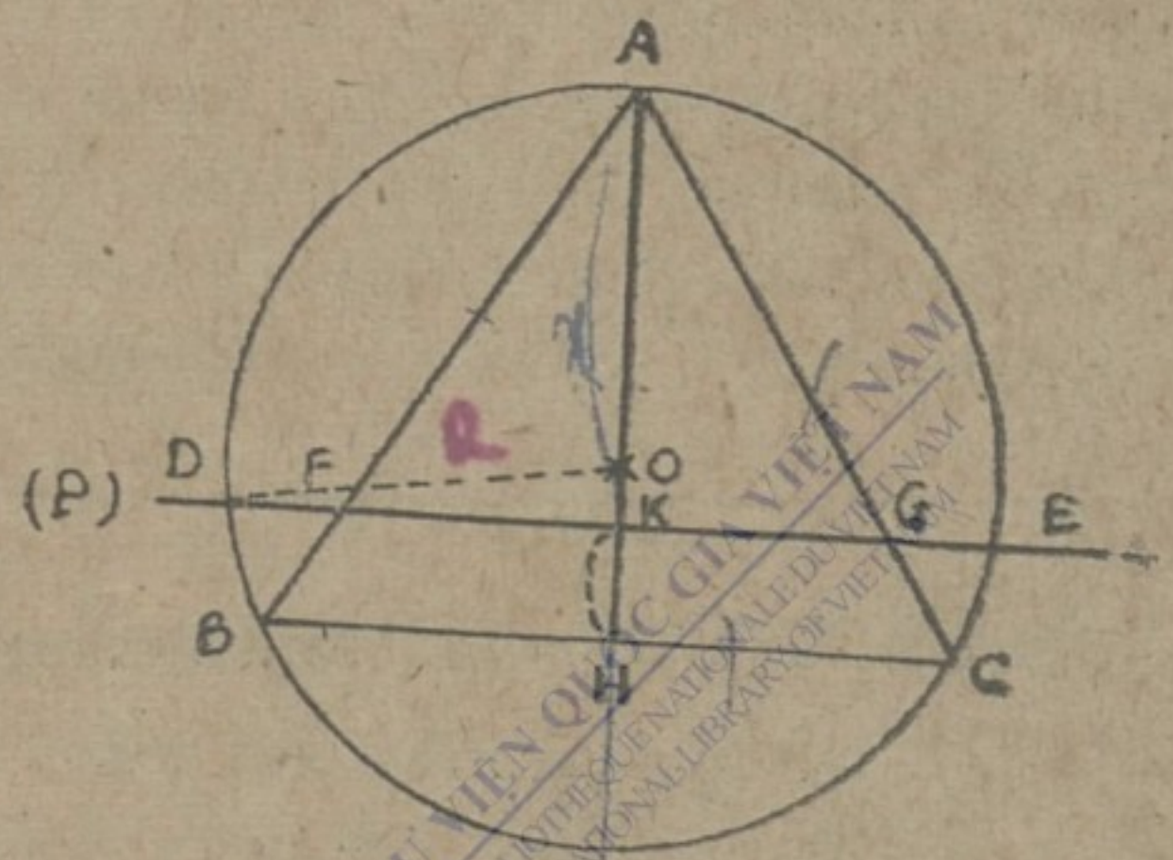
3°) Peut-on déterminer x pour que la différence $S_1 - S_2$ soit égale à la surface d'un cercle de rayon m.

Discuter par rapport à m_2

Pouvait-on trouver les résultats de la discussion au moyen des graphiques?

Solution

Rappelons les formules donnant les valeurs du côté et de l'apothème d'un triangle équilatéral en fonction du rayon R du cercle circonscrit :



$$c = R\sqrt{3} \qquad a = \frac{R}{2}$$

1./ Calcul S_1 et S_2

$$S_1 = \pi \overline{DK}^2$$ (Voir figure)

Dans le triangle rectangle OKD on a:

$$\overline{DK}^2 = \overline{OD}^2 - \overline{OK}^2 = R^2 - \left(\frac{R}{2} - x\right)^2$$

$$= R^2 - \frac{R2}{4} + Rx - x^2 = \frac{3R^2}{4} + Rx - x^2$$

$$S_1 = \frac{\pi}{4}(3R^2 + 4Rx - 4x^2)$$

$$S_2 = \pi \overline{FK}^2$$

Les triangles A F K, A B H semblables donnent :

$$\frac{FK}{BH} = \frac{AK}{AH}$$

Or : $AK = \frac{3R}{2} - x$; $AH = \frac{3R}{2}$; $BH = \frac{RV3}{2}$

Par suite : $FK = \frac{R\sqrt{3}}{2} \cdot \frac{\frac{3R}{2} - x}{\frac{3R}{2}}$

$$FK = \frac{R\sqrt{3}}{2} \cdot \frac{3R - 2x}{3R}$$

$$FK = \frac{\sqrt{3}}{2} \cdot \frac{3R - 2x}{3}$$

$$S_2 = \pi \overline{FK}^2 = \frac{\pi}{12}(3R - 2x)^2.$$

$$S_2 = \frac{\pi}{12}(9R^2 - 12Rx + 4x^2)$$

2°) Calcul de y : $S_1 - S_2$.

$$y = \frac{\pi}{12}(9R^2 + 12Rx - 12x^2 - 9R^2 + 12Rx - 4x^2)$$

$$y = \frac{\pi}{12}(24Rx - 16x^2)$$

$$y = \frac{2\pi x}{3}(3R - 2x)$$

Variations de y.

x varie de 0 à $\frac{3R}{2}$. y est définie et continue dans cet intervalle.

Le coefficient de x^2 étant négatif, y admet un maximum pour $x = \frac{3R}{4}$.

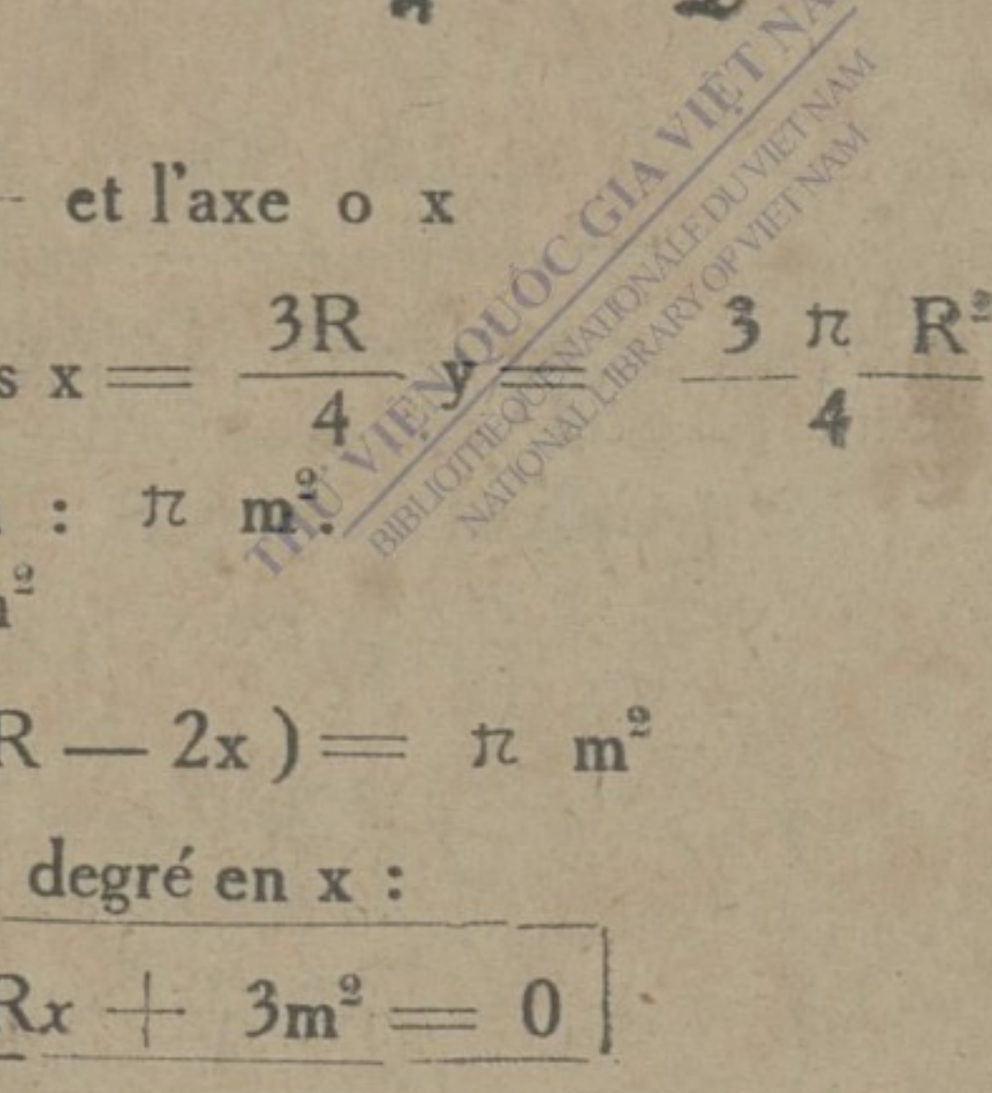
$$f\left(\frac{3R}{4}\right) = \frac{2\pi}{3}\frac{3R}{4}\left(3R - \frac{3R}{2}\right) = \frac{3\pi R^2}{4}.$$

Pour $x = 0$ $y = 0$

$x = \frac{3R}{2}$ $y = 0$

Résumons ces variations dans le tableau suivant :

x	o	$\frac{3R}{4}$	$\frac{3R}{2}$
y	o ↗	$3\pi R^2$	↘ 0
		$\frac{4}{4}$	
		Max.	



Représentation graphique

La courbe représentative est une branche de parabole comprise en o y et sa parallèle d'équation $x = \frac{3R}{2}$ et l'axe o x

Son sommet a pour coordonnées $x = \frac{3R}{4}$ $y = \frac{3\pi R^2}{4}$.

3°) Aire du cercle de rayon m : $\pi\ m^2$.

Écrivons l'égalité $y = \pi\ m^2$

$$\frac{2\pi x}{3}(3R - 2x) = \pi\ m^2$$

On obtient l'équation du 2e degré en x :

$$\boxed{f(x) = 4x^2 - 6Rx + 3m^2 = 0}$$

Existence des racines.

$$\Lambda' = 9R^2 - 12m^2 \geqslant 0$$
$$3R^2 - 4m^2 \geqslant 0$$
$$m^2 \leq \frac{3}{4} R^2.$$

$m^2 > \frac{3}{4} R^2$ **Pas de racines réelles.**

$m^2 < \frac{3}{4} R^2$ **.2 racines réelles et distinctes** $x = \frac{3R \pm \sqrt{9R^2 - 12m^2}}{4}$

$m^2 = \frac{3}{4} = R^2$ 1 racine double $x' = x'' = \frac{3R}{4}$.

Convenance des racines On doit avoir :

$$0 \leq x' < x'' < \frac{3R}{2}$$

Or le pro racine $\frac{3m^2}{4}$ et la somme des racines $\frac{3R}{2}$ sont positifs. Dans le cas où elles existent, les racines sont toutes deux positives. La demi-somme des racines $\frac{3R}{4}$ est comprise en o et $\frac{3R.}{2}$

Pour que le problème admette deux solutions il reste encore la condition $f(\frac{3R}{2}) > o$ (puisque $a = 4$ est positif). Or :

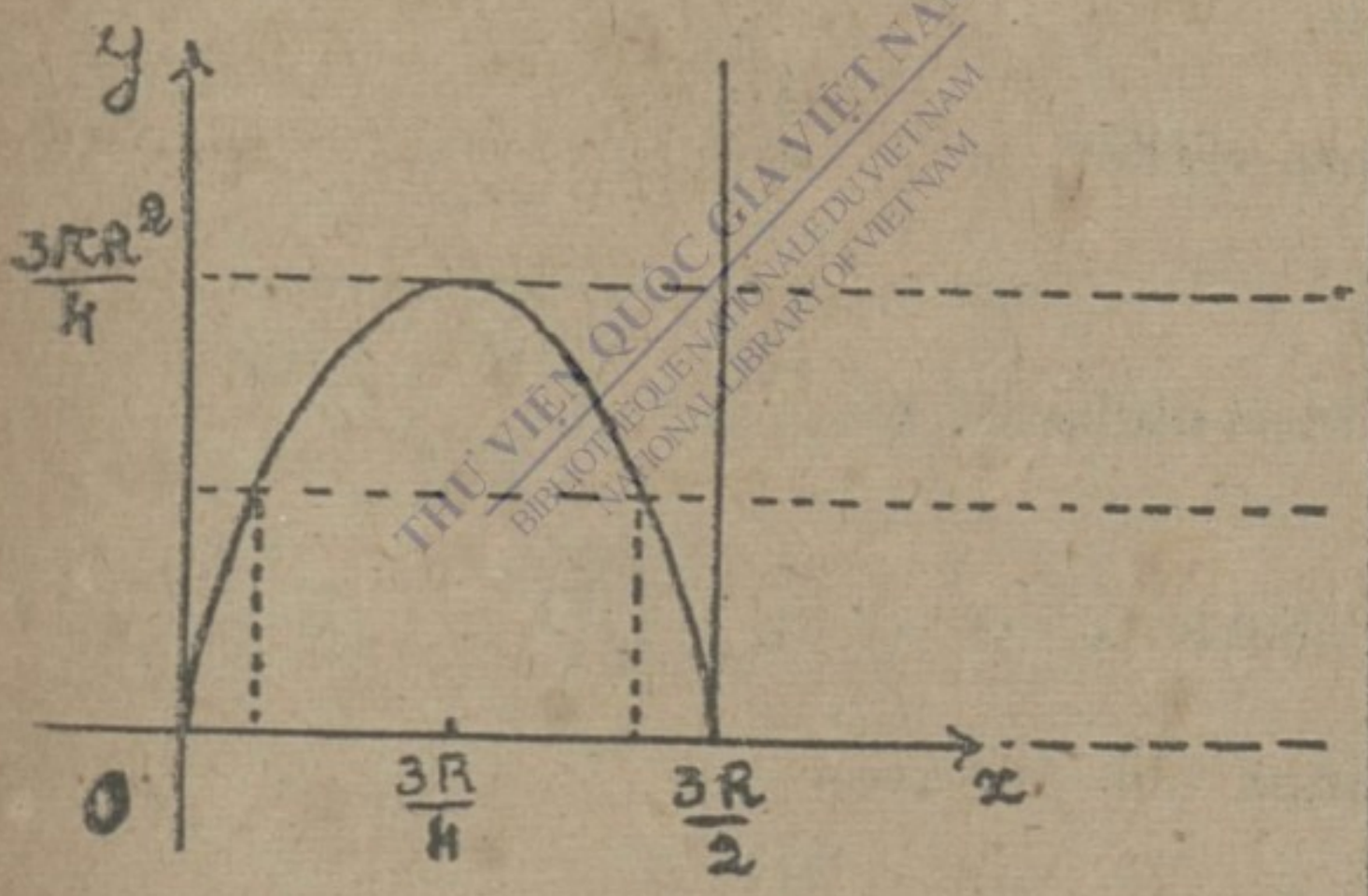
$$f(\frac{3R}{2}) = 4 \frac{9R^2}{4} - 6R \frac{3R}{2} + 3m^2 = 3m^2 \geqslant o.$$

Cas particulier : $m^2 = o \quad x' = \frac{3R}{2} \quad x'' = S - \frac{3R}{2} = o$

En résumé le problème admet 2 solutions si :

$$\boxed{m^2 < \frac{3}{4} R^2}$$

Pour résoudre graphiquement le problème, coupons la parobole précédente par la droite $y = Nm^2$. Nous obtenons les résultats suivants :



m^2	Classement	N^b de sol
$+\infty$		0 sol
$\frac{3R^2}{4}$	$0 < x' = x'' = \frac{3R}{4} < \frac{3R}{2}$	2 sol
	$0 < x' < x'' < \frac{3R}{2}$	2 sol
0	$0 = x' < x'' = \frac{3R}{2}$	2 sol
$-\infty$		0 sol

Phan-ngọc-Phương, Professeur

ÉTINCELLES

— *Toute pensée dangereuse doit être secouée sur-le-champ comme une étincelle qui tombe sur les habits.* (*Saint Alphonse*).

— *Rien ne rapetisse l'homme comme les petits plaisirs.* (*Joubert*).

— *On n'a qu'à glisser pour mal faire. Pour bien faire il faut gravir.* (*Voltaire*).

— *Il y a des sottises bien habillées comme il y a des sots très bien vêtus,* (*Chamfort*).

— *La multitude des affections élargit le cœur.* (*Joubert*)

Anglais pratique

Questions fréquentes	Current questions.
S'il vous plaît	If you please. *If you pliz.*
Parlez-vous français ?	Can you speak French ? *Kanyou spîk frènsh ?*
Y a-t-il ici quelqu'un qui comprend le français ?	Is there anybody here who understands French ? *Is zheer énibodi hier hou ændertandz frènsh.*
Me comprenez-vous ?	Do you understand me ? *Douyou ænderstand mi.*
Je ne comprends pas, veuillez répéter lentement ?	I don't understand, please to repeat slowly. *Ai dount ænderstand, pliz tou ripît sloouli.*
Ayez la bonté d'écrire ce que vous me dites.	Kindly write what you say. *Kaindli rait wot you séi.*
Que désirez-vous ?	What do you want ? *Wot douyou wònt.*
Que puis-je faire pour vous ?	What can I do for you ? *Wot kàn ai dou fauryou.*
Qu'est-ce qu'il y a ?	What is the matter ? *Wotiz zhe mater.*
Qu'est-ce que c'est que ?	What is ?.. *Wotiz.*
Que signifie ce mot.	What does this word mean ? *Wot doez zhis wœrd mîn.*
Comment s'appelle ?	What do you call ? *Wot dou you kaul :*
Qu'est-il arrivé ?	What has happened ? *Wot haz hap'nd.*
~~Plaît-il ?~~ Je vous demande pardon	I beg your pardon ? *Ai beg yaur pârd'n.*

GRAMMAIRE ANGLAISE (*suite*)

II.— **Le nom**.— *Pluriel* — On le forme en ajoutant **S** au singulier (cet **S** se prononce)

Exceptions.— Les Noms terminés en **o, s, x, z, sh**, ajoutent **es**. Ex. : *box* boîte), boxes ; *potato* (pomme de terre) potatoes.

Les noms terminés par **ch** ajoutent **es**, sauf lorsque le **ch** se prononce **k**. Ex. *church, churches* ; *monarch, monarchs*.

Les noms terminés en **y** forment leur pluriel : 1° en **ys** quand l'**y** est précédé par une voyelle ; 2° en **ies** quand l'**y** est précédé par une consonne. Ex : *boy* : *boys* ; *fly* ; *flies* ; *lady, ladies*.

Les noms terminés par **fe** et dix noms terminés par **f** (*calf, half, leaf, loaf, sheaf, shelf, thief, wolf etc.* forment leur pluriel en **ves**. Ex. *knife, elf, self* : pl. *knives, elves, selves*.

Man, woman, child, ox font *men, women, children, oxen*.

Foot, tooth, goose, feet, teeth, geese.

Mouse et *louse* font *mice* et *lice*.

Deer, salmon, sheep, trout, swine et *grouse* sont invariables.

Genre des Noms.— La plupart des noms anglais sont du masculin quand ils désignent un homme ou un être mâle, du féminin quand ils désignent une femme ou un être femelle, du neutre dans tous les autres cas. *Parent* désigne le père ou la mère, *cousin*, un cousin ou une cousine ; les mots en **er** comme *reader* sont du masculin (lecteur), du féminin (lectrice), ou du neutre (livre de lecture).

Les principales exceptions sont : *child* et *baby*, généralement neutres, et *ship, engine, airplane* et *cat*, souvent employées au féminin.

Formation du féminin.— Comme en français, le féminin se forme de trois façons :

1°) Par un mot différent. Ex.: *father, brother, son, boy* ont pour féminin *mother, sister, daughter, girl*.

2°) Par un mot composé : Ex.: *milkman* a pour féminin *milkmaid* ou *milkwoman*.

3°) Par une désidence. Ex.: *lion, actor, prince* font au féminin *lioness, actress, princess*,

Widow (veuve) fait au masculin *widower* (veuf).

Le cas possessif.— Le cas possessif ne peut s'employer que lorsque le possesseur est une personne ou un nom de mesure. On le forme en plaçant le nom possesseur, suivi d'une apostrophe et d'un **s**, devant le nom de l'objet possédé dont l'article est supprimé). Ex.: Le livre de Bob, *Bobs'book*; une promenade d'une heure, *an hour's walk*.

Les noms pluriels terminés par **S** prennent seulement l'apostrophe. Ex.: Les livres des élèves, *the pupils' books*.

L'adjectif *dans le prochain N°*

Conversation Courante
Français - Anglais

Bonjour.
Bonsoir.
Comment allez-vous ?
Comment vous portez-vous ?
Je ne me sens pas bien.
J'ai la fièvre.
Je suis enrhumé.
J'ai un gros rhume.
J'ai un rhume de cerveau.
J'ai un rhume de poitrine.
J'ai mal à la gorge
Je me sens tout chose.
Je vais très bien, merci.
Je ne vais pas trop mal, et vous ?
Comment va votre père ?
Il va très bien, merci.
On m'a dit que vous étiez malade.
Oui, j'ai été souffrant dernièrement, mais à présent, je suis tout à fait rétabli.
Qu'aviez-vous ?
J'ai eu la grippe.
Avez-vous fait venir le médecin ?
Oui, il m'a recommandé d'être très prudent, car il craignait des complications.

Current Conversation
French - English

Good morning, Good afternoon.
Good evening.
How are you ?
How do you do ?
I don't feel well.
I am feverish.
I have a cold.
I have a bad cold.
I have a cold in the head.
I have a cold in the chest
I have a sore throat
I feel quecr
I am quite well, thank you
I am not so bad, and you ?
How is your father getting on ?
He is getting on very well, thank you.
I have been told that you were ill.
Yes, I have been poorly lately, but now, I am quite myself again.
What was the matter with you ?
I suffered from influenza.
Did you send for the doctor ?
I did, and he told me to be very careful, as he feared complications.

Et ensuite ?

Il rédigea une ordonnance à faire exécuter sur-le-champ.

Etiez vous alité ?

Je l'ai été pendant uue quinzaine de jours, mais à présent, je, me sens tout à fait bien.

Allons, tant mieux !

And then ?

He wrote out a prescription which was to be made up at once.

Were you laid up ?

I was for a fortnight, but now I feel quite vell.

Well, that's a good thing !

Anthologie de la Poésie Vietnamienne

Người ăn mày

Chẳng phải ăn đong chẳng phải ăn vay,
Lộc trời để lại được ăn mày.
Hạt châu chúa cất cao ngang mặt,
Bệ ngọc tôi từng đứng lượm tay.
Nam bắc đông tây đều tới cửa,
Trẻ già lớn bé cũng xưng thầy.
Đến đâu dẹp hết loài muông cầu,
Thâu cả càn khôn một túi đầy.

LÊ THÁNH-TÔN

Le mendiant

Je ne mange pas le riz acheté sur mesure; je n'emprunte rien à personne;

C'est une faveur du ciel que de mendier.

Le seigneur me présente des deux mains le bol de riz élevé à la hauteur de mon visage;

Devant le perron des riches maisons, je me tiens fréquemment debout, les mains jointes.

Du Sud au Nord, de l'Est à l'Ouest, je frappe à toutes lesportes ;
Jeunes ou vieux, grands ou petits, je dois les traiter avec égards.
Partout où je vais, je mets en fuite la canaille;
Je recueille le ciel et la terre, et les enferme dans ma besace.

TRẦN-CỬU-CHẤN

LECONS PARTICULIÈRES
LATIN — GREC — ANGLAIS — LITTERATURE FRANÇAISE
Classes secondaires & P. S.
Préparation intensive aux divers examens.
S'adresser : **M. TRẦN-CỬU-CHẤN**
31, Trương-minh-Ký — Saigon

TRÍCH TRONG NGUYÊN CẢO QUYỂN :

VIỆT - HÁN - PHÁP TỪ - ĐIỂN

của **ĐOÀN-PHÔ-VĨNH**

Lời nói đầu

Đã ba năm nay chúng tôi biên soạn (1) quyển *Việt - hán - pháp từ-điển* là vì hai mục-đích : một là giải-trí hai là học thêm. Chúng tôi nào dám ngưỡng-vong đến một công-trình văn - học vì sự thông hiểu của mình còn ở trong vòng sơ bộ. Phận mình nào có khác chi rau phong, rau phỉ. *Kinh thi* có câu : «*Thái-phong, thái phỉ. vô dĩ, hạ thể.*»

Nay được ấn hành ở tạp chí «*Cần Học*» cũng là một việc ngoài ý-nghĩ của mình. Sự ưng thuận của chúng tôi nhắm vào lợi-ích của việc giáo-dục cho trẻ em,

Vậy xin quí độc-giả lượng-thứ tất cả phần khuyết - điểm và chúng tôi trong chờ những lời chỉ giáo thành thật.

Trước hết chúng tôi xin phép cụ *Đào-duy-Anh* cho môn-nhân trích những danh từ trong quyển «*Pháp-Việt từ điển*» của tiên-sinh.

Phương pháp biên soạn của hạ nhân là trước hết giải-thích bản-nguyên của danh từ gốc ở chữ *Hán*. Kế đó chúng tôi chia làm 3 phần ;

a) *Giải thích cho giản đơn dành để cho trình độ sơ-bộ.* b. *Phần cao đẳng trích dịch một đoạn văn hay cùng một tư tưởng đẹp của các bậc danh nhân.* c.) *Phần đồng nghĩa và phản nghĩa ngữ.*

Vậy chúng tôi đăng thử một số danh từ để cho anh chị em học-sinh có một ý-niệm về sự giải thích của tác-giả.

(*Tác giả chí*)

Văn-học-hội. (*Cénacle littéraire*) **Văn** : trái với chữ vũ, thuộc văn-học ; **học** : đây có nghĩa về sự học vấn ; **hội** : một tổ-chức nhiều người).

1) Khởi thảo ngày mùng một tháng hai âm lịch năm Mậu-thứ ngày 11 Mars 1948 hồi 13g 15p.

COMMISSARIAT DE FRANCE POUR L'INDOCHINE
HANOI-DIRECTION DES ARCHIVES ET DES BIBLIOTHÈQUES

Một tổ-chức của các nhà văn-sĩ, nghệ-sĩ cùng một chí hướng hiệp hội lại để thảo-luận những vấn đề thuộc về văn-chương, triết-học nghệ-thuật.

— *Cénacle* n.m. Danh-từ ấy nghĩa là phòng *Cơ-đốc* hội hợp, tất cả sư đồ để ăn bữa cuối cùng (tiệc ly) (cène) với *Đức-Gia-Tô*.

Nhà họa-sĩ trứ-danh *Léonard de Vinci* đã dàng bút-pháp thần tình để họa bức tranh về bữa tiệc cuối cùng của *Đức-Gia-Tô* với các môn đệ...

Đ.n. (1) **Tập-hội, đoàn-thể** (cercle).

Như *Thanh-niên-hội* : *Thi-sĩ-hội*, *Chính-hữu-hội*;

1 — **Câu-lạc-bộ**. *hội-quán* (club). (Như *văn-nghệ hội*; *chánh-trị-hội* của đoàn thể cách-mạng *Cordeliers* và *Jacobins* dưới thời cách mạng pháp năm 1789).

Vị-lai.— *Avenir* n.m... (*VỊ* : chưa đến ; *LAI* : ngày sau) Chưa đến, về sau, thời sẽ tới, việc không thuộc về hiện-tại hay là quả khứ, việc tương lai, hậu-lai thuộc về thời-gian sắp đến.

Như không có gì vô định bằng buổi vị-lại ; vị-lai sẽ phê-phán ta, vị-lai của văn-học Việt-nam.

Vị-lai của khoa-học

« *Notre foi dans le progrès, notre croyance en* l'avenir *de notre civilisation, ne sont plus si fermes : elles se sont vues ébranlées par des chocs trop brutaux... Le mathématicien, interrogé sur* l'avenir *de sa science, se trouve, en droit de poser la question préalable; quel est* l'avenir *que se prépare l'espèce humaine ? Les formes de pensée, fruits de l'effort soutenu des quatre ou cinq derniers millénaires, sont-elles autre chose qu'un éclair fugitif* »
(Les grands courants de la pensée mathématique — *p. 307* Andrée Weil)

Lòng tín-dụng của ta đối với sự tiến-bộ, lòng tín-ngưỡng của ta đối với *vị-lai* về nền văn-minh ta, thật không có gì ổn-cố bằng ; nhưng mà sự tin và sự tín-nhiệm ấy phải bị lay chuyển do những sự xung đột quá tàn bạo... Nhà toán số tham-khảo về *tiền-đồ* của Khoa-học

(1) Đồng nghĩa.

ấy, tiên-sinh đã đặt mình vào một tình cảnh hữu quyền để thiết-định một vấn-đề cần phải tiên-quyết rằng *tương-lai* nào đương dự bị cho chúng-sinh ? Những hình thức của tư-tưởng là thành-tích của năng-lực nhân-sinh được chủ-trì từ bốn hay là năm nghìn niên về sau mà hình-trạng về ý-tưởng ấy chỉ là một chớp nhoáng nhất thời ?
(Những trào-lưu vĩ-đại của tư-tưởng toán số Trang 307-A. Weil)

— 3 Chữ *Avenir* đối với tôn-giáo nó có nghĩa như chữ *Eternité* : vô thủy vô chung, trường cửu ; vĩnh cửu ; bất diệt.

— *À l'avenir* loc. adv. (phó từ) nó có nghĩa là tự hậu về sau, kim hậu, tự-tư dĩ-hậu (désormais)

P. N. N.[2] *Quá khứ, hiện tại*

Đ. N. *Hậu lai, tương-lai, tiền-đồ, tiền-trình*

Đ ch : *Tương-lai, hậu-lai*

Kinh-tế chánh-trị

Nói về Hiệp-đồng cũng gọi là Giao-kèo (Contrat)

— Người Việt-Nam, hễ có vốn đôi ba trăm ngàn đồng thì ra lập tiệm buôn bán, không có học trước K.T.C.T., vì vậy nên hay thất bại.

Hàng hóa mua về, chất thời ngui ngúc, không lo trước kiếm nơi tiêu thụ; vì vậy ít năm bán hết, đắp đổi không đủ sở phí nên bị lỗ ngay.

Kìa, chúng ta hãy xem người Tàu, qua đây có một cái trấp đựng y phục đến sau lập sự nghiệp đồ sộ, và có số muôn triệu. Vì cớ nào ? Họ có tánh nhẫn nại, bền chí, cương quyết và có học K.T.C.T.

Nhiều người ngoại-quốc khác đến xứ ta, có đủ số tiền ở nhà hàng một vài tháng thôi. Họ đi đo căn lầu nào nhằm địa thế buôn bán (situation économique) mướn mỗi tháng lối 50$ khỏi tiền tửng (thời xưa) và lo tổ chức (organiser). Họ làm việc có phương pháp (méthode) và rành K.T.C.T.

Họ mang theo một cái cặp (serviette) chứa đầy tài liệu (document). Tài liệu ấy là món gì ? Đó là những giao-kèo (contrat).

Trong thời gian ở nhà hàng, họ đi giao thiệp với các hãng, lập giao-kèo chịu mối bán nào là : bắp (maïs), khoai mì (manioc), gòn (kapok) v.v...

Họ tiếp cận (prendre contact) với nhà tiêu-thụ (les consommateurs), chịu mối bán, nào là : rượu khai-vị (liqueur), đồ ăn lưu trữ (conserves alimentaires), hàng dương-hóa (articles de bazar) v. v... Họ rành nghề, lập giao-kèo. Đến khi

(2) Phản nghĩa ngữ.

mở cửa hàng, họ bắt tay vào việc liền, họ đã có chỗ tiêu-thụ rồi (avoir le débouché) và đâu có mất thì giờ mà lỗ lã.

Hễ có lúa rồi thì có người cho mượn gạo. Họ nhờ nhà băng giúp một số vốn đời ba muôn, vay dài hạn, đời ba năm, tiền lợi mỗi năm lối 5 hoặc 6%. thôi ; như vậy nên họ mau khuyếch-trương sự nghiệp, vốn ấy chẳng phải hộ dùng bổ hàng như người mình, họ dùng làm số vốn vận-động (fonds de roulement) nghĩa là nó sẽ đẻ ra mấy trăm lần.

Những quan-điểm trong giao-kèo (les points importants).

Trong những kiểu dăng sau (modèles) chị em chúng tôi sẽ chỉ rõ những điểm quan-trọng ; biết được rồi khỏi sợ lỗ, còn nếu có lỗ lã thì lại vì vận-bỉ thời suy mà thôi.

Nay nói sơ qua việc lập giao-kèo.

Hai đảng phải thỏa-thuận nhau (être d'accord) nếu có người gian xảo thì không khỏi rắc rối. Mỗi một chữ trong giao-kèo hai đảng phải hiểu biết, chẳng nên dùng câu văn bóng bẩy, hoặc chữ nào hiểu mập mờ, nếu chữ đó có nhiều nghĩa thì phải giải thích ra (spécifier).

Tỉ như : Les journees *de planche* des navires (c'est-à-dire : de stationnement) étant exemptes de taxes, l'affrèteur peut en profiter.

(Những ngày tàu đậu *trơn* (nghĩa là không có cất hàng lên xuống, thì miễn thuế, người mướn tàu được hưởng điều kiện ấy). Nếu không giải thích, thì chữ « planche » có thể hiểu là « tấm ván » chữ « trơn » nghĩa là « trơn trợt ».

Lộn một chữ « alphabet » có hại.— Người Âu kia có tàu kéo ghe, người Tàu nọ có chiếc ghe chài, hùn nhau đi kéo lúa ở Lục tỉnh về Chợlớn; phần trong xã-ấp Âu lo, phần ghe chài Tàu lo, song có điều sau nầy người Tàu bị lật tây.

Article 10.— Les frais d'embarquement et de débarquement sont à notre charge; les frais d'assurances sont a notre charge.

(*Điều thứ 10.*— Tiền vác lúa xuống ghe và tiền ghe về phần ta chịu).

Thỏa thuận rồi, đến lúc đánh máy tại sạch sẽ (mettre au propre) người Âu lừa có 2 chữ N thành ra V, người Tàu phải chịu lỗ, sanh ra thưa kiện. « Les frais d'embarquement et de débarquement sont à Votre charge». Thì ra chữ « Votre » là người Tàu phải chịu các món tiền ấy.

Một *chữ hiểu mập mờ cũng có hại.*— Người Âu kia có lập hãng nhỏ tại Saigon muốn kiếm thêm lời lợi nên rủ một người Tàu mở ra tại Chợlớn một cái « Biện sự phòng » (Cabinet d'affaires) dùng lãnh làm đơn trạng xin phép tạc (requètes et demandes) v.v....

Âu hùn công, Tàu ra vốn.

Nếu có 5000 $ (thời xưa) lập ra thì rất vẻ vang. Căn lầu mướn 50$ cuối tháng rả tiền, khởi tửng : sam bàn ghế lối chừng vài trăm đồng ; giấy viết mực, vặc chục đồng. Công việc làm thì dễ, cứ việc viết mướn ăn công, đâu có cần vốn.

Song không phải vậy ; người Âu tính gạt người Tàu, sáu tháng không bưởi

cẳng đến văn phòng. Mấy thầy ký cứ lãnh công việc đấp đổi đủ sở phí, không khuếch trương nổi, vì thiếu chủ chốt có thế lực.

Quá 6 tháng người Âu kiện lên tòa, đòi người Tàu 30.000 $ tiền thiệt hại (dommages-intérêts) viện lẽ rằng người Tàu không chịu ra vốn nên mất sở lợi, y có giao kèo với các hãng, chịu mỗi bán nào là : năm ba trăm tấn (tonnes) bắp, khoai mì, v.v, trong số đó sẽ có lời 30.000 $.

Độc-giả hiểu rằng giao kèo đó ở đâu có ? Người ta âm-mưu với hãng lập ra « giao kèo ma ». Vì vậy Tòa xử người Tàu phải bồi thường phân nửa 15.000$.

Thì ra công giao kèo có một câu mà người Tàu không rõ chánh nghĩa, lại một chữ hiểu mập mờ :

Article 5.— Mr. T., doit fournir les fonds nécessaires pour le *fonctionnement* des bureaux.

(Điều thứ 5.— O.T... phải xuất vốn cho đủ dùng đặng vận chuyển văn phòng lập ra đây.

Chữ « fonctionnement » nó hại người Tàu là vậy đó : vì y tưởng rằng « hươi cây viết » thì có bao nhiêu vốn.

Vì vậy, nếu hai đàng bất đồng ngôn-ngữ, và muốn tránh đều rắc rối, phải dùng câu nầy :

Article 6.— Les parties contractantes déclarent avoir lu et compris toutes les conditions énoncées dans le présent contrat et apposent ci-dessous leur signature.

(Hai đàng ký tên giao-kèo khai rằng có đọc và hiểu tất cả những điều-kiện trong tờ giao-kèo nầy và đồng đặt dấu ký tên mỗi người dưới đây).

o°o

Nếu người V. N. làm giao-kèo với người ngoại-quốc : Tàu hoặc Âu, thì chẳng nên quên câu nầy :

Article 11.— Les parties contractantes font élection de domicile (ou déclarant élire domicile) en leur demeure respective. (Điều thứ 11.— Hai đàng nhìn nhận nơi cư ngụ theo địa-chỉ mỗi người trên đây). Nếu không có vậy, đến lúc xảy ra việc kiện thưa, người Âu về Âu, người Tàu về xứ, làm sao Tòa đòi cho được ?

Còn nếu có vậy, trát tòa đòi (convocation) dán nơi cửa Tòa (affichée) thì có hiệu lực (avoir effet).

LƯU-Ý.— Chị em chúng tôi sẽ chỉ luôn văn tự-pháp (termes judiciaires) để dùng lập giao-kèo hoặc thưa kiện và luôn Modèle de contrat.

CẦN-HỌC *xin giới-thiệu cùng các bạn đọc cuốn :*

THÂN-THẾ VÀ THƠ VĂN NGUYỄN-CÔNG-TRỨ.

Giáo-sư LÊ-TÂM soạn theo chương-trình Trung-học chuyên-khoa. Do nhà xuất-bản CÂY THÔNG — HANOI ấn-loát và NAM-CƯỜNG — SAIGON phát-hành ở Nam-Việt.

Xin lưu-ý : *Lối cuối tháng nầy, các bạn đón xem quyển* **Essais sur la Littérature Viêtnamienne,** *ông TRẦN-CỬU-CHẤN soạn ra.*

Hộp Thơ

Cùng các bạn đọc đã đặt mua CẦN HỌC dài hạn

Quí bạn nào đã đặt mua 3 tháng : 12 số : từ 13 đến 24. Bây giờ
Muốn nhận cả 2 Ban, thì mãn hạn số 23
— — 1 B. Trung-học — 25
— — 1 B. Tiểu-học 26

Còn quí bạn đã đặt mua CẦN HỌC dài hạn 6 tháng hoặc 1 năm, thì sẽ tính lại trong số tới.

Ở LỤC-TỈNH VÀ NAM-VANG — quí bạn nào đặt mua CẦN HỌC dài hạn, xin gởi thêm tiền cò, mỗi số của mỗi ban 10 xu.

Các Bạn ở Namvang muốn đổi Cần Học từ số 1 đến số 10 hay là từ số 11 đến 20, để lấy Cần Học đóng lại thành bộ (Bộ 1 và Bộ 2), xin mau mau đem đến Nhà sách Hôn-Dũ, Tổng phát hành Cần Học ở Cao-miên, số 4, đường Delaporte, và xin chịu thêm 5 $ 00 tiền đóng mỗi cuốn.

XIN LƯU Ý : Nhà sách Hôn-Dũ có bán đủ các thứ sách báo Việt-ngữ, đồ học trò và văn phòng.

Kính mời quí bạn đến viếng sẽ được hài lòng.

Ở SAIGON, CHOLON và GIADINH

Quí bạn nào muốn đổi 10 số Cần Học lẻ để lấy 1 bộ Cần Học đóng lại từ I đến X (bộ 1), hay là từ số 11 đến 20 (bộ 2), xin mau mau đem đến Tòa soạn Cần Học, và xin chịu thêm 5 $ 00 tiền đóng mỗi cuốn.

GIÁ TIỀN MUA DÀI HẠN :

	Ở NAM-VIỆT, MIÊN			*Ở TRUNG, BẮC-VIỆT*		
	B. Tiểu-học	B. Trung-học	Cả 2 Ban	B. Tiểu-học	B. Trung-học	Cả 2 Ban
3 tháng 12 số :	30$00	45$00	70$00	40$00	55$00	80$00
6 tháng 25 số :	6 $00	90$00	150$00	85$00	115$00	175$00
12 tháng 50 số :	125$00	175$00	290$00	170$00	220$00	325$00

Thơ và bưu-phiếu xin đề :

Mr NGÔ-VĂN-THANH

165, đại lộ La Somme -:- Saigon

Giấy phép số 435 T.X.B.
Ngày 7 tháng 11 d l 1950

IN TẠI ĂN-QUÁN
—— NAM-HƯNG ——
165, Đại lộ La Somme — Saigon

HỌC ĐỂ PHỤNG SỰ CHÂN LÝ

ÉDITIONS PÉDAGOGIQUES CULTURELLES

Tân Học

BAN TRUNG-HỌC

TẬP XXIII — **44** TRANG

Với sự hợp tác của quý Ông :

Trương-vĩnh-Tống	*Nhà Học-giả.*
Trần-cửu-Chấn	*Tấn-sĩ văn-chương.*
Vỏ-văn-Lúa	*Cử-nhơn văn-chương.*
Phan-ngọc-Phương	*Cử-nhơn khoa-học.*
Phạm-văn-Thuật	*Cử-nhơn văn-chương (Anh-văn).*
Xuân-Sa	*Giáo-sư toán-học.*
Thái-Từ-Quang	*Nhà học-giả.*
Nguyễn-văn-Hạnh	*Giáo-sư Pháp-văn.*
Huỳnh-văn-Đó	
Đoàn-phò-Vĩnh	*Nhà học-giả*
Nguyễn-văn-Đoan	*Cựu G. H. Thể-dục.*
Vũ-hữu-Tiềm	*Giáo-sư Việt-ngữ.*
Lê-Hương	—
Trúc-Khanh	—
Lưu-đình-Khải	*G. H. Trường mỹ-thuật.*
Bùi-văn-Kỉnh	*Giáo-sư Hội-họa.*
Thái-văn-Cẩn	—
Thiếu-lăng-Quân	*Giáo-sư Tốc-ký V. N.*
Cô Tân-huỳnh-Hoa	*Cholon.*
Cô Hoàng-thị-Tâm	—
Cô Phan-Yến-Nguyệt	*Tân-an.*

GIÁ { *Nam-Việt, Miên* : 4$ / *Trung, Bắc-Việt* : 5$

TÒA-SOẠN
165, đại lộ La Somme
Giây nói : 21.309 — Saigon

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

La joie du travail social

Certains gens se plaignent de la vie et disent qu'elle ne vaut pas la peine d'être vécue. Ils ne pensent pas au travail social, et restés oisifs, ils réclament toujours plus que la Destinée ne leur donne.

Une grave erreur !

Il est évident d'extirper l'oisiveté d'où découlent toutes les mauvaises actions

Nous recevons l'instruction du lettré, le riz du cultivateur, la maison de l'artisan, les fournitures diverses du négociant... le tas de choses d'une immense chaîne d'âmes dont l'organisation sociale nous permet de vivre aisément.

Peut-on bénéficier du travail d autrui sans donner le sien en échange. Absolument non !

Considérons : le buffle qui traîne la charrue, le cheval qui tire la voiture, le chien qui garde la maison et l'abeille active qui puise le nectar des fleurs : tout témoigne de la joie qu'ils éprouvent à vivre et à se mouvoir.

Compte tenu, riche ou pauvre, savant ou ignorant, puissant ou faible, chacun de nous a une dette envers ses semblables, une dette sociale qu'il doit acquitter, de bon gré.

Le songe angoissé du poète Armand Prud'homme nous évoque

Prenons en effet pour une grande leçon ce qu'a dit le célèbre chimiste Louis Pasteur à sa 73ème année : « Il me semble que je commettrais un vol si je m'arrêtais un jour de travailler. »

Le sentiment de l'action dans l intérêt d'autrui est la vraie satisfaction de l'honnête homme.

Quiconque ne peut vivre sans entendre autour de lui le bruit de la masse sociale est un malade qu'il faut essayer de guérir, *Væ soli* ! (malheur à l'homme seul !)

T. T. QUANG

Đệ-nhứt và đệ-nhị niên

ÁM TẢ. — *Quan-sát đã, rồi hãy suy-lý.*

Khi trước *Hàn-lâm khoa-học-viện*, có ra một bài thi như sau nầy : « Nếu ông lấy một cái chậu đầy nước, rồi bỏ vào trong chậu ấy một vật gì, cục đá chẳng hạn, thì nước tràn ra. Nhưng nếu ông bỏ vào đấy một con cá lớn bằng hòn đá, thì nước không tràn ra, Ông hãy cắt nghĩa cái *hiện-tượng* ấy ».

Người ta *giải-thích* cách nầy cách nọ nhiều lắm. Vô số nhà bác-học gửi đến những *bản trần-thuyết* đầy-đủ để cắt nghĩa sự *kỳ-diệu* ấy. Người thì nói rằng con cá hút nước, kẻ thì bảo con cá *hấp dẫn* như là cục đá nam-châm hấp dẫn những vụn sắt.

Chẳng ai nói trúng: Phần thưởng không ai giành được suốt trong năm năm.

Đến năm thứ sáu, một nhà bác-học trước kia mỗi năm gửi một bản trần thuyết về việc ấy, mới tính *kết-thúc* việc nầy bằng cách đáng lẽ phải thử trước. Trong lương-tri ông mới nảy ra một tia-sáng.

Ông lấy hai chậu giống nhau, bỏ nước vào, chọn một cục đá và một con cá lớn ngang nhau. Xong rồi ông bỏ cục đá vào chậu đầu, nước tràn ra. Rồi ông bỏ con cá vào chậu thứ *hai*, nước cũng tràn ra.

Hội Hàn-lâm khoa-học có ý chỉ ra rằng muốn *phát-kiến* một *chân-lý*, phải quan-sát, *nhiên-hậu* mới giải-thích,

Câu hỏi : 1) Giải nghĩa : *quan-sát, hiện-tượng, sự kỳ-diệu, phát-kiến.*

2) Tìm tiếng phản nghĩa và tiếng đồng nghĩa với *hiện-tượng.*

3) Kiếm *5* tiếng ở trong có chữ *bác* : như :(*bác-học*) ; và năm tiếng ở trong có chữ kiến – như : (phát-kiến.)

(Trả lời bài ám tả trong số 22)

Giải nghĩa . *Thành-kiến* : ý kiến có sẵn theo một cách mù-quáng ; *phong-phú* : dồi dào, tốt đẹp ; *đơn-âm* : mỗi tiếng một vần ; *phức-âm* : mỗi tiếng nhiều vần ; *ưu-điểm* : chỗ rất hay ; *nhà-thẩm-mỹ* : người nghiên-cứu cái đẹp ; *chân-tướng* : bộ mặt xác thực.

2) Chữ phản nghĩa với *quá-khứ là* tương lai.

3) Phong-cảnh, phong-thổ, phong-vận, phong-tình, phong-tục.

Trước mùa Xuân năm nay CẦN HỌC sẽ phát-hành một tập đặc-biệt về XUÂN và chuyện vui — truyện lạ....
Mời các Bạn có tài-liệu chi hãy gởi đến Tòa-soạn

B. G. Đ.

TÁC-VĂN

Năm mới, viết thư mừng tuổi thày dạy học.

Huế, ngày đầu năm Tân Mão.

Thưa Thày,

Canh-Dần đả qua, Tân-Mão vừa đến, với tiết Xuân đầm ấm, cây cỏ vui tươi, hoa cúc vàng hoa mai đỏ đem về một mầm sống huy hoàng thanh khiết. Lòng người được tràn ngập những ý sống mới mẻ. Thưa Thầy, sau khi bãi trường nghỉ tết, con liền vội vã chia tạy các bạn bè mà về Huế ăn tết với gia-đình. Bởi vậy cho nên, con không có cái hận hạnh là được cùng anh em bạn học của con đích thân đến dâng tuổi thầy. Xin Thày thể tình cho đứa học trò luôn luôn ghi công ơn dạy dỗ của Thầy. Thưa Thày, Con xin báo tin mừng cùng Thầy là Ba Má con có kiểm điểm lại sách vở thì thấy con được nhiều « điểm tốt », do chữ phê của Thầy, các người đã tỏ ý kính trọng Thày vì Thày là một giáo sư có nhiều lương tâm chức nghiệp, có thực học và biết thương mến học trò.

Thưa Thầy, mùa xuân này trên đất Thần-Kinh cũng vẫn như những mùa xuân cũ, nước sông Hương vẫn xanh lờ mờ và núi Ngự vẫn đứng in muôn thuở. Kinh thành Huế cũng vẫn có cái không khí xuân như tự thuở nào, tuy nhiên chỉ có lòng người là kém vui đi mà thôi vì năm vừa rồi dân cư Ngoại ô châu thành bị nước dâng ngập vào đến tận nhà, lôi đi bao nhiêu là lợn gà chó vịt và phá hẳn một mùa hoa lợi về mùa xuân.

Tết năm nay hẳn Thày không được vui như những thời kỳ nước non còn thanh bình.

Khi đặt bút viết bức thơ mừng tuổi Thầy, này con đã suy nghĩ rất nhiều về những lời dạy bảo của Thầy, trong mấy ngày xuân con sẽ học ôn lại các bài vở nhất là về Việt Văn. Con còn nhớ rõ lời Thầy nói lúc bãi trường :"Người Việt Nam phải giỏi tiếng Việt » Cấu ấy đã làm con thờ như câu kinh nhật tụng vậy. Con cũng đã nghe lời Thầy là mua đủ một bộ Tập văn «CẦN HỌC» gồm hai mươi mấy số. Tập văn giáo khoa rất là hữu ích cho con đường học vấn.

Sang năm mới này con hứa với Thầy là sẽ cố học tập để làm vui lòng Thày hơn năm cũ.

Thôi giấy vắn tình dài, con xin dâng tuổi Thầy một năm Thánh thiện.

Xin Thầy nhận lấy ở đây một lời cầu chúc thành thật. Sau hết con xin kính chúc tất cả gia quyến, những người thân yêu của thầy luôn luôn vui sống trước mùa xuân huy hoàng !

Học trò của Thầy :
NGỌC-BÍCH
(nữ sinh)

Kỳ sau : Người Mẹ già của bạn trò chết, trò hãy viết thư chia buồn và an ủi bạn.

ORTHOGRAPHE.— *Fête foraine.*

Le soir, la foule roule à pleine rue, remplit les salles de spectacles en toile, saute dans les bals, forme cercle aux diseuses de bonne aventure, envahit les chevaux de bois, les bateaux, les balançoires, les aérostats mécaniques. Le vieux bourg est réjoui par la rumeur joyeuse. Les petites boutiques présentent leurs alignements de gateaux bourrés d'amandes, la symétrie de leurs sucres de pommes. Les boules brillantes où se réflète la foule en une maniature animée, les découpures de papier rouge ou doré parent les étalages d'un éclat barbare. Les raides marionnettes du jeu de massacre attirent les quolibets de la foule frondeuse par leurs costumes d'archevêques, de moines, de magistrats, de militaires.

Devant les baraques, les tambours, les cymbales, les fifres font rage. Les pitres réédítent les vingt mille calembours pour un sou. Les projections de lumière éclairent subitement la foule qui regarde, écoute et rit.

GUSTAVE GEFFROY

QUESTIONS.—1.—Sens des mots : quolibet, maniature, calembour, frondeuse.

2 — Pourquoi l'auteur qualifie-t-il de barbare l'éclat des étalages ? Sens de ce mot dans la dictée. Sens qu'il a dans les expressions : peuple barbare; père barbare; langue, phrase barbare.

3.— Nature et fonctions des propositions de la phrase : "Les boules..... éclat barbare."

Réponses au Questionnaire de la Dictée : **Les nids.**

1.— Explications des mots : ***Cavale*** : jument sauvage — ***Métamorphoses*** : transformations successives subies par certains animaux pour leur complète évolution.— ***Nourrisson*** : nouveau-né. Dans le texte ce mot désigne les petits oisillons couvés dans le nid.

2.— Analyse grammaticale :

Ce : Adj. démonstratif masc. sing. détermine ***nourrisson***

Lui : Pr. pers. tenant la place de nourrisson, masc. 3e pers. du sing. compl. d'objet indirect de ***apprend***.

Se : Pr. pers. tenant la place de nourrisson, masc. 3e pers. du sing. compl. d'objet direct de ***soulever***.

3.— Analyse logique :

Nbre	Propositions	Nature	Forme	Fonction
1	Ceux-ci portent de longues pailles dans le trou d'un vieux mur.	Principale		
2	Ceux-là maçonnent des batiments aux fenêtres d'une église.	Principale	Juxtaposée	
3	D'autres dérobent du crin à une cavale ou le brin de laine.	Principale	Juxtaposée	
4	Que la brebis a laissé suspendu à la ronce.	Subordonnée	Par le pr. rel. *que*	Compl. dét. de *brin de laine*.

RÉDACTION — *Sur une branche d'arbre se trouve un petit nid de moineaux. Décrire. Votre frère grimpe sur l'arbre pour les prendre. Racontez la scène et retracez les attitudes de la mère-moineau.*

Plan

1— Introduction.
- Circonstances de temps et le lieu.
- a) le nid et les oisillons
- b) votre frère grimpe sur l'arbre

2— Développement
- c) attitudes des oisillons
- (d attitude de la mère-moineau.

3— Conclusion.
- Vos réflexions.

Développemet.

C'était au mois de Mai. Nous nous promenions dans la campagne qnand d'un buisson, un moineau s'envola tout près de nous. " Son nid n'est pas loin " cria mon frère. Et écartant prudemment estaillis il me montra le nid posé adroitement sur les branches d'un arbre.

De forme ronde, le dessous fait de branchages, de racines assemblées avec de la terre, le dedans moelleux, rempli de mousse, il contenait quatre petits moineaux. Quatre petits moineaux couverts de duvet jaune, semblables à des boules de coton. A notre vue, ils ouvraient largement leurs petits becs et poussaient des " CUIC! CUIC ! " affolés.

Leur mère n'était pas loin. Posée sur une branche à quelques pas de nous, elle fixait l'enfant du regard et son œil brillait de terreur. Je devinais l'angoisse de cette mère affolée. Quelle douleur si la main de l'enfant lui ravissait ce trésor qu'elle avait tendrement couvé !...

" Laisse-les tranquilles, mon frère, lui dis-je, ne vois-tu pas l'angoisse de leur mère ? Non, ne les fais pas souffrir inutilement. Laisse-les grandir. Plus tard ils chanteront pour égayer nos oreilles, ils mangeront les insectes pour sauver nos récoltes ".

H-V-ĐÓ

Sujet à proposer. Vous vous êtes trouvé dans la rue, près d'une usine, au moment de la sortie des ouvriers. Racontez tout ce que vous avez pu observer.

Xin sửa lại : *Số 22, trang 9* barbite sửa *barbiche*

boulée — *bolée*

DEVOIRS CORRIGÉS. — Thème

Trước khi nói phải nghĩ.

Il faut réfléchir avant de parler.

Un jour, le maître voulant mettre à l'épreuve l'intelligence de ses élèves leur demanda : « Dans la porcherie il y a 8 cochons ; si j'en vends trois combien en reste-t-il ? » Tous répondirent : « il en reste cinq ». Le maître complimenta les élèves.

Un moment après, le maître leur demanda de nouveau : Voyez-vous sur le toit de la maison ces sept moineaux. Si maintenant je prends un fusil, que je tire sur eux et que j'en tue trois, combien en reste-t-il sur le toit ? Les élèves répondirent ensemble : « Il en reste quatre. »

Le maître blâma cette réponse irréfléchie. Les élèves s'en étonnèrent. Alors il expliqua : « Si j'ai pu tuer trois oiseaux, ceux-ci sont tombés sur le toit. Les autres pris de peur se sont envolés. Il n'y a donc sur le toit que les trois oiseaux morts. Comment pourrait-il y en avoir quatre ? »

Il conseilla ensuite aux élèves de réfléchir avant de parler.

Texte traduit en vietnamien « **Confidences d'un arbre** »

Tâm sự của một gốc cây

«... Đời tôi sung sướng lạ ! Chả nói anh cũng rõ, tôi chỉ là một thứ cây thường, xinh đẹp đã kém, lợi ích cũng không. Thế mà người ta săn sóc, tôn kính tôi. Các bà nhà quê thì thụp trước mặt tôi. Họ đeo vào rễ tôi một bát hương, chiều chiều tôi được hưởng mùi trầm ngào ngạt trong khi họ lâm-dâm khấn-vái.

Anh có hiểu tại sao họ sùng bái tôi đến thế không ? Ấy chỉ vì họ tưởng có vị thần nào nhập vào thân tôi. Nhưng tôi xin thú thật, làm chi có thần, chính tôi được hưởng các đồ cúng, được đám dân mê tín sùng-bái như vậy kể thực ra cũng hơi vị-kỷ, nhưng biết làm sao ? Muốn cho họ đừng đem búa đến đốn tôi, tất tôi phải cứ để cho họ trọng vòng ngu-xuẩn ; chứ lòi họ ra thì còn gì là đời tôi nữa ».

DEVOIRS CORRIGÉS.— Thème.

Ông già với 4 thằng con

Một ông lão làm ruộng có bốn người con trai. Một hôm ông gọi cả bốn người lại trước một cái bàn, trên để một bó đũa và một túi bạc. Ông bảo rằng : « Hễ đứa nào bẻ gãy được bó đũa nầy, thì ta cho túi bạc. »

Bốn người con, mỗi người thử một lượt, không ai bẻ được. Ông già bèn gỡ bó đũa ra, bẻ từng cái một thì chẳng khó gì.

Người cha bảo rằng : « Nầy các con, như thế thì các con biết rằng : muốn có sức mạnh thì phải hợp quần. Khi ta chết rồi, thì các con phải nhớ đến bó đũa nầy. Các con thương yêu nhau đùm bọc nhau, thì mới đủ lực mà đối phó với người ngoài.

(*Quốc-văn giáo-khoa*)

Version.

Après l'orage.

Après un orage terrible dans la montagne ; je vis une chose saisissante. A un tournant de haie, un champ de blé magnifique saccagé, fauché, raviné par la pluie et la grêle, croissant par terre dans tous les sens ses tiges brisées. Les épis lourds et mûrs s'égrenaient dans la boue, et des volées de petits oiseaux s'abattaient sur cette moisson perdue, sautant dans ces ravins de paille humide et faisant voler le blé tout autour. En plein soleil sous le ciel pur, c'était sinistre ce pillage ! Debout devant son champ ruiné, un grand paysan lorg, voûté, vêtu à la mode de la vieille Alsace, regardait cela silencieusement. Il y avait une vraie douleur sur sa figure, mais en même temps quelque chose de résigne et de calme, je ne sais quel espoir vague, comme s'il s'était dit que sous les épis couchés, sa terre lui restait toujours vivante, fertile, fidèle et que, tant que la terre est là, il ne faut pas désespérer.

ĐỊA-LÝ-HỌC TỔNG-QUÁT

của Đoàn-phô-Vĩnh

Quả Địa-cầu trong vũ-trụ

I) Hằng tỷ ngôi sao bao xung quanh Địa-cầu

Địa-cầu mà chúng ta đương sinh-hoạt không phải là một ngôi sao trong vũ-trụ. Một đêm trăng thanh ta thử dòm trên thiên không thì thấy bằng hà sa số ngôi sao đương sáng chói. Nếu các nhà thiên-văn dùng *kính-viễn-vọng* để quan-sát thì ta mới biết rằng số ngôi sao đó nhiều cả hằng tỷ [1] đương bao bọc xung quanh Địa-cầu

a) Không gian vô-cực của hành tinh.

Lại có nhiều hành-tinh to tướng làm cho ta kinh ngạc. Như thiên văn-đài ở « **Mont Wilson** » *(Hiệp-Chúng-Quốc)* nhờ kính viễn-vọng lớn lắm đến 2 th 50 bề trực-kính đã chụp hình được hành-

1) Tỷ.— (milliard) một ngàn triệu, số một người nói giỏi, mỗi ngày 8 tiếng đồng hồ, 36 năm mới đầy 1 tỷ tiếng nói ; nếu một đạo binh-sĩ sắp hàng tư xung quanh Địa cầu, đạo binh ấy gồm 1 tỷ quân sĩ.

tinh « *Bételgeuse* » ; một ngôi sao trên *Lạp-hộ-tòa*.[1] Bề trực-kính đến 300 lần lớn hơn trực-kính của mặt trời. Trực-kính của mặt trời đến 100 lần hơn Địa-cầu. Trực-kính của hành tinh «*Bételgeuse*» lớn hơn Địa-cầu đến 30.000 lần. Ta thấy rõ sự phân biệt của hai thể-tích ấy. Nếu « *Bételgeuse* » thay thế địa-vị cho mặt trời thì hành tinh cự-đại nầy bao trùm cả *Địa-cầu*, *mặt trăng* và lan rộng đến *Hỏa tinh*[2]

b) **Khoảng cự-ly**[3] **của hành-tinh trong ngân-hà.** Ta không thể nào hình dung sức cự-ly của một vài hành tinh cách biệt quả Địa-cầu : khoảng xa ấy trí năng ta không thể tưởng tượng được. Ta biết rằng tốc độ của ánh sáng đến 300.000 ki-lo-mét trong mỗi sao đồng hồ. Với tốc-độ ấy giả-sử như ta du hành xung quanh Địa-cầu đến xích-đạo thì chỉ có $_{1/7}$ sao đồng hồ hay là ít hơn nữa. Nhưng có ánh sáng của các ngôi sao chiếu đến ta thì phải trải qua nhiều năm. Như sao *Bắc-đẩu*, ánh sáng đến ta phải phí cả 40 năm.

Thiên-văn đài « *Victovia* » thuộc về phía tây *Gia-nã-đại*, nhờ một kính-viễn-vọng to tướng, bề trực-kính 1th. 82. Khoảng cự-ly từ Địa-cầu đến *lưỡng hành-tinh* « *Plaskett* » nằm ở tinh tú « **Kỳ-lân** » (*Licorne*). Hai hành tinh ấy cách xa nhau đến 90 triệu ki-lo-mét và chuyển động lẫn nhau với tốc độ là 250 ki-lo-mét trong mỗi sao đồng hồ. Hai hành-tinh phí đến 10.000 năm để chiếu ánh sáng đến ta.

« *Ánh sáng ấy đã khởi hành trước thời-đại Kim-tư-tháp ở Ai-cập. Văn-minh Ai-cập đã thịnh-đạt và điêu-tàn kế đến văn minh Hy-lạp và La-mã. Cuộc xâm lược của rợ man-di ở thời Trung-cổ đã ngẫu-phát và đã thành quá khứ ; Trong một chuỗi thời-gian vô-hạn, ánh sáng của ngôi sao ấy mới vượt qua con đường thiên-lý của không - thời-gian (4) mặc dù với tốc độ phi-thường đến 300.000 ki-lo-mét trong mỗi sao. Ánh sáng ấy vượt qua*

---

(2) Orion : Sao cày — Lạp-hộ-tòa

3) Mars. 4) Distance : khoảng cách xa. 5) Espace-temps

một thời-gian là 10.000 năm, trải qua một lộ - trình trường-cửu. Hành-tinh đó có thể biến mất mà ta chẳng thấy ánh sáng trong khoảng thời gian một muôn năm **(Carl Stormer Từ càn - khôn đến nguyên-tử).**

c) **Lẽ tương đối** — **Hành-tinh « S. Dorade » còn phi-thường hơn « Plaskett ».**

Nhờ một thứ kính viễn-vọng phi-thường, các nhà bác học mới phát-kiến một hành-tinh to tướng ở trên mây u ám « *Magellan* » tên là « *S. Dorade* » *Ngôi sao ấy mười lần xa hơn sao « Plaskett »* Ánh sáng ấy chiếu đến ta là 100.000 ngàn năm với tốc - độ là 300.000 ki-lo-mét mỗi sao đồng hồ. Các nhà thiên-văn cho ta biết rằng *chòm sao tiên-nữ* (Andromède : ở phía bắc giống hình nàng *Andromède* bị buộc xích sắt) chiếu ánh sáng đến Địa-cầu là một triệu năm.

2) **Quan-niệm địa-lý về quả Địa-cầu.**

Hồi đời Thái-cổ, người ta còn nghi ngờ cái hình-thể chính-xác của quả Địa-cầu. **Họ** nhận-định rằng quả Địa-cầu « **bất-động** » giữa vũ-trụ và xung quanh có mặt trời và hành-tinh xoay theo.

Đến thế-kỷ thứ 16, *Galilée* nhà thiên văn trứ danh mới phát-kiến cuộc *vận-động hồi-chuyển* (1) của Địa-cầu. *Copernie* sáng thủy rằng Địa-cầu có một cuộc *vận-chuyển vòng quanh mặt trời (2)* Người ta cũng gọi là sự **chu-chuyển** của Địa-cầu vậy.

Sự vận-chuyển ấy rất quan-hệ với sự tuần lưu ngày và đêm, sự nối tiếp thời-tiết, sức nóng của mặt trời phân chia không đồng nhau ở các khu-đới trên Địa-cầu đều phải tùy-thuộc với sự vận chuyển ấy. Nhờ sự *ngộ-tính vận-động* » (*2*) của *Trái Đất* với *mặt trời* nên không xảy ra những *đại-tai-biến* nếu có một sự biến-đổi cỏn con nào phát sinh ra.

(còn tiếp)

---

1) Mouvement de rotation 2) Mouvement de révolution autour du Soleil.

2) Mouvement intelligent

ĐỆ TAM VÀ ĐỆ TỨ NIÊN

VIỆT-VĂN

NGUYỄN-VĂN-ĐOAN

Luận đề. — *Đi một ngày đàng, học một sàng khôn. Câu phương ngôn nầy có nghĩa gì và trò hãy phát biểu những lợi ích của câu đó.*

Luận văn. Câu phương ngôn « Đi một ngày đàng, học một sàng khôn» có nghĩa khuyên ta đi du ngoạn và quan sát để lý hội những lẽ phải và hội tâm những điều khôn hầu cư xử trong cuộc đời mình.

Ta có ra sống trực tiếp với xã hội, ta có đi lại nay đây, mai đó, xứ nầy tỉnh nọ, ta mới nhận thấy sự thực của câu ca dao « ở nhà nhứt mẹ nhì con ra đường lắm kẻ còn ròn hơn ta » Những ý niệm hẹp hòi, những thành kiến sai lầm, những tập quán ỷ lại, nhữnh xu hướng lỡ thời của ta sẽ bởi cảnh lạ, xã hội cọ sát và lần lần ta sẽ tự cải chính khi ta tự vấn thân vào sống theo những tục lệ mới gặp; theo một nền phọng hoá lhông quen, ta sẽ có một quan niệm sống khác với quan niệm của ta khi ăn no ngủ yên ở nhà. Tiếp xúc với những người trí thức hơn ta, tai nghe mắt thấy những sáng tác của người, những nghệ phẩm mới của chân lý và mỹ nghệ, ta sẽ có dịp tự so sánh với người.

Hết thấy những điều tai nghe mắt thấy sẽ cảnh tỉnh ta. Ví dụ trước kia ta tự hào là nhân đức nay nhân dịp sống chung với đám người bần hàn mà cũng nhận xét thấy họ, không vì nghèo khổ mà mất lòng nhân, tự nhiên ta giác ngộ thêm mà sinh lòng quảng đại, ta sẽ vui lòng mà hội ý của cả mọi người, ta sẽ sung sướng mà nhìn nhận toàn thể nhân loại là anh em chị em một thịt ; lòng nhân của ta sẽ bao gồm phát toả trong hết thảy các thứ lớp dân chúng từ giàu tới nghèo, từ trẻ tới già. Cũng nhân dịp đi đây, đi đó ta học hỏi thêm mà toả lần kiến thức ra thêm rộng, ta nhận định rõ giá trị của ta và của người, kẻ cao kiến hơn ta, ta dùng lễ mà đối ; kẻ nhân từ ta dùng nghĩa mà theo ; kẻ học thức, ta dùng chí mà tùy ; kẻ ngay thẳng, ta dùng tín mà học. Bất luận màu da, đất lạ ai hơn ta thì ta học, ai kém ta thì ta bảo.

Cũng nhân dịp « đi một ngày đàng » ta sẽ tự hủy những ý niệm ích kỷ hẹp hòi, lòng tự ái cay chua tự đại, ta sẽ tự tạo ra những mỹ đức tự nhiên mà hướng theo một lý tưởng chân chính của « sự Sống ».

Những thượng giá đó mà ta muốn lãnh được là nhờ ở sự « Đi một ngày đàng» cả. Học sách, học trường không phải vì đó mà hoá dở, nhưng vì đó mà bổ khuyết nền giáo dục của ta, mà đưa ta vào những khung cảnh vĩ đại hơn, cao thượng hơn và nhân đạo hơn.

COMPOSITION FRANÇAISE

Description d'une action.

Une action principale est faite d'une série d'actions de détail qui concourent au même but.

Pour décrire une action, il faut indiquer :

1·) Tous les mouvements qu'elle a nécessités ;

2·) L'ordre de succession de ces mouvements.

Sujet. *Vous avez assisté à la préparation du riz destiné au repas familial. Dites comment elle se fait.*

Plan.

1·) Eutrée en matière.

2·) Action proprement dite :

a) nettoyage des grains de riz; b) cuisson du riz.

Devoir.

Ce soir-là, je suis retenu à la maison par la pluie dans l'état d'un désœuvré. Poussé par la curiosité, je vais à la cuisine voir ma mère préparer le riz.

Le fourneau en terre cuite, une fois allumé à peine, elle va laver le riz. Ma mère lave ensuite soigneusement la marmite réservée à cet usage. Accroupie sur ses talons, elle y met du riz et de l'eau et frotte les grains poignée par poignée. Elle verse doucement par terre cette eau blanchâtre. Elle recommence plusieurs fois cette opération jusqu'à ce que l'eau soit claire. Le riz blanc et sec rempli au tiers d'une cocotte se lave avec soin. La marmite de riz lavé, apportée à la cuisine, est mise sur un tabouret à côté de ma mère. Elle me charge d'activer le feu du fourneau déjà allumé, avec un éventail. Je suis content de voir le fourneau tout en flammes. Pour aider ma mère, je dépose la marmite sur le feu.

Au bout d'un moment, l'eau bout dans la marmite, toute grise de vapeur, en soulevant légèrement le lourd couvercle. Je vais l'enlever, selon la recommendation de ma mère faite tout à l'heure. Mais fort embarrassé à soulever le couvercle surchauffé de mes mains nues, je cours à la recherche des chiffons pour me les protéger. De ce retard, le couvercle se soulève à grand bruit, une écume blanche déborde la marmite et tombe dans le fourneau en grésillant sur le feu : le charbon est en partie éteint.

Ma mère, avertie, accourt. Munie de grosses baguettes, elle remue le riz à demi-cuit, en son entier. Jugeant que l'eau bouillie est suffisante pour la cuisson complète de son riz, elle n'a pas besoin d'enlever cette eau ou d'ajouter l'eau froide; vite, elle remet le couvercle pour attendre l'achèvement de la cuisson. Pour cela, elle doit continuer le chauffage du fourneau par un feu doux. Comme le feu est éteint presqu'à moitié par l'écume, elle ajoute trois minces morceaux de charbon. Elle active le feu en soufflant dans ces charbons. La poussière de cendre se soulève. La fumée brunâtre du feu s'épaissit, puis s'éclaircit peu à peu à mesure que tout le charbon du four prenne feu.

Bientôt le riz sera servi à table avec de bons mets que ma mère a préparés au cour de la cuisson du riz.

J'ai compris l'histoire du riz cuit. Je peux dès lors préparer moi-même mon riz.

VĂN-THẦM *(Cho-lớn)*

TRUNG-HỌC ĐỆ NHỨT CẤP

(KHÓA NHÌ — 18-9-50. SAIGON)

Luận Quốc-văn :

I — Một nhà văn Pháp có viết : « *Ôi, gia-đình là một học đường rất tốt* », Anh hãy **giải thích** và **bình luận** câu ấy.

Bài làm. — « *Gia* » ; các phần tử ở trong một nhà ; gồm có : — hoặc cha mẹ và con cái ; — hoặc (nghĩa rộng) : tất cả những người bởi một tông tộc.

« *Đình* » : nơi chung.

« *Gia-đình* » ; đoàn thể bởi một cha mẹ, ở trong một nhà.

« *Học* » : thu thập những điều chưa biết.

« *Đường* » : nghĩa đen ; gian (nhà) giữa, gian (nhà) chính nơi tiếp khách ; nghĩa rộng : nhà chung, ai cũng lui tới được.

« *Học-đường* » : nơi học tập, nơi thu góp những điều chưa biết.

Câu « *gia-đình là một học-đường rất tốt* » có thể hiểu đặng **2 cách:**

1) hoặc tác-giả có ý nói : gia-đình ta một nơi tự nhiên đầy dịp cho ta học tập, nhất là tu-luyện đức tính ;

2) Hoặc tác-giả muốn nói : gia-đình là một bầu không khí rất tốt, nơi mà thầy dạy, bầu-bạn, môn học đều tốt cả.

Nhưng theo nghĩa nào, lời tác-giả cũng trúng cả.

Gia đình là một bầu không khí rất tốt,hơn mọi nhà trường.

Người có trách-nhiệm giáo -dục đây là cha mẹ hay anh chị: kẻ thực tinh mưu-ích và xay đắp tương-lai cho con em.

Bạn học đây là anh chị em, đồng một máu mủ nên phần nhiều đồng tính, đồng nguyện vọng. — chung sống một nhà từ khi sinh ra, đã cùng nhau chia xẻ mọi điều may rủi. Ở học đường chúng ta gặp bạn tốt cũng có, nhưng không phải chỉ có những bạn tốt. Mà cái xấu lại lôi kéo ta mạnh hơn cái tốt...

Còn các môn học ở gia-đình không chỉ để mở mang trí tuệ và rèn tập trí phán đoán mà thôi, còn cốt ý huấn-luyện cho nên người, nên con người nghĩa-vụ ; hiểu và sống theo nghĩa-vụ đối với Thiên chúa, đối với quê hương, đối với cha mẹ, anh em, họ hàng bạn hữu ; đối với kẻ bề trên ; đối với người bằng vai hai bề dưới ; đối với chính mình v.v...

Bậc phụ huynh còn phải tập cho con em biết hy-sinh và tự-trọng ; giữ mình sạch trong ý tưởng, trong lời nói, trong việc làm ; biết trọng của người như của mình và không vì lợi mà quên nghĩa ; yêu chuộng sanh lý hơn cả mạng sống mình (thà chết không thà nói dối, gian tham, chữa mình...) ; rèn tập chí khí, khinh chê trở ngại ; bỏ tính kiêu căng khoe mình ; ưa bình an và làm cho người hòa thuận ; tập lòng quảng đại tử tâm ; biết kiên-nhẫn lúc gian-nan như hồi hùng-thạnh ; lánh sự xa xỉ rượu chè ; khinh chê những cử chỉ lười biếng ; lợi dụng thì giờ và xoay trở công việc...

Những môn học nầy, không phải dành riêng cho gia-đình mà thôi, tuy ở nhà trường, trí dục chiếm phần trọng hơn đức-dục, trái với ở gia đình : đây chẳng qua là một cách chia công việc huấn luyện, để mau đạt tới mục đích, chớ đừng tưởng ở trường: thầy giáo không có phép huấn luyện tâm tinh, chỉ lo mở mang trí tuệ mà thôi.

Và, như ta biết, đức-dục trọng-yếu và cần-thiết hơn trí-dục, thì giáo dục ở gia đình trọng yếu và cần thiết hơn giáo-dục ở học đường.

Nhưng câu « *gia đình là một học đường rất tốt* » còn có ý nghĩa khác nữa; một ý nghĩa thực hành hơn.

« *Gia đình ta là một học đường rất tốt* » : vì là nơi chúng ta tập, chúng ta thi hành những điều chúng ta học, chúng ta biết, hoặc chính ở gia đình, hoặc ở nhà trường, hoặc ở nơi khác.

Ở đâu bằng ở gia đình, chúng ta thi hành bổn phận loài thọ sanh, và bổn phận con em ?

Ở đâu bằng ở gia đình, chúng ta tập tính đại-độ ? Biết bao chuyện phiền phức, biết bao điều nhỏ nhen kẻ ở gần ta gây nên ? Ở ngoài giận ai chúng ta có thể xa lánh ; song ở gia đình, muốn hay không, chúng ta phải chung sống. Những hòn đá sỏi dưới giòng khe, đã nên tròn trơn nhờ sự va-đụng nhau; ở gia-đình, chúng ta nên thuần-hòa, nhờ gặp nhiều điều chích mích.

Ở đâu bằng ở gia đình, chúng ta có dịp tập đức bác ái, tập tính hy sinh; hy sinh ý riêng, thích riêng ; hy-sinh sức khỏe, của cải để phụng sự kẻ ta thân yêu ? ở gia-đình hơn ở nơi nào khác, chúng ta kinh nghiệm yêu thương không phải ở nơi miệng hay ở nơi sự thỏa mãn tình dục, song ở nơi sự bỏ mình và các sự thuộc về mình, sự hủy-diệt tinh ích kỷ để mang hạnh phúc tới cho kẻ mình yêu. Chúng ta tập đoàn kết, hợp quần, góc chung để tăng thêm sinh lực v.v...

Không nói đến những sự mà chính mình cha mẹ ta, có thể nói với ta bên kẽ tai; ngoài ra, các thầy giáo, hoặc thiếu kinh-nghiệm, hoặc thiếu uy tín, hoặc vì lý do khác không có thể bày-dạy ta đặng.

Cũng không nói đến sự dĩ nhiên : chúng ta tín nhiệm cha mẹ anh chị ta hơn thầy giáo ta ; nghĩa là ta thi hành bài học ta tận tâm hơn, chăm chỉ hơn. Cha mẹ anh chị ta cũng gần gũi ta nhiều hơn, biết ta hơn, hiểu nhu cầu ta hơn mọi ai khác.

Có thể nói chung và sơ qua rằng : ở gia đình hơn ở mọi nơi, chúng ta học đặng điều cần yếu và tốt đẹp nhất trong đời : học sống, và sống thực tế đầy đủ.

Song đây chỉ đứng về phương-diện lý-thuyết.

Thực ra mấy phụ huynh công nhận sự trọng yếu giáo-dục gia đình và can đảm gánh nhiệm vụ mình.

Có nhiều người lầm tưởng, mình đã làm trọn trách nhiệm giáo huấn con cái khi gởi nó đến trường « *vì quyền sư thế phụ* ».

Không. Học đường và gia đình phải cọng tác chặt chẻ trong việc đào tạo thiếu niên. Mà chỉ cọng tác chặt chẻ đặng khi mọi bên đều nhìn rõ trách nhiệm mình và thành tâm đảm nhận mà thôi.

P. ALPHONSE

BREVET ÉLÉMENTAIRE

(Session du 14 Septembre 1950)

I.— DICTÉE.— *La Jeunesse et la Vie*

De plus sages que moi vous prémuniront contre la part d'illusion que suppose votre jeune ardeur. Ils vous annonceront des déconvenues ; ils vous diront que la vie ne tient pas ce qu'elle promet et que, si on la connaissait quand on s'y engage, on n'aurait pas pour y entrer le naïf empressement de votre âge.

Pour moi, je vous l'avoue, tel n'est pas mon sentiment. La vie qui est là devant vous, comme un pays inconnu et sans limites, je l'ai parcourue ; je n'en attends plus grand chose d'imprévu ; ce terme que vous croyez à l'infini, je le vois tout près de moi. Eh bien ! la main sur la conscience, cette vie dont il est venu à la mode de médire, je l'ai trouvée bonne et digne du goût que les jeunes gens ont pour elle.

La joyeuse ivresse du vin nouveau de la vie qui vous rend sourds aux plaintes des découragés est donc légitime, jeunes élèves. Ne vous reprochez pas de vous y abandonner. Vous trouverez l'existence savoureuse, si vous n'attendez pas d'elle ce qu'elle ne saurait donner ! Quand on se plaint de la vie, c'est presque toujours parce qu'on lui a demandé l'impossible. Ici, croyez tout à fait l'expérience des sages. Il n'y a qu'une base à la vie heureuse : c'est la recherche du bien et du vrai.

RENAN

Questions

I. Expliquez le sens des mots et expressions : déconvenues ; la main sur la conscience ; une existence savoureuse.

II. Fonction des mots suivants : *l'* (je vous l'avoue) ; *médire* (à la mode de médire) ; *digne* (digne du goût).

III. Nature et fonction des propositions contenues dans la phrase : « Vous trouverez l'existence savoureuse... ce qu'elle ne saurait donner ».

Réponses :

1.) *Déconvenue* : échec humiliant ou inattendu ; déception.

La main sur la conscience : expression signifiant qu'on parle sincèrement, comme si l'on prend la conscience à témoin de sa sincérité.

Une existence savoureuse : une vie pleine de saveur, c'est-à-dire une vie intéressante, digne d'être vécue.

2.) l' { mis pour le = cela, pronom personnel, 3e pers. du sing. compl. dir. d'obj. de avoue.

Médire { verbe à l'infin. compl. déterm. de mode

Digne { adj. qualif. attribut de l' mis pour la (vie) fém. sing.

	Propositions	Nature	Fonction
1	Vous trouverez l'existence savoureuse	principale	
2	Si vous n'attendez pas d'elle ce	sub. conj. introduite par la conj. de sub. SI	compl. de condition de la principale.
3	Qu'elle ne saurait donner	sub. relative introduite par le pron. relatif CE	compl. déterm. de ce

Composition Française.

(Session du 14 Septembre 1950)

Dans une fable de La Fontaine, « un octogénaire plantait »; trois jeunes hommes se moquaient de lui : « Passe encore de bâtir, mais planter à cet âge », disaient-ils.

Montrez la beauté morale et la valeur sociale de cette réponse du Vieillard :

« Mes arrière-neveux me devront cet ombrage.
Eh bien ! Défendez vous au sage
De se donner des soins pour le plaisir d'autrui ?»

Remarque

Il est question ici de la fable « *Le Vieillard et les trois jeunes hommes* ». Il faut la relire avant de traiter ce sujet, pour bien en pénétrer la portée morale. La Fontaine y parle de trois jeunes gens qui se moquent d'un vieillard en train de *planter*, car, lui disent-ils, « quel fruit de ce labeur pouvez-vous recueillir ? », C'est alors que l'octogénaire insiste sur la beauté de la *charité*, du *dévouement véritable*, qui consiste à « se donner des soins pour le plaisir d'autrui».

Le canevas demande au candidat de « montrer la *beauté morale* et la *valeur sociale* » de cette vertu admirable qu'est la *Charité* (1).— On voit que la suite de la fable — à savoir la mort et la punition des trois imprudents — n'a aucune importance ici ; on peut la négliger.

Plan

Début.— Rappeler sommairement la fable et montrer que le Vieillard veut parler de la beauté morale et sociale de la ***charité***.

Beauté morale de la Charité

(1) Certains l'appellent Philanthropie, Dévouement, Solidarité. Entr'aide, Secours mutuels etc... Le vocable importe peu ; l'essentiel est de bien saisir ce qu'il exprime.

1· *Elle nous ennoblit* — car elle est le contre-pied de l'*égoïsme*.

exemples { a) dévouement du Vieillard de la fable pour ses « arrière-neveux »
b) dévouement admirable des parents pour leurs enfants

2· *Elle assure notre bonheur* — Le vrai bonheur consiste à *sortir de nous-mêmes* pour ne songer qu'à autrui. *Exemple* : Titus répétait : « Diem perdidi », chaque fois qu'il ne pouvait aider quelqu'un.

Valeur sociale de la Charité

1· *Elle est l'élément fondamental de la Solidarité.*

2· *Elle fait la grandeur d'une nation.*

Développement

Début — Dans la fable « Le Vieillard et les trois jeunes hommes», «l'inimitable» La Fontaine nous conte l'histoire des trois jeunes éphèbes, qui raillaient imprudemment un " octogénaire ", en train de planter. C'est une œuvre insensée, disent-ils, car vous serez mort et enterré bien avant d'avoir pu profiter de cet arbre. En guise de réponse, le vieillard leur prêche sur la beauté de la *Charité*, qui consiste à «se donner des soins pour le plaisir d'autrui».

A-t-il raison de parler de la sorte ? Que vaut la Charité au point de vue moral et social ?

Beauté morale de la Charité

La Charité possède une grande valeur morale, puisqu'elle peut être regardée comme la plus noble de toutes les vertus. En particulier,

1) elle nous ennoblit — Dans la généralité des cas, l'homme songe plus à ses aises, à ses intérêts qu'au soulagement des peines d'autrui. C'est dire qu'il est souvent *égoïste*, faisant de sa personne le centre de ses préoccupations. Dans ses actions, il est surtout ques-

tion de *benèfice*, de *gain*, de *profit*. La Charité, au contraire, refoule tout retour sur lui-même pour ne s'occuper que d'autrui.

a) Le Vieillard de la fable sait pertinemment qu'il n'aurait aucune chance de manger des fruits de l'arbre qu'il plante. Sa vieillesse avancée fait de lui la victime assurée de la Mort. Il n'a donc pas en vue son plaisir personnel. Il ne pense qu'à « *ses arrière-neveux* qui lui devront cet ombrage ». La perspective de se rendre utile à ses descendants lui suffit, même si à ce moment il ne sera plus de ce monde.

b) L'amour des parents pour leurs enfants renferme aussi plus d'un enseignement. Le *père* travaille péniblement toute la journée et gagne parfois un salaire dérisoire. Il n'en continue pas moins à peiner, car il songe à nourrir sa femme et ses enfants. La *mère* se dévoue aussi tout entière au soin du ménage. Elle se donne pour tâche d'élever ses enfants dans les principes de la morale pour en faire de bons citoyens. Elle ne connaît plus de repos quand ils sont malades ou éprouvés. L'amour maternel est admirable.

Ainsi, la charité nous soustrait à nos pensées habituelles, qui sont souvent terre-à-terre, pour nous élever dans la région sereine du désintéressement. C'est pourquoi les religions y attachent-elles l'idée de *mérites* et de *récompenses* dans l'au-delà ou dans une existence ultérieure.

2) *elle assure notre bonheur*. — Les humains poursuivent le Bonheur, qui consiste d'après eux, dans la jouissance de tous les biens et dans l'exemption de tous les maux. Une pareille conception est fallacieuse, car le vrai Bonheur consiste à sortir de nous-mêmes, à oublier notre moi pour ne penser qu'à autrui. « Aussi, poètes et moralistes sont-ils d'accord pour nous affirmer qu'il y a plus de plaisir à donner qu'à recevoir, « que le Bonheur consiste à faire plaisir aux autres.. »

Quand nous avons rendu service à quelqu'un, nous éprouvons une joie profonde, provenant de la satisfaction de la conscience. Cette joie est si pure qu'elle nous fait oublier toutes nos peines. Certains ont si bien compris cette vérité qu'ils se donnent pour tâche de ne jamais manquer aucune occasion de servir le prochain. C'est ainsi

que l'empereur romain Titus, surnommé les « Délices du genre humain », disait : « *Diem p·rdidi* » (J'ai perdu ma journée) quand il avait passé un jour sans avoir pu secourir quelqu'un.

• Voulons-nous être heureux ? Montrons nous larges, indulgents, charitables et le bonheur de nos bénéficiaires nous comblera d'aise.

Va'eur sociale de 'a Charit·

Excellente dans le domaine moral, la Charité produit des effets merveilleux au point de vue social.

1) *Elle est l'élément fondamenta' de la So'idarité.*— Une société ne saurait subsister sans la collaboration étroite de tous ses membres. Et comme les hommes sont mortels, cette collaboration se prolonge aussi dans le temps, entre les différentes *générations*. L'ensemble detous ces liens quiunissent les concitoyens d'une même nation entre eux et avec leurs ascendants se nomme *Solidarité*. Or, au fond, la solidarité n'est que la *charit·*, qui consiste en ce que chacun pense surtout à l'intérêtgénéral et applique le mot du poète :

Nul ne peut se vanter de se passer des hommes (Sully Prud–homme.

2) *Elle fait la gra·deur d'un· nation.*— Un pays est fort par la puissance de sou armée et par ces moyens de défense et d'attaque. Mais il l'est aussi — et peut–être plus encore — par l'esprit de charité qui anime tous ses enfants.

Une nation peut être fière de ses œuvres de bienfaisance: *orphelinats*, pour déshérités, *crèches* pour enfants abandonnés, *hospices* et *asiles* pour vieillards et impotents, *hôpitaux gratuits* pour malades indigents, *coopératives* pour gens de petite bourse, *cantines* pour élèves pauvres et ouvriers sans le sou, « *gouttes de lait* » pour mères en détresse... Ce sont autant d'entreprises merveilleuses créées par la charité au service de la misère et de la pauvreté. Leur existence montre à quel niveau moral est arrivé un peuple ; leur nombre et leur variété mesurent la force et la vitalité d'une race.

Conclusion.— Le Vieillard a donc raison de blâmer la raillerie insensée des trois jeunes hommes. C'est bien égoïste de penser uniquement au profit personnel dans chacune de nos actions. Par contre, quoi de plus noble que de songer aux autres ?

Retenons la leçon morale de cette fable et en toutes circonstances, montrons nous charitables. Observons ce précepte lapidaire du poète : *Soutiens ton frère qui chancelle* (Victor Hugo)

Emile NGUYỄN-VĂN-HẠNH

BREVET D'ETUDES DU 1er CYCLE
du Second Degré
(Session du 14-9-50 — Saigon)

Mathématiques

Problème I. — Deux cyclistes qui se rendent d'une ville A à une ville C partent tous deux à 8 heures de A. La route qui sépare A de C comprend tout d'abord une montée AB de 24kms, puis une descente B C. En montée la vitesse horaire du 1er cycliste est de 12kms, celle du second n'est que les 5 de

celle du 1er : mais à la descente, le 1er cycliste augmente sa vitesse primitive de moitié alors que le second double la sienne. Ils arrivent ensemble en C. On demande :

1°) l'heure d'arrivée des 2 cyclistes à la ville C.

2°) la distance qui sépare la ville A de la ville C.

Remarque

Souvent, dans les problèmes de courrier, on exige que nous fournissions deux solutions :

1) *une solution arithmétique et une solution algébrique.*

2) *ou une solution algébrique et une solution graphique.*

Nous essayons donc d'offrir à nos lecteurs trois méthodes de résolution différentes afin qu'ils ne soient pas pris au dépourvu le jour où ils auront à passer à une telle éventualité.

Enfin, à propos des opérations à effectuer, une petite remarque s'impose pour éviter les multiples erreurs que provoquent les calculs sur les nombres complexes, *les résultats décimaux gagneront à s'exprimer sous forme de fraction.*

1.— Solution arithmétique

En montée la vitesse horaire du 2e cycliste est de :

$$12^{kms} \times \frac{5}{6} = 10^{kms}$$

Et pour parcourir la montée A B de 24kms, il doit mettre :

$$1^h \times \frac{24}{10} = 2^h \frac{4}{10} \text{ ou } 2^h \frac{2}{5}$$

tandis que le 1er cycliste ne met que :

$$1^h \frac{24}{12} = 2^h.$$

La différence de ces 2 temps est de :

$$2^h \frac{2}{5} - 2^h = \frac{2}{5} \text{ h.}$$

Mais à la descente, le 1er cycliste augmente sa vitesse de moitié et possède une avance de $18^{kms} \times \frac{2}{5} = \frac{36}{5}^{kms}$ au moment où le 2e cycliste arrive en B.

Or, sur le parcours B C, ce dernier doublant sa vitesse, fait en 1 heure : $20^{kms} - 18^{kms} = 2^{kms}$ de plus que le premier cycliste.

Donc, il pourra le rejoindre lorsqu'il aura fait $\frac{36}{5}^{kms}$ de plus c'est-à-dire au bout de :

$$1^h \times \frac{36}{5} : 2 = \frac{18}{5} \text{ h.} = 3^h \frac{3}{5}$$

Par suite les 2 cyclistes arrivent ensemble en C à :

$$8^h. + 2^h. \frac{2}{5} + 3^h. \frac{3}{5} = \boxed{14h.}$$

2) La distance qui sépare la ville A de la ville C se compose de la montée A B de 24^{kms} et de la descente B C.

Or la distance B C est égale à :

$$20^{km} \times \frac{18}{5} = 72^{km}.$$

Donc, la distance A C est de :

$$24^{kms} + 72^{kms} = \boxed{96^{kms}}$$

II.— Solution algébrique

Sa vitesse horaire étant de : 12kms $\times \frac{5}{6} = 10$km^{s}., le *2*^{e} cycliste parcourt la montée AB en :

$$1^{h} \times \frac{24}{10} = 2^{h}\ \frac{4}{10} = 2^{h}\ \frac{2}{5}$$

et le 1er cycliste la parcourt en :

$$1^{h}. \frac{24}{12} = 2^{h}.$$

Cette différence : $\frac{2}{5}$ h. des deux temps nous montre que le 1er cycliste a fait $\frac{2}{5}$ h. de trajet sur la descente BC au moment où le 2e cycliste arrive en B.

Si nous désignons par x le temps mis par ce dernier pour parcourir la descente BC (x devant être positif, l'heure et le kilomètre étant choisis pour unités), le temps mis par le 1er cycliste sera :

$$x + \frac{2}{5}.$$

Pour arriver en C, le 1er cycliste augmentant sa vitesse primitive de moitié devra alors faire une distance de :

$$18\left(x + \frac{2}{5}\right)$$

et le 2e cycliste doublant sa vitesse primitive fera une distance de : $20\,x$.

Or ces deux distances, représentant toutes les deux, la longueur de la descente BC, sont égales.

Nous avons donc l'équation suivante :

$$20\,x = 18\left(x + \frac{2}{5}\right)$$

$$= 18\,x + \frac{36}{5}$$

d'où :

$$20\,x - 18\,x = \frac{36}{5}$$

$$2\,x = \frac{36}{5}$$

$$\text{et} \quad x = \frac{18}{5} = 3\ \frac{3}{5}$$

Réponses :

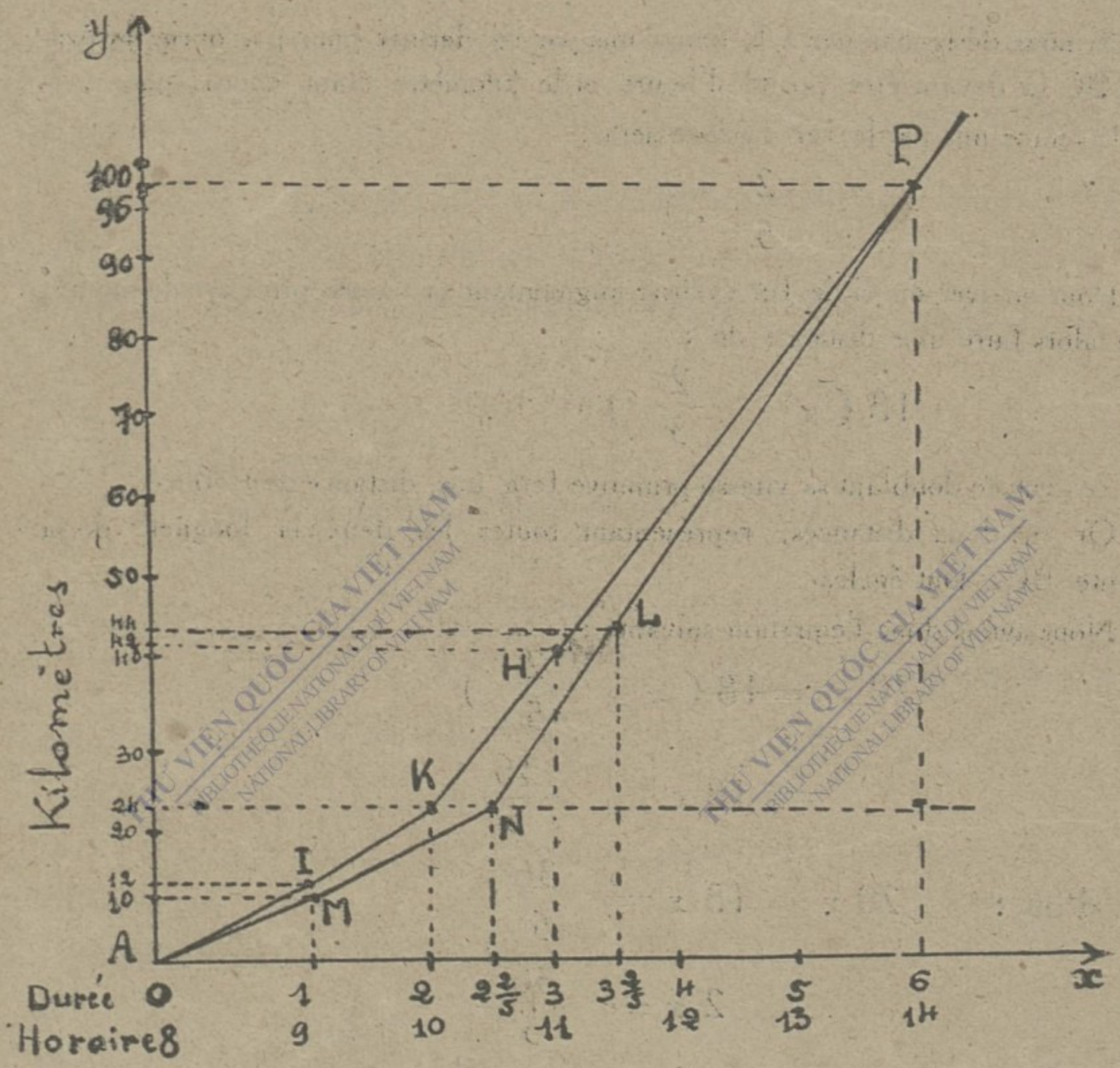
1°) Heure d'arrivée des deux cyclistes à la ville C :

$$8^{h}. + 2^{h}.\ \frac{2}{5} + 3^{h}.\ \frac{3}{5} = \boxed{14\ \text{h.}}$$

2°) Distance séparant la ville A de la ville C :

$$24\text{kms} + \left(20\ \text{kms} \times \frac{18}{5} \right) = \boxed{96\ \text{kms.}}$$

III.— Solution graphique



Soient 2 axes rectangulaires Ox et Oy. Les temps sont portés en abcisses et les distances en ordonnées. Chaque division représentera 1h sur l'axe des x et 10kms sur l'axe des y.

1°) *Trajet du 1er cycliste.*— En montée, le 1er cycliste part de A pour B situé à 24km. à une vitesse horaire de 12km. Au bout d'une heure sa position est figurée par le point I d'abcisse=1 et d'ordonnée=12. A son arrivée en B, sa position est figurée par le point K d'abcisse = 2 et d'ordonnée = 24.

En montée, sa marche est donc représentée par la droite AIK.

Mais à la descente, il augmente sa vitesse de moitié et, au bout d'une heure il s'éloigne de B d'une distance de 18km : sa position est figurée par le point H d'abcisse = 3 et d'ordonnée = 42.

A la descente, sa marche est donc représentée par la droite KH.

2.) *Trajet du 2e cycliste.*— En montée, le 2e cycliste part de A pour B à une vitesse horaire de 10km. Au bout d'une heure sa position est figurée par le point M. d'abcisse = 1 et d'ordonnée = 10. A son arrivée en B, sa postition est figurée par le point N d'abcisse = $2\frac{2}{3}$ et d'ordonnée = 24.

En montée, sa marche est donc représentée par la droite AMN.

Mais à la descente, il double sa vitesse, et au bout d'une heure il s'éloigne de B d'une distance de 20km : sa positton est figurée par le point L d'abcisse = $3\frac{2}{5}$ d'ordonnée = 44.

A la descente, sa marche est donc représentée par la droite N L.

Lieu et heure d'arrivée.— Les droites KH et NL se coupent en un point P qui correspond à l'emplacement de la ville C sur l'axe des y et à l'heure d'arrivée sur l'axe des x.

Or la perpendiculaire menée de P à Ox aboutit à la division 6 (durée) ou 14 (horaire)' et celle menée de P à Oy aboutit à la division 96.

Donc :

Les deux cyclistes arrivent ensemble en C à | 14h.

Et la distance séparant la ville A de la ville C est de | 96kms.

XUÂN-SA

Errata : Dans n° 21, p. 24 au lieu de : 4 + 96 × 100. Lisez : 4 + 96 = 100, p. 25 au lieu de : proposition, Lisez proportion.

BAN TÚ - TÀI

TRUYỆN THÚY - KIỀU

(Tiếp theo C.H. số 16)

Khóc than khôn xiết sự tình,
Khéo vô duyên (1) bấy là mình với ta.
Đã không duyên trước chăng mà,
Thì chi chút ước gọi là duyên sau.
Sắm-sanh nếp tử (2) xe châu (3),
Vùi nông (4) một nấm mặc dầu cỏ hoa.
Trải bao thỏ lặn ác tà, (5)
Ấy mồ vô chủ ai mà viếng thăm.
Lòng đâu (6) sẵn món thương tâm,
Thoát nghe Kiều đã đầm-đầm châu (7) sa.
Đau đớn thay phận đàn-bà,
Lời rằng bạc-mệnh cũng là lời chung.
Phủ-phàng chi bấy hóa-công ?
Ngày xanh mòn-mỏi má-hồng phôi-pha.
Sống làm vợ khắp người ta,
Hại thay ! thác xuống làm ma không chồng.
Nào người phượng chạ loan chung (8)
Nào người tiếc lục tham hồng (9) là ai ?
Đã không kẻ đoái người hoài,
Sẵn đây ta kiếm một vài nén hương.
Gọi là gặp-gỡ giữa đường.
Họa là người dưới suối-vàng (10) biết cho.

Dịch pháp-văn

Il avait beau pleurer et se lamenter qu'il ne put exprimer toute la douleur qui l'empoignait :

Décidément, il était écrit que nous ne devions pas nous rencontrer, toi et moi.

Puisque notre union n'a pas été voulue par la destinée,

Je préfère t'offrir ce petit gage indigne de l'amour éternel que j'entends te vouer.

Il se procura une bière en bois de tử et un char funèbre.

Il enterra sommairement la morte, et sur cette tombe peu profonde, fit élever un tumulus que les herbes ne tardèrent pas à envahir.

Depuis combien de fois la lune et le soleil ont paru et disparu

C'est une tombe abandonnée que personne ne visite.

Quel cœur bizarre (que celui de Kiều) ? elle y tient, toujours prêt à s'épancher, un sentiment de pitié, une affection.

Elle entendit à peine ce petit récit que des larmes abondantes se répandirent de ses yeux :

Quel sort douloureux que celui de la femme !

Ce qu'on appelle le sort ingrat est une chose qui n'est pas personnelle à cette malheureuse morte. Elle est commune à toutes les femmes.

Pourquoi êtes-vous à ce point cruel, grand ouvrier qui a tout créé ?

Les beaux jours du printemps passent et les joues roses se fânent.

Si vivante, elle a été la femme de tout le monde.

Malheur à elle ; car une fois morte, elle devient dans le monde d'en-bas une âme sans mari.

J'évoque ici les mânes de celle qui a vécu ainsi avec plusieurs hommes,

J'évoque encore les mânes de celle qui n'a pas su choisir, parmi ceux qui l'avaient tentée. Qui est-elle ? qu'elle m'apparaisse ;

Puisque personne ne vous pleure et ne s'occupe de vous.

Je vais me procurer quelques bâtonnets d'encens.

Pour vous témoigner (le sentiment que j'éprouve à votre égard) lors de cette rencontre fortuite, au cours de ma promenade.

Peut-être, celle qui est au-lelà des sources jaunes, verra-t-elle mon geste ?

(N.V.V.)

CHÚ

1 — *Vô-duyên* : « duyên » là số do Hóa-công định trước khi đàn-ông yêu đàn-bà, « vô » là không. Vô-duyên là không có số phần gặp nhau, hay thương nhau.

2 — *Nếp-tử* : quan tài bằng cây tử, thứ cây tầm thường.

3 — *Xe-châu* : xe tang có treo một hột ngọc giả, ý nói hạng rẻ tiền.

4 — *Vùi nông* : « vùi » : chôn, « nông » : cạn, không sâu.

5 — *Thỏ lặn, ác tà* : trong văn-nghệ ta gọi : « thỏ » là mặt trăng, do chữ : *Ngọc-thố*, thỏ trắng ; « ác » là mặt trời, do chữ *Kim-ô*, (quạ) ác vàng. *Thỏ lặn ác tà* , mặt trăng, mặt trời lặn, ví với ngày đêm tiếp nhau qua.

6— *lòng đâu* : « đâu » có nghĩa như trong câu hỏi : ở đâu ?, dùng trong ý của chữ : ai ? vì thế ?, ta đã gặp ở câu : Người *đâu* gặp gỡ....

« Lòng đâu » nghĩa là : tấm lòng « *gì mà* » sẵn...

7 —*Châu sa* : « châu » : hột ngọc, « sa » : rơi, rớt xuống. Châu sa : nước mắt rơi, khóc. Ở nước nào cũng thế, người ta ví nước mắt đàn bà như hột ngọc.

Tương truyền giống thủy-quái như rồng, rắn tu thành người lên ở trên đất sống chung với ta. Khi có lịnh gọi về thủy–cung, chúng nó từ giả bè-bạn, khóc rơi nước mắt thành ngọc trai.

8 — *Phượng, loan* : « phượng » : chim trống, « loan » : chim mái, giống chim trong các truyện Truyền-kỳ thuật rằng : của Tiên cởi bay trên trời. Người ta dùng để ví vợ chồng.

9 — *tiếc lục tham hồng* : tiếc màu xạnh, lại tham màu hồng, chỉ người tham lam, băn khoăn muốn bỏ cái này, lại thích vơ cái khác, không nhất định. Thuý–Kiều cho rằng Đạm–Tiên không khéo chọn lựa một người xứng đáng nên đến chết phải làm ma không chồng.

10 — *Suối vàng* : theo Thần-thoại : người chết về ở một nơi cách dương gian chín ngọn suối, nước màu vàng. Ta cũng gọi : « chín suối » hay theo chử : « cửu toàn ».

Bình

Khách khóc, than rất nhiều nhưng không thể tả hết lòng đau :

— Nàng với ta không có duyên gặp-gỡ. Số phận đã định trước như thế, nay ta có điều mong ước nhỏ này để tỏ lịnh ta đối với nàng. »

Khách mua hòm gỗ tử, thuê xe tang, đắp điếm sơ–sài thây nàng thành một ngôi mộ để mặc hoa cỏ mọc trám. Ngày qua tháng lại, không ai thăm viếng nấm mồ hoang.

Vốn đa cảm, hay thương người, Thuý Kiều vừa nghe qua đã khóc ròng, than :

— Người ta nói : người có tài thì mạng số không ra gì, là nói chung tất cả, chẳng riêng ai. Phận đàn-bà đau đớn thật. Hoá-công ác nghiệt chi đến thế? Ngày xuân tươi sáng tiếp nhau qua, má hồng tươi thắm dần dần phai lợt. Sống làm vợ mọi người, chết làm ma không chồng.

Hỡi ai đã chung chăn gối với nhiều người ? Ai đã không khéo chọn lựa giữa đám người giao kết ấy ?

Vì không kẻ ngó-ngàng đến nên tiện đây ta kiếm vài nén hương để tỏ cho nhau cuộc gặp-gỡ giữa đường, may ra người dưới âm hiểu dược lòng ta.»

Giảng

—Chử « *mà* » ở cuối câu thứ 3 đoạn này không có nghĩa, có lẽ tác-giả dùng để ăn vần trong câu thơ, ngoài ra không có ý gì khác.

—Tác giả kể rõ tình yêu của khách : khóc, than, trách số-phận, và muốn tỏ lòng với người chết, bằng cách đắp-điếm thi-hài, nhưng sao lại bảo khách dùng hòm bằng cây Tử rẻ tiền, xe tang treo ngọc giả và chôn cất sơ-sài để cỏ hoa mặc tình mọc ?

Ta thường nói «*đào sâu chôn chặt*» để tỏ lòng yêu kính của người thân đối với kẻ chết, sao ở đây, khách lại đào không sâu và lấp vội-vàng ?

Ấy là lối nói khiêm-nhượng đặc biệt của người Việt-Nam ta : việc mình làm thì mình cho là xấu, tệ, không đáng giá, trái lại việc người thì mình cho là quí, đẹp sang.

Còn như «*mặc dầu cỏ hoa* » mọc phủ là vì sau khi chôn cất, Khách đã ra đi, từ đấy mới thành mồ hoang.

— Thúy-Kiều vừa nghe kể, vụt khóc mùi như chính người thân thích mình ngộ nạn. Có lẽ trong đời Kiều đã nghe hay « thấy » tận mắt nhiều chuyện đau lòng khác mà có lẽ Kiều không xúc động như lần này.

Lúc còn là Thái-Tử, Đức Thích ca thấy người già, bịnh, chết thì khóc than và phát tâm đi tầm đạo.

Thuý Kiều nghe chuyện ả giang-hồ chết yểu, mồ mả không kẻ viếng thăm thì khóc, than, vẩn-vơ suy nghĩ rồi nằm chiêm-bao và lo ngại thân mình giữa lúc sống yên vui cạnh mẹ cha.

Xem đấy ta thấy rằng tác-giả rất khéo dàn xếp cho ta thấy Thúy-Kiều là một mỹ-nhân tuyệt sắc, tinh-hoa bộc phát ra ngoài, lại còn để Nàng suy nghĩ và thực-hành một việc có liên-quan đến số kiếp mình.

Xét ngay ở đây, ta có thể đoán thân-thể Nàng sẽ « không ra gì » do tánh tình mà người con gái đoan-chính ít khi có.

— Có bản chép chữ « *kiếm* » trong câu ; « *Sẵn đây ta kiếm một vài nén hương* » là « *thắp* » thì không đúng nghĩa vì đi đến đấy, Kiều không sẵn nhang, đèn, làm sao thắp ngay được ?

Hơn nữa cách đây 3 câu, tác-giả có nói.

« *Sụp ngồi* » *đặt cỏ* « *trước mồ* »... rõ ràng Kiều đề nằm cỏ thế cho nén hương, cũng như ta thường dùng ba hòn đất.

LÊ-HƯƠNG

LUẬN QUỐC VĂN

« *Khen cho con mắt tinh đời.*
Anh-hùng, đoán giữa trần ai mới già !
Một lời đã biết đến ta,
Muôn chung, nghìn tứ, cũng là có nhau ! »

Bốn câu thơ trên này trích ở đâu ? Hãy kể một chuyện hợp với bốn câu ấy và bình-giảng hay làm ít câu thơ có ý nghĩa như bốn câu thơ ấy.

Anglais pratique

Questions fréquentes	Current questions
Connaissez-vous ?	Dou you know ? *Dou you noou.*
Comment vous appelez-vous ?	What is your name ? (1) *Wotiz yaur réim.*
Où demeurez-vous ?	Where do you live ? *Wèer dou you liv.*
D'où venez-vous ?	Where do you come from ? *Wèer dou you koem from ?*
Où allez-vous ?	Where are you going to ? *Wèer âr you gouing tou.*
Comment écrivez-vous ?	How do you write ? *Haou dou you rait,*
Quel est votre âge ?	How old are you ? *Haou ould âryou.*
En quelle année êtes-vous né ?	In what year were you born ? *In wot yèr wërgou baurn.*

(1) En anglais ce qu'on appelle proprement le *nom*, c'est le nom de baptême (*name*). Le nom de famille est le *surnom*.

Où est, où sont	Where is, Were are ? *hwèer :z.*
Puis-je avoir	May I have *méiai hav*

Erratum.— n° 22, p. 35. *Y a-il quelqu'un qui comprenne le français?*

Grammaire anglaise

III.— **L'Adjectif.**— L'adjectif est invariable et se place avant le nom qu'il qualifie.

Ex : Un bon garçon, *a good boy* ; une bonne fille, *a good girl*; des dames aimables, *kind ladies.*

Le **comparatif** et le **superlatif** des adjectifs de plus de 2 syllabes se forme avec adverbes *more* (plus) et *the most* (le plus). Ex : Plus actif, *more diligent* ; la plus élégante, *the most elegant*.

Les adjectifs d'une syllabe forment leur comparatif en prenant la terminaison *er* et leur superlatif en prenant la désinence *est*. Ex.: Petit, *small* ; plus petit, *smaller* ; le plus petit, *the smallest*.

La plupart des adjectifs de deux syllabes, et notamment tous ceux terminés par **y**, forment leur comparatif et superlatif comme ceux d'une syllabe. Ex : *Narrow, narrower, narrowest*. (Ceux en **y** prenne *ier* et *iest*; *lazy, lazier, laziest*.)

Comparatifs et superlatifs irréguliers.— *Good* (bon), *better* (meilleur), *the best* (le meilleur) *bad* (mauvais), *worse* (pire), *the worst*; *little* (petit), *less*; *lesser* (moindre), *the least* (le moindre); *far* (éloigné) *farther, the farthest*; *old* (vieux) fait *older* et *the oldest* dans le sens général, mais *elder* et *the eldest* dans le sens de aîné; *fore* (antérieur), donne *former* (premier de deux, opposé à *latter*, dernier) et *the first* le premier de tous, opposé à *last*, dernier).

Adjectifs démonstratifs et possessifs (V. pronoms)

Quelque se traduit par *some* ou *any*. *Some* s'emploie surtout dans les phrases affirmatives. Ex : J'ai quelques livres, *I have some books*.

Le véritable sens de *any* étant « n'importe quel », on s'en sert surtout dans les phrases interrogatives, négatives et dubitatives. Ex.: Je lis n'importe quel livre, *I read any book*; il ne lit aucun livre, *he does not read any book* (he does not read some books voudrait dire : il y des livres qu'il ne lit pas.)

L'article partitif se traduit souvent par *some* ou *any*. Ex : Voulez-vous du pain, *will you have some bread ?*

Quelqu'un : *somebody;* quelques-uns : *some.*
Personne : *nobody, not... anybody.*
Quelque chose : *something* (rien : *nothing, not... anything*)
Beaucoup de se traduit par *much* au singulier et *many* au pluriel.
Plus de se traduit par *more.*
Peu de se traduit par *little* au singulier et *few* au pluriel.
Un peu de : *a little* (sing.) *a few* (pluriel)
Moins de se traduit par *less* au singulier et *fewer* au pluriel.

Conversation courante

Français — Anglais

En promenade

Quel beau temps !
Oui, il fait vraiment beau.
Où allez-vous ?
Je n'ai pas de but précis, je me promenais au hasard dans la ville.
Je vous proposerais de faire une petite promenade si vous n'y voyiez pas d'inconvénient.
Au contraire, cela serait très agréable.
Allons-nous à la campagne ?
Nous pourrions aller à....

Irons-nous par le train ou à pied?
Nous ferions mieux de marcher, car il n'y a rien de plus agréable que la marche lorsqu'il fait beau.
Parfait. Alors, allons-y à pied.
Quelle distance y a-t-il d'ici à...?
Cinq kilomètres, nous y serons dans une heure.
Aimez-vous la marche ?
Mieux que la bicyclette
De toute façon, c'est un très bon exercice pour la santé.
S'il pleuvait, nous pourrions revenir par le train.

Current conversation

French — English

On a walk

How beautiful the weather is!
Yes, it is very fine indeed.
Where are you going to ?
I have no idea, I was strolling about the town.
I should propose a little excursion, if you didn't object to it.
Not at all, it would be delightful I think
Shall we take a walk in the country ?
We could go to...
Shall we go there by train or walk it ?
We had better walk: for there is nothing like walking when the weather is fine.
All right. Let us walk it then.
How far is it from here to...?
Five kilometres, we shall get there in an hour's time.
Do you like walking ?
Better than cycling,
Anyhow, it is a very good sport for health.
If it rained, we could come back by train.

Anthologie de la Poésie Vietnamienne

HỒ-XUÂN-HƯƠNG

Née vers la fin de la dynastie des Lê postérieurs, c'est-à-dire dans la seconde moitié du XVIIIe siècle, HỒ-XUÂN-HƯƠNG aurait quitté sa province d'origine de Nghệ-An (Centre Viêt-Nam) pour s'établir au village de Khán-Xuân, près de Hànoi.

De bonne heure orpheline de père, elle fut confiée à d'habiles précepteurs qui, charmés par son intelligence précoce, firent d'elle une poétesse de renom. Dès lors elle attira autour de sa personne tout un cercle d'admirateurs.

Cependant elle se montra très exigente dans le choix d'un époux. Cette attitude eut pour résultat de la rendre insatisfaite dans sa vie conjugale : elle consentit à devenir femme de second rang d'un grand lettré devenu tri-phủ (préfet) de Vĩnh-Tường.

Après la mort de ce mandarin, elle fut contrainte par sa mère à épouser un riche chef de canton, surnommé ironiquement «*Tổng Cóc*» (Monsieur le Crapaud), à cause de son manque de culture. Ce mariage d'argent fut de courte durée. Devenue veuve encore une fois, HỒ-XUÂN-HƯƠNG résolut de se consacrer entièrement à la poésie.

Entre temps, elle chercha dans les voyages à travers le pays un remède à sa solitude intérieure. Cela ne l'empêcha point de nouer des relations littéraires très suivies avec certains lettrés pleins de galanterie, entre autre le docte CHIÊU-HỔ.

Cette femme de lettres a laissé bon nombre de poésies qui suffisent à révéler l'originalité et la maîtrise de son talent. Ses vers, qui frappent par la fréquence des allusions érotiques dues à une curieuse crise sentimentale, laissent voir une candeur souvent perverse, une vigueur spirituelle, une teinte d'amertume refoulée, une ardente spontanéité, une indépendance de pensée, qui confèrent à la célèbre poétesse une personnalité unique dans l'histoire de la littérature du Viêt-Nam.

Leçons particulières de Mathématiques

Bacc. — Diplôme — Brevet.

M. XUÂN-SA

37 Rue Heurteaux — Saigon

Ses poésies les plus caractéristiques sont :
1o Le Col des Trois Bombements. — 2o La pagode de Huong-Tich.
3o La grotte du Génie réincarné. — 4o Pleurer un époux.
5o Pour ridiculiser un bonze. — 6o Le sort d'une concubine.
7o Jouer à la balançoire. — 8o S'asseoir pour tisser,
9o Le puits.

Hang Thánh-hóa.

Khen thay con Tạo khéo khôn phàm :
Một đố giương ra biết mấy ngàm.
Lườn đá có leo rờ rậm-rạp.
Lách khe nước rỉ mó lam nham.
Một sư đầu trọc ngồi khua mỏ,
Hai tiểu lưng tròn đứng giữ am.
Đến mới biết rằng hang Thánh-hóa,
Chồn chơn mỏi gối hãy còn ham.

La Grotte du Génie réincarné.

Louons le Créateur qui dépasse infiniment les hommes en habileté.

C'est une seule masse de pierre couronnée de mille crêtes;

Les flancs des rochers où grimpe une herbe drue, donnent au toucher une sensation touffue;

Le lit d'un ruisseau d'où sourd une onde claire, est rugueux au contact.

Un bonze au crâne rasé est assis, battant la crécelle;

Deux bonzillons, le dos arrondi, se tiennent debout, montant la garde à l'entrée du pagodon.

Il faut aller la voir pour se faire une idée de cette grotte du Génie réincarné;

Malgré les fatigues aux jambes et aux genoux, on ne cesse de la visiter.

LEÇONS PARTICULIÈRES
LATIN — GREC — ANGLAIS — LITTERATURE FRANÇAISE
Classes secondaires & P. S.
Préparation intensive aux divers examens.
S'adresser : **M. TRẦN-CỬU-CHẤN**
31, Trương-minh-Ký — Saigon

Xin lưu ý. — Mời quí bạn đón mua quyển Essais sur la Littérature Viêtnamienne. ông Trần-cửu-Chấn đã soạn sẽ phát hành lối cuối tháng.

TRÍCH TRONG SƠ THẢO QUYỂN :

VIỆT - HÁN - PHÁP TỰ' - ĐIỂN

(tiếp theo) *của* **ĐOÀN-PHÔ-VĨNH**

«**VỚI**».— **Avec**, prép, (tiền-trí-từ)

1. Với, cùng với. Chữ *Avec* trong văn-phạm pháp để nối liền hai chữ, hoặc hai tư-tưởng để chỉ sự quan hệ về sự liên quan ấy.

Avec để chỉ sự biến-thiên theo thời-gian (avec le temps). *Với thời-gian tất cả đều biến đổi từ vật-chất đến tinh-thần* (Tout change dans les corps et dans les esprits *avec* le temps)

Avec để chỉ : *với, dùng với*; Thảo-luận *với* một người bạn (discuter *avec* un ami); đồng *với* thời-gian ấy (en même temps que); Les Turcs se couchent avec le soleil ; Người Thổ-nhĩ-kỳ ngủ sớm khi mặt trời vừa lặng.

Avec chỉ : *bằng*, với *phương tiện ấy*. Ouvrir la porte avec une clef : Mở cửa bằng cái chìa khóa.

D'avec chỉ sự phân ly; divorcer *d'avec* sa femme ; Sự để vợ, phá hôn thú (ly dị).

2. Chữ « VỚI » trong quốc văn ta.

... «Những nhà văn nào nhớ quá-khứ, không thể rời bỏ hoàn-cảnh xưa, không đủ can-đảm ly-khai **VỚI** một thứ văn chương đã hết nhiệm vụ, những nhà văn ấy sẽ thấy mình cô độc» (Trích trong báo cũ)

—.. « Nhờ có những người nhiệt-thành (như *Ronsard*) bênh-vực cho quốc-âm như thế, nên quốc-văn pháp mới chóng độc-lập. Có mấy người thật là có công **VỚI** quốc-văn, hết sức cổ-động chấn-loát cho tiếng nước nhà thành văn-chương.

« Tuy công ấy là một cái công « *bạc chủ* » (travail ingrat), hậu-thế thường quên đi không biết đến mà sánh **VỚI** công người sau còn khó nhọc và to tát biết bao nhiêu ! (*Thượng-chi Phạm-Quỳnh*).

« *Nàng rằng « Hồng-diệp, xích thằng.*
« *Một lời rủng đã tiếng rằng tương-tri.*
« *Đừng điều nguyệt nọ, hoa kia.*
« *Ngoài ra, ai lại tiếc gì* **VỚI** *ai* ».

(Truyện Thúy-Kiều)

Những chữ nào có « dấu ngoặc » là thuộc tiếng Việt thuần-túy không phải chữ hán-việt.

Đoạn nầy là *Kim-Trọng* muốn nghe tiếng đàn ai-oán của nàng *Kiều*, nàng chịu vâng tất cả nhưng *phi-trừ sự nguyệt-hoa mà thôi.*

Vị-lai chủ-nghĩa.— *Futurisme* n.m.
(*Vị* : chưa đến; *lai* : ngày mai, sắp đến. *chủ* : đều cốt yếu trong việc; *nghĩa* : thuộc đạo nghĩa mình nhận là chủ.)

Chủ-nghĩa của phái vị lai căn cứ vào lập trường lý tưởng ấn hành trong *Bản tuyên-ngôn* ngày 20 février 1939 làm trụ cốt cho sự hoạt động nghệ thuật, cho nhân sinh quan và vũ-trụ quan của phái mình. *D. ch. Vị lai phái*, Futuriste.

D. ch Vị-lai-phái .— *Futuriste n. m.*

Một phong trào văn học và nghệ-thuật. phát sinh ở *Ý-đại-lợi* vào năm 1909 do một nhóm thanh niên văn-sĩ và nghệ-sĩ chủ-trương một cuộc « *phiền-động cực-điểm* » : (insurrection paroxystique) mục-đích để canh-tân nghệ-thuật, đánh đổ tất cả tập, tục, luân-lý hủ-lậu, và những công-thức cũ-kỹ phản tiến-hóa của phái « *mô-cổ* » (passéiste).

« Họ hoan-nginh sự được-tiến vào viễn-cảnh của vị-lai, họ tán-tụng sự tân-tạo, cổ-vũ một đời sống đầy sinh-lực và nhiệt-tâm, họ tán thành sự tiến bộ của cơ-giới. Đối với cá-nhân hay là một dân-tộc, họ khen ngợi sự nhanh chóng, sự tiến-công, sự hy-sinh với bao nhiêu đều nguy-hại. Họ chúc-tụng sự phát-triển của các cuộc phiến-loạn, bạo-động và chiến-tranh ».

(Phỏng dịch một đoạn văn trong Laiousse du XXè siècle)

Tóm lại phái vị-lai tán thành một phương pháp vô-lực để cổ-động tuyên-truyền về văn-học và nghệ-thuật. Bản tuyên-ngôn của vị lai phái phát-hành vào ngày 20 Février 1909 do ông *Marinetti* đề xướng và thủ lãnh.

(Kỳ sau xem tiếp)

CHUYỆN XƯA

Pha chì và bù chì

Tục ngoài Bắc có câu nói rằng : *Còn cha pha chì nốt*, lại trong Nam cũng có câu nói rằng : *Cha mẹ bù chì cho con*. Hai câu nầy đồng một tích mà nghĩa thì khác nhau, nay tôi dẫn tích và cắt nghĩa ra sau nầy :

Nguyên thuở xưa, một nhà kia có bốn anh em trai đều ở riêng, chia phiên mà nuôi cha già ; hằng năm mười hai tháng thì mỗi người lãnh cha về nuôi ba tháng, và giao lệ rằng : Bắt đầu đem cha ra cân coi nặng được bao nhiêu cân lượng, rồi cứ lần lượt theo thứ tự mà lãnh, mỗi ba tháng khi giao phiên, thì cân lại một lần, nếu người trước kém nuôi mà để xác cha nhẹ thịt sút cân, thì người sau không chịu lãnh.

Điều đó đã thành lệ thường của một nhà, rồi trong đám anh em có một người hất hủi cha già, lơ-đĩnh về việc nuôi nấng sắp tới kỳ thay phiên, biết chắc là cha phải sút cân, mới đúc sẵn một cục chì lớn, phòng khi đem cha ra cân, thì bắt cha giắt lén vô trong mình cho được nặng.

Bởi vậy mới thành câu tục : *Còn cha pha chì nốt*, là người ta mượn tích trên đây để nói tỷ-dụ về nghĩa những kẻ hay biếm nhẻ pha-phách người vai trên mình, nghĩa là cha mình còn pha chì, thì chắc không từ một người nào khác.

Còn câu *Cha mẹ bù chì cho con* thì lại là nghĩa cha mẹ vùa giúp bù đắp của riêng cho một đứa con, cũng do tích trên đây mà trong ý thì khác hẳn với câu tục kia. Số là trong đám mấy người con chia phiên nuôi một cha; có một người con nghèo khó không đủ mà nuôi cha phải ăn uống kham khổ, đến nỗi gầy ốm. Người cha thương đứa con nghèo ấy, e lúc cân mà sút nhẹ, thì nó sẽ xấu hổ với anh em, nên mới giắt lén một cục chì lớn trong mình để bù vào cho đủ.

Nói tóm tắt lại : đồng một sự giắt chì, mà do tự con thì nói là *Pha chì*, do tự cha thì nói là *Bù chì*, ý trong có khác nhau nên nghĩa ngoài cũng khác hẳn.

Nhưng dầu sao mặc lòng, các con đối với cha mẹ, kỏ có sức bao nhiêu thì phải hết lòng bấy nhiêu, chẳng so sánh thiệt hơn thì phải đạo *hiếu dưỡng*. Lễ đã dạy *Chúng tử tựu dưỡng vô phương* nghĩa là các con tới nuôi cha mẹ không nên phân phia nào. Còn con nuôi cha mẹ mà lại đi chia từng tháng từng ngày, cân từng lượng, ganh tị nhau từng ti, thì sao gọi là vô phương ?

Sao không nghĩ lúc cha mẹ nuôi con thì chia với ai, và cân với ai ? Cho nên tục có câu *Cha mẹ nuôi con bằng trời bằng bể, con nuôi cha mẹ con kể từng ngày*. Lại có câu : *Một mẹ nuôi đặng mười con, mười con không nuôi được một mẹ*, là lời than luân-lý suy đồi, kẻ làm con ít biết hiếu-dưỡng để báo đền công ơn cha mẹ nuôi mình, hầu hết đều như cái gia-đình đã dẫn tích trên đây vậy.

TRƯƠNG-V-TỐNG

Kinh-tế chảnh-trị

Cô **Tân-Huỳnh-Hoa** = *Chợlớn*

Tờ giao kèo nầy có 5 điểm quan trọng, lời hoặc lỗ là do nơi đó.

Modèle Contrat n° 1

Location d'un Cinéma

Entre les soussignés :

La société de Production des Film viêtnamiens, représentée par M. X... (De Nationalité viêtnamienne) à Saigon n°... rue..., d'une part,

Et M. T... Cantonnais, Titre d'identité n°... demeurant à Cholon, n°... rue....

d'autre part,

Il a été convenu et arrêté ce qui suit :

Article 1er — *La Société loue à M.T... qui accepte un cinéma sis à Cholon, n°... rue... pris sous la dénomination de « Paysage féérique » ; cette location comporte la maison, le mobilier et matériel, le tout tel qu'il existe moyennant un loyer mensuel de Trente mille piastres (30.000$) payable à la fin de chaque mois, sans dépasser le 5 du mois suivant.*

Article 2. — *En garantie de cette location, M.T... verse entre les mains de la Société un cautionnement de Dix mille piastres (10.000$) sans production d'aucun intérêt qui lui sera restitué à la fin du contrat.*

Article 3. — *Un retard quelconque apporté dans le paiement du loyer entraîne la résiliation pure et simple du présent contrat avec confiscation du cautionnement au profit du propriétaire après un avis donnant délai de 48 heures*

(Hiệp đồng mướn rạp chớp bóng)

Những người đứng tên sau đây :

Một đàng là Công-ty sản-xuất phim chớp bóng Việt-Nam, có Ô. X... thay mặt, là người V.N. ở tại Saigon, số... đường...

Một đàng khác là Ô. T... người Tàu (Quảng-đông) giấy căn-cước số... cư-ngụ tại Chợlớn, số... đường...

Đồng ưng thuận và giao kết nhau mấy điều sau nầy :

Điều thứ nhứt.— Công-ty cho ông T... mướn và ông nầy chịu mướn một Rạp chớp bóng tại Chợlớn số... đường... danh hiệu « Cảnh Tiên » luôn cả nhà, đồ từ khí, dụng cụ cả thảy còn nguyên vẹn tại đó, giá mướn mỗi tháng là Ba chục ngàn đồng bạc (30.000$) trả mỗi cuối tháng không được trễ quá ngày 5 d. l. tháng sau.

Điều thứ hai.— Muốn đảm bảo việc mướn nầy, Ô. T... có trao nơi tay công ty số bạc thế chưn là mười ngàn đồng bạc (10.000$) không tính tiền lời và đến ngày mãn giao kèo thì Công-ty hườn lại.

Điều thứ ba.— Nếu để trễ không đóng tiền mướn thì lẽ tự nhiên chủ có quyền hủy tờ giao kèo và tịch thâu số tiền thế chưn sau khi có giấy cho hay trước 48 giờ hoặc giấy thứ nhì kỳ hạn chót là 24 giờ không có hiệu quả, chưa

ou un 2e avis donnant un dernier délai de 24 heures resté sans résultat, sans compter les préjudices et dommages intérêts qui pourraient être prononcés par le Tribunal.

Article 4.— *L'appareil cinématographique en état de marche ainsi que l'opérateur doivent être fournis par la société. Par contre, la consommation électrique et l'éclairage sont à la charge du locataire ainsi que tous les autres frais.*

Article 5. — *Les grosses réparations sont à la charge du propriétaire ; les petites réparations locatives comme : serrures, loquets, lézardes sur les murs, etc. au-dessous de 300$ sont à la charge du locataire qui sera en outre tenu d'être responsable vis-à-vis de l'Administration civile, militaire, de la police concernant les amendes et contraventions s'il y a lieu.*

Article 6.— *Les films parlant unicolores ou technicolores seront fournis par la société ; le programme doit être changé 2 fois par semaine, les dimanches et jeudis.*

Deux séances seront données par soirée, de 19 à 21 heures et de 21h. 1/4 à 23h. 1/4 Si, par hasard, il y a interruption avant l'heure fixée, un petit film supplémentaire de réserve (comique par exemple) devra y être suppléé pour en terminer juste ou après l'heure de la fermeture de la séance. (1)

Ces films devront comporter soit les films dramatiques, de détective, d'aventures ou d'actualités (2).

Ils devront être fraîchement représentés c'est-à-dire, qu'ils n'ont jamais été projetés sur l'écran dans les autres cinémas à Saigon-Cholon, (3)

kể đến tiền thiệt hại cùng các tổn phí mà Tư-pháp sẽ định đoạt.

Điều thứ tư.— Công-ty bao luôn máy chớp bóng chạy đàng hoàn và luôn người thợ đứng máy chạy phim. Trái lại tiền hơi điện và tiền đèn điện hoặc các sở phí khác về phần người mướn.

Điều thứ năm.— Tu bổ lớn về phần chủ chịu, còn tu bổ nhỏ, như : ống khóa hư, hột xoài, vách tường nứt v.v. về phần người mướn nếu sửa lại dưới 300$., người mướn lãnh luôn trách-nhậm đối với chánh-phủ hoặc nhà binh cùng vi-cảnh về việc phạt vạ nếu có xảy ra.

Điều thứ sáu.— Công-ty bao phim chớp bóng nói, một hoặc nhiều màu: chương-trình phải thay đổi mỗi tuần hai lần, ngày chúa nhựt và thứ năm.

Mỗi đêm diễn 2 xuất, từ 19 đến 21 giờ và 21 g. 1/4 đến 23 g. 1/4. Nếu rủi có ngưng trước giờ định (trục trặc) thì phải phụ thêm vào một phim nhỏ dự phòng (tỉ như phim diễu) đặng vãn đúng hoặc sau giờ vãn của xuất đó (1).

Những phim ấy phải là : án mạng vì tình, trinh thám, phiêu lưu, hoặc thời sự. (2)

Phim phải sốt dẻo, nghĩa là chưa lần nào diễn trên màn bạc nơi mấy rạp khác tại Saigon-Cholon. (3)

Le locataire use de son droit de donner les matinées à n'importe quel jour de la semaine sans toutefois dépasser trois jours par semaine ni deux heures par matinée avec les mêmes films projetés pendant la soirée..

Người mướn có quyền cho diễn ban ngày, bữa nào cũng được, song không được quá 3 ngày mỗi tuần và quá 2 giờ mỗi lần với phim hát buổi tối.

Article 7.— *Le présent contrat est fait pour une durée trois ans à courir de la date de sa signature par les deux parties contractantes.*

Điều thứ bảy.— Giao kèo nầy lập ra trong một thời-hạn là ba năm kể từ ngày hai đàng ký tên.

A la fin du contrat, le locataire doit remettre au propriétaire le local, le mobilier et matériel tel qu'il existe au moment de la location.

Mản giao kèo, người mướn phải trả chỗ ở, đồ từ khí và dụng cụ lại cho chủ y như lúc mới mướn.

En cas de renouvellement du contrat les deux parties doivent s'entendre par un avis préalable donné réciproquement un mois d'avance de part et d'autre.

Nếu muốn thay giao kèo mới, hai đàng phải thỏa-thuận nhau, bằng giấy cho hay trước một tháng, trao qua lại nhau.

Article 8.— *Pour l'exécution du présent contrat, les parties contractantes font élection de domicile en leur demeure respective.* (4)

Điều thứ tám.— Thi-hành bổn giao kèo nầy hai đàng nhìn nhận chỗ ngụ nơi địa chỉ của mỗi người trên đây (4).

Article 9.— *Les deux parties déclarent avoir lu et compris toutes les conditions du présent contrat et opposent ci-dessous leur signature,* (5)

Điều thứ chín.— Hai đàng khai rằng có đọc và hiểu tất cả những điều giao kết trong tờ giao kèo nầy và đặt vào dấu ký tên mỗi người nơi phía dưới đây.(5)

Fait en double et de bonne foi, à Saigon, le. . . . . 1950.

Lập ra hai bổn in nhau theo sự thuận thảo lấy trong «đức tin» tại Saigon, ngày (d. l.)...1950.

Le propriétaire,

Công-ty cho mướn,

Le locataire,

Người mướn,

Lưu-ý : (1) Nếu vãn sớm thì mất khán giả.

(2) Nếu diễn tuồng « con mèo rượt con chuột » hoài thì ế.

(3) Nếu hát tuồng cũ, rạp khác có hát tuần trước rồi thì không ai xem.

(4 và 5) Hai điểm quan trọng nầy có giải thích kỳ báo trước.

Hộp thơ

Cần Học trân trọng cám ơn qui Bạn kể tên dưới đây đã gởi tiền đến đặt mua Cần Học dài hạn :

Mlle Nguyễn-thị-Ba P. T. T. Travinh,
Ông Placide Lộc, Denis Frères, Saigon,
— Lục Gendarmerie Nationale,
Anh Huỳnh-kim-Thới, Thiếu sinh Quân, Giadinh,
— Nguyễn-văn-Nhứt,
Ông La-tông-Bá, 195, Quai de la Marne, Saigon,
Mlle Hạnh, 280, Paul Blanchy, Tânđịnh,
Ông Bùi-văn-Nghiệm, 458, —
Cô Bích-Toàn, 91, Sadi Carnot, Hải-phòng,
Pharmacie Tiến, 98, Bonard, Saigon,
Anh Trần-thanh-Các, 328, Đường Trần-hưng-Đạo, Chợlớn,
Ông Phạm-Tập, Ty cảnh sát Hội-An (Faifoo),
— Tạ-văn-Thoại, Tribunal P. P.

CẦN HỌC

ĐÓNG LẠI THÀNH BỘ

Bộ 1, từ số 1 đến số 10
Bộ 2, từ số 11 đến số 20

Có bán khắp nơi, trong các nhà sách, hay Tòa soạn C. H: 165, La Somme — Saigon.

Mời quí bạn đón mua 2 quyển sách Giáo-Khao dạy nhiều môn và nhiều thứ tiếng. Các bạn cầm đến sẽ được hài lòng.

GIÁ		BỘ 1	BỘ 2
	Nam-việt	*45$00*	*50$00*
	Trung, Bắc-việt, Miên và Lèo .	*50$00*	*55$00*

Các Bạn ở Namvang muốn đổi Cần Học từ số 1 đến số 10 hay là từ số 11 đến 20, để lấy Cần Học đóng lại thành bộ (Bộ 1 và Bộ 2), xin mau mau đem đến Nhà sách Hôn-Dũ, Tổng phát hành Cần Học ở Cao-miên, số 4, đường Delaporte, và xin chịu thêm 5 $ 00 tiền đóng mỗi cuốn.

XIN LƯU Ý : Nhà sách Hôn-Dũ có bán đủ các thứ sách báo Việt-ngữ, đồ học trò và văn phòng.

Kính mời quí bạn đến viếng sẽ được hài lòng.

Hộp Thơ

Cùng các bạn đọc đã đặt mua CẦN HỌC dài hạn

Quí bạn nào đã đặt mua 6 tháng : 25 số : từ 1 đến 25.
Bây giờ muốn nhận cả 2 Ban, thì mãn hạn số 23
— — — 1 B. Trung-học mãn hạn số 26
— — — 1 B. Tiểu-học — — 28
Còn quí Bạn đã đặt mua CẦN HỌC dài hạn 1 năm, thì sẽ tính lại sau.
Vì muốn lo cho bài vở được hoàn bị nên từ đây CẦN HỌC
sẽ xuất bản mỗi tháng 3 kỳ : ngày 1, 10 và 20.

CẦN HỌC Ban Trung-học ra số 21 và 22 được các bạn nhiệt liệt hoan nghinh ngoài sự tưởng tượng.

Chúng tôi xin đa tạ.

Số đầu xuất bản không đủ để cung cấp cho phu phỉ vì chưa hiểu được sự nhu cầu của bạn đọc.

Xin hứa từ đây sẽ in thêm nhiều.

Cần Học phát hành ở các hàng sách tất cả đều tiêu thụ. Nhiều bạn đọc đến Tòa soạn hỏi mua, song không có, nên không được vui.

Chúng tôi xin các bạn lượng thứ cho.

Rồi đây các bạn sẽ được vừa lòng.

Trước sự hoan nghinh nồng hậu ấy, chúng tôi cảm thấy như được giao cho một nhiệm vụ nặng nề quan trọng...

Nhiệm vụ dẫn đường chỉ nẻo cho các bạn Cần Học...

Chúng tôi hứa sẽ cố gắng, cố gắng mãi để đạt được mục đích ấy.

Thân ái siết tay các bạn.

Ban Giám-đốc.

GIÁ TIỀN MUA DÀI HẠN :

	Ở NAM-VIỆT, MIÊN			*Ở TRUNG, BẮC-VIỆT*		
	B.Tiểu-học	B.Trung-học	Cả 2 Ban	B.Tiểu-học	B.Trung-học	Cả 2 Ban
3 tháng 12 số :	30$00	45$00	70$00	40$00	55$00	80$00
6 tháng 25 số :	65$00	90$00	150$00	85$00	115$00	175$00
12 tháng 50 số :	125$00	175$00	290$00	170$00	220$00	325$00

Giám-đốc :

Petrus KHANH

Thơ và bưu-phiếu xin đề :

Mr NGÔ-VĂN-THANH

165, đại lộ La Somme -:- Saigon

Giấy phép số 455/T.X.B.
Ngày 18 tháng 11 d. l. 1950

IN TẠI ẤN-QUÁN
—— NAM-HƯNG ——
165, Đại lộ La Somme — Saigon

HỌC ĐỂ PHỤNG SỰ CHÂN LÝ

ÉDITIONS PÉDAGOGIQUES CULTURELLES

Bạn Học

BAN TRUNG HỌC

TẬP **XXIV** **44** TRANG

Với sự hợp tác của quý Ông :

Trương-vĩnh-Tống	*Nhà Học-giả.*
Trần-cửu-Chấn	*Tấn-sĩ văn-chương.*
Vỏ-văn-Lúa	*Cử-nhơn văn-chương.*
Phan-ngọc-Phương	*Cử-nhơn khoa-học.*
Phạm-văn-Thuật	*Cử-nhơn văn-chương (Anh-văn).*
Xuân-Sa	*Giáo-sư toán-học.*
Thái-Từ-Quang	*Nhà học-giả.*
Nguyễn-văn-Hạnh	*Giáo-sư Pháp-văn.*
Huỳnh-văn-Đó	
Đoàn-phò-Vĩnh	*Nhà học-giả*
Nguyễn-văn-Đoan	*Cựu G. H. Thể-dục.*
Vũ-hữu-Tiềm	*Giáo-sư Việt-ngữ.*
Lê-Hương	
Trúc-Khanh	
Lưu-đình-Khải	*G. H. Trường mỹ-thuật.*
Bùi-văn-Kỉnh	*Giáo-sư Hội-họa.*
Thái-văn-Cẩn	
Thiếu-lăng-Quân	*Giáo-sư Tắc-kỹ V. N.*
Cô Tân-huỳnh-Hoa	*Cholon.*
Cô Hoàng-thị-Tâm	
Cô Phan-Yến-Nguyệt	*Tân-an.*

GIÁ { *Nam-Việt, Miên* : 4$ / *Trung, Bắc-Việt* : 5$

TÒA-SOẠN
165, đại lộ La Somme
Giây nói : 21.309 — Saigon

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

GƯƠNG XƯA SOI NAY

của ông **TRƯỜNG-VĨNH-TỐNG**

Nên chừa cái tánh kiêu-căng

Kinh Dịch nói rằng : « *Vơi được ích-lợi, đầy bị tổn hại* » Câu ấy thiệt là tấm gương soi sáng trên con đường xử mình tiếp người. Số là đạo trời thêm chỗ vơi mà bớt chỗ đầy, vẫn là lẽ thường trong đời vậy. Ví dụ như một cái chén, hễ nước còn vơi, thì còn có thể đựng thêm vô được; chớ nếu đã đầy rồi, thì chỉ có phần tràn bớt ra mà thôi. Cho nên mặt trời tới giữa thì xế chiều, mặt trăng tới tròn sẽ khuyết. Con người ta từ học-thuật cho chí nghệ-thuật đều vậy; có chịu rằng tài-đức của mình còn thấp, nghề-nghiệp của mình còn vụng, thì mới rán sức rèn tập cho tới bậc khéo bậc cao; còn nếu tự phụ là khéo là cao rồi, thì con đường thối bộ bày ra trước mắt vậy.

Một người có danh ở nước Mỹ, thuở còn nhỏ ghé thăm một vị trưởng-lão, tới chừng trở về, vị trưởng-lão đưa ông ta ra đường, con đường rất hẹp, mà lại có cây giăng ngang ở trên. Vị trưởng-lão biểu ông ta rằng : « Cúi đầu xuống. » Ông ta không hiểu ý, rồi đụng đầu vào cây một cái đau quá. Vị trưởng-lão nói : « Thấy chưa! Người tuổi trẻ bước tiền đồ còn xa, chỉ nên cúi đầu mà đi, tỏ ý khiêm-tốn mới được. Còn nếu nghinh mặt cao gót, thì chẳng khỏi cái nỗi đau khổ đụng đầu ». Ông ta rất khâm-phục lời ấy, tới chừng tuổi lớn, trở nên người chắc chắn cẩn-thận, làm việc gì cũng có kết-quả mỹ-mãn. Ngẫm lại lời của ông trưởng-lão thuở trước, vẫn còn ghi dạ chẳng quên.

CẦN HỌC xin giới thiệu cùng Anh em Đồng bào Việt-Nam : tập văn **Việt Nam Giáo-khoa**, *xuất bản hằng tuần, vừa phát hành số 1 ngày 26 — xin lưu ý.*

Đệ-nhứt và đệ-nhị niên

ÁM TẢ.— Nghĩa-vụ trong chức-nghiệp

Chức-nghiệp nào cũng đem lại cho người thực-hành nó một số lợi-tức, tiền công, tiền lời hay lương bổng. Bởi vậy ta có bổn-phận làm việc cho ai trả công cho ta, hoặc *tư-nhơn*, hoặc *công chúng*, hoặc Quốc-gia. Đó là một *nguyên-lý* công-bình : cho đi cho lại.

Vậy thời mai kia, dầu làm nghề gì, trò cũng làm việc cẩn-thận, đứng-đắn, tận-tâm, trò hãy để vào công-việc sự kiên-chí, sức hoạt-động và tánh ngay thật. Nếu đôi khi công-việc có vẻ nặng-nề, trò nên *nhủ* rằng trò đã tự-ý lựa chọn hay là lãnh nhận nó, và vì đó, trò phải làm phận-sự cho *chu-toàn*. Nhưng trước khi lựa chọn hay lãnh nhận, trò phải dắn đo xem có đủ sức không.

Các nghề không giống nhau, nên không phải nghề nào cũng có những trách-nhiệm giống hệt như các nghề khác. Người làm công nhật, khi đã làm xong xuôi công việc hằng ngày, là hết nghĩa-vụ với chủ. Người thợ cũng thế, khi đã làm tròn công việc mình. Tuy vậy, trong vài chức nghiệp, có thể xảy ra những *trường-hợp* khó nhọc, hiểm-nghèo, đôi khi buộc phải hy-sinh. Lao-khổ, nguy hiểm hay hy-sinh, đều phải *anh-dũng* mà lãnh nhận. Không thể trốn tránh nhiệm-vụ mà không *bội-nghề*.

Nghề nào cũng như một điều cam-kết, một *khế-ước* buộc chặt kẻ thực-hành nó, họ phải *cố-thủ* nó đến cùng.

Dịch Pháp văn

Câu hỏi . *1)* Giải nghĩa : *Tư-nhân, công-chúng, nguyên-lý, chu-toàn, trường-hợp, khế-ước.*

2) Người ta nói : *nhứt nghệ tinh, nhứt thân vinh*, nghĩa là gì ?

3) Kiếm 5 tiếng ghép có tiếng *toàn* như *chu-toàn*.

4) Tìm tiếng phản nghĩa với *chu-toàn, anh-dũng*.

5) Tìm 3 danh từ ghép có tiếng *nghiệp* như *nghề-nghiệp*.

Trả lời bài ám-tả trong số 23

1) Giải nghĩa : *quan-sát* : xem xét, dòm ngó kỹ-lưỡng; *hiện-tượng* : những việc thường xảy ra ở ngoại giới như mưa, gió.... hoặc trong nội giới; *sự kỳ-diệu* : những sự xảy ra lạ lùng, phi thường; *phát-kiến* : đưa ra ánh sáng cho mọi người thấy vật gì hay sự gì bấy lâu nay vẫn bị che lấp.

2)	*Đồng nghĩa*	*Phản nghĩa*
Hiện tượng	cảnh tượng	phi thực-tế

3) 5 tiếng ghép có chữ *bác* : *bác sĩ, bác vật, bác ái, đại bác, bác bẻ.*

5 tiếng ghép có chữ *kiến* : *kiến-thiết, thành-kiến, kiến-trúc, chứng-kiến, định-kiến.*

VIỆT-VĂN

Đầu đề : *Người mẹ già của bạn trò chết. Trò hãy viết thư chia buồn và an ủi bạn.*

Bài làm

Saigon, ngày 25 tháng 11 d. l. năm 1950

Chị Hoàng,

Đặt bút vào giấy mà tâm hồn em còn mãi lâng lâng bởi những lời lẽ trong thơ chị. Một mối buồn thắm thía chiếm đoạt cả lòng em.

Nhìn ngoài cửa sổ, cảnh trời hôm nay sao ảm đạm, mây ngừng trôi, gió cũng im, tất cả đều nín lặng lạ thường, dường như cùng ai chia xẻ nỗi đau thương.

Trước cảnh trạng nầy, dầu cho lòng gan dạ sắt, cũng phải xót xa, đau đớn cho cảnh chia lìa của một người thân yêu nhứt đời.

Phải, em không thể tưởng tượng được những sự dau khổ sầu não của chị. Nhưng, chị à, đó là trường hợp mà em đã trải qua. Mẹ em chết khi em mới được 12 tuổi, cách nay đã 5 năm rồi. Em còn nhớ rõ cái ngày mà mẹ em đã lấy toàn sức lực để trút ra hơi thở cuối cùng. Chị ôi, nhìn cái xác chết nằm đó mà người em ra như điên dại. Em cảm thấy một sự chán nản vô cùng.

Rồi em hồi-tưởng lại những ngày qua, mến tiếc cái cảnh ấm-áp của gia-đình âu-yếm đầy vẻ yêu-đương, đủ mẹ đủ cha, và... phải lạnh lùng cho những thì-giờ sắp đến.

Ngày nay chị cũng sa vào cái cảnh-trạng ấy. Em biết, chị buồn và còn buồn gấp bội hơn em nữa, chị đã lớn, càng hiểu nhiều, càng

suy nghĩ xa, càng thấy bao nhiêu là sự chán-nản, thất-vọng. Nhưng, em tin chắc rằng, chị cũng sẽ như em, thời-gian sẽ làm phai-lợt đi cái mối buồn duy-nhất của đời chị. Vì định-mệnh khắc-khe, Bác không thể sống với chị bằng hình-thể, bằng xác-thịt, thì bác sẽ luôn sống bên chị trong một sự ràng-buộc thiêng-liêng, một giây thân-ái vô-hình. Gương mặt yêu quí của Bác sẽ ghi mãi trong đầu óc chị, và lúc nào chị cũng sẽ thấy phản-phất hình-ảnh ấy lên người chị.

Chị Hoàng, chị đừng quá âu-sầu thế ; em không biết gì hơn là chỉ khuyên chị hãy rán vui lên, vui lên cho khuây-khỏa bớt nỗi buồn. Chị hãy lấy sự can-đảm làm cội-rễ mà đánh tan những mối buồn ác-độc đang vây phủ chị. Nếu chị quá buồn, chị sẽ ốm đau lại thêm mối phiền cho Bác trai.

Chị cần phải tươi-tỉnh lại để an-ủi cha già, để khuyên-dỗ em thơ, Chị hãy nhìn vào ngày mai, ngày mai trời sẽ sáng, và, chị đừng vì cớ ấy mà thối-lui trên con đường học-vấn ; trái lại chị sẽ lo trao dồi cho tương lai được tốt đẹp hơn. Làm như thế, dầu bác gái không sống còn để mừng chị, Bác cũng vui lòng hả dạ nơi chín suối.

Thôi ít hàng với chị. Chị hãy nhận trên mảnh giấy nầy những nét chữ thô-kệch kém văn-hoa, không chải-chuốt, nhưng thành thật của đứa em luôn luôn nghĩ đến chị. Em cung kính gởi đôi lời chia buồn cùng Bác trai và em Ngọc.

Chào chị thân-mến.

Em Hậu của chị

Bài kỳ tới. — *Trò hãy giải nghĩa câu* : « **không thầy đố mầy làm nên** » *và kể những bổn phận* của học trò đối với thầy.

Muốn có tương-lai cho con em, xin các Phụ-huynh Học-sinh nên mua Cần Học ngay từ đầy, hoặc mua lẻ, hoặc mua dài hạn, để đỡ bộ, đủ bài học.

Mua dài hạn thì có lợi hơn nhiều : giá tiền ít hơn mua lẻ. Ở Saigon-Cholon-Giadinh có người đem Cần Học đến nhà, ở xa nhờ Sở Bưu-điện giao đến. Nếu có lạc mất số nào, xin cho Tòa-soạn hay thì sẽ gởi đến để đủ bộ.

P.-N.-T.

Dictée française. — *Un orang-outang.*

De tous les singes, l'orang-outang est celui qui ressemble le plus à l'homme. Il s'apprivoise facilement. On a vu au Jardin des Plantes un de ces animaux s'asseoir à table, déplier sa serviette, s'en essuyer les lèvres, se servir de sa cuiller et de sa fourchette, verser lui-même sa boisson dans un verre et le choquer lorsqu'il y était invité...

J'allai un jour le visiter avec un illustre vieillard, observateur fin et profond. Le costume un peu singulier de mon compagnon, sa démarche lente et pénible, son corps voûté fixèrent, dès notre arrivée, l'attention du singe. Il se prêta avec complaisance à tout ce qu'on exigea de lui, l'œil toujours attaché sur l'objet de sa curiosité. Nous allions nous retirer, lorsqu'il s'approcha du vieillard, prit avec douceur et malice le bâton qu'il tenait à la main, et, feignant de s'appuyer dessus, courbant son dos, ralentissant son pas, il fit ainsi le tour de la pièce où nous étions, imitant la pose et la marche de notre ami. Il rapporta aussitôt le bâton de lui-même, et nous le quittâmes, convaincus que lui aussi savait observer.

FLOURENS

QUESTIONS.

1 — Qu'est ce qu'un costume un peu singulier ?

2 — Expliquez : il se prêta avec complaisance à tout ce qu'on exigea de lui

3 — Que remarquez-vous dans l'emploi du mot *il* dans la phrase : « Nous allions nous retirer..... »

4 — Nature et fonction des propositions contenues dans la dernière phrase.

Vocabulaire : Etude des mots usuels de la famille de *bête*

Une *bête de somme* est une bête propre à porter des charges, des fardeaux. — Une *bête de trait* est une bête à tirer des charrettes, des voitures... Le *gros bétail* comprend les bœufs, les chevaux, les ânes, les mulets ; le *petit* ou *menu bétail* comprend les moutons, les chèvres, les porcs... Le mot *bestiaux* désigne l'ensemble des animaux qu'on entretient dans une ferme ou une métairie (volaille exceptée), Agir *bêtement* (ou par bêtise), c'est agir d'un manière bête, inintelligente. *Abêtir* : signifie rendre stupide abêtir un enfant). Une *bestiole* est une petite bête. *Bestiaire* : gladiateur destiné, chez les Romains à combattre contre les bêtes féroces. Désigne aussi, au Moyen-Age,

un receuil de récits, de légendes sur les animaux. Une fureur *bestiale* est une fureur qui tient de la bête. Vivre *bestialement*, c'est vivre à la manière des bêtes.

Réponses. (*v. n° 23 — p. 5*.

1 — *Quolibet* : façon de parler triviale ; méchante plaisanterie ; propos gouailleur.

Miniature : au propre, lettre rouge tracée avec du minium sur les manuscrits, les missels, pour orner les commencements de chapitre et, par extension, peinture fine de petits sujets sur le velin, le parchemin, puis sur ivoire. Pris dans le texte au sens figuré et par comparaison, ce mot désigne la représentation, en très petit, de la foule, dans la boule de verre.

Calembour: Jeu de mots fondé sur la différence de sens entre des mots présentant à l'oreille le même son.

Frondeur : celui ou celle qui appartenait au parti dit de la Fronde et, par analogie, celui qui blâme le gouvernement ou qui aime à critiquer.

2 — L'éclat des étalages est produit par l'emploi de moyens non usités habituellement : verroterie, papier de couleur, procédés qui, paraît-il, plaisent aux peuples non civilisés.

Peuple barbare : au sens propre et tel que l'entendaient les Romains et les Grecs, peuple ou individu étranger considéré comme de civilisation inférieure. Par extension : étranger à la civilisation ;

Père barbare qui emploie les procédés des barbares, en particulier les châtiments corporels vis à vis de ces enfants qui fait preuve d'une cruauté impitoyable.

Langue, phrase barbare : qui montre une ignorance grossière des règles ordinaires.

3 — *Analyse logique* :

a – Les boules brillantes, les découpures de papier rouge ou doré, parent les étalages d'un éclat barbage : *proposition principale*.

b Où se réflète la foule en une miniature animée : *proposition subordonnée* relative par le pronom relatif *où*, complément déterminatif de boule.

RÉDACTION FRANÇAISE.

Sujet. — *Vous vous êtes trouvé dans la rue, près d'une usine, au moment de la sortie des ouvriers. Racontez tout ce que vous avez pu observer.*

Développement

Je me trouve dans une rue d'un quartier populeux de Saïgon. Les grands murs de briques d'une usine la bordent d'un côté tandis que de l'autre luisent les rails d'une voie ferrée. On entend le tapage assourdissant des machines. C'est de là que sortent, par millions, les petits paquets de cigarettes qui remplissent les éventaires des marchandes ambulantes.

Mais une sirène a poussé son mugissement sonore dans le même temps qu'une horloge égrenait les coups de midi. Et, sortant des multiples issues des ateliers et des bureaux, des flots de travailleurs se dirigent vers la sortie. Le concierge leur a ouvert les deux battants de la grande porte, il échange au passage un salut hâtif avec quelques uns d'entre eux.

Ouvriers en salopette bleue, manutentionnaires en veste courte, employés en pantalon et chemisette blancs.. paraissent tout heureux de retrouver un peu d'air et d'indépendance. Ils le manifestent en allumant cigarettes et pipes.

Voilà le flot dans la rue. Les travailleurs si longtemps réunis vont se séparer pour reprendre à pas pressés le chemin de la maison. Ceux qui ont l'habitude de faire route ensemble s'attendent un moment sur le trottoir, puis s'éloignent de concert. Des ménages se reconstituent ; mari et femme partent en se donnant le bras. Quelques hommes se sont arrêtés devant les éventaires des marchands qui leur servent, moyennant un prix modique, leur substanciel repas de midi.

La rue, tout à l'heure si paisible, s'est animée intensément de cette circulation, du bruit de ces conversations, des adieux échangés entre gens qui se quittent. Mais tout ce tumulte tombe bien vite. Cette population laborieuse connait le prix du temps.

Et je pense qu'à la même heure, dans tout notre pays, des travailleurs ont achevé eux aussi leur pénible tâche, qu'ils se sont acquis des droits à la reconnaissance de ceux qui bénéficieront de leur labeur.

H.-V.-ĐÓ

Sujet proposé. — *Racontez une visite que vous avez faite au gardin zoologique de Saigon.*

DEVOIR CORRIGÉS.— Thème

Ông già với 4 thằng con. — Un vieillard et ses quatre enfants

Un vieux laboureur avait quatre fils. Un jour, il les fit venir

devant une table sur laquelle il avait posé un faisceau de baguettes liées ensemble et une bourse, et leur dit : « Je donnerai la bourse à celui d'entre vous qui pourra rompre ce faisceau de baguettes ». Les quatre fils essayèrent à tour de rôle, de rompre ce faisceau, mais en vain. Le vieillard délia alors les baguettes qu'il rompit une à une aisément.— « Ce n'est pas difficile de les rompre une à une, lui dirent ses fils. » — « Mes enfants, dit le père, sachez donc que l'union fait la force. Songez à ce faisceau lorsque je ne serai plus en vie. Il faut vous aimer et vous entr'aider pour pouvoir résister à la force d'autrui.

Version. — **Après l'orage** *Sau cơn dông tố.*

Sau trận bão tố dữ dội trên núi, tôi được mục kích một việc rất cảm động. Cách một răng rào quanh co, trên cánh đồng lúa mì rực rỡ, nước mưa và mưa đá chảy thành khe rảnh, tàn phá làm cho những thân cây gảy lại ngã nằm ngổn ngang trên mặt đất. Bông lúa chính say oằn tỉa hột dưới bùn và đàn chim nhỏ bu theo mùa gặt đã hỏng, nhảy trên nhửng hầm rơm ướt làm hạt lúa bay tứ phiá. Ngoài nắng dưới trời thanh bạch một cảnh cướp phá thật là rùng rợn ! Đứng trước cánh đồng bị hủy hoại, người nhà quê to tướng lưng gù y phục theo kiểu « Alsace » xưa nhìn một cách ım lặng cảnh thảm đạm ấy. Vẻ đau đớn lộ trên mặt người, nhưng cùng lúc ấy một ý kiến nhẫn nại và lặng lẽ, tôi không hiểu còn có cái hy-vọng mờ ám nào mà người tự nói : « Dưới những bông lúa bị hủy hoại ấy đất vẫn trung thành với người, vẫn còn phì nhiêu và mặt đất còn đó ta chẳng nên ngã lòng ».

DEVOIRS PROPOSÉS

Version. — *Le mulet et le singe*

Un jeune mulet, orgueilleux et vain, avait coutume de se vanter de ses nobles ancêtres, et de mépriser tous les autres animaux. «Mon père, disait-il un jour, est un ardent cheval de chasse, et ma mère une célèbre jument de course ; aussi, je puis déclarer sans vanité que je descends des plus anciennes et des plus nobles familles du pays ».

A peine avait-il achevé ces mots, qu'un vieil âne, son véritable père, se mit à braire d'une façon fort désagréable. Ce bruit discordant arrêta la langue du fanfaron. Un singe, qui l'avait entendu,

lui dit, se moquant de lui : « Eh bien ! vaniteux, te rappelles-tu cette voix ? C'est celle de ton père. Tu n'es que fils d'un âne. » Le muiet honteux et confus, baissa la tête et s'en alla sans ajouter un mot.

Le vrai mérite n'a pas besoin d'ancêtres.

H. SIMARD

Thème.— Ngốc ra tỉnh

Ngốc một hôm rảnh việc ra thăm tỉnh. Đi lang thang hết đường nầy sang phố khác, nhìn các đồ bày trong các gian hàng, thấy cái gì anh ta cũng thích.

Chợt trông thấy trước một hàng cơm treo một cái băn : « *Ngày mai, mời các ngài đến ăn không phải trả tiền* ».

Ngốc trở về nhà lấy làm vui vẻ vì anh định ngày mai ra ăn ở ngoài tỉnh mà ai không phải tốn một đồng su nào.

Ngày hôm sau, anh nhịn đói, đi bộ từ sớm mai ra tỉnh. Anh đến ngay hàng cơm bảo dọn rượu và các thức ăn ngon nhất. Ăn xong anh đi ra thì người chủ tiệm hỏi tiền.

Ngốc ngạc nhiên nói : « *Ngoài cửa ông đã yết-thị hôm nay ai đến ăn cũng không phải trả tiền, sao ông lại đòi tiền tôi* ».

Người chủ tiệm trả lời : « *Ông lầm, bản ấy đề ngày mai chứ không phải hôm nay, chẳng tin ông ra xem lại.*

Ngốc kém lý đành phải trả tiền bữa cơm ấy.

ĐỊA-LÝ-HỌC TỔNC-QUÁT

3% **Quả Địa-cầu là một trong 9 hành-tinh Thái-dương hệ**

Mặt trời là một hành-tinh nằm giữa *Thái dương hệ* [1] mà xung quanh có 9 hành tinh vận-hành theo Mặt trời để *hứng ánh sáng* và *sức nóng*. Bề trực kính của Mặt trời lớn hơn trực kính Địa cầu đến 109 lần. Mặt trời cách xa Trái Đất đến 149.498.500 ki-lo-mét, thể-tích lớn hơn Địa-cầu đến 1.300.000 lần.

Chín hành-tinh ấy là :

1) **Thủy-tinh** *(Mercure) 2)* **Kim-tinh** *(Vénus)*
3) **Địa cầu** *(La Terre) 4)* **Hỏa tinh** *(Mars)*
5) **Mộc tinh** *(Jupiter) 6)* **Thổ tinh** *(Saturne)*
7) **Thủy vương tinh** *(Uranus) 8)* **Hải vương tinh** *(Neptune)*
9) **Diêm vương tinh** *(Platon) Phát-kiến* hồi năm 1932 nhờ kính viễn vọng « *Wilson* ».

(1) Système solaire

Thể-tích của *Hải-vương-tinh* lớn hơn Địa cầu 79 lần. *Thủy-vương-tinh* lớn hơn 79 lần : *Thổ-tinh* lớn hơn Trái Đất 883 lần và *Mộc-tinh* lớn hơn đến 1330 lần nhiều hơn.

Mặt trời, bề trực-kính lớn hơn trực-kính Trái-Đất đến 109 lần, thể tích lớn hơn Địa-cầu 1.300.000 lần.

Thể-tích của Địa-cầu là 1083 tỷ ki-lô-mét-khối. Tổng-cộng thể tích *Hải-vương-tinh, Thủy-vương Tinh, Thổ tinh, Mộc-tinh* lớn hơn Địa-cầu đến 2.362 lần tức là 2 triệu tỷ 558.046 tỷ ki-lô - mét khối. Ta hãy tưởng-tượng cái không gian vô-cực ấy !

a) **Hành-tinh.**— Quả Địa cầu của ta không phải là một *ngôi-sao* mà một *hành-tinh tắt lửa* xây xung-quanh Mặt-trời để hứng *ánh-sáng* và *nhiệt-khí.*

Còn *ngôi-sao* là một *tinh-tú còn lửa*, trái lại hành-tinh là một tinh-tú *tắt lửa ; ngôi-sao*, thì *sáng-nhánh ; còn hành-tinh lại không sáng nhánh ; hành tinh hình như di-động trên trời còn ngôi sao xem như bất-động.*

Đó là sự *phân-biệt* giữa *hành-tinh* và *ngôi-sao* Vũ trụ gồm có 9 hành-tinh và cả mấy ngàn triệu ngôi sao.

b) **Vệ-tinh.**— Trong-lúc vận-động thì có vài hành tinh kéo theo mình, những hành tinh nhỏ hơn xây xunh quanh mình như **Mặt-trăng** là vệ tinh của Địa-cầu.

Bề mặt kính của **Mặt-trăng** đo được 1740 ki-lô-mét, 50 lần nhỏ hơn quả Địa-cầu cách xa hành tinh nầy đến 350.000 ki-lô-mét. Mặt t răng phi đến *bốn-tuần* để xoây xung-quanh Trái-Đất.

c) **Thái dương-hệ :** Mặt trời, 9 hành-tinh (*Cửu-hành tinh*) và các vệ-tinh cấu-tạo lại gọi là *Thái dương-hệ.*

« *Trong vũ-trụ bao-la, Mặt-trời ví như một vị Thủ-lãnh chỉ huy cuộc thao-diễn của một nhóm người độ chừng ba mươi và một đạo binh gồm đến nhiều tỷ quân sĩ.*»

4°) Hình-thể Quả Địa-cầu.

Trước khi nói đến hình thể của quả địa-cầu, ta cần hiểu qua *Trục địa cầu và* hai *Địa-cực của Trái-đất.*

1°) Trục địa-cầu : Người ta gọi *Trục địa cầu* là con đường *thẳng tưởng-tượng* đi ngay qua trung-tâm trái đất và xung-quanh cái đường *thẳng tưởng-tượng ấy, quả địa cầu lại xoay tròn mình nó.* Cái Trục Địa cầu không khác nào ta lấy đồng xu rồi lấy cây làm nồng xỏ qua lỗ giữa xu, cây xỏ qua lỗ đồng xu là *tưởng-tượng trục* (1) *địa cầu vậy.*

Vậy thời Trục Địa cầu là một cái *trụ tưởng-tượng* đi ngang giữa Trái Đất mà xung quanh trụ ấy Trái Đất lại xoay.

2°) Địa cực là điểm chót của Trực, phía đầu của trái đất có *hai địa-cực* : *Bắc-cực và Nam-cực.*

3°) Xích-đạo là con đường vòng tròn đường vòng - tròn lớn ở giữa Trái đất chia địa cầu ra hai phần bằng nhau :

a) Bắc-bán-cầu (2) *b) Nam-bán-cầu* (3)

Xích-đạo xa Bắc-cực 90° độ, cách Nam-cực 90° độ, mỗi độ là 60 phút, mỗi phút là 60 giây.

4°) Chí-tuyến là hai con đường tưởng-tượng nằm ở phía *Nam* và phía *Bắc,* của con đường xích-đạo.

Có hai Chí tuyến :

1°) Bắc chí tuyến (4) và *2°) Nam chí tuyến* (5)

A. **Địa cầu hình thỏa viên-thể hơi dẹp ở hai Địa cực. Bán-kính đo được 6.370 ki-lo-mét** cũng như các ngôi sao khác, *Trái đất hình tròn như viên đạn,* Người ta gọi là *Địa-cầu nghi* hay là *Cầu thể.*

---

1) Trục chữ Hán nghĩa là trụ như cái cây xỏ vào lòng giữa bánh xe.
(1) Hémisphère boréal
(2) Hémisphère austral
(3) Tropique du Cancer
(5) Tropique du Capricorne

Nhưng thực-tế thì Địa cầu có hình thể tròn *hơi dẹp* ở hai địa-cực và *hơi phình* ở xích đạo; Bắc cực có phần dẹp hơn ở Nam-cực.

a) **Trực-kính** *ở* xích đạo đo được 12.755 kí-lo-mét, còn trực kính ở Địa cực nhỏ hơn, đo được 12.712 kí-lo-mét.

b) Bán kính trung-bình của Địa-cầu là 6.370 kí-lo-mét. Diện-tích đến 510 triệu kí-lo-mét vuông (1000 lần lớn hơn xứ Pháp) Ông Martonne nhận định rằng : « *Quả địa cầu thật rộng lớn nhưng, không tuyệt đại* »

c) *Đối chích điểm* là chỗ phản đối với một chỗ khác ở trên mặt địa cầu như đối-chích-điểm của Bắc cực là Nam cực: đối chích-điểm của *Bá-Lê* là *Tân-tây-Lan.*

d) **Chu vi của Địa cầu**

Chu vi của Địa cầu đo được 40.000 ki-lo-mét ở trung tâm trái đất gần đến 40 lần dài hơn từ *Bắc-Hải* đến dãy núi *Pyrénées.* Diện-tích của Địa cầu là 510 kí-lo-mét vuông. Nếu ta so sánh với Diện tích của *Việt-Nam* (1) là 326.000 kí-lo-mét vuông thì xứ ta nhỏ hơn trên một nghìn lần.

B. « **Vòng quanh thế-giới** »

Mỗi khi một phi công muốn bay vòng quanh thế giới thì phải ựa những *địa điểm gần hơn* cho tiện lợi. Những *địa điểm gần là Địa cực* còn *địa điểm xa là gần xích đạo.* Những *viên hình nhỏ* không đi ngang qua trung tâm Địa-cầu thì *không đến 40.000 kí-lo-mét.*

Nếu ta muốn đi vòng quanh thế giới bằng tàu và hỏa xa thì chỉ trong 35 ngày là cùng. Từ *Bá Lê* ta đi chuyến xe lửa « *Xuyên qua Tây bá lợi á* » 15 ngày thì đã tới *Hải sâm huy* (Thành ở ven Thái bình Dương)ta xuống tàu để vượt qua *Thái bình Dương* hết 12 ngày, rồi phải 3 ngày đi xe lửa từ *Vancouver* đến *Gia-Nả-Đại* và 5 ngày nữa để vượt qua *Đại Tây Dương.*

---

(1) DIỆN TÍCH

Trung Việt	147.000 km2
Bắc Việt	115.000 km2
Nam Việt	64.000 km2

Tổng cọng là 35 ngày để du hành vòng quanh thế giới. Đi ngả ấy chỉ có 24.000 kí-lo-mét mà thôi.

Ngày nay với sự tiến-bộ của *hàng không* người ta du hành vòng quang thế giới không « *đến bốn ngày* » *với tốc độ của máy bay phản lực.*

(Kỳ sau : *Chương II.* **Địa cầu vận động xoay vần theo nó — Phần thời khắc.)**

ĐỆ TAM VÀ ĐỆ TỨ NIÊN

ÁM-TẢ và *Tập đọc*

Chết đói.

Như một cây bị úng hay khô chết lần-lần, người đói bị *lửa cơ* nung đốt âm-ỉ và *vô phương* cứu nên họ đành chỉ còn chờ chết. Đói không đường cứu chữa vì cứu đói, chỉ có một vị - thuốc là cơm, mà không có gạo thì lấy gì nấu cơm để làm thuốc chữa bịnh bây giờ ?

Người đói chờ chết, và chết lần chết lần từng phút, từng giờ ; một phút qua đem người đói gần mồ chôn họ một phút, và một giờ qua cướp đời sống của người đói đi một giờ. Ôi ! đói !

Máu họ cạn lần, thịt họ hao lần, da họ nhăn lần, sức họ tàn quỵ lần-lần, từ-từ, chầm-chậm. Họ cảm thấy cái sống nhẹ dần theo hơi thở, hơi thở nhẹ dần theo mắt nhìn, mắt nhìn mờ dần theo máu chạy, máu chạy yếu dần theo sức tàn... Nhẹ dần, mờ dần, yếu dần, tàn dần, cho đến lúc toàn thân rã-rời. tê đi, liệt đi, rồi lảo đảo, đi không vững, đứng không vững, ngồi không vững, họ té đổ vật xuống, mắt nhắm lần lại, từ từ, như còn ham tiếc sống, như cố bám chặt lấy cuộc sống, cuộc sống đành là đầy ngập khổ sở, đói khát, mà họ vẫn muốn, vẫn cần. Thân họ đổ xuống rồi, hơi họ thở rất chậm, rất nhẹ, cho đến lúc mê-ly đi, và rồi hơi thở tắt chầm-chậm rồi tắt hẳn. Người đói chết rồi !

Chết rồi, mà người đói kia còn cố *huy động* hết *tàn-lực*, mở mắt ra nhìn kẻ sống ấm no một lần chót, rồi còn cố từ-từ cất tay lên, đưa bàn tay xương ra để xin ăn, để cầu cứu, như kẻ bị sa lầy đã ngập hẳn quá đầu, còn cố giơ-

thẳng tay lên vẫy-vẫy, cầu cứu giữa bãi lầy xa vắng, mông-mênh, lạnh lùng bát ngát, âm-u.

Vũ-hữu-Tiềm

Câu hỏi. 1.— *giải nghĩa* : lửa cơ, vô phương, huy-động, tàn lực.

2. — Tìm những tiếng phản-nghĩa với : từ-từ, chầm chậm, rã rời, lảo đảo.

3.— Phân tích và nói công dụng của những mệnh đề trong câu thứ hai : « Đói không đường cứu chữa... thuốc chữa bịnh bây giờ ?

4.— Đại ý bài ám-tả.

(Trả lời số tới)

VIỆT VĂN.— *Cái thú văn-chương.*

Con người ta vốn là một động vật khôn ngoan nhất trong các loài động vật. Nhờ có trí óc và bản năng phi thường nên con người biết suy lý, biết đều phải, lẽ trái, biết tạo-tác ra những sản phẩm tinh-thần (vô hình) và khoa học (hữu hình). Bánh xe tiến-hoá càng tiến triển theo với thời gian và không gian bao nhiêu thì óc con người lại sáng suốt lên bấy nhiêu. Vì đời là một cuộc chiến đấu không ngừng.

Chính vì cái chỗ « chiến đấu không ngừng » ấy mà cuộc đời phát sinh ra sự đau-khổ để đương đầu với sự sung sướng.

Có « cho » đi, thì phải có « nhận về», vì vậy cho nên mới có Văn-Chương. Và Văn-Chương tức là những bông hoa rất thơm rất thiện, có thể làm nguồn an-ủi cho những cuộc đời sống đã qua nhiều đau khổ, nhiều gian-lao.

Văn-Chương là một trong những thú tiêu-khiển của cuộc đời.

Đánh cờ, uống rượu, gảy đàn, chơi cảnh v...v... mỗi cái có cái thú riêng của nó.

Đến Văn-Chương thì thật là cái kỳ-thú nó làm cho người ta quên được nhiều sầu phiền, áo nảo của cuộc đời, của hoàn cảnh.

Rừng thẳm non cao, hoa thơm, cỏ rậm, trăng sáng, đêm buồn, vườn hoa nở đẹp, muôn tía nghìn hồng, người ta mượn thú Văn-Chương để ngâm nga, để thưởng thức ngõ hầu di-dưỡng cho tinh thần của con người. Muốn thưởng thức, muốn lĩnh hội được cái kỳ thú của Văn-Chương phải là những người đạt-giả.

Văn-Chương là một nghề chơi thanh nhã, cao đẹp, thánh thiện, và nhất là hữu dụng vô cùng.

Muốn nhận thức được cái thú của Văn–Chương, điều cần trước hết là phải hiểu triệt để cái hay của Văn-Chương.

Nhưng thế nào là Văn-Chương hay ? Đã đành là sự giũa gọt câu văn cho bóng bẩy, đối cho chỉnh, câu biền, câu ngẫu. Đấy chỉ là vấn đề hình thức, còn

cái hay then chốt của Văn-Chương là tư-tưởng cao, kiến thức rộng, hành văn giản dị dễ hiểu, tả tình thì tình phơi ra, tả cảnh thì cảnh hiện đến.

Có rất nhiều cái hay : Có cái hay hùng-liệt như gươm như giáo, có cái hay bóng bẩy như trăng, như nước, như hoa. Có cái hay qúy báu như châu ngọc, lại có cái hay như thêu hoa dệt gấm.

Ngày xưa, ông Mạnh Đông Giã có nói rằng : « *Văn-Chương là tâm khí của đấng hiền nhân, tâm khí mà vui thì Văn-Chương chính, nếu tâm khí trái thì Văn-Chương không chính* »

Ông Phó Cảnh Nhân cũng nói : *Tay áo dài khéo múa, lắm tiền khéo buôn. Ta chỉ nên lấy sách cổ nhân, học thuộc và hiểu cho tinh vi, thì tự nhiên nảy ra Văn Chương, hiền lành như là mùa xuân, thơm tho như mùi lan huệ.*

Văn chương lại còn hay ở chỗ lịch-duyệt nữa.

Tóm lại cái thú Văn Chương cũng có nhiều ngả nhiều lối. Có hội được cái hay, mới đạt được cái thú ; Cái thú ở trong cái hay mà sanh ra. Cũng như cái hay nằm trong cái thú.

Đây những cảnh tượng hùng vỹ, huyền bí, kỳ quái, biến hóa phi thường, ai xem cho thấy, ai biết cho rõ, ai hiểu cho thấu, vậy mà nhờ giấy trắng mực đen thì ta biết được triệt để.

Kìa những nhân tình thế thái, thiện có, ác có, trung có, nịnh có, vui sướng có, đau khổ có, những cái éo le của cuộc đời, những cái thâm hiểm của lòng người. Ai đo cho cùng ? ai vẽ cho hết ? nhờ có Văn-Chương thì được biết, được hay.

Xem trên mặt tờ giấy mà tất cả những nơi danh đồn thắng cảnh ở năm châu bốn biển hiện ra như tranh vẽ.

Sinh sau đẻ muộn hàng mấy chục thế kỷ mà vẫn được ngồi đối diện nói truyện với cổ-nhân bây giờ thịt đã nát xương đã tan trong không gian muôn thuở.

Văn Chương đem cho ta sự cảnh tỉnh, làm cho ta sực tỉnh giấc mơ. Xem những lời hào hùng làm cho ta hăng hái, xem những ý cao đẹp làm cho ta thấy nghĩa sự sống, xem những lời đạo lý, làm cho ta động mối thiện tâm, nghe những lời an ủi, làm cho ta bớt đau khổ, xem những lời bác ái, làm cho ta cao thượng.

Tóm lại cái thú Văn Chương thì vô cùng vô tận.

Tuy nhiên, phải là những người thông-minh, có tấm lòng minh mẫn, có ý tưởng thanh cao, có sự cố gắng phi thường của tinh thần mới lĩnh hội được cái thú cái hay của Văn Chương.

Người không đủ sức lĩnh hội thì có hay cũng không biết là hay, có thú cũng không cho là thú.

Người lĩnh hội được cái thú Văn Chương thì xem câu văn hay, nghiền ngẫm cái ý tứ đẹp, thầm phục cái ẩn-ý trong khí văn, thì liền tự nhiên phát-huy ra nhiều tư tưởng lạ, ý kiến hay, ấy là bởi câu của cổ nhân : « *Ý tại ngôn ngoài* » tức là ý ở ngoài lời vậy,

TRÚC-KHANH

ORTHOGRAPHE

Le départ d'un paquebot.

Le pont présentait un cou d'œil animé et pittoresque. Le petit paquebot amenant les voyageurs venait d'arriver et de se ranger à côté du grand steamer. De là montait une foule de passagers pressés, ahuris, qui offraient une diversité étonnante de costumes et de langages, tous les pays de la terre se donnant rendez-vous sur ce milieu mixte, international, qu'on appelle un pont de navire.

Elle était partout, cette fièvre singulière, dans la marrée qui montait à grand bruit, dans les révoltes du vaisseau tirant sur son ancre, dans l'agitation des petites barques qui l'entouraient. Elle animait là-bas, sur la jetée, une foule émue et curieuse, venue pour saluer les voyageurs, suivre de loin quelque silhouette aimée et formant sur l'étroit espace comme une barre sombre qui coupai l'horizon bleu. Elle doublait, cette fièvre, l'élan des bateaux de pêche gagnant le large à pleines voiles pour toute une nuit de hasard et de combat ; et les grands steamers qui rentraient la sentaient battre dans leurs toiles lasses, comme un regret des beaux pays parcourus.

Alphonse Daudet (Jack)

Questions.

1 — « Elle était partout, cette *fièvre* singulière », dit l'auteur. De quelle fièvre s'agit-il ? Quels traits a choisis l'auteur pour nous la rendre sensible ?

2 — Expliquez les expressions suivantes : un coup d'œil animé et pittoresque ; ce milieu mixte, international ; une nuit de hasard et de combat,

3 — Analyse logique de la phrase : « elle était partout... l'entouraient. »

RÉDACTION FRANÇAISE

Développez cette phrase « *Un livre a été pour moi un ami, un consolateur éloquent et calme et un conseiller.*

Développement

Un bon livre est celui qui nous fait connaître et aimer le vrai, le bien, le beau, qui forme notre raison, notre caractère, notre goût, nous donne des idées justes, des sentiments nobles, des aspirations généreuses, nous découvre les sophismes des passions, les illusions de l'amour propre, nous éclaire et nous arme contre les préjugés et enfin nous excite aux actions bonnes, nobles, héroïques, sublimes.

Un bon ami est celui qui vit près de nous, qui partage nos peines, qui nous rend joyeux, qui nous aime dans le bien pour nous rendre meilleurs, qui nous veut et nous fait du bien en tout temps et en toute occasion, qui nous reprend sans ménagement comme sans aigreur, nous loue sans flatterie, nous tient en garde contre nos défauts, nous avertit du danger et nous en préserve. Voilà les qualités d'un bon ami. Le livre est aussi pour nous un conseiller toute-fois que nous voulons le consulter. Le livre est pour nous à la fois un conseiller et un ami.

De plus il est pour nous un consolateur éloquent et calme qui nous console dans les peines, de ne pas nous décourager devant les moindres difficultés, de savoir surmonter énergiquement les obstacles et enfin de nous montrer souriant et gais devant les ennuis et les tristesses. C'est une seconde conscience qui éclaire, redresse et fortifie la nôtre.

Après avoir défini le bon livre et le bon ami c'est déjà avoir montré l'identité que la pensée à développer établit entre l'un et l'autre. Le bon livre est, en effet, pour l'âme un être vivant avec lequel elle converse ; c'est un bon ami qu'on admet aux entretiens les plus familiers avec lequel on se livre aux réflexions les plus diverses, aux études les plus variées sur qui l'on peut toujours compter et que l'on a toujours sous sa main ; que l'on consulte quand on veut ; qui ne change jamais, ne trahit jamais la confiance, répète toujours les mêmes vérités et redonne les mêmes conseils autant de fois qu'on en a besoin ; avec qui l'on oublie ses peines, ses ennuis; qui reprend sans

humilier, dit les plus dures choses sans décourager, fait les plus vifs reproches sans abattre, excite toujours au bien ou mieux au parfait.

En réalité, les bons livres sont pour nous de bons amis. Ils sont toujours à notre service. Ceux-ci nous apprennent à bien vivre, à bien remplir notre devoir de bons citoyens. Ceux-là nous chassent l'ennui par leur gaieté et nous amusent par leurs saillies, En un mot ils nous ouvrent la porte de tous les arts, de toutes les sciences et nous apprennent à bien connaître le savoir-vivre pour mieux nous guider vers le bonheur suprême.

Des bons livres nous font du bien, des mauvais détournent nos esprits et remplissent notre imagination des pensées perverses. Notre devoir de jeunes gens inexpérimentés est de bien choisir les livres et la meilleure chose à faire est de demander des conseils aux personnes compétentes pour le choix de nos lectures.

Devoir retouché d'un élève de 3e à **TABERD**

Devoir proposé

A une vitesse excessive une automobile vient de traverser un village « Oh ! ces automobiles : s'écrie un paysan en menaçant du poing celle qui disparaît déjà au tournant de la route : « je voudrais les voir toutes détruites ! Décrivez la scène et dites vos réflexions personnelles.

Plan

1. *Introduction.*

2. *Scènes*
   - *a)* Dans le village { La route poudreuse du village / le paysan allant au champ.
   - *b)* Une automobile { arrivant à fond de train soulevant un nuage de poussière.
   - *c)* Le Paysan { son attitude. / l'auto l'a fait sursauter / Sa colère / Les paroles injurieuses.

3. — *Réflexions personnelles*
   - *a)* Danger de la vitesse { la mort / l'infirmité.
   - *b)* Services rendus des automobiles.
   - *c)* Quelques conseils pratiques.

BREVET D'ETUDES DU 1er CYCLE DU SECONDE DEGRE

(Session du 14-9-50 — Saigon

Problème du Géométrie. —Soient un triangle équilatéral ABC et le cercle circonscrit. Soit M un point quelconque de l'arc BC intercepté par les côtés de l'angle A. On porte sur MA, de M vers A, une longueur MD = MB.

1°) Montrer que le triangle MDC est équilatéral et que CD est parallèle à MB.

2°) CD rencontre le cercle en D'. Etudier le quadrilatète MBD'D.

3°) Montrer que le triangle ADD' est équilatéral et en déduire la relation MA=MB+MC.

Indications

1°) Quand nous avons affaire à *un point situé sur un cercle et d'où sont issues des sécantes*, nous devons nous rappeler *les théorèmes relatifs aux arcs, aux cordes et aux angles inscrits.*

2°) Pour montrer qu'*un triangle est équilatéral*, il faut prouver qu'il a :

a) *trois côtés égaux*

b) *ou deux côtés égaux et un angle de 60°.*

c) *ou deux angles de 60°.*

3°) Quand on a à démontrer le *parallélisme de deux droites*, il faut connaître :

a) *le théorème relatif aux parallèles coupées par une sécante* (angle) alternes-internes égaux, angles correspondants égaux, angles intérieurs d'un même côté supplémentaires).

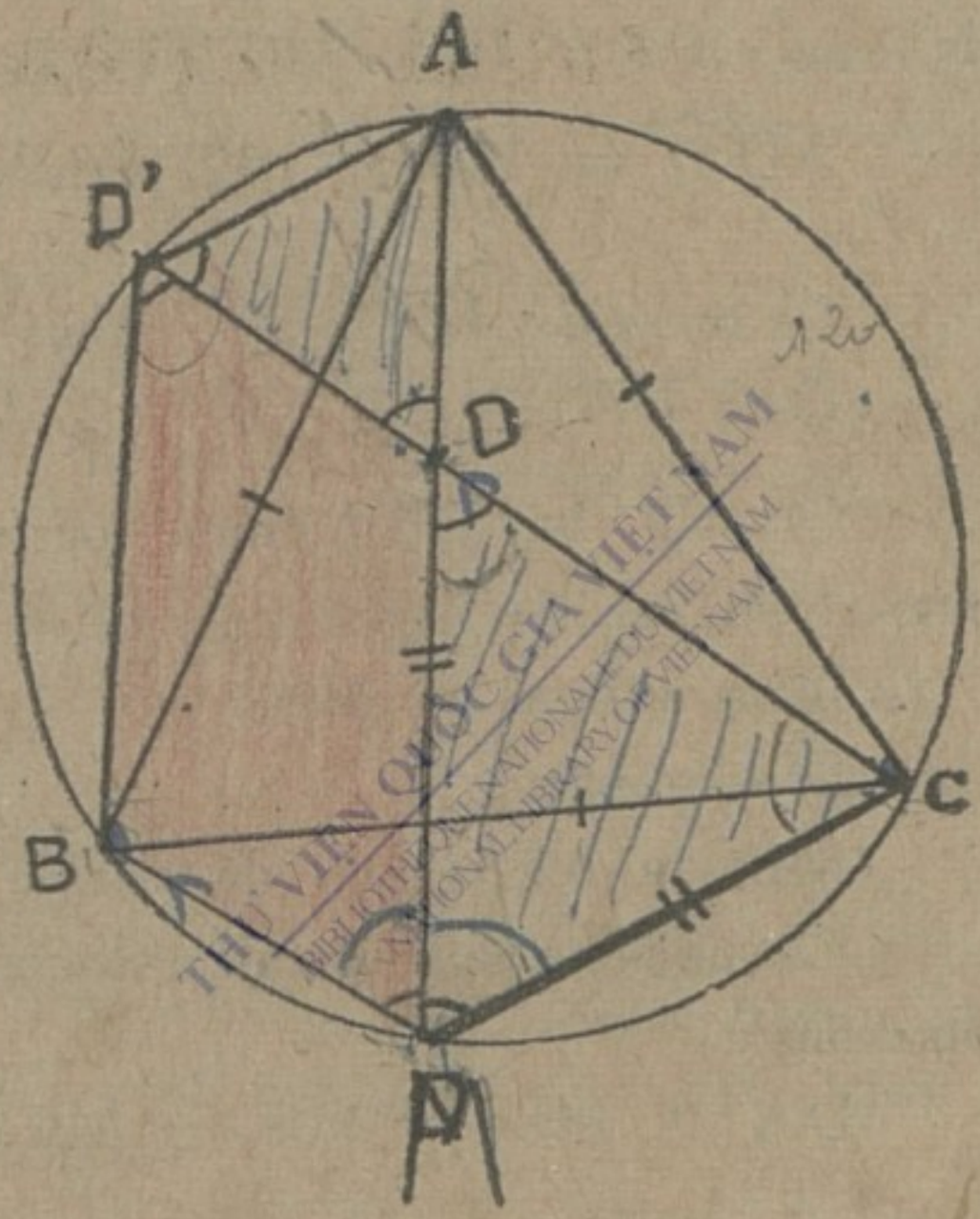
b) *le théorème relatif aux sécantes parallèles à un cercle* (Deux sécantes parallèles à un cercle interceptent sur ce cercle des arcs égaux).

4) Si nous avons à étudier la *forme d'un quadrilatère*, nous devons voir.

a) S'il s'agit d'un des *quadrilatères usuels* (trapèze, parallélo gramme, rectangle, losange, carré) et le *rappel de leur définition et de leurs propriétés respectives* s'avère indispensable.

b) ou s'il s'agit d'un *quadrilatère convexe inscriptible* et pour cela, ses *angles opposés doivent être supplémentaires.*

Solution



1o) Le triangle équilatéral ABC étant inscrit dans un cercle, les arcs $\overset{\frown}{AB}$, $\overset{\frown}{BC}$, $\overset{\frown}{AC}$ sont égaux et ont chacun 120°.

Donc : $\overset{\frown}{DMC} = \frac{120^o}{2} = 60_o$

(angle inscrit ayant la même mesure que la moitié de l'arc intercepté $\overset{\frown}{AC}$.

D'autre part :

MD = MC (par hypothèse) Par suite *le triangle MDC*, ayant un angle de 60° compris entre deux côtés égaux, *est équilatéral*.

D'où : $\overset{\frown}{DMC} = 60_o$.

Or $\overset{\frown}{DMB} = \frac{120^o}{2} = 60^o$ angle inscrit ayant la même mesure que la moitié de l'arc intercepté $\overset{\frown}{BA}$).

Donc : $\overset{\frown}{MDC} = \overset{\frown}{DMB}$.

Par suite, *les segments CD et MB* formant avec la sécantes DM deux angles alternes-internes égaux, *sont parallèles*.

2o)CD étant parallèle à MB, son prolongement DD' l'est aussi à MB: DD'//MB

D'autre part :

$\overset{\frown}{BD'C} = \frac{120_o}{2} = 60^o$ (angle inscrit ayant la même mesure que la moitié de l'arc intercepté $\overset{\frown}{BC}$).

Donc : $\overset{\frown}{BD'C} = \overset{\frown}{MDC}$.

Et les segments DM et D'B, formant avec la sécante DD' deux angles correspondants égaux, sont parrallèles :

DM// D'B

Par suite le *quadrilatère MBD'D* ayant les côtés opposés parallèles deux à deux, *est un parallélogramme*.

3o) Dans le triangle ADD' ou a : $\widehat{ADD'} = \widehat{MDC}$ (angles opposés par le sommet).

$\widehat{AD'D} = \frac{120_o}{2} = 60_o$ (angle inscrit interceptant l'arc intercepté $\widehat{AC}$)

Le triangle ADD', ayant deux angles de 60°, *est donc équilatéral*.

D'où DA = AD'.

Or AD' = MB (cordes soustendant deux arcs égaux AD' et MB nterceptés par les sécantes parallèles BD' et MA).

Donc : DA = MB.

D'autre part :

MD = MC (côtés du triangle équilatéral MDC).

En additionnant membre à membre ces deux dernières égalités, nous obtenons :

DA + MD = MB + MC

ou $\boxed{MA = MB + MC}$

Xuân Sa ?
XUÂN-SA

COURS SECONDAIRES XUÂN-SA
37 Rue Heurteaux — Saigon.
BACC. DIPLÔME - BREVET.

Errata. — *Mathématiques.* Dans n° 23, page 23 :

Au lieu de : passer à, Lisez : *parer à*. Au lieu de : s'impose pour.., Lisez : *s'impose : pour éviter....*

Pensées —

— *Tu cherches à savoir ce que tu dois faire ? interroge ton honneur.*

— *Crains toujours que ton mérite ne réponde pas à l'opinion du monde.*

BAN TÚ - TÀI

Dissertation littéraire

« **Je suis moi-même la matière de mon livre** ». *a dit Montaigne. D'après ce que vous connaissez des Essais, montrez la vérité de cette affirmation.*

Bac. 1ère partie (Clermont 1929 — Dijon 1929)

Directives

Le mot de Montaigne signifie que, dans les Essais, la doctrine qu'il a décrite est **sa** doctrine. Il parle toujours en son nom. Au lieu de dire : « il faut penser. », il dit franchement : « je pense, sans obliger les autres à penser comme moi. »

Donc, le devoir comporte deux parties :

La première partie consiste à étudier la formation intellectuelle de Montaigne car son génie s'explique par son éducation et par son tempérament. Etant chef de famille et seigneur de son château, il se retire solitairement dans sa « librairie» chérie parmi le millier de livres qui sont ses compagnons chéris,

b) *La seconde partie* consiste à approfondir les idées de Montaigne dans les Essais. Ils contiennent d'anecdotes, de détails sur la vie, l'humeur et les caractères de Montaigne. Il n'a aucun penchant pour la vie ascétique. Il a cherché à vivre heureux sur cette terre. Il a goûté deux sortes de plaisirs : ceux du corps, une bonne table un certain confort etc...en s'efforçant d'y observer une sage tempérance, et surtout ceux de l'esprit. Au cours de ses lectures s'est fait une philosophie qui est un *scepticisme*. Ainsi Montaigne juge très bien les hommes et les coutumes contre tous les préjugés et les cruautés de son temps.

Plan proposé

I. *Exposition*. Montaigne s'est pris lui-même comme objet d'étude. La doctrine de Montaigne est **sa** doctrine, l'histoire de ce qu'il a cherché et trouvé avant tout pour lui-même. Etudions successivement sa vie physique, morale et ses œuvres.

1ère partie.— Vie de Montaigne

a) *Point de vue physique*

Elevé avec douceur et tendresse par un père qui le faisait éveiller au son des instruments. Il n'a jamais eu le goût de l'action qui suppose la confiance un peu aveugle dans ce qu'on croit à la vérité. Il a aimé la bonne chère; il a goûté le confort et il a adoré surtout le plaisir de la lecture.

b) *Point de vue moral*

En lisant copieusement les anciens, il les imite. Tantôt il a de la nervosité et du courage flegmatique, tantôt il goûte les plaisirs vulgaires (dés, cartes etc...)

Il a aussi l'expérience des affaires de justice et d'administration (conseiller à la cour des Aides de Périgueux, puis au Parlement de Bordeaux : maire de Bordeaux).

Enfin,il a fait des voyages pour se soigner dans des villes aquatiques et pour son plaisir (Suisse, Allemagne, Tyrol, Italie

2ème partie.— Doctrine de Montaigne

Grand diseur, aimable causeur, voyageur noble, Montaigne a rencontré bon nombre de gens. Ils les dissèquent, les analysent sur les questions de tout ordre (politiques, philosophiques, morales etc...) Il a vu que les savants ne sont pas les plus heureux et que la raison du philosophe n'est pas un meilleur guide que la bonne humeur ou la résignation des pauvres gens. De là le «que sais-je ? » aveu de scepticisme universel.

Donc bien vivre, c'est se conformer à la nature et se plaire, avec simplicité, aux joies qu'elle a voulues procurer aux hommes. Il faut s'efforcer de son mieux d'éviter la douleur « fût-ce sous la peau d'un veau.

Pour bien vivre, il n'est pas besoin de tant savoir. Dans son chapitre sur l'institution (éducation) des enfants pour la comtesse de Gurson, Montaigne veut que son élève ait du jugement.

Enfin, Montaigne enseigne à juger les hommes et les coutumes avec plus de générosité, de justice et de clairvoyance, (pas de préjugés, de cruautés et de tortures).

Conclusion. — L'œuvre magistrale de Montaigne complétée par son art de vivre, traduit admirablement la conception qu'il s'est faite de la vie de l'univers. La lecture des Essais est une conversation tête à tête avec un homme noble, aimable, poli et gai, En causant de lui-même avec nous, il fait penser à nous-mêmes.

LÊ-VÂN
professeur

Sujet à proposer *En quel sens peut-on dire que Malherbe a tué le lyrisme en France pour deux siècles?*

(Le plan sera donné dans le prochain numéro).

Baccalauréat. 1ère Partie. Série Moderne.

Saigon. 2e session 1950.

PHYSIQUE

Problème. — Une lentille mince convergente L, de centre optique C donne d'un objet réel A B, normal à l'axe optique de la lentille avec image réelle A' B' ; A et A' sont sur l'axe et CA = 120^{cm}. — C A' = 60^{cm}.

1°) Dire si l'image A' B' est droite ou renvervée par rapport à A B ; calculer la longueur A' B' sachant que A B = 2 cm.

2°) Calculer la distance focale de la lentille ainsi que sa convergence exprimées en dioptrie.

3°) Où doit-on placer, sur l'axe optique de L, le centre optique C_1 d'une lentille divergente L_1 de distance focale égale à 3^{cm}, pour qu'elle donne de A' B' une image réelle A" B" 5 fois plus grande que A' B'.

4°) Quelle est la position du point A".

5°) Construire la marche d'un ~~pinceau~~ faisceau de rayons lumineux qui, issu de B traverse le système des 2 lentilles, aboutit en B".

1°) Sens et grandeur de l'image A' B'.

On a : $$\frac{A'B'}{AB} = -\frac{p'}{p}$$

L'objet et l'image étant réels, p et p' sont positifs, ce rapport est donc négatif, par suite l'image A' B' est *renversée* par rapport à l'objet A B.

$$\left|\frac{A'B'}{AB}\right| = \left|-\frac{p'}{p}\right| = \frac{60}{120} = \frac{1}{2}$$

donc : $\boxed{|A'B| = 1^{cm}.}$

2°) Distance focale et convergence de L.

Appliquons la formule $\frac{1}{p} + \frac{1}{p'} = \frac{1}{f}$ avec $p = CA = 120^{cm}$
$p' = CA' = 60^{cm}$

$$\frac{1}{f} = \frac{1}{120} + \frac{1}{60} = \frac{3}{120}$$

$$\boxed{f = 40^{cm}}$$

$$C = \frac{1}{f} = \frac{1}{0{,}40} = \frac{100}{40} = \textbf{2.5 dioptries}$$

3°) Position de C_1.

On sait qu'une lentille divergente donne d'un objet virtuel placé entre la lentille et le plan focal une image réelle.

L'image A' B' joue donc le rôle d'un objet virtuel par rappor à la lentille divergente L_1. Par suite C_1 se trouve à une distance x de C ($CC_1 = x$) entre C et A' : Posons $C_1A' = p_1 = -(60-x)$

$C_1A'' = p''$

$f_1 = 3^{cm}$

Nous avons par ailleurs la condition :

$$\left|\frac{A''B''}{A'B'}\right| = 5$$

Elle s'écrit : $\frac{A''B''}{A'.B'} = -\frac{p''}{p_1} = +5$

$p'' = -5p_1 = -5(x-60)$

Appliquons la formule de Descartes :

$$\frac{1}{x-60} - \frac{1}{5(x-60)} = -\frac{1}{3}$$

$$\frac{4}{5(x-60)} = -\frac{1}{3}$$

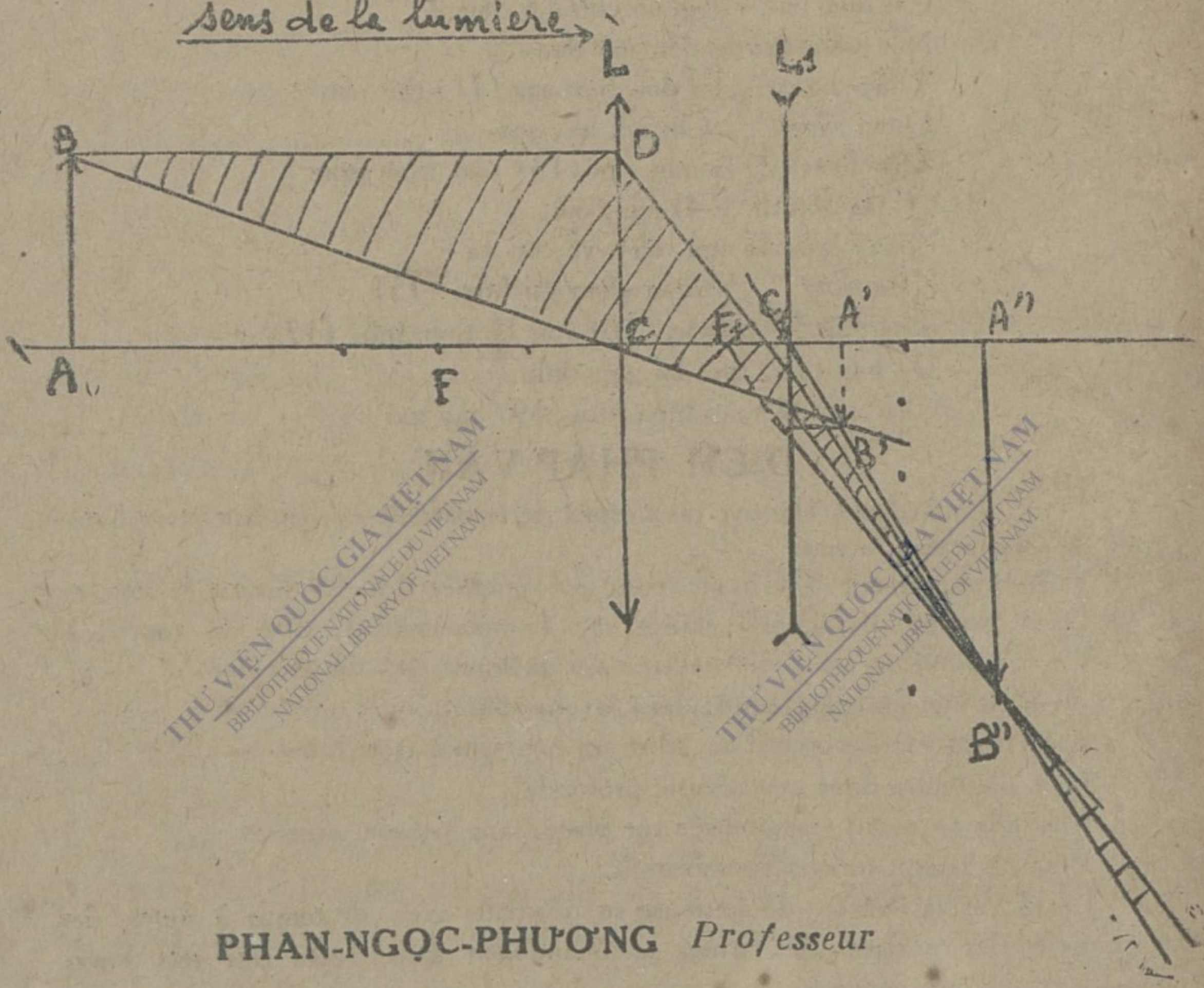
$$\boxed{x = 57,6^{cm}}$$

4°) *Position de A''.* $C_1A'' = p'' = -5(57'6 - 60) = 12^{cm}$.

$$CA'' = CC_1 + C_1A'' = 69,6^{cm}.$$

5°) *Tracé d'un faisceau de rayons lumineux.* (Voir figure)

Remarque. L'image difinitive A'' B'' donnée par le système est réelle, 2,5 fois plus grande que l'objet AB renversée par rapport à AB.



THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

PHAN-NGỌC-PHƯƠNG *Professeur*

TRUYỆN THÚY - KIỀU

(Tiếp theo C.H. số 23)

Lầm-dầm khấn-khứa (1) nhỏ to,
Sụp ngồi, đặt cỏ (2) trước mồ, bước ra.
Một vùng cỏ áy (3) bóng tà,
Gió hiu-hiu thổi một và bông (4) lau.
Rút trâm sẵn giắt mái đầu,
Vạch da cây, vịnh bốn câu ba vần. (5)
Lại càng mê-mẩn tâm thần,
Lại càng đứng lặng tần-ngần chẳng ra, (6)
Lại càng ủ-dột nét hoa, (7)
Sầu tuôn đứt nối, (8) châu sa vắn dài.
Vân rằng : « Chị cũng nực cười,
Khéo (9) dư nước mắt khóc người đời xưa ».
Rằng : « Hồng nhan (10) tự nghìn xưa,
Cái điều bạc-mệnh có chừa ai đâu ?
Nỗi niềm tưởng đến mà đau,
Thấy người nằm đó, biết sau (11) thế nào ? »
Quan rằng : « Chị nói hay sao,
Một lời (12) là một vận (13) vào khó nghe !
Ở đây âm-khí (14) nặng-nề,
Bóng chiều đã ngả, dặm về còn xa ».
Kiều rằng : « Những đấng tài-hoa, (15)
Thác là thề-phách, (16) còn là tinh-anh. (17)
Dễ hay (18) tình lại gặp tình,
Chờ xem ắt thấy hiển-linh (19) bây giờ.

DỊCH PHÁP-VĂN

Dans un murmure, elle évoqua l'esprit de la défunte en baissant et en haussant successivement la voix.

Puis brusquement elle s assit, posa une poignée d'herbe devant la tombe.

Dans ce petit coin d'herbe flétrie, sous la mélancolique clarté du couchant.

Le vent soufflait avec nonchalance sur quelques épis de roseaux.

Retirant une épingle piquée dans la chevelure,

Kiều traça sur l'écorce d'un arbre un quatrain à trois rimes.

Puis elle entra dans une rêverie profonde,

Puis elle se sentit immobilisée sur place, sans pensée précise,

Puis ses beaux traits s'assombrirent,

Le fil de sa pensée douloureuse se dévidait, avec de temps à autre des ruptures et des reprises. Ses larmes se répandaient sans cesse (les jets longs succédant aux jets courts).

Vân dit : « Ma sœur aînée est ridicule, Pourquoi s'ingénie-t-elle ainsi à avoir des larmes de trop pour pleurer les gens d'autrefois ?

Elle répliqua : « Parmi les belles femmes depuis la plus haute antiquité,

Cette chose qu'on appelle le sort ingrat n'en a jamais épargné aucune-(C'est à dire, aucune femme n'en est à l'abri).

Eu pensant à la triste destinée de cette fille, je souffre.

Je la vois là, couchée dans cette tombe, et je ne sais ce qui m'arrivera à moi-même ».

A son tour, Quan dit : « Ce que vous dites est insensé ! »

Chaque mot que vous dites d'elle, vous l'appliquez à vous-même. Cela est inadmissible !

En ce lieu, l'air du soir ne doit pas être bon à respirer,

Le soleil du soir s'avance vers le couchant et le chemin du retour est encore long ».

Kiều dit : « Les esprits d'élite (comme Đạm-Tiên).

Ne meurent que le corps, leurs esprits survivent.

Peut-être bien que moi, âme sensible, j'ai rencontré ici cette autre âme sensible.

Attendons. Sûrement, Elle va m'appaître. **(N.V.V.)**

Chú

1° *khấn-khứa* : Có bản viết : *khấn vái*, không đúng nghĩa vì Thúy-Kiều chỉ nói lầm thầm chớ không có chấp tay xá.

2° *đặt cỏ* : Có bản viết là : *và nật* (gật đầu). Nhưng theo bản xưa thì *đặt cỏ* đúng hơn, vì theo chữ trong KINH THI :

Sinh xô nhứt thúc (một nắm cỏ tươi)

Người ta hay dùng bó cỏ đặt trước mồ để rót rượu lên làm lễ, hay để thế nén hương mà họ không có đem theo.

3° *cỏ áy* : Cỏ úa vàng, có vẻ tiều-tụy.

4° *một vả* : Một vài, vài ba, một vài bông lau. Dùng *vả* cho ăn vần *tà* ở trên. *Bông lau* : có bản chép là : *ngọn lau*. Dùng tiếng *bông*, câu thơ nhẹ-nhàn hơn.

5° *bốn câu ba vần* : có bản viết là *tám câu ba vần* không đúng nghĩa. Theo luật ĐƯỜNG, thớ tứ-tuyệt là 4 câu có 3 vần : chữ chót câu thứ 1, câu thứ 2 và câu thứ 4, ăn vần với nhau.

6· *chẳng ra* : đừng lầm với nghĩa : *chẳng chịu đi ra*, ở đây là Kiều suy nghĩ vẩn-vơ, không nghĩ ra thế nào.

7· *lại càng ũ dột nét hoa* : có bản chép là : *lại càng ũ liễu đầu hoa*.

8· *sầu tuôn đứt nối* : cơn sầu ví như sợi tơ đang dệt bị đứt và nối lại, nghĩa là buồn bã không cùng.

9· *khéo* : hay, giỏi. Ta đã thấy nghĩa ở câu *khéo là ghét nhau*.

10· *hồng nhan* : gò má màu hồng, gọi tắt là *má hồng*, chỉ người đàn bà đẹp.

11· *Thấy người...* : Thấy Đạm-Tiên, Kiều nghĩ không biết ngày sau của mình ra thế nào ?

Có bản chép là : *Thấy người trước đó biết sau thế nào ?*

12· *Một lời* : có bản chép là : *một câu*, có bản : *một điều*.

13· *vận vào* : buộc vào. Thúy-Kiều buộc số-phận Đạm-Tiên vào số-phận mình rồi than-thở.

14· *âm-khí* : không-khí ban đêm. Ở đây, chưa tối, mới xế chiều, lại có nghĩa là ở vùng mồ-mã, trên đất chết, không khí không được tốt.

15· *đấng tài-hoa* : người có tài và đẹp như hoa.

16· *thể-phách* : *thể* : thể-cách ; *phách* : khí-phách. Thân thể, xác thịt con người.

17· *tinh anh* : phần thuần túy tốt đẹp nhất trong một vật gì. Ở đây chỉ : linh hồn người chết.

18· *dễ hay* : như ta nói : *dễ đâu*, nghĩa là : dịp may ít khi gặp ; dễ đâu gặp được.

19· *hiển linh* : người chết linh-thiêng hiển hiện ra.

Giảng

Thúy Kiều khấn lâm thầm, ngồi đề nắm cỏ trước mồ thế cho nén hương, rồi lui ra.

Ánh nắng buổi chiều tà thoi-thóp trên một vùng cỏ úa, gió thổi nhẹ-nhàn run-rẩy vài bông lau.

Ngắm cảnh sanh tình, Thúy-Kiều rút chiếc trâm giắt tóc, viết trên cây ở cạnh mồ một bài thơ tứ tuyệt,

Cơn buồn chan-chứa, Nàng đứng lặng im, bâng khuâng, vơ-vẩn, mặt mày ũ-dột, nước mắt tuôn rơi :

Thúy-Vân nói :

— Trông chị thật tức cười, nước mắt đâu mà khóc người hồi xưa như thế ?

Thúy-Kiều trả lời :

— Từ xưa đến giờ hễ người đàn bà đẹp và có tài thì số-mạng không ra gì, không người nào tránh khỏi. Càng nghĩ càng buồn thêm. Trông người nằm đó không biết thân-thế chị ngày sau ra thế nào ?

Vương-Quan ngạc nhiên ;

— Sao chị nói lạ-lùng vậy. Thân thế của Đạm-Tiên chị đem buộc vào thân thế chị, thật không thể nghe được. Ở đây về chiều, không khí khó thở. Trời sắp tối, đường về còn xa, ta không nên ở lâu ».

Thúy-kiều nói :

— Những người tài giỏi, khi chết, chỉ có xác thịt tiêu tan, linh-hồn vẫn còn. Không mấy khi người nhiều tình cảm gặp người nhiều tình cảm, chắc chắn nàng sẽ hiện hồn về ngay.

Hai em hãy chờ xem.

Bình

— Ba việc làm thu, trong 8 chữ :

1) *Sụp ngồi* 2) *đặt cỏ trước mồ,* 3) *bước ra.*

Gọn ghẽ biết bao !

— Đến hai câu kế :

Một vùng cỏ áy bóng tà,
Gió hiu-hiu thổi một vài bông lau.

ngâm lên, ta thấy ngay một bức tranh trước mắt có : ánh nắng tàn trên đồng cỏ uá, có gió hiu-hiu, lay động vài bông lau, quả là một cảnh chiều buồn,

Không trách Thúy-Kiều cảm hứng viết ngay 4 câu thơ !

— So sánh cơn sầu bằng sợi tơ đang dệt bị đứt đoạn và nối lại, tác-giả cho ta thấy ngay người đau khổ thổn-thức, tức tuổi không nói ra lời.

— Đáp lời Thúy-Vân, Kiều lại đem số kiếp bạc-bẻo của khách má hồng ra nói, rõ ràng, trong đầu Nàng lúc nào cũng thắc mắc, lo sợ điều này, đến nỗi phải bốc-lộ ra :

Thấy người nằm đó biết sao thế nào ?

Phê-bình về cá-nhân, Kiều quái gở thật, còn xét về kỹ-thuật, ta phải công nhận dụng ý rất hay của tác giả như trong bài trước có nói.

— Vương-Quan dục hai chị đi về mà không nói thẳng, lại dùng :

Ở đây âm-khí nặng nề
Bóng chiều đã ngả, dặm về còn xa.

thật là vô cùng khéo léo.

LÊ-HƯỞNG

XIN SỬA : *Số 23, chữ* GIẢNG *ở chỗ chữ* BÌNH, *chữ* BÌNH *ở chỗ chữ* GIẢNG.

La grammaire pratique pour tous les degrés

Le complément d'objet indirect et le ccmplément circonstanciel d'attribution.

En analyse grammaticale, on a tendance à confondre un *complément d'objet indirect* avec un *complément circonstanciel d'attribution*. Cela tient à ce qu'ils sont, tous les deux souvent précédés de la même préposition **à**. Pourtant, la différence qui existe entre eux est assez saisissante.

Prenons ces trois exemples :

1.) J'obéis *à* ma *mère*. (mère : *complément d'objet indirect* du verbe : obéis).

2.) J'apporte *à* ma *mère* un bouquet de fleurs (mère : *complément circonstanciel d'attribution* du verbe : apporte).

3.) Je parle *à* ma *mère* de cette affaire. (mère : *complément circonstanciel d'attribution* du verbe parle).

Dans le premier exemple, le verbe « *obéir* » est un verbe *transitif indirec* qui admet le nom « *mère* » comme *complément d'objet indirect*.

Dans le second, le verbe « *apporter* » est un verbe *transitif direct* qui admet le nom « *bouquet* » comme *complément d'objet direct*. Le nom « *mère* » y joue alors le rôle de *complément circonstanciel d'attribution* du verbe « *apporter* ».

Dans le troisième, le verbe « *parler* » (de) est un verbe *transitif indirect* qui admet le nom « *affaire* » comme *complément d'objet indirect*. Le nom « *mère* » y joue aussi le rôle de *complément circonstanciel d'attribution* du verbe « *parler* ».

De ce qui précède, nous pouvons formuler ces deux remarques :

Remarque I.— *Le complément d'objet indirect accompagne toujours un verbe transitif indirect tandis que le complément circonstantiel d'attribution peut accompagner un verbe transitif direct ou un verbe transitif indirect.*

Remarque II.— *Un verbe transitif n'admet jamais à la fois deux compléments d'objet direct et indirect. S'il est transitif direct et s'il est transitif indirect, il admet un complément d'objet indirect.* *(à suivre)*

X. S.

ANGLAIS LITTÉRAIRE

Thème.— *Mưa dầm, gió bấc.*

Về mùa đông, gặp khi mưa dầm gió bấc, thì phong cảnh nhà quê trong thật tiêu điều buồn bã.

Ngoài đồng thì nước giá, thỉnh thoảng mới thấy lác đác có người cấy hay bừa. Người nào người nấy cặm cụi mà làm, không chuyện trò vui vẻ như khi ấm áp. Trong làng thì đường sá vắng tanh, bùng lầy đến mắt cá.

Xung quanh mình không có một tiếng động, chỉ nghe gió thổi vào bụi tre ù ù, giọt nước rơi xuống đất lắch tắch.

o°o

WINTER SCENES IN THE COUNTRY

First go over this...

In winter, when come the monsoon and the rainy season the country sight is realty sad and gloomy.

Outside in the fields, the water becomes glacial. Only a few scattered farmers doing ploughing or harrowing work are to be seen now and then. All of them with their heads bent down are hard at work. They do not indulge in lively conversations as they would when the weather is warm.

The roads of the village are empty, with mud high up to the ankles. All around, there is not a sound. One only hears the wind blowing through the bamboo clusters and the sounds made by the raindrops falling to the ground.

Now, read carefully this...

When the monsoon and the drizzling rain *set in* on some winter days the sight of the country is *a cheerless one* indeed.

Out in the fields, the water turns *icy cold*. Only a few thinly scattered men are seen ploughing or harrowing at intervals. One and all *set about their tasks* with bowed heads, mindless of all things else. There is no merry gossips as one would hear in days of warm weather.

The village roadways *are ankle-deep in mud*, listless and empty. One would hardly hear a stir all round, save for the howling wind blowing through the bamboo groves and the pattering sounds of raindrops falling onto the ground.

Pensées —

— *Il importe de réfléchir longuement avant d'agir.*

— « *Dire comme il faut ce qu'il faut dire* », *voilà la véritable éloquence.*

THE EDITOR'S LETTER

Dear Young Friends

Quite a number of you, I presume, have taken up modern language studies and have been working hard at it. This is a praise-worthy resolve to which we should give our wholehearted encouragement, but I cannot help wondering how many of you do give a serious thought to the problem of language learning in view of finding the right approach that will make your present efforts well worthwhile.

With this important consideration in mind, I now convey you to dwell for a moment on what should be the objectives of foreign language studies and together we shall see what are the advantages resulting therefrom.

You may have noticed from your own observations how great and far-reaching these advantages are. Not only dœs your knowledge of a foreign language open the door to a wide range of opportunities, but sometimes it enables you to follow your own line of occupation and proves of great help in pursuit of that career. What the best minds of the world have to offer in the way of self-advancement is yours for the asking. You hold in your hands the keys with which you could, if you choose to use them, gain access to vast treasuries of culture and inspiration.

These are some of the immediate benefits you would derive from your knowledge of languages. But beyond these personal gains, there are more compelling reasons by virtue of which you ought to learn for aims other than that of satisfying your own inclination and pleasure.

Consider the fact that in a not too distant future your country will regain her full, unfettered independence. This means that VIET-NAM will secure her rightful place in the community of nations and the growth of her international status will demand that a growing number of Vietnamese should speak and write the foreign tongues.

National reconstruction works, on the other hand, will make demands even greater and more important, for if we are to be great and strong we must keep ourselves a breast of scientific and industrial progress in countries different from our own. Herein lies the all-important role of language studies as a means whereby the fruits of foreign experiment and research, along with hundreds of other opportunities, can be made available to our people in ensuring national progress and salvation.

So you see, the above considerations should go to evolve a right, constructive approach to the problem of modern language studies. The time is past when our elders set down to learn foreign tongues with no other ideal than that of success in examination and well paid sinecures in life.

Yours should be for a finer, worthier cause. You will learn not only for your

own sake or satisfaction ; it will and should be for your country's sake above all else. Go, then, to other nations of the world to acquire new knowledge for the benefit of your people, but do make sure to discriminate between the knowledge that liberates and enobles men and the one that fosters servitude of mind and body.

Unless you grasp the full import of these considerations in the pursuit of modern language studies, all your efforts, however great, will be of no or little value to yourself and to your own fellowmen.

Ever Yours,
HOÀNG-GIA-DU

L'EDITEUR A SES JEUNES AMIS

Bon nombre d'entre vous ont entrepris l'étude des langues étrangères et dépensent un grand effort à la tâche. Votre résolution est bien digne d'éloge et nous devons d'y prêter tous nos encouragements dévoués. Toutefois je ne puis m'empêcher de me demander combien d'entre vous ont pensé sérieusement à vous faire une idée judicieuse du problème de l étude des langues afin que vos efforts présents valent la peine d'être tentés.

Voilà le fait essentiel en vue duquel je voudrais aujourd'hui vous convier à réfléchir un instant sur ce que doivent être les buts de l'étude des langues, puis nous examinerons ensemble des avantages qui en découlent.

Avantages à la fois nombreux et d'une grande portée, comme vous avez pu le constater d'après vos propres observations. Non seulement la connaissance d'une langue étrangère ouvre la voie à un multitude de possibilités, mais grâce à elle encore, vous pouvez parfois suivre la profession de votre choix et vous la trouverez d'un grand secours dans la poursuite de cette carrière. Ce que les meilleurs esprits du monde ont à offrir pour notre progrès individuel, vous pouvez, si vous le voulez, en faire vôtre. Vous détenez entre vos mains les clés aux vastes trésors d'idées et de culture qui vous restent accessibles pour peu que vous vouliez en faire votre profit.

Tels sont quelques avantages immédiats que vous tireriez de votre connaissance des langues. Mais au delà de ces gains personnels, il existe des raisons plus impérieuses qui vous engagent à apprendre pour un but autre que celui de satisfaire à un penchant ou une prédilection personnels.

Songez donc à cet avenir pas si lointain où l'indépendance du Viêtnam lui reviendra entière et libre de toute entrave. Cela signifie que le Vietnam sera assuré d'une place qui lui est due au sein de la communauté des nations et en raison de sa position internationale grandissante, il importe que les Vietnamiens, en nombre croissant, apprennent à parler et écrire les langues étrangères.

D'un autre côté, l'œuvre de la reconstruction nationale imposera des demandes encore plus importantes, plus étendues, car pour rester grands et forts il faudra nous mettre au diapason des progrès scientifiques et industriels chez les pays différents du nôtre. C'est ici que réside l'importance primordiale de l'étude des langues en tant que moyens pour faire profiter à notre peuple les fruits des expériences, des recherches ainsi que des centaines d'autres ressources émanant de l'étranger aux fins d'assurer le progès de la nation et son salut.

Comme vous voyez, les considérations qui précèdent doivent servir à trouver un concept juste et constructif à l'etude des langues modernes. Le temps est révolu où nos aînés s'y adonnèrent sans autre idéal que celui de réussir aux examens en vue des positions lucratives dans la vie. Votre idéal à vous doit être mis au service d'une cause autrement noble et digne. Vous apprendrez non seulement pour vous même, pour votre propre satisfaction, mais ce sera et ce devra être par dessus tout pour le salut de votre pays. Allez donc aux nations du monde à la recherche de nouvelles connaissances, mais ayez garde de distinguer le savoir qui libère et ennoblit l'homme de celui qui engendre la servitude de l'âme et du corps.

A moins de saisir toute la portée de ces considérations qui doivent présider à l'étude des langues modernes, tous vos efforts si grands soient-ils n'auront que peu ou point de valeur pour vous-même et pour vos compatriotes.

H.G.D.

Pensées —

— *Le travail éloigne de nous : l'ennui, le vice et le besoin.*

— *Ne fais rien dans la colère: mettrais-tu à la voile pendant la tempête.*

Anthologie de la Poésie Viêtnamienne

par M. **TRẦN-CỬU-CHẤN**

NGUYỄN-CÔNG-TRỨ (1777-1859)

NGUYỄN-CÔNG-TRỨ eut pour pseudonme littéraire « *Hi-Văn* » et pour surnom « *Trọng-Chiêu* ». Il naquit au village de Oai-Viễn, huyện de Nghi Xuân, province de Hà-Tĩnh (Centre-Viêt-Nam).

Reçu *giải-nguyên* (premier lauréat du grade de licencié), il servit sous les rois GIA-LONG, MINH MẠNG et THIỆU-TRỊ, joignant à son talent d'administrateur ses qualités de stratège dans la répression des rébellions certaines provinces du Nord.

Après une brillante carrière dans le mandarinat où il avait plus d'une occasion à surmonter de graves revers, NGUYỄN-CÔNG-TRỨ se retira dans la pagode de Cảm-Sơn, dans le dessein d'oublier totalement les affaires du siècle.

Il passait son temps à se promener sur un char à bœufs dans la campagne, contemplant les paysages de fleuves et de montagnes et méditant en face de la nature agreste.

Il monrut à l'âge de quatre-vingt-deux ans. En reconnaissance de ces éminents services, les habitants de Ninh-Bình et de Thái-Bình (Nord-Viêt-Nam) érigèrent des stèles et construisirent des pagodes pour vénérer la pieuse mémoire du défunt.

NGUYỄN-CÔNG-TRỨ était un esprit supérieur ouvert à tous les charmes des belles-lettres et des arts Il composa un grand nombre de beaux poèmes et se spécialisa dans le genre dit « *ca-trù* »(chanson), encore très en vogue de nos jours.

Sa poésie respire l'état d'une grande âme qui, blessée par les vicissitudes du monde, se raidit contre l'infortune et prend son parti de se laisser vivre.

D'où cette résignation, cette sincérité et cet abandon dignes d'un stoïcien doublé d'un charmant poète.

Ses principales poésies sont :

1° Au moment d'aller au concours. — 2° Le râle d'eau.

3° La mauvaise fortune. — 4° La vie. — 5° La vie tranquille.

Sự đời.

Ăn ở sao cho trải sự đời,
Vừa lòng cũng khó há rằng chơi.
Nghe như chọc ruột tai làm điếc,
Giận dấu căm gan miệng mỉm cười.
Bởi số tránh sao cho khỏi số,
Lụy người nên nỗi phải người.
Mặc ai cho đề đều ân oán,
Trong cuộc hơn thua cũng tại trời.

La vie.

Vivons de telle sorte que nous puissions cannaître tous les dessous de la vie.
Il n'est pas facile de contenter tous les hommes.
Faisons le sourd pour ne pas entendre les propos qui nous choquent ;
Montrons le sourire, lorsque nous sommes sous le coup d'un vif ressentiment
Tel est le sort auquel personne ne peut prétendre échapper ;
Etant sous la dépendance des autres, on doit se soumettre à leur volonté.
Quoi qu'on fasse, gardons-nous de provoquer la vengeance ;
Laissons le ciel disposer des avantages ou des revers de la vie.

LECONS PARTICULIÈRES
LATIN — GREC — ANGLAIS — LITTERATURE FRANÇAISE
Classes secondaires & P. S.
Préparation intensive aux divers examens.
S'adresser : **M. TRẦN-CỬU-CHẤN**
31, Trương-minh-Ký — Saigon

Xin lưu ý.— Mời quí bạn đón mua quyển Essais sur la Littérature Viêtnamienne. ông Trần-cửu-Chấn đã soạn sẽ phát hành lối cuối tháng.

Các học-sinh, nhứt là các sinh-viên cùng các giáo-chức, tất cả nam nữ,

Học hành, làm việc lao tổn, tâm trí. **Rất** cần bổ dưỡng lại sức khoẻ ; nên dùng :

1°) Thuốc **bổ-phổi, ngừa** lao và **trừ** lao rất hay.
2°) Thuốc đại bổ **nước cốt** Sâm Cao-ly.

Người lớn tuổi, yếu đuối muốn đặng lại sức, mạnh mẽ nên dùng: **Hải Long Tráng Dương bổ thận hoàn.**

Ấy là **3 phương thuốc bí truyền rất công hiệu** của người Việt-Nam.

Mua sỉ hay lẻ do **nhà thuốc cụ Trịnh Hải Long.**
19 Vassoigne Tânđịnh — Saigon.

TRÍCH TRONG SƠ THẢO QUYỂN :

TRIẾT HỌC TƯ VỰNG

" PHÁP - VIỆT "

của **ĐOÀN-PHÔ-VĨNH**

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT-NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET-NAM

Lời nói đầu

Triết-học là một môn-học rất phiền-phức đối với các ngành học-vấn khác. Người ta bảo rằng triết-học là một khoa-học trong những khoa học.

Xứ *Việt nam* từ 20 năm nay đã tiến-bộ rất nhiều về đường học vấn. Sách báo càng ngày càng phát-triển luôn, cả loại sách triết-học. Hôm nay chúng tôi đem tất cả công-phu và trí-năng để biên-soạn quyển tự-vựng nầy và ước-mong các bậc trí thức chỉ giáo những điều sai lầm của người tự-học như hạ-nhân đây.

Mục-đích biên-soạn quyển « *Triết-học tự-vựng* » là để chúng tôi học thêm về triết-học và nếu có thể được là giúp một phần cỏn con trong nền học-vấn chung cho những anh chị em học-sinh muốn hiểu nghĩa những danh-từ triết lý.

Chúng tôi hy-vọng những lời phẩm bình thành thật của các bậc trí-thức để bổ khuyết vào một việc hữu-ích cho nền học-vấn ta.

Tác giả chí

A

(**A**) Từ-mẫu **A** trong triết-học là biểu-tượng cho mệnh-đề *khẳng-định phổ-biến* (proposition universelle affirmative) ở phần *Luận-lý hình thức* (Logique formelle)

Khẳng-định mệnh-đề có nghĩa cái mệnh đề thuận nhận là có, như « *tôi đi học* » đó là mệnh-đề khẳng-định.

Còn « *khẳng-định phổ-biến mệnh-đề* » nghĩa là một hiện-tương có một tính-chất chung như *người ta thì phải chết; Mùa đông khí trời lạnh; khát thì khải uống, đói thì phải ăn..v.v.*

Tính chất nầy ai ai cũng phải nhận vì rằng nó thuộc về *tính-chất phổ thông.*

Trái lại « *khẳng-định đặc-thù mệnh-đề* »[1] chỉ sự quyết-đoán có đặc-tính riêng, như *Ông ấy rất công-chánh* ; sông *Cửu-Long lấy nguồn ở Tây-Tạng;* Hải-lưu « *Kourochivo* » có dòng nước đen gọi là « *Hắc-giang* » [2]

(**À** ou **An**). **A** là một tiếp-đầu-ngữ [3] rất thông-dụng trong ngôn-ngữ triết-học cận-đại để kết-thành những danh-từ có một ý-nghĩa hẹp về tình-trạng không có, như sự *khuyết-phạp*, [4] sự *táng-thất*, sự *thủ tiêu*. Trái lại nó không chỉ sự *tương-phản, tương-bội*, sự *phản-đối* [5] Như chữ **Amoral** nghĩa là không có tính-chất luân-lý, không phải đạo-đức mà cũng không phải bất đạo-đức.

Chữ *Amoral* trong *siêu hình-học* [6] chỉ phần *tiền-bộ* và *ngoại-bộ* của phép tắc luân-lý.

(**A = A**) Một công-thức thông-dụng để biểu-thị *phép-tắc đồng-nhất* [7]

Còn *Đồng-nhất triết-học* chủ-trương rằng tâm-ý với vật-chất, tinh-thần với tự-nhiên, tư-tưởng với thực-tại điều là *một* cả.

Muốn viết dấu đồng nhất thì phải gạch 3 gạch ≡ mà thông thường người ta dùng = ; có khi không rõ ràng, không phân minh, không chính-xác.

Vậy ta khải dùng ≡ khi ta nói đến phép-tắc đồng nhất.

(Còn tiếp)

1) *P*ropositions singulières affirmatives 2) flueve noir.
3) *P*réfixe 4) privation 5) contrariété 6) métaphysique
7) *P*rincipes d'identité.

Kinh-tế chánh-trị

có **TÂN-HUỲNH-HOA** (*Chợlớn*)

Nghề buôn gánh bán bưng, hàng rông

Chẳng phải đợi có nhiều tiền mới học K. T, C. T. theo ý tưởng của nhiều người.

Hễ có số triệu thì lập Ngân-hàng,có số muôn thì lập hãng Xuất-Nhập cảng, có số ngàn thì lập tiệm, còn không vốn thì ra giúp việc các nơi trên đây, có nghề thủ thân lại thanh nhàn nữa (un métier lucratif).

Buôn gánh bán bưng. — Hai mẹ con chị kia nghèo, song chị có học K. T.C.T. Tản cư lên Sài gòn, kiếm không ra việc làm phải chịu thất nghiệp, cơ hàn khốn đốn.

Ngày kia chị ta bỏ nhà ra đi một ngày, chiều lại thưa với mẹ :

Mẹ con mình đi vay vài trăm bạc đặng mua bán.

— mà bán vật gì ? mẹ hỏi.

— Bán cơm tấm. Bán cho ai ?

— Ấy, mẹ nghe lời con đi con có học K. T. C. T., con đã xem được địa-thế rồi.»

Cách ít ngày tại Saigon - Chợlớn, người ta thấy hai gánh cơm tấm, bán trước cửa một Hãng sửa xe hơi, dân thợ trên 200 người.

Mỗi ngày lời trên 30$ -trót 4 năm nay hai mẹ con có dư trên 40. 000 bạc.

Bán hàng rông. — Hai vợ chồng sốp-phơ kia ở chung một nhà với cô sĩ-mụ học K. T, C. T.

Mỗi đêm nghe học bài, hui vợ chồng đều để ý

Làm nghề sốp-phơ đã cực khổ lại ít đồng lương,thành ra thiếu nợ ; nẫu buồn nên anh ta xin thôi ; vợ phải gánh gánh mua bán rau cải, đắp đổi qua ngày tháng sống vất vả.

Thời kỳ Nhựt thuộc, vợ nói với chồng : « em nhớ lại bài K. T, C, T của cô nữ sĩ hay quá, nay vợ chồng ta cũng nên thật hành.

— Là làm sao ? chồng hỏi.

— Anh kiếm người Tàu nào có xe hơi mà nhà ở Mỹ tho, nơi nhao rúng em, lại có tiệm ở Sàigòn, cần phải lên xuống, vì xứ em có rau cải nhiều.

— Rồi làm sao ?

— Rồi anh xin làm sốp-phơ, dầu đồng lương rẻ mạt cũng chịu.

— Vậy thì có ngay, rồi làm sao đủ ăn, mấy năm nay anh đã chán rồi.

— Ậy, em sẽ làm như vầy....»

Cách ít ngày có người Tàu, nhà ở Mỹ tho lại có tiệm ở Chợlớn, cần dùng sốp-phơ xin vô làm với số lương « Ba Tàu » thì được ngay, song anh sốp-phơ xin chủ một điều.

Hễ chiều xe về Mỹ, sáng ra trở lên Chợlớn, cho anh ta chở trên mui 2 giỏ cần xé đồ ; điều kiện nầy dễ dàng, khách nọ chịu ngay, miễn là đừng chở đồ lậu hoặc quấc-cấm.

Người vợ bún với vài ba chị em, chịu mối bán rau cải cho chủ Thầu Nhựt (fournisseur) ; người Thầu-khoán đã có giao kèo tiếp tế rau cải cho nhà binh (approvisionnement en légumes). Trong giao kèo ngành ra (sous-traiter) chị ta chừa lại hai món : hột gà và cà ta, mà món cà tiếm thì quân lính Nhựt tiêu thụ rất nhiều.

Buôn bán đủ cho vợ chồng nuôi thân sống, tiền lương lại còn dư. Còn hai giỏ cần xé ?

Vợ ra vốn mảo hết hột gà và cà tím, sáng ra chồng bỏ vào cần xé chở lên Sài gòn đem qua Khánh-hội mà giấu.

Vì thiếu hai món đó, Thầu khoán sợ nhà-binh chiếu theo giao kèo mà Phạt tạ, nên dầu mua mắt cách nào cũng phải chịu. (có người dẫn mối đến mua) ; vợ chồng sốp-phơ tránh tiếng.

Từ năm 1940 đến 1944, hai vợ chồng lời trên 150.000$

Có nhiều chị hàng rông nói : «nghèo mà học K. T. C. T. có ích lợi gì ? ».

Xin hãy xem gương trên đây thì thấy rõ.

TRUYỆN LA NƯỚC NAM

NGỰA TÀU BA CẲNG

Trịnh-thiết - Trường, người làng Đông-lý thuộc huyện An-định, tỉnh Thanh-hóa, sanh ra có trí tuệ, thuở nhỏ chơi giỡn với bầy con nít, nắn hình con voi bằng đất, cậu ta lấy cánh con bướm làm tai, bắt con đỉa làm vòi, con trùn đất làm đuôi, bốn con cua đồng lót bốn cẳng, rõ ràng như hình con voi thật mà vận động được. Đương lúc ấy thình-hình có quan Tri-phủ sở tại đi ngang qua ngó thấy vậy lấy làm lạ, rồi hỏi thử văn-tự, thì cậu ta ứng-đối rất xuôi. Quan bèn thưởng cho tiền và dạy lính kêu bà mẹ cậu ta tới mà bảo rằng :

— Thằng bé nầy thiệt là bậc thông minh, nên rán mà nuôi cho đi học, ngày sau ắt đậu Trạng-nguyên.

Bà mẹ vâng lời quan dạy, rán sức nuôi cho đi ăn học. Lớn lên, tài cao học rộng, văn chương nổi tiến trên đời. Tới khoa Nhâm-tuất (1442) triều Đạo-bảo (*niên hiệu vua Thái-Tôn nhà Lê*) thi đậu đồng Tấn-Sĩ (*đệ-tam-giáp*). Sai người về nhà rước mẹ lên kinh thành, bà mẹ không chịu mà nói rằng:

— Tao thuở nay vẫn trông mầy đeo lấy hai chữ « Khôi nguyên (đậu đầu) đem về. Thế mà ngày nay mầy lại chịu ở dưới người ta tao lấy làm mắc cỡ lắm, quyết chẳng thèm đi đâu.

Ông ta bèn từ chức Tấn-Sĩ, mà xin chờ khoa sau thi lại. Qua triều Thái-hoà (*niên hiệu vua Nhơn-Tôn*) nhằm khoa Mậu-thìn (1448) thi đậu Bảng-nhỡn (*tên thứ nhì trong bảng đệ nhứt giáp*).

Sau đó cùng quan Trạng-nguyên đồng bảng là Nguyễn-Trực (*người làng Bối khê, huyện Thanh-Oai*) phụng triều mạng qua Sứ Tàu. Năm ấy bên Tàu gặp khoa thi hội, Vua Tàu cho phép sứ thần các nước chư-hầu cùng với các Cử-nhơn bên Tàu đồng ứng thi. Ông ta cùng ông Nguyễn Trực làm văn tới nữa chừng mới nói riêng với ông Nguyễn rằng :

— Phen nầy tranh khôi đoạt giáp với người Tàu thi chỉ có ngài với tôi mà thôi. Cứ sức tôi thì có thể đè được ngài, nhưng ngặt vì ở nước mình thì ngài là Trạng-nguyên, tôi là Bảng-nhỡn, mà qua đây thì ngài là Chánh-sứ, tôi là phó-sứ, nếu tôi đè ngài bây giờ, thì nước mình mang tiếng cười là chọn lựa, tuyển-hạch bất công e thất quốc-thể. Vậy ý ngài tính sao ?

Ông Nguyễn đáp : cái đó thì tùy ở nơi ngài, nếu ngài có lòng nhượng-bộ cho tôi, thì nên giảm bớt sức đi, khiến cho tôi lại đậu Trạng-nguyên, ngài lại đậu Bảng nhỡn là tốt.

Ông Trịnh gật đầu chịu. Rồi đó trong bài văn của ông ta có câu. «Nam-chi-thuyền, Bắc-chi-mã» (*thuyền của phương Nam, ngựa của phương Bắc*), mới giả đò bôi đi một chữ « Mã » và sửa qua bên cạnh. Mà chữ « Mã 馬 » nguyên có bốn nét chấm ở dưới chân, ông ta lại chấm có ba nét ; Tới chừng quan trường chấm quyển, cứ văn-lý mà bàn thì ông Trịnh đáng đậu Trạng nguyên, ông Nguyễn đáng đậu Bảng-nhỡn. Nhưng vì trong quyển của ông Trịnh có chỗ thiệp vào hình tích bôi nhoe, vả lại chữ « Mã » làm ba nét chấm chơn, cho ngựa phương Bắc là ngựa ba cẳng què có ý khi-thị người Tàu, cho nên họ truất xuống một bậc, lấy ông Nguyễn đậu đầu, làm « Lưỡng quốc Trạng-Nguyên », ông Trịnh đậu thứ nhì, làm «Lưỡng quốc Bảng-nhỡn », đều ban áo gấm lót vàng và cấp một cặp ngựa, sắc cho vinh qui bổn-quốc. Lúc lên đường, người Tàu họ căm thù vì ông Trịnh viết chữ « Mã » ba nét chấm, nên con ngựa cấp cho ông ta họ chơi hiểm đem cột một cẳng sau lên bụng, mặc ý ông làm sao cho chạy được thì làm, không thì phải ở lại nước Tàu. Ông liền nghĩ ra một kế : sai người chẻ một cẳng ngựa bằng gỗ trên lưng lót vải cho êm rồi lấy dây thép cột đeo vào thế cho cẳng què ràng lên trên lưng ; khi cởi lên mình ngựa, lấy roi đánh riết con ngựa nhắc cò cò ba cẳng, với một cẳng cây nuông nhau, nhờ đó không té. Đi được lối một dặm đường, l người Tàu phải chịu ông là có trí ứng biến, mới cởi cẳng ngựa cột ra, cho ông cùng ông Nguyễn về nước.

Sau ông Nguyễn làm quan tới Thượng-thơ, ông Trịnh cũng làm tới Thượng-thơ, phong nghi-thánh công-tước. Ấy nước Nam ta mà nổi tiếng với nước Tàu là nước « Văn-hiến » đời trước. Có ông Mạc-đĩnh-Chi (*Trạng nguyên đời Trần*), kế hai ông nầy là thứ, sau nữa có ông Phùng-khắc-Khoan (*Trạng-nguyên đời Hậu-lê*) vậy.

TRƯƠNG-VĨNH-TỐNG

Hộp thơ

DANH SÁCH ĐỘC-GIẢ MUA DÀI HẠN :

Cần Học trân trọng cám ơn quí bạn ke tên dưới đây đã gởi tiền đến đặt mua Cần Học dài hạn :

Ông Viên, Giáo-viên, Mythọ,
— Đoàn-văn-Tâm, Thơ-ký Văn phòng Thanh-tra Bàrịa,
— Lê-văn-Khánh — — — —
— Nguyễn-văn-Hòa, Giáo-viên, Bàrịa,
— Nguyễn-văn-Chính, Nhà thương Giađịnh,
Sœur Valentine, Amante de la Croix, Nhatrang,
Ang Nguyễn-chí-Tôn, 55, Galliéni, Saigon,
Ông Dương-tu-Khanh, 64, Rue Piquet, P. P.
— Lê-văn-Biện, Bureau Personnel Comrep, P. P.
— Lê-văn-Thại, 2, Cuniac, Saigon,
— Phan-đăng-Thực, 32, Taberd, Saigon,
— Đinh-kim-Khai, 84 c, Đường Cầu-Quẹo, Đalạt

NGỖ CÙNG : Bạn Hoàng-Long., Nhatrang, B. G. Đ. chưa nhận được số tiền bạn gởi ngày 13/11/50.

Bạn Huyền, Huế, B. G. Đ. vừa nhận được số tiền Bạn gởi đã lâu, và sẽ gởi sách đến Bạn. Cần Học Bạn đặt mua vừa hết hạn 3 tháng.

Bạn Trí, Tây-ninh, B. G. Đ. có nhận được số tiền 90 $ 00 song chưa đủ cho cả 2 Bạn ! vì cả 2 Bạn giả dài hạn 6 tháng là 150 $ 00. Đa tạ bạn.

Bạn Bà-Thân, Hội-An, B. G. Đ. có nhận được tiền và thơ trả lời, số tiền bạn gởi trừ 105 $ 00, 2 cuốn CẦN HỌC bộ. Từ số 21 về sau, nếu mua dài hạn 1 năm, cả 2 Bạn là 325 $ 00, xin bạn định lại, rồi gởi tiền thêm. Đa tạ bạn.

Các Bạn ở Namvang muốn đổi Cần Học từ số 1 đến số 10 hay là từ số 11 đến 20, để lấy Cần Học đóng lại thành bộ (Bộ 1 và Bộ 2), xin mau mau đem đến Nhà sách *HÔN-DŨ*, Tổng phát hành Cần Học ở Cao-miên,.. số 4, đường Delaporte; và xin chịu thêm 5 $ 00 tiền đóng mỗi cuốn.

XIN LƯU Ý : Nhà sách *HÔN-DŨ* có bán đủ các thứ sách báo Việt-ngữ, đồ học trò và văn phòng.

Kính mời quí bạn đến viếng sẽ được hài lòng.

CẦN HỌC

ĐÓNG LẠI THÀNH BỘ

Bộ 1, từ số 1 đến số 10
Bộ 2, từ số 11 đến số 20

Có bán khắp nơi, trong các nhà sách, hay Tòa soạn C. H. 165, La Somme — Saigon.

Mời quí bạn đón mua 2 quyển sách Giáo-Khoa dạy nhiều môn và nhiều thứ tiếng. Các bạn cầm đến sẽ được hài lòng.

GIÁ		BỘ 1	BỘ 2
	Nam-việt	*45$00*	*50$00*
	Trung, Bắc-việt, Miên và Lèo .	*50$00*	*55$00*

XE TANG

Từ đây quí gia tang ở Saigon, Chợlớn, Giadịnh hay những tỉnh, làng gần Saigon nên lưu-ý đến 2 chiếc xe tang, 1 chiếc cho người lớn và 1 chiếc cho con trẻ. Kiểu xe ngựa, song cũng đặt trên xe hơi được, mới đóng xong, đẹp và trang nghiêm, có đi đưa nhiều đám tang rồi và có đi xa đến Mỹtho nữa, được nhiều người hoan-nghinh.

Khi hữu sự nên hỏi ngay **Trại hòm** NGUYỄN-THỊ-ĐÀNG, số **12**. **Đường Lê văn-Duyệt** (gần cầu Bông) Gia-đinh hay hỏi nơi Tiệm hòm TÔBIA Tânđịnh.

GIÁ TIỀN MUA DÀI HẠN :

	Ở NAM-VIỆT, MIỀN			*Ở TRUNG, BẮC-VIỆT*		
	B.Tiểu-học	B.Trung-học	Cả 2 Ban	B.Tiểu-học	B.Trung-học	Cả 2 Ban
3 tháng 12 số :	30$00	45$00	70$00	40$00	55$00	80$00
6 tháng 25 số :	65$00	90$00	150$00	85$00	115$00	175$00
12 tháng 50 số :	125$00	175$00	290$00	170$00	220$00	325$00

Giám-đốc :
CHA JACQUES CỦA
GIAĐỊNH

Thơ và bưu-phiếu xin đề :
Mr NGÔ-VĂN-THANH
165, đại lộ La Somme -:- Saigon

Giấy phép số 472 T.X.B.
Ngày 23 tháng 11 d. l. 1950

IN TẠI ẤN-QUÁN
— NAM-HƯNG —
165, Đại lộ La Somme — Saigon

HỌC ĐỂ PHỤNG SỰ CHÂN LÝ

ÉDITIONS PÉDAGOGIQUES CULTURELLES

Sáng Học

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

BẢN TRUNG HỌC

TẬP XXV — **44** TRANG

Với sự hợp tác của quý Ông :

Trương-vĩnh-Tống	*Nhà Học-giả.*
Trần-cửu-Chấn	*Tăn-sĩ văn-chương.*
Vỏ-văn-Lúa	*Cử-nhơn văn-chương.*
Phan-ngọc-Phương	*Cử-nhơn khoa-học.*
Phạm-văn-Thuật	*Cử-nhơn văn-chương (Anh-văn).*
Xuân-Sa	*Giáo-sư toán-học.*
Hoàng-gia-Du	— *Anh-văn*
Thái-Từ-Quang	*Nhà học-giả.*
Đoàn-phò-Vĩnh	— —
Nguyễn-văn-Hạnh	*Giáo-sư Pháp-văn.*
Huỳnh-văn-Đó	—
Trần-thanh-Liêm	—
Lê-Vân	—
Nguyễn-văn-Đoan	*Cựu G. H. Thể-dục.*
Vũ-hữu-Tiềm	*Giáo-sư Việt-ngữ.*
Lê-Hương	— —
Trúc-Khanh	— —
Lưu-đình-Khải	*G. H. Trường mỹ-thuật.*
Bùi-văn-Kỉnh	*Giáo-sư Hội-họa.*
Thái-văn-Cẩn	— —
Thiếu-lăng-Quân	*Giáo-sư Tốc-ký V. N.*
Cô Tân-huỳnh-Hoa	*Cholon.*
Cô Hoàng-thị-Tâm	—
Cô Phan-Yến-Nguyệt	*Tân-an.*

GIÁ { *Nam-Việt, Miên* : 4$ / *Trung, Bắc-Việt* : 5$

TÒA-SOẠN

165, đại lộ La Somme

Giây nói : 21.309 — Saigon.

GƯƠNG XƯA SOI NAY

Trong đời người ta lúc nào cũng phải NGHĨ.

của ông TRƯƠNG-VĨNH-TỐNG

Đức Khổng dạy rằng : « *Người quân-tử có ba điều nghĩ, không nên quên xét đến vậy. Lúc nhỏ mà chẳng học, lớn ên không có tài gì hay ; lúc già mà chẳng dạy, khi chết chẳng ai nhớ đến mình ; lúc mình có mà chẳng làm ơn, chừng mình cùng chẳng ai cứu. Cho nên người quán-tử lúc còn nhỏ mà nghĩ phòng hờ đến lúc lớn, thì cần phải học ; Ở lúc già mà nghĩ phòng hờ lúc chết, thì cần phải dạy ; Ở lúc có mà nghĩ phòng hờ lúc cùng, thì cần phải làm ơn.* »

Nghe lời thánh-nhơn đã dạy trên đây, thì trong một đời người ta không lúc nào rời lòng **nghĩ** ra được.

Số là tài lớn dùng làm việc lớn, tài nhỏ dùng làm việc nhỏ; trời sanh ra người một đời, dùng để rồi việc một đời. Nhưng trời chỉ sanh ra người ta mà thôi, còn cái tài thì phải do người ta học mà luyện lấy ; nếu lúc nhỏ không học, thì lớn lên đâu có tài hay mà dùng, Cho nên nghĩ đến lúc lớn làm sao cho khỏi phụ lòng trời có ý sanh ta, thì lúc nhỏ cần phải chăm học.

Lúc nhỏ mà học, lúc lớn mà làm, tuy rằng trong đời chẳng phải một việc, làm việc gì cũng là làm, mà việc dạy là trọng. Bởi vì cái đời hiện tại của mình thì ngắn, mà cái đời tương lai của mình thì dài ; trăm năm có kỳ, ngàn, muôn năm vô hạn vậy. Nghĩ đến sau khi chết mà ngàn muôn năm có người nhớ đến, thì cần phải đem cái tài hay của mình học được mà dạy cho người ta hay, rồi sẽ « *thác là thể-phách, còn là tinh-anh* », người chết mà tài không chết vậy.

Kẻ không, người có, của đời trao-đổi không chừng ; lúc có, khi không, vận-mạng trở-xây chẳng hạn. Nếu người có mà có mãi, lúc có mà có hoài, thì chẳng cần nghĩ đến ng rời không, chẳng cần nghĩ đến khi không ; nghĩa là chẳng cần ai cứu mình, thì mình chẳng cần làm ơn cho ai hết. Song chẳng ai giàu ba họ, chẳng ai khó ba đời, ấy là kiếp-lệ trời sanh ; tới chừng đời khó trở nên giàu, họ giàu trở lại khó, rồi đó kẻ không có chẳng trông cứu ở người có được. Cho nên lúc có phải nghĩ làm ơn, là phòng hờ người ta cứu mình ở lúc cùng vậy.

Nói tóm lại, người ta có lòng thì phải nghĩ luôn, mà chẳng phải nghĩ chuyện vô ích, vì chẳng nghĩ xa ắt có sự lo gần, đức Khổng-tử từng nói vậy ; cho nên cần phải dùng lòng mà nghĩ. Mà đã nghĩ ắt được, đức Khổng lại nói : « *Chưa hề nghĩ đó, chớ có xa gì đâu* ».

ÁM-TẢ. — Năng-lực của Dân-Tộc Việt-Nam

Lịch sử chứng tỏ sức sống mãnh-liệt của dân-tộc ta. Hơn 10 thế kỷ, Việt-Nam đã sống dưới quyền đô hộ của bọn *thực-dân* Trung-quốc. Người ta có thể tin chắc rằng, chìm đắm trong nô-lệ lâu như vậy, người Việt đã bị Trung-hoa *đồng-hóa* từ bao lâu rồi. Vậy mà không ! với năng-lực phi-thường dân Việt đã giữ được nguyên vẹn *bản-sắc* và lật đổ ách thực-dân phương Bắc.

Từ năm 339, Việt Nam đem xương máu quyết giữ nền độc-lập. Phá Nam Hán, đánh Tống, diệt Mông-cổ, *tận-diệt* quân Minh, đánh tan quân Mãn—, dân-tộc Việt Nam nhỏ bé ghi hàng chục lần *tranh hùng* với anh khổng-lồ Trung-hoa mà không lần nào chịu thất-bại.

Năng lực *tiềm-tàng* trong dân-tộc, còn mạnh hơn nữa, và *xuất phát* ra *cuộc Nam tiến*. Đất-đai từ Huế, Đà-nẵng trở vào, đến Cà mau, Hà-tiên trước kia đâu có phải của dân Việt ? Tuy nhiên dân Việt đã lần-lần bành-trướng, *khai-thác* mọi nơi được, cũng là nhờ ở năng-lực sẵn có. Đừng ai vội công-kích là dân Việt hiếu chiến : họ đã đánh Chiêm thành để *tự vệ* mà thôi, bởi vì dân Chiêm quấy rối đất-đai của họ, nhất là đã đánh lên tận Thăng-long (Hà-nội).

PHAN-HỬU.

Câu hỏi — 1)Giải nghĩa : năng lực, thực dân, đồng hoá, tận diệt, tiềm tàng.

2) *Đồng* là gì ? — Kiếm 5 tiếng ghép trong có chữ *đồng* — Chữ phản nghĩa với nó là gì ?

3) Tìm tiếng phản nghĩa với : *nô lệ, thất bại, tiềm tàng, hiếu chiến.*

Trả lời bài ám tả trong số 24

1) **Giải nghĩa** :*tư nhân* : một người nào đó, ngược nghĩa với *công chúng* : một số đông người hội hiệp lại; *nguyên lý* : lẽ gốc, lẽ chánh dùng làm mực thước ; *chu toàn* : đến nơi tới chốn; *trường hợp* : lúc đặc biệt; *khế ước* : giấy tờ ghi sự giao ước,

2) Người ta nói : *nhứt nghệ tinh, nhứt thân vinh* : nghĩa là rành một nghề gì thì thân được thanh nhàn, vinh hiển. Câu này có ý dạy ta có tập luyện một nghề gì cho chu-toàn, đi đến tột bực trọn là h nên thầy dạy người ta được.

3) *Hoàn toàn* : đầy đủ, trọn lành; *toàn năng* : có phép tắc mọi đàng; *song toàn* : còn đầy đủ; *toàn quốc* : cả một nước, *toàn thiện* : tốt lành mọi đàng.

4) Tiếng phản nghĩa với *chu toàn* là lỡ dở, với *anh dũng* là nhác gan.

5) *Doanh nghiệp* : nghề nghiệp kinh doanh : đi sâu trong nghề nghiệp.
thực-nghiệp : nghề nghiệp thực hành.
chức nghiệp : chức vụ trong nghề nghiệp.

TÁC-VĂN

Đầu đề : *Trò hãy giải nghĩa câu « Không thầy đố mầy làm nên » và kể bổn phận của trò đối với thầy.*

Dàn bài : I. — Nhập đề II.— Giải nghĩa và ứng dụng bằng thí dụ
III.— Bổn phận đối với thầy. IV.— Kết luận

« Không thầy đố mầy làm nên », một câu vỏn vẹn sáu chữ, rất giản dị, đơn sơ, không chút văn chương cao kỳ, cũng không lý thú hào-hứng, song bao gồm rất nhiều ý nghĩa.

Phàm làm một việc gì, hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc khó, hoặc dễ cũng đều phải có người chỉ dẫn. Người ấy tức nhiên phải hiểu nhiều, phải thấy xa, lắm từng trải, đầy kinh nghiệm, để dạy dỗ, để khuyến khích, thì kêu bằng thầy.

Không ai từ lúc nhỏ tuổi cho đến khi lớn lên mà không chịu ơn của thầy, và chắc chắn không ai dám quả quyết rằng, tôi đây khôn ngoan thông sáng, tài ba lỗi lạc, quyền cao thế rộng mà chẳng hề nhờ ai cả. Trái lại, dầu một tể-tướng chỉ-huy cả một lực lượng hùng mạnh hay một tổng thống nắm trọn quyền hành vận mạng của một quốc dân, cũng đã phải chịu huấn luyện giáo-hóa ít nhiều bởi ông thầy. Càng làm nên danh nghiệp bao nhiêu, thì lại càng suy thấy công ơn thầy bấy nhiêu.

« Không thầy đố mầy làm nên ! » thật đúng như thế. Nếu khi còn nhỏ, tôi không cắp sách vào trường, không nhờ lời thầy dạy thì ngày nay tôi đã ra thế nào ? Chắc hẳn là tôi phải bị liệt vào cái hạng hạ-lưu trong xã-hội, vô học thức, kém nghị-lực, đâu được giáo-khoa, luân-lý, lễ phép là gì. Người tôi trở nên đê hèn, ngu độn giữa thời nhân-loại đang cấp-tiến trên con đường văn minh; tôi phải chịu xấu hổ mà mang lấy tấm hình hài vô dụng cho gia đình —, vô ích cho kẻ xung quanh, và có lẽ tôi sẽ làm khó chịu cho họ nữa.

Nhưng ngày nay tôi được thông hiểu ít nhiều, được khá tiến bước trên nền tảng học-vấn, biết phân biệt phải trái, biết cách cư xử ở đời, giúp đỡ kẻ khó khăn, bênh vực người kém yếu, không sờn lòng trong thất bại, không lùi bước trước gian-lao, tôi có một tánh tình cứng rắn, cương quyết trong việc làm..., tất cả bao nhiêu điều ấy há chẳng phải là tôi đã nhờ nơi sự dạy dỗ đầu-tiên của thầy tôi ư ? Nếu không thầy tôi cũng chẳng làm gì được. Và thử nghĩ, bao nhiêu người hiện nay đang sung sướng hưởng lấy hạnh phúc của công nghiệp dựng nên, nếu không nhờ công ơn khó nhọc của thầy trước kia dạy dỗ, lo lắng rèn luyện, thì họ cũng đành bó tay không làm gì nên được.

« Quyền sư thế phụ », thầy đã gắng lấy cái trọng trách đào tạo cho con em thành người xứng-đáng, thì bổn-phận của kẻ thọ ơn, thọ giáo như thế nào ? Lúc còn tòng học ta phải biết kính trọng thầy như cha mẹ, lễ phép đối

với thầy, không làm phiền buồn thầy, cũng chẳng nên dùng mưu kế để gạt gẫm thầy vì chút lợi riêng và đều cần nhứt là ta phải làm vui lòng thầy bằng cách ăn nết ở của ta, phải rán lo cần-mẫn học tập để nên người xứng đáng ngày sau ấy là đều mà thầy ta hằng mong mỏi.

Khi thành nhân, ta chung sống với đời, dầu cho có được quyền thế bao nhiêu; danh vọng bao nhiêu, đều mà ta ghi lấy là công ơn dạy dỗ, luyện tập của thầy. Có thầy và nhờ thầy ta mới làm nên công kia việc nọ. Ta phải hết lòng giúp đỡ thầy khi già yếu ốm đau, vì ông thầy là kẻ ân-nhân quí nhứt trên đời vậy.

T. H.

Bài kỳ sau: *Giải nghĩa câu tục-ngữ* : **uống nước nhớ nguồn**. *Kể những bổn phận của người ta đối với gia-đình và tổ quốc.*

DICTÉE.— *La télégraphie sans fil.*

Un navire est sur l'océan ; la nuit et la brume l'enveloppent, la mer est démontée et menace de la jeter à la côte. Où est-il ? Il l'ignore. De quel côté doit-il se diriger pour échapper au danger qui le menace ? Aucun phare ne peut l'avertir. Aucun signal sonore ne pourrait non plus dominer le fracas des vagues. Mais voici que d'un mystérieux appareil, abrité dans la chambre de veille du commandant, éclate une étincelle puis une autre et une autre encore, et que bientôt sur un mince papier qui se déroule, s'inscrivent des signes, traits et points identiques à ceux du télégraphe Morse, et dont la suite correspond à des mots.

X...

Questions.—

1.— Expliquez : *signal sonore* ; *fracas des vagues* ; *mystérieux* ; *télégraphe morse*.

2.— Pourquoi aucnn pharxe ne peut-il avertir le navire et pourquoi n'a-t-on pas recours à des signaux sonores ?

3.— D'où vient le mot phare ? Trouvez cinq mots qui ont une origine semblable.

VOCABULAIRE

Etude de quelques expressions formées avec VENT.

Aller contre vents et marée : poursuivre un projet, une affaire malgré tous les obstacles ou les raisons contraires.

Autant on emporte le vent : de tous ces discours, conseils et et résolutions il ne restera rien.

Aller le nez au vent : marcher d'un air insouciant et étourdi.

Voir courir le vent : être très intelligent; comprendre les choses et deviner les gens.

Donner vent à : laisser échapper; se livrer à ; donner vent à sa colère.

Quel bon vent vous amène : à quelle heureuse circonstance dois-je le plaisir de vous voir ?

Avoir vent de : avoir avis d'une chose qui se passe, s'apercevoir de....

Aller selon le vent : s'accommoder aux événements.

A tous vents : en suivant toutes ses impressions.

Ex : Il flotte à tous vents de doctrine : il suit toutes les opinions.

Réponses au Questionnaire de la Dictée : **Un orang-outang.**

1 — *Un costume un peu singulier :* qui ne ressemblait pas à ceux que l'on avait l'habitude de voir : qui frappait par son originalité.

2 — *Il se prêta avec complaisance à ce qu'on exigeait de lui* : Il le fit avec beaucoup de bonne grâce, comme s'il comprenait l'intérêt que les deux savants prenaient à l'examiner.

3 — Il y a équivoque. Il s'approcha du vieillard (*il* : l'orang-outang), prit avec douceur et malice le bâton qu'il tenait à la main (*il* : le vieillard).

Il aurait fallu dire: ... prit avec douceur et malice le bâton que *celui-ci* tenait à la main.

4 — *Il rapporta aussitôt le bâton de lui-même* : 1ère prop. principale.

et nous le quittâmes, convaincus : 2e. prop, princ. coordonnée à la précédente par la conj. *et* ; *que lui aussi savait observer* : prop, sub, conj. complément de convaincus.

Rédaction.— *Racontez une visite que vous avez faite au Jardin zoologique de Saigon.*

Développement

Dimanche Il fait beau.

« Si nous allions au Jardin zoologique ? » dit Binh, mon voisin.

— « La bonne idée ! »

Et, d'un pas décidé, nous descendons la rue Mac Mahon, nous longeons le boulevard Norodom et nous pénétrons dans le jardin par la grande grille de fer forgé. Nous suivons les allées bordées de plantes aux jolies fleurs multicolores.

Là-bas, du côté de l'arroyo de l'Avalanche, une foule est arrêtée devant une grande cage. Un éléphant énorme, aux larges oreilles, s'approche d'un pas lourd, relève sa trompe, la passe à travers les barreaux et vient cueillir les bananes et les boutures de canne à sucre que lui tendent les visiteurs. De l'autre côté de la grille, une biche et son faon fixent sur les promeneurs attentifs leurs petits yeux ronds effarés.

« Allons voir les tigres ! » dit Binh impatient de contempler les grands fauves dans leurs cages de fer. Une tigresse, tapie au fond de sa retraite, sommeille pendant que ses petits s'amusent près d'elle comme de jeunes chats. Plus loin, le Roi de la Jungle posté comme à l'affût derrière la grille, cligne des yeux ; puis, comme s'il dédaignait notre présence, il fait volte-face, s'étire et va se coucher.

Nous voici près de la fosse aux ours. Les bêtes lourdes, sans grâce, sont dehors. Un ours brun, assis sur ses pattes de derrière, regarde son compagnon de capture qui grimpe gauchement au tronc d'un arbre factice. Un autre court d'un pas pesant vers notre côté. « Fais le beau ! » crie Binh, en lui montrant une banane ; et l'ours s'assied sur son derrière, lève les pattes de devant qui, bientôt retombent à terre, lourdement...

Mais le jour baisse et la lumière s'allume déjà aux réverbères des allées.

« Comme le temps passe vite ! » disons-nous d'un commun accord en nous dirigeant vers la sortie.

« Nous n'avons pas vu les crocodiles ! dis-je. – « Ni les boas » réplique Binh. C'est bien simple : nous reviendrons dimanche, veux-tu ? »

Sujet à proposer : *Parmi les inventions et découvertes des cinquantes dernières années, quelle est celle que vous paraît la plus importante ? Pourquoi ?*

Devoirs corrigés

Texte traduit en Vietnamien : *Le mulet et le singe.*

Con la và con khỉ

Một con la, kiêu căng vộ dạng, thường khoe là con dòng cháu giống, đem lòng khinh rẻ các giống khác. Một hôm, la khoe ; « Cha tôi loài ngựa săn nhanh lẹ, mẹ tôi là giống ngựa đua có tiếng ; vậy không phải nói ngoa, tôi đây chính thực là con nhà đại-gia cựu trào ở vùng nầy ».

La nói vừa dứt lời, một con lừa già là cha nó rống lên mấy tiếng chác tại Cái tiếng inh ỏi xấu xa kia làm cho đứa khoe khoang phải câm họng. Một con khỉ nghe thấy, buông lời nhạo báng la rằng : « Hởi quân nói khoác kia, mầy có nhận ra tiếng ai đó không ? Tiếng cha mầy đấy mà. Mầy chỉ là con giống lừa thôi. » La bẽn lẽn xấu hổ, không nói nửa lời, cắm đầu đi một nước.

Chân giá trị của mình không cứ ở tổ-tiên.

Thème — Ngốc ra tỉnh — *Ngôc va à la ville.*

Ngốc, un jour qu'il n'avait rien à faire, s'en alla à la ville. Il erra d'une rue à l'autre, ayant envie de tout ce qu'il voyait exposé aux étalages des boutiques.

Soudain, il aperçut à la devanture d'un restaurant l'affiche suivante : « *Demain, nous vous invitons à faire un repas gratuit* ». Ngốc revint chez lui tout joyeux avec l'intention d'aller déjeuner à la ville le lendemain sans dépenser un sou.

Le lendemain, il partit à jeûn de bon matin et se rendit à pied à la ville. Il vint aussitôt au restaurant, commande de l'alcool et les meilleurs mets. Son repas fini, Il partait lorsque le patron lui réclama de l'argent.

Ngốc étonné répondit : « A votre porte, vous avez posé un avis disant que quiconque viendrait manger aujourd'hui n'aurait rien à payer, pourquoi donc me réclamez-vous de l'argent ?»

Le patron répliqua : « Vous vous trompez — cet avis parle de demain et non d'aujourd'hui—Sortez voir, si vous ne me croyez pas.»

Ngốc à court d'arguments se contenta de payer son repas.

DEVOIRS PROPOSÉS.— Thème.

Thờ phụng tổ-tiên.

Người ta ai cũng có tổ-tiên. Tổ-tiên là cái gốc gia-tộc nhà mình vì trước khi có cha mẹ, có ông bà thì phải có tổ-tiên. Tổ-tiên trước đã phải làm lụng khó nhọc mới gầy dựng nên sự nghiệp nhà mình. Vậy nên con cháu, ai cũng phải nhớ đến cái công đức ấy mà cố sức ăn ở cho phải đạo, để khỏi phụ lòng các đấng tiên-nhân. Ở nước ta, nhà nào cũng có bàn thờ tổ-tiên. Những ngày lễ và ngày giỗ, con cháu đều tựu-hội, đông đúc, hương hoa cúng vái, rất là thành kính. Mỗi năm lại một kỳ đi tảo mộ, nghĩa là đi sửa sang mồ mả của tổ-tiên.

(Concours d'Admission en 1ère année D'E. P. S.)
(session du 7 Août 1950 = Gialong—Saïgon).

TRADUCTION.— La puissance de la pensée.

L'homme était nu au jour de la création ; s'est-il *résigné* au froid ? Non : il a pensé, et la flamme a jailli de la pierre pour le chauffer. Il était affamé; s'est-il *résigné* à la faim ? Non : il a pensé, et l'épi a mûri au soleil pour le nourrir. Il était blessé ; s'est-il *résigné* à voir couler son sang ? Non : il a médité, et le fer a guéri sa blessure. Il était tenu prisonnier dans l'espace par l'Océan; s'est-il *résigné* à l'implacable surveillance du geôlier mugissant en sentinelle sur le rivage ? Non : il a réfléchi, et le navire l'a porté à la rive d'un autre hémisphère. Il était isolé dans le temps ; s'est-il *résigné* ? Non : il a incliné la tête, et l'écriture a fait de toutes les générations écoulées une seule génération toujours en conversation avec elle-même d'un bout à l'autre de la durée. Il était esclave de l'univers qui l'étouffait de toutes parts dans sa rude étreinte : s'est-il *resigné*? Non : il a fait appel à son **intelligence**, et son **intelligence** a tourné la force contre la force, et maintenant il commande d'un geste à la nature.

Eugène Pelletan

ÁM TẢ.— *Luận về khí-tiết*

Mãi đến bây giờ, cái lòng tự trọng của người mình đã như lửa tắt rồi, không còn bừng lên được, như hột giống bị ẩm rồi, không còn nứt lên được. Lại thêm cái kiểu chuyên-chế từ xưa đến nay, cứ ở trên đè xuống, ở dưới đỡ lên, làm cho nhân-dân một ngày một đê hèn, một ngày một yếu-ớt. Lòng tham lợi mạnh hơn lòng tư-kỷ, thì luồn cúi lạy-lục mấy cũng chẳng từ; ưa cái sống đục hơn cái thác trong, thì mặt dạn mày dày đâu là có quản.

Đã như thế, thì bây giờ nếu muốn trong xã-hội đục như bùn, mềm như sữa nầy mà nầy lên được cái mầm khí-tiết, thì thực khó lắm thay ; không trông ở cái sức bên ngoài nâng đỡ cho, hay là vun quén cho mà được ; phải cốt ở lòng tự-giác của mình. Lòng tự-giác nghĩa là mình tự biết lấy mình, để tỉnh lấy mình. Biết mình nếu đe hèn như thế thì mất cả tư-cách làm người ở đời, bị thiên hạ dể-duôi sỉ-vả.

PHAN-KHÔI

(*Kỳ thi Thành chung, khóa ngày 4-7-49 Saigon*)

Câu hỏi 1. Theo tác-giả, vì đâu người mình thiếu khí tiết ?

2.— Hãy phân tách và giải nghĩa những chữ sau đây : Khí-tiết, tự-trọng, tư-kỷ, tư-cách.

3.— Hãy tìm và giải nghĩa những chữ đôi làm ra với chữ *xã* như chữ « *xã-hội* ».

CỔ VĂN BÌNH CHÚ

Tiểu sử văn nhân

NGUYỄN KHUYẾN (1835 — 1904)

Trước cụ tên là Nguyễn văn Thắng, sau mới đổi là Khuyến, thường gọi là Cụ Tam Nguyên Yên-đổ, vì cụ người làng Yên đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà nam, năm Tự Đức thứ 24 (1871) thi đậu Tam Nguyên làm quan đến chức Sơn-Hưng-Tuyên tổng đốc, sau vì đau mắt nặng nên cáo quan mà về nhà dạy học.

Cụ Nguyễn là một bậc hay chữ có tiếng, mà văn nôm cũng tài lắm, Trong mấy năm về hưu, chí-sĩ, ngâm vịnh thơ làm ca rất nhiều. Có một tập thơ đầu đề là Quế. Sơn thi tập. Văn nôm của cụ viết nhiều lối như thơ, ca, hát nói, câu đối v.v.

THU-ẨM

Năm gian nhà cỏ thấp le te
Ngõ tối đêm khuya đóm lập loè.
Lưng dậu phất phơ màu khói nhạt
Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.
Da trời ai nhuộm màu xanh ngắt.
Mắt lão không viền cũng đỏ hoe.
Rượu tiếng rằng hay, hay chẳng mấy.
Độ dăm ba chén đã say nhè.

Bình

Bài **THU ẨM** của Cụ Nguyễn Khuyến là một bài thơ đặc sắc có thể so với Đỗ Phủ, Lý Thái Bạch mà không thẹn một chút nào và ai dám bảo Việt-Văn là nghèo nàn ?

Những bài THU ĐIẾU, THU ẨM, THU VỊNH của Cụ Tam Nguyên đã có cái giá ngang với những bài THỤC ĐẠO NAN, THANH BÌNH ĐIỆU, TIẾT PHỤ-NGÂM của những nhà thơ Trung quốc : Đỗ Phủ, Lý Thái Bạch, Trương-Tịch.

Bài **THU ẨM** nói trên đây là một bài thơ tả cảnh. Chỉ có 8 câu, mỗi câu 7 chữ, ~~vị chi~~ là 56 chữ mà tả được một bức tranh thu có giá-trị. Đọc bài « **THU ẨM** » người nghèo tưởng tượng nhất cũng thấy ngay ra một bức họa lờ mờ ... dìu dịu...

Nghệ thuật làm thơ tả cảnh, người Tàu gọi là hữu hoạ trung thi (có vẽ trong thơ). Đọc bài này người ta thấy hiện ra nhnững cái gì thân yêu không tên không tuổi, cái cảnh quê thầm-lặng... Thoạt vào đầu, cụ đã khéo léo dùng được hai chữ NĂM GIAN, ta đã thấy một cái gì quê lắm rồi.

Năm gian nhà cỏ thấp le te.

Chử *le te* thật hay, ý nói là nhà thấp như con vịt. Vì chữ *le te* người ta dùng để ám chỉ loài vịt. « *Le te đàn vịt chạy quanh cửa chuồng* ».

(N. Bính)

Chuyển sang câu thứ hai, ta đã lại có một nét chấm phá làm nổi bật câu « *thấp le te* » bằng cách dùng hai chữ NGÕ-TỐI—và sau ngay đó 3 chữ « *đóm lập loè* » làm nổi cái *ngõ tối* và *đêm* đã *khuya*.

Lưng dậu phất phơ màu khói nhạt.

Chữ *lưng* thật là hay, thật là nhà quê trăm phần trăm. Nếu nói đến *dậu* thì cũng phải nói đến mặt nước.

Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.

7 chữ này thật là có hồn, người đọc thấy một cái gì lành lạnh hiu hiu. Về hình thức và nghệ thuật của Cụ Nguyễn Khuyến có cả một tập Cẩm-Nang để

àm thơ. Cụ gieo vần thật là táo bạo : như chữ *loe*, chữ « *rụng vèo* » trong bài **câu cá**. Phải là một Thi Sĩ đại tài mới dám làm một bài thơ vần te. Vô phúc cho ai muốn hoạ lại nguyên vận. Chữ *le te, lập loè, trắng loe, đỏ hoe* và nhất là hay chữ *Say nhè*. Chữ *Nhè* thật là hay. Hai câu đối rất chỉnh :

Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt
Mắt lão không tiền cũng đỏ hoe.

Da đối với *mắt*, *mà* đối với *cũng*, *xanh* đối với *đỏ*.

Sáu câu trên, tác giả đã tả cảnh một cách rất rõ ràng, thứ đến 2 câu chốt là:

Rượu tiếng rằng hay, hay chẳng mấy
Độ năm ba chén đã say nhè !

Chữ « Nhè » thật là hoàn toàn Việt Nam.

Người đọc ngạc nhiên được tác giả hạ chữ « nhè » vì đó là một chữ bất ngờ..

Người sành thơ đọc đến câu chót nầy sẽ chỉ có thể đoán được chữ « be » là cùng, thế mà tác giả lại không hạ chữ « be » mà lại hạ ngay chữ « nhè » thật là tài tình. Chỉ có ở tài thơ Cụ Tam Nguyên mới có thể hạ được một chữ nôm đại chúng như thế. Cái đặc biệt nhất ở Cụ Nguyễn Yên-Đồ là thơ chữ Nôm dùng hoàn toàn chữ Việt, chữ phổ thông của dân chúng, ta thấy rất ít chữ Hán khi Cụ làm thơ nôm. Cả một bài **Thu ẩm** ta thấy không có một danh từ kép Hán tự nào ! Đáng quý thay.

TRÚC KHANH

ORTHOGRAPHE.— *Chicago*

Chicago s'étend à perte de vue avec ses toits plats d'où s'échappent des fumées—une innombrable quantité de colonnes de vapeur d'un gris-blanchâtre. Quand vous avez vu cet immense volcan d'industrie et de commerce du haut de cette tour qui le surplombe, vous descendez pour regarder de près le détail de ce jaillissement, de ce ruissellement d'activité. Vous longez les trottoirs des rues qui disent l'improvisation ici, d'allées bitumées là, recouverts simplement d'une ligne de planches qui fait chemin sur un marin de fange. Cette incohérence de la voirie se trouve dans l'incohérence des constructions.

A un moment vous n'avez autour de vous que des buldings. Ils escaladent du ciel de leur vingt étages. Les porches des soubassements cintrés le plus souvent comme écrasés sous le poids de montagne qu'ils supportent, prennent des physionomies d'antres primitifs. Un flot de foule s'y engage qu'ils vomissent sans cesse. On lève-les et la devine cette foule précipitée dans le vertige des grands ascenceurs. Vous sentez, vous entendez frémir derrière les vitres le souffle brûlant de la spéculation. Puis à côté de l'édifice démesuré et babélique un vague morceau de terrain s'étend hirsute vers un maigre gazon que paît une vache. Puis c'est une suite de petites maisons de bois à peine suffisantes pour une famille.

Terrains, cabanes, églises, la spéculation va passer sur tout cela demain, ce soir et d'autres buildings vont surgir encore.

PAUL BOURGET *(Outre-Mer)*

Questions.—1· Expliquer : *trottoirs bitumés, incohérence, buildings, cintrés et antres primitifs.*

2· Analyse grammaticale : moment (à un moment...) d'antres primitifs et vitres (derrière les vitres).

3·) Analyse logique. «Quand vous avez vu...activité.»

Réponses aux Questions de la Dictée : **Le départ d'un navire.**

1 — Par « *fièvre* », Alphonse Daudet entend l espèce *d'agitation* et de *désordre* qu'on voit sur un pont, au moment du départ et de l'arrivée des bateaux.

Pour nous la rendre sensible, l'auteur parle de « la marée qui montait à grand bruit », des grincements « du vaisseau tirant sur son ancre », de « l'agitation des petites barques qui l'entouraient », de la « foule émue et curieuse » qui s'agitait sur la jetée, de « l'élan des bateaux de pêche gagnant le large à pleines voiles », du retour « des grands steamers ».

Etincelles

— *Supprimons la misère, cultivons la pauvreté (Lanza del Vasto)*

— *Il n'est qu'une manière d'être juste ; c'est d'être charitable.* *(Gustave Thibon).*

2.— *Un coup d'œil animé et pittoresque* :

coup d'œil : une vue d'ensemble, un spectacle

animé : qui vit dans le mouvement et dans l'activité.

pittoresque : qui est digne d'être peint (c'est-à-dire qui est très beau)

Le pont d'un navire à l'arrivée ou au départ offre un spectacle plein d'agitation et de désordre digne d'être peint.

Ce milieu mixte, international

mixte : formé d'éléments les plus divers

international : qui a rapport à toutes les nations.

Le pont d'un navire est un lieu où l'on voit d'ordinaire des gens de tous sexes et de toutes nations.

Une nuit de hasard et de combat : Les pêcheurs sur leurs barques frêles s'avancent dans la nuit noire vers le large, s'exposant aux pires intempéries (obscurité, courant, froid, tempête...) dont ils ne peuvent sortir sans beaucoup de lutte.

3.— Analyse logique

Nbre	Propositions	Nature	Forme	Fonction
1	Elle était partout, cette fièvre singulière, dans la marée, dans les révoltes du vaisseau, dans l'agitation des petites barques. . .	Principale		
2	qui montait à grand bruit.	Subordonnée relative	introduite par le pronom relatif *QUI*	Complément de *Marée*
3	tirant sur son ancre. . .	participe	introduite par *tirant*	Complément de *Vaisseau*
4	qui l'entouraient. . . .	Subordonnée relative	introduite par le pronom relatif *QUI*	Complément de *barques*

Các bạn hiếu học hãy đón xem Cần Học

mỗi tuần có thêm bài mới lạ. . . . . .

RÉDACTION FRANÇAISE

Sujet proposé dans le n° précédent

A une vitesse excessive une automobile vient de traverser un village « Oh ! ces automobiles » s'écrie un paysan en menaçant du poing celle qui disparaît déjà au tournant de la route ;« je voudrais les voir toutes détruites ! Décrivez la scène et dites vos réflexions personnelles. (*voir* C. H. N° 24, page 19)

Le soleil du midi à travers sa loupe gigantesque semblait ce jour-là converger tous ses rayons brûlants sur le village endormi. La chaleur était accablante, l'herbe flétrie, la campagne en feu. J'avais le vague sentiment d'être dans un immense fourneau.

De temps à autre un léger souffle de vent ne suffisait pas à rafraîchir la campagne souffrant du courroux du Grand-Astre.

Hommes et bêtes étaient plongés dans leur sommeil de plomb. Un laboureur solitaire au milieu de ce calme, brisé de fatigue après une lourde tâche faisait la siéste au pied d'un tamarinier bordant l'unique route du village.

Le passage d'une voiture était rarissime dans ce pays où tous transports étaient assurés par des attelages rustiques et lents. Aussi ce n'était pas étonnant de voir ce brave laboureur venir après ses heures de travail, s'étendre sur ce gazon moelleux et prendre un repos réconfortant. Mais le malheureux travailleur n'avait pas passé un petit quart d'heure et voici qu'une « Chrysler » roulant à tourbeau ouvert, accourait menaçante, englobée dans une nuée de poussière.

Le laboureur tiré du pays des rêves se réveilla en sursaut. Par un magnifique plongeon il évita de justesse l'horrible accident. S'il eût été moins prompt il aurait été écrasé sous les roues fatales de la voiture.

L'automobile passa comme une flèche faisant tourbillonner derrière elle la poussière aveuglante. Le paysan se redresse, barbouillé « de capite ad pedem » jeta son poing fermé dans la direction de la voiture, tandis que dans ses yeux brillait un éclat de haine.

Oh ! ces automobiles ! je voudrais les voir toutes détruites, voci-

fera-t-il ; mais la voiture disparut déjà en un tournant de route. Les paroles injurieuses tombaient dans le plus profond silence du midi. Seul un grincement de bambous agités par un coup de vent répondait au laboureur.

Il a tort, l'infortuné paysan. Dans sa légitime, si je peux dire, rage, il maudit cette automobile qui vient de troubler son sommeil et l'accident pourrait arriver s'il n'évitait pas à temps. L'accident, cet accident horrible, si fréquent dans l'automobilisme, qui sait lui causerait la mort, l'infirmité qui entraîne sa famille dans la misère ?

Mais je me demande quelle jolie idée a-t-il de faire la sieste au bord de la route ? Quelle imprudence et quel imprudent ? Le paysan, je le souhaite, doit reconnaître sa légèreté qui a failli lui coûter cher. Et s'il eût un moment pensé aux nombreux services rendus par ces « maudites automobiles » malgré sa répugnance et son antipathie, il aurait souhaité une invention qui soulage les conditions de la vie humaine. Avec les automobiles les chemins se raccourcissent, les transports se font plus rapides et faciles. Des routes sillonnent partout le pays tandis que chaque jour sans relâche les automobiles assurent la liaison régulière des villes.

Les dangers de circulation sont pourtant nombreux. Mais beaucoup de conducteurs n'en ont le moindre souci. Et la tentation est toujours trop forte pour songer à résister. L'accélérateur est là attirant à l'endroit le plus visible du tableau de bord. Le conducteur prudent hésite ; finalement il est poussé, je ne sais pas par quel diable, à appuyer sur ce fatal bouton. Le conducteur regarde avec satisfaction l'aiguille montante du compteur kilométrique. La voiture s'élance à vive vitesse, sa docile voiture de luxe lui est devenue un engin de mort indomptable.

Je me rappelle ces mots écrits en grosses lettres sur la plaque indicatrice que quiconque voyage à Thuduc passant par Binhlợi peut voir.

« Chauffeurs »

Un excès de vitesse peut vous causer

Une amende, Une peine et la mort.

Certes, voilà un conseil qui vaut la peine d'être donné.

TRỊ

Sujet à proposer. « *Il faut laisser à ses enfants, disait Platon, non beaucoup d'or, mais beaucoup d'honneur* ».

Expliquez cette pensée en montrant qu'un nom honoré, ou tout au moins sans tache est plus préférable que beaucoup de richesse.

Plan

I. *L'honneur* : a) et l'homme
b) impose le respect,
c) supérieur à l'or.

2. *L'honneur et la société* : a) autorité sur l'entourage
b) fait aimer à la société.
c) rehausse l'homme.

II. *L'or* 1) a) baisse l'homme.
b) cause de tous les maux : avarice, cupidité, meurtre.
c) s'achète.

2) Démonstration par l'Histoire.

III. *Dénouement* a) Avantage de l'Honneur.
b) Désavantage de l'or.

LECTURE EXPLIQUÉE

Stances à du Perrier (1599)

Ta douleur, du Perrier, sera donc éternelle,
Et les tristes discours
Que te met en l'esprit l'amitié paternelle,
L'augmenteront toujours ?

Le malheur de ta fille au tombeau descendue,
Par un commun trépas,
Est-ce quelque dédale où ta raison perdue
Ne se retrouve pas ?

Je sais de quels appas son enfance était pleine
Et n'ai pas entrepris,
Injurieux ami de soulager ta peine
Avecque son mépris.

Mais elle était du monde où les plus belles choses
Ont le pire destin,
Et, rose, elle a vécu ce que vivent les roses :
L'espace d'un matin.

Puis quand ainsi serait que, selon ta prière,
Elle aurait obtenu
D'avoir en cheveux blancs terminé sa carrière,
Qu'en fût-il avenu ?

Penses-tu que, plus vieille, en la maison céleste
Elle eût eu plus d'accueil,
Ou qu'elle eût moins senti la poussière funeste
Et les vers du cercueil ?

Non, non, mon du Perrier : aussitôt que la Parque
Ôte l'âme du corps,
L'âge s'évanouit au deçà de la barque
Et ne suit point les morts...

La mort a des rigueurs à nulle autre pareilles :
On a beau la prier,
La cruelle qu'elle est se bouche les oreilles
Et nous laisse crier.

Le pauvre en sa cabane, où le chaume le couvre,
Est sujet à ses lois;
Et la garde qui veille aux barrières du Louvre
N'en défend point nos rois.

De murmurer contre elle et perdre patience
Il est mal à propos ;
Vouloir ce que Dieu veut est la seule science
Qui nous mette en repos.

MALHERBE

EXPLICATIONS

I — Biographie de l'auteur.

François de Malherbe est né à Caen, en 1555. Après des études de droit, il quitte la robe pour l'épée, et s'attache à la personne d'Henri d'Angoulême, grand-prieur de France, qu'il accompagne en Provence. Il se marie à Aix, en 1581. En 1605, Malherbe vient à Paris : il a déjà composé quelques-unes de ses plus belles pièces (*Stances à du Perrier, Ode à Marie de Médicis*). Il a écrit de 1605 à sa mort des *Stances* et des *Odes* qui ne furent réunies qu'après sa mort en 1638, et un *Commentaire* sur les œvres du poète Desportes (remarques sur la langue et la versification). Il meurt en 1628.

II — Explication littérale.

Stance : groupe de vers offrant unsens complet et suivi d'un repos.

Amitié : au XVII^{e} siècle, a un sens plus étendu que de nos jours. **Amitié paternelle :** affection paternelle.

Un commun trépas : la mort est commune à tous les hommes.

Dédale : endroit difficille à sortir. Ce mot vient du nom d'un certain architecte Dédale qui avait construit, en Crète, le labyrinthe pour y enfermer le Minotaure ; il s'en était échappé en volant.

Appas : charmes, attraits

Injurieux ami : Au XVII^{e} siècle, **injurieux**, s'emploie dans le sens de: qui fait du tort à, qui outrage, offense. Ici, le poète parle de lui-même : je serais **injurieux** si. **Injurieux ami** est en apposition à **je**, sujet.

Avecque employé en poésie pour avec.

Le pire destin : le pire, superlatif relatif de mauvais. Le pire destin est la mort en pleine jeunesse.

Et, rose, elle a vécu ce que vivent les roses :

La tradition veuet que ce vers charmant soit le résultat d'une faute d'imperssion. Malherbe aurait écrit :

Et Rosette a vécu ce que vivent les roses ?

Avenu : nous écrivons aujourd'hui advenu.

Maison céleste: ciel, paradis.

La Parque : Les Parques étaient trois déesses qui symbolisaient le cours et la fin de la vie humaine : *C'otho* tenait le fuseau, *Lachésis* le fil, et *Atropos* le coupait. Ici, la figure est mal présentée ; car la Parque n'ôte pas l'âme du corps.

III — Plan.

1ere stance : douleur paternelle.
2e stance : peine paternelle.
3e stance : soulagement du poète au malheureux père.
4e stance : malheur des belles choses (roses et jeunes filles).
5e stance : rien n'est immortel ici-bas.
6e stance : il n'est pas d'âge pour le mort.
7e stance : la mort est trop sévère.
8e stance : la mort est indifférente.
9e stance : tous y sont sujets.
10e stance : conseil à son ami : résignation devant la mort.

VI — Appréciation d'ensemble.

Malherbe habitait en Provence. Il adressa en 1599 ces stances *lyriques* célèbres à son ami du Perrier qui venait de perdre sa fille. Il développe ce *thème* déjà banal au XVIe siècle.

V — Intérêts psychologiques.

Pour consoler un ami, Il faut faire ressentir la douleur qu'on éprouve. Malherbe, quoique poète lyrique, ne vibre pas à l'unisson de la grande douleur de son du Perrier. Il ne met pas son cœur à nu, soit parce qu'il est réellement froid, soit parce qu'il voile ses propres émotions.

Depuis le temps reculé, les belles filles comme les guerriers talentueux n'ont jamais promis de vivre une vie calme pour admirer leurs cheveux d'argent. Du Perrier vient de perdre sa fille. Il la pleure et voudrait comme la plupart des pères qu'on lui parlât de *sa* fille à lui, de *sa* douleur personnelle. Cependant Malherbe ne s'adresse *pas au cœur affligé* de son ami. Il *raisonne* ; il compare la fille à la rose qui n'a vécu qu un matin. Il personnifie la mort, perfide, inexorable

mais puissante qui se bouchant les oreilles, fait sa besogne sans s'occuper aux imprécations des malheureux.

Ces motifs souvent traités en poésie ne pouvaient pas consoler un père pour qui, peut-être, « sa fille était tout et l'univers rien ».

VI — Beauté de ces stances.

Le mérite de cette pièce est dans la *forme*. Le rythme est admirable, les vers amples qui alternent avec les vers courts, expriment bien l'idée de la fatalité de la mort. Les images sont harmonieuses. La comparaison de la jeune fille avec les roses quoique banale est exquise.

L'image de la mort qui « *se bouche les oreilles et nous laisse crier* » est admirable.

L'antithèse, merveilleuse entre le pauvre *chaume* et le *Louvre royal* constitue une magnifique contradiction de classe dans la société. Mais la mort frappe indifféremment les riches comme les pauvres.

VII — Conclusion.

Pour consoler son ami affligé, Malherbe lui conseille la résignation après un long raisonnement. Quoique lyrique, cette poésie est sèche de sentiment. Cependant elle est admirable par le rythme, le style et les figures.

LÊ-VÂN
professeur

Giáo-sư Lê-Vân

DẠY THI TRUNG-HỌC

Pháp-văn — Toán-học

— Lớp học riêng hay theo lối hàm-thụ
— Học-phí tùy theo hoàn-cảnh
— Phương-pháp nguyên-tử.

Ghi tên tại tòa soạn Cần-học, 165 đại lộ la Somme.

COURS DE MATHÉMATIQUES

(4e Année P.S et Seconde Moderne)

Application des lieux géométriques à des problèmes de construction

Nous insistons particulièrement sur ce chapitre, pierre d'achoppement du programme de l'année.

Les problèmes de construction sont ceux quiinquiètent le plus les élèves, même les meilleurs en Mathématiques. Ils ont à aborder un terrain nouveau où la connaissance de leur Cours ne suffit pas. Ils s'y engagent en tâtonnant et le succès en pareille circonstance n'est souvent que l'œuvre du pur hasard.

Nous ne prétendons point leur imposer une méthode bien arrêtée : nous nous contentons seulement de leur donner quelques directives précises afin qu'ils n'éparpillent pas leurs idées en présence d'un problème de construction.

Si jamais, dans notre cours, nous péchons par une surabondance d'explications, c'est qu'à un procédé expéditif, quoique élégant, nous n'hésitons pas à préférer une méthode plus lente pent être, mais qui comporte le minimum de risques d'insuccès.

C'est pourquoi, au lieu d'escompter imprudemment une intuition providentielle, nons comptous toujours sur l'effort patient et tenace ; car dans l'étude des Mathématiques, il ne serait pas superflu de se rappeler le fameux et inoubliable mot de Napoléon à propos de la stratégie : « Le génie n'est qu'une longue patience».

X. S.

DIRECTIONS GÉNÉRALES

Ne perdons pas de vue ce qu'a spécifié clairement le programme : « *Application des lieux géométriques à des problèmes de construction* ». Nous devons donc nous cantonner dans notre domaine et nos moyens d'action en vue du résultat sont ainsi limités. Dans ce cas alors, la connaissance exacte des lieux géométriques usuels s'avère plus que jamais indispensable.

I Rappel des lieux usuels

1o) Le lieu des points équidistants de deux points A et B est la médiatrice du segment AB.

2o) Le lieu des points situés à une distance *d* d'une droite D est l'ensemblede deux droites parallèles à D menée de part et d'autre de D à la distance d.

3o) Le lieu des points équidistants de deux droites sécantes D et D' est l'ensemble des bissectrices des quatre angles formées par ces deux droites D et D'.

4o) Le lieu des points équidistants de deux droites parallèles D et D' est la parallèle équidistante de ces deux droites.

5o) Le lieu des points situés à une distance d d'un point O est le cercle de centre O et de rayon d.

6o) Le lieu des points d'où l'on voit un segment AB sous un angle donné est l'ensemble de deux arcs capables de cet angle décrits sur AB et symétriques par rapport à AB.

7o) Le lieu des points d'où l'on voit un segment AB sous un angle droit est le cercle de diamètre AB.

Voici encore d'autres lieux usuels spécialement destinés aux élèves de Seconde :

1o) Le lieu des points dont le rapport des distances à deux points donnés A et B a une valeur donnée k différente de 1 est le cercle de diamètre MN, M et N étant les points qui divisent le segment AB, dans le rapport k.

2o) Le lieu des points dont le rapport des distances à deux droites sécantes D et D' a une valeur donnée k différente de 1, est l'ensemble de deux droites formant avec D et D' un faisceau harmonique.

3o) Le lieu des points dont le rapport des distances à deux droites parallèles D et D' a une valeur donnée k différente de 1, est l'ensemble de deux droites parallèles formant avec D et D' un faisceau harmonique.

4o) Le lieu des points dont la somme des carrés des distances à deux points donnés A et B a une valeur donnée $k2$ est un cercle ayant pour centre le milieu de AB.

5o) Le lieu des points dont la différence des carrés des distances à deux points donnés A et B a une valeur algébrique donné k est une perpendiculaire à la droite AB.

6o) Le lieu des points ayant même puissance par rapport à deux cercles donnés est l'axe radical de ces deux cercles.

(à suivre)

XUAN-SA

Prochain numéro: *Marche à suivre dans la résolution d'un problème de construction.*

Errata: N° 24, page 21.

Sur la figure : Au lieu de arc ABC, Lisez : arc BMC. Au lieu de: D'où : $\widehat{DMC} = 60^o$, Lisez : D'où $\widehat{MDC} = 60^o$.

CHIMIE

Un moteur à explosion utilise pour son fonctionnement un mélange de méthane, d'hydrogène et d'oxyde de carbone. 200^{cm3} de ce mélange sont introduits avec 280^{cm3} d'oxygène dans un eudiomètre.

Après le passage de l'étincelle et refroidissement, on obtient un volume gazeux de 180^{cm3} dont 150 sont absorbables par la potasse.

Calculez la composition centésimale en volumes du mélange considéré.

Solution

Soit x, y et z ^{cm3} les volumes respectifs de méthane, d'hydrogène et d'oxyde de carbone contenus dans les 200^{cm3} du mélange.

Nous avons les équations de combustion.

$$\underset{x}{CH_4} + \underset{2x}{2O_2} \longrightarrow \underset{x}{CO_2} + \underset{2x}{2H_2O} \text{ (vapeur)}$$

$$\underset{y}{H_2} + \underset{\frac{y}{2}}{\frac{1}{2}O_2} \longrightarrow \underset{y}{H_2O} \text{ (vapeur)}$$

$$\underset{z}{CO} + \underset{\frac{z}{2}}{\frac{1}{2}O_2} \longrightarrow \underset{z}{CO_2}$$

Nous constatons que pour avoir la combustion complète :

1 volume de méthane doit se combiner à 2 volumes d'oxygène. 1 volume d'hydrogène, à un demi volume d'oxygène et 1 volume d'oxyde de carbone, à un demi volume de ce même gaz.

Les deux relations : $x + y + z = 200$ (1)

$x + z = 150$ (2)

expriment que le volume total est égal à 200^{cm3} et que le volume du Gaz carbonique obtenu est de 150^{cm3}.

D'autre part, 280^{cm3} d'oxygène ont été introduits dans l'eudiomètre, et il en reste 30^{cm3} après la réaction, il a donc fallu 250^{cm3} d'oxygène pour réaliser la combustion complète.

Par conséquent : $2x + \frac{y}{2} + \frac{z}{2} = 250.$ (3)

Des 2 relations (1) et (2) nous tirons : $y + 150 = 200.$

d'où $\boxed{y = 50}$

Les relations (2) et (3) nous donnent :

$$\begin{cases} x + z = 150. & (2) \\ 2x + \frac{y}{2} + \frac{z}{2} = 250. & (3) \end{cases}$$

Tirons x de (2) :

$$x = 150 - z. \qquad (4)$$

Remplaçons x par sa valeur dans (3) :

$$2\,(150 - z) + 25 + \frac{z}{2} = 250.$$

$$300 - 2z + 25 + \frac{z}{2} = 250.$$

$$600 - 4z + 50 + z = 500.$$

$$150 = 3z.$$

Donc $\boxed{z = 50}$

La valeur de x sera donnée par la relation (4) :

$$x = 150 - z = 150 - 50$$

$$\boxed{x = 100}$$

D'où la composition centésimale du mélange considéré :

Méthane :	50^{cm3}
Hydrogène :	25^{cm3}
Oxyde de Carbonne :	25^{cm3}

T. N. T.

Choses inconnues :

Trois choses me sont difficiles à comprendre, et la quatrième m'est entièrement inconnue ;

La trace de l'aigle dnns l'air, la trace du serpent sur la pierre, la trace d'un navire au milieu de la mer, et la voie de l'homme dans sa jeunesse.

(Proverbes, XXX, 18 & 19)

BAN TÚ TÀI

LUẬN QUỐC VĂN *(Đề trong C.H số 23 trang 32)*

« Khen cho con mắt tinh đời,
Anh hùng, đoán giữa trần ai mới già !
Một lời đã biết đến ta,
Muôn chung, nghìn tứ, cũng là có nhau ! »

Bốn câu thơ trên này trích ở đâu ? Hãy bình giải, kể một truyện hợp với bốn câu ấy hay làm ít câu thơ có ý nghĩa như bốn câu thơ ấy.

Lời dặn về cách làm bài.

Đề trên đây thuộc về **bình giải** một đoạn ngắn : 4 câu trong một truyện. Cũng như cách bình-giải một bài thơ hay một bài văn, cách bình-giải một đoạn ngắn haymột đoạn dài phải theo**phép giảng văn**. Phép giảng văn lại cũng như phép phê-bình : nói miệng thì không cẩn-thận bằng phải viết ra. Viết ra cho người ta đọc phải cân nhắc, chọn lọc, những tiếng cho đúng hơn. Trước khi bình-giảng, theo thường lệ, phải giải-nghĩa những tiếng cốt-yếu : những điển dụng đặc biệt, phải được dẫn ra tóm tắt ; rồi sau đến phần phê-bình về văn chương tổng-quát thì phải chú trọng, nếu có thể phân tích được các phần hay riêng về cách dùng các lối trong mỹ từ pháp, cũng nên kể ra.

Đến bộ-phận của bài văn bình-giảng thì nên chia ra làm 5 phần cho rõ ràng theo cách dàn-bài kể ra dưới đây :

1 — **Xuất-xứ** (rút đoạn-văn ở đâu).
2 — **Đại-ý** (đoạn-văn diễn tả cảnh vật hay tình cảm gì ?)
3 — **Dàn ý** (Đoạn-văn chia ra làm mấy phần, mỗi phần diễn tả về ý tưởng gì ?)
4 — **Giải nghĩa** (những tiếng chánh ở đoạn văn có những nghĩa gì, điển tích gì ?)
5 — **Phê bình** (Tác giả có thành công bằng những lời văn ấy không ? Đoạn-văn có hay không ? lời diễn-tả về cảnh có đẹp không ? về tình có khéo không ? Hay, dở ở chỗ nào).

Có thể thêm phần **kết-luận**, hoặc nói về cảm tưởng của mình, hoặc nói về tiểu sử tác-giả vì lý do viết ra đoạn-văn ấy, hoặc so-sánh với một đoạn-văn nào tương-hợp của tác giả khác, hoặc thử đặt mình vào địa-vị của tác giả.

Bài làm

1 — **Xuất xứ :** « *Khen cho con mắt tinh đời*
Anh hùng, đoán giữa trần ai, mới già !
Một lời đã biết đến ta.
Muôn chung, nghìn tứ, cũng là có nhau !

Bốn câu thơ này trích ở truyện Thúy-Kiều của cụ Nguyễn – Du. Ấy là một phần trong đoạn Từ–Hải nói với Kiều khi nàng trả–lời câu hỏi thứ hai của chàng. Đời Kiều luân-lạc đã nhiều, mà chưa hề một lần nhìn-nhận người nào đáng mặt với nàng. Nay, gặp được Từ-Hải,nhác thấy tướng-mạo đường-đường, nàng đáp lời một cách rất tri âm, tri-kỷ :

« *Thưa rằng lượng cả bao dung,*
Tấn-Dương được thấy mây rồng có phen;
Rộng thương cỏ nội, hoa hèn.
Chút thân bèo bọt, dám phiền mai sau ».

Và, nghe những lời tri-kỷ dường ấy, Từ-Hải nhận xét mà biết nàng là một cánh sen trong bùn và lấy làm sung sướng lắm nên :

« *Nghe lời, vừa ý, gật đầu.*
Cười rằng : « tri kỷ trước sau mấy người ! rồi chàng tiếp :
« *Khen cho con mắt tinh đời...*

2o **Đại ý** — Tất cả ý của đoạn thi đã được diễn tả rõ ràng ngay ở câu đầu : Từ-Hải khen Kiều có con mắt xanh, tinh đời lắm ; con mắt khác kẻ tầm-thường nên đã đoán biết được mình là anh-hùng ngay từ lúc mình chưa làm nên, còn như tất cả mọi người thôi :

Anh hùng đoán giữa trần ai, mới già !

(Đến thế, thì thật đáng mặt tri-kỷ lắm, mà đã là tri-kỷ thì phải lấy làm sung-sướng, hạnh phúc mà gặp được, nên trong đời mình sau sày mà thành công, tất phải lấy tình tri kỷ mà đãi lại).

Khen Kiều rồi, Từ-Hải hứa với nàng về sau như có vinh-hiển thì không quên :

« *Một lời đã biết đến ta,*
Muôn chung, nghìn tứ, cũng là có nhau:

3o **Dàn ý** ; Tất cả ý trong bốn câu thơ đều được diễn tả khéo-léo ra làm 2 phần : Trên thì khen Kiều có mắt tinh đời đã đoán đúng lắm, xin chịu phục như phục thày tướng giỏi vậy ; dưới thì hứa, lời hứa thật gọn và chắc hơn lời thề.

4o **Giải :** Tất cả ý thật mạnh, thật rõ, vì những tiếng dùng trong cả bốn câu thơ đều gọn và cao. Khen một người tri-kỷ mà nói : « con mắt tinh đời » thì thật rõ quá, nếu không tinh đời thì tri kỷ sao được, thì đoán biết trước sao được một người còn vất vả long đong rằng sau nầy làm nên công nghiệp ; ở đời vàng, thau lẫn lộn ; khó phân biệt, thì nhận biết được một người tài giỏi làm được những việc phi thường xuất chúng mạo hiểm, hiên ngang, tạo nên công nghiệp oanh liệt vẻ vang lừng lẫy của các vị **anh hùng,** trong lúc người ấy còn gian nan trôi nổi, còn đứng giữa **trần ai,** thì thật là *rành* lắm, **già** lắm, chớ đâu phải tay **non**. Một người tri-kỷ, rành-rẽ, « *biết người biết của* » dường ấy thì đối với mình trước phải khen phục, sau phải hứa-hẹn để tỏ ra mình cũng xứng-đáng với tình tri-ngộ tri-âm, nên rằng nếu sau nầy mình quả gặp hội phong-vân, thời sẽ cùng nhau đồng hưởng trần cam vị tức là : **muôn chung, nghìn tứ cùng là có nhau,** vậy » Thật thế, đối với tri-kỷ, tri âm ngay từ lúc còn hàn vi, thì sau này giàu có đến **muôn chung thóc và ngàn cỗ xe bốn ngựa,** hẳn là phải có nhau.

5o **Phê bình**. — Khen người ta hiểu mình, biết phân biệt mình hơn thường nhân, với câu :

Khen cho con mắt tinh đời ! Câu khen ấy thật, mới khéo làm sao, khiến người được khen ai lại không thích, mà mình không mất cái thanh cao, không thể sa vào chỗ *khen nịnh*, vì mình biết mình là anh-hùng. vẫn tự nhận như vậy, nên câu tiếp đó thật vẫn giữ được tính cách tự cao thay ! (*Anh hùng, đoán giữa trần ai, mới già!* Khen người tinh đấy mà vẫn tự nhận là anh hùng đấy, nên lời khen càng cao thì sự tự cao của mình càng cao lên vậy !)

Đến 2 câu : **Một lời đã biết đến ta.**

Muôn chung, nghìn tứ cũng là có nhau !

thật tỏ ra khí-phách của người anh hùng mà vẫn nhiều tình cảm và nhân hậu tín nghĩa.

Mới biết nhau đây, mới gặp nhau đây, *nhất kiến vi kiến* thật đây, song đã biết nhau, thì ta đây không thể bội vong cái tình tri ngộ tri âm dường ấy.

Cụ Nguyễn thật đã khéo dùng lời thơ để diễn tả khẩu-khí của Từ-Hải, một người phi-thường, giọng nói cao thượng, khẩu khí anh-hùng tự tôn, ấy là chỗ nói với người mình đặt lên ngang hàng mà không cần gọi người ấy bằng tên hay ngôi thứ gì, còn mình thì xưng với họ là **ta** : Cụ không nói : khen **nàng** con mắt tinh đời, mà nói : **khen cho con mắt tinh đời.** Tiếng **cho** ở đây hay hơn tiếng **nàng** tầm-thường, ở chỗ nó *cao* hơn, ấm-thanh « *đẹp* » hơn. Nhiều nhà văn thơ khác sẽ dùng chữ **nàng** như thường thấy, câu thơ đọc lên ghe *chìm* giọng đi. Câu kế : tiếng **già** đắc thế lắm vì tiếng già thật « **già**-giặn » thật tài-tình và đặc-biệt Việt-Nam (theo nghĩa bóng, cố nhiên).

Câu thứ hai ấy còn có cái đẹp nữa là đã dùng *đảo ngữ*, vì chính ra là.

Đoán (người) anh-hùng giữa trần ai, mời (già giỏi).

Câu thứ ba cũng tỉnh lược chủ từ (nàng) **Một lời (nàng) đã biết đến ta.**

Cũng như 2 câu trên, cùng trường hợp không dùng tiếng **nàng** mà câu thơ **hay hơn.**

Muôn chung. nghìn tứ cũng là có nhau ! Câu thật mạnh, lời gọn, tuy có dụng tiếng đặc-biệt nhưng không làm tới nghĩa câu thơ mà trái lại, câu thơ vì cách dùng những tiếng **muôn** và **ngàn** ấy mà mạnh đặc biệt.

Văn lục bát vốn thường có giọng êm đềm, mà ở bốn câu này, Cụ Nguyễn thực đã cho ta thấy văn thơ bất cứ ở thể nào, lối nào, người biết dùng tiếng, có tác phong riêng biệt vẫn làm cho câu văn thơ có hồn xuất sắc lạ thường.

(Bài đã dài, phần kể truyện hay làm thơ xin để lời số tới).

Vũ-hữu-TIỀM

(1) tác giả mới tự xuất bản cuốn Âm-Đọc Giáo-khoa-thư cho lớp thi Sơ-học ; các bạn mua, xin gửi về Vũ-hữu-TIỀM, trường HUỲNH-THỊ-NGÀ.

10, R. Héraud — Tândinh — Saigon

Mua bán sỉ giá đặc-biệt : trừ 50%

(Giá lẻ mỗi cuốn 3$. — Giấy tốt, in đẹp),

COMPOSITION FRANÇAISE

Sujet proposé dans le nº 24

En quel sens peut-on dire que Malherbe a tué le lyrisme en France pour deux siècles ?

Le poètes du XIXe et XXe siècles, romantiqnes ou symbolistes ont prétendu que Malherbe avait tué le lyrisme en France pour deux siècles.

I.— Lorsque la pensée est comprimée par les difficultés techniques, elle ne peut se donner toute entière, au grand préjudice de l'art. Cette théorie est en réalité un peu différent de celle mise en honneur par Ronsard et son école. C'est l'annihilation complète des progrès réalisés par Malherbe et ses disciples que ces poètes ont fait cesser l'anarchie qui existait auparavant dans la composition littéraire et qu'ils ont mis fin au chaos de la forme, né dans ce domaine, de l'emploi de mots de toutes sortes, disposées sans ordre logique.

Si Malherbe n'est pas goûté par quelques rares écrivains, il faut en trouver la cause dans ce fait que dans ce monde actuel on a de l'inclination pour les ouvrages trop libérés de toutes aspérités. On ne remarque d'ailleurs pas assez qu'en forgeant la langue française, Malherbe s'est beaucoup plus rapproché de nous par ses œuvres que Ronsard, Amyot ou Montaigne qui cependant l'ont précédé de peu. Il a développé les thèmes de l'amour. Il a chanté la famille (thème de la mort de son fils, de la douleur du Perrier)

II.— *Mais Malherbe a tué le lyrisme*

Ses *Odes*, ses *Stances*, ses *Correspondances* et les témoignages de ses contemporains prouvent qu'il chante plutôt les sentiments des autres que sa sensibilité. Il traite le thème d'amour comme un lieu commun. Jamais il n'écrit des vers ou des confidences personnelles. Il ne parle pas en son nom. Il est difficile de voir en lui un poète de la nature. S'il chante la famille, s'il écrit sur la mort, on sent dans ces pages les souvenirs ou les consolations « à la manière des antiques ». S'il parle et développe des sentiments politiques, religieux ou sociaux, ce sont bien des sentiments que tout le monde partage.

La raison ne pourraitsubstituer à la sensibilité et à l'imagination. Malherbe n'est qu'un courtisan au service du roi et de la cour. Il a vraiment fait perdre le charme ou mieux la réalité de la nature qui domine souvent l'esprit du lecteur.

PLAN PROPOSÉ

EXORDE.— Malherbe a-t-il vraiment tué le lyrisme en France. Pour le plupart des écrivains de son époque, ce serait une erreur. Mais pour les romantiques et les symbolistes du XIXe siècle, c'est une vérité indéniable. Dans quel sens faut il prendre au juste l'expression en question ?

1ère **partie.** *Ma'herbe n'a pas tué le lyrisme*

Avant Malherbe, les auteurs avaient écrit à leur guise sans appliquer aucun principe. La fantaisie et l'arbitraire étaient leurs seuls guides. Leur style était si douteux que Balzac le comparait à « *une source trouble où l'ordure empêchait l'eau de couler* »

L'ambition de Malherbe fut d'épurer la langue française et d'en préciser les règles, d'en bien écrire en prose ou en vers. Sa réforme aboutit à rendre la littérature accessible et intelligible à tous. Jusque là, en effet, les membres de la Pléiade semblaient avoir mis un point d'honneur à ne pas être compris du vulgaire. Malherbe tenait avant tout à posséder une langue propre et immuable et à ne concevoir que des phrases claires, méthodiques qui, en poésie, devaient s'accompagner du rythme et de la rime la plus conforme à l'armonie (strophe de 4, de 6 ou de 10 vers, stances de 4 vers composées d'alexandrins et de vers de 6 syllabes etc...)

En poursuivant l'application de ces règles avec une ferme constance, Malherbe parvint à rendre la langue française compréhensible, capable de traiter tous les arts et toutes les sciences, (sujet politique ou lieu commun de morale)

Enfin Malherbe adoptait souvent un choix rigoureux de mots et de formes (mouvement périodique de la strophe, inversions, mots et expressions dont on se servait à la Cour) Il voulait créer un français littéraire et bien ordonné qui devait se substituer au latin.

2e partie.— *Cependant Malherbe a tué le lyrisme*

Malherbe est l'ennemi de l'improvisation. Il chante la famille, il traite le thème de l'amour. En réalité, on ne trouve nulle part ses propres sentiments. Il est continuellement au service des autres. C'est une poésie où *l'imagination est pauvre*. Il est difficile de voir en lui un poète de la nature. Ses images ne sont que des emprunts monotones au répertoire des images classiques.

La sensibilité est complètement étouffée. S'il chante la famille, s'il écrit sur la mort. Ce sont des pâles plagiats de l'antiquité. S'il développe des sujets politiques, religieux et sociaux, ce sont des sentiments qu'un homme du monde devrait partager avec autrui. Il a des attachements profonds et de grands élans de foi. Mais il lui manque de souffle, d'émotions.

Conclusion

Malherbe a vraiment apporté les formes extérieures du lyrisme, mais il en a tué l'âme. Cependant dans le patrimoine de l'art, on oublie bien vite les améliorations obtenues par les efforts d'une civilisation précédente. C'est ainsi que quelques rares poètes ont prétendu que Malherbe a tué le lyrisme en France.

LÊ - VÂN
Professeur

Etincelles

— *Un homme qui n'a jamais eu faim ne peut rien comprendre ici-bas ; le besoin est seul capable d'ouvrir véritablement l'intelligence.* (J. Rivière)

— *La grande chose à considérer, c'est la douleur qu'on peut causer aux autres.* (Benjamin Constant)

— *A moins d'avoir du génie, un homme riche ne peut imaginer ce que c'est que la pauvreté.* (Béguy)

Bacc.

EXAMEN DE PASSAGE EN 1ère M.

Mathématiques—*Octobre 1950 — Saigon*

Géométrie.

On donne un demi-cercle de diamètre AB=2R et un point M pris sur le demi-cercle.

1° Lieux géométriques des milieux P et Q de MA et MB.

2° Montrer que le cercle qui passe par M, P, Q passe par la projection de M sur le diamètre AB. Lieu géométrique du centre de ce cercle et l'expression de sa surface.

3° Connaissant $MA \times MB = R^2$, calculer les longueurs MA, MB. Application numérique : $R = 2^{cm}$.

4° Soient C et D les projections de A et B sur la tangente en M au demi-cercle. Montrer que la somme AC + BD est constante. Comment varie l'aire du quadrilatère ABCD quand M parcourt le demi-cercle ?

Solution.

1° *Lieux géométriques des milieux P et Q de MA et MB.*

On a constamment : $$\frac{AP}{AM} = \frac{1}{2}$$

P et M sont homothétiques dans l'homothétie de centre A, de rapport $\frac{1}{2}$. $\left(A, \frac{1}{2}\right)$. Quand M décrit le demi-cercle de diamètre AB, *P décrit le demi-cercle homothétique de diamètre AO*. La réciproque est vraie.

On voit de même que le *lieu de Q est le demi-cercle de diamètre BO*. Ces demi-cercles sont intérieurs aux demi-cercle AB.

2° *Le cercle MPQ passe aussi par la projection H de M sur AB.*



Joignons OP, OQ. On a OP papallèle et égal à MQ. Comme l'angle M est droit, le quadrilatère OPMQ est un rectangle donc inscriptible dans le cercle de diamètre OM.

L'angle OHM étant droit, est inscrit dans ce cercle. La projection H de M sur AB se trouve bien sur le cercle MPQ.

Lieu Géométrique du centre I de ce cercle.

On a : $$\frac{OI}{OM} = \frac{1}{2}$$

I est M sont homothétiques dans l'homothétie $\left(O, \frac{1}{2}\right)$. Quand M décrit le demi-cercle (AB), I *décrit le demi-cercle concentrique de rayon égal à* $\frac{R}{2}$.

Air du cercle MPQ. $S = \pi \left(\frac{OM}{4}\right)^2 = \pi \frac{R^2}{4}$

3° *Calcul de MA, MB.*

Posons MA $= x$; MB $= y$; on a les relations :

$$\begin{cases} x^2 + y^2 = AB^2 = 4R^2 \ (1) & \text{(Th. de Pythagore)} \\ x\,y = R^2 \ (2) \end{cases}$$

Multiplions les 2 membres de (2) par 2 :

$$\begin{cases} x^2 + y^2 = 4R^2 & (1') \\ 2xy = 2R^2 & (2') \end{cases}$$

Par addition membre à membre, on obtient :

$$(x + y)^2 = 6R^2 \quad \text{d'où} \quad x + y = R\sqrt{6}$$

Par soustraction :

$$(x - y)^2 = 2R^2 \quad \text{d'où} \quad |x - y| = R\sqrt{2}$$

On obtient le système équivalent suivant :

$$\begin{cases} x + y = R\sqrt{6} & (1'') \\ |x - y| = R\sqrt{2} & (2'') \end{cases}$$

Par addition et soustraction membre à membre, on trouve :

$$x = \frac{R\sqrt{6} + \sqrt{2}}{2} \quad \text{et} \quad y = \frac{R\sqrt{6} - \sqrt{2}}{2}$$

Ou bien : $x = \frac{R\sqrt{6} - \sqrt{2}}{2}$ et $y = \frac{R\sqrt{6} + \sqrt{2}}{2}$

Application numérique : $R = 2^{cm}$

Rappellons les valeurs connues :

$\sqrt{2} = 1{,}4$ $\qquad$ $\sqrt{6} + \sqrt{2} = 3{,}8$

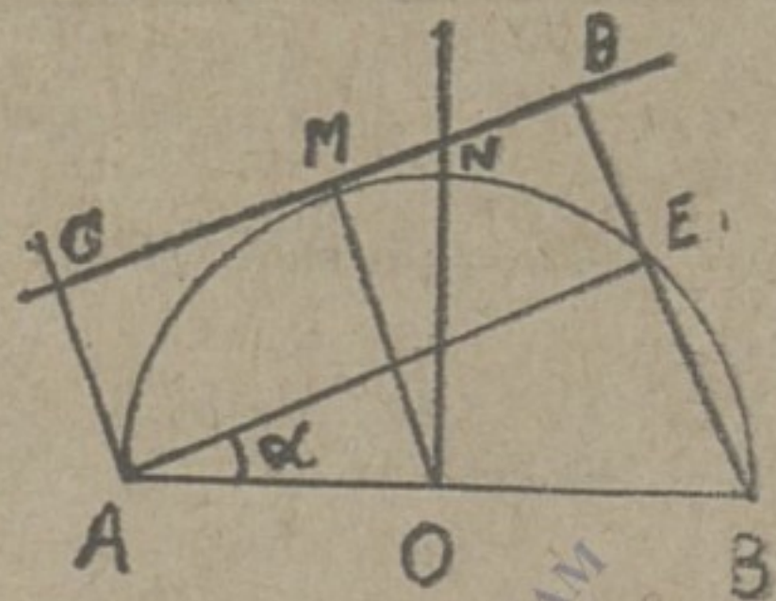
$\sqrt{3} = 1{,}7$ $\qquad$ $\sqrt{6} - \sqrt{2} = 1.$

$\sqrt{6} = \sqrt{2}\ \sqrt{3} = 2{,}4$

ou bien : $\begin{cases} MA = 3{,}8^{cm} \\ MA = 1^{cm} \end{cases}$ $\qquad$ $\begin{matrix} MB = 1^{cm} \\ MB = 3{,}8^{cm} \end{matrix}$

4° *La somme AC -l- BD est constante.*

Le quadrilatère ABCD est un trapèze rectangle. OM perpendiculaire à la tangente CD est parallèle AC et BD. Comme O est milieu de AB, M est le milieu CD. OM est le milieu de CD. OM est la base moyenne du trapèze. On a donc :



$$AC + BD = 2OM = 2R.$$

Variation de l'aire du trapèze ABCD.

$$\text{Aire } (ABCD) = \frac{1}{2} AC + BD \times CD = R \times CD.$$

De A menons la parallèle à CD qui coupe BD en E. L'angle AEB est droit (AE parallèle à CD), E est sur le demi-cercle (AB).

$$CD = AE$$

Appelons α l'angle que fait AE avec AB.

$$\text{Aire } (ABCD) = R \times AE = R \times 2R \cos \alpha = 2R^2 \cos \alpha .$$

Cette aire varie avec le cosinus de l'angle α. Le diamètre ON perpendiculaire à AB est un axe de symétrie. Faisons varier M de A à N et complétons ensuite par symétrie.

Quand M est en A, $\alpha = \frac{\pi}{2}$; $\cos \alpha = 0$, $S = 0$

« M « N; $\alpha = 0$; $\cos \alpha = 1$, $S = 2R^2$

Résumons ces variations dans le tableau suivant :

Position de M	A		N		B
α	$\pi/2$		O		$\pi/2$
S	O	↗	$2R^2$	↘	O

Ma α .

Physique

On veut obtenir une image réelle d'un objet réel constitué par une flèche lumineuse AB placée en un point O d'une table d'expérience, perpendiculairement à la table; on désire que l'image soit deux fois plus petite que l'objet et qu'elle soit située à 180 cm de 0.

1er Moyen : On utilise un miroir ; détermine la nature de ce miroir, sa position et celle de son foyer, ainsi que la position de son centre.

2e Moyen : On utilise une lentille ; déterminer la nature de cette lentille, sa position et celle de ses foyers.

3e Moyen : On utilise une lentille convergente de 27,2 cm de distance focale, placée à 136 cm du point 0.

On remarque alors qu'il faut lui adjoindre une seconde lentille pour que l'image soit toujours à 180 cm de 0 et égale à la moitié de AB.

Déterminer la nature de cette seconde lentille, sa position et celle de ses foyers.

Nota. Les distances demandées seront données à partir de 0 comme origine.

Les solutions de ce problème doivent parvenir à la Direction, au plus tard le 20-12-50.

PHAN-NGỌC-PHƯƠNG
professeur

Dịch thơ Anh ra thơ Việt

The star

Twinkle, twinkle, little star,
How I wonder what you are !
Up above the world so high,
Like a diamond in the sky.

When the blazing sun is gone,
When he nothing shines upon;
Then you show your little light,
Twinkle, Twinkle, all the night.

Then the traveler in the dark,
Thanks you for your tiny spark ;
He could not see which way to go,
If you did not twinkle so.

On the dark blue sky you keep,
Yet often through my window peep ;
For you never shut your eye,
Till the sun is in the sky.

As your bright but tiny spark,
Lights the Traveler in the dark;
Though I Know not what you are,
Twinkle, twinkle, little star !

Buttner
?

Ngôi sao

Sáng thay sao nhỏ li-ti,
Sánh bao kỳ xảo ta suy-ví người.
Cao xa, cách đất tột vời,
Giống như viên ngọc, trong trời giữa không.

Khi tối đến mặt trời nắng gắt,
Hết sáng soi cảnh vật trên không,
Liền thì cái ánh sáng xon,
Của người chốt rọi, sáng còn suốt đêm.

Lúc hành-khách lỡ-đường trong tối,
Cảm ơn người nhờ lối sáng tia,
Nếu người, chẳng thế, sáng chia.
Người không thể thấy đâu kìa, nẻo đi.

Trong trời xanh thẳm người nương tựa,
Ta thường trông qua cửa sổ song ;
Người sao thức suốt thức ròng,
Thức không nhắm mắt, thức mong sáng trời.

Ánh sáng người tuy là quá nhỏ,
Soi khách-hành trong chỗ u-minh.
Mặc dầu ta chẳng rõ tình,
Của người là giống vật hình thế nao ?
Khen sao nhỏ khéo sáng thay !

TRẦN-THANH-LIÊM
Giáo sư Việt-ngữ, Pháp-văn, Anh-văn,

ANGLAIS PRATIQUE

— Nos livres sont intéressants : *our books are interesting.*
aour bouks'are in'teresligne.

— Vos fleurs ne sont pas belles : *Your flowers are not beautiful.*
your flaouëz are not bioùtifoul.

— Nous sommes pauvres et il est riche. : *We are poor and he is riche.*
ouî are pour an'd hi iz ritch.

— Où est votre livre ? : *Where is your book ?*
houère is your boûk ?

— Mon livre est ici, dans ma poche. : *My book is here, in my pocket.*
maî boûk iz hië in « maï pocket ».

— Où êtes-vous ? : *Where are you ?*
houère are you ?

— Je suis dans le jardin : *I am in the garden.*
aï àm in ' zhe gàrd ' n. *(à suivre)*

Grammaire Anglaise *(suite)*

IV. Le Pronom.

Pronoms personnels (sujets). — *I, you, he* (m.), *she* (f.), *il* (neutre) : *we, you, they*. Le pronom *thou* (tu) n'est guère employé que dans les prières pour s'adresser à Dieu ; même dans l'intimité, les Anglais se disent *you*.

Pronoms personnels (complément). — *He, you, him* (m.), *her* (f.), *it* (n.) ; *us, you, them (thee*, toi, ne se dit qu'à Dieu).

Adjectifs possessifs. — *My* (mon, ma, mes), *you, his* (m.), *her* (f.), *its* (n.), *our, your, their* (tutoiement : *thy*).

A la troisième personne, l'adjectif possessif, comme le pronom, s'accorde avec le possesseur. Ex. : Son chapeau (de Jean), *his hat ;* (de Jeanne), *her hat ;* son toit (de la maison, neutre), *its roof ;* ses livres (de Jean), *his books ;* (de Jeanne), *her books*.

Pronoms possessifs. — *Mine* (le mien, la mienne, les miens, les miennes), *yours his, hers, its own ; ours, yours, theirs* (tutoiement : *thine*).

On emploie le pronom possessif pour traduire l'expression « à moi, à toi, etc. ». Ex. : Ce chat est à toi, *this cat is yours*.

Pronoms réfléchis. — *Myself* (moi-même), *yourself, himself* (m.), *herself* (f.), *itself* (n.) ; *ourselves, yourselves, themselves*. Toutes les fois que le pronom complément exprime la même personne que le sujet, on le traduit par le pronom réfléchi. Ex. : Il se flatte, *he flatters himself ;* parle pour toi, *speak for yourself*.

Pronoms réciproques. — Ne pas confondre le pronom réfléchi avec le pronom réciproque : *Each other* ou *one another*. Ex. : Les deux frères s'aimaient tendrement, *the two brothers loved each other tenderly*.

Adjectifs et pronoms démonstratifs. — *This* (pl. *these*) correspond à « ce... ci » et indique un objet très proche. Ex. *This day*, ce jour-ci (aujourd'hui) : *these books*, ces livres (ci) ; *this* pronom veut dire ceci.

That (pl. *those*) correspond à ce... là, et comme pronom à cela.
Ex. : *Those people*, ces gens-là ; *on that day*, ce jour-là.
Celui de, ceux de... — Se traduisent par *that of, those of...*
Celui qui, ce que. — V. *Pronoms relatifs*.
Pronoms relatifs. — Le pronom relatif *that* est invariable.

Ex. : L'homme (la femme) qui parle, *the man (the woman) that speaks ;* le livre (les livres) que je vois, *the book (the books) that I see*.

Le pronom *that* ne peut s'employer que lorsqu'il introduit une subordonnée déterminative, indispensable au sens de la phrase. L'autre pronom relatif *who*, qu'on peut employer dans presque tous les cas, a quatre formes : *who* (sujet m. f. sing. et pl.) *whom* (compl. m. sing. et pl.), *whose* (cas possessif. V. **dont**), et *which* (neutre sing. et pl.) Ex. : L'homme (la femme) qui vient ou que je vois, *the man (the woman) who comes* or *whom I see ;* les livres qui sont là (que je vois), *the books which are here (which I see)*.

Ce qui, ce que. — Se traduisent par *what* quand « ce » appartient grammaticalement à la proposition principale et « qui » ou « que » à la subordonnée ; par *which* quand tout le groupe « ce que, ce qui » appartient à la subordonnée. Ex. : Je sais ce que je dis, *I know what I say ;* ce qu'il dit est très intéressant, *what he say is very interesting ;* je sais ma leçon, ce qui vous surprend, *I know my lesson, which surprises you*.

(à suivre)

LA GRAMMAIRE PRATIQUE POUR TOUS LES DEGRÉS

Ce cours de Grammaire n'est que la suite de celui que nous avons publié dans les vingt premiers numéros de la Revue « **Học-Báo** ».

Voici les principaux chapitres que nous y avons traités et auxquels nous renvoyons ceux de nos lecteurs qui en ont éventuellement besoin pour leurs études:

1o) *Le sens des Verbes* (Nos 1, 2, 3).
2o) *La fonction sujet* (Nos 4, 5, 6, 7, 8).
3o) *La fonction attribut* (Nos 9, 10, 11, 12, 13, 14).
4o) *La fonction apposition* (Nos 15, 16, 17).
5o) *La fonction complément* (Nos 18, 19, 20).

XUÂN-SA

Le complément d'objet indirect et le complément circonstanciel d'agent

Quand on a à analyser un *complément circonstanciel d'agent* précédé de la préposition *de*, on le confond souvent avec un *complément d'objet indirect*.

Exemples :—

1o) Cette femme médit toujours *de* ses *amies* (amies : *complément d'objet indirect* du verbe : médit).

2o) Cet homme est accablé *de chagrins*. (chagrins : *complément circonstanciel d'agent* du verbe : est accablé).

3o La cour se couvre *de feuilles* mortes (feuilles : *complément circonstanciel d'agent* du verbe : se couvre).

Dans le premier exemple, le verbe « *médire* » (de) est un verbe *transitif indirect* qui admet le nom « *amies* » comme *complément d'objet indirect*.

Dans le second, le verbe « *est accablé* » est un verbe *passif*. Le nom « *chagrins* » y joue le rôle de *complément circonstanciel d'agent* du verbe « est accablé ».

Dans le troisième, le verbe « *se couvre* » est un verbe *essentiellement pronominal* ayant la valeur d'un verbe *passif* (se couvrir = être couvert). Le nom « *feuilles* » y joue aussi le rôle de *complément circonstanciel d'agent* du verbe « *se couvre* ».

D'où ces remarques :

Remarque I.— *Un complément d'objet indirect accompagre un verbe transitif indirect tandis qu'un complément cironstanciel d'agent accompagne un verbe passif ou un verbe pronominal ayant la valeur d'un verbe passif.*

Remarque II.— *Un verbe passif ou un verbe pronominal ayant la valeur d'un verbe passif n'admettent jamais de complément d'objet, qu'il soit direct ou indirect.*

(à suivre) **XUÂN SA**

Esrata.— No 24, page 32.
Au lieu de : S'il est transitif direct et s'il est....
Lisez : *S'il et transitif direct, il admet un complément d'objet direct et s'il est...*

COURS SECONDAIRES **XUÂN-SA**
37 Rue Heurteaux — Saigon.
BACC — DIPLÔME — BREVET

TRÍCH TRONG SƠ THẢO QUYỂN :

VIỆT - HÁN - PHÁP TỪ' ĐIỂN

của **ĐOÀN-PHÔ-VĨNH**

Vị lai hoặc hữu.— Futur contingent [1] (*Triết học*)

(*Vị* : chưa đến; *lai* : ngày sau; *hoặc* : không định; *hữu* : có : trái với chữ *không*)

Các nhà hiền triết hồi thời Thái cổ nhận định về quan niệm *vị lai hoặc hữu* rằng những sự biến cố về vị lai có thể sinh ra hoặc không thể xảy đến vì không thiết định trước những nguyên nhân phát sinh ra biến cố.

Trái lại các nhà hiền triết tán thành thuyết *cố định luận* (les déterministes) không nhìn nhận sự hiện tồn của vị lai mà *thừa nhận* quan điểm của *tự do ý chí* (libre-arbitre)

2.— **Sự nhận thức về vị lai hoặc hữu**

Các nhà thần học[1] (cũng gọi là các nhà *bất biện chứng*) nhận xét sự vật trái với sự tiến bộ, tán thành *triết học kinh viện* (scolasticisme). Dưới thời *Trung cổ* môn phái ấy chia quan niệm vị lai hoặc hữu ra hai giai đoạn

a) Vị lai tất yếu (futura necessaria) ; *vị lai bất thời* (futura contingentia : cũng gọi là *vị lai ý-ngoại*).

Vị lai tất yếu tức là những việc ở hậu lai có thể xảy ra được. Còn *vị lai bất thời* nghĩa là những việc xảy ra một cách bất ngờ, ngẫu nhiên, ngoài ý định của ta.

b) Quan-niệm vị lai trải qua thời gian

---

(1) Danh từ *Contingent* có nghĩa là ngẫu-nhiên, tình cờ, ý-ngoại *Vérité contingente* = (Ngẫu-nhiên chân lý).

Ngày nay từ ngữ vị lai hoặc hữu không còn thích dụng nữa vì lẽ :

« *Các nhà hiền triết hiện thời đã thừa nhận chân lý của vị lai hoặc hữu bị chi phối vì vị-lai hoặc hữu thuộc về tương lai.. nó có nghĩa là việc xảy đến là thế... đạt đến như thế rằng người ta nghĩ chắc chắn vị lai sẽ như vậy, cũng như người ta đặt sự xác thực vào quá khứ* » (*Liebniz*)

Les philosophes conviennent aujourd'hui que la vérité des futurs contingents est déterminée c'est-à-dire que les futurs contingents sont futurs, ou bien qu'ils seront, qu'ils arriveront ; car il est aussi sûr que le futur sera, qu'il est sûr que le passé a été.. (Liebniz — *Théodicée* l, 36. Cf *Ibid*, I, 2 et 4 5)

Các nhà hiền-triết muốn nói rằng việc ngày hôm qua có ảnh-hưởng đến việc sẽ tới vì có kim mới có lai. *Việc vị-lai là kết quả của việc quá khứ và hiện-tại.* Hôm qua bác nông-phu mệt nhọc cấy lúa.., ngày mai ta mới có lúa mà ăn. Đó là một *quá-trình* mật-thiết liên quan nhau, hợp với lý trí phổ-thông của vạn vật.

Vị tha chủ-nghĩa.— ALTRUISME n. m. (*Triết học*)

(*Vị* : có nghĩa là vì; *tha* : người ấy; *vị tha* : vì người khác; *chủ* : việc cốt yếu, làm chủ; *nghĩa* : cái đạo nghĩa mình phụng thờ cho là chủ.)

Vị tha : thông thường có nghĩa là vì kẻ khác trái với *vị ngã* tức là mình, lòng lợi kỷ của mình.

Vị tha chủ nghĩa là danh từ do nhà hiền triết Auguste Comte tạo ra, đối lập với danh từ *lợi kỷ, vị kỷ.* — *chủ nghĩa* (égoïsme) và được nhà hiền triết *Spencer* tán thành. Danh từ vị tha được thông dụng trong ngôn ngữ triết-học.

2.— **Danh từ vị tha trong triết học thực nghiệm** (philosophie positiviste).

Triết học thực-nghiệm, gồm *vị-tha chủ-nghĩa* tức là những *khuynh hướng* hay là những *bản năng về thân ái.* Mà bản năng thân ái bao-hàm cả sự *tình ái*, sự *sùng kính*, sự *lương thiện.*

Triết học thực-nghiệm lại chủ-trương rằng những khuynh hướng ấy, người sinh ra đã có (thuộc về *thiên-phú*). Nên chi *Auguste Comte* sáng lập trên *khuynh hướng* ấy một nền luân lý lấy *vị tha* làm chủ nghĩa (*Vivre pour Autrui*).

3.— **Chủ nghĩa vị tha trong thế giới.**

Chủ-nghĩa vị tha thiên về quan niệm duy-nhân (humaniste). Tự cổ chí kim, chủ nghĩa vị tha là khái-niệm của nhà hiền triết Đông-Tây : *Socrate, Aristote, Zénon, Platon, Spinoza v. v.*. là các bậc tiền khu của chủ nghĩa vị-tha.

Thuyết « *xã hội không tưởng* » của *Saint Simon, Fourrier, Proudhon* tiêu-biểu nền **triết học vị tha**. Sự thành lập những *cư ngụ (*icarie*)* bên *Nam mỹ* là một chứng cứ trong lịch sử mục-đích kiến-thiết một xã-hội cho hạng cùng-đinh chung sống.

— Thuyết « *xã-hội khoa-học* » cũng ái-mộ lòng vị-tha nhưng khác ở phương-pháp hành động và lòng duy-nhân của học thuyết *Karl Marx* lại thiên về *nhân tình vô sản. (*humanisme prolétarien*)*

— Bên *Phương Đông* thuyết « **Kiêm Ái** » của *Mặc tử* phát sinh giữa đời *Xuân-thu* và *Chiến-quốc*. ...« Động lòng trước cảnh lầm than của hiện thế..., nhân loại vì nạn chiến-tranh ghê tởm..., loài người như mãi còn say đắm trong cơn ảo-mộng triền miên. Chủ-nghĩa « *Kiêm ái* » (tức là *vị tha chủ nghĩa*) là một « liều thuốc » để cảnh-tỉnh nhân-sinh vậy »

Đ. n. : *Lợi tha; ái tha; vô tư kỷ.*

P. n. n : *Vị kỷ chủ nghĩa; lợi kỷ ; vị kỷ.*

Kể từ ngày 1er Décembre 1950 chúng tôi có mở :

Lớp dạy riêng

Pháp văn — Địa-lý học

(*Lớp đệ nhứt và đệ nhị niên*)

VIỆT-VĂN

Đệ-tứ-niên và Ban Tú tài

Đoàn-phô-Vĩnh

(*xin hỏi tại báo Cần học*)

Kinh-tế chánh-trị

Cô PHAN-YẾN-NGUYỆT
Tân an

***Bût-toán thương-mãi** (Comptabilité commerciale) Tính sổ lời-lỗ cuối năm (Etablissement du Bilan annuel.)* Muốn tính sổ xem lời hay lỗ, phải có mấy điều sau nầy :

Vốn nởi (Actif)

1o) Làm tổng-kê hàng hoá (inventaire des marchandises, tính theo giá mới mua.

2o) Cộng số tiền các bạn hàng còn thiếu chịu mình (Relevé du compte des Débiteurs divers)

3o) số tiền sắm đồ từ khí, dụng cụ (mobilier et matériel).

4o) Đếm tiền còn lại trong tủ (Espèces en caisse)

Vốn chìm (Passif)

1o) Tiền vốn xuất ra (Capital)

2o) Cộng số nợ của mình, nghĩa là mua chịu của ai mình chưa trả (Relevé du compte des Divers Fournisseurs).

Actif và Passif trừ lại thì là : Lời tạm (bénéfice brut). Trừ lại sở phí (frais généraux) thì : Lời thiệt (bénéfice net). Sở phì phải khai ra từ món trong một bản riêng (Etat des Frais généraux).

Đồ từ khì và dụng cụ (mobilier et matériel) chẳng phải trừ ra một ; phải khấu trừ (amortir) 5 hoặc 10 năm tuỳ theo món đồ :

A) Vật dụng bằng cây thường, trừ trong 5 năm, mỗi năm 1/5.

b) Cây danh mộc, dụng cụ bằng sắt, mỗi năm trừ 1/10.

C) Máy móc (như nhà máy xay lúa) trừ 1/15 hoặc 1/20.

Có khi cũng trừ:

d) số tiền bạn hàng « chìm » không trả nổi, kể mất (créances douteuses)

e) Tu bổ dụng cụ (entretien mobilier et matériel)..v..v

Lưu ý. — Có nhiều người hùn xích mình nhau vì không rõ K. T. C. T. Đến cuối năm tính sổ Lời-lỗ lại trừ tắc một lần những món đồ từ khí và dụng cụ nên thành ra lỗ to rồi xả hùn (nếu trừ cái máy xay lúa ra thì còn gì vốn.)

Lần lượt, chị em chúng tôi sẽ đăng kiểu Điều-lệ hùn hiệp (modèles de statut). Biết được rồi và nếu người quản-lý (Administrateur-délégué) làm việc có phương-pháp (méthodique) thì nhà tư bổn ta dam hùn hiệp, không còn nghi kỵ như xưa.

Nếu toàn xứ V. N. điều biết K. T. C. T. thì chẳng còn lo người ngoại-quốc nào nắm trọn quyền lợi của chúng ta trong tay nữa.

Hoàng-Cẩu Dương-Hàng (nouveautés mondiales) Cholon

Bilan de l'Exercice 1949

Actif		*Passif*	
Inventaire des marchandises existant en magasin au 31 12.49 . .	150.350$00	Capital	125.000$00
Débiteurs Divers.	55.200 00	Divers fournisseurs.	32.000 00
Mobilier et matériel	22.500 00		
Espèces en caisse	5.375 00		
	233.425 00		157.000 00

Actif.		233,425 00
Passif		157.000 00
Bénéfice brut . . .		76.425 00
à déduire :		
Frais généraux (suivant Etat). . . .	25.000$00	
Amortissement Mobilier et Matériel : 1/10 s/ 22.500.	2.250 00	
Créances douteuses.	10.000 00	37.250 00
Bénéfice net		39.175 00

Etat des Frais généraux

Loyer (phố)	7.200$00
Eclairage et Eau (đèn, nước).	2 500 00
Déplacement (tiền xe).	500 00
Transport (chở chuyên)	1.000 00
Nourriture du personnel (cơm nước)	3.000 00
Solde du personnel (lương bổng).	5.000 00
Commission, gratification (huê hồng, tiền thưởng).	2.000 00
Téléphone (điện thoại).	500 00
Fournitures de bureau (đồ văn phòng)	500 00
Patente (sanh ý	600 00
Impôt et taxes (thuế vụ).	1.200 00
Divers (linh tinh)	1.000 00
Total	25.000 00

Hộp thơ

DANH SÁCH ĐỌC-GIẢ MUA DÀI HẠN:

Cần Học trân trọng cám ơn quí bạn kể tên dưới đây đã gởi tiền đến đặt mua Cần Học dài hạn:

Ông Lê-văn-Trọng, Thơ ký văn phòng hành chánh
Q. V. V. B. D. HUE
— Trần-hữu-Pháp
— Huỳnh-Châu
— Nguyễn-Hòe
— Trần-văn-Pháp
— Trần-quang-Hiền
— Bùi-công-Diền
— Nguyễn-văn-Phong
— Nguyễn-Đào
— Ngô-Quyền
— Thầy-Xướng
— Trương-Dương
— Hà-Thân, Ty công an Quốc gia, Hội-An
— Hà-Thân, Ty cảnh sát Quảng Nam, —
Anh Lâm-quang-Trí, ố 117, Đường số 7, Chợlớn
— Nguyễn-văn-Phi, số 11, Đường Boresse, Saigon
— Trần-lâm văn Ban, số 120 C 2, Ngõ Đông An, Đường Cát Giày, Haiphong
Ông Trần-Lý, số 4, Ngõ Huyện (Voie N· 1) Hanôi
— Dương-văn-Cương, Douanes Air France, Saigon
Maison Song Song, số 127, Đường Lè-Lợi, Saigon
Ông Võ-văn-Trí, số 237/3, Quai de Belgique, Saigon
— Hạnh, thơ ký Hãng xe SIT, Saigon
— Dũ, 63/8, Đường Vassoigne, Tânđịnh
Soeur Directrice, Sainte Enfance, Saigon
Cha Pierre Mười, Tân qui, Lái thiêu
Cha Thomas Trí, Vĩnh hội, Saigon
Cha Paul Thiên, Bến gỗ, Biênhoa
Cha Joseph Hai, Mặc Bắc, Tràvinh
Cha Antoine Long, Nhà thờ họ Vĩnh long.

Xin lưu ý: Khi các bạn gởi thơ đến đặt mua dài hạn, thì lập tức chúng tôi gởi sách đến qui bạn, cũng mong qui bạn sốt sắng hồi đáp tiền lại như vậy.

Khi các hạn định mua dài hạn 3, 6 tháng hay là 1 năm, thì xin gởi tiền đến cho đủ số theo giá tiền có đăng trên bìa sách, để tiện việc sổ sách.

Khi gởi bưu-phiếu đến, xin đề rõ tên: NGÔ-VĂN-THANH, đừng đề tên nào khác kẽo lãnh tiền không được.

B. G. Đ.

Dạy Pháp-ngữ, Việt-văn, Toán-học, Anh-văn theo lối Hàm-thụ (gởi thơ) từ lớp Đệ nhứt niên đến Ban Tú-tài, do nhiều Giáo-sư chuyên-nghiệp và tận tâm chỉ giáo. Bài vở sửa kỹ-lưỡng.

Xin quí Bạn gởi thơ đến Tòa-soạn Cần Học, 165, **Bd. de La Somme, Saigon,** *thì chúng tôi sẽ cho biết điều kiện ngay.*

Nhóm Giáo-sư Cần Học

CẦN HỌC

ĐÓNG LẠI THÀNH BỘ

Bộ 1, từ số 1 đến số 10
Bộ 2, từ số 11 đến số 20

Có bán khắp nơi, trong các nhà sách, hay Tòa soạn C. H. 165, La Somme — Saigon.

Mời quí bạn đón mua 2 quyển sách Giáo-Khoa dạy nhiều môn và nhiều thứ tiếng. Các bạn cầm đến sẽ được hài lòng.

GIÁ	BỘ 1	BỘ 2
Nam-việt	*45$00*	*50$00*
Trung, Bắc-việt, Miên và Lèo .	*50$00*	*55$00*

Tiếng Anh Phổ Thông

Các công chức và phụ huynh học sinh muốn học thêm để nói trôi chảy tiếng ANH, xin hỏi tòa báo Cần Học, 165, Đại lộ La Somme giới thiệu một người Việt Nam đứng đắng giúp buổi tối.

GIÁ TIỀN MUA DÀI HẠN:

	Ở NAM-VIỆT, MIỀN			*Ở TRUNG, BẮC-VIỆT*		
	B.Tiểu-học	B.Trung-học	Cả 2 Ban	B.Tiểu-học	B.Trung-học	Cả 2 Ban
3 tháng 12 số :	30$00	45$00	70$00	40$00	55$00	80$00
6 tháng 25 số :	65$00	90$00	150$00	85$00	115$00	175$00
12 tháng 50 số :	125$00	175$00	290$00	170$00	220$00	325$00

Giám-đốc :
CHA JACQUES CỦA
GIAĐỊNH

Thơ và bưu-phiếu xin đề :
Mr NGÔ-VĂN-THANH
165, đại lộ La Somme -:- Saigon

Giấy phép số 472/T.X.B.
Ngày 8 tháng 12 d. l. 1950

IN TẠI ẤN-QUÁN
—— **N A M - H Ư N G** ——
165, Đại lộ La Somme — Saigon

Học Đề Phụng Sự Chân Lý

ÉDITIONS PÉDAGOGIQUES CULTURELLES

Cấp Học

BAN TRUNG HỌC

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

TẬP **XXVI**

Số Đặc Biệt Về Lễ SINH NHỰT 1950



44 TRANG

Numéro Spécial de NOËL 1950

GIÁ : *Nam-Việt, Miên : 4$*
Trung, Bắc-Việt : 5$

TÒA-SOẠN
Giây nói : 24.309 — Saigon
165, đại lộ La Somme

VŒUX

« GLOIRE A DIEU AU PLUS HAUT DES CIEUX ET SUR LA TERRE, PAIX AUX HOMMES DE BONNE VOLONTE ».

(S. Luc, 2. 14)

DE NOËL

A l'heure où le monde meutri par de trop longues années de discordes et de guerre, se reprend à espérer qu'il va lui être donné de célébrer bientôt ce Noël de 1950 dans la communion d'un même sentiment, d'une même pensée et d'une même émotion collective, nous voulons nous-mêmes donner une voix à cette espérance, une voix suppliante qui soit entendue de toute l'humanité souffrante pour qu'elle aussi, après s'être épuisée jours et nuits à s'entretuer et à se haïr, penche tout entière du côté de la charité, de la compréhension et de la collaboration universelles.

« Noël » mot magique par excellence qui semble contenir la joie intense des millions d'humains au lendemain de cette atroce tuerie barbare et à la veille de cet horrible tourbillon de folie qui agite et ronge indéfiniment les ambitieux.

Quelle est donc la signification de cette entité à la fois mystique et mystérieuse à l'évocation de laquelle l'on tressaille ensemble d'allégresse et d'espérance?

Que nous apportera-t-elle ?

Et de quelle puissance pourra-t-elle disposer au point de nous redonner la foi immense en la vie et d'enforcer dans l'oubli complet des choses d'ici-bas, d'indicibles tourments que nous tous endurons journellement ?

Il y en a pour qui la fête de Noël, c'est le réveillon au cours de la nuit de

cette fête, d'autres pensent à l'étrange et libéral personnage appelé indifféremment « le Père Noël » distributeur de jouets et de friandises...

L'on a ainsi, tour à tour consciemment et inconsciemment rétréci en quelque sorte le sens de la fête de Noël en la détournant de sa vraie signification millénaire.

Si l'on se donne la peine de remonter le cours de l'histoire de l'Eglise, l'on se rendra compte aisément que Noël n'est autre chose que l'anniversaire de la naissance de Jésus Christ.

Noël c'est l'histoire d'une crèche où Dieu s'est incarné pour les hommes, il y aura bientôt deux mille ans, en leur donnant la plus sublime leçon de charité et d'humilité.

Oui, le roi céleste est né dans une crèche et non pas dans un palais comme en rêvaient les Juifs, mais dans une étable. Et Il s'est fait homme pour que les hommes deviennent enfants de Dieu, et par conséquent, frères entre eux.

Il a donc voulu apporter la paix sur terre ; paix entre Dieu et les hommes, paix aussi entre les hommes dans leurs contacts perpétuels.



Voilà les conditions de paix, que l'enfant Dieu a posées : le bon vouloir, la charité et le détachement des biens terrestres.

Si l'on veut la paix, on doit montrer un bon vouloir, une vraie loyauté.

Si l'on veut la paix, on doit imiter le détachement du Christ, suivre ses traces : tant qu'on ne cherche qu'à satisfaire sa cupidité, on n'aura jamais la paix.

La paix c'est encore la tranquillité dans l'ordre, dit Saint Augustin.

Si l'on veut la paix, on doit respecter l'ordre : à chacun son dû ou en d'autres termes : «Rendez à César ce qui est à César et à Dieu ce qui est à Dieu.»

Si l'on ne veut pas recpecter les droits de chaque peuple et les droits de personne humaine, il n'y aura jamais de paix.

Noël n'est donc qu'une fête de paix et d'espérance.

A chacun de ses retours, des millions d'humains, du plus grand au plus petit, du plus riche au plus pauvre, se prosternent côte à côte pour communier dans la célébration gran-

diose et solennelle de ce Noël pour redemander à cet Enfant-Dieu, la paix vers laquelle ils soupirent tous chaque jour dans une atmosphère angoissée. En ce Noël de 1950, nous voudrions particulièrement demander à tous les hommes de bon vouloir qu'ils puissent s'entendre pour éviter au monde une catastrophe encore plus épouvantable que toutes les précédentes pour mettre enfin un terme décisif à l'affolement universel à toutes les formes d'asservissement et aux inqui études de tous les peuples.

Nous voudrions aussi que l'humanité purifiée par la grâce de Dieu, dégagée entièrement du matérialisme, pût accomplir une ascension prodigieuse vers Lui-Même qui l'a aimée jusqu'à mourir sur la Croix.

Plaise à Dieu que tous nos vœux en cette fête de Noël 1950 puissent être exaucés pour que le Viet-Nam comme le monde entier voient ensemble poindre au bout de ce sombre horizon une lueur d'espérance et de paix.





CĂN HỌC, Ban Tiểu học số 26, số đặc-biệt về Lễ Sinh-nhựt-có bài thơ lục bát tặng qui đọc-giả

C.H.

Đệ-nhứt và đệ-nhị niên

ÁM TẢ.—

Hy Vọng

Làm người ai cũng có hy vọng, như kẻ làm ruộng mong cho đến ngày gặt lúa, kẻ đi đường mong cho đến chỗ nghỉ chân. Công việc càng lớn thì hy vọng càng cao, hy vọng càng cao thì sự nghiệp càng lớn, cho nên người ta có hy vọng thì tự nhiên quên hết mọi sự hiểm nghèo, mọi sự khó nhọc.

Người ta đương lúc thiếu niên, lòng xuân phơi phới như trăng mới lên, như hoa mới nở, sự đời chưa hề từng trải, tư tưởng những sự cao xa. Đến lúc tuổi càng cao, kinh lịch càng nhiều, bấy giờ mới biết sự đời là khó, tài mình là hèn, chân đã mỏi, đường còn xa, lòng hy vọng cũng một ngày một lạt. Những người trí bạc tài hèn, bỏ việc nửa đường, hầu hết là vì những tình cảnh ấy. Vì thế cho nên hy vọng của mỗi người cũng không nên quá lượng. Cái hy vọng mình đã lớn thì sự dụng sức mình cũng phải nhiều, không chịu nhãng một ngày, không chịu lui một bước, như thế mới trông mong có ngày đắc chí được.

Cảnh khốn nạn trong đời người không gì bằng thất vọng. Như kẻ đi đường, bóng chiều đã xế, dặm đường còn xa, chân trời góc bể, biết đâu là nhà, có khi ngồi xuống bên đường mà khóc cái mệnh-vận mình rồi sinh lòng vô cùng sán hối.

Thất vọng là bởi mình không có chí mà cũng bởi cái hy vọng quá cao không xứng với cái lực lượng mình, như thuyền chở đầy, người yếu gánh nặng.

Việc hy vọng của người ta thành bại là bởi sức người, mà cũng nhờ thời vận. Xưa nay những kẻ làm nên vương tướng, chưa hẳn là những bậc thánh thần, còn bao nhiêu kẻ trầm luân chưa hẳn là những người tội ác. Chẳng qua là hữu tài vô vận, hữu vận vô tài.

NGUYỄN-BÁ-HỌC

Học chữ

Lòng Xuân : Tấm lòng của kẻ thanh-niên ví như mùa Xuân.

Kinh Lịch : *Kinh* : Kinh luân. *Lịch* : lịch lãm, nghĩa là từng trải rất nhiều.

LỜI BÀN

Người ta chỉ sống vì hy vọng, nếu không có hy vọng thì thế giới này chỉ là một bãi cát, vì hy vọng đã làm cho người ta chiến đấu, quên mình v...; v... Câu Thời thế tạo anh hùng hoặc anh hùng tạo thời thế đều phải có nhờ vào hy vọng vậy. Phương ngôn tây có câu : « Aide-toi, le ciel t'aidera » Người ta ai cũng có quyền hy vọng.

Câu hỏi :

1°) Tại sao người ta đương có hy vọng lại quên hết mọi sự hiểm nghèo, mọi sự khó nhọc ?

2°) Tại sao tuổi người ta càng cao, càng nhiều kinh lịch, lòng hy vọng lại phai lạt lần ?

3°) Tại sao mình thất vọng, và hy vọng phải làm sao mới đạt được ?

4°) **Tìm chữ đôi :** Hãy đặt 4 câu có chữ *niên* đằng sau, như thiếu-niên.

TÁC VĂN

Đầu đề —*Giải nghĩa câu tục ngữ :«uống nước nhớ nguồn». Kể những bổn phận của người ta đối với gia-đình và tổ-quốc.*

Dàn bài

1·) Nghĩa đen (chánh) của câu : uống nước nhớ nguồn ;
2·) Nghĩa bóng (rộng) của câu tục-ngữ ấy. Thí dụ :
3·) Bổn phận đối với gia-đình ;
4·) Bổn phận đối với tổ-quốc.

Bài làm

Nước là một chất rất cần cho sự sống người ta. Nước quí hơn vàng khi ở giữa một bãi sa mạc khô-khan và nắng gắt.

Ta chỉ dùng nước mà ta có hề nghĩ đến rằng nước bởi đâu mà có không ? Nước chảy từ nguồn. Nhưng khi cầm một ly nước để uống ta có tưởng nhớ đến nguồn gốc của nó chăng ? Bởi vậy nên có câu : Uống nước nhớ nguồn.

Mọi chuyện gì cũng đều có nguồn cội. Ta thấy một cái cây được tốt tươi, cành trái sum sê, thì ta biết rằng đó là nhờ có tay người trồng tỉa. Ta có một cái nhà để che nắng đụng mưa cũng là nhờ bao nhiêu thợ xây cất. Vậy hễ ăn trái thì phải nhớ đến kẻ trồng cây và uống nước thì phải nghĩ đến người đào giếng !

Có một số người đã sung sướng hưởng lấy bao nhiêu đều mà họ có cần nhưng họ khó để tâm suy nghĩ đến những kẻ phải cực khổ, đổ mồ hôi, xót con

mất, vất-vả làm ra để họ dùng, để họ hưởng. Họ chẳng cho đó là một cái ơn, họ chỉ ỷ lại nơi sự giàu sang, quyền thế, lấy tiền bạc để che lấp tất cả mọi sự. Nhưng họ đã lầm, dầu cho họ là những nhà triệu-phú, có cả tiền của trên đời nầy đi nữa, nếu không người làm ruộng, gạo đâu để họ ăn ? nếu không người dệt vải, vải đâu để họ mặc ? Họ đã lầm thật, vì than ôi, họ không hiểu rằng mọi sự gì mà họ cần dùng đến cũng đều có kẻ làm ra và họ cần phải nghĩ đến chút ơn của những ai đã làm ra đó.

Cũng vậy, ngày nay ta được sống trong cảnh gia đình êm ấm, đầy đủ mọi sự, là nhờ nơi công khó nhọc của cha mẹ đã gầy dựng nên. Ta hưởng tất cả những đều ấy thì bổn phận làm con ta phải biết ơn người. Mỗi khi cầm chén cơm để ăn ta nhớ rằng đây là những giọt nước mắt của ông cha, mỗi khi mặc cái áo, ta nhớ đến sự lo lắng dành giụm của bà mẹ. Ta được vào trường để học ấy là một tương-lai đã dọn sẵn cho ta. Ta phải cần-mẫn chăm-chú, tranh đua với chúng bạn để làm vui lòng cha mẹ. Ta phải luôn luôn vâng lời chỉ dạy của cha mẹ và rán sao cho xứng đáng với công ơn sanh thành dưỡng-dục của người. Khi cha mẹ già yếu, ấy là lúc mà ta phải tỏ ra lòng hiếu thảo, ta phải ân cần phụng dưỡng sớm khuya săn-sóc, làm vui lòng thân mẫu cho đến khi chia lìa. Đó là bổn-phận mà ta phải lo tròn.

Đối với tổ-quốc, ta là một con dân, đã hưởng bao lần sung sướng, thì trong thời yên tịnh hay lúc chiến tranh, ta phải một lòng phụng sự và tuân-lệnh. Khi thái bình, được an-cư lạc-nghiệp, được chung hưởng tất cả những quyền-lợi của một người dân, để đáp lại tấm thạnh tình ấy ta phải góp sức trong sự gầy dựng quốc-gia. Không vì chút lợi riêng, mà tìm cách phỉnh-gạt hoặc phá rối sự trị an trong xứ và luôn luôn tuân theo sắc-lịnh của bề trên. Lúc nước nhà lâm vào cảnh binh đao khói lửa, ta không phép trốn tránh phận sự, chay-lì trước tiếng gọi thiêng-liêng, ta là kẻ có trọng trách dành sự thắng-lợi cho quê-hương xứ-sở, phải can đảm hành-động tùy tài và sức để giúp ích cho nước nhà ta vậy. Và như thế ta mới xứng đáng với câu : Uống nước nhớ nguồn.

Cũng như ngày xưa có một quan lớn kia rất khi thị người nông dân đồng-bái, dùng cường quyền để hà-hiếp họ. Để chỉ ông quan ấy thấy chỗ sai lầm, một hôm nhà vua mời ông đến dự tiệc. Trên bàn ăn, vua chỉ thết đãi toàn là thịt. Ông quan kia lấy làm khó chịu, không thể ăn được vì thiếu bánh mì. Và ông mới hiểu rằng đó là một bài học mà nhà vua muốn dạy mình. Từ đó ông đổi tánh lại và rất tử-tế đối với những người mà trước kia Ông coi chẳng ra gì.

Etincelles

— *La question sociale est avant tout une question d égards. (Léon Harmel)*

—*de pLa ein qu'on a n'est rien ; mais celle qu'on a faite aux autres en peche manger son pain (* laudel)

— *La main du pauvre est la banque du bon Dieu (A. Ad Petit)*

DICTÉE.

Travail manuel et travail intellectuel.

On dit travail mauuel, travail intellectuel, comme si c étaient des choses différentes, étrangères, sinon hostiles, comme s'il y avait entre l'ouvrier, l ingénieur, le savant, l'administrateur, je ne sais quel conflit. A quoi servirait le travail de la pensée s'il ne prenait dans les mains des formes tangibles, s'il ne devenait industrie, machines, pro duits fabriqués, s'il ne servait à adapter la terre aux besoins des hommes ? Et qu'auraient fait les mains, les mains débiles, infiniment moins fortes que la griffe animale, si elles n'avaient été guidées par l'esprit ?

Entre les travailleurs qui se disent manuels et ceux qui se disent intellectuels, il y a donc un indissoluble lien. Et les préjugés qui les séparent disparaitraient comme une ombre si les uns et les autres se voyaient avec leurs yeux et non avec leurs sentiments, dans les attitudes conventionnelles et fausses qu'ont imaginées les orateurs de réunion publique.

M. LABBÉ

QUESTIONS.

1 — Donnez le sens de tangibles, adapter, indissolubles, conventionnelles.

2 — Montrez la gradation dans la suite des adjectifs, de l'expression : choses différentes, étrangères, sinon hostiles.

3 — Nature et fonction des propositions de la phrase :

« Et qu'auraient fait les mains...par l'esprit » ?

VOCABULAIRE

Le mot propre.

Exercice 1.— Remplacez les points par le nom d'un outil ou d'un instrument dont se sert la personne nommée.

La . . . . . du peintre.
L' . . . . . du cordonnier.
La . . . . . du serrurier.
Le . . . . . de l'arpenteur.
La . . . . . du pêcheur.
Les. . . . . du tailleur.
La . . . . . du terrassier.
Le . . . . . du menuisier.

La . . . . . du laboureur. Le . . . . . de l'astronome.
La . . . . . du bucheron. La . . . . . du moissonneur.
La . . . . . du maçon. Le . . . . . du chasseur.
Le . . . . . du chirurgien. La . . . . . du coiffeur.

Exercice II. Ajoutez un complément convenable à chacun des noms suivants : (le salaire d'un ouvrier, les gages d'un domestique).

Le salaire les gages le traitement
Le prêt la solde les honoraires
La remise le pourboire la commission.
Le cochet les vacations les tantièmes.
La liste civile la gratification les jetons de présence.

Réponses au Questionnaire de la Dictée : La télégraphie sans fil

1 — Explications :

Signal sonore : signal qui fait du bruit, qui produit un son.

Fracas des vagues : bruit puissant, tumulte violent de la mer en furie.

Mystérieux appareil : un appareil dont on connaît mal le fonctionnement, dont on constate les effest sans pouvoir entièrement les expliquer.

Télégraphe Morse : appareil qu'inventa l'Américain Morse avec un alphabet spécial qui a reçu son nom.

2 — Aucun phare ne peut avertir le navire à cause de la brume trop épaisse. On ne peut avoir non plus recours à des signaux sonores à cause du fracas de la mer qui couvre tous les bruits.

3 — *Etymologie des mots* :

Phare : de Pharos, île où fut construit le premier phare par Ptolémée Philadelphe.

Les cinq mots qui ont une origine semblable sont :

Bougie : de la ville de Bougie où fut fabriqué primitivement ce luminaire.

Cerisier : de Césaronte, ville d'Asie Mineure d'où fut apporté cet arbre.

Cognac : de Cognac, où se fabrique cet eau-de-vie.

Voir **Etincelles**, *p. 7. La peine. . . . empêche de . . .*

Cachemire : de Cachemire, royaume des Indes où se fabriqua d'abord cette étoffe.

Epagneul : de Espagne, nom d'une race de chien venue d'Espagne.

REDACTION FRANÇAISE

Sujet : *Parmi les inventions et découvertes des cinquante dernières années, quelle est celle qui vous paraît la plus importante ? Pourquoi ?*

Développement.

Parmi les nombreuses découvertes des cinquante dernières années, deux retiennent spécialement mon admiration : L'aviation et la T. S. F. Pourtant, et malgré mon désir de profiter moi-même de la première en m'élançant un jour à travers les airs, la seconde me paraît plus importante encore à cause des services multiples qu'elle rend déjà et qu'elle rendra plus encore.

N'est-il pas indispensable, avec les facilités de voyage actuelles, que les pays soient reliés rapidement les uns aux autres par ces ondes invisibles, qui transmettent les nouvelles avec la rapidité de l'éclair, avertissent d'un danger, permettent à un bateau en péril d'être secouru, à un malade d'avoir immédiatement les soins nécessaires, à un mourant de voir accourir auprès de lui les êtres qui lui sont chers ?

Et que dire de l'utilité de la T. S. F. en temps de guerre, pour la transmission des ordres, l'information des mouvements de l'ennemi? Tout cela est peu de chose encore peut-être, à côté des applications nouvelles que l'on continuera à trouver de cette merveilleuse découverte. Qui de nous n'est déjà charmé bien souvent par des concerts qui nous arrivent, avec une pureté parfaite, à travers des milliers de kilomètres ? N'est-il pas agréable d'entendre le soir, surtout quand il fait mauvais temps, une conférence, une pièce de théâtre ou un beau morceau de musique ? Cela a peut-être l'inconvénient de nous rendre paresseux et de nous habituer à profiter des choses sans nous donner la peine d'aller les chercher, c'est vrai ; mais, c'est peu de chose, il me semble, à côté des services immenses rendus à l'humanité par la grande invention de la T. S. F.

H. V. ĐÓ. *professeur*

Sujet à proposer. — La fourmi. Sur le bord du chemin, vous avez observé une fourmilière. En passant, un cheval l'a détruite. Que font les fourmis.

Plan

I. — *La fourmilière avant l'accident.* Petit monticule de sable ; allées et venues des bestioles..... leurs occupations..

II. — *Après l'accident.* Monticule détruit. Entrée obstruée. Fourmis écrasées. Provisions dispersées.

III. — *Que font les rescapés ?* Activement, elles remettent tout en ordre.

Réflexion : Symbole du travail et de la persévérance.

Thème corrigé. — *Texte traduit en français :*

Thờ phụng tổ tiên : ***Le culte des ancêtres.***

Tous nous avons des ancêtres qui constituent le fondement de notre famille d'où étaient issus nos parents et nos grands parents. Nos ancêtres ont beaucoup peiné pour nous léguer le patrimoine dont nous jouissons. Aussi devons-nous nous souvenir de leurs bien faits et nous efforcer de nous conduire de façon à bien mériter d'eux.

Dans notre pays, on trouve dans chaque maison un autel des ancêtres. Les jours de fête et les jours anniversaires de leur mort, les enfants se réunissent au grand complet pour leur faire des offrandes en fleurs et en fruits. Chaque année, ils effectuent une visite au cimetière pour nettoyer et remettre en état les tombes de leurs ancêtres.

VERSION PHIÊN DỊCH

La puissance de la pensée : Uy-lực của tư tưởng.

Loài người trần-trụi từ buổi sơ khai ; họ có *an mệnh* trước sự rét giá không ? Không : loài người đã tư tưởng, và ngọn lửa nhờ đá để xẹt ra đặng làm cho ấm-áp. Loài người bị đói : họ có *an mệnh* trước sự thúc giục của đói không ? Không : loài người tư tưởng, và bông kê đã chín mùi dưới ánh thái-dương để nuôi-dưỡng họ. Loài người bị thương : họ có *an mệnh* để nhìn xem máu đào tuôn chảy ? Không : họ trầm-ngâm mặc-tưởng và sắt đã chữa được vết thương. Loài người vì bị không-gian của bể-cả đã giam hảm vào vòng lao-lý ; họ có *an mệnh* trước sự giam-hảm kiên-cố của tên ngục tốt gầm chuyền bên kia bờ mà ta đã cảm-giác không ? Quyết rằng không : loài người đã truy-tưởng

và thuyền hạm đã đưa người sang qua bờ bến của bên kia bán cầu. Loài người đã sinh-hoạt cô đơn trong thời gian ; họ có *an mệnh* không ? Quyết rằng không : họ nghiêng đầu để phản tĩnh và văn-tự đã tạo thành tất cả thề-hệ duy-nhứt thường-trực đàm-thoại từ thề-hệ nầy đến cuối thời hạn kia. Loài người bị giam hảm vào vòng nô-lệ của Càn-khôn và bị bóp chặt cùng khắp trong sự bực tức nặng-nề ; họ có *an mệnh* được không ? Không : loài người đã hiệu-triệu với **trí-năng** của họ và **trí-năng** ấy đã xoay chuyển giữa hai mảnh-lực đối-lập và hiện-thời nhân-sinh đã chế-ngự được tạo-hóa.

(**THU-PHONG** *hiền-hữu*)

DEVOIRS PROPOSÉS

Version.— *Les bienfaits des morts*

Les premiers hommes vivaient misérablement. Ils habitaient des cavernes. Ils se nourrissaient de chair crue. Ils étaient ignorants et barbares. Ils s'entretuaient sans pitié.

Mais depuis des milliers d'années, nos ancêtres ont beaucoup travaillé. Ils ont défriché les terrains, inventé la charrue, domestiqué les animaux, composé les livres.

Et aujourd'hui, nous avons des maisons qui nous abritent, du riz qui nous nourrit, des vêtements qui nous protègent contre le froid le plus rigoureux ; de jour en jour notre intelligence se développe et notre cœur devient meilleur.

Soyons donc reconnaissants envers nos ancêtres. Respectons-les. Et pour nous acquitter de notre dette, travaillons pour nos descendants comme nos ascendants ont travaillé pour nous.

Thème.— *Không nên khinh những nghề lao-lực.*

Nhân dịp Tết cậu Trác được nghỉ, về nhà chơi. Cậu thấy anh đang chân đạp máy cửi, tay đưa thoi, ra dáng vất-vả, thì cậu phàn-nàn với mẹ rằng : « Con trông thấy anh con làm ăn mà thương. Con chẳng làm nghề ấy ! Con cố học để ngày sau được làm quan, hiển vinh sung-sướng. Bà mẹ cười mà đáp rằng : « Con cố chí học-hành để mai sau làm quan, mẹ cũng mừng. Nhưng con đừng vội khinh cái nghề của anh con. Anh con có dệt vải, thì bây giờ con mới có quần áo mặc mà đi học, ngày sau con mới có quần áo mặc mà ngồi ở công-đường. Không cứ gì một nghề dệt vải, mà tất cả bao nhiêu nghề khác làm bằng

chân tay, đều là những nghề có ích cả, ta đều phải kính trọng cả mới phải. Con chớ nên cậy có chút học-thức mà khinh những người làm ăn vất-vả ».

(*Concours d'Admisson en 6e moderne* Lycée P. Ky)

ĐỊA-LÝ-HỌC TỔNG-QUÁT

Của ĐOÀN-PHÔ-VĨNH

Chương II

ĐỊA CẦU VẬN ĐỘNG XOAY VẦN THEO NÓ

Phần thời khắc

Địa cầu vận động vần theo nó đem lại những qui kết như : *sự nối tiếp ngày và đêm, những thời khắc khác nhau*, và *những nhật ký* mà ta được biết *trong một lúc* thuộc về vị trí bất đồng trên Trái đất.

I.— Địa cầu xoay quanh theo nó trong thời hạn 1 ngày hay 24 giờ.

Một ngày Địa cầu xoay một vòng với một khoảng thời gian gọi là « **ngày** ». Muốn cho tiện việc, người ta chia ra 24 phần đồng nhau gọi là « **giờ** »; mỗi giờ phân ra 60 phút; mỗi phút phân ra 60 giây và mỗi giây phân ra 60 giây phần thứ ba.

Nhưng ở nhiều địa điểm trên Địa cầu thì tốc độ của Trái Đất lại khác nhau.

Như địa điểm ở xích đạo, Địa cầu xoay vần theo nó trong thời hạn là 24 giờ, một vòng 40.000 kí-lo-mét (mỗi giờ xoay 1.660 ki-lo-mét; mỗi phút 28 cây số ngàn)

Còn như ở *Bắc cực* và *Nam cực* Địa cầu xoay chung quanh với thời hạn là một ngày; ở *Bá-Lê* độ dài của vòng quang thế giới có 28.000 ki lo mét, Địa cầu xoay quang mình nó với tốc độ 1:160 kilo-mét một giờ, tính ra 19 cây số ngàn trong mỗi phút.

Vậy thời Địa cầu xoay quanh theo nó gọi là « *toàn chuyển vận động* » (1)

(1) Mouvement de rotation.

II.— Qui kết của sự toàn chuyển vận động. Ngày và đêm liền tiếp, đêm và ngày nối liền

Muốn hiểu cái hiện-tượng ngày và đêm ta cứ lấy trái « banh long » để trước một cái đèn và ta thấy đèn chỉ *chiếu sáng* có *phân nửa* trái « *banh long* » mà thôi. Phần sáng là phần ở trước đèn, còn phần bên kia thì tối.

Mặt trời đem sức nóng và ánh sáng không cùng khắp trên mặt Địa cầu, mà chỉ có *phân nửa Địa cầu*. Phía sáng là phía mặt trời. phía tối là phía sau lưng.

Như ta đã biết thì *vị trí nào ở trên mặt Địa cầu cũng được sức nóng và ánh sáng mặt trời. Đó là do Địa cầu xoay quanh mình nó.*

Mỗi vị-trí trên hoàn cầu cũng được luân-phiên để hứng sức nóng và ánh sáng rồi xoay qua vị trí khác chưa được chiếu sáng. *Cứ như thế ngày và đêm kế tiếp, đêm và ngày nối liền.* Người ta gọi là sự « *liên tục đúng đắn ngày và đêm* »

III.— Địa cầu xoay từ Tây sang Đông mà ta « tưởng » mặt trời mọc ở hướng Đông rồi lặn ở hướng Tây.

Mỗi khi ta muốn xoay mình thì có hai cách hoặc từ hữu sang tả hay là từ tả sang hữu.

Địa cầu xoay quanh theo nó *từ hướng Tây sang hướng Đông* nghĩa là từ *Á châu* đến *Âu châu.*

Nhưng một điều kỳ lạ là người *không thấy Địa cầu xoay*, tưởng rằng Mặt trời « *hình như* » xoay động với *chiều hướng nghịch* lại sự vận hành của Địa cầu nghĩa là *mặt trời xoay từ Đông sang Tây.*

Ta nên hiểu rằng về sự « *Thực tiễn mặt trời bất động* » (pratiquement immobile) (Baron).

Ta thử lấy một ví dụ để hiểu cái hiện tượng mặt trời *xoay động với chiều hướng nghịch* lại là sự vận hành của Địa cầu. Mặt trời « *hình như* » *mọc ở hướng Đông và lặn ở hướng Tây.*

Hiện tượng ấy không khác nào người bộ hành, khi đi trên một chuyến xe lửa *đương chạy tưởng rằng xe mình ngừng*, khi gặp một *chuyến xe khác đương ngừng* và bộ hành tưởng rằng xe nầy chạy ngược chiều lại. Ta đi xe lửa *Sàigòn-Mỹtho* đến *Tân an* thì ta có cảm giác rằng xe lửa *đậu* ga *Tân an* để tránh lại chạy nghịch chiều với xe mình. Nhưng *thật sự* chuyến xe ấy *phải đậu tại đó*.

Một cái ví dụ khác để hiểu thêm. Ví như ba thôn lạc A B C. Khi mặt trời lên thì *A* đầu tiên là ở hướng Đông của *B* còn C thì ở hướng Tây của *B*. *Dân ở thôn lạc B có cảm giác rằng Mặt trời mọc ở hướng Đông và chiều lặn ở hướng tây.*

Bởi vì Địa cầu xoay từ Tây sang Đông mà mặt Trời làm cho ta có «cảm tưởng» rằng mọc ở hướng Đông rồi lặn ở hướng Tây (Tà tà bóng ngả về tây)

Tây C B ✲ A **Đông**

Thôn lạc A B C (Dân ở thôn lạc **B** có cảm tưởng mặt trời mọc ở hướng Đông lặn ở hướng Tây)

Phân nửa của Địa cầu được mặt trời *chiếu sáng* còn phân nửa ở lại trong *tình trạng tối tâm*. Cuộc *toàn chuyển vận động* của Địa-cầu đem lại một *trọng đại chủ yếu* là có sự **tuần hoàn ngày và đêm**. Mỗi địa điểm trên Địa cầu lần lược đi qua từ *chỗ phần có chiếu sáng* đến phần *không chiếu sáng*. Như ở *Á châu* **sáng** thì Âu châu **tối** hay là trái ngược lại.

Cuộc tuần hoàn ngày và đêm có những *qui kết chủ yếu* là vạn vật sống trên Địa cầu phải làm cho cuộc *sinh tồn* được *phù hợp* với ngày và đêm. *Ban ngày thì người làm việc, ban đêm thì phải ngủ* Ban ngày thì sinh hoạt của vạn vật lại tuyệt đối **khác hẳn** với sinh-hoạt trong lúc ban đêm-

(Kỳ sau IV.— **Phần thời khắc)**
(Fuseaux horaires)

Xin sửa chỗ sai : *(C. H. số 24, trang 13)*
Diện tích của Địa cầu 510 **triệu** kilomètres vuông.

Trả lời những câu hỏi trong bài ám tả trang 10 số 25.

Câu hỏi : Theo ông Phan-Khôi thì vì sao người mình thiếu khí tiết ?

2 — Phân tách và giải nghĩa những chữ sau đây :

Khí-tiết — tự trọng — tư kỷ — tư cách.

3 — Hãy tìm và giải nghĩa những chữ đôi làm ra những chữ Xã như « xã hội ».

Bài làm

Sở dĩ người mình thiếu khí-tiết là do ở hoàn cảnh xã hội và phương diện di truyền. Từ khi còn trong bụng mẹ đã bị ảnh hưởng cái tư tưởng buồn nhiều hơn là vui, sợ-sệt hơn là hiên ngang. Từ khi lọt lòng mẹ và lần lần lớn lên trong cái không khí nghèo nàn, sợ hải kém thông minh. Đứa trẻ nhút nhát sợ ánh sáng, chỉ muốn sống chui sống lủi... Một tiếng động mạnh cũng làm cho hốt-hoảng, trái tim đập mạnh.

Sau chót là do cái hoàn-cảnh lịch-sử. *Chánh trị*, Xã hội đã đào luyện con người thành kẻ nô-lệ (vật chất cũng như tinh thần) và cúi đầu chịu đựng những điều đau khổ oán hờn ! Sự áp bức nghiễm-nhiên ngự trị dài trong một thế kỷ.

Với tất cả những nguyên nhân sơ lược nói trên đây đã là một động lực làm cho con người không có khí tiết. Người có khí tiết là người bao giờ cũng được kính trọng, được kiêng nể. Người có khí-tiết thường rất dễ thành công trên đường đời.

2o) — *Khí tiết* : nghĩa đen — máu nóng của trái tim. Nghĩa bóng — lòng quật cường, lòng cao thượng :

TỰ TRỌNG — tự mình trọng lấy mình, giống chữ tự ái là tự mình yêu lấy mình.

TƯ KỶ — lòng riêng của mình. TƯ CÁCH — cách-thức riêng của mỗi người, của mỗi cá nhân.

— 3 — (XÁ DẤU NGÃ ~)

A — **Xã hội :** Nhiều người họp lại thành đoàn thể. Nhiều đoàn thể họp lại thành Xã-hội (société).

B — *Xã-tắc* : Ngày xưa lập quốc phải chú trọng đến nhân dân. Dân muốn có nhà ở thì lập nên nền Xã để tế thần hậu-thổ. Dân muốn có gạo ăn thì lập nền TẮC để cúng thần-Nông. Xã-tắc cũng có nghĩa là Quốc-Gia.

C — *Xã-giao* : Những việc giao-tế trong Xã-hội, việc giao-dịch về cuộc sống chung relation mondaine).

D — *Xã-luận* : Luận về Xã hội, cùng nghĩa với Xã-thuyết.

E — *Xã trưởng* : Thủ lãnh của đoàn thể. Thủ lãnh một Xã, một thôn.

TRÚC-KHANH

TÁC VĂN

Nói về sự ích-lợi của sự đọc tiểu-thuyết. Đọc tiểu-thuyết có phải là hoàn hay hết cả không ? Đọc tiểu-thuyết thế nào là đỡ ?

Ai mà chẳng có những gì buồn tẻ và chán-nản mà cuộc đời dường như cay đắng và bất-công làm sao, buộc miệng tôi than lên rằng: « *Không biết trời sanh ta ra chi để phải bị sầu khổ* ». Nhưng sự buồn chán chỉ thoáng qua để rồi nhường chỗ lại cho sự hoạt-động của thời thanh-xuân. Vì vậy, trong trường hợp đó, tôi đi tìm những cuốn tiểu-thuyết tình, trinh thám, phiêu-lưu, hoặc phóng sự, -v..v.. để đọc. Đọc chi vậy ? Đọc để hiểu cuộc đời. Chẳng những để hiểu mà còn hấp-thụ luôn lối văn êm tai và đầy ý-nghĩa ấy, hoặc mạnh bạo như thúc giục lòng can đảm, hăn hái chí con người, hoặc dịu dàng như cành liễu, hoặc ngây-thơ như cô gái đương xuân hay vui-vẻ như đứa trẻ vô tư lự, hoặc đầy đầy sự phóng-túng, sự lẳng-mạng của kẻ phiêu-linh, sự mâu-thuẫn của cuộc đời trong kiếp người mà thời-gian không quá ba vạn sáu ngàn ngày, nỗi đắng cay của người góa phụ, bao đoạn trường, lắm éo le của cô dâu, nỗi khắc nghiệt, bao niềm sầu khổ của người cô-độc quạnh-hiu ! Ai mà không rạo-rực trong lòng khi ngâm lên những câu thấm thía, não-nuột như : « Mơ xa rồi mơ gần, đời ai kẻ tri-âm ». Lại cay đắng, sầu khổ hơn nữa là :

« Tôi thi-sĩ nghèo, bữa đói bữa no, mẹ đau không thuốc uống và người chết khi chưa kịp bạc đầu ».

Đọc tiểu-thuyết rất có ích. Chỉ vài ví-dụ trên, nó giúp cho chúng ta thấy đời éo-le của con người, khi bị vận suy thời người năm mươi tuổi cũng hoá

ra thằng, mà đặng thời thì người hai mươi tuổi cũng hoá ra ông, hoặc lúc mạnh giỏi làm ăn đặng, ai cũng khoe rằng mình tốt, tử-tế, nào nhân-nghĩa đạo lý, nhưng đến khi sa sút lâm nghèo, mang bịnh-hoạn nặng, chẳng có bao giờ ai ngó ngàng đến !

Tóm lại nó giúp chúng ta thấy rõ sự mâu-thuẫn của xã-hội hiện-tại, sự phân giai-cấp của nhiều hạng người từ địa-vị cao sang đến địa-vị thấp hèn và sự xung-đột trong gia-đình rào nền luân-lý xưa và nay, nào duy-tâm chọi với duy-vật, sử-quan duy-vật biện-chứng-pháp, v...v..

Nhưng không phải tất cả tiểu-thuyết đều hay và nên đọc đâu ! Vì lẽ, nhiều cuốn quá lãng mạn, chỉ phô-trương lên trên mặt giấy những giòng chữ khen tặng hoặc ca-tụng sắc dục một cách vụng-về, thô-lỗ để khêu gợi lòng dâm-dục của hạng người thấp thỏi. Vì vậy, những cuốn tiểu-thuyết quá lãng-mạn phóng túng thường là dở vì nó gieo rắc vào đầu óc sự tồi phong bại tục rất có hại cho thanh-niên phụ-nữ.

Lại có cách dở khác nữa, khi một cuốn tiểu-thuyết từ đầu đến kết cuộc chỉ là một nét vẽ lại cảnh khổ của hạng người nào với lối văn thô-lỗ, tục tiểu làm độc-giả phải rùn mình nghê-tởm mà kết cuộc vấn-đề vẫn còn y-nguyên hoặc bằng một cái chết vu-vơ để kết cuộc câu chuyện.

Đó là loại tiểu-thuyết dở, vô ích mà tác-giả nó là trí-thức ký sanh-trùng vậy.

VĂN-THẤM

Bài kỳ tới.— *Một người bạn viết thơ mượn trò một ít sách xem. Trò viết thơ trả lời, báo tin gởi sách và nói rõ ngnyên nhơn tại sao chọn những sách ấy mà gởi.*

(*Examen de passsage en 3e année*)

Hãy đọc và cổ-động CẦN-HỌC *cho nhiều độc-giả*

Muốn lo tương-lai cho con em, xin các Phụ-huynh Học-sinh nên mua Cần Học ngay từ đây, hoặc mua lẻ, hoặc mua dài hạn, để đủ bộ, đủ bài học.

Mua dài hạn thì có lợi hơn nhiều : giá tiền ít hơn mua lẻ. Ở Saigon-Cholon-Giadinh có người đem Cần Học đến nhà, ở xa nhờ Sở Bưu-điện giao đến. Nếu có lạc mất số nào, xin cho Tòa-soạn hay thì sẽ gởi đến để đủ bộ.

CỒ THI BÌNH CHÚ

Cảm Hứng

Non sông nào phải lúc bình thời
Thù đánh nhau chi khéo nực cười.
Cá vực, chim rừng, ai khiến đuổi ? (1)
Núi xương, sông huyết, thảm đầy nơi.
Ngựa phi chắc có hồi quay cồ (2)
Thú dữ nên phòng lúc cắn người (3)
Ngán ngẩm việc đời chi nói nữa.
Bên đầm say hát nhởn nhơ chơi.

Nguyễn-Bỉnh-Khiêm

Tiểu dẫn và tiểu sử

Cụ Nguyễn-Bỉnh-Khiêm biệt hiệu là Bạch-Vân Cư-sĩ, thường gọi nôm na là Trạng Trình, người làng Trung Am, huyện Vĩnh lại, tỉnh Hải-Dương, sinh năm Tân-Hợi, thuộc triều Hồng Đức vua Lê thánh Tôn (1491)

Lúc còn trẻ tuổi mà học rất giỏi, tiếng ông vang lừng, khắp nước ; nhân trong lúc rối loạn, Cụ không muốn ra đời, đi ẩn một nơi mà làm văn, làm thơ, nghiên cứu về số Thái-Ất. Mãi sau khi nhà Mạc cầm quyền, theo lời khuyên của anh em, ông mới đi thi đậu Trạng Nguyên năm Đại Chính thứ 6 đời Mạc Đăng Dung (1535). Lúc ấy Cụ được 44 tuổi.

Cụ làm Đông Các đại học sĩ, làm quan 8 năm mới về quê làm Chí sĩ, lập ra Bạch-Vân-Am để ở và ngâm vịnh.

Dẫu đã về hưu, vua nhà Mạc vẫn kính trọng Cụ lắm, thường mỗi khi có việc gì thì hỏi đến Cụ. Vì thế Cụ được phong làm Trình Quốc-Công. Cụ mất ngày 28 tháng một năm Ất-dậu (1586) thọ được 95 tuổi.

Cụ làm ra bài thơ Cảm Hứng này vào năm Quang Thiệu (1516—15, 2) đời vua Lê Chiêu Tôn, có việc biến loạn, một bên là Trịnh Tuy, một bên là Mạc Đăng Dung muốn tranh quyền nhiếp chính, đánh nhau mấy năm.

Khi Cụ ở ẩn một chỗ, tính số Thái Ất mà đoán được nhà Lê sẽ khôi-phục lại được cơ đồ, nên Cụ mới làm bài thơ này.

Chú

(1) Điển trong sách Mạnh-Tử : Con Rái cá đuổi cá xuống vực, con Cắt đuổi chim vô rừng, nghĩa bóng là trong lúc loạn lạc, giặc giã nổi lên tranh cướp nhau, tàn hại nhân dân cũng như con rái bắt cá, con cắt đuổi chim.

(2) Ý nói nhà Lê sẽ có ngày thu phục được cơ-đồ.

(3) Ý nói : Nhà Trịnh tiếm quyền Vua.

Bình

Thơ là một phương tiện để tải nỗi lòng u-uất, buồn hoặc vui của người làm ra nó ; đọc thơ người ta có thể đoán được người, Cụ Nguyễn-Bỉnh-Khiêm là một nhà Nho khí phách tài hoa, Cụ làm thơ nôm rất hay, tứ thơ hàm súc, ngụ ý bất bình của một lớp nhà Nho uyên-bác,

Thoạt vào câu đầu, Cụ đã phải thở dài chua chát :

Non sông nào phải buổi bình thời
Thủ đánh nhau chi khéo nực cười.

Ừ, đánh nhau làm gì để mua cười cho hậu thế.

Cá vực, chim rừng, ai khiến đuổi?
Núi xương, sông huyết thảm đầy nơi.

Hai câu này vừa là đối, vừa là giải nghĩa cho hai câu trên. Thật cái cảnh loạn lạc bao giờ cũng thê thảm, tàn khốc, loạn ly để mà nơi nơi đều nghe tiếng thảm thương, xương chất thành núi, máu đổ đầy sông, thật là đau khổ.

Ngựa phi chắc có hồi quay cổ.
Thú dữ nên phòng lúc cắn người !

Cụ Trạng Trình tin chắc chắn rằng : Loài ngựa kia dù là phi nhanh và xa bao nhiêu nữa, cũng phải có hồi quay cổ lại.

Để đến hai câu kết, thật là đủ ý nghĩa :

Ngán ngẩm việc đời chi nói nữa ?
Bên đầm say hát nhởn nhơ chơi...

Việc đời đã diễn ra như vậy thì thôi « còn nói làm chi nữa ? » sao bằng cứ uống rượu làm thơ nhởn nhơ mà ca mà hát. Chuyện đời đã xui ra thì thôi Chí-sĩ nghiền-ngẫm về cuộc đời, chứ không thể làm hơn được vì Cụ là người Nho-sĩ khí-phách đâu có bằng lòng kiếp luồn cúi, để cầu lấy danh vọng. Bên tai Cụ còn văng vẳng lời khuyên con của Cụ Nguyễn-Phi-Khanh khuyên Nguyễn Trãi :

Kiếp luồn cúi đỉnh chung cũng nhục.
Thân tự do chen chúc mà vinh.

TRÚC-KHANH

DICTÉE.— *Souvenirs d'enfance*

En ce temps là, deux dames habitaient la même maison que nous, deux dames vêtues, l'une tout de blanc, l'autre tout de noir. Ma mère fort occupée, et qui n'aimait pas à voisiner, n'allait guère chez elles. Mais j'*y* allais, souvent *moi*, surtout à l'heure du goûter, parce que la dame en noir me donnait des gâteaux. Donc, je faisais seule mes visites. Il fallait traverser la cour. Ma mère *me* surveillait de sa fenêtre et frappait sur les vitres, quand je n'oubliais trop longtemps à contempler le cocher qui pansait ses chevaux. C'était tout un travail de monter l'escalier à rampe de fer, dont les hauts degrés n'avaient points été faits pour mes petites jambes. J'étais bien payé de ma peine, dès que j'entrais dans la chambre des dames, car il y avait là mille choses qui me plongeaient dans l'extase.

Anatole France

Questions

I) Est-il naturel de contempler un cocher ?
Quels sentiments éprouve l'enfant ?
Quels mots dans la dictée expriment encore ce même sentiment
II) Quelle est la nature et la fonction des mots en italique.
III) Quels mots de la dictée vous permettent de deviner l'âge et le caractère de cet enfant.
IV) Analyse logique de la phrase. Ma mère me surveillait.

Réponses au questionnaire de la dictée

Chicago

1) *Explications* :

Trottoirs bitumés : Trottoirs recouverts par une substance inflammable. Cette substance est généralement liquide et jaunâtre.

Incohèrence : Manque de liaison.

Buildings: Mot d'origine anglaise : des constructions et maisons

Cintrés : (du latin cintura : ceinture). En forme de courbure concave en demi-cercle.

Antres primitifs : des refuges, des cavernes de l'ancien temps.

2) *Analyse grammaticale* :

moment : nom com. masc. singulier complément circonstanciel de temps de avez.

autres : nom commun masc. pluriel compl. déterminatifs de physionomies

vitres : nom com. féminin pluriel complément circontanciel de lieu de frémir.

Erratum : nº 23, p. 13, 5e ligne : on lève les yeux.

3) *Analyse logique :*

PROPOSITIONS	NATURE	FONCTION
° Quand vous avez vu...haut de cette tour	sub. conj. par quand	Compl. circ. de temps de descendez
° Qui le surplombe	sub. relative par qui	Compl. de volcans
° Vous descendez pour regarder de près le détail de ce jaillissement, de ce ruissellement d'activité	Principale	

Composition française

« Il faut laisser à ses enfants, disait Platon, non beaucoup d'or, mais beaucoup d'honneur ».

Expliquez cette pensée en montrant qu'un nom honoré, ou tout au moins sans tache est plus préférable que beaucoup de richesses.

PLAN

I.— L'honneur { a. et l'homme / b. impose le respect / c. supérieur à l'or

2.— L'honneur et la société { a. autorité sur l'entourage / b. fait aimer à la société / c. rehausse l'homme.

II.— L'or 1. { a. baisse l'homme / b. cause de tous les maux : avarice, cupidité, meurtre / c, s'achète.

2. — Démonstration par l Histoire :

III.— Dénouement : { a. Avantage de l'Honneur / b. Désavantage de l'Or.

DÉVELOPPEMENT

L'Or et l'honneur sont les appâts magiques qui, de tous les temps, entraînent tant d'hommes, les stimulants puissants qui en-

flamment tant de cœurs des plus ardentes passions. L'homme rêve l'or, pense à l'honneur ; toute sa vie se résume en ces mots, capables de le pousser au paroxysme de l'activité. L'homme éprouve toujours une soif sans borne de l'honneur comme il a une fièvre de l'or s'aggravant de jour en jour.

L'homme court après les richesses comme un fauve après sa proie. Est-ce, hélas, le but de sa vie ? Il espère bâtir son bonheur sur l'or. L'or, l'arme invincible. L'homme se rend fort, muni de cette redoutable arme; il remue ciel et terre : tout tremble sous la puissance de l'or, tout lui est soumis ; l'or est le puissant dompteur des hommes, et il a réussi dans son conquête de l'univers. Enfin les hommes sont dominés, l'or gouverne en maître le monde. Aussi, voit-on nombre de gens se vouer au service du Métal, de parents léguer à leurs enfants richesses sur richesses, pensant toutefois que le bonheur de ces derniers est assuré : l'or est là !

Non, les parents se sont trompés. Leur réputation du passé, l'honneur de leur famille sont pour leurs enfants un heureux héritage qui eût mérité de l'être. Si l'on leur épargne une vie de misère, la réputation du passé de leurs parents leur assure une vie digne de l'estime de la société. Les enfants sensés ne demandent pas mieux. En vérité, l'or leur est nécessaire, mais l'honneur leur est indispensable. La privation des richesses leur fait souffrir mais ils souffrent davantage de vivre sous un nom taché. Décidément, ils ne pourront pas souffrir que leur nom, leur héritage même, soit souillé par quelques méfaits du passé de leur famille.

Il n'est pas étonnant, ainsi, de voir nombre de ces gens fastueux couvrir par un faux, leur propre nom. Les enfants héritent non l'or de leur parents, mais leur réputation. Ils pourraient se passer des richesses de leurs parents ; à la longue, par un travail assidu, ils arriveraient à s'en procurer. Mais, où pourraient-ils trouver un nom seulement qui sache imposer le respect à quiconque en parle ? Le titre se vend, le rang s'achète mais l'honneur sans prix ; ils le doivent à leurs parents.

Plus l'honneur rehausse l'homme, plus l'or le rabaisse.

Si seulement, l'homme, toute sa vie, ne vise qu'à ce but, ne se tend que vers cet idéal : l'honneur, l'humanité ne tardera pas à détruire l'arme puissante, l'or qui est la cause de tous les vices humains : cupidité, meurtre...

Pour l'or, on se tue : (homo homini lupus) combien de gens qui savent aimer l'honneur, le garder sans tache au prix de mille sacrifices : Bien peu, hélas ! L'or a fait son œuvre.

Si seulement on sait la valeur de l'honneur, d un nom sans tache ! L'honneur crée des héros : l'histoire nous a appris tant d'exemples d'héroïsme, tant d'actes de courage des précurseurs.

Vercingétorix, ce jeune chef Gaulois finit tristement et héroïquement sa vie dans la prison pour avoir voulu laver la honte de son peuple. Il a versé son sang pour essuyer l'insulte du conquérant faite à sa patrie. Bonaparte brava mille périls à la conquête de la gloire militaire. Tant d'exemples ne suffisent-ils pas pour prouver le prix de l'honneur ? Tous ceux qui ont su passer leur vie au service de l'honneur méritent qu'on en garde la mémoire. Les parents feront bien de légner à leurs enfants un nom sans tache, c'est là l'honneur de leur famille — " mieux vaut l'honneur que l'or " " Contentement passe richesse ", dit un proverbe.

C'est là, certes, un précieux héritage qu'ils pourront leur offrir, e plus bel héritage entre tous %

Sujet à proposer

Le joie est un devoir, dit un moraliste anglais..., la mélancolie, l'abattement et la tristesse sont coupables et pernicieux. L'homme joyeux est sussi l'homme actif et utile; son âme n'est point rabougrié let racornie.

Plan proposé

I.— La joie est un devoir
- a) Nécessité de la joie
- b) La joie est le stimulant pour le travail
- c) Influence sur l'entourage

II.— La mélancolie, l'abattement, la tristesse
- a) C'est le contraste, omission dans le travail
- b) Manque au devoir
- c) Mauvaise influence sur l'entourage

III.— Culpabilité et danger
- a) L'âme rabougrie et racornie
- b) Pessimisme et conséquences néfaste
- c) L'avenir assombri.

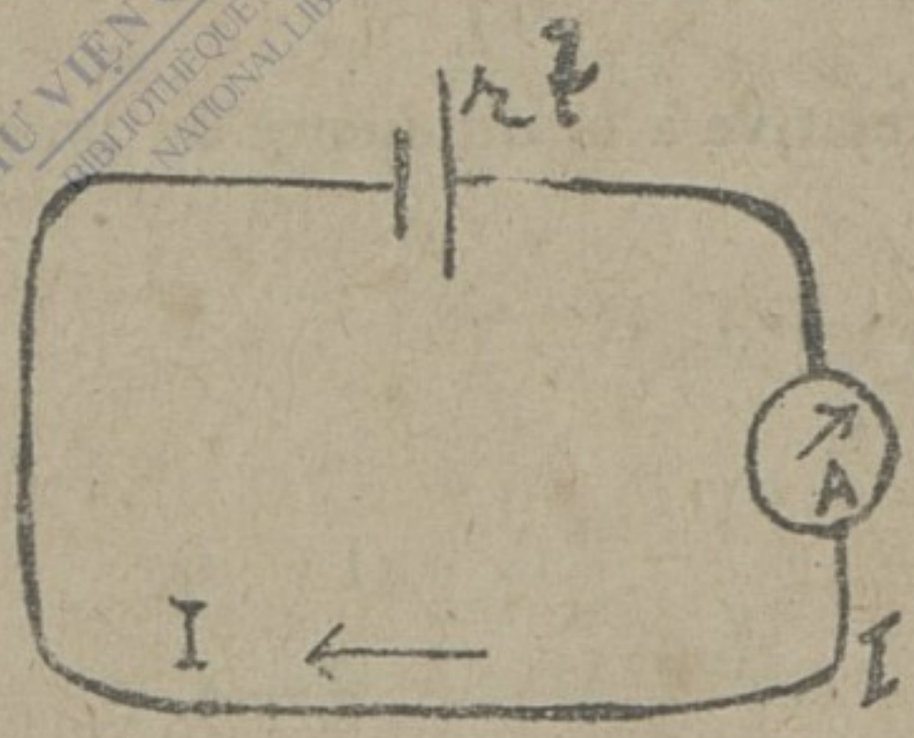
IV.— L'homme actif joyeux : utile
- a) Joie au travail à son entourage
- b) Travail fructueux
- c) Service à la société.

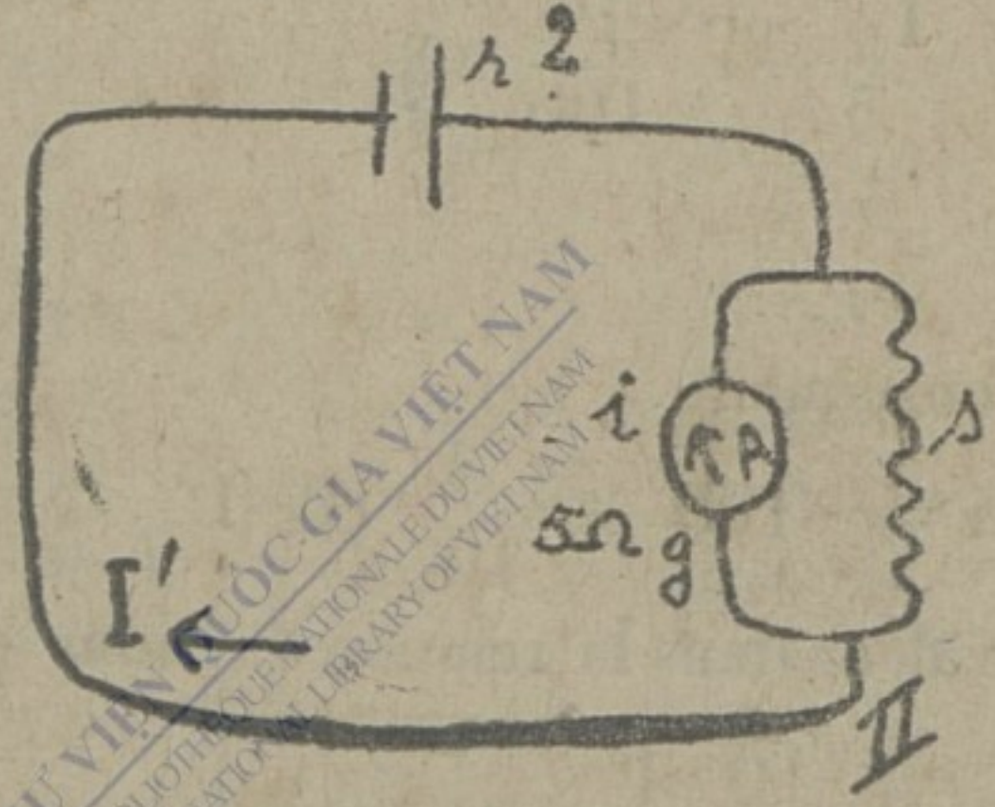
Physique

On réunit les 2 pôles d'un générateur par un circuit de résistance extérieure négligeable. Un ampèremètre de résistance 5 ohms est placé dans le circuit. L'aiguille se déplace de 30 divisions. Si on shunte l'ampèremètre à l'aide d'un fil de résistance $s = \frac{5}{99}$, la déviation de l'aiguille sera de 3 divisions.

Calculez la résistance intérieure du générateur ?

Solution





Désignons par E la force électromotrice du générateur, r sa résistance intérieure, I l'intensité du courant dans le circuit principal (fig. 1), nous avons avant de shunter l'ampèremètre :

$$E = I(5 + R) \quad (1)$$

En ajoutant le shunt, la résistance équivalente R' du shunt et de l'ampèremètre sera donnée par la formule :

$$\frac{1}{R'} = \frac{1}{g} + \frac{1}{s} = \frac{1}{5} + \frac{1}{\frac{5}{99}} = \frac{1}{5} + \frac{99}{5}$$

$$\text{d'où} \quad R' = \frac{1}{20} \text{ ohm}$$

Soit I' la nouvelle intensité du courant dans le circuit principal, nous avons :

$$E = I'(R' + r) = I'\left(\frac{1}{20} + r\right) \quad (2)$$

Les 2 relations (1) et (2) nous donnent :

$$I(5 + r) = I'\left(\frac{1}{20} + r\right) \quad (3)$$

Soit i l'intensité qui passe dans l'ampèremètre dans le 2è cas et comme l'aiguille dévie respectivement de 30 et de 3 divisions, nous avons : $i = \frac{I}{10}$

Le shunt a une résistance $S = \frac{1}{99}\ g$

D'autre part la formule relative à la différence de potentiel nous permet d'écrire :

$$ig = I'\ R'$$

D'où :

$$i = \frac{I'\ R'}{g} = \frac{I'\ gs}{g(g+s)} = \frac{I'\ s}{g+s}$$

De là, nous avons aussi, en remplaçant g et s par leur valeur :

$$i = \frac{I'}{1 + \frac{g}{s}} = \frac{I'}{1 + \frac{5}{\frac{5}{99}}} = \frac{I'}{100}$$

Par conséquent :

$$I' = 100\ i = 100 \times \frac{1}{10}\ 10\ I$$

Remplaçons I' par sa valeur dans la relation (3) nous obtenons :

$$I(5 + r) = 10\ I\left(\frac{s}{20} + r\right)$$

$$5 + r = \frac{1}{2} + 10\ r$$

$$9\ r = \frac{9}{2}$$

Et $\boxed{r = 0,5 \text{ ohm}}$

T.N.T.

BAN TÚ - TÀI

Dissertation littéraire

Le père de Corneille, malgré le succès obtenu par son fils, Pierre, ne le voyait pas sans inquiétude quitter le barreau pour le théâtre: la famille était nombreuse et pauvre ; la profession de bel esprit rapportait peu. Vous supposerez la lettre écrite par Pierre Corneille à son père ; le lendemain du jour où *Le Cid* avait été joué au théâtre du Marais (fin de Décembre 1636), émotions de l'auteur avant la représentation, récit de cette représentation, résolution que prend le jeune homme, ses projets

Bacc. Beyrouth, 1932

Développement

Paris, Décembre 1636

Cher père,

Je suis au comble de la joie en vous annonçant le succès sans pareil que j'ai glané hier au théâtre du Marais lors de la première représentation de « *Le Cid* ». Le public en est heureux si bien qu'après le dernier acte un proverbe a pris cours :

« beau comme le Cid ».

Cette pièce, je l'ai écrite minutieusement depuis quelques mois après la lecture approfondie des «*Enfances du Cid*» par Guilhem de Castro sur le conseil de Monsieur de Châlon, ancien secrétaire des commandements de la reine-mère. Cependant le drame espagnol était une pièce à spectacle, surchargée d'épisodes et de personnages, et dont la première scène comprenait trois journées. Elle embrassait un espace de six ans et une grande diversité de lieux. Ma pièce au contraire, est celle d'analyse morale : l'action y est menée par le jeu des caractères et c'est dans les âmes que se passent les principales péripéties.

Pourtant, j'hésite toujours. J'ai lu ma pièce et je la fais lire par plusieurs de mes amis. Tous m'ont félicité. Enfin je l'ai montée sur la scène. Comme ma pièce n'est pas une pure tragédie, je l'ai annoncée, après mûre réflexion, sur les affiches, tragi-comédie.

Donc, hier soir, mon rêve est réalisé. Les billets sont épuisés dès la veille. Le Tout-Paris élégant et noble afflue au théâtre du Marais. Des messieurs bien vêtus côtoient avec des femmes en tenue de soirée. Tout rit, tout brille. L'or, le diamant rayonnent, le parfum se propage et la joie est partout.

Le rideau se lève. Les spectateurs cessent leur bavardage et leur chuchotement. Ils retiennent leur haleine pour mieux voir et mieux écouter les acteurs. Ma pièce commence.

An lieu des trois journées et des quinze tableaux du poème espagnol, le mien se déroule en cinq actes et dans une période de vingt quatre heures. J'ai suivi strictement les règles d'Aristote concernant les unités. La scène comporte des décors suivants :

1.) La salle du Conseil et l'appartement de l'Infante dans le palais du roi.

2.) La maison de Chimène

3.) La place publique.

Je n'ai prêté que l'histoire dans le poème de don Guilhem de Castro. Mais le romanesque espagnol est assagi. Plus de poignets tordus, plus de doigt mordu, de joue teinte de sang de l'offenseur. Plus de bannissement de Rodrigue et de sa rencontre avec le lépreux. Plus de duel de don Gormas et de Rodrigue, et celui de don Sanche et de Rodrigue. Plus de bataille contre les Maures sur la scène. Tous ces artifices ont été ou bien éléminés, ou bien passés dans la coulisse. Cependant, j'ai gardé les scènes les plus caractéristiques. Le public écoute les acteurs la bouche-bée dans la querelle entre don Diègue et le Comte. Il se désole, puis se raffermit avec les hésitations de Rodrigue. A l'entrevue des deux amants, il est entraîné par leur conversation remplie de beaux sentiments.

Toute la pièce est jetée de péripétie en péripétie par de brusques appels et de soudaines résolutions. Les jeunes spectateurs sont ravis de Rodrigue qui suit son devoir sans rien relâcher de sa passion. De même, ils admirent Chimène, éplorée et frémissante, qui se jette aux pieds du roi don Fernand pour lui demander justice (Acte II, scène VIII) :

Il est juste, grand roi, qu'un meurtrier périsse

A l'acte III, scène IV, on est transporté dans une forte émotion quand Rodrigue se rend chez Chimène, lui offre sa tête, pour qu'elle puisse, elle-même venger son père. On applaudit vivement le refus de Chimène :

Si tu m'offres ta tête, est-ce à moi de la prendre ?
Je la dois attaquer, mais tu la dois défendre.

Mes acteurs rendent bien mes pensées. Surtout celui qui joue Rodrigue et celle qui joue Chimène, sont dignes l'un de l'autre. Les spectateurs les aiment, les passionnent, les applaudissent sans interruption.

Cette vie dramatique tient pour une part à mon style. De vives répliques se heurtent comme des lames d'épées. Les plaintes, l'abattement, la douleur, le courage qui sont l'image même de la vie, ont été traduits admirablemeut par des vers frappés en médaille.

La fin de la pièce est heureuse. Le roi dit affectueusement à Chimène :

Prends un an, si tu veux, pour essuyer tes larmes

et à Rodrigue.

Espère en ton courage, espère en la promesse.
Laisse faire le temps, la vaillance et ton roi.

Le public se lève en applaudissant longuement ma pièce. La joie rayonne sur tous les visages. Moi-même, je suis tellement heureux que je tremblotte comme une feuille. De retour chez moi, je reste un long moment de délices devant ma table de travail.

Cher père, ma décision est faite. Je quitterai pour toujours le barreau. Je me consacrerai aux lettres. J'ai nourri déjà dans mon cerveau une autre pièce. Il faut que je l'écrive immédiatement. Mon cœur a déjà signé tacitement un contrat avec le théâtre. Mon premier succès me berce. Résonnent même à ce moment dans mes oreilles les applaudissements. C'en est fait: Rien ne peut détourner ma décision. Je continue mon droit chemin. J'espère qu'un jour j'apporterai et l'honneur et la gloire à notre famille et à notre théâtre.

Votre fils affectueux Pierre

Devoir de M^lle Céline Huong remanié par le professeur

LÊ VÂN

Algèbre.

On donne l'équation :

$$\frac{2m\,x+1}{3}-\frac{x-1}{2}=\frac{m+1}{4},\ m \text{ étant un paramètre.}$$

1° Résoudre et discuter l'équation.

2° Quelle valeur doit-on donner à m pour que l'équation soit indéterminée.

Solution

1°) $$\frac{2mx+1}{3}-\frac{x-1}{2}=\frac{m+1}{4}$$

Dénominateur commun : 12.

$$4(2mx+1)-6(2-1)=3(m+1)$$

Effectuons et mettons x en facteur :

$$2(4m-3)x=3m-7\ (1)$$

Discussion a) si $4m-3\neq 0$ c.à.d. $m\neq 3$

On a une solution : $\boxed{x=\frac{3m-7}{2(4m-3)}}$

b) si $4m-3=0$ c.à.d. $m=\frac{3}{4}$

(1) S'écrit : $0x=\frac{9}{4}-7=-\frac{19}{4}$ l'équation est *impossible*.

2°) D'après le discussion précédente on voit que l'équation proposée *n'est jamais indéterminée*.

Ph.-N.-PHƯƠNG Professeur

LECONS PARTICULIÈRES
LATIN — GREC — ANGLAIS — LITTERATURE FRANÇAISE
Classes secondaires & P. S.
Préparation intensive aux divers examens.
S'adresser : **M. TRẦN-CỬU-CHẤN**
31, Trương-minh-Ký — Saigon

Truyện Thúy Kiều

Một lời nói chửa kịp thưa,
Phút đâu trận gió cuốn cờ (1) đến ngay :
Ào-ào đổ lộc (2) rung cây,
Ở trong dường có hương bay ít nhiều.
Đè chừng (3) ngọn gió lần theo,
Dấu giầy từng bước in rêu rành-rành.
Mặt nhìn ai nấy đều kinh.
Nàng rằng . « Này thực tinh thành (4) chẳng xa.
Hữu tình ta lại gặp ta,
Chớ nề u hiền (5) mới là chị em. »
Đã lòng hiền-hiện cho xem,
Tạ lòng nàng lại nối thêm vài lời.
Lòng thơ (6) lai-láng bồi-hồi,
Gốc cây lại vạch một bài cổ-thi (7).

Dịch pháp-văn

Cela dit, les autres n'eurent pas le temps d'y répondre,

Que déjà le tourbillon s'éleva, venant on ne sait d'où :

Qui, avec un bruissement sinistre fit tomber des feuilles et secoua les arbres,

Et dans lequel on croyait déceler un suave et fugitif parfum.

En regardant dans la direction du vent. On vit des traces de chaussures imprimées nettement dans la mousse.

A leur physionomie, on constata que tous étaient épouvantés.

Kiều dit : « Ceci est bien l'effet de ma foi la plus pure !

Sensibles toutes deux, nous nous sommes rencontrées. (POUR SUIVRE LE TEXTE, IL FAUDRAIT TRADUIRE : Sensible, je le suis et je rencontre ma semblable, moi-même).

Si nous sommes réellement sœurs, que nous importe d'être de nature différente, l'une vivante et l'autre morte.

L'esprit de la chanteuse ayant eu la bonté de lui apparaître,

Pour la remercier, Kiều ajouta encore quelques mots.
Sa sensibilité de poète alors s'épancha, émouvante,
Sur le même tronc d'arbre, elle traça encore un poème, genre antique.
N. V. V.

Chú

1. — *gió cuốn cờ* : cơn gió lốc, ta thường gọi là con trốt, theo Nho học gọi là *quyển kỳ phong* : cơn gió thổi xoay tròn cuốn lá cờ hay *dương giác phong* : cơn gió cuốn tròn như sừng dê.

2. — *lộc* : búp non của lá cây.

3. — *đè chừng* : tiếng miền Trung : ngó chừng theo, nhìn theo.

4. — *tinh thành* : lòng thành.

5. — *u hiển* : u là tối, chỉ người đã chết, Đạm-tiên; hiển là rõ, chỉ người còn sống, Thúy-Kiều.

6. — *lòng thơ* : lòng cảm hứng làm thơ.

7. — *cổ thi* : thơ theo điệu xưa, chớ không phải thơ xưa.

Giảng

Nghe Thúy-Kiều nói, chưa ai kịp hỏi lại thình lình một luồng gió lốc, ào đến, cuốn lá, rung cây, trong đấy dường như có mùi thơm bay thoảng. Nhìn theo chiều gió, người ta thấy dấu giày in rành rành trên đám rêu xanh. Ai nấy đều kinh sợ ra mặt.

Thuý Kiều nói rằng : « Đây mới là kết quả của tấm lòng chơn thành. Cùng một điệu đa tình đa cảm, ta mới gặp nhau như thế nầy ; Xin đừng phân biệt người chết kẻ sống mới thật là chị em. »

Đạm-tiên đã có lòng tốt hiện hồn lên cho thấy, đáp lại Thuý Kiều viết vài câu thơ.

Cảm hứng trần trề, sóng lòng xao động, Nàng viết thêm trên gốc cây một bài thơ theo điệu xưa.

Bình

Động lòng cảm thương người xấu số, làm lễ viếng mồ, đề thơ ngẫu hứng, thì được ngay kẻ ấy hiện hồn về cho thấy rõ. Tuy không thấy rõ cả hình người vì lúc ấy về chiều trời chưa tối, nhưng tác-giả cho ta nhìn dấu giày in rành rành trên nền rêu.

Ta nhận thấy hai điều khó tin :

1) — hồn ma hiền hiện lúc còn mặt trời,

2) — linh-hồn đâu có sức nặng đến để cả dấu chân.

Đành rằng không ai cãi là không có ma, không có linh-hồn vẫn-vơ ở cõi trần này, dù người văn-minh như Âu-Mỹ cũng thế ; nhưng người chết thuộc về Âm, chỉ có ban đêm nhờ âm-khí mới hiện được, ta có thấy hoặc ở giấc chiêm-bao, hoặc lờ-mờ một bóng người lay động, lúc biến đi không còn một dấu vết gì.

Tại sao tác-giả không để Thúy-Kiều mộng thấy Đạm-Tiên như ngay đêm ấy và một ít đêm cách vài năm sau, lại bày ra một cảnh khó tin ?

Giá cụ Nguyễn-Du bỏ đoạn này, chỉ để lúc Vương-Quan khuyên hai chị trở về thì gặp ngay Kim-Trọng cũng không hại gì, vì Thúy-Kiều đã làm một bài thơ đủ cho Đạm-Tiên « *vâng trình hội chủ xem...* » cần gì phải *nối thêm vài lời rồi lại vạch một bài cổ-thi*.

Khi về nhà, Kiều nằm chiêm-bao thấy Đạm-Tiên là đủ rồi.

Nhưng tổ-tiên chúng ta chịu ảnh-hưởng của người Tàu, đã mang sẵn khối óc tin thánh, thần, ma quỉ, lại hay đem những điều huyền bí vào câu chuyện để dựa vào đấy chỉ rõ thuyết nhân, quả, luân, hồi, nợ duyên, số mạng hầu khuyên răn người đời bằng cách dọa-dẫm hay cách đánh vào chỗ yếu : « tin tưởng thần quyền ». Hầu hết các pho truyện Tàu và Ta thời ấy đều như thế cả. Ta không nên câu chấp, chê cười là dị-đoan.

— Tác-giả không dùng chữ « *lá* » (*ào ào đổ lộc rung cây*) lại dùng «*lộc*», vì lộc là búp lá non mà phải rụng gãy thì ta đủ biết trận gió ấy xoáy mạnh bực nào. Nếu để ; « *đổ lá* », tuy không sai luật bình, trắc, nhưng độc-giả không thấy sức mạnh của gió lốc, vì có thể lầm với cơn gió thường, chỉ thổi rớt lá khô.

Trong trận gió cuốn theo một linh-hồn hiền hiện, tác-giả muốn dùng chữ *có hương bay* để phân biệt một đấng tài hoa với kẻ phàm phu tục tử, hay độc-ác gian-phi vì những kẻ sau này lúc sống tầm thường, hà tiện thì khi chết tinh anh cũng vẫn thế, làm gì có được « mùi thơm » ?

Nhưng không phải khi người chết hiện hồn về mà ta có thể biết có mùi hương để nhận-định, tác-giả nói thế để ta hiểu ngầm, nên người đã cẩn-thận nói : *dường như*, nghĩa là không dám quả quyết rằng có.

Tài của nhà thơ là ở đấy.

Một lần nữa ta thấy Thúy-Kiều « quá lố » trong lời nhận nàng ca kỷ quá cố làm chị em. Tánh tình người con gái như thế không thể gọi là đúng đắn, trách sao phải chịu mười lăm năm đoạn trường.

Tác-giả có tài dùng chữ rất khéo, ở câu *đã lòng hiền hiện cho xem*, gọn ghẽ trong sáu chữ mà cả một việc :

Đạm tiên đã có lòng tốt hiền hiện cho Thúy-Kiều xem, chưa chắc có câu nào chỉnh hơn nữa.

LÊ-HƯƠNG.

Dịch Việt-ngữ ra Anh-văn

CƠN MƯA

Trời đương nóng nực, lá cây ngọn cỏ im phăng phắc, bỗng có cơn gió mát thổi.

Ngẩng lên trông thấy về phía đông-nam mây kéo đen nghịt một góc trời. Ai cũng bảo rằng sắp có trận mưa to.

Ngoài đường cái, kẻ đi người lại, người nào cũng bước rảo chơn để chóng về đến nhà, hay để tìm chỗ trú cho khỏi ướt.

Ở trong nhà thì tiếng gọi nhau ơi-ới chạy mưa. Nào là quần áo, chiếu chăn, thóc lúa, rơm rạ, phải chạy cho mau. Đâu đâu cũng có tiếng động xôn-xao, khác thường.

Duy chỉ có ở ngoài đồng, người đi cày là cứ điềm nhiên làm việc, vì họ đã phòng-bị đủ cả nón và áo tơi rồi.

FIRST GO OVER THIS... NOW READ CAREFULLY THIS

While the weather is being very hot and the tree-leaves and the grass rest still, there blows a sudden cold wind.

The people lift up their heads towards the South East to see the clouds darkening whole section of the sky. Everybody agrees in saying that there will be a big rain soon.

In the highroads, the travellers are quickening their pace in order to get home quickly or to find a shelter so as not to get wet.

In the height of an oppressive heat, with the tree leaves and the twigs of grass laying stock still, there comes about a sudden gust of cool wind.

All heads are strained towards the South-East to behold the gathering clouds casting a dark veil over whole section of the sky. That there will soon be a big downpour is a fact that everybody generally takes for granted.

Up and down the highroads, wayfarers are scuddling along in rapid strides. They all are anxious to reach home quickly or to find a shelter lest they should get drenched in the rain.

In the houses, the people lustily call each other in warning against the rain. They must bring in speedily their clothes, their mattresses, their blankets, their paddy and their straws. Everywhere there is the same confused, unusual sound.

However, the ploughmen carry on their work in the fields as if nothing happens, because they have kept their hats and their raincoats ready at hand.

From within the dwellings calls of warning against the rain ring out in a deafening uproar. For no time must be lost in moving in clothes mattresses, blankets, paddy, straws and what have you ! Everywhere there prevails the same unusual bustle.

But out in the fields, the ploughmen work on unperturbed because they have provided themselves with thatched hats and mackintoshes in anticipation of the rain.

(*Translated by H.G.D.*)

Anthologie de la Poésie Viêtnamienne

Tiêu dao

Chẳng lợi danh chi lại hóa hay,
Chẳng ai phiền lụy chẳng ai rầy.
Ngoài vòng cương tỏa chơn cao thấp,
Trong thú yên hà mặc tỉnh say.
Liếc mắc coi chơi người lớn bé,
Vểnh râu bàn những truyện xưa nay.
Của trời trăng gió kho vô tận,
Cầm hạc tiêu dao đất nước nầy.

NG.-C.-TRỨ

La vie tranquille.

Je suis privé de fortune et d'honneur, et c'est une bonne chose ;

Personne ne m'importune ni ne me blâme !

Loin des servitudes du monde, je marche d'un pas allègre.

Je jouis à la volonté des beautés de la nature :

Je me plains à regarder les gens haut placés ou modestes ;

Retroussant mes moustaches, je discute librement des choses du passé et d'aujourd'hui.

La lune et le vent, ce trésor inépuisable que nous dispense la Providence ;

En compagnie de ma guitare et de mes grues, je goûte toutes ces délices, en menant une vie tranquille sur cette terre.

M. T. C. CHÂN. *Docteur ès Lettres.*

BAN TRIẾT - HỌC VĂN - CHU'O'NG

Luận văn triết học

(Kỳ thi tú tài ngày 11 - 9 - 50 — Saigon)

Luận đề.— Thế nào là ý thức ? Có thể chia ra mấy ý thức ? Các từng bực ý thức có liên lạc gì với nhau không ?

Luận cứu

I. Ý thức là một chương trọng yếu của *Tâm lý học*. Ý thức là sự nhận tri [1] đối với phần nội dung đã xảy ra ở nơi bản thể ta. Nó không phải ở ngoài không gian vô cực mà ý thức là do sự cảm giác mà phát sinh như ta có ý thức rằng ta có một sự cảm kích ở nơi ta; như ta có ý thức để lấy một thái độ nhứt quyết.

Theo như sự nhận thức của các nhà hiền triết *Kant, Hamilton Schopenhauer*, thì danh từ *ý thức* lại đồng nghĩa với sự « *nhận thức trực tiếp* [2] ». Thế thì ý thức là sự nhận tri nhờ trí năng mà phát sinh ra. Ý thức có ba đặc tính trọng yếu :

a) Ý thức là một đặc trưng [3] của sự nhận thức trực tiếp cũng gọi là *trực giác nhận thức* [4] vậy.

Nơi đây ta không phân biệt *khách thể* [5] và *chủ thể* [6] vì hai phần ấy chỉ có một mà thôi cấu thành một khối duy nhất.

b) Ý thức là một hình trạng chung của tất cả hiện tượng về tâm lý.

c) Ý thức đặc biệt thuộc về « *cá nhân* », ta « *ta không thể suy trắc được* ». Mình chỉ biết những điều đã xảy ra ở bản thể của mình.

II.— Tâm lý học chia ý thức ra bốn phần ý thức nhưng chủ ý vào hai phần trọng yếu :

1o) **Tự phát ý thức** [8]

2o) **Tự tỉnh ý thức** [9]

3o) **Tâm lý ý thức** [10]

4o) **Đạo đức ý thức** [11]

Tự phát ý thức là sự thông tri lúc ban sơ, nó có một tính chất mập mờ ví như ta đạp gai lúc ta đi qua rừng thì cảm giác đầu tiên là đau. Đó gọi là *tự phát ý thức* vậy.

Còn **tự tỉnh ý thức** là ngay bây giờ ta mới suy nghĩ tại sao ta đạp gai và gai đó thuộc về loại nào mà do đâu mà có ? Sự nhận tr về sự *thống khổ* gọi là *tự tỉnh ý thức*. Vậy thời *tự tỉnh ý thức* là một hành vi do trí năng suy trắc đến nguyên nhân của vật thể [12] và tất cả qui kết [13] do nguyên nhân ấy mà phát sinh.

Tóm lại ý thức bao trùm những giai đoạn không giống từ cảm giác mù mờ đến sự nhận tri minh bạch nhờ ở sự phản tỉnh.

Hai bộ phần về ý thức vừa kể trên thật trọng yếu nhưng hai bộ phần dưới kể ra cũng trọng đại lắm và ta nên *biệt lập* để tránh những sự lầm lộn, sự *hỗn hợp* [14] vậy.

Tâm lý ý thức cho ta biết những điều đã phát hiện ở bên rong ta thuộc phần chủ quan.

Trái lại **đạo đức ý thức** là một chương của *tâm lý học* [15] dạy ta phân biệt *điều thiện* và *việc ác*. Đạo đức ý thức là một trạng thái của *Tâm lý ý thức* nhưng thật nó không phải hoàn toàn thuộc về *Tâm lý ý thức* vậy.

Theo như ý kiến của nhà hiền triết *J. J. Rousseau* (Tàu biên dịch là *Lư Thoa)* thì *Đạo đức ý thức* là một « **thiên tính** [16] » một « **âm thanh vĩnh cửu thuộc hoàng thiên** ».

Học phái ở xứ *Ecosse* (Anh cát lợi) nhận định rằng *Đạo đức ý thức* là « *một tình cảm trực tiếp của điều thiện và lẽ ác* ».

Kant nhận định rằng *Đạo đức ý thức* thuộc về « *phần lý trí ở trong thuận tự thực tiễn* [17] ».

Ta cũng nên nhận định rằng những *sự thật về tâm lý* không phải lúc nào cũng là ý thức. Nó biến ra những trạng thái khác gọi là *tiềm thức* [18] hay là *bán ý thức*, người ta cũng gọi đó là *vô ý thức* cũng như « *phần nhiều hiện tượng sinh lý là vô ý thức cả* ». Theo như ý kiến của tiên sinh *Félicien Challaye* thì « *tiềm thức* là những *trạng thái không phải là ý thức nhưng lại ảnh hưởng đến nó* ».

Còn vô ý thức là những trạng thái tâm lý tạm thời đứng ngoài ý thức hiện hữu, ở ngoài « *cá tánh hiện thời*[19] ». Tình trạng vô ý thức mất ta không trông thấy có khác nào những ngôi sao vận hành trên thiên khung ban ngày lẫn ban đêm nhưng ban ngày ta chẳng thấy ngôi sao xuất hiện là vì bị ánh sáng của Mặt trời.

III.— *Phải, các tầng bực của ý thức có liên lạc nhau mặc dù những phần ý thức ấy có những đặc tính do vị trí riêng biệt mà phát sinh ra.*

« Ý thức không chiếu tỏ tất cả những trạng thái má ý thức làm cho ta nhận tri. *Phạm vi của ý thức* ví như một *điểm trung tâm* có *ánh sáng rực rỡ* và xung quanh có những địa-đới phụ cận dần dần lại mờ mịt » Quan điểm nầy nhà hiền triết xứ *Anh* là *James* cũng tán đồng như nhà hiền triết *Wundt* của xứ Đức.

Từ khi ta hồi tưởng một việc gì mù mờ rồi dần dần lại rõ rệt. Đó có phải là từ *tự phát ý-thức đến tự tỉnh ý thức không có một bức thành cản ngăn mà đó là một sự liên tục mật-thiết ư* ? Còn từ trạng thái vô ý thức bước qua giai đoạn ý thức là một hiện tượng mà ta đã *kinh nghiệm hằng ngày*.

Theo như sự nhận định của bác-sĩ *S. Freud* là « phần vô ý thức là một kho tàng bao hàm tất cả tập quán, chiếm một *không gian rất rộng* đối với *phần ý thức* che đậy tất cả hành vi quá khứ của cá-nhân, bao phủ những dục vọng chưa phỉ »

Kết luận.— Danh từ *ý thức* trong triết học giới đã biện luận từ mấy thế kỷ nay. Mỗi học phái đều có một lập trường lý tưởng riêng do địa vị xã hội của học phái ấy. Sự luận chiến về quan niệm ý thức là một sự kiện dĩ nhiên. Người nhận định *ý thức* là điều «*xác thực* » kẻ lại nhận tri là có hàm xúc tư tưởng về « *thực nghiệm* » có « *luận cứ về sự thực* »

Nhưng các nhà hiền triết về phần đại thể cũng có thể nhận định rằng « *ý thức gồm cả tri giác, tâm ý và tình ý* » hợp thành một *khối bất đoạn* như phạm vi ý thức vậy.

ĐOÀN-PHÔ-VĨNH

---

(1) Connaissance (2) Connaissance immédiate (3) Type (4) Intuititive (5) Sujet (6) Objet (7) Impénétrable (8) Conscience spontanée (9) Conscience réfléchie (10) Conscience psychologique (11) Conscience morale (12) Objet (13) Conséquence (14) Confusion (15) Morale (16) Instinct divin (17) Ordre pratique (18) Subconscient (19) Personnalité actuelle

Kinh-tế chánh-trị

Nói về nghề Kiểm-soát (le contrôle)

Học K.T.C. lãnh làm nghề nào cũng dễ duy có nghề Kiểm-soát-viên (Le Contrôleur ou la contrôleuse) thì rất khó ; nghề ấy phải đủ đầy kinh nghiệm (expérience) phải có ý thức (attention) phải mưu mô mới được.

Nếu vào hãng mà xét việc gian lận thì đâu có ai để cho mình bắt gặp ; sổ sách đành rành, tỉ như : mua vô có toa (facture) bán ra có đơn hàng (facture) mỗi món đều có giấy chứng nhận cả (pièces justificatives).

Kìa, người ta dùng thước đo cát (m3) 4 tấm ván bề cao 0m.50, bề dài 2 m kể là một thước khối. Lúc đổ cát đầy rồi người ta nhận thước xuống 1 tấc, qua thước sau, đổ cát chồng lên cũng vậy ; nếu đong 5m3 thì còn lại 4 m3, 500 mà thôi.

Củi thì chất cây cong, đá xanh trải đường thì chất có lỗ trống.

Xi-măn đem vào kho 10 thùng thì có 5 thùng không, người giữ kho (magisinier) cứ ghi sổ nhận đủ (prise en charge).

In ra 20.000 tờ quảng-cáo xét lại có 15.000, ai hơi đâu ngồi đó mà đếm, và còn cả trăm ngàn việc khác nữa ; song phải có ý chí và có học K.T.C.T. thì được, hoặc có con mắt chủ (il faut avoir l' oeil du maitre).

o°o

Ngoài Bắc Việt có nhà tư bổn kia sắm trên 20 chiếc tàu xà-lúp đưa hành khách đi tỉnh.

Dưới tàu chứa cờ bạc, nửa đường tài công ném củi lên bờ cho người bán.

Đến cuối tháng, lớp bị chủ đuổi, lớp bị cúp lương. Vì sao mà chủ biết việc gian lận được ? Cũng vì có ý chí.

Chủ tàu lập ra sở kiểm soát lưu động (contrôleur mobile) ; mỗi chuyến tàu có người mua giấy theo bộ hành, xuống tàu đi như thường, không ai để ý, trong đó có đủ các hạng người thay phiên nhau và thay đổi hoài.

Một nhà Thầu khoán kia (un entrepreneur) lãnh một lần hai sở : ở gần nhà : cất một cái trường học, có mướn cặp-rằng, (caporal) xem sóc. Cách đó lối cây số ngàn, lại lãnh cất một cái nhà việc nữa.

Vì mắc đi xem cất nhà việc nên việc lo cất trường học giao phó cho cặp-rằng ; người nầy lại hùa nhịp với cu-li, ai nấy bỏ việc làm đi chơi hoặc về nhà mà nghỉ ; trong lúc chủ vắng mặt, ai biết cho ?

Đến lúc lãnh tiền kỳ, người thì bị đuổi, kẻ lại bị cúp lương. Ai vô đó mà kẽ vạch ?

Thì ra, chủ có hai đứa con : đứa gái 7 tuổi, đứa trai 6 tuổi.

Từ ban mai đến chiều, đúng giờ làm việc, hai đứa đến đó, lấy xu thấy lỗ hoặc đá banh chiều lại chúng nó mét với cha chúng rằng cu-li số mấy bỏ việc mấy giờ, người nào bỏ trọn buổi.

Nhờ làm việc có phương pháp (méthodique) và có ý chí nên chủ Thầu mới có lợi to.

Vậy nên chớ cho rằng nghề Kiểm-soát là dễ !

Cô Phan-Yến-Nguyệt
Tânan

Grammaire Anglaise *(suite)*

Quoi. — Se traduit comme ce qui, ce que.

Celui qui, celle qui, etc. — Se traduisent, pour les personnes, par *he* (m.) ou *she* (f.), *him* (m. compl.) ou *her* (f. compl. *they* (pl.), *them* (pl. compl.) suivis de *who* (sujet) ou *hom* (compl.) ; pour les choses, par *the one which* (pl. *the ones which).* Ex. : Celui que vous voyez, *he whom you see ;* je vois celle qui parle, *I see her who speaks ;* prenez celui (le livre, neutre) que vous voudrez, *take the one (which) you like.*

Dont (et **de qui, duquel, de laquelle, desquels,** etc.). — Se traduit par *whose* toutes les fois qu'il exprime un rapport de possession et que le possesseur est une personne. Dans les autres cas il faut décomposer *dont* en *de qui* et traduire séparément les deux mots. Ex. : L'homme dont je lis le livre, *the man whose book I read ;* l'homme dont je parle, *the man of whom I speak.*

On. — Se traduit le plus souvent par le passif. Ex. : On m'a puni, *I was punished ;* on dit que vous êtes riche, *you are said to be rich.*

Autres façons de traduire **on.** — On frappe à la porte, *somebody is knocking at the door.* — On pourrait dire, *one might say.*

Un Français dira à un Anglais : En France on boit du vin, en Angleterre on boit de la bière, en Chine on boit du thé : *in France we drink wine, in England you drink beer, in China they drink tea.*

En, y. — Se traduisent de différentes façons selon qu'ils sont pronoms ou adverbes, Ex. : J'en parlais, *I was speaking of it ;* j'en viens, *I come from there ;* donnez m'en, *give me some ;* j'en ai assez, *I have enough (of it) ;* j'y songe, *I think of it ;* vas-y, *go there.*

Giáo-sư Lê-Vân

DẠY BAN TRUNG-HỌC

Pháp-văn — Toán-học

— Lớp học riêng hay theo lối hàm-thụ

— Học-phí tùy theo hoàn-cảnh

Ghi tên tại tòa soạn Cần-học, 165 đại lộ la Somme.

Kể từ ngày 1er Décembre 1950 chúng tôi có mở :

Lớp dạy riêng

Pháp văn — Địa-lý-học

Lớp đệ nhứt và đệ nhị niên)

VIỆT-VĂN — TOÁN-HỌC

Đệ-tứ-niên và Ban Tú tài

Giáo-sư : **Đoàn-phô-Vĩnh — Nguyễn-văn-Bửng**

(xin hỏi tại báo Cần học)

CHUYỆN XƯA

Kiếp trước Thằn-lằn

của ông
TRƯƠNG-V-TỐNG

Tục thường tặng cho nhà giàu-có lớn bằng câu *Phú gia địch quốc*; hãy xem truyện Thạch-Sùng nước Tau thuở xưa, thì câu ấy chẳng phải là lời nói không có căn-cứ.

Thạch-Sùng là một nhà giàu về đời Tấn Hoài-đế, chôn vàng vào một cái hố lớn, gọi là *kim-cốc* (hang vàng), tiếng giàu đồn lừng-lẫy khắp thiên-hạ, chẳng ai dám bì. Khi ấy có nhà quốc-cữu (cậu của vua) là Vương-khải, ỷ mình là quốc-thích (họ-ngoại nhà vua), của chẳng thiếu chi, mới đến thách Thạch-Sùng thì giàu. Thạch-Sùng ưng chịu, giao hẹn đấu của trong một tháng, hễ ai thua thì những của đem ra đấu ấy, phải giao hết cho người thắng. Rồi đó bày của ra thi. Vương-khải *tán* hột tiêu để trét cách một căn nhà, kêu là *Tiêu-phòng* (buồng tiêu), thì Thạch-Sùng trải gấm ra đường để đi, kêu là *Cẩm-đạm* (khảm gấm); Vương-khai sửa một chiếc ghe, giăng gấm làm mui đẽo ngà voi làm cột buồm, kêu là *Nha tường, cẩm hạm* (cột ngà, mui gấm) thì Thạch-Sùng sửa một căn nhà, xâu ngọc trân-châu làm bức rèm, treo gấm làm màn cửa, kêu là *châu liêm, tú hộ* (rèm ngọc châu, màn cửa gấm); Vương-khai thắp đuốc bằng sáp ong, thì Thạch Sùng nấu cơm bằng cui ngọc-quế.

Trân-châu, ngọc-quế, sáp ong, ngà voi và hồ tiêu đều là vật báu hoàn-cầu, và lại đều là sản vật ở Việt-Nam, chớ ở nước Tàu không có, nên những vật ấy đối với Tàu lại càng qui lắm, mà nhà Thạch Sùng cái gì cũng có nhiều. Nhà vua thấy cách nào Vương-khai cũng bị thua Thạch-Sùng, mới đem của báu trong

cung ra giúp lên cho Vương-khải, tưởng nhà Thạch-Sùng có bao nhiêu ngọc trân-châu đã đem xâu làm bức rèm hết rồi, bèn cho Vương-khải đem ra hai đấu trân châu của nhà ra đong được trên một hộc; Vương-khải đem ra hai hộc vàng ròng, thì Thạch-Sùng đem vàng ròng của nhà ra không hộc nào mà đong cho hết, lại còn chưa moi đến vàng chôn ở hang. Nhà vua nghĩ một món của báu trân tàng trong nội-phủ thì chắc nhà Thạch-Sùng không sao có đặng, mới cho Vương-khải đem ra hai cây ngọc san-hô dài một thước, thì Thạch-Sùng đập gãy đi, rồi lấy ra trên chục cây san-hô đều dài một thước rưỡi với hai thước. Bấy giờ kho nhà vua cũng đã hết của, không sao địch nổi với Thạch-Sùng nữa, Vương-khải đành chịu thua.

Vương-khải bị thua Thạch Sùng, thì vừa tiếc, vừa thẹn và căm, mới xuối tòa Ngự-sử xoi bói những điều phi-pháp của Thạch-Sùng, mà đàn-hặc về tội xa-xỉ lộng hành. Cái thói đời thay người ta giàu-có thì ghen và tham, dầu là nhà nước mà thấy con heo mập cũng muốn ăn thịt, nên chi Triều-đình nhà Tấn mới chuẩn sớ đàn-hặc của tòa Ngự-sử mà tịch ký hết sản-nghiệp nhà Thạch-Sùng.

Nói cho quả đáng, Thì Thạch-Sùng là một tên dân, nếu không làm những sự bất nhơn thì sao giàu được như vậy. Bởi ỷ mình có của mà xa-xỉ vô độ, thì *bội nhập bội xuất* (1) vẫn là lẽ đáng. Song tự triều-đình nhà Tấn trước kia đã giúp của cho ngoại-thích đặng thi giàu với kẻ dưới, bây giờ bị thua, lại thi hành ngay cái thủ-đoạn ấy mà trả oán, thì nhà nước cũng hết đạo công-bình.

Thạch-Sùng tuy rằng bị xung công hết sổ của nổi, nhưng còn có món của chìm rất lớn, là cái hang vàng chôn kia. Tới khi định đào lên để xài, thì thấy ở dưới toàn là nước, chớ chẳng có vàng chi hết. Vậy Đường-thi có câu :

Thạch-gia kim cốc thủy không lưu

(Hang vàng nhà họ Thạch nước chảy tiêu)

Rồi đó anh Thạch-Sùng ta mới trơ mắt ếch mà ngó của đời người thế. Tục truyền rằng Thạch-Sùng sau khi thác hóa làm con

thần-lằn, ngày đêm cứ bò xối nhà chắc lưỡi hoài, ấy là nó tiếc của kiếp trước vậy, cho nên người ta cũng gọi tên con thằn-lằn là con Thạch-Sùng.

Câu tục nói : *Chẳng ai giàu ba họ, chẳng ai khó ba đời*, mà thiệt vậy, đạo trời đất xây-vần, hễ kẻ khó thì sẽ có ngày giàu, còn kẻ giàu thì không có lẽ giữ đặng giàu đời đời và tránh khỏi có lúc khó được. Bởi vì người đời làm giàu không do đạo-lý, làm đã giàu không do đạo-lý, lại giữ lấy giàu bền, thì của trời rời lại lấy đi, để xây-vần cho kẻ khác.

Chẳng phải nói chi chuyện đời nào, nước nào cho khó hiểu hãy nói ngay chuyện xứ ta, ngày nay. Quách-Đàm là một tên dân Hoa-kiều, mười bốn tuổi qua xứ ta, xuất thân là kẻ buôn đa vụn, chẳng hay tom-góp làm sao mà được giàu địch quốc được bao nhiêu cửa nhà ở châu thành Chợ-lớn, được bao nhiêu ruộng đất tại xứ Nam-Việt xuất của giúp cho chánh-phủ Tàu, chánh phủ Pháp, được vô số kim khánh, bội tinh. Năm 1925 dưng cho thành-phố Chợ-lớn một khoảnh đất trên ngàn mẫu tại Bình-tây và mấy trăm ngàn đồng bạc, để mở ra chợ mới Bình-tây, thì là cái cơ-quan của ý định làm nên giàu nó gấp mấy cái cơ-nghiệp ấy nữa. Thế mà năm 1927 va chết, cái cơ nghiệp ấy đã thành tay không ; sao mà hang vàng hóa ra nước mau vậy ?

Lại nói bao nhiêu nhà tư bổn triệu-phú ở xứ nầy thuở trước, trải qua hồi kinh-tế khủng hoảng và chiến tranh vừa qua mà đã thành tay trắng, thì chẳng hay họ sẽ hóa ra bao nhiêu con thằn-lằn ?

(1) Đại-học : Tại bội như nhập diệc bội nhi xuất (của trái lẽ mà vô thì cũng trái lẽ mà ra).

Trong số sau { — Cours de Mathématiques.
— La grammaire française pratique.
— Triết - học tự - vựng.

Dạy Pháp-ngữ, Việt-văn, Toán-học, Anh-văn theo lối Hàm-thụ (gởi thơ) từ lớp Đệ nhứt niên đến Ban Tú-tài, do nhiều Giáo-sư chuyên-nghiệp và tận tâm chỉ giáo. Bài vở sửa kỹ-lưỡng.

Xin quí Bạn gởi thơ đến Tòa-soạn Cần Học, 165, **Bd. de La Somme, Saigon,** *thì chúng tôi sẽ cho biết điều kiện ngay.*

Nhóm Giáo-sư Cần Học

CẦN HỌC

ĐÓNG LẠI THÀNH BỘ

Bộ 1, từ số 1 đến số 10

Bộ 2, từ số 11 đến số 20

Có bán khắp nơi, trong các nhà sách, hay Tòa soạn C. H. 165, La Somme — Saigon.

Mời quí bạn đón mua 2 quyển sách Giáo-Khoa dạy nhiều môn và nhiều thứ tiếng. Các bạn cầm đến sẽ được hài lòng.

GIÁ		BỘ 1	BỘ 2
	Nam-việt	*45$00*	*50$00*
	Trung, Bắc-việt, Miên và Lèo .	*50$00*	*55$00*

Tiếng Anh Phổ Thông

Các công chức và phụ huynh học sinh muốn học thêm để nói trôi chảy tiếng ANH, xin hỏi tòa báo Cần Học, 165, Đại lộ La Somme giới thiệu một người Việt Nam đúng đắng giúp buổi tối.

GIÁ TIỀN MUA DÀI HẠN :

	Ở NAM-VIỆT, MIÊN			*Ở TRUNG, BẮC-VIỆT*		
	B.Tiểu-học	B.Trung-học	Cả 2 Ban	B.Tiểu-học	B.Trung-học	Cả 2 Ban
3 tháng 12 số :	30$00	45$00	70$00	40$00	55$00	80$00
6 tháng 25 số :	65$00	90$00	150$00	85$00	115$00	175$00
12 tháng 50 số :	125$00	175$00	290$00	170$00	220$00	325$00

Giám-đốc :

CHA JACQUES CỦA

GIAĐỊNH

Thơ và bưu-phiếu xin đề :

Mr NGÔ-VĂN-THANH

165, đại lộ La Somme -:- Saigon

Giấy phép số 472 T.X.B.

Ngày 15 tháng 12 d. l. 1950

IN TẠI ẤN-QUÁN

—— **NAM-HƯNG** ——

165, Đại lộ La Somme — Saigon

Học Để Phụng Sự Chân Lý

ÉDITIONS PÉDAGOGIQUES CULTURELLES

Cấp Học

BAN TRUNG HỌC

TẬP XXVII — 44 TRANG

TRONG SỐ NÀY

LỚP ĐỆ NHỨT NIÊN

Luận Việt văn

iải nghĩa câu : *một cây làm nên non, ba cây dụm lại nên hòn núi cao.*

Rédaction française

Un fourmilière détruite par un cheval.

LỚP ĐỆ NHỊ NIÊN

(Examen de Passage au L.P.KY

lột cuộc đi chơi trong lúc bải trường.

La sortie de l'école un jour de pluie.

LỚP ĐỆ TAM NIÊN

Thơ gởi bạn chỉ rõ những loại sách gởi cho bạn mượn. (Bài thi T.P.KÝ

La joie est un devoir, dit un moraliste anglais.

LỚP ĐỆ TỨ NIÊN

(Examen de passage au L.P.KY)

Ngậm máu phun người trước dơ miệng mình.

Nul ne peut se vanter de se passer des hommes, dit Sully Prudhomme.

Cours de Mathématiques

BAN TỨ TÀI

Truyện Thúy Kiều

En quoi l'éloquence religieuse de Bossuet est-de la littérature classique ?

(Examen de Passage au L.P.KY

GIÁ : *Nam-Việt, Miên : 4$*
Trung, Bắc-Việt : 5$

TÒA-SOẠN
Giây nói : 21.309 — Saigon
165, đại lộ La Somme

LỜI CÁM ƠN

Với số này, tập-văn CẦN HỌC bước qua năm thứ hai. Người lên 2 tuổi, kể cũng còn thời kỳ thơ ấu, đi chưa vững, nói chưa quen, nhưng một tập-văn, ... , thì mỗi ngày qua, tất là vượt khỏi bao nhiêu khó khăn. . . , nên giữa lúc bước vào năm thứ hai, không khỏi bao nỗi mừng thầm. Nhìn lui lại trong 10 tháng trường, biết mình tài hèn sức yếu, thế mà tập văn không những tồn tại, lại còn hiên ngang tăng tiến càng nhận thấy nhờ ở trên mình, ngoài mình, chớ không phải tự tài-năng sức lực của mình, càng nhận thấy phải muôn phần cảm tạ.

Cám ơn các vị ân-nhân, đã ủng-hộ về phương-diện lý tài cùng phương diện ý tưởng, đã cổ động khuyến-khích thêm nhiều độc-giả.

Cám ơn các nhà học-giả, giáo-sư trợ bút, đã viết những bài giúp cho tập văn càng thêm đầy đủ.

Cám ơn các bạn độc-giả, đã vui lòng đón tiếp CẦN HỌC như một người bạn thân yêu, nhìn xem giòng chữ câu văn như tai nghe tiếng bạn.

Cám ơn nhân viên trong Tòa-soạn, những người đã giúp việc ấn loát trình bày, đã góp phần hợp tác quý hóa khiến cho tập văn CẦN HỌC, mặc dầu lý tài rất eo hẹp, cũng không đến nỗi quá phần sa sút trong nhiệm vụ một tập văn hằng gia tâm cố gắng vẫn ước nguyện mỗi ngày mỗi tiến bước, cho khỏi phụ lòng các vị ân nhân ủng hộ cùng các bạn đọc xa gần.

TÒA SOẠN

Lớp đệ-nhứt niên

Trả lời bài ám tả : HY-VỌNG
(C.H. số 26)

1·)— Khi người ta đang có hy vọng thì lòng hăng hái, chỉ nhắm đến cái chỗ thành công mà mình hy vọng, cho nên không quản mọi sự hiểm nghèo, mọi sự khó nhọc.

2·)— Khi tuổi người ta càng cao thì sự từng trải đã nhiều, lòng thất vọng đã lên cao, sự đời thường không được như ý muốn cho nên lòng hy vọng phải phai lạt lần, nhưng phai lạt không có nghĩa là mất hẳn. Vì con người ta phải luôn luôn sống vì hy vọng — dẫu ít hay nhiều,

3·)— Thất vọng là tại mình không biết lượng sức mình, đi hy vọng những điều cao xa thái quá, không xứng với tài sức mình. Muốn đạt được hy vọng phải diệt bỏ mọi ham muốn quá sức mình, chỉ hy vọng những cái mình có thể đạt được,

Tìm chữ đôi

Cao-Niên : tuổi đã nhiều. — Thành-Niên : đến tuổi trưởng thành.
Thiếu-Niên : tuổi còn trẻ.—Ấu-Niên : tuổi còn thơ ấu.

LUẬN VIỆT-VĂN

ĐẦU ĐỀ : *Giải nghĩa câu tục ngữ : một cây làm chẳng nên non ba cây dụm lại nên hòn núi cao.*

Kể ra một thí dụ nó chứng dẫn điều ấy.

DÀN BÀI

1·) Nghĩa đen của câu tục-ngữ ;

2·) Nghĩa bóng.

3·) Thí-dụ

BÀI LÀM

Tục ngữ ta có câu : *một cây làm chẳng nên non, ba cây dụm lại nên hòn núi cao.*

Nếu chỉ có một cây trơ trọi, mọc giữa cánh đồng trống, dầu cho thân hình có to lớn, cành lá có sum sê đi nữa cũng không thể làm nên một hòn núi được Nhưng, nếu ta thấy ba cây dụm lại, sống gần nhau, trồng chung trên một khoảng đất, thì ta có thể tưởng tượng rằng đó là tượng trưng của một hòn núi.

Đời người cũng vậy. Không ai có thể sống riêng trong chốn rừng xạnh hiểm hóc hay là tự hào rằng mình có đủ sức để tạo lập một cuộc đời lẻ - loi nơi ma-thiên độc-địa. Nhưng, than ôi, người ta càng đưa mình vào con đường hẻo-lánh, vào cuộc sống cô-độc thì càng gặp phải bao nhiêu sự nguy-hiểm, bao nhiêu cảnh éo-le vây hảm và hâm doạ, vì người ta đã tự mình chia hẳn cái sức mạnh tồn tại và vững-chắc của sự sống hợp-đoàn.

Ta không thể sống riêng biệt vì không đủ sức để chống lại bao nhiêu điều khó-khăn cũng như cái cây kia không thể chịu nổi những cảnh gió mưa tơi-bời, bão-tố dồn-dập. Ta cần phải sống đoàn-tụ, liên-lạc để giúp đỡ lẫn nhau, che-chở cho nhau, nương-tựa và dìu-dắt nhau trong những ngày tốt và xấu. Ta nên nhớ luôn rằng « sự đoàn-kết làm nên sức mạnh » (theo câu phương-ngôn của Pháp : l'union fait la force). Khi ta biết sống trong giây liên-lạc của tình yêu thương và sự hiệp-một thì ta sẽ như ba cây dựm lại, làm thành một hòn núi vững-chắc và lúc ấy ta sẽ không còn lo ngại cho những cảnh ba-đào tai-biến xảy đến nữa.

Một mình, trong sự lẻ loi, ta sẽ chẳng làm gì nên được. Cũng như cát, vôi và xi-măng là ba thể-chất rất đơn-sơ, nhưng nó cần phải hiệp nhau để làm một đồ dùng có ích. Nếu ba vật hèn-mọn ấy không hòa lại thì bao nhiêu thành-phố đẹp đẽ đâu được dựng lên, bao nhiêu tòa nhà đồ-sộ đâu được xây cất. Cũng vậy, sở dĩ là chẳng thành-công trong một chương-trình vĩ-đại là vì ta chỉ dùng tài và sức riêng để làm việc. Nhưng khi ta biết hành-động trong sự hợp-tác, nhờ cậy lẫn nhau, hiệp với nhau kẻ công người của, kẻ sức người tài thì dầu cho việc làm có quan-hệ và lớn-lao bao nhiêu cũng có thể đoạt được mục-đích, thâu-hoạch được lắm kết-quả mỹ-mãn có lẽ là quá sức tưởng-tượng của ta vậy.

TRUNG-HẬU

VOCABULAIRE

Réponses aux Questions de la Dictée n° 26, P. 8)

1 — Les formes *tangibles* sont celles que l'on peut toucher. Ex : Les lois de la pression atmosphérique sont abstraites, intangibles ; le baromètre en est une application pratique, tangible.

Adapter, c est ajuster une chose à une autre : ici, mettre les choses de la terre à l'usage des hommes par de multiples inventions.

Un lien *indissoluble* est un lien qu'on ne peut dissoudre, rompre.

Des attitudes *conventionnelles* sont des attitudes sous lesquelles on est convenu de reconnaitre tel ou tel personnage. Ainsi le travailleur intellectuel est représenté toujours au chaud, dans un bureau

confortable, assis dans un bon fauteuil —et ce n'est pas toujours vrai.

2 — Les choses sont différentes quand elles ne se ressemblent pas ; mais quoique différentes, elles peuvent contenir des éléments communs. Quand les chosses sont étrangères, elles ne contiennent même pas d'éléments communs, elles sont totalement différentes. Elles peuvent cependant l'être sans hostilité. Mais l'hostilité amène la répulsion ou la haine.

Ainsi ces trois mots sont rangés par ordre de grandeur croissante.

3 — Analyse logique :

Nbre	Propositions	Nature	Forme	Fonction
1	Et qu auraient fait les mains, les mains débiles infiniment moins fortes	Prop. principale.		
2	Que la griffe animale (est forte)	Prop. subordonnée	Parla con jonct. *que*	Compl. de moins fortes
3	Si elles n'avaient été guidées par l'esprit	Prop, subordonnée	Par la con jonct. *si*	Comp. de condition de auraient fait.

Exercice I

Réponse : la palette, la ligne, l'alène, les ciseaux, la clef, la pelle, le mètre, le rabot, la charrue, le télescope, la hache, la faucille, la truelle, le fusil, le bistouri, la tondeuse.

Exercice II

Réponse : On dit le *sa aire* d'un ouvrier ; les *gages* d'un domestique ; le *traite nent* d'un fonctionnaire ; le *prêt* d'un sodat ; la *solde* d'un officier ; les *honoraires* d'un médecin ; la *remise* accordée à un représentant ; la *pourb ire* d un garçon de café ; la commisson d'un intermédiaire ; le *cachet* d'un professeur, d'un artiste ;

les *vacations* d'un examinateur ; les *tantièmes* d'un associé ; les *appointements* d'un employé ; la *liste civile* d'un chef d'Etat ; la *gratification* accordée à un employé, les *jetons de présence* d'un actionnaire.

RÉDACTION FRANÇAISE

Sujet : *La fourmi, sur le bord du chemin, vous avez observé une fourmilière. En passant, un cheval l'a détruite. Que font les fourmis.*

Développement

Sur le bord du chemin, des fourmis avaient élu domicile. C'était une humble fourmilière, à peine dénoncée par une insensible élévation de sable, que les bestioles avaient remonté du sol fouillé et labouré ! Je les observai : c'était un étrange spectacle, en vérité. Du fond des galeries souterraines, sortaient avec animation les fourmis qui, à la queue leu leu couraient à des occupations diverses. Je savais que les unes étaient chargées d'aller à la recherche de la nourriture : je distinguais même leur corselet nerveux, leur marche hative. Je les voyais, l'une après l'autre, revenir lourdement chargées. Leurs mandibules petites, mais puissantes, soutenaient des grains, des herbes, de petits insectes même, qui allaient grossir les réserves de la prévoyante famille. A côté d'elles, et différentes, d'autres ouvrières sortaient de la fourmilière, chargées de tous les détritus qu'il fallait transporter ailleurs.

Un jour, la catastrophe se produisit. Le pied d'un cheval avait écrasé la fourmilière, éventré les délicates galeries et mis à jour les secrets de la ténébreuse demeure. Quel émoi parmi ce petit peuple vaillant ! Quelle leçon d'énergie je pus prendre, à contempler ses efforts. Ce fut, on le comprend, un épouvantable désarroi. Toute la fourmilière était dehors, affolée, courant de droite et de gauche, dans un inexprimable fouillis. Mais l'ordre ne tarda pas à être rétabli.

Des fourmis restées indemnes, les unes retournèrent au logis dévasté. Quelle merveille ! Toutes en ressortaient, tenant entre leurs mandibules une sorte de grain blanc, allongé, qu'elles transportaient au loin. Je m'approchai : c'étaient des larves d'où devaient sortir un jour les petites fourmis.

Je suivis leur cortège incessant. Toutes se dirigeaient vers une autre anfractuosité où je compris qu'elles avaient déjà formé une fourmilière. C'est là que les œufs étaient déposés par les rescapés du grand désastre. Cependant, d'autres survivantes se hâtaient, apportant les vivres amassés.

Quelle belle leçon ! La fourmi peut être regardée comme le symbole du travail et de la persévérance.

Texte traduit en Vietnamien

Le bienfaits des morts

Công đức của tiên-nhân

Người thượng cổ ăn uống rất khổ sở ; ở trong hang, ăn thịt sống, ngu-si mọi rợ, tàn hại lẫn nhau không hề thương xót.

Nhưng đời đời kiếp kiếp, tổ tiên ta ra công làm lụng, khai khẩn đất hoang, chế-tạo cày bừa, chăn nuôi súc-vật, soạn ra sách vở.

Ngày nay, ta có nhà ở, có com ăn, có áo mặc cho khỏi rét mướt, tri khôn ngày một mở-mang, tấm lòng càng ngày càng từ-thiện.

Vậy ta phải nhớ ơn tổ-tiên, hết lòng tôn kính. Ta phải làm việc cho kẻ hậu sinh cũng như các tiên nhân đã làm việc cho ta thuở trước thì mới mong trả sạch được cái nợ đó.

H. v. Đó

Thème corrigé.— *Không nên khinh những nghề lao lực*

Il ne faut pas mépriser les travaux manuels

A l'occation du Tết, le jeune Trac, en congé, regagne sa maison. Il voit son grand-frère, qui parait très fatigué, en train de pédaler le métier à tisser et de passer le navet, il s'en plaint à sa mère : « J'ai compassion de mon frère qui travaille ainsi. Je ne ferai jamais cette profession. Je m'efforcerai d'étudier afin de devenir un jour satisfaisant et heureux mandarin. La mère sourit en lui disant : « T'éfforce-toi d'étudier pour être plus tard mandarin, j'en suis ravie. Mais ne méprise pas à la hâte la profession de ton frère. Il tisse l'étoffe pour que tu aies à présent des vêtements. Plus tard, tu les porteras dans lès yamen. La tissanderie comme tous les métiers manuels sont utiles, nous devons les respecter, ne compte pas sur ton minime savoir pour mépriser ceux qui travaillent péniblement.

VOCABULAIRE

Đi dọc đi ngang	*Marcher de long en large.*
Rày ước mai ao	*Désirer constamment.*
Ông nói gà bà nơi vịt	*Quiproquo — coq à l'âne.*
Thắt lưng buộc bụng	*Se priver, faire des économies*
Sửa túi nâng khăn	*Entourer son mari de petits soins.*
Đồng xu không dính túi.	*Avoir pas un sou en poche*
Chờ sốt cả ruột	*Attendre impatiemment.*
Bắt khoan bắt nhặt	*Accabler quelqu'un de travail et le surveiller de près.*
Tam khoanh tứ đốm	*Par tous les moyens.*
Khoanh tay bó gối	*N'avoir aucun moyen d'action.*
Bữa lưng bữa vực	*N'avoir pas assez pour vivre.*
Tay bồng tay ẳm	*Avoir beaucoup d'enfants.*
Ngủ ngon giấc	*Faire un bon sommeil*
Giận tím ruột thâm gan	*Etre très en colère.*
Đâm bị thóc thọc bị gạo	*Exciter les deux parties*
Đâm lao thì phải theo lao	*Qui veut la fin veut les moyens*
Đồng diện bất đồng tâm	*Être d'accord en apparence seulement.*

LEÇONS PARTICULIERES

Latin, Grec, Anglais,

Littérature Francaise

Classes secondaires et P. S.

S'adresser : M. TRẦN-CỬU-CHẤN

31, Trương-minh-Ký — SAIGON

Lớp đệ nhị niên

Luận Việt-văn

Đầu đề : *Kể lại một cuộc đi chơi trong lúc bãi-trường mà trò cho là hữu ích nhứt.*

Bài làm

Kỳ bãi trường năm ấy tôi được lời mời của bạn tôi về nghỉ chơi ở chốn quê nhà trọn một tháng.

Nhớ lại những thì giờ vui thú đã qua mà lòng tôi không khỏi bùi-ngùi hối-tiếc cho những ngày vô cùng lạt-lẽo trong dịp nghỉ hè năm nay vì thời-cuộc bắt-buộc tôi phải ở lại chốn Sài-thành đông-đúc và nóng nực.

Đó cũng là một cuộc du-lịch nho-nhỏ hoặc một dịp đổi gió rất hữu-ích để ban thưởng tôi sau một năm học đầy nghị-lực và cố-gắng, để làm cho tôi được tạm quên bao nhiêu cộng-khổ trong sự đeo đuổi một chương-trình học-vấn khá dày-đặc, và để thêm phần tươi tỉnh cho bộ-óc mệt-nhọc, bồi-bổ những sự hao-tiêu-điều của sức-khỏe, tôi có đủ sáng-suốt và nghị-lực để tiếp-tục một năm học mới.

Chúng tôi sống trong một gian nhà cất giữa một khoảnh vườn rộng trồng toàn cây trái, hoa quả thật mát-mẻ cao-ráo. Trước nhà có một con sông nhỏ chảy ngang mà mỗi buổi chiều chúng tôi đều lội lội tắm rửa. Sau nhà là những mẫu ruộng mênh-mang nằm quanh một con đồi nhỏ mà người ta chỉ thấy rải-rác vài chòm cây xanh.

Mỗi buổi sáng, vào độ gà gáy chúng tôi thức dậy. Sau khi rửa mặt xong, tôi và bạn tôi ra trước sân nhà tập thể-thao. Trời đây còn mờ-mờ và cảnh vật còn đang im-lìm trong giấc mộng hão-lương. Một chập sau chúng tôi cùng theo bờ đê chạy dài lên con đoi lặng-lẽ ; nơi ấy mặc tình ngắm cảnh bình-minh tuyệt sắc. Trời từ từ sáng và sự hoạt động trong làng cũng bắt đầu. Từng thái-dương lần lần lộ ra và những tia nắng dịu-dàng ấm-áp nhuộm vàng các chòm cây chót nhánh.

Ăn lót lòng xong chúng tôi ra vườn xem những bông hoa tưng-bừng đua nở trong sương sớm và những cặp chim vui-vẻ nhảy-nhót trên cành. Chúng tôi lần-lượt tỉa sửa những cây trái và tưới nước mấy giồng rau cải.

Trưa đến, bạn tôi thường rủ tôi đi câu cá. Mỗi đứa một cần câu dài, tay xách hộp mồi tay cầm giỏ kẻm, chúng tôi đi đến góc me to dưới mé rạch ở cận đình để câu. Ngồi dưới bóng mát chúng tôi vừa giựt cá mà cũng vừa bàn chuyện hằng ngày. Có hôm sau buổi cơm trưa tôi lại rủ bạn đi bẫn chim. Thế là chúng tôi lần lượt rượt chim từ bụi cây này sang bụi cây khác. Lắm lúc chúng tôi lại trèo lên mấy cành cây to sau vườn để nhìn những cảnh đồng bát-ngát, rải-rác một vài cậu chăn trâu ngất nghểu ngồi trên mình trâu.

Mỗi chiều chúng tôi cùng phụ lực tưới cây tưới kiểng, tưới rau và khi đâu đó xong xuôi chúng tôi lại đầm mình dưới sông mát-mẻ, hay với một chiếc xuồng con chúng tôi bơi dọc theo giòng nước.

Thôi còn nói gì những đêm yên-tịnh, dưới gốc xoài to trăng tỏ, với cây đơn thanh tao, với chiếc kèn êm-ả, chúng tôi trổi những bản nhạc du-dương, hòa theo làn gió nhẹ, ru hồn trong mây khói.

Và như thế chúng tôi sống những ngày đầy thú vị.

Ngoài ra tôi còn được dịp đi coi những nông phu làm việc ngoài đồng, những anh thợ dệt dệt vải trong xưởng dệt kế bên. Chúng tôi cũng đến trại đan để tò mò học vài cách đan rổ, đan thúng. Và cũng không quảng đường xa sang làng bên cạnh để tận mắt xem thấy cảnh nuôi tằm kéo tơ. Như thế chúng tôi được thâu thập nhiều điều mới lạ và thực-hành, phụ thuộc với những bài vở mà chúng tôi chỉ học suông ở trường.

Sống trong cảnh đồng-quê dẫu rằng chất-phác nhưng tôi ưa thích và cảm thấy khoẻ khoắn lạ thường. Tôi được ngủ-nghỉ thảnh thơi, được thở không khí trong sạch.

Thật là một cuộc đi chơi đơn-sơ mà hữu-ích cả tinh-thần lẫn vật-chất sau những ngày sống chen-chúc trong chốn phồn-hoa đông đúc. Những thì giờ êm-đềm thú vị ấy vẫn còn ghi rõ trong đầu óc tôi và mãi đến hôm nay, dầu thời-gian xa cách, tôi vẫn nhớ đến cuộc du chơi ấy, đến mực sống thanh bình ấy, và hễ mỗi lần chuông nhà thờ đổ thì người tôi như sống lại với tiếng ngâm-nga của chuông chùa trong buổi hoàng hôn tịch mịch.

RÉDACTION FRANÇAISE

Décrivez la sortie de votre école, un jour de pluie.

Développement

Maîtres et élèves sont en train de travailler dans les classes. Au dehors, il pleut, il pleut... La cour de l'école est couverte de flaques d'eau.

Tout à coup le tam-tam résonne. C'est l'heure de la sortie. Des rumeurs assourdissantes mêlées aux pépiements des petits élèves dominent la voix monotone de la pluie qui tinte sur la toiture et dans la cour.

Il pleut, il pleut. Personne n'ose traverser la cour. On s'assemble sur la véranda tout en bavardant ou en s'amusant gaîment. Au dehors le vent souffle par rafales et les grosses gouttes de pluie tombent une à une dans la cour. Un cyclo bien capoté passe sur la chaussée. On cesse de causer et hèle à qui mieux mieux la voiture. Une dizaine de cyclos succèdent au premier, traversent la cour boueuse et emportent à tour de rôle les heureux élèves.

Il pleut, il pleut. Les élèves qui restent encore sur la véranda sont inquiets. Cependant quelques uns, courageux, adossés de paraverse, le pantalon retroussé jusqu'aux genoux, bravent la pluie, montent lestement sur leur vélo et filent à toute vitesse. Alors, un grand nombre d'élèves les imitent : Des paraverses blancs, des paraverses jaunes, des paraverses verts, mouillés d'eau de pluie, comme des gnomes des contes de fées, se déploient dans la cour se rassemblent. Ils montent sur leur vélot et se dispersent comme un essaim d'abeilles.

Il pleut, il pleut. La plupart des élèves sont sortis. La cour de l'école semble endormie. Seuls quelques petits écoliers, la bouche bée, regardant la pluie ennuyeuse babillent des histoires somnolentes avec des arbres en pleurs dans la cour.

Un jeune écolier bâille. Il a envie de dormir. Comme c'est triste d'attendre la pluie cesser de tomber ! Déjà l'estomac broie le vide, déjà on s'attriste en entendant le « pin ! pan » ! inlassable et monotone de la pluie. Oh ! que nos pères ont raison en déclamant le vers « La pluie sans barrière ni blocus peut retenir l'invité » !

VOCABULAIRE

LE NOUVEL AN — LE CULTE DES ANCÊTRES

Năm mới — Sự thờ phụng tổ-tiên

Substantifs

Le nouvel an *năm mới*
la fête du Tết *Tết, tết Nguyên đán*
le jour de l'an *ngày đầu năm, ngày tết*
l'arbre porte bonheur *cây nêu*
la fleur *hoa*
le narcisse *hoa thủy tiên*
la branche de pêcher *cành đào*
le chrysanthème *hoa cúc*
les cadeaux *đồ biếu*
la confiture *mứt*
les bonbons *kẹo*
les liqueurs *rượu mùi, rượu ngọt*
le thé de Chine *trà Tàu*
le thé parfumé *chè ướp hoa*
les images *tranh ảnh*
les jouets *đồ chơi*
les vœux *câu chúc*
— de bonheur *chúc phúc*
— de richesse *lộc*
— de longévité *thọ*
les réjouissances *cuộc vui mừng*
la fête *lễ, hội hè*
le visiteur *khách*
la réception *sự tiếp đón*
les ancêtres *tổ tiên, ông vải*
le chef de famille *gia trưởng, tộc trưởng*
les objets de culte *đồ thờ*
le trône *cái ngai*
le brûle parfums *lư, đỉnh*
le chandelier *đèn nến*
les papiers votifs *đồ mã*
la cérémonie *lễ, lễ*
la prière *cầu khẩn, lời cầu nguyện*
la visite aux tombeaux *lễ tảo mộ, lễ thanh minh*
la tombe *mồ, mả*
le disparu *kẻ quá vãng*
le cimetière *nghĩa địa, tha ma*
le présage *cái điềm, cái triệu chứng*

Verbes

Se réjouir *vui mừng*
éprouver une grande joie *mừng rỡ*
saluer avec empressement *chào mừng*
fêter *ăn mừng*
souhaiter *chúc mừng*
s'incliner *cúi xuống*
se prosterner *phục xuống, phủ phục*
visiter *thăm viếng*
orner *trang hoàng*
décorer *trần thiết*
échanger des souhaits *trao đổi những câu chúc mừng*
murmurer des prières *âm nhẩm những câu khấn*
s'agenouiller *quỳ xuống*
faire des génuflexions *lạy, vái*
donner des étrennes *mở hàng*

THÈME

Năm mới — Sự thờ phụng tổ tiên.

Tết Nguyên-đán là tết lớn nhất trong một năm của người An-nam. Đến ngày đầu năm mọi người đều nghỉ công việc để ăn tết. Tết ấy ba hôm, mà ngày nào cũng lễ gia-tiên.

Ngày Tết, nhà nào cũng trang-hoàng, nào hoa thủy tiên, hoa cúc, cành đào. Ở trên bàn thờ ông vải thì trần thiết đẹp đẽ, đèn nến thắp sáng trưng. Ở giữa bàn thờ để một mâm cỗ. Người gia trưởng đốt hương, rót rượu, quỳ xuống trước bàn thờ khấn xong rồi vái lạy. Sau đến người nhà đến làm lễ khi lễ xong rồi, cả nhà quay quần lại ăn uống vui vẻ. Trong ba ngày tết người ta thường đến nhà mà chúc mừng năm mới cho nhau.

Le nouvel an — Le culte des ancêtres

Chez les Annamites, le Tết est la plus grande fête de l'année — A l'approche du jour de l'an, tous se reposent pour célébrer le Tết. Cette fête dure trois jours pendant lesquels on fait des offrandes aux ancêtres. Durant les jours du Tết, toutes les maisons sont ornées de chrysanthèmes, de branches de pêcher L'autel des ancêtres est joliment décoré, des chandeliers l'éclairent brillament Au milieu de l'autel est placé un plateau contenant un repas copieux — Le chef de famille brûle de l'encens, verse de l'alcool (dans les tasses), se prosterne devant l'autel, murmure des prières et fait ensuite des génuflexions Après lui, les gens de la famille viennent se prosterner à leur tour. La cérémonie terminée toute la famille se réunit pour manger joyeusement. Pendant les trois jours du Tết, les gens se font réciproquement des visites afin d'échanger des souhaits de nouvel an.

LECONS PARTICULIÈRES
DE FRANCAIS ET DE MATHÉMATIQUES
TOUTES CLASSES ET PRÉPARATION P. E. & Bacc.
PHAN-HUY-ĐỨC
PROFESSEUR
9/101A Edouard Audouit
Cours par correspondance pour élèves des provinces (groupe de 10)

Lớp đệ tam niên

VIỆT-VĂN

Đầu đề.— *Một người bạn viết thơ mượn trò một ít sách xem. T viết thơ trả lời, báo tin gởi sách và nói rõ nguyên nhơn tại sao ch những sách ấy mà gởi,*

Việt-Văn

Saigon ngày 18-12-1950 dương lịch

Cùng bạn Thành yêu mến,

Tôi rất vui mừng khi tiếp được thư bạn, dù kỳ thi « tam-cá nguyệt » s đến, tôi phải lo sửa soạn bài vở đặng thi, tôi cũng dành riêng cho bạn ít p để phúc đáp cho vui lòng bạn, Bức thư của bạn đã gợi lại trong lòng tôi b nhiêu kỷ niệm vui cũng như buồn.

Ôi ! Biết làm sao tả được hết cái xao xuyến trong lòng tôi khi đọc thư b

Tôi cảm động quá về chỗ bạn thân không có sách để đọc trong khi b muốn học hỏi thêm.

Gì chứ bạn mượn sách thì tôi sẽ vui lòng vô cùng. Đã nhiều lần tôi n đến hoàn cảnh gia đình bạn không cho phép bạn được học và có sách để đ tôi đã muốn ngỏ ý với bạn sẽ đưa bạn nhiều sách để bạn coi, nhưng lại chạm lòng tự ái của bạn.

Nay tiếp được thư của bạn tôi vui mừng phúc đáp và báo tin rằng : N tuần này tôi sẽ gửi sách xuống cho bạn. Tỉnh mà bạn ở có vui không ?.. điều chắc chắn là nơi bạn ở sẽ có sự im tĩnh hơn là Sài-thành, phải không b

Sau khi suy nghĩ kỹ càng, tôi liền soạn tủ sách để kiếm sách hợp với thích của bạn.

Bạn sẽ nhận được những cuốn này :

1°)— Một tập báo về huấn luyện thanh-niên đức-dục, trí-dục và t dục. Tập báo rất hợp với tuổi thanh niên ham học như chúng ta.

2°)— Hai cuốn về tư tưởng triết học của André Gide.

3°) – Một cuốn về thuyết lý xã hội J. J. Rousseau.

4°)— Một cuốn Tam dân Chủ nghĩa của Tôn-Văn.

5°)— Một cuốn Hán-Việt Tự-Điển để bạn nghiên cứu về Việt-ngữ một cuốn nói về Văn Phạm Việt-Nam của Cụ Bùi-Kỷ và Trần-trọng-Kim. sau hết là một bộ **Cần-Học** từ số 1 đến số 26 để bạn học thêm về nhiều m

Đó tất cả là những sách có giá trị mà tôi biết rằng bạn sẽ vui lòng lắm.

Chỉ lượt qua bản thống kê bạn cũng có thể thấy được người bạn chân thành của bạn đã hiểu bạn đến đâu. Sự ích lợi của nó bạn sẽ nhận thấy sau khi đã đọc qua. Nhất là bộ CẦN HỌC là bộ sách giáo khoa có giá trị về phương diện thực hành và ích lợi về nhiều môn. Ở đấy có rất nhiều mục, nào là mục Pháp văn Thực Hành, mục Toán học, mục Anh Văn mục dạy Về mục Kinh tế và nhất là mục Việt-Ngữ có nhiều lối như về cổ Thi văn, Ám tả, Tác văn, Học tiếng v...v...

Ngoài ra còn có mục mua vui của Cụ Trương-vĩnh-Tống là một chuyện xưa tích cũ.

Có điều đặc biệt nhất là những Giáo-sư đảm nhận bộ biên tập toàn là những Giáo-sư — Văn nhân — thi sĩ, có nhiều tài hằng lo cho một thế hệ thanh-niên.

Thôi nói nhiều e mất thì giờ bạn, bạn đọc xong rồi bạn sẽ nhận thấy.

Thư đã dài, mong bạn nhận lấy ở đây một lời chào thân mến của một người bạn học cũ lúc nào cũng nhớ tới bạn luôn. Từ nay, nếu muốn gì, bạn cứ thẳng thắn viết thư, tôi sẽ cố gắng làm vui lòng bạn.

Sau hết xin kính chúc cả gia quyến bạn được hai chữ an khang.

Chào học hỏi,

Bạn

Trần-quốc-Việt

TRÚCKHANH

— LEÇONS PARTICULIERES —

de Francais, de Mathématiques et de Vietnamien

B. E. et D. E. P. S. I.

S'adresser: M.M. Lê-Vân et Trúc-Khanh

20, Rue de Reims — SAIGON

RÉDACTION FRANCAISE

La joie est un devoir, dit un moraliste anglais..., la mélancolie, l'abattement et la tristesse sont coupables et pernicieux. L'homme joyeux est aussi l'homme actif et utile ; son âme n'est point rabougrie et racornie.

PLAN

I. La joie est un devoir :
- a. Nécessité de la joie
- b. La joie est le stimulant pour le travail
- c. Influence sur l'entourage.

II. I° La mélancolie, l'abattement, la tristesse :
- a. C'est le contraste : émission dans le travail
- b. Manquer au devoir
- c. Mauvaise influence sur l'entourage.

II° Culpabilité et danger:
- a. L'âme rabougrie et racornie de l'homme
- b. Le bessimisme : conséquences néfastes
- c. L'avenir assombri.

III. L'homme joyeux :
- actif
  - a. joie qu'il apporte au travail, son entourage
- utile
  - b. travail fructueux
  - c. services à la société.

DEVELOPPEMENT

Si le pain — ou le riz — est indispensable à la vie humaine et si l'ordre et la discipline sont utiles à la société, la joie est nécessaire à l'homme. La joie est recherchée comme tout objet de valeur, la joie attire vers elle tout son entourage comme le fait un aimant.

Qu'éprouvera-t-il, l'homme, dans une vie sans joie ? un dégoût, hélas ! Il apportera ce dégoût partout, dans son milieu, dans ses pensées et actes, et jusque dans son travail qui sera volontiers omis : il n'a pas cette joie qui incite au travail. De là, la joie est une obligation, un devoir même. Le travail est pour l'homme un devoir ; comment la joie ne le sera-t-elle pas la source du travail ?

Puisqu'il est en devoir de travailler, il en est de même d'être joyeux. L'homme joyeux apporte dans son milieu sa bonne humeur. La joie est contagieuse ; l'épidémie se répand rapidement. Le semeur de joie n'aura qu'à attendre la moisson : ses semblables ne tarderont pas à suivre son exemple qui, comme une tache d'huile sur le papier, sans cesse se propage. L'homme est en devoir de rendre heureux son prochain ; il en est responsable ; c'est la solidarité humaine. C'est ainsi

en semant la joie dans son entourage, l'homme travaille au bonheur de son prochain.

L'homme joyeux ne manque pas d'être le levain qui fera lever la pâte amorphe : son entourage. La joie qu'il sème parmi ses semblables un jour, portera fruit. Alors, son travail — le beau travail que celui d'un entraîneur se couronne de succès : la semence grandit, la pâte est levée. L'homme éprouve encore une fois une nouvelle joie, celle d'un devoir accompli, puisque c'est son devoir d'être joyeux.

Mais si la joie rend service, combien au contraire la tristesse, la mélancolie l'abattement nuisent ! L'homme triste se rend coupable de sa mauvaise conduite. La tristesse n'a pas raison d'être autant qu'elle obscurcisse la société. Une société sans joie ! C'est une société morte.

Pas de joie ; point de travail !

Autant que l'homme joyeux sème les bienfaits de sa doctrine — l'on peut dire — la joie, l'homme triste, mélancolique entraîne son entourage à la ruine, au désespoir. Ce ne sera pas un bel élan au travail ; ce ne sera qu'une contrainte : à contre-cœur, il se voue au travail. La vie qu'il mène ainsi sans joie, ni espoir sera-t-elle, sans exagération, pour eux, un enfer ? Dans cette société qui s'inspire de l'«idolâtre» de la tristesse, je me demande : où est l'ardeur ? Vivre, c'est lutter ! Comment peut-on compter sur ses soldats, idolâtres de la mélancolie ? La vie n'est pas sans lutte !

Savez-vous, l'homme triste, que vous vous êtes rendu responsable de ce malheur ? Enfin, il n'y a pas, certes, de raison de lui reprocher un tel forfait ; déjà, son âme rabougrie et racornie est dégoûtée de la vie. L'homme court à sa perte et entraîne à sa suite bon nombre de ses semblables.

L'homme triste et mélancolique est coupable de ce «meurtre» ; l'homme joyeux tâche de son côté remédier cette plaie de la société. Quel contraste ! L'omisson du devoir d'un côté l'ardeur de l'autre. Tout entier l'homme joyeux se donne au travail. Sans cesse, il éprouve le besoin d'agir, de travailler. Puisse cette ardeur servir d'exemple à son entourage et son travail fructifier ! Le travail est pour l'homme joyeux une source de vie. La joie, ce puissant stimulant, le pousse à son devoir ; il ne connaît pas l'oisiveté qui est la mère de tous les vices. C'est en travaillant qu'il connaît la joie, c'est par la joie qu'il travaille.

Là, son âme rafraîchie par la joie éternelle, comme une plante bien arrosée, se développe à merveille dans les vertus, tandis que son contraste, l'âme rabougrie et racornie de l'homme triste pour dissiper la mélancolie, cherche un oubli dans les pires passions.

Devoir d'élève de Taberd retouché

THÈME

Sống lâu

Đời người có hạn mà sự-nghiệp vô cùng, Cho nên người ta sống lâu về sự nghiệp, chớ không sống lâu về tuổi.

Những người có tài, có trí, không thấy có tóc bạc da mồi, ai cũng tiếc sao chẳng sống lâu ở đời để làm lấy công này nghiệp khác. Như thế chẳng những thiệt cho một người, mà cũng thiệt chung cho xã-hội. Cho nên làm người ở đời cũng nên sớm sớm gắng công lập nghiệp.

Thường tình người ta ai cũng tham sống mà sợ chết song trọng công-danh khinh sinh-tử, lại là ý-khí kẻ làm trai. Này có người đáng sống chín mười mươi vì ham muốn công-danh, lao-tâm khổ-tứ đến nỗi chỉ sống được năm sáu mươi, như thế không gọi là thiệt thòi được ; vì mệnh thì yểu mà danh thì thọ.

Vì thế người ta chỉ lo không có sự-nghiệp, để mang tiếng sống thừa không lo không được sống lâu, đầu bạc răng long để hưởng cho nhiều miếng ngọt miếng ngon của thế-giới.

Nam-Phong

Vivre longtemps

La vie a une limite mais son œuvre est immense. C'est pourquoi on vit longtemps par son œuvre et non par son âge.

Quand les hommes de talent et d'esprit meurent sans avoir la peau ridée et les cheveux blancs, on regrette que leur vie ne soit plus longue pour leur permettre de multiplier leur œuvre. Leur mort n'est pas ainsi seulement une perte individuelle mais aussi une perte pour toute la société. C'est pour cette raison que dans la vie chaque homme doit s'efforcer à se créer le plus tôt possible une situation (à se donner une fonction).

D'ordinaire, on s'attache à la vie et craint la mort, mais respecter les honneurs et mépriser la vie et la mort, est par contre la force d'âme des hommes viriles. Tel homme qui est vraiment digne d'une longue vie a enfin raccourci ses jours à cause de la conquête des honneurs et des fatigues intellectuelles qu'il s'est imposées. Mais ce n'est pas là une perte pour lui, car sa vie est courte mais sa réputation survivra longtemps.

En conséquence, on ne craint pas de ne pouvoir vivre longtemps jusqu'à l'extrême vieillesse pour profiter le plus possible des douces choses de la terre ; mais on craint surtout de ne pouvoir se créer une situation, sans laquelle on porterait le renom de l'homme inutile dans la vie.

P. K.

Lớp đệ tứ niên

Luận Việt-ngữ

Giải-thích và bình-phẩm câu tục-ngữ : **« Ngậm máu phun người trước dơ miệng mình ».**

Dàn-bài

1) *Nhập đề.*

2) *Giải-nghĩa* : { a) nghĩa đen
b) nghĩa bóng.

3) *Bình-phẩm* : { a) ý nghĩa đúng hay không ?
b) cho một thí-dụ hoặc ứng dụng vào một việc xảy ra trong xã-hội.

4) *Kết luận.*

Bài làm

1) Tục-ngữ Việt có câu : « *Ngậm máu phun người trước dơ miệng mình* ». Ấy là lời khuyên-nhủ đơn-sơ và các cụ già thường giải-thích cho con cháu, mà các ông thầy hằng dạy-dỗ trẻ thơ, mà cũng là một khẩu-hiệu luân-lý lạnh-lùng và ghê-rợn để răn-bảo bọn người hung-ác.

2) Đối với nghĩa đen của câu ấy, ta không thấy ẩn ý gì khúc-mắc khó hiểu, vì cũng chẳng phải là một lời nói quá cao siêu hay một tư-tưởng đầy triết lý của các bậc vĩ-nhân thánh-hiền. Nhưng nó rất rõ-rệt trong từng chữ và ta nhìn nhận ngay rằng khi ta ngậm một chất gì để phun vào người khác thì miệng ta đã phải bị dính chất ấy trước : và nếu chất ấy là máu, thì miệng ta lại càng dơ hơn.

Phần quan trọng của câu tục-ngữ trên là ta phải nghĩ rộng về nghĩa bóng. Thử hỏi tại sao người ta không nói : ngậm nước phun người... hay : ngậm một chất gì khác để phun người ? Mà lại nói: ngậm máu phun người... ? Khi ta giận cũng như khi có điều gì phạt ý, ta thường bảo : « tức muốn trào máu », hay « giận đến ói máu ». Mà thật thế, máu chỉ về một sự gì ghê ghớm, tượng trưng một hình-ảnh rùng-rợn, đáng lánh xa ; ta ngậm máu để phun vào mặt người, để cố ý làm hại người, hầu được một vài tư lợi chi, hoặc được thỏa dạ hài lòng về một điều gì, để đem lại sự đau-khổ cho người ta, sự nguy-hiểm cho người, và có lẽ cũng hại đến mạng sống quí quá của người nữa, vì người ấy là kẻ nghịch của ta kẻ thù của ta, và ta thề quyết không đội trời chung với người ấy... Nhưng, than ôi ! « thù người hại mình ».

3°) Thật là một câu tục-ngữ rất đúng về căn bản và rất hay về lý-thuyết. Lối văn tuy giản-dị, toàn những chữ thường thức trong ngôn-ngữ mà mọi người đều có thể dùng, đều có thể hiểu ; nhưng trong chỗ đơn-sơ mà thành thật, bao gồm nhiều sự dạy-dỗ xác-đáng về luân-lý cũng như về đạo-đức, đánh mạnh vào tâm-hồn của những kẻ gian-ác, ngăn-cản mưu-đồ cai-nghiệt, làm rung động quả gan dày phi-ác của họ. Họ ngậm máu để phun người thì họ đinh ninh rằng người đó sẽ bị mang lấy một lớp nhơ-bẩn, lem-luốt cả thân-hình, ghê-tởm từ mặt mũi đến chân tay mà họ có ngờ đâu là miệng họ đã bị dơ trước và dơ nhiều hơn nữa. Họ đã định-tâm hại kẻ khác hì rủi thay họ là người gánh chịu mối hại đầu-tiên.

Nhưng đáng tiếc là có một số người đi lần phải con đường đen tối ấy hành động một cách mù-quáng như câu tục-ngữ đi nói trên, không dè dặt, để rồi khốn thay ! ăn năn mà đã muộn ! Họ chỉ còn nước than thân trách phận, gánh lấy cái kết quả vô cùng thảm-khóc của việc họ đã làm.

Cũng như có một anh chàng kia tánh-tình hung-bạo, lòng dạ xấu xa. Một hôm anh tìm cách hại chú thợ gần bên vì chú nầy từ chối không chịu cho anh vay tiền. Trong đêm tối anh bắt trộm một con vịt của người cùng xóm về làm hịt ăn và lén bỏ mớ lông bên nhà chú thợ để sáng ngày người mất vịt tri-hô ên thì anh sẽ điền-nhiên mích-bảo kẻ đánh cắp. Anh chắc chắn trong lòng rằng phen nầy kẻ mà anh ghét sẽ bị ngồi tù ngay. Nhưng rủi thay, trong lúc hấp-tấp anh không cẩn-thận làm rơi-rớt vài cái lông vịt với những giọt máu đỏ trên đường hẽm từ nhà anh đến chỗ chú thợ. Thế là sau khi tìm hỏi và điều-tra kỹ-càng, anh chàng hung-ác kia phải vô-phúc lọt vào lưới luật pháp. Có lẽ trong những giờ đau-khổ trong lao tù anh sẽ hối-hận ăn-năn cho việc lỡ lầm, nhưng đã trễ và anh mới hiểu rằng : *Ngậm máu phun người trước dơ miệng mình.*

4°) Sau khi để tâm suy nghĩ chánh đáng ta mới nhận biết bao nhiêu sự giải thích trên là hiển-nhiên, không còn ngờ-vực mờ ám nữa, và câu tục-ngữ quí-hóa ấy thật là chí-lý, đang in sâu vào đầu óc ta như một điều quan trọng, để nhắc nhở ta khi một trường hợp bất ngờ đưa đến mà ta cần phải giữ lấy mình hầu tránh khỏi bao nhiêu điều xấu xa thảm-bại chẳng những cho người riêng ta mà có thể lan rộng đến gia-đình quyến thuộc của ta nữa.

PENSÉE

L'éducation est la base d'une nation et en même temps la force motrice de ses progrès Quelle que soit la prospérité industrielle, elle ne sert à rien si son peuple n'aura pas une bonne éducation. Car, sans éducation, il n'y a plus de vraie morale; et sans morale, la nation ne peut prospérer longtemps.

En effet, pour qu'un point soit déterminé il faut qu'il remplisse au moins deux conditions indispensables. Si nous ne considérons que la première condition en négligeant la deuxième, *ce point n'est plus déterminé et se trouve sur un lieu géométrique L*. Si nous reprenons la deuxième condition en faisant abstraction de la première, ce *point se trouve sur un autre lieu L'*.

2°) Construction

Dans cette deuxième partie du devoir, nous n'avons qu'à faire la *synthèse* des résultats obtenus dans « *l'analyse* ».

Or nous savons que le point à déterminer se trouve à la fois sur premier lieu L et sur le deuxième lieu L ': *il doit donc être à l'intersection des deux lieux*.

Il nous reste alors à *effectuer les constructions de ces lieux L et L'*.

3°) Discussion

Un problème n'est complètement résolu que dans le cas où nous nous sommes rendus compte du *nombre de solutions* qu'il peut avoir, et que nous avons étudié les *conditions de possibilité et d'impossibilité* qu'il présente.

Pour cela nous avons à étudier les différentes éventualités qui s'attachent aux divers cas de figure résultant de la position du point à déterminer Nous examinons ensuite si les raisonnements ou les tracés effectués sur une figure particulière s'appliquent bien à toutes les figures dont on fait l'étude.

En résumé, pour un problème de construction, nous devons rechercher 1) si, quelles que soient les données, la construction est possible. 2) et quand elle est possible, combien elle comporte de solutions.

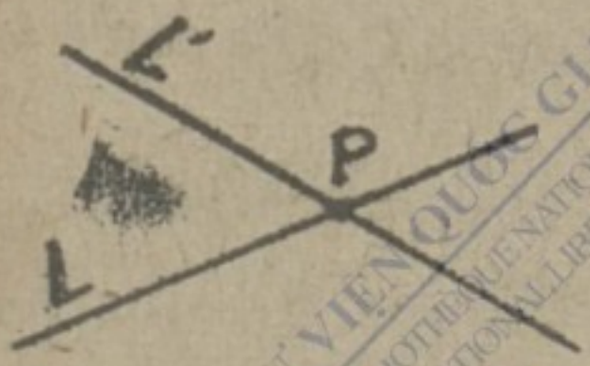
Or, ce qui nous concerne, le point à déterminer *ne peut être que le point d'intersection des deux lieux L et L'*, et que ces lieux sont toujours des droites ou des cercles (En géométrie plane, le lieu est une ligne droite ou courbe). Nous pouvons donc appliquer les principes généraux suivants :

1° cas). — **Les deux lieux L et L' sont des droites.**

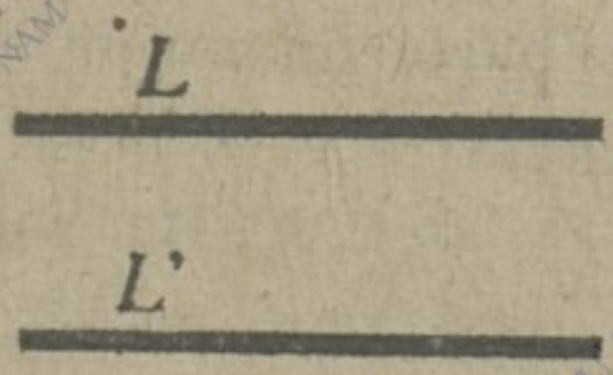
a) Si les deux droites L et L' *se coupent*, elles ont *un point commun P* et le problème admet *une solution.*

b) Si elles sont *parallèles*, elles n'ont *aucun point commun* et nous n'avons *aucune solution.*

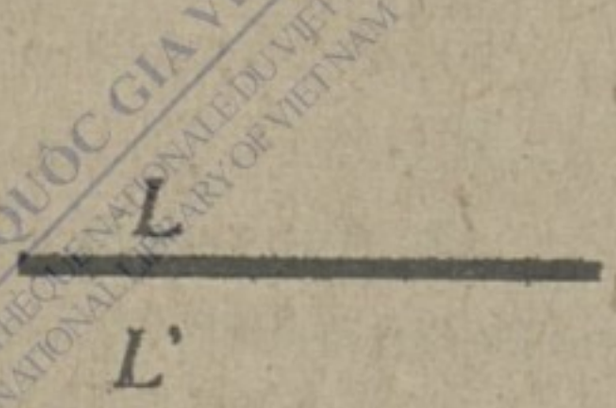
c) Si elles sont *confondues*, tout point de la droite L est sur la droite L' et le problème admet une *infinité de solutions.*



1 Solut.



O Solut.



Infin-de Sol.

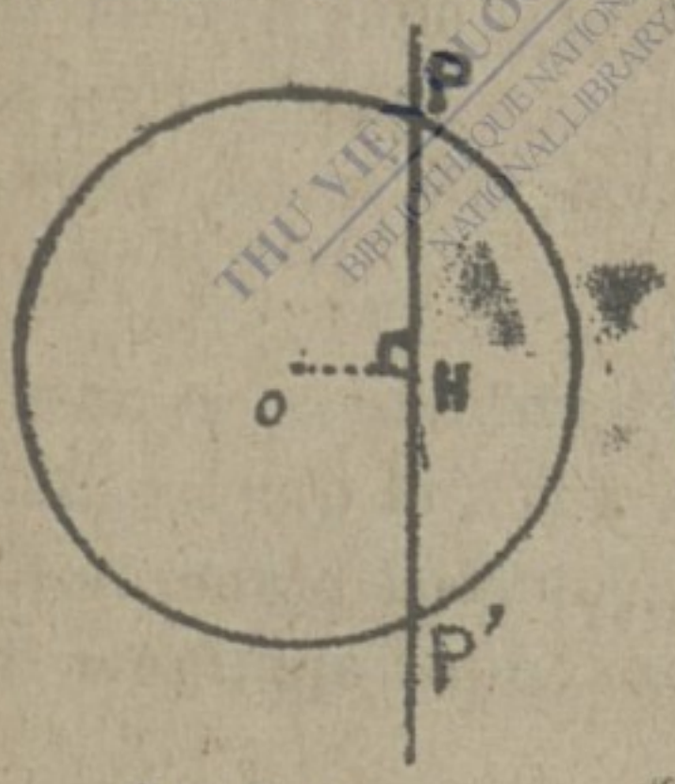
2e Cas) — **Les deux lieux L et L' sont une droite et un cercle.**

Soient R le rayon du cercle L' et d la distance du centre de ce cercle à la droite L.

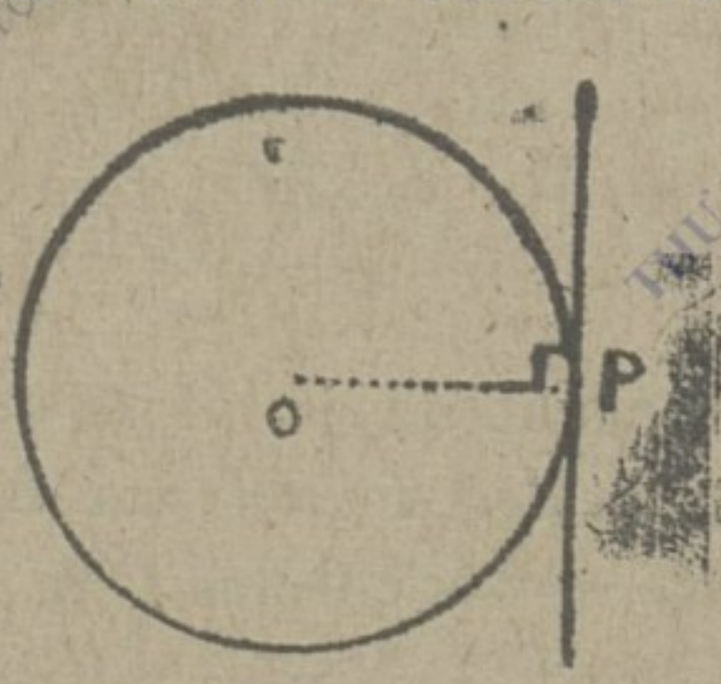
a) Si $\boxed{d < R}$ la droite L coupe le cercle L' en *deux points P et P'*. Et le problème admet *deux solutions.*

b) Si $\boxed{d = R}$ la droite L est tangente au cercle L' en *un point P* et nous avons *une seule solution.*

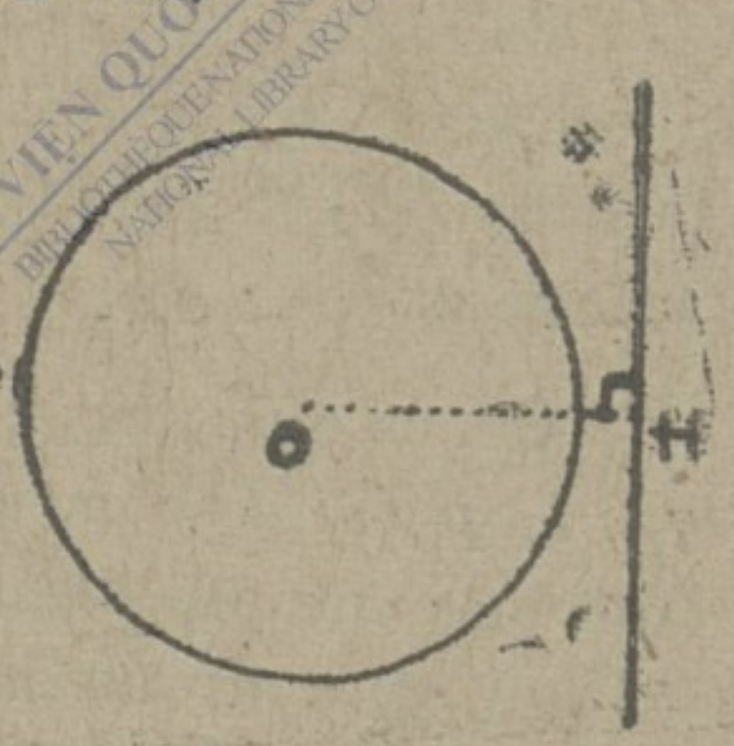
c) Si $\boxed{d > R}$ la droite L et le cercle L' n'ont *aucun point commun.* Et le problème n'admet *aucune solution.*



2 Solut.



1 Solut.

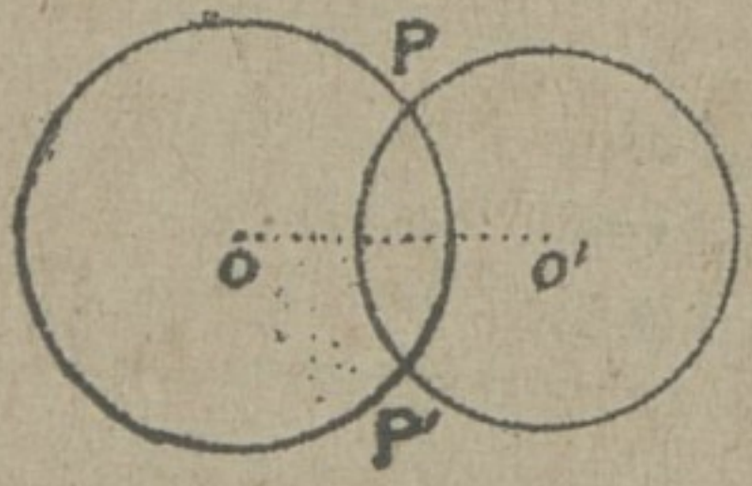


O Solut.

3e cas) Les deux lieux L et L' sont des cercles.

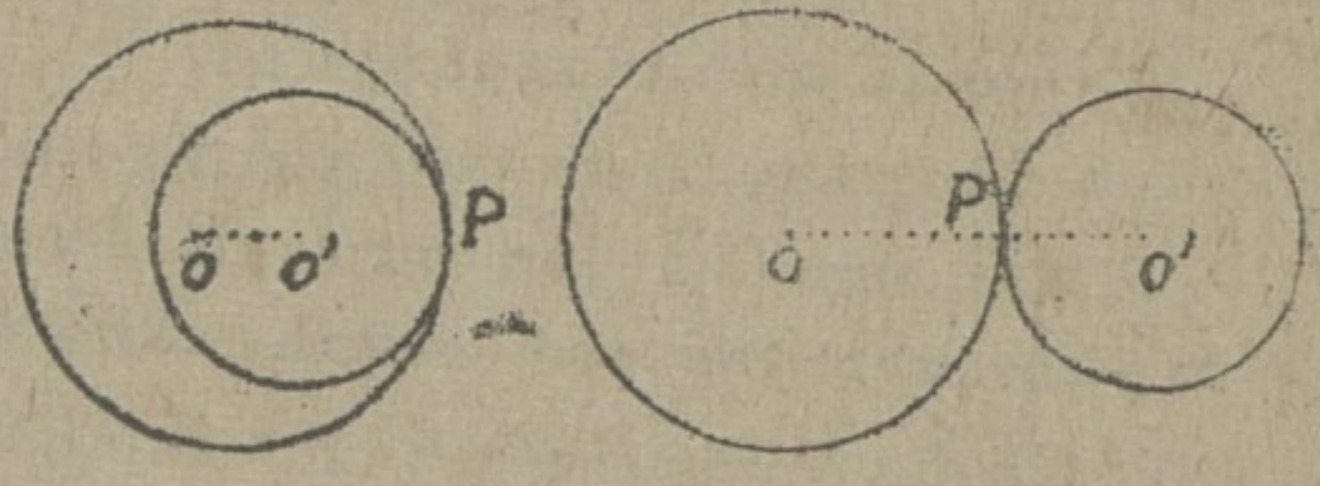
Soient R le rayon du cercle L, R' le rayon du cercle L' et d la distance des centres des deux cercles.

a) Si $\boxed{R - R' < d < R + R'}$, les deux cercles L et L' sont *sécants* et, par suite, ont *deux points communs P et P'*. Le problème admet ainsi *deux solutions*,



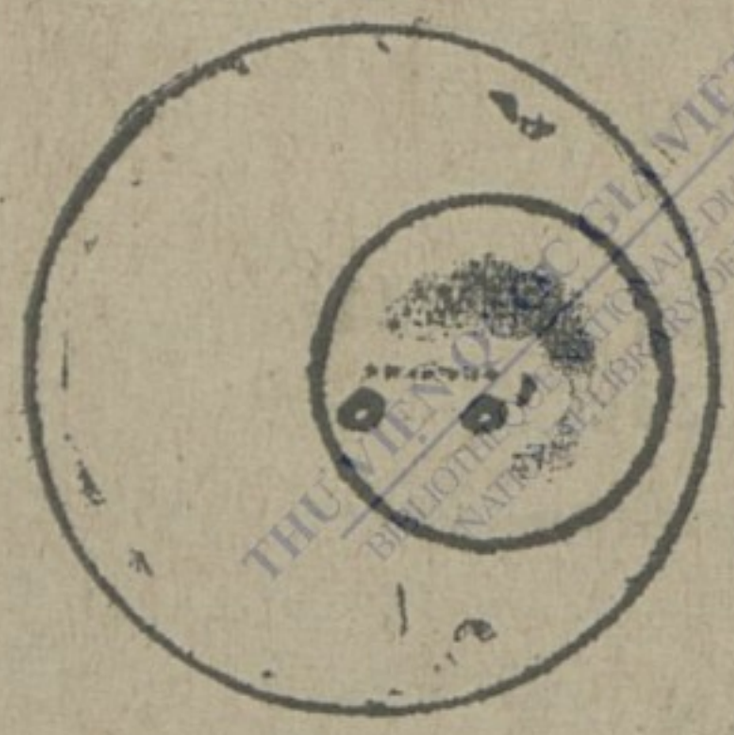
2 Solut.

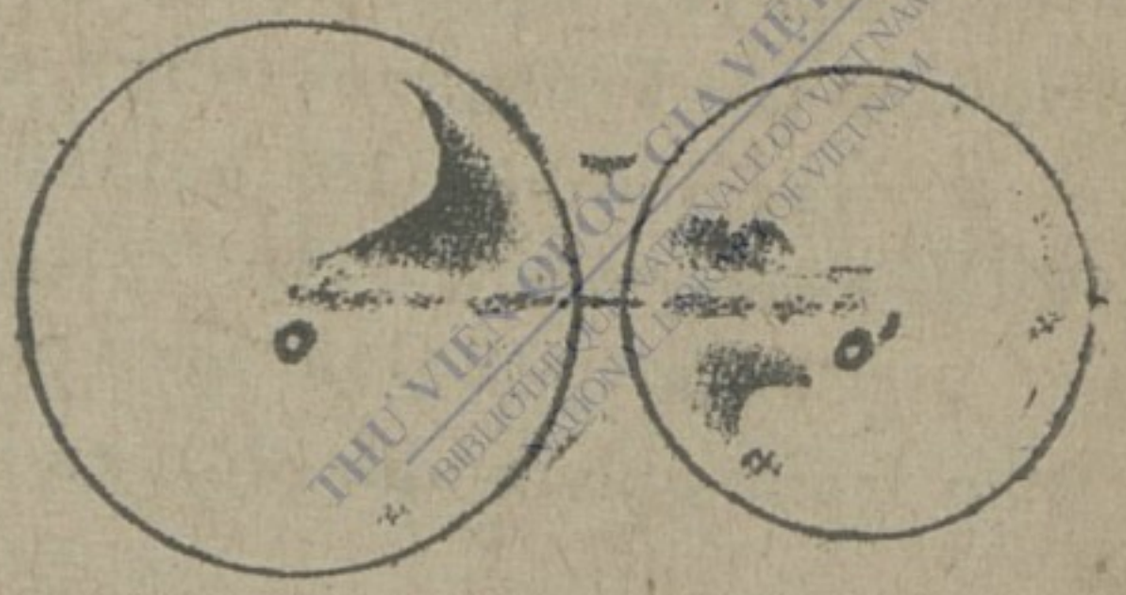
b) Si $\boxed{d = R - R' \text{ ou } d = R + R'}$, les deux cercles L et L' sont *tangents intérieurement* ou *tangents extérieuremet* et, par suite, n'ont qu' *un seul point commun* P. Nous avons alors *une seule solution*.



1 Solut.

c) Si $\boxed{d < R - R' \text{ ou } d > R + R'}$, les deux cercles L et L' son *intérieurs ou exterieurs l'un à l'autre*, et par suite, n'ont *aucun point commun*. Le problème n'admet donc *aucune solution*.





0 Solution

Remarque. — Que ce soit dans le premier, dans le deuxième ou troisième cas, *le problème admet autant de solutions qu'il y a de points communs aux deux lieux L et L'.*

(à suivre)

XUAN SA

Prochain numéro : Quelques exemples de construction.

Truyện Thúy Kiều

(TIẾP THEO CẦN HỌC SỐ 26)

Dùng-dằng nửa ở nửa về,
Nhạc 1) vàng đâu đã tiếng nghe gần gần.
Trông chừng thấy một văn-nhân (2),
Lỏng buông tay khấu (3), bước lần dặm băng (4).
Đề-huề (5) lưng (6) túi gió trăng (7),
Sau lưng theo một vài thằng con-con.
Tuyết in sắc (8), ngựa câu (9) dòn (10),
Cỏ pha mùi áo nhuộm non da trời (11).
Nẻo xa mới tỏ mặt người,
Khách đà xuống ngựa, tới nơi tự-tình (12).
Hài văn (13) lần bước dặm xanh (14),
Một vùng như thể cây quỳnh, cành giao (15).
Chàng Vương quen mặt ra chào,
Hai Kiều (16) e-lệ nép vào dưới hoa.
Nguyên người quanh-quất đâu (17) xa,
Họ Kim tên Trọng, vốn nhà trâm-anh (18).
Nền phú-hậu (19), bật tài-danh,
Văn-chương nết đất (20), thông minh tính trời (21).
Phong-tư (22) tài mạo tuyệt vời (23),
Vào trong phong-nhã (24), ra ngoài hào-hoa (25).

DỊCH PHÁP VĂN

Indécise, elle ne pouvait se résoudre à rester ni à s'en aller.
Tout à coup se fit entendre un bruit clair de grelots.
En regardant dans la direction du bruit ils virent un lettré.
Qui, la bride lâchée, allait au pas sur le chemin,

Portant sur lui un sac à moitié rempli de vent et de lune (c'est à dire de bagages futils comme sont ceux des lettrés en voyages),

Derrière lui, suivaient quelques petits garçons.

Son poulain étaient blanc éclatant comme la neige.

Sa robe teinte de bleu ciel clair, avec une légère nuance de vert végétal.

A peine l'eût-on distingué de loin.

Que le cavalier mit pied à terre et vint faire ses devoirs de politesse,

Ses chassures brodées foulèrent le chemin gazonné.

Tout ce coin ressemblait alors à une forêt dont les arbres fussent de rubis et les branches de pierres précieuses «giao».

Vương qui connaissait le beau cavalier se détacha du groupe pour aller le saluer.

Quant aux deux jeunes fitles, toutes timides, elles se dissimulèrent parmi les arbres fleuris.

C'était un habitant du voisinage de la famille et non pas un inconnu venu de loin.

Son nom de famille était Kim, son petit nom Trọng. Il était d'une famille de lettrés.

C'étaient des gens opulents et généreux, des hommes de talent.

La culture littéraire était parmi leurs vertus héréditaires et l'intelligence, un de leurs dons naturels.

Les manières, les talents, la physionomie, tout de ce jeune homme, était au dessus du commun.

Chez lui, c'était un homme de bonnes manières : dans le monde, il était d'un commerce agréable.

(*N. V. V. dịch*)

CHÚ

1.— *Nhạc* : lục-lạc đeo cổ ngựa ; ở đây chỉ tiếng kêu, gọi tắc là « nhạc ».

2.— *Văn-nhân* : người học trò, kẻ chuyên học văn-chương thi phú. Ngày xưa, ở Tàu và nước ta, người học trò ăn mặc và có dáng điệu riêng biệt ai thấy cũng biết ngay, dù thoáng nhìn ở xa cũng thế.

3.— *Khấu* : giây cương ngựa *lỏng buông tay khấu* là cho ngựa đi thông thả, không giựt giây cương thúc, hối.

4.— *băng* : đi, đến một nơi nào.

5.— *đề-huề* : Cụ Phan-bội-Châu đã dùng chữ *đề-huề* sau khi

xét kỹ cho là đúng và hay hơn chữ : *hợp-tác* hay *cộng-tác* quá khô-khan và thiếu ý tỏ tình thân-thiện, thân-ái.

6. – *lưng* : không đầy, còn lưng, có phân nửa.

7.— *lưng túi gió trăng* : do chữ : *bán nang phong nguyệt* : nửa túi gió trăng ; ý nói về tao nhã của một văn-nhân.

8.— *tuyết in sắc* : màu trắng như tuyết.

9.— *ngựa câu* : ngựa còn tơ. Ta thường nói *bạch câu* là con ngựa trắng còn tơ.

10.— *dòn* : đẹp, xem nổi bật vẽ đẹp lên.

11.— *cỏ pha mùi áo...* : màu cỏ xanh hợp với màu áo nhuộm màu xanh non của da trời, màu lam.

12.— *tự tình* : nói chuyện, trao đổi ý kiến. Không nên lầm với nghĩa thường nói ngoài miệng : tự-tình là trai gái tỏ tình yêu với nhau.

13.— *hài văn* : giày của nhà văn. Người học trò đi giày khác kiểu với người học võ.

14.— *đặm xanh* ; đồng cỏ xanh.

15. – *cây quỳnh, cành giao* : theo điển tích xưa có người vì chàng Vương-Diễn đẹp như cây ngọc giao ở trong rừng ngọc-quỳnh ; *Vương Diễn như quỳnh lâm giao thụ*. Đây chỉ Kim-Trọng là người rất đẹp.

16.— *Hai kiều* : hai người con gái đẹp,

17.— *đâu* : không phải *đâu xa* : không phải ở xa. Ý nói Kim Trọng là người ở gần đấy, quanh quất trong vùng, chớ không phải ở xa,

18.— *Trâm anh* : *trâm* là cái gài tóc, *anh* là giải mũ. Ngày xưa thi đậu Tiến-sĩ trở lên mới được đội mũ gài trâm, ở đây chỉ Kim-Trọng là con nhà quyên qui.

19.— *Nền phú hậu* : nhà rất giàu có.

20.— *Văn chương nền đất* : nhà dòng dõi văn chương, *nền đất* : đất tốt. Những người tin theo Địa lý cho rằng được giàu có, làm quan có quyên thế vân vân... đều do mồ mả ông cha chôn nhằm huyệt đất qui.

21.— *Thông minh tính trời* : tinh thông minh trời phú cho.

22.— *Phong tư* : dáng dấp xinh đẹp.

23. – *Phong tư tài mạo tuyệt vời* ; dáng dấp tài nghệ, dung nghi đều đẹp, hay, tốt hơn mọi người.

Có bản chép là :

Thiên tư dung mạo khác vời

và có bản ;

Thiên tư tài mạo chót vời.

24.— *Phong nhã* ; dáng điệu trang nghiêm, đàng hoàng.

25.— *Hào hoa* : hào phóng xa-xỉ.

GIẢNG

Còn đang dừng dằng chưa muốn về hẳn, bỗng nghe tiếng nhạc ngựa từ xa lan đến. Nhìn ra, thấy một người học trò dáng điệu tao nhã, cỏi ngựa đi chậm-chậm với mấy đứa trẻ theo sau. Ngựa cau trắng như tuyết, áo nhuộm màu xanh da trời pha lẫn màu cỏ tươi. Vừa nhận được mặt người thì khách đã xuống ngựa đến trò chuyện.

Bước đầu trên đám cỏ xanh, khách quả là một người đẹp vô cùng khiến ta có cảm tưởng như thấy cả vùng ấy biến thành rừng cây ngọc quỳnh và cành ngọc giao.

Vương Quan có quen, ra chào khách. Thúy Kiều và Thúy Vân thẹn đứng nép vào khóm hoa. Không phải ở nơi xa, ấy là người ở quanh đây họ Kim tên Trọng con nhà quyền quí. Giàu sang, đa tài lẫn danh, chàng nối dòng con nhà văn chương và có tánh thông minh tự trời phú. Dáng dấp, tài nghệ, dung nghi đều tốt, đẹp, hay hơn mọi người, lúc ở nhà, chàng nghiêm-chỉnh, đàng-hoàng, khi ra đường thì rộng-rãi, hào-phóng.

BÌNH

— Cùng một tiếng *đâu*, trong câu : « Nhạc vàng *đâu* đã tiếng nghe gần gần » có nghĩa là *ở đâu*, nghe tiếng nhạc mà không biết *ở đâu* ; còn trong câu : « Nguyên người quanh quất *đâu* xa » lại có nghĩa là *không phải*, ở gần đó, chớ *không phải ở xa*.

Khéo dùng chữ là đấy. Đọc truyện cần phải để ý mới thông được.

— Tác giả khéo vẽ bức tranh tuyệt đẹp : trên nền cỏ xanh, một người mặc áo xanh cỡi ngựa trắng, có vài đứa trẻ theo sau, đến lúc người ấy bước xuống thì cả vùng đường như biến thành khu rừng toàn cây ngọc-quỳnh và cành ngọc-giao ?

Vẽ đẹp của người bấy giờ chỉ tả theo một điển-tích xưa, không còn gì gọn hơn nữa.

Còn về gốc gác, tâm-tư, tánh tình của Kim-Trọng, thật là đầy-đủ từng khoản một, gói ghém trong 5 câu.

LÊ-HƯƠNG.

Concours d'admission en 1ère Moderne

RÉDACTION FRANÇAISE

En quoi l'éloquence religieuse de Bossuet est de la littérature classique

Directives

Ce devoir est une question de cours. N'oubliez pas que ce qu'on vous demande, c'est de prouver que vous avez au moins lu les pages importantes des œuvres de l'écrivain sur lequel on vous interroge (car à l'examen comme au concours, on ne vous demande pas de tout connaitre. Cependant ou vous demande defaire preuve de *personnalité* et non pas d'écrire sur votre devoir des chapitres entiers d'un manuel de littérature ou d'un cours. *Exprimez vos idées à vous, exprimez-les dans votre style à vous.* Que dira vexaminateur si, au lieu de votre composition de vous, lit une page d'un écrivain ou d'un professeur ? De vous, il ne voit rien. Il pourra vous offrir un zéro tout rond.

PLAN DÉTAILLÉ

Introduction

Tout orateur doit être un manicur d'hommes : il doit savoir disposer à son gré des sympathies et antipathies de ceux qui l'écoutent. Quoique ses sermons et ses oraisons funèbres contiennent la parole dos Pères de l'Eglese Bossuet se cousidèrecomme l'interprète de la parole divine. Il s'ieforce d'y apporotes des raisons claires et distinctes comme celles des écrivains classiques de son époque.

I *a*) **L'éloquence religieuse avant Bossuet :**

Dans la première moitié du XVIIe siècle, l'éloquence ligieuse n'est qu'une rhétorique ingénieuse et l'roteur mêle dans sa déclamation ampoulée des po nteus subsiles et précieuses. L'orateur pupolaire, au certraire: frôle le réalisme grossier.

b) **Premiers sermons de Bossuet**

Comme ses devanciers, Bossuet ne peut pas frayer d'awlerd um ohemin hors du commun, Cédé au désir de briller. il emploise bien de subtilité dans ces divisions si peu naturelles. Ses sermons remplissent trop de métaphores et trop de « grand style ». Progressivement, il s'est corrigé et a trouvé une juste mesure.

II.— Qu'est-ce que la littérature classique.

Elle consiste dans un certain nombre de règles que Boileau dans l'*Art poétique* a *codifiées* mais non créées, car avant la parution de cette œuvre, les principaux ouvrages du XVIIe siècle sont déjà produits. L'esprit classique se résume dans la devise suivante :

Aimez la raison. Que toujours vos écrits
Empruntent d'elle seule et leur lustre et leur prix. (Art poétique I, 37.)

Le classicisme est donc la *raison*, c est à dire l'ordre, l'équilibre, la mesure, la clarté.

a. — Ainsi compris, la raison se trouve fréquemment chez Bossuet, par exemple :

Jamais Bossuet ne raffine, ne subtilise comme le font certains de ses contemporains, les éternels sujets du péché, des vertus chrétiennes, de la foi, de la parole de Dieu. Les grands thèmes de la religion emplissent les sermons, les dominent. Ce sont bien les « termes sacrés » de l'Ecriture. Dans ses oraisons funèbres, la personne illustre du mort s'efface davantage dans le grand drame de la mort chrétienne. Bossuet utilise un art si subtil que les divisions et le plan du discours deviennent non plus une adresse, mais une recherche de clarté et de logique. Bien que les textes des discours soient tirés dans l'Ecriture sainte, Bossuet montre volontiers à ses auditeurs qu'il y a des motifs raisonnables d'y croire. La *raison* intervient très souvent dans ses sermons pour établir que la doctrine prêchée par lui est conforme aux principes du christianisme de ce temps.

b) *La sensibilité de Bossuet*

Bossuet a montré constamment dans son œuvre qu'il laissait parler son cœur. Il a su s'adapter à des auditoires très divers, c'est pourquoi ses sermons et ses oraisons funèbres sont d'admirables documents d'histoire des mœurs. C'est bien la société du XVIIe siècle qui vit en eux. On y voit les vices des grands, la misère des pauvres.

Bossuet est à sa foi tout entier : La Bible règle toute sa vie. Il s'oriente vers elle, tout se subordonne à elle, éruditon, controverse,

enseignement. Il n'est pas à proprement parler un philosophe. Pourtant il existe une philosophie de Bossuet car un esprit chrétien est un esprit philosophique. A ses yeux, le grand problème est la Providence et la destinée du genre humain, «la véritable sagesse est celle qui s'attache aux biens éternels». D'après Bossuet l'enseignement moral qui se dégage des Oraisons funèbres est de «faire pénétrer, à l'occasion d'un éloge, une grande leçon au cœur d'un auditoire chrétien».

c) Le *lyrisme de Bossuet*.

Bossuet conquiert surtout ses auditeurs par son pathétique. Si ce pathétique est toujours réglé par la raison et s'il n'est pas partout véhément, il est perpétuel. Bossuet se passionne pour sa tâche il aime Jésus-Christ, la doctrine de l'Eglise, l'âme de ceux à qui il prêche ; il désire ardemment les convertir. De là est sa constante émotion.

Comme on trouve dans les discours de Bossuet les principaux types de portraits, on y trouve les principaux types de maximes. Il est moraliste. Mais il a su ajouter dans sa leçon de morale la pitié pour «cette pauvre brebis qui se laisse tondre» ou la vénération pour «cette face majestueuse qui s'offre, droite et immobile, aux crachats de la canaille. Il ajoute quelquefois dans ses sermons une ironie amère qui évoque la voix d'en haut.

CONCLUSION

Pénétré d'une poésie humaine, respectant l'esprit de la raison de son temps, Bossuet étale dans ses sermons et dans ses Oraisons funèbres avec les contraintes que cette éloquence religieuse lui imposait les vraies qualités d'un écrivain classique digne de la devise de Boileau.

L. V.

Muốn lo tương-lai cho con em, xin các Phụ-huynh Học-sinh nên mua Cần Học ngay từ đây, hoặc mua lẻ, hoặc mua dài hạn, để đủ bộ, đủ bài học.

Mua dài hạn thì có lợi hơn nhiều : giá tiền ít hơn mua lẻ. Ở Saigon-Cholon-Giadinh có người đem Cần Học đến nhà, ở xa nhờ Sở Bưu-điện giao đến. Nếu có lạc mất số nào, xin cho Tòa-soạn hay thì sẽ gởi đến để đủ bộ.

La Grammaire pratique pour tous les degrés

La fonction complément (suite)

Remarques particulières sur le complément d'objet direct et le complémet circonstanciel.

Un *complément d'objet direct* peut être précédé d'une *préposition* et dans ce cas, il ne doit pas être confondu avec un *complément d'objet indirect* ou un *complément circonstanciel*.

Exemples :

1·) Il aime *à* chanter

2·) Elle éprouve *de* la joie.

Dans le premier exemple; le verbe « *aime* » est un verbe *transitif direct* qui admet le verbe à l'infinitif « *chanter* » comme *complément d'objet direct*. La préposition *à* n'a pas de fonction grammaticale et a ainsi une *valeur explétive*.

Dans le second exemple, le verbe « *prouve* » est aussi un verbe *transitif direct* qui admet le nom « *joie*» comme *complement d'objet direct*. La préposition *de* forme avec l'article défini *la* un *article partitif*.

Si le verbe « *éprouve* » est mis au *passif* (*La joie est éprouvée par elle*), nous remarquons que le nom « *joie* » devient alors *sujet* du verbe «*est prouvée* ».

D'où cette remarque :

Remarque. – *Un complément, qu'il soit précédé ou non d'une préposition, est complément d'objet direct quand il peut être sujet du verbe mis au passif.*

(à suivre)

XUÂN-XA

COURS SECONDAIRES XUÂN SA
37 Rue Heurteaux SAIGON
BACC, DIPLÔME, BREVET

Trích trong sơ-thảo quyển

VIỆT-HÁN-PHÁP TỪ-ĐIỂN

của ĐOÀN-PHÔ-VĨNH

Vi trùng. — *Bacterie* n. f ou *microbe* n. m. (*Vi* : thật nhỏ ; *trùng* ; loài sâu bọ ; tên gọi chung loại động-vật đây có nghĩa là một thứ sinh vật rất nhỏ cũng thường gọi là *vi khuẩn* hay *mi.k'uẩn*) (Y-HỌC).

Một thứ sinh-vật rất nhỏ chỉ nhờ kiến hiển-vi mới thấy, mới phát-lộ ra được. Vi-trùng thuộc về loài *đơn-tế_b.o* (unicellulaire) nghĩa là chỉ có một tế-bào mà thôi và không có *lục-diệp-chất* : (Chlorophylle) không có chất xanh của lá cây, hình như tương_tự với giống rong rêu (*Algue* : hãi tão),

— Người ta chia ra hai giống vi-trùng :

a). — *Cầu khuẩn* (microcoque ou micrococcus) tức là vi-khuẩn hình tròn mà hai bề trực-kính bằng nhau ; b) *Vi_khuẩn trì-thủy* (bactériacées) có hai trực-kính không đồng nhau, gồm có *vi-khuẩn* (bacilles) và *loa tạng-khuẩn* (spirille).

II) Kính hiển-vi và những đặc-loại về vi-trùng

Trong y-học-giới người ta khu biệt ra 10 giống vi-trùng : 1·) *Tào cầu khuẩn* (streptocoque pyogène) thứ sinh ra mũ ; 2·) *Não_mạc_khuẩn trên xu-xoa* (méningocoque sur gélose) ; 3) *vi khuẩn hình giống trái nho* sinh ra những bệnh mụt nhọt (staphylocoque) ; 4·) *vi-trùng bịnh dịch hạch* microbe de la peste) ; 5) *vi-khuẩn của ông Eberth* phát_minh ra (*Eberth* nhà bác sĩ *Đức* chuyên-môn về khoa vi-trùng_học phát kiến ra một thứ vi-khuẩn sinh ra bệnh ban cua (fièvre typhoïde) ; 6·) *vi_khuẩn than trên xu_xoa* hình dài (charbon sur gelose) ;

7·) *Vi-khuẩn kinh phong* (Bacille de tétanos) 8·) *vi khuẩn hình giống cái phết* và có nhiều chia (vibrion septique) ; 9·) *Vi-khuẩn của yết-hầu* (bacille diphtérique) ; 10·) *Vi-khuẩn lao* do bác_sĩ *Koch* phát minh ra.

D.n. : *Vi-sinh vật : vi-khuẩn : vi-khuẩn hình dài* (bactérie) ; *mí-khuẩn.*

Vi-trùng-học Đ. ch. : *Vi-trùng* ; *học* thuộc về môn học ấy) *(Sinh-vật-học),*

Một ngành khoa-học nghiên-cứu về tất cả những cơ-thể rất nhỏ và cực-vi mà những cơ-thể ấy thuộc *thực-vật-giới* như vi-khuẩn, hãi-tão, nấm hay *động-vật-giới* như nguyên-sinh động vật (les protozoaires).

II.— **Vi-trùng-học và tiên sinh Pasteur.**

Nhà bác-học **Pasteur** phát-minh ra môn vi-trùng-học, một sáng chế cực kỳ trọng-đại trong *sinh-vật-học* và *y-học*, Vi-trùng-học chia ra làm hai nghành :

a *Ngành khoa-học* — b) *ngành kỹ-thuật* (technique thuộc về chuyên môn.

— *Ngành khoa-học* chuyên việc nghiên cứu vi-trùng, hình-thức của nó thuộc về *chẩn-đoán-học* (diagnose) và sinh-lý-học của giống vi-trùng ấy. Người ta lại nghiên-cứu những điều-kiện về cách nuôi vi-trùng và những sự biến-đổi về phản-ứng (réaction) về màu sắc và chất độc-tố (virulente) sinh ra.

— *Ngành kỹ thuật* nghiên cứu về sự men lên (fermentation), những tác-dụng về độc-chất thường sinh ra bệnh và có những phương kế ngừa trực tiếp như thuật *sát-vi-trùng* và *phép phong hủ* (asepsie) hay là gián-tiếp như dùng *huyết thanh* (sérum) hay là thuốc *phòng-bệnh-miêu* (vaccins).

Môn *vi-trùng-học* ngày nay đã chiếm một địa-vị trọng-đại về phương diện *kỹ nghệ* và *thực-hành.*

Về quan-điểm *kỹ nghệ* là sự sinh-sản ra những thứ rượu có chất men. Người ta còn áp dụng về phương-diện *thực-hành* như phép *chẩn mạch*, phép trị *bệnh dịch* và những *bệnh truyền nhiễm*, — phép *phòng-bệnh-pháp* (prophylaxie) cho người ta, cây và loài thú.

III Nhà «bác-học» Phạm-hữu-Chí và môn vi-trùng-học

Y-học-giới hoàn-cầu mỗi khi bàn đến vấn-đề *vi-trùng-học* thì có kể đến danh ông *Phạm hữu-Chí* : một bác-sĩ còn thanh xuân nhưng tài năng lại hiển-hách trong nền y-thuật.

Tiên-sinh xuất-sinh vào năm *Tỵ* và mạng vong năm *Canh-Dần* vào ngày 25 tháng giêng (âm-lịch) hưởng thọ được 33 tuổi (1905-1938) Thân phụ của ông quí danh là *Phạm-hữu-Đức*, nguyên là Thanh-tra trường tiểu-học ở tỉnh, quê ở *Bà-rịa* hiện còn sanh tiền, niên-kỷ trên tám mươi. Mẫu-thân của ông quí nhân danh là *Nguyễn-thị-Cang* từ trần năm 1910 lúc ông *Phạm-hữu Chí* tuổi, mới nên năm. Đến 9 tuổi ông đâu sơ-học đến 16 tuổi ông đồ văn-bằng tú tài với bao-tưởng hữu hạng. Bẩm-phú vốn rất thông-minh và sự học-vấn rất xuất-sắc.

Lúc bây giờ ông lưu-trú tại *Hà-nội* từng học tại *Y-khoa đại-học-hiệu* được qui ông giáo-sư mến tài. Năm 1925 ông sang *Pháp* để tiếp-tục niên-học và sự nghiệp của ông đã kiến-lập tại thủ-đô **Bá-lê**.

Bài học của ông rất xán-lan được *Thầy* và *Bạn* mến phục. Trong hàng giáo-sư dạy đỗ ông thì chỉ có tiên-sinh *Lemierre* và *J. Reilly* mến ông nhiều hơn hết. Ngoài ra như các nhà bác-học *F. Lejars, P. Brocq, Coyon, A. Laporte, Pelliesier, S. Huard, Oumansky, J. Marie, Barietу, Caroli, Merle d'Aubigne, Funck, Brentano, Ribierre, P. Feissier* v.v.

Tiên-sinh *Phạm-hữu-Chí* nổi danh trong y-học-giới hoàn-cầu là nhờ quyển **Luận-cương tiến-sĩ** nhan đề là : « **Les septicimies dues au Bacillus fusiformis** » tạm dịch là « **Chứng bại-nuyết do giống vi-trùng funduliformis** » dài đến 284 trang trình bày năm 1938 nhờ ông giáo-sư *Lemierre* chăm nom và ông là nghị-trưởng của Luận-cương ấy (Président de Thèse). Trên đầu quyển sách có hàng chữ : « *Travail de la clinique des maladies infectueuses* » tạm dịch là « **Bài khảo-cứu ở y-viện về những bệnh truyền nhiễm** » (1) Bệnh-viện lớn nầy là bệnh-viện *Claude Bernard* mà ông là *lương-y-trưởng* kim luôn chức *giảng-sư* (maître de conférence) cho các ông *nội-trú dưỡng đường*.

Theo như ý muốn của nhà bác-học *Lemierre* là in **Luận-**

(1) Và những trang đầu ông phụng-hiến quyển sách cho Mẹ, Cha, Anh, Em và Thầy, Bạn đủ thấy tấm lòng trọng « Hiếu » thờ « Nghĩa » của Ngài.

cương tiến-sĩ của ông *Phạm-hữu-Chí* ở tại *Saigon* để làm rạng danh học trò ông. Tiên-sinh đã chiếm nhiều huy-chương vàng (médaille d'or) đồ *Khôi-nguyên* (laureat) trong các cuộc thi với sinh-viên quốc-tế.

Ông *Lemierre* muốn học trò ông dự thi thạc-sĩ ở *Paris* chớ không cho thi thạc-sĩ ở thuộc-địa (Agrégation coloniale). Bởi thế *Phạm tiên-sinh* phải trở về *Việt-Nam* đặng thâm-cứu thêm về vi-trùng rét. Ông băng rừng cùng với vài bác-sĩ người *Pháp* để qua *Lèo*... rồi lại trở về *Hà-nội*. Nơi đây ông đã khởi bịnh rét và ông phải cấp tốc trở về thủ-đô *Nam-Việt*. Bệnh rét nguy-hiểm càng lúc lại càng nguy... cơ-thể thanh-xuân của tiên-sinh không thắng nổi vi-trùng.

Ngày 25 tháng giêng năm Canh-dần là ngày bi-thảm cho gia quyến của tiên-sinh... *Phạm-hữu-Chí* không còn nữa để lại một sự cảm mến vô biên vì *Người* rất cảm phục cái đức tính duy-nhân của Ngài.

Xứ *Việt-Nam* mất một thiên-tài. *Y-học hoàn-cầu* không còn thấy bóng của bác-sĩ hữu tài đây vẽ trẽ trung và hứa hẹn...

Nhà bác-học *Lemierre* vượt bể đi đến tại phần-mộ của tiên-sinh *Phạm-hữu-Chí* ở *Bà-rịa* đặng khóc người môn-nhân yêu qui nhất của ông.

Lớp dạy riêng { -PHÁP-VĂN, ĐỊA-LÝ HỌC *Lớp đệ nhứt và đệ nhị niên* -VIỆT VĂN. TOÁN-HỌC *Lớp đệ tam, đệ tứ niên, Ban tú tài.*

Giáo-sư : **ĐOÀN-PHÔ-VĨNH TRẦN-VĂN-BỮNG**

170, Đường Nhà-thờ Chợquán

SẮP PHÁT HÀNH...

Một tác-phẩm văn-chương:

Bình luận văn chương Truyện Thúy Kiều

Phụ thêm 62 bài vịnh Kiều của ông Đ.p.Vĩnh

Kinh-tế chánh-trị

Cô Phan-Yến-Nguyệt (Tanan)

Chẳng phải người lớn mới học K.T.C.T. ; trẻ em cũng có thể học được. Bèn Tàu người ta học trong bụng mẹ, nghĩa là : truyền tử lưu tôn (héréditaire).

Ở ngoại ô Chợlớn có hai đứa nhỏ mồ côi cha, ở chung một xóm ; con K.., vừa 13 tuổi còn con T... vừa 12 Mẹ con K... thi mua đầu chợ bán cúi chợ, sáng ra bưng một cái thúng ra chợ mua gà vịt hoặc hột gà, đầu chợ nầy đem bán đầu chợ kia, còn mẹ con T. thì vào xóm mua rau cải gánh ra chợ mà bán.

Mỗi ngày hai đứa ra chợ xem chừng với mẹ chúng nó và xu, tiền ăn bánh.

Trong xóm lại có cô sĩ-mễ học K.T.C.T, mỗi đem hai đứa đến đó chơi, nghe đọc bài và rất để ý.

Năm 1938, K... nói với mẹ : « Con thấy trẻ nhỏ bạn tác với con, sáng ra đi moi thùng rác (poupelle ou caisse à ordures) kiếm : nào là miếng chai bể, lông gà vịt, bán đắp đổi cũng có tiền vậy ; mẹ sắm cho con một cái gió và cây móc sắt, con làm nghề đó thì mẹ khỏi lo quần áo, bánh hàng cho con ».

Mẹ nó bằng lòng, nó rủ con T... theo, hai đứa bèn đi làm nghề ấy ; song cần nhứt là chúng nó lượm miếng chai trắng kiếng trắng bể, bán mau chạy.

Giữa năm 1940 (lúc nhiều món khan), hai đứa nghe bọn khách lạc-son bàn tính nhau đi mua « vé rách và « bàn chải răng cũ », chúng nó bèn dan đến nhà. Mẹ con K... bán vé rách (chiffon) được 5000$ còn mẹ con T.. thì bán bàn chải cũ (brosses à dent usées) được 4000$ (lúc đó bạc qui giá, sánh lại gần bằng bốn năm muôn bây giờ).

Thì ra, con K... và con T... hiểu K.T.C.T. Con K... lượm vé rách cũ giặt sạch và trử lại. Còn con T...?

Mấy năm về trước, bàn chay răng bán 0$05 một cái ; vì vậy, vừa mòn thì người ta ném vào giỏ rác. Đến năm 1940. một cái bàn chải răng bán trên 2$ bọn khách mua bàn chải cũ, lấy cái cán (manche) mà làm ra cái mới ; con T. trử trên 20.000 bán mỗi cái 0$20.

Nơi Xom-Cui (Chợlớn) có thằng C.T. vừa nên 7 tuổi. Ngày kia thấy cha uó buou, bèn hỏi : « sao bữa nay ba buồn vậy ?

— Mà con hỏi làm chi ? cha nó nói.

Ba nói con nghe chơi, rồi con làm cho ba vui.

— Thì hồm rày ba tính sửa cái nhà ngói của ông bà nội con để lại cho cha con mình ở vì nó hư tệ quá ; song ba có đủ tiền công thợ và mua thêm cây ván ; còn đinh thì mắt lắm ; tiền mua đinh bằng tiền công thợ.

— Bao nhiêu lận ba ?

— Vài trăm đồng, phải năm ki, mỗi ki 40$ mới đủ.

— Ý, con có lượm, ba ạ

— Thì con lượm năm mười cây chơi vậy, đủ vào đâu.

— Chớ ba muốn bao nhiêu, mấy bụm ?

— Mười bum mới đủ.

— Nói gì, bấy nhiêu đó con có dư.

— Mà làm sao con có ?

— Bác con có dạy con « kinh chế chánh chị «. Năm ngoái đến nay con đi chơi mỗi ngày tai đường Gialong (Chợlớn) bọn khách lăn thùng dinh rớt ngoài đường, họ bỏ, con lượm thiếu chi con còn lượm đá hộp quẹt máy họ quét xuống đường mương hơn nữa lon sữa bò nữa, ba ạ.

Con nhanh lắm, thấy họ bắt thang leo lên vách đóng dinh, cây nào rớt xuống đất họ bỏ. con lượm về, ba vô buồng mà xem, gần hai thùng thiết cũ lận. ba.»

Nó đắc ba nó vào trong buồn, chỉ hai thùng thiết cũ, đựng trên 30 ki, nào đtnh 2 phân đến 1 tấc. Sửa nhà 5 ki, còn dư 25 ki bán ra được 1000$

Có phải là biết K.T.C.T. thì đỡ lúc ngặc không ? Lúc đó Bác nó thấy vải 0$60 một thước vụt lên 1$80 đến 18$ (sau lên đến bốn năm chục đồng) bác nó bèn ra nhà hàng Nhựt mão hết « drap » lót giường và khăn mu-soa màu. Drap thì 5$ một tấm chay 4 m. Khăn mỗi cái 0m.25, mỗi hộp 12 cái mua 5$40 chạy nhằm 0$45 một cái.

Lúc thắc ngặc, có kẻ mặc quần bố, quần bàng thi Bác của C.T. đem « drap » ra bán vốn lại, người lời may được bộ áo quần có 5$.

Còn khăn mu-soa, 4 cái kết thành một thước, bán ra 2$; trẻ nhỏ cả xóm mặc ròng là quần áo rằng ri (multicolore) ; song khỏi trần truồng, rách rưới ; (lúc đó hãng Nhựt quên rằng « drap » và « mouchoir » cũng là một loại vải (dérivé du calicot) và cứ lo dấu vải.

Trong xóm, nếu có người hiểu K.T.C.T. thì đỡ hết cả xóm ngay, nếu toàn xứ đều hiểu cả, thì bọn chợ đen đâu còn nhờ được.

(còn tiếp).

KHOA-HỌC ÁP-DỤNG

Trong CAN HỌC, số 11, trang 30, về Khoa-Học Áp-Dụng, của ông Kỹ-sư L.v.Vàng, có bài chỉ 1 thuốc tẩy mực hiệu cô-réc-to.

Nay bạn T.v.An, học sinh trường Trung-Học P. Kỹ gởi đến chúng tôi bài chỉ cách tẩy mực dưới đây:

« Corrector » rẻ tiền

Các bạn đã biết rằng muốn tẩy mực ở quần áo hay sách vở thì chỉ dùng «Corrector» là tiện hơn hết. Song «Corrector» bây giờ cũng mắt nên tôi mách các bạn một cách chế « Corrector » rẻ tiền.

Bạn tới mấy tiệm thuốc tây mua một gói thuốc tím (Permenganate de Potasse) (rất rẻ chỉ độ 0$,10 một gói). Đem về lấy một chút pha với một ve nước. Pha ít thuốc để nước thuốc tím vừa vừa thôi. Xong, bạn cắt một trái chanh vắt nước vô một ve khác.

Thế là «Corrector» đã làm xong.

Muốn tẩy dấu mực ở quần áo, sách vở, bạn lấy cây tăm chấm nước tím lèn trên dấu mực. Chấm cho thuốc trùm dấu mực. Xong bạn chờ độ 2, 3 phút rồi lấy nước chanh chấm lèn dấu mực có trùm thuốc tím. Độ vài phút sau, nước tím cùng dấu mực biến mất, bạn lấy giấy chấm, chấm nước đi.

Nên nhớ rằng khi nào xài hãy làm, vì nước chanh và nước tím chỉ để độ ba ngày là hư.

Một gói thuốc tím xài được rất nhiều lần, còn chanh thì ở đâu cũng có.

Các bạn rán kiếm phương pháp nào tiện hơn đi.

TRẦN-VĂN-AN
Elève du L.P.K.



Đón xem lối rằm tháng chạp số đặc biệt của **CẦN - HỌC.** *Trong số nầy : 1.) kể ra gốc tích và dẫn giải ý nghĩa những lễ Tết trong năm. 2.) Gốc tích vài thứ bánh hay món ăn của người Việt và người Tàu.*

Bài vở do một nhà học - giả đầy kinh-nghiệm và thông thạo lễ tục Tàu và Việt đã soạn ra.

Các ông Giáo-sư nên có số đặc-biệt nầy để làm bài giảng cho học trò trước những ngày Tết trong năm.

Các bạn học-sinh nên mua sắn số đặc-biệt nầy để làm tài liệu khi giảng nghĩa và bình luận truyện Kiều, hay gặp những câu thơ, hoặc ca-dao cùng ngạn-ngữ thì hiểu được ngay.

Quí phụ-huynh học-sinh nên có số đặc-biệt nầy trong tủ sách gia-đình như ông thầy thân mến thay thế trong việc giáo-huấn con em.

MỖI NGƯỜI VIỆT ĐỀU NÊN HIỂU BIẾT LỄ TỤC NƯỚC NHÀ.

LEÇONS PARTICULIERES
ANGLAIS, FRANÇAIS,
SCIENCES, MATHÉMATIQUES

Classes secondaires et P. S. Préparation intensive aux divers examens. Méthode classique, Auditions disques. Linguaphone Assimil.

S'adresser : **TRÍ-ĐỨC**

226, Lagrandière, SAIGON

HỌC THEO LỐI HÀM THỤ (*gởi thơ*)

Nhóm giáo-sư CẦN HỌC dạy Pháp-ngữ, Việt-văn, Toán-học bằng cách gởi bài đến học trò, gần xa **từ lớp nhứt Ban Tiểu-học đến Ban Tú-tài.**

Bài vở chọn lựa theo chương trình nha Học chánh, sửa kỹ-lưỡng và mau mắn.

Thơ và bưu phiếu, xin đề *NGÔ-VĂN-THANH*, Cần Học, *165*, **Bd. de La Somme, Saigon,** chúng tôi sẽ cho biết điều-kiện ngay, khi các bạn muốn biết thể lệ học.

Nhóm Giáo-sư Cần Học

CẦN HỌC

ĐÓNG LẠI THÀNH BỘ

BỘ 1, từ số 1 đến số 10
BỘ 2, từ số 11 đến số 20

Có bán khắp nơi, trong các nhà sách, hay Tòa soạn C. H. 165, La Somme — Saigon.

Mời quí bạn đón mua 2 quyển sách Giáo-Khoa dạy nhiều môn và nhiều thứ tiếng. Các bạn cầm đến sẽ được hài lòng.

GIÁ	BỘ 1	BỘ 2
Nam-việt	*45$00*	*50$00*
Trung, Bắc-việt, Miên và Lèo .	*50$00*	*55$00*

GIÁ TIỀN MUA DÀI HẠN :

	Ở NAM-VIỆT, MIÊN			*Ở TRUNG, BẮC-VIỆT*		
	B. Tiểu-học	B. Trung-học	Cả 2 Ban	B. Tiểu-học	B. Trung-học	Cả 2 Ban
3 tháng 12 số :	30$00	45$00	70$00	40$00	55$00	80$00
6 tháng 25 số :	65$00	90$00	150$00	85$00	115$00	175$00
12 tháng 50 số :	125$00	175$00	290$00	170$00	220$00	325$00

Giám-đốc :
CHA JACQUES CỦA
GIADỊNH

Thơ và bưu-phiếu xin đề :
Mr NGÔ-VĂN-THANH
165, đại lộ La Somme -:- Saigon

Giấy phép số 171/T.X.B.
Ngày 17 tháng 1 d. l. 1951

IN TẠI ẤN-QUÁN
— — N A M - H Ư N G — —
165, Đại lộ La Somme — Saigon

NĂM THỨ NHÌ — NGÀY 8-3-51

HỌC ĐỂ PHỤNG - SỰ CHÂN - LÝ

Cấp Tiến

BAN TRUNG-HỌC

Tập 28 ——— 44 trang

TRONG SỐ NÀY

Việt-văn

— Chiếc xe đạp

— Tai nạn xe đạp

— Buổi học cuối năm

— Giảng văn : *Qua đèo ngang*

— Tâm lý trong truyện Kiều
(Bài thi học bổng Ban Tú-Tài, 1951 Hảiphòng)

— Thế nào là ý-niệm ?
(Bài thi ban Triết-học văn-chương, 1950 Saigòn)

Mở lại : **Lớp Tốc-Ký V. N.**

Composition française

— Le réveillon familial à la veille du Tết

— La taquinerie est réprimandée, la défense des faibles est recommandée.

— « *Que puis-je lui apprendre ? Il ne n'aime pas* » disait Socrate.

— Physique — Mathématiques (examen de passage au L. P. Ký).

— Comment un jeune homme peut apprendre avec Corneille à former son cœur et sa volonté.

— Ce qui est encore vivant et ce qui est suranné dans la doctrine de Boileau

TÒA SOẠN :
42-46, Rue Pellerin
SAIGON

Giá { Nam Việt, Miên 5$
Trung, Bắc-Việt 6$

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

ÂU-PHỤC VÀ CHEMISE ĐẸP, KHÉO

HIỆU

Sở thích quí Ngài

33, đường Sabourain
(*gần chợ* **SAIGON**)

o○o

Giây nói : **Cardi 435**

Nhiều hàng, vải, nỉ đẹp.
Vừa ý qui Ngài.

oXo

Nhiều thợ chuyên-môn



XIN LƯU Ý

Từ đây CẦN HỌC xuất bản mỗi tuần một tập : tuần tập Tiểu-học, tuần tập Trung-học.

Từ đây thơ từ và bưu phiếu gởi cho Ông Ngô-văn-Thanh, chủ-nhiệm kiêm quản-lý CẦN HỌC, số 42-46 Đường Pellerin — Nhà in Nam Thành Saigon.

Thể lệ đặt mua CẦN HỌC dài hạn là phải đóng tiền trước ngay khi nhận được sách hay là khi mãn hạn cũ.

Xin yêu cầu những bạn nào đã đặt mua C. H. dài hạn 3 tháng hoặc 6 tháng, mà chưa đóng liền, hay là đã mãn hạn cũ mà chưa đóng tiền hạn mới, xin gởi tiền đến sớm sớm, để chúng tôi tiếp tục việc gởi C. H. đến qui bạn.

Nếu không được tin qui bạn thì trong tháng tới chúng tôi sẽ ngưng việc gởi sách. Mong qui bạn nhận lời.

Ban Giám Đốc

TIN BUỒN

Chúng tôi mới được tin Cụ Joseph Nguyễn-xuân-Yến, thân phụ ông Xuân-Xa đã thất lộc tại Dưỡng-đường Saint Paul ngày 14-2-1951, hưởng thọ 68 tuổi.

Chúng tôi thành thật chia buồn cùng ông bạn Xuân-Xa và xin chúc hương hồn Cụ Nguyễn được tiêu diêu nơi miền Cực-lạc.

CẦN-HỌC

GIẢI THÍCH VÀ BÌNH LUẬN

2 chữ « CẦN HỌC »

GIẢI - THÍCH

Cần : *(viết theo nho học)*. -- Là siêng năng, châm chỉ, thường chú tâm vào một việc gì, sốt sắng để đeo đuổi theo một việc gì do ý ta thích, ham, gọi rằng *cần*.

Học : *(viết theo nho học)*. -- Là học, ghi vào lòng, in sâu vào tâm trí ta những điều phải lý, chơn chánh, đúng theo giáo-học-hóa, gọi rằng *học*.

Cần học đây, căn-bản vào 2 ý nghĩa dưới đây :

1·) Theo luật sống ở đời, làm người ai ai cũng đều cần phải học (*Il faut s'instruire*), vì nó là một điều rất trọng yếu cho tất cả mọi người.

2·) *Cần-học* là cố gắng để học hỏi, siêng năng, chăm chú vào sự học (*Etudie studieusement*).

BÌNH LUẬN

Ngụ ý như lời giải thích trên, *cần-học* là :

1·) Một sự học tối cần yếu cho tất cả, không riêng ai, kẻ môn nầy, người khoa khác.

a) Do tâm-linh ta bắt buộc ta – *b*) do lòng ta đòi hỏi nó. Ta phải cần vì đó là đạo-sống của nhơn-loại.

Dầu ở thời đại nào hay cảnh ngộ nào, ta cũng phải cần học: nhưng, có hiếm người lại tự-tin mình là giỏi. Họ tự nói rằng : « Ta không cần, không học ta cũng vẫn sống được vậy. Tại sao ta phải cần nó ?

Họ tự hoi thế là một điều hơi quá đáng. Đành vậy, đó là lời nói suông theo thân phận của một hạng người, nhưng có chắc rằng họ không cần học đâu. Họ nói thế, nhưng chính lòng họ đã đòi hỏi và bắt buộc họ phải cần rồi. Một phút bồng bột của lửa lòng thoán qua ở lòng họ, vật chất lôi cuốn họ, tâm trí họ coi đó là thường, và quen đi, tinh-khôn người vì đó mà lu-mờ, không ai hóa thêm được. Lại một phút qua, khi họ mở bừng mắt dậy rồi, họ nhớ lại những dĩ-vãng của một phút mà lửa lòng họ đã sai mê, đã bị buội đời lôi cuốn ấy... họ cũng biết phân-vân khi lòng họ nghĩ quấy, họ cũng biết hối hận khi họ nghĩ một điều gì quá ác tâm,.. Những sự lượng xét của

tinh-khôn đó, là những mầm học-vấn tự nhiên, mà họ đã có sẵn vì lòng họ đã biết tìm chơn lý, để phân biện chánh tà đó.

-- Sự học không ai bắt buộc cả, nhưng phải cần, do lòng đòi hỏi nó, bắt ta phải tự-học bằng cách tự-nhiên hay thoản-nhiên thôi, nếu ta cho rằng : không cần lắm.

-- Cần học là một việc tối cần, khai-hóa ta trở nên người ưu-thắng hơn hạng người nói trên (học rộng, tài cao : nhà bát học, kiến-trúc sư), nếu ta biết xử-dụng nó biết sự hữu ích của nó để phụng-sự.

2·) Cần học là siêng năng, chăm chỉ để học-hành *(étudie studieusement)*.

Học mà có chuyên, có cần thì sự học lại càng quí hơn nữa, nhơn đó sự học ta mới có phần tiến triển được. ách thánh nhơn ta có câu : « Ấu tử tu « cần học » văn chương khả lập thân ». Ta lại dịch ra nghĩa nôm. thành một lời khuyên chung cho ấu-sinh như vầy :

« Văn chương báo nước ân-cần,
« Nhỏ lo học-tập dể phần làm ăn »,

Theo đây, thì, nếu ta muốn cho sau nầy ta sẽ trở nên người hữu học, ta phải học ngay vào lúc nhỏ vì đó là một vấn đề dễ uốn nắn, rèn luyện, tập tành, khai-hóa tâm-trí ta.

Vậy, trong một nước được văn-minh, một xã-hội được tiến-triển trên nền văn-hóa đều phải do nơi nhiều anh-tài, bao nhà bát-học biết dụng-nghĩa hai chữ *cần-học* của họ tự lúc thiếu-thời mà lập nên vậy.

Tóm lại, sự học là một đạo lành dạy cho ta biết cách cư-xử ở đời ; ta nên, luôn luôn, không căn bản ở một thời-gian nào, dầu ta là người đã lớn khôn, đủ học, ta cũng phải cần tìm phương chước để học thêm nữa, học luôn, và mãi mãi, hầu một ngày nào ta tìm được chơn-lý của giáo-học-hóa để phụng sự nó, nhơn đó, những ý-nghĩ sai-lầm của « bất-công », được lòng ta đánh tan đi, mai-một trong đời ta, ta sẽ trở nên người « chân thật » « đủ tài-trí » trong nền xã-hội văn-minh vậy.

NGUYỄN-XUÂN
élève Infirmier Bénévole
à l'Hôpital Lalung-Bonnaire
à Cholon

LỚP ĐỆ NHỨT NIÊN

Ám tả.-- *Khuyến học*

Khuyên ai luyện-tập sách-đèn,
Sao cho tỏ mặt thiếu-niên anh-tài ;
Nước nhà đương buổi bán-khai,
Mong sao trọn vẹn là người quốc-dân.
Xin đừng lảng độ thanh-xuân,
Xin đừng mê-mẩn giữ phần dã-man.
Xin đừng cờ-bạc hoang-đàng,
Con ma đen đỏ phá tan cửa nhà.
Xin đừng nha-phiến, rượu, trà,
Lối phong-lưu ấy mê-sa, hư đời.
Phải nên khuya sớm giồi-mài,
Phải nên học lấy thành tài là hơn.
Cát kia còn đắp nên cồn,
Đá kia nước chảy cũng mòn nữa ta !
Ta đi ta dốc chí ta,
Mong sao học được mới ra thân người.
Mong sao học một hay mười,
Có công mài sắt ắt thời nên kim.

Nghiêm-xuân-Lãm

Câu hỏi.-- 1) Giải nghĩa: *luyện-tập sách-đèn*; *anh-tài*; *lảng độ thanh-xuân*; *bán-khai*; *con ma đen đỏ*; *phong-lưu*.

2) Tìm những chữ đôi có chữ: *anh*, *thanh*, *hoang*, và giải nghĩa mỗi chữ.

3) Tìm 2 câu trong bài dùng để làm câu châm ngôn.

4) Tìm những tiếng phản nghĩa với: *dã-man*, *phong-lưu*.

TÁC-VĂN

Đầu đề: *Trẻ hãy tả ra một chiếc xe đạp của trẻ.*

Dàn bài

I — Nhập đề: chăm học thi đậu và được thưởng

II — Thân bài — a) Tả cái xe

— Xem chung: khung xe

— Tả riêng: từng bộ phận — Tốc độ của xe

b, Cách giữ gìn xe

— Lau chùi mỗi ngày

— Khóa xe, đề phòng bị lợi-dụng

III — Kết luận.— biết dùng xe làm cho ba mà và thầy giáo hài lòng.

Bài làm

Sau bao nhiêu cố gắng cần-cù trong năm học, kết quả đáng mầng của tôi là đã trúng-tuyển kỳ thi Sơ-học vừa rồi. Tôi đã đạt được ý-nguyện của một người học trò chăm chỉ, đã thỏa-mãn thầy giáo, bố cơm áo gia đình, nhưng cái vinh-dự hiển-hữu nhất của tôi là được làm chủ một chiếc xe đạp, ba tôi đã mua sẵn, hứa thưởng tôi, nếu thi đậu.

Đó là chiếc « Paris-sport » vừa xinh vừa đẹp. Không rườm rà, không hoa lá như thứ xe của hạng người trưởng-giả, « Paris-sport » của tôi gọn gàn lắm: không đèn, không « gác-bu » không « gác sen », toàn cả chiếc xe tôi chỉ xách bằng một tay mà vẫn thấy nhẹ.

Nhưng xe sơn màu trắng chạy chỉ đỏ trông mát mắt mà cũng không bớt phần mỹ-thuật. Chiếc tay lái « con bướm » mạ kền sáng chói được lắp thêm một cái chuông « xoay », tuy nhỏ nhưng tiếng rất giòn và, 2 bên, 2 cái tay hãm (thắng) cân đối. Mỗi khi khom lưng trên xe, chống tay vào cánh bướm, chân xoay tròn bàn đạp, tôi thấy ràn rũa trong người nguồn khoái-hứng của những trai trẻ thích viễn-du, hay cái thú sống của những chàng thể-dục ít tuổi.

Dưới cốt tay lái, tôi đọc thấy nhãn-hiệu của xe bằng mấy chữ « Paris-sport » viết tháo, nét vàng đậm, lướt trên một quả bán-cầu, biển xanh, đất đỏ. Vành bánh, đũa (căm), côn, trục toàn mới tinh hảo, nên khi xe đi giữa nắng, phản chiếu ánh mặt trời, bắn ra những hào-quang rực rỡ, ẩn-hiện. Xích, đĩa, líp, bàn đạp bộ nào răng cưa cũng đều đặn: khi xe chạy mà tôi ghì yên bàn đạp, «con chó» kêu rắc-rắc như những nhịp liên-thinh điều-hòa. Bánh xe nhỏ, bằng thứ cao-su màu hồng thẫm mà đường gân đan lưới chi chít, vẽ lên trên đường đất bột những lằn cong-quẹo, rắn-rỏi, như lối đi của loài rắn.

« Paris-sport » của tôi không những nhẹ, đẹp mà còn chạy nhanh hơn tất cả các xe của bạn hữu trong trường: mỗi khi tan học, ra về cùng chúng bạn trên một hàng ngang, nếu tôi không cố ý hãm lại thì thế nào « Paris-sport » cũng lướt lên đầu đoàn,

Tôi yêu, tôi qui và và tôi săn-sóc « Paris-sport » như một người bạn thân mến nhất: ngày nào, sau buổi đi học về, tôi cũng lau chùi sạch sẽ; mỗi chủ nhật, sau buổi dạo mát ban chiều, tôi lại cho ăn dầu-mở. Khi xe nghỉ ở hiên trường hay ở chái nhà dưới, tôi cẩn thận ngoắc dây khóa vào, đề-phòng những tay tinh-nghịch hoặc lợi-dụng.

Thầy giáo và ba má tôi thấy tôi yêu qui giữ gìn cái phần thưởng đích đáng ấy và, vì nó, tôi học hành ngày càng chăm chỉ tấn tới, ai cũng lấy làm bằng lòng.

RÉDACTION FRANÇAISE

Le réveillon du dernier jour de l'année, votre famille se réunit autour de l'autel familial en attendant la cérémonie de réception des ancêtres. Décrivez la scène.

Plan

1º) Le cadre
2º) Les personnages : costumes, physionomie, attitudes.
3º) Les actions du chef de famille, les vôtres.
4º) Sentiments que vous inspire cette réunion de fin d'année.

Développement

C'est le dernier jour de l'année. Quelques étoiles clignotent dans le ciel d'encre de Chine. Pas une âme qui vive dans la rue. Seule la bise gémit comme si elle invitait les mânes errants à fêter avec tout le monde le Renouveau.

Cette veillée solennelle, toute ma famille se réunit autour de l'autel des ancêtres. Tout brille, tout luit, tout prend une nouvelle face depuis le salon jusqu'à la cuisine. Le cuivre des cierges rivalise à qui mieux mieux son éclat avec les objets de culte laqués rouge et or.

Nous aussi, nous adossons de beaux vêtements. Ma petite sœur, au comble de joie, me montre sa belle robe neuve et ses souliers bien cirés. Assis confortablement dans un fauteuil, mon père en costume national, tient un verre de liqueur à la main. Il déclame un poème ancien chantant le Retour du Printemps. Sa voix est sonore et grave comme une langueur flûtée. Ma mère et ma sœur sont très affairées. Tantôt, elles vont à la cuisine en jetant un coup d'œil de maîtresse sur les mets préparés par notre cuisinier. Tantôt, elles habillent mes petits frères et sœurs.

L'horloge sonne douze coups espacés. Une nouvelle année commence. Tous les membres de ma famille se rassemblent autour de l'autel. Mon père, le sourire aux lèvres, s'avance à pas mesurés sur le lit placé devant l'autel. Il allume les bougies et quelques baguettes d'encens. Le parfum, l'illumination, le respect planent dans l'atmosphère. Sans doute, les mânes de nos ancêtres errent quelque part, pour recevoir nos salutations. Mon père, à voix basse, fait des prières, ensuite des génuflexions. A tour de rôle, nous l'imitons à en faire autant. La joie règne dans ma famille. Mon père donne à chacun de mes

petits frères et sœurs une pièce de monnaie neuve. Puis il nous dit avec une expression pleine de regret: « Quelques années auparavant, à pareille époque, je faisais tirer des pétards. Mais depuis peu, nous nous contentions d'un « Giao thừa » sans claquement de pétard ». Il nous invite enfin à grignoter des confitures et du pain de riz gluant préparés par ma mère. Heureux comme les anges, nous nous séparons et nous allons au lit en attendant l'aurore d'une nouvelle journée.

Arrivé dans ma chambre, j'ouvre la fenêtre. Au dehors, ce ne sont que des ténèbres. Un vent glacial caresse mon visage. Je frissonne de bonheur: « Oh! comme je suis bien parmi les miens! Que de personnes, sans doute, durant cette heure rituelle, errent comme des juifs errants dans les horizons lointains ». Ils sont à plaindre.

THÈME — *Chăn trâu*

Ai bảo chăn trâu là khổ? — Không, chăn trâu sướng lắm chứ! Đầu tôi đội nón mê như lọng che. Tay cầm cành tre như roi ngựa, ngất-nghểu ngồi trên mình trâu, tai nghe chim hót trong chòm cây, mắt trông bướm lượn trên đám cỏ. Trong khoản trời xanh, lá biếc, tôi với con trâu thảnh-thơi vui thú, tưởng không còn gì sung-sướng cho bằng.

ĐỊA LÝ HỌC TỔNG QUÁT

CHƯƠNG II

IV. PHẦN THỜI-KHẮC

1· Thời giờ trên Địa-cầu phải tùy-thuộc vị-trí của Địa-cầu đối với mặt trời.

Khi một địa-điểm của Địa-cầu xoay ngang đúng trước Mặt Trời thì vùng ấy được hoàn-toàn chiếu sáng, người ở địa-phương đó gọi là *trời đứng bóng* nghĩa là giữa trưa, đúng 12 giờ trưa. Lúc ấy là **chính ngọ** vậy.

Mười hai giờ sau, khi địa-điểm ấy xoay qua chỗ điểm đối-lập với *điểm chính ngọ* nghĩa là vào vùng không được chiếu sáng, người ở

địa-phương đó gọi là nửa đêm, 12 giờ đêm. Lúc đó gọi là **bán-dạ.**

Thời-gian từ 12 giờ trưa đến nửa đêm thì ta có những giờ, phút, kế-tiếp. *Thời-giờ ấy phải tùy-thuộc vị-trí của Địa-cầu đối với Mặt Trời.* Như 13 giờ thì Mặt Trời trịt qua một chút, đến 18 giờ thì Mặt Trời lặn.

2· Thời-khắc không giống nhau trên quả Địa-cầu.

a) Mặt Trời mọc. -- Mặt trời mọc không phải đồng 1 giờ. Nếu ở gần hướng Đông thì Mặc Trời mọc sớm. Nếu ta ở vào hướng Tây thì Mặt Trời mọc trễ.

Vậy khi ta đi qua hướng Đông hay là trở lại hướng Tây thì ta phải đổi giờ.

Trái lại, nếu ta đi lên hướng Bắc hay là xuống hướng Nam, thì ta không đổi giờ vì thời-khắc không thay đổi. Những xứ đồng một giờ là vì các xứ ấy nằm chung *một tý-ngọ tuyến.*

b) Tý-ngọ tuyến là một *kinh-tuyến* đi qua từ chỗ nào *suốt từ Bắc-cực đến Nam-cực.* Các xứ nào đồng một giờ tý-ngọ tuyến thì thời-giờ giống nhau. Còn những tý-ngọ tuyến *đứng gần* thì *thời-giờ khác nhau.* Khi ta sang Pháp, nghĩa là từ Đông sang Tây, thì *tý-ngọ tuyến khác nhau* nên ta phải sửa giờ luôn.

Khi *Bá-Lê* 12 giờ trưa thì *Đông-Kinh* 21 giờ tối ; 7 giờ ở *Nữu-ước;* 4 giờ ở *Cựu-kim-Sơn* (San-Francisco).

Người ta bảo rằng *Bá-Lê* ăn cơm trưa thì bên *Nhựt* sửa soạn ngủ, người ở *Nữu-Ước* thức giấc, học-sinh ở *Cựu-kim-Sơn* còn ngủ li-bì.

c) Tý-ngọ tuyến gốc. Toàn-đồ thế-giới có ghi số độ của tý-ngọ-tuyến tất cả là 360 độ (360°).

Tý-ngọ-tuyến đi ngang qua Thiên-văn-đài « *Greenwich* » là 0° (không độ) gần thủ-đô *Luân-Đốn.* Tất cả tý-ngọ-tuyến khác có ghi số khác nhau căn cứ vào sự cách-xa với *tý-ngọ-tuyến gốc* « *Greenwich* ». Như *Đông-Kinh* thuộc về 140° ở hướng Đông của « *Greenwich* » « *Saint Louis-*» (Huê-Kỳ 90° ở hướng Tây của « *Greenwich* ».

Sớm mai Mặt Trời mọc ở hướng Đông thuộc về *tý-ngọ-tuyến* đối-lập với « *Greenwich* » thì thiên-văn-đài thành *Luân-Đốn* chỉ 0 giờ.

3· Địa-cầu chia ra 24 phần thời-khắc.

Các quốc-gia trên hoàn-cầu đồng thỏa-thuận để qui-định thời-giờ. Địa-cầu chia ra làm *24 phần thời-khắc,* mỗi phần là 15° (15 độ). Những

con đường phân ranh giới thời-khắc đều qui-tụ vào hai địa-cực. Mỗi phần thời-khắc là một phân-số của viên-cầu, hình giống « *trục-chỉ* » như khía của trái dưa gang.

Trong mỗi « *trục-chỉ* », giờ giống nhau vì đó là giờ của « *tý-ngọ-tuyến trung-ương* ». Còn mỗi « trục-chỉ » nằm ở **Hướng-Đông** của *tý-ngọ-tuyến* « *Greenwich* » thì đồng-hồ *chỉ trước 1 giờ* đối với trục-chỉ đứng trước.

Trái lại mỗi « *trục-chỉ* » nằm ở *hướng Tây* thì đồng-hồ lại *chỉ trễ 1 giờ*. Giữa một điểm nằm ở « trục-chỉ » chót của hướng Đông và một điểm nằm gần của « trục-chỉ » chót của hướng Đông và một điểm nằm gần của trục chỉ chót hướng Tây thì *sự phân-biệt đến 24 giờ*. **Không giờ** (Og) là tại thiên-văn-đài « *Greenwich* » còn 24 giờ ở vào « trục-chỉ » chót của phần thời-khắc.

Nếu ta qua *hướng Tây* thì *phải dặn đồng-hồ trễ 1 giờ*, trái lại *nếu qua hướng Đông* thì *phải dặn sớm 1 giờ*.

Như ở xứ ta trước kia lại theo « **giờ cũ** » nghĩa là mặt trời mọc là 6 giờ ban mai, mặt trời lặn là 6 giờ chiều. Ngày 28 Juillet 1942, quân-đội « *Nhật-bản* đổ-bộ lên bán đảo Đông-Dương rồi sau nầy họ buộc ta *theo giờ ở Đông-Kinh*. Giờ Đông-Kinh đi *sớm hơn « giờ cũ V. N. »* 1 giờ vì trước ta 1 phần thời-khắc.

Ví như từ giữa khoảng *Đại-Tây-Dương* đến phía Tây *Liên-sô thuộc Âu* thì có 3 phần thời-khắc. Vậy muốn đi từ Bá-Lê đến « Odessa » (Nga) thì phải dặn *đồng-hồ trước 2 lần* ; trái lại từ « Odessa » trở lại Bá-Lê thì phải *dặn trễ hai lần*.

Như những cường-quốc lớn có diện-tích mênh-mông thì có **nhiều phần thời-khắc** như *Liên-sô Hiệp-chũng-quốc, Gia-Nã-Đại*.

Như muốn đi ngang qua *Hiệp-chũng-quốc* -- từ *Nữu-Ước* qua *Cựu-kim-Sơn* (1) -- thì phải *dặn đồng-hồ trễ* đến 3 lần. Trước hết là *giờ hướng Đông* (Nữu-Ước) đến *giờ trung-ương* (Chicago) rồi đến *giờ của dãy núi Sơn-mạch*, cuối cùng là *giờ Thái-Bình-Dương* (đến Cựu-kim-Sơn).

Nếu ta đi vòng quanh thế-giới thì ta phải sửa đồng-hồ 24 lần vì mỗi một phần thời-khắc là 15° -- 24 phần là 360°.

Kỳ tới : **GIỜ QUỐC-TẾ**

LỚP ĐỆ-NHỊ NIÊN

CHÍNH TẢ — *Trong rừng ban đêm*

Tôi lắng tai nghe. Một giải suối róc rách ở gần, tiếng sáng như thủy-tinh reo vào trong thứ giọng rù-rì tối tăm của những côn-trùng dưới cỏ. Sau lều, khu rừng cây yên-lặng như ngủ kỹ, nhưng ở trong đưa ra những tiếng bí-mật khiến cho mình cảm thấy được cái sinh-hoạt của nó trong lúc đêm khuya... Một con hươu đang ngơ-ngẩn nhìn chiếc lều vắng không. Những tiếng rất nhẹ của con sóc chạy trên cành, những tiếng lá cựa dưới mình một con vật đang nằm, một tiếng vỗ cánh nặng-nề của con chim lớn, từng trận gió thổi qua : một loạt lá mưa rào rạt ; rồi tất cả lại đều im-ắng như ngóng đợi, như nín hơi. Xa xa, rõ thực xa, giọng thác ào-ào, để ý thì thấy mỗi lúc mỗi gần thêm, rồi lại xa dần, rồi lại như biến đi mất. Có khi nghe như tiếng muôn nghìn người ồn-ào đưa từ đâu đâu tới ; phảng phất trí-não hình dung những cảnh chợ búa xe pháo ở thị thành.

Tôi cứ nằm đó nghe hoài. Nghe càng lâu muôn tiếng càng hỗn độn. Sau cùng thành một thứ giọng rì-rào mờ ám mỗi khắc một nhạt dần. Thần trí lại chịu một sức thôi miên ma quỷ đưa lại, đâu từ chốn bồng lai. Văng vẳng trên không, chỉ còn những tiếng nhạc gần rồi lại xa, với những hơi sáo rất nhỏ, rất trong và cao tít.

THẾ-LỮ

(Một đêm trăng)

Câu hỏi :

I — **Từ ngữ :** Giải nghĩa các tiếng : Sinh-hoạt, im-ắng, phảng-phất, bồng-lai, thôi-miên, hình-dung,

II — **Ý-tưởng :** Tại sao ở đây chỉ có những cảm-giác thính-quan và cảm-giác thị-quan rất ít ?

2) — Tại sao bài tả nhiều tiếng động, mà đọc bài nầy ta vẫn cảm thấy một sự yên lặng.

3) — Có những cái chi tiết nào trong bài cho ta biết rõ là một đêm trong rừng.

4) — Bài nấy chia làm mấy phần ?

Mỗi phần nói những gì ?

III — **Lời văn :** Lối hành văn trong bài nầy có những tính-cách nào ?

LUẬN VĂN — *Một tai nạn xe đạp*

Dàn bài :

I— *Nhập đề* **:** Lý do tai nạn,

II— *Thân bài :* a) Tai nạn xảy ra

— Tiếng kêu khi đụng nhau
— Cảnh tai nạn :
— 2 người bị thương
— 2 chiếc xe bị hỏng
— 2 người đối phó
— Lời qua tiếng lại

b) *Sau tai nạn :*

— Nhà chức trách đến can thiệp
— 2 người bị dẫn về bót
— Điều tra chứng cớ

III— *Kết luận :*

Cảm tưởng : sự thiệt hại của người đi đứng hấp tấp.

Bài làm.—Phóng xe đạp đàng kia lại, Ba chỉ kịp chào tôi bằng một cái gật đầu rất lẹ, rồi cúi cổ đạp riết... Xe lướt gió kêu vù-vù.

Tôi đang cố đoán cái công việc gì khẩn-cấp của bạn thì một tiếng kêu, tiếp mấy tiếng roành roành trên mặt đường làm tôi ngoảnh lại : cách chỗ tôi đứng chừng mười thước, hai người, Ba và một người đứng tuổi hơn, đương lúng túng chổi dậy mà chưa ai đứng lên được, vì hai người đi xe đạp nghịch nướng nhau và, có lẽ cả hai cũng phóng hết tốc lực, nên đụng mạnh và té đau. Tôi chạy vội lại, đưa tay đỡ người lạ mặt. Nhưng người ấy vừa gượng dậy vừa chỉ chiếc xe nằm bên lề đường, miệng nói lảm nhảm phàn nàn, mặt đỏ gắc. Tôi đỡ chiếc xe lên, thấy bánh trước đã thành hình một con số 8. Tôi càng ái ngại, khi thấy ông soè hai bàn tay rướm máu vì chống trên một đám đá sỏi, chiếc ống quần bên phải tước lên cao để lộ cái đầu gối bóng loáng vì đã bay mất lớp da ngoài. Đàng kia, Ba mặt tái mét, lom khom bước lên khỏi rạnh đường và đương lúng túng gỡ một cành tre đeo lòng thòng sau áo. Xe của Ba tuy

chỉ mất nắp chuông, gãy tay hãm (thắng), nhưng cũng không đẩy đi được nữa, vì hai bánh xe cụng sát cứng vào cập gắp.

Hai người đã đứng dậy và người nào cũng như hăm hở sẵn sàng đưa tất cả lý-lẽ ra bàu chữa mình, buộc tội đối phương và phân-trần với một số người tò mò đã kịp chạy đến xem tai nạn,

— Tôi đi bên phải, tôi đi đúng luật.

— Tôi có đi nhanh, vì không có luật buộc đi chậm, miễn là đi đúng đường...

— Xe tôi hỏng. — Tay tôi trượt.

— Áo tôi rách. — Gối tôi chảy máu...

Giữa lúc ấy, 2 người lính cảnh sát đến rẽ đám người chung quanh, xem xét qua loa, hỏi năm bảy câu, bẻ ít lẽ, giải-thích vài điều, rồi bảo xuất-trình giấy tờ. Nắm 2 cái giấy căn-cước trong tay, một người lính có vẻ nghiêm-nghị bảo hai người bị nạn theo về một cơ-quan cảnh sát gần đó. Người kia ở lại điều tra thêm ở những người đến xem, nhưng ai cũng trả lời : « mới đến » cả, một số người sợ liên-lụy mà phải làm chứng tản mác dần.

Tôi trông thec Ba, thương hại cho cậu, chuyến này có giỏi biện luận lắm, cũng phải mất ít đồng « vi-cảnh », nhưng may ra, về sau, bớt được đôi phần hấp-tấp, táo bạo trong cách đi đứng.

RÉDACTION FRANÇAISE

Un de vos camarades maladif et timide, est constamment l'objet de taquineries. Ayant reçu des observations à ce sujet, vous prenez sa défense. Votre maître vous en félicite et votre camarade devient pour vous un ami.

Développement

En venant en classe de bonne heure j'ai vu Jeunesse pleurer dans un coin de la cour.

C'est une petite fille de douze ans ; elle est estropiée ; ce mouvement fait agiter très visiblement sa longue chevelure un peu rousse, comme elle est maladive, son teint est souvent pâle ; elle ne

joue pas avec ses camarades et elle se tient souvent à l'écart pendan la récréation. Elle a la voix basse et un peu chevrotante ; mais ses yeux sont doux et brillent d'intelligence. Sa timidité est connue de toute la classe. Notre maître, bien que très touché de la santé délicate de cette petite, s'énerve parfois contre elle, car elle récite sa leçon à voix trop basse. Jeunesse a cependant des amies vraies qui habitent le même hameau qu'elle. Je vais à l'école par le même chemin que Jeunesse, je l'aime aussi à cause de sa douceur et de son infirmité.

Je viens vers elle et lui demande son malheur. Elle sanglote de nouveau et me dit que Rosalie l'a bousculée après l'avoir singée. Et ce n'est pas la première fois. A ce moment accourent Tranqui et Jeane, elles sont toutes essoufflées et pâles de colère et me disent qu'elles étaient lapidées par la méchante Jacqui qui a tourmenté Jeunesse, qu'elles ont défendu. J'ai consolé Jeunesse et lui ai promis de la protéger à l'avenir ; les autres amies partagent aussi mon idée.

Quelque temps après, Jacqui a recommencé la singerie. Elle a vu Jeunesse jouer à la marelle ; quand arrive le tour de la petite estropile Jacqui passe travers la marelle en clochant très fort; elle empêche ainsi la petite d'avancer. Malgré les cris implorants de Jeunesse, Jacqui coutinue de la déranger par un choc assez fort ; Jeunesse tombe à terre ; rouge de colère elle se lève tremblante, elle pousse Jacqui hors du tracé ; la méchante avec un rire moqueur s'écrie « Ah ! te voilà bien en équilibre ! » A ces mots, elle lui prend violement la jambe droite, et la pauvre petite tombe à plat ventre. Indignées Tranqui et moi, nous y intervenons ; nous poussons la méchante avec force ; elle trébuche sur un tas de feuilles sèches à côté ; elle se lève, et jette sur nous à pleines mains ces feuilles poussiéreuses ; les autres camarades crient très fort lorsque notre maître entre.

Il nous a demandé la cause de cette brouille. Nous lui racontons ce qui s'est passé, tandis que Jeunesse pleure à chaudes larmes. Notre maître ordonne à Jacqui d'entrer dans la classe et la réprimande sévèrement, console ensuite Jeunesse en termes maternels. Il nous fait aussi un court compliment en disant qu'il est juste de punir les méchantes et de protéger les faibles.

A la sortie de la classe, Jeunesse nous suit de près et à voix

basse elle nous dit : « Mes chères sœurs, vous êtes bien bonnes, sans vous, la méchante Jacqui m'aurait déchiré les vêtements comme elle l'a fait une fois. Mais je crains qu'elle ne reprenne la revanche une autre fois.

— Non, petite sœur, notre maître sait déjà sa conduite ; Jacqui n'ose plus vous tourmenter. Soyez tranquille, et nous serons toujours prêtes à veiller sur vous et à prendre votre défense ».

Mlle Pham-thi Kim-Huê
Collège Sihanouk — Kgcham.

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT-NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET-NAM

LỚP ĐỆ III NIÊN

LUẬN-VĂN

Đầu-đề : *Bạn hãy thuật lại một buổi học cuối năm trong lớp bạn.*

Bài làm

Sáng hôm nay, buổi học cuối cùng trong năm cũ. Thầy giáo vào lớp với một vẻ nghiêm nghị khác thường. Từ nét mặt, tiếng nói, cử chỉ, đều làm cho cả lớp vừa kinh cẩn vừa lo sợ.

Mấy bạn ngồi bên tôi, rĩ tai nhau : « Có lẽ hỏng mất, mày ạ ! » Hai ba anh em khác nói nhỏ : « Nếu không được, thì tan học ở lại hết ».

Đã hơn một tuần nay, học-sinh soạn sửa lễ mừng tuổi có vẻ nhộn nhịp lắm. Nào góp tiền mua những cây hương thật thơm, chọn những cành hoa thật đẹp, nào chia nhau người viết bài chúc, người đứng lên đọc, vân vân...

Tôi, một tuần nay xếp tuốt sách vở vào cặp, sớm tối chỉ lo vẽ mấy cành hoa làm sao cho thật đẹp trong tờ chúc Tết thầy. Nghe mấy bạn bàn tán với nhau và nhìn lên nét mặt nghiêm nghị của Thầy hôm nay, tôi cứ lo sợ Thầy không cho mừng tuổi thì thật là uổng cái công của tôi quá.

Lớp học vẫn cứ bắt đầu như thường lệ, Thầy giáo gọi mấy anh đứng đọc bài. Không một anh nào thuộc kỹ bài học cả. Thầy gọi đến tôi, tôi lo sợ quá. Mãi tô vẽ mấy cành hoa đã một

tuần nay, còn thì giờ đâu mà học .. ! Nguy quá ! Tôi chỉ đứng lên ấm-ớ một vài câu mà tôi thoáng nghe mấy bạn trước tôi vừa đọc. Thế rồi đứng im để chờ hình-phạt; tôi không dám nhìn lên mặt Thầy giáo...

Một phút qua .., một phút im lặng nặng nề và đau khổ cho tôi vô cùng ! Thế rồi, với một giọng hiền từ, thầy nói : « Tôi mong rằng lần nầy là lần cuối cùng trong lớp chúng ta. » Tôi nhìn lên thầy giáo, nét mặt nghiêm nghị của Thầy đổi ra vẻ tươi cười và như ngụ một sự ái-ngại và thương-xót cho tôi lắm.

Thầy nhìn tôi vừa cười vừa nói : « An, sang năm chúng ta sẽ vui vẻ hơn và ham học hơn , nhé ! » Tôi trả lời Thầy trong một tiếng cười nhỏ nhẹ và sung sướng của kẻ thoát nạn. Nhìn anh em cả lớp, tôi thấy trên bộ mặt ai nấy cũng lộ một vẻ hân hoan như vừa trút khỏi một gánh nặng.

Không để lỡ cơ hội, anh Minh đại-biểu cho anh em trong lớp đứng lên : — « Thưa Thầy, nhân buổi học cuối cùng năm nay, chúng con xin phép thầy cho chúng con... » Anh Minh vừa nói đến đấy, thì anh Nguyên, anh Hữu sắp đặt sẵn đâu trước tự hàng bàn cuối lớp đi ngay lên gần bàn Thầy-giáo. Anh Nguyên cầm bình hoa xen lẫn mấy cây hương, anh Hữu cuốn tròn tờ giấy trong tay. Thầy giáo đã đoán biết trước, nhưng chưa kịp từ chối bằng cách gì, thì cả lớp đều đứng lên, nét mặt tươi cười vui sướng và im lặng kính-cẩn chờ đợi giây phút trịnh-trọng bắt đầu.

Anh Minh lại tiếp lời : « Thưa Thầy, hôm nay buổi học cuối năm, chúng con xin phép Thầy cho chúng con mừng tuổi Thầy năm mới ». Tôi trông nét mặt Thầy giáo vừa có vẻ ngần-ngại vừa như có vẻ vị-nể tấm lòng thành của học trò. Thầy nhìn toàn-thể anh em rồi nhìn sang hai anh lên đứng chờ bên cạnh bàn thầy, và nói mấy câu gì tôi nghe không rõ. Giọng nói nho nhỏ và hiền lành.

Hữu hai tay mở tờ giấy, giọng bắt đầu hơi run run : — « Thưa Thầy, Hôm nay là buổi học cuối năm. Năm cũ đã tàn. Năm mới sắp đến. Nhân ngày Tết lại, xuân sang, chúng con xin lấy tấm lòng thành và chút hương hoa lễ mọn kính dâng Thầy,

và xin Thầy nhận những lời chúc mừng năm mới của chúng con.

« Thưa thầy, một năm qua... »

Đọc đến đây, anh Minh nhấn mạnh những công ơn của Thầy, những lời chỉ giáo ân cần, những cử chỉ săn sóc của Thầy trong năm qua... Rồi những lời cám ơn, xin lỗi những đều không vừa lòng Thầy ; cuối cùng là lời hứa sẽ vâng lời Thầy chăm chỉ học hành hơn năm cũ.

Anh Minh vừa dứt lời, Thầy giáo đưa tay nhận tờ chúc, với một giọng cảm động Thầy đáp lại mấy lời tỏ lòng cám ơn và quý mến anh em học-sinh. Giọng Thầy nói trầm trầm nghe rất cảm động. Thầy nhắc lại những cố gắng của Thầy trong năm qua mà chưa đạt được ý nguyện là làm cho anh em ham mê học hành hơn. Thầy nhắc lại tỉ mỉ những cử chỉ thân mến và lòng tín nhiệm của học-sinh đối với Thầy.

Nghe Thầy nói, tôi bắt đầu thấy tiếc hối vì tôi lười biếng nhiều quá. Nhìn lên mặt Thầy giáo, cặp mắt buồn buồn và vẻ mặt sầu khổ, tôi thấy lòng xúc động bồi-hồi vô cùng, vừa thương hại cho Thầy giáo khổ tâm vì tôi, phần hối hận về tội lười biếng của tôi, đã phụ công ơn mẹ tôi khó nhọc nuôi tôi mồ côi cha từ lọt lòng đến nay.

Chưa bao giờ tôi thấy lòng tôi bị xúc động và bồi hồi như thế. Tôi muốn lại ngay bên Thầy giáo để quỳ xuống xin lỗi Thầy và hứa sang năm sẽ không dám làm mất lòng Thầy.

Lớp học vừa tan, trên đường về, các bạn tôi đùa nghịch vui vẻ hơn mọi hôm. Riêng tôi, tôi đi cuối đoàn, tránh xa các bạn hữu. Lòng trí tôi đang bơ thờ đầy những ý nghĩ lang mang. Thầy giáo về sau, thấy tôi đi thơ thẩn một mình, lại bên tôi, âu yếm, vỗ vai tôi và hỏi tại sao tôi buồn.

Tôi nhìn Thầy giáo... hai hàng nước mắt tự nhiên rưng rưng chảy xuống dàn dụa, và tôi cảm thấy một sức mạnh gì làm cho tôi xao xuyến nức nở, nghẹn ngào nói không ra tiếng.

NGÔ-VĂN-LINH

Trung Học Bạch-Đằng (Hải-Phòng)

COMPOSITION FRANÇAISE

Socrate disait d'un de ses disciples qui ne profitait pas de ses leçons ! « Que puis - je lui apprendre ? Il ne m'aime pas ? » montrez ce qu'il y a de vrai dans cette parole.

Développement

Rien n'est vrai comme cette parole de Socrate à un de ses disciples, qui ne profitait pas de ses leçons : « Que puis-je lui apprendre? Il ne m'aime pas ».

En effet, l'enseignement d'un maître n'est jamais fructueux si son élève ne l'aime pas.

Pour bien travailler, il faut non seulement avoir le désir de s'instruire, mais encore celui de satisfaire son maître ; et comment avoir ce désir à l'égard d'une personne pour laquelle on ne ressent aucune affection ?

On dira : Sans aimer son professeur, on peut s'efforcer de profiter de ses leçons. Cela se pourrait peut-être en se raisonnant, en faisant violence à ses sentiments ; mais cette lutte continuelle et cette répulsion que l'on éprouve et qu'on tâche de vaincre paralysent les facultés.

Pour s'instruire, pour que les bons sentiments en germe dans le cœur se développent, il faut se confier à celui qui vous dirige, il faut lui ouvrir son cœur et lui faire connaître ses impressions, et cela ne se peut pas avec un maître pour lequel on a de l'aversion, ou simplement de l'indifférence.

On voit arriver l'heure de l'étude avec déplaisir, et l'on a hâte que la leçon soit terminée, parce qu'on souffre ; pendant ce temps, on s'est contraint, on a dévoré son impatience, on a reçu les conseils d'un air boudeur ou distrait ; le maître qui ne se sent pas aimé souffre également, perd patience et devient plus irritable ! cela ne contribue pas à rendre son élève plus affectueux envers lui ; les caractères s'aigrissent et chaque leçon n'a d'autre résultat que d'empirer la situation.

Pour un élève qui aime son maître, les résultats sont tout autres. C'est avec plaisir que cet élève écoute les leçons, c'est avec déférence qu'il reçoit les avis. Il s'applique à contenter son maître, il est heureux et confiant, et laisse lire dans son âme comme dans un livre ouvert ; s'il sent que son ardeur pour l'étude se refroidit et que la paresse le gagne,

l'idée de la peine que son maître ressentira relèvera son courage bien mieux que toutes les menaces ou tous les raisonnements.

Le but essentiel vers lequel les efforts d'un professeur doivent tendre, c'est de se faire aimer de ses élèves; car on est mieux écouté en inspirant la sympathie qu'en inspirant la crainte.

Jeanne Defontaine

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

PHYSIQUE

Calculer la résistance à O° d'un deuxième fil de Cuivre de 6 mm. de diamètre dont la longueur est de 12 kilomètres sachant qu'un fil de Cuivre de 1 mm. 5 de rayon a une résistance de 5,3 ohms par kilomètre dans les mêmes conditions.

SOLUTION

Désignons par S et S' les sections relatives du 2ème et du 1er fil. Nous avons :

$$\frac{S}{S'} = \frac{\pi \left(\frac{d}{2}\right)^2}{\pi \left(\frac{d'}{2}\right)^2} = \frac{\frac{d^2}{4}}{\frac{d'^2}{4}} = \frac{d^2}{d'^2}$$

$$= \frac{6^2}{3^2} = \frac{36}{9} = 4$$

($2r' = d' = 2 \times 1{,}5 = 3$) ; d et d' : les diamètres des fils.

D'après la formule $R = p \frac{l}{s}$ ($p = r\delta$), la résistance du deuxième fil est quatre fois moins grande au kilomètre que celle du premier fil, soit $\frac{5{,}3}{4}$ ohms. Et sur 12 kilomètres de longueur, elle sera de :

$$\frac{5{,}3 \times 12}{4} \text{ ohms} = \boxed{15{,}9 \text{ ohms}}$$

T.N.T.

Examen de passage en 3e Année (Lycée Pétrus Ký)

MATHÉMATIQUES

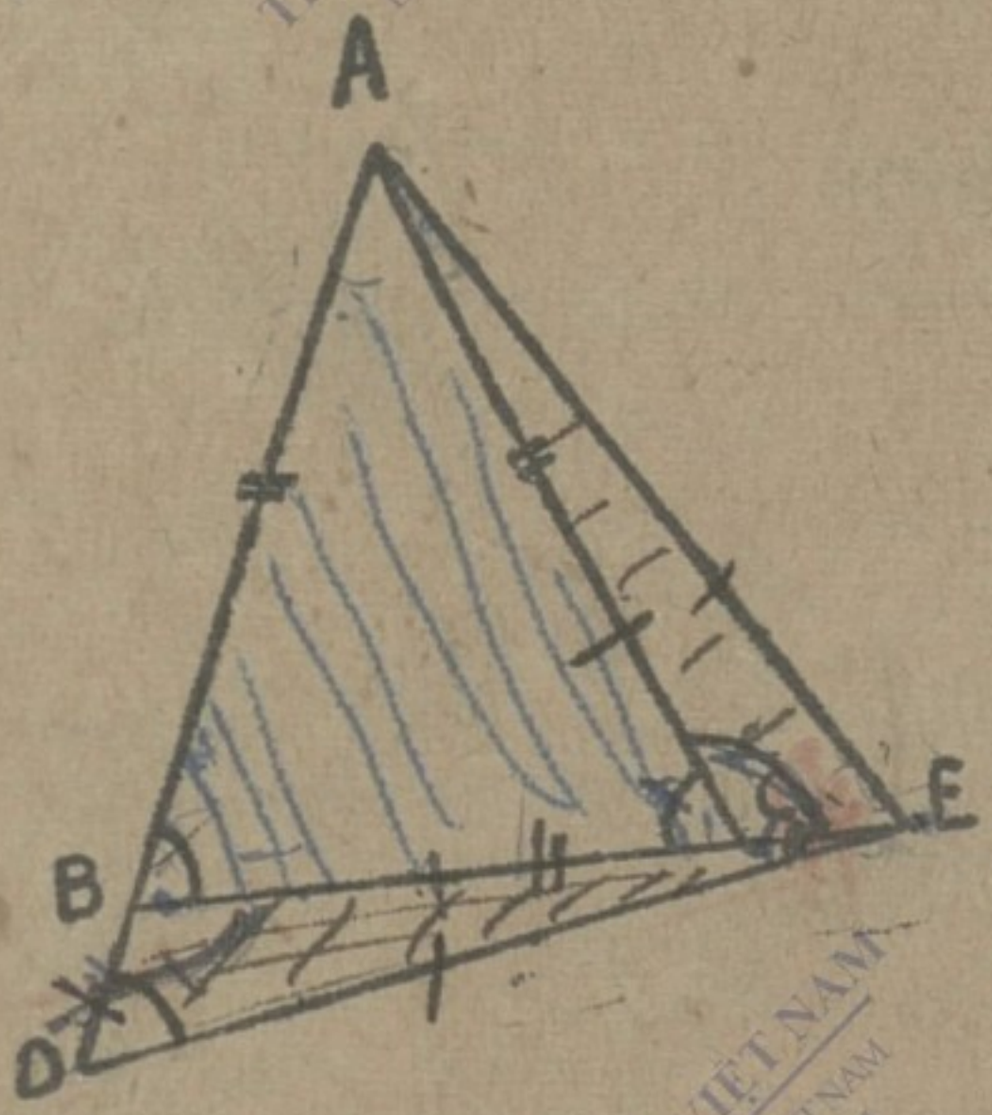
Problème I. — Soit un triangle isocèle ABC dans lequel la base BC est inférieure aux côtés égaux AB et AC. On prolonge AB et BC de longueurs BD et CE égales à la différence AB — BC.

1°) Montrer que le triangle EAD est isocèle.

2°) Montrer que $\widehat{ADE} = \frac{1}{2}(\widehat{AED} + \widehat{BAC})$.

SOLUTION

1°) Joignons AE et DE. Nous avons :



$BE = BC + CE.$
$= BC + AB - BC.$
$= AB,$

D'autre part les 2 triangles BDE et CEA ont :

$BD = CE$ (par hypothèse).

$BE = AC$ (comme étant tous les deux égaux au même segment AB).

$\widehat{DBE} = \widehat{ECA}$ (comme étant les suppléments des 2 angles égaux $\widehat{ABC}$ et $\widehat{ACB}$).

Ces 2 triangles sont donc égaux (d'après le 2e cas).

D'où DE = AE (côtés opposés à des angles égaux).

Par suite, le *triangle EAD* ayant 2 côtés égaux est un *triangle isocèle.*

2°) L'égalité des 2 triangles BDE et CEA nous donne :

$\widehat{ADE} = \widehat{CEA}$ (angles opposés à des côtés égaux).

Or $\widehat{CEA} = \widehat{AED} - \widehat{CED}$.

Et $\overset{\wedge}{CED} = \overset{\wedge}{CAE}$ (angles opposés à des côtés égaux).

donc $\overset{\wedge}{ADE} = \overset{\wedge}{AED} - \overset{\wedge}{CAE}$ (1).

D'autre part, nous avons :

$\overset{\wedge}{ADE} = \overset{\wedge}{DAE}$ (angles à la base du triangle isocèle EAD)

Or $\overset{\wedge}{DAE} = \overset{\wedge}{BAC} + \overset{\wedge}{CAE}$.

donc $\overset{\wedge}{ADE} = \overset{\wedge}{BAC} + \overset{\wedge}{CAE}$ (2).

En additionnant membre à membre les deux égalités (1) et (2), nous obtenons :

$$2\overset{\wedge}{ADE} = \overset{\wedge}{AED} - \overset{\wedge}{CAE} + \overset{\wedge}{BAC} + \overset{\wedge}{CAE}.$$

$$= \overset{\wedge}{AED} + \overset{\wedge}{BAC}.$$

d'où $$\boxed{\overset{\wedge}{ADE} = \frac{1}{2}\left(\overset{\wedge}{AED} + \overset{\wedge}{BAC}\right)}$$

Problème II. -- Deux pièces d'étoffe ont ensemble 55 mètres ; si on coupe le tiers de la première et le cinquième de la seconde, elles deviennent égales. Quelles étaient leurs longueurs ?

1°) SOLUTION ALGÉBRIQUE

Soit X la longueur de la 1ère pièce, exprimée en mètres.

La longueur de la 2e pièce sera : $55 - x$.

Si on coupe le tiers de la première, il reste :

$$x - \frac{x}{3} = \frac{2x}{3}.$$

Et si on coupe le cinquième de la seconde, il reste :

$$(55 - x) - \left(\frac{55 - x}{5}\right) = \frac{4\,(55 - x)}{5}$$

Les deux restes étant égaux, nous avons l'équation suivante :

$$\frac{2x}{3} = \frac{4\,(55 - x)}{5}$$

qui devient après réduction au même dénominateur :

$$10\,x = 12\,(55 - x)$$
$$= 660 - 12\,x$$
$$\text{d'où : } 10\,x + 12\,x = 660$$
$$22\,x = 660$$
$$\text{et } x = \frac{660}{22} = 30$$

Réponses : Longueur de la 1ère pièce : |30m.|

Longueur de la 2e pièce :

55m. -- 30 m. = |25m.|

2.) SOLUTION ARITHMÉTIQUE

Il reste à la première pièce d'étoffe les $\frac{2}{3}$ de sa longueur et à la seconde les $\frac{4}{5}$ de la sienne.

D'après l'énoncé, les $\frac{2}{3}$ de la longueur de la première égalent les $\frac{4}{5}$ de celle de la seconde.

La longueur de la première égale donc $\frac{4}{5} \times \frac{3}{2} = \frac{12}{10}$ ou $\frac{6}{5}$ de celle de la seconde.

Par suite la fraction représentant 55m. ou la longueur totale des deux pièces sera :

$$\frac{6}{5} + \frac{5}{5} = \frac{11}{5}$$

Réponses : Longueur de la 1ère pièce d'étoffe :

$$\frac{55\text{ m.} \times 6}{11} = |30\text{m.}|$$

Longueur de la 2e pièce :

$$\frac{55\text{m.} \times 5}{11} = |25\text{m.}|$$

TUYẾT-HOA

LỚP ĐỆ IV NIÊN

GIẢNG VĂN — *Qua đèo ngang*

Qua đỉnh đèo ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá lá chen hoa.
Lom-khom dưới núi tiều vài chú,
Lác-đác bên sông chợ mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.
Dừng chân đứng lại trời non nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.

Bà huyện Thanh-Quan

I — Tác giả.— Bà huyện Thanh-Quan, hiệu là «Nhàn-Khanh», là vợ ông Lưu-nguyên-Uẩn lúc bấy giờ làm tri-huyện Thanh-Quan (ngày nay là Thái bình). Do đó, người đương thời quen gọi bà là bà tri-huyện Thanh-Quan.

Văn thơ của bà nổi tiếng cả nước, Vua Tự-đức cho mời bà vào triều dạy học, giao cho bà giảng dạy các nhân viên trong nội. Nhà Vua có cảm tác nhiều bài thơ khen ngợi bà.

Bà huyện Thanh-Quan đã để lại một thi-phẩm nhan-đề là « Nhàn-Khanh thi-tập », gom góp lại hầu hết các bài thơ rải rác của bà. Trong đó, những bài thơ nôm cũng như những bài thơ chữ Hán, bài nào cũng đặc-sắc, nhất là những bài tả-cảnh — loại thơ mà bà sở trường hơn cả.

II — Từ ngữ.— *Đèo ngang :* đèo thuộc núi Hoành-sơn, giữa hai tỉnh Hà-tĩnh và Quảng-bình.— *Bóng xế tà :* bóng mặt trời đã nghiêng về tây : chiều xuống.— *Tiều :* tiều-phu : người đốn-củi.— *lác đác :* rải rác mỗi nơi mỗi cái.— *gia-gia :* chim đa đa, tác-giả có ý dùng chữ *gia-gia* tức là *nhà* cũng như *quốc quốc*, nghĩa là nước ; tiếng gia-gia, dùng hơi ép.— *mảnh :* mẩu, chút, nỗi.

III — Ý tưởng.— 1, Thi-nhân qua đỉnh đèo Ngang vào một buổi chiều mà bóng mặt trời đã ngã về tây, ánh sáng ban ngày đã tan dần, bóng hoàng hôn đã đến chầm chậm bao vây cảnh vật.

Cỏ cây, hoa lá, như nhuốm một màu vàng nhạt của chiều tà cùng với cảnh mấy bóng người ẩn hiện sau các rặng cây, với mấy túp lều lác-đác bên sông vắng... Tất cả cùng gợi lêncảm giác u-hoài bâng-khuâng.

2, Giữa một cảnh vật bâng-khuâng buồn-bã, lòng thi sĩ bồi hồi nhớ

nhà, thương nước. Tiếng quốc gọi, tiếng đa đa kêu càng làm xao xuyến thêm nỗi lòng sầu-nhớ của thi-sĩ.

3. Ở đây ta nhận thấy tác giả diễn-tả ra cả một sự xáo-trộn của cảnh vật thực-tại bên ngoài và cảnh nội-giới của tác giả, để làm phát-tiết ra một nỗi buồn nhớ đầy ý-vị, đầy duyên-dáng và biểu lộ những nếp tâm-tình tế-nhĩ của tâm-hồn, tâm-hồn những người nho-nhã, thanh-tao.

IV.— Lời văn: 1. Bài-thơ này theo thể thất ngôn bát cú đường-luật vần trắc.

2.— *Gợi hình*: đọc bài thơ, nhất là ở câu nhất, câu hai, câu ba, tư và câu bảy, ta thấy như biến hiện ra những cảnh buồn bã trong chiều tà, trên đỉnh núi: người du-khách cô-đơn đứng trên đỉnh núi giữa cảnh trời mây nước nhìn ánh vàng nhạt phai dần trên cây cỏ, bóng ẩn-hiện một vài phu cửi, lác đác một vài túp lều tranh hoang vắng tiêu-điều. Bóng đêm đến bao phủ quanh người du-khách, như thúc giục, như mời gọi tâm hồn cô đơn đến một sự suy nghĩ bâng khuâng buồn nhớ trước bức tranh sơn-thủy vàng nhạt ánh hoàng hôn sầu muộn.

3.— Ông Trần-danh-Án, một thi sĩ đời vua Chiêu-Thống, đêm nằm nghe quốc và đa đa kêu, chạnh lòng sầu, có viết một bài thơ chữ hán.

Giá cô tại giang Nam
Đỗ quyên tại giang Bắc.
Giá cô minh gia gia;
Đỗ quyên minh quốc quốc.
Vi cầm do hữu quốc gia thanh,
Cô thần đối thử tình vô cực.

Lược dịch:

Con chim đa đa ở mé sông bên Nam,—Con quốc ở bên sông phía Bắc, — Đa đa kêu tiếng gia gia, — Quốc gọi sầu quốc quốc, — Loài chim nhỏ còn biết gọi nhà gọi nước, — một mình trước cảnh rất là sầu muộn.

Những giòng thơ của Ô. Trần-danh-Án ghi lại một sự nổi mẻ đột nhiên của cảm giác u sầu ở lòng người trước cảnh—không có một sự trau chuốt, nhưng vẫn rất dễ cảm.

Cách chừng 50 năm sau, cũng trong một cảnh u-buồn, cũng nghe những tiếng gọi sầu của hai loài chim, bà huyện Thanh-quan viết:

« Nhớ nước đau lòng con quốc quốc »
« Thương nhà mỏi miệng cái gia gia ».

Hai câu thơ của bà hàm xúc và rất điêu luyện. Ở đây ta nhận thấy không những tài nghệ của nữ sĩ rất cao, mà cái tâm hồn của nữ sĩ lại rất tế-nhĩ sâu-sắc trong mấy vần thơ có duyên này.

Sau bà huyện Thanh-quan nửa thế-kỷ, ông Cao-xuân-Dục, một thi-nhân làm quan dưới triều Thành-Thái lại bắt đa đa và quốc kêu:

« Đỗ vũ kiều đầu minh quốc-quốc »
« Giá cô thành ngoại khiếu gia gia »

Lược dịch :

Đầu cầu quốc kêu : nước, nước!
Ngoại thành đa gọi : nhà, nhà!

Cũng một thi-tứ ấy, cũng một giọng kêu ấy, nhưng ô. Cao-xuân-Dục đã không cảm được người đọc bằng bà huyện Thanh-Quan, phải chăng là vì mấy câu thơ của Cao tiên-sinh chưa có đủ cái gì mà thơ của bà huyện đã có ?

Nghĩa là thơ của Cao tiên sinh không có cái sức cảm lòng người như của nữ-sĩ. Vì ở trong 2 câu thơ nữ-sĩ đã đem cảm giác thinh-quan hoà hợp với tiếng lòng (tức là tâm-thanh) để làm nên một điệu-đàn rất êm ái và khiến lòng người rung cảm sâu xa?

L. B.

LITTÉRATURE FRANÇAISE I

Par l'étude d'Horace, montrez comment un jeune homme peut apprendre avec Corneille à former son cœur et sa volanté.

Développement

Corneille a résuscité dans sa tragédie la grandeur farouche du caractère Romain.

C'est ce qui a mis en relief dans Horace l'opposition profonde de deux personnages : Camille et Horace.

Camille ne peut, ni veut combattre sa passion. Elle oublie de lui imposer silence quand la Raison d'Etat exige le sacrifice de son amant. Elle préférerait Curiace lâche et traître, mais bien vivant, à Curiace mort dans sa gloire. Camille représente cette catégorie de femmes faibles qui mettent inconsciemment leur bonheur au-dessus de leur devoir et à qui le cœur parle plus que la raison. Camille n'a-t-elle pas tout ? Car on aura le vrai bonheur que lorsque le devoir est accompli.

Bien que liés par la fraternité, Camile et Horace visent chacun à un idéal. Entre eux s'ouvre un abime d'opposition de sentiments.

Horace est patriote mais fanatique. Souvent on lui accuse de sécheresse, de brutalité et même on lui reproche de n'avoir rien d'humain.

Toutefois on doit reconnaître en lui cette fierté farouche qui fait de ce jeune héros l'âme de la pièce.

Désigné pour un destin singulier, Horace en est fier et l'orgueil étouffe en lui tout autre sentiment. Il est de cette jeunesse impatiente qui écrase sans pitié, quand elle le peut, tout ce qui s'oppose à sa passion, amour ou patriotisme.

Aux côtés de ce jeune Romain, d'autres personnages représentent les différentes nuances du patriotisme. Le vieil Horace, aussi intransigeant que son fils quand l'honneur est en jeu, est le type austère du Romain. Il exécuterait, s'il le fallait, son fils coupable ; il oublie dans l'allégresse de la victoire le deuil de sa famille. Il sent que le sort cruel a opposé ses fils aux Curiaces. Le vieil homme, dans sa douleur extrême, ne sait que dire aux jeunes Guerriers pour les exhorter à un combat où l'on tue ce qu'on aime.

« Pour vous encourager, ma voix manque de termes ».

N'est-ce pas que : les plus grandes douleurs sont muettes. Le vieil Horace met pourtant sa confiance aux dieux et reprend : « *Faites votre devoir et laissez faire aux dieux* ». Il n'y a pas de plus grandes douleurs que celles du vieillard Son fils va combatte son futur gendre ! mais l'espérance fait vivre.

Curiace, digne d'être gendre du vieux Romain, répond vaillamment à l'appel d'Albe. Mais combien il souffre car ces douloureux combats s'opposent à ses sentiments proprement humains. Et dans un magnifique élan de son cœur il a répondu à Camille qui a vainement essayé de la retenir: « *Avant d'être à vous je suis à mon pays* ».

Curiace, le jeune guerrier a dompté sa passion. Curiace est digne de se mesurer avec le héros romain, Horace. Et dans le cruel-combat où s'opposent les défenseurs de Rome et d'Albe, le sang des deux familles alliées va être mis à l'épreuve...

Quoiqu'on reproche à Horace d'être fanatique, quoiqu'on l'accuse de brutalité, Horace peut servir de modèle pour celui qui veut former son cœur, sa volonté. Horace est l'exemple d'un cœur de fer, d'une volonté d'acier.

La femme, sa famille, ses parents ? Devant eux, devant tant de solides liens, sa volonté ne fléchit point. Il abandonne tout ce qui est de soi, il n'a qu'un but le devoir et l'honneur.

Rome l'a appelé.

Prêt à servir l'Etat il dompte ses sentiments, il rompt les liens de parenté, il étouffe son amour. Son caractère farouche se traduit en ces mots adressés à Curiace : « *Albe vous a nommé, je ne vous connais plus* ».

Doit-on reprocher ce fier Romain de sa brutalité ? Et on ne peut pas dire qu'il est sans cœur ; puisque : « *A vouloir au pays immoler ceux qu'on aimait* »... C'est son cœur qui parle ! Un noble sentiment vibre dans son cœur d'homme: l'amour pour les siens ; mais le devoir en lui triomphe de l'amour.

On a donc dit avec raison que le « Théâtre de Corneille peut être considéré comme une véritable école de morale ». Par la lecture d'Horace, le jeune homme forme son cœur et sa volonté et quand sa patrie est en danger il sait faire abstraction de tout autre sentiment pour ne répondre qu'à l'appel ultime du devoir.

Devoir pour le prochain numéro.

Quels sont les caractères généraux du théâtre de Racine ? Que pensez-vous de la moralité de son théâtre ?

BAN TÚ TÀI

VIỆT-VĂN — *Tâm-lý trong truyện Kiều*

LÂM-BIÊN
Giáo-sư Việt-văn, sinh-viên
Đại-học văn-khoa Việt-Nam

Đọc kỹ truyện Kiều, ta thấy trong đó cả một xã-hội được diễn ra rất đầy đủ. Tố-Như tiên sinh không những là một đại thi hào có biệt tài hơn các văn nghệ sĩ, mà tiên sinh lại là một nhà tâm lý học tinh thâm, hiểu suốt nhân-tình thế thái và vạch rõ được những nỗi uẩn-khúc bi-hiểm để tác tạo một bức tranh xã hội xác-thực, đầy đủ và rất linh-động.

Một ông quan phụ-mẫu, một tên linh hầu, một gã thư-sinh nho-nhã một tay chơi bời phóng-túng, một người giang hồ quen thói vậy vùng hay một kẻ gian ác tàn bạo, một người con gái khuê các, hoặc một vị nữ-tu bác ái từ-bi đều được diễn tả bằng những nét bút rất thần tình.

Mỗi một cử chỉ, mỗi một lời nói đều xứng - hợp với tư cách mỗi người, tác giả làm cho người đọc nhận thấy như hiển hiện trước mắt.

Những nhân vật truyện Kiều, không phải là những con người của xã-hội cổ Trung-hoa, hay xã hội V.N. thời xưa, mà chính là những con người của mọi thời-đại và mọi dân tộc. Chính họ là tượng trưng của tâm lý con người qua giới hạn thời gian và không-gian.

Để bàn về tâm lý những nhân vật truyện Kiều ta có thể chia ra làm ba hạng người : Những người ám hại Kiều, những kẻ bênh vực Kiều và Thúy-Kiều qua các hoàn cảnh của đời sống.

I. — Những người ám hại cuộc đời Thúy-Kiều.

Những người làm hại cuộc đời của Kiều là Tú-Bà, Bạc-Bà, Hoạn-Thư Mã-giám-Sinh, Sở-Khanh, Hồ-tôn-Hiến . . — Trong đó Hoạn-Thư là một nhân vật đặc biệt hơn hết.

Hoạn-Thư (1)

Hoạn - Thư là một trong những nhân vật đáng chú ý nhất trong truyện. Qua hành vi ngôn ngữ, chúng ta nhận thấy tính tình của Hoạn-Thư rất hợp với tâm lý của những người đàn bà vừa khôn khéo vừa sâu

---

(1) Mới đây hội Tri-Tri, Hải-Phòng, ra bài thi học bổng cho Ban Tú Tài (đệ I niên) đầu đề : Bạn hãy bàn về tâm lý Hoạn-Thư, 1 nhân vật trong truyện Kiều.

sắc mà ta gặp thấy trong xã hội. Chúng ta có thể nói, sau Thúy-Kiều thì Hoạn-Thư là một người đàn bà trội nhất mà hành-vi ngôn-ngữ được tác-giả ghi lại bằng những nét bút đượm màu.

Là con gái quan thượng-thư bộ Lại, Hoạn-Thư được hấp thụ một nền giáo dục của hàng qui phái, có những đức tính tốt nhưng cũng không thiếu nhiều điều đở.

A.—Chỉ trong hai câu thơ rất tự nhiên, tác giả đã lược phác được cả những nếp tâm tình thầm kín của người đàn bà ấy :

« Ở ăn thì nết cũng hay

« Nỡ đều ràng buộc thì tay cũng già. »

Một số người khi nói đến Hoạn-Thư chỉ nói đến cái phần dở của tính nết Hoạn-Thư và kết tội là một người vợ « ghen ích kỷ ».

Nhưng cái dở ở Hoạn-Thư không phải là ghen. Ghen chưa hẳn đã là một đều đáng trách lắm. Vì ai yêu mà chẳng muốn được chiếm trọn trái tim không chia xẻ của người yêu ? Ai yêu mà không hờn giận khi tình yêu bị xúc-phạm, bị lừa dối ? Nghĩa là ai yêu mà không ghen ?

Cái không hay ở người vợ Thúc-Sinh là tính lý sự, kiêu căng và thâm hiểm. Đó là ba cái đã làm cho cuộc đời của nàng gặp lắm điều chông gai và thúc đẩy nàng nhúng tay vào một việc ghê gớm để báo thù cho lòng ghen tức.

Một người vợ trung thành, khi nghe tiếng thiên hạ đờn thổi việc chồng sa-đà phóng túng đem gái thanh lâu về nuôi lòng oán giận ghen tức nổi lên :

Lửa tâm càng giập càng nồng

Trách lòng đen bạc ra lòng trăng hoa

Việc đó là một điều thường tình, đối với một người đàn bà nhu mì hiền hậu biết nhún nhường, có thể dàn xếp bằng một cách êm thấm để cảm hoá lòng chồng và lôi kéo người yêu ra khỏi hố truỵ lạc. Nhưng, ở một tâm hồn vừa kiêu căng vừa lý sự thì lòng ghen tức đó đã phải bộc lộ bằng những câu nói đe doạ một cuộc mưu thù :

... Vì bằng thú thật cùng ta

Cũng dong người dưới mới là lượng trên...

Lại còn bưng bít dấu quanh

Làm chi những thói trẻ ranh nực cười !

Tính rằng cách mặt khuất lời

Giấu ta ta cũng liệu bài giấu cho !

Ở đời có những người đàn bà mà xã hội thường phải lúng túng

khi muốn phân tách tinh nết của họ, nhưng rồi cũng chỉ có thể gắn cho họ hai tiếng « đào để ». Hoạn-Thư là một trong những người đàn bà đào để đó, nên đối với nàng lời nói và việc làm rất dễ dàng đi đôi với nhau.

Giấu ta ta cũng lựa bài giấu cho

Nàng nói thế, và định tâm làm ngay như thế. Nghĩa là tìm cách gì kín đáo để dành một đòn thật đau trả thù chồng, và sỉ-nhục cái con người dám đến cướp tình yêu của mình.

Nhưng nào có « *lo gì việc ấy mà lo* », trước mắt Hoạn-Thư, Thúc-Tâm và Thúy-Kiều chỉ là những « trẻ ranh», nàng quyết sẽ ra tay.

Làm cho nhìn chẳng được nhau,
Làm cho đày đọa cất đầu chẳng lên
Làm cho trong thấy nhãn tiền
Cho người thăm vắn bản thuyền biết tay !

Trong cách hành động, Hoạn-Thư rất khôn khéo luôn luôn vẫn giữ một nét thản nhiên :

Buồng đào khuya sớm thảnh thơi
Ra vào một mực nói cười như không

Về mặt tươi vui niềm nở, cử chỉ săn đón đầy ái ân của nàng đã tài tình che đậy được cả một sự nham hiểm bên trong. Đấy là bộ điệu tinh khôn của người đờn bà mà lòng dạ của họ nhiều khi ta không thể lường trước được.

Trong những ngày tháng Thúc-Sinh về sống bên nàng, Hoạn-Thư nhận thấy rõ chồng có vui cũng « *vui là vui gượng kẻo là* », nhưng tâm trí những mơ tưởng đâu đâu. Vả, đông qua xuân lại, mà việc ở Lâm Chuy, chàng không một mảy may đả động tới.

Thấy thái độ của chồng như thế, nàng hết sức cầm gan, thói tình đã chẳng « mặn mà » gì nữa, thì phải ra tay làm cho « *đau đớn ê chề cho coi !* » Hoạn-Thư lập mưu nhắc chồng đi thăm cha, và nàng cũng vội vàng lên đường trù xếp việc bắt Kiều về hành tội.

Hoạn-Thư không ngần ngại, dùng bất cứ một cách gì, để làm cho hai bên không còn mong có thể sum hợp được. Vì thế còn có cảnh nào bi đát tủi nhục hơn nữa, khi Kiều nhìn nhận ra Thúc-Tâm !

Rõ ràng thật lứa đôi ta
Làm ra đứa ở chủ nhà đổi nơi !

Khi tiệc rượu, lúc trò chơi, kẻ chứa nhà, người tôi tớ, nhấn chén rượu mà như ngậm bồ hòn ! Nẩy cung đàn mà như xé lòng tan nát !

... Ai ra đường nấy ai nhìn được ai ?
Bây giờ một vực một trời,
Hết lời khinh trọng hết lời thị phi !
Nhẹ như bấc nặng như chì
Gỡ cho ra nợ, còn gì là duyên ?

Quả là một mưu kế tàn nhẫn, nhưng cũng là rất có hiệu quả để lôi chồng ra khỏi cái vòng

Mặn tình cát lụy, nhạt tình tào khang.

Giữa Thúc-Sinh và Thúy-Kiều từ nay Hoạn thư đã đào được một cái hố thực sâu, và khi đã đạt được ý muốn như thế, nàng mới hả dạ :

Vui này đã bỏ đau ngầm xưa nay.

Thực ra, cái vui cái cười của Hoạn-Thư ở đây là một cái vui cười ngạo nghễ của kẻ đắc thắng làm cho người ta rất khó chịu, cái vui cười hỷ lộng không đáng ưa một tí nào hết. *(còn tiếp)*

Dire ce qui, dans la doctrine de Boileau, est encore vivant et ce qui est suranné.

(Paris, juillet 1925)

Plan détaillé.

Introduction :

Boileau n'a pas été le législateur du Parnasse de l'école classique de 1.660. Il en a été seulement le porte-parole. Cependant la doctrine classique est bien contenue dans *l'Art Poétique* qu'on a pu appeler « Le code littéraire du grand siècle ». En quoi consiste cette doctrine ? Demeure-t-elle encore vivante aujourd'hui ?

I. La doctrine de Boileau

a) *La raison* — Le fond de la doctrine de Boileau consiste dans le culte de la raison.

« Aimez donc la raison ; que toujours vos écrits.
Empruntent d'elle seule et leur lustre et leur prix.—
Avant donc que d'écrire, apprenez à penser ».

Elevé dans un milieu de bourgeoisie aisée, Boileau est entré dans un milieu de gens de lettres et de mondains. Il a aimé la polémique, la satire et l'esprit. Il a combattu certains défauts comme la préciosité, la fade galanterie, le burlesque et le pédantisme.

b) *la mature.*

La raison fait la beauté. Qui dit beauté dit vérité :

« *Rien n'est beau que le vrai, le vrai seul est aimable* »

Aussi faut-il rechercher la simplicité, le naturel :

« *Il n'est point de serpent, point de monstre odieux.*
Qui, par l'art imité, ne puisse plaire aux yeux ».

c) *L'autorité des anciens.*

Les anciens qui, avant nous, ont imité la nature et cultivé la raison, doivent, de ce fait, nous servir de maîtres.

d) *Les règles.*

Boileau expose une méthode logique de traiter chaque sujet et des règles appropriées à chaque genre ; les genres (tragédie, comédie, poème lyrique, épique etc...) seront donc rigoureusement séparés.

II. Ce qu'il y a de vivant dans la doctrine de Boileau.

Tous les conseils techniques que donne Boileau relativement à la raison, à la beauté, à la nature et à l'art d'écrire représentent un progrès indéniable sur ses devanciers. Ces conseils sont restés si vivants et si vrais qu'ils sont passés en proverbe.

A). *Pour le fond.*

Boileau a le mérite de dégager des théories pédantes et absurdes, les idées de bons sens qui sont les bases solides du classicisme. Il blâme les « fausses beautés ». les antithèses forcées, semblables aux fausses fenêtres, « faites pour la symétrie », les métaphores et les périphrases dout l'unique objet est « de masquer la nature et de la déguiser ». Il prodigue cependant des pensées nettes et justes !

« *Ce que l'on conçoit bien, s'énonce clairement.*
Et les mots pour le dire arrivent aisément ».

Il attache une importance suffisante à la sauvegarde de sa théorie de la vraisemblance.

B) *Pour la forme.*

En ce qui concerne le style et la versification Boileau exige une constante application et un travail acharné :

« *Hâtez-vous lentement ; et, sans perdre courage,*
Vingt fois sur le métier remettez votre ouvrage :

Polissez-le sans cesse et le repolissez ».

Il nous conseille une correction parfaite de la forme afin d'éviter la trivialité, l'obscurité, les barbarismes, les tours vicieux.

C) *La morale.*

Enfin, Boileau se montre droit, vertueux. Il a une fermeté de pensée et une clarté d'expression très conforme au génie français. D'après lui, le métier d'écrivain est un métier difficile, vain et dangereux, qui doit être soutenu par une haute conscience morale.

III Ce qu'il y a de suranné.

a) *Dans les raisons perrsonnelles.*

Boileau est autoritaire et l'on n'aime pas celui qui impose son opinion.

Boileau n'a pas de sens historiques. Il ignore complètement le Moyen-Age et ne saisit pas l'importance des œuvres de Ronsard.

Quoique sa doctrine réside dans l'imitation raisonnable de la nature I n'a pas laissé assez de place à l'imagination et au sentiment. Ainsi sa poésie manque-t-elle de vrai lyrisme.

b) *Dans l'interprétation des règles classiques,*

Le principe de l'imitation des anciens de Boileau est trop étroit. On lit les anciens pour y discerner non seulement le fond éternel de l'âme humaine mais pour y découvrir de nouveaux sujets d'inspiration.

La réparation des genres et les conventions dramatiques sont contradictoires sur certains points (par exemple sur l'interdiction de mettre a la scène épique des sujets religieux).

Enfin, le vers tel que définit Boileau devient suranné. Les romantiques, les parnassiens et les symbolistes ont disloqué de fond en comble 'alexandrin.

Conclusion :

Ce que Boileau a de suranné dans sa doctrine provient surtout du changement de l'esthétique au cours des âges. Cependant, guide littéraire de son siècle, il reste vivant à nos yeux par ses principes d'ordre, de clarté, de raison.

LÊ-VÂN

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

BAN TRIẾT-HỌC VĂN-CHƯƠNG

LUẬN VĂN TRIẾT-HỌC

(Kỳ thi Tú-Tài Việt-Nam ngày 11-9-50 Saigon)

Luận-đề.— *Thế nào là ý-niệm ? Ý-niệm nguyên-nhân tiến-triển thế nào? Khoa-học ngày nay có nhiệm-vụ đi tìm nguyên-nhân các hiện trạng ấy không ?*

Đoàn-phô-Vĩnh

Luận-cứu

I.) — Ý-niệm thuộc về một chương trọng đại trong. *Tâm-lý-học* bao-hàm cả một lập-trường lý-tưởng của một môn-phái triết-học. Ý-niệm là những điều ta suy nghĩ trong trí, cách biệt với một vật-thể. Như ta có ý-niệm về sự vận-động của máy móc, về môn mổ xẻ, ý-niệm về sự lợi-ích của khoa-học v...v.. nó có nghĩa là việc ấy mắt ta đã trông thấy và quan-sát nên phát-sinh nơi tri-năng ta một *ý-niệm* (1) rõ rệt về *ngoại-giới hiện-tượng* (2).

Trong ngôn-ngữ triết-học danh-từ *ý-niệm* là chỉ rõ một *ý-tượng* (3) hay một *quan-niệm* như những tư-tưởng khái-quát, những hồi ký, sự kiến-lập về một khái niệm tạo thành v...v...

Theo nghĩa rộng thì danh-từ *ý-niệm* chỉ một *tư-tưởng trừu-tượng* và khái-quát. Theo nghĩa hẹp và chính-xác *ý-niệm* lại chỉ rõ những tư-tưởng *cực-kỳ trừu-tượng* và *cực-kỳ-khái-quát* như ý-niệm về toán-số, về thực thể, về căn-nguyên v..

Nhà hiền-triết *Kant* theo như khái-niệm của Tiên-sinh thì « *ý-niệm là một ý-tưởng khái-quát nhưng không tuyệt-đích* » (4) Tiên-sinh nhận-thức danh từ « *Begriff* » của người Đức như chữ « *Concept* » của người Pháp tương đương với danh-từ quốc-tế là « *Koncept* ». Những ý-niệm của *Kant* như ý-niệm về không-gian, thời-gian ; ý-niệm tuyệt đối về lý-tính, về linh-hồn, về vũ-trụ và Tạo-hóa v...v...

---

1) Concept 2) Phénomènes externes 3) Représentation
4) Idée générale mais non absolue

Kant phân biệt *ý*-niệm ra làm ba cấp:

1·) **Ý-niệm thuần-túy về trí phán-đoán** (5) theo như sự nhận định của *Kant* thì không phải nhờ kinh nghiệm mà có; nhưng lại do *cơ-bản quan-niệm* (6) mà phát sinh ra. Nó có nghĩa là cái hình-thức của người ta cần đến trong khi nhận biết ngoại vật để cấu thành *ý-niệm* tức là hình thức căn-bản để suy-nghĩ vậy.

2·).— **Ý-niệm thuộc về kinh-nghiệm** (7) là điều mình đã nghiệm qua, việc mình đã hành-động, nghe thấy như *ý-niệm* về sự biến-hóa ngày và đêm trên quả Địa-cầu; *ý-niệm* về sự hiệu-lực của một y dược; *ý-niệm* về khoa thủ-thuật có thể trị lành một bệnh tật trong một thời-gian rất ngắn v...v...

3·).— **Ý-niệm về chiết-trung** (8) nó có nghĩa là sự hòa hợp giữa ý-niệm thuần-túy và ý-niệm thuộc về kinh-nghiệm để cấu-thành một *ý-tưởng về nhận-thức-luận*.

Tóm lại ý-niệm là những điều ta suy-nghĩ trong tri-năng ta do *sự thực-tế làm xuất sinh* ra như khi xem máy dệt, như khi ta thưởng-ngoạn một bức tranh tráng-lệ thì vật *hữu-hình* ấy tạo nơi trí ta một *ý-niệm* về vật-thể mà ta đã vừa quan-sát. Vậy thời *ý-niệm là một tất nhiên qui-kết* (9) của *thực-tại ngoại-giới* (10 vậy.

II.).— Như trên đã giải-thích về ý-niệm thì ý-niệm không thuộc về một *hiện-tượng tĩnh-chỉ* (11) mà trái lại ý-niệm có một tính-chất nhất-định, nó tiến-triển từ *tiên-thiên ý niệm* đến *ý-niệm về kinh-nghiệm*.

Nguyên-nhân tiến-triển ấy phát khởi từ phần *chủ-quan* (12) đến phần *khách-quan* (13) và tương nghịch lại.

Theo như sự khái-nhiệm của nhà hiền-triết *Kant* thì ý-niệm, nguyên-nhân đầu tiên phát-triển là ở vào phạm vi *tiên thiên ý-niệm*. Nó có sẵn trước như *tiếng-nói* là một thể-chất bẩm-sinh: loài người ai cũng đã có từ khi mẹ đã hoài thai.. Tiếng nói ấy tiến-triển theo thời-gian cũng như *tiên-thiên lý-tính* (14) là cái lẽ phải, cái lý-tính của loài người đã có từ

---

5) les concepts purs de l'entendement; 6) les Catégories 7) les concepts empiriques
8) les concepts mixtes 9) Corollaire 10) Réalité du monde extérieur, 11) Statique
12) Subjectif 13) Objectif 14) Raison à priori

khi mới sinh không phải do giáo-dục tập quán mà tạo-thành.

Cái sơ-tính của loài người thuộc về sự cấu-tạo tự nhiên của cơ-thể, thuộc về phần sinh-lý ai ai cũng có. Cái sơ-tính-ấy ví như một *hạt giống* tốt xấu là do sự thành hình về phương-diện *nhân-thể sinh-lý* vậy (15).

— Bây giờ ý-niệm dần dần thoát-khỏi giai đoạn *tiên-thiên ý-niệm* để biến-hóa đến một tầng khá cao hơn tức là *ý-niệm về kinh-nghiệm*. **Người**, hiện-thời lại chịu áp-lực của hoàn-cảnh xã hội làm biến-đổi cả ý-niệm đầu tiên. Hoàn-cảnh thực tế phân hóa ý-niệm ranhững trào lưu tư-tưởng trái nghịch là vì *địa vị xã hội, giai cấp ở xã hội* mà **người** đương sinh hoạt. Ngoài ra **người** lại phải chịu ảnh hưởng tất cả ác tập của thời đại. Ta thử nhìn xem qua cuộc diễn tấn nhân loại thì ta thấy những *ý-niệm* của các bậc vĩ nhân đều khác nhau ở những giai đoạn riêng biệt của Lịch sử.

Ý-niệm, ngay bây giờ phải chịu ảnh hưởng do sức ba động của trào lưu: Ở Phương Đông, nguyên nhân sinh ra học thuyết *Lão Tử* là do trạng thái của xã hội Trung hoa hồi đời *Xuân thu* — từ thế kỷ thứ tám đến thế kỷ thứ sáu trước Tây lịch. Cái thời đại ấy *Hồ thích* tiên sinh gọi là thời đại « *hoài thai triết học* » trạng thái của nó lại khác hẳn với các thời đại khác.

Ý niệm của loài người lại biến đổi theo không gian và thời gian. Đến thời kỳ của *Khổng Tử*, dưới chế độ phong kiến thì *ý niệm* của *dân Trung hoa* lại biến đổi khác hơn thời trước, cứ như thế lại tiếp tục mãi.

Bên *Phương Tây* ta cứ suy xét những *ý niệm* của các bậc triết nhân như *Kant, Hegel, K. Marx* v..v.. *Kant* có ý niệm dung hòa giữa trào lưu duy tâm và duy vật. *Hegel* chủ trương một nền duy tâm tối thượng mà nhờ đó *K. Marx* kiến lập triết học duy vật biện chứng. Các nhà Giáo chủ từ cổ lai như *Thích Ca, Mặc địch, Khổng khưu, Gia Tô* v...v... đều chịu ảnh hưởng của *ý niệm thời đại* tức là *giai đoạn mà ý niệm thuộc về kinh nghiệm vậy*.

Hai giai đoạn của *ý niệm* như trên đã luận bàn thì nó

15) Physiologie humaine

có một liên quan nhau và nguyên nhân tiến triển khởi thủy trừu tượng đến cụ thể.., từ chủ quan đến khách 'quan nhà hiền truyết *Blondel* nhận định rất xác tạc rằng « *bên trong của một ý niệm đều hàm súc phần tiên thiên ý niệm và kinh nghiệm ý niệm* » Nguyên nhân tiến triển của ý niệm cũng phát sinh từ chủ quan đến khách quan, từ tự nhiên đến thực nghiệm. Đó là một lẽ di nhiên của thực tại.

(*còn tiếp*)

(III.— Ý-niệm liên quan vóc khoa-học — Kết-luận)

LỜI NÓI ĐẦU

Các bạn đã hiểu rõ mục-đích và chương-trình của HỘI TỐC-KÝ đăng ở trang 39 tập Cần-Học xuân Tân-Mão số 28 ngày 25-1-51.

Theo lời yêu-cầu của ông chủ-nhiệm báo Cần Học, Hội Tốc-ký cho đăng một phương-pháp tốc-ký Việt-Nam để cho các bạn ở xa cũng có thể học như các bạn ở gần.

Hiện nay có trên 20 phương-pháp tốc-ký Việt-Nam. Với tư-cách cá-nhân, mỗi tác-giả đều có quyền truyền bá phương-pháp tốc-ký của mình bằng mọi phương-diện, nhưng *HỘI TỐC-KÝ chỉ nhìn-nhận và cho phép dạy hay đăng báo (với danh-nghĩa của HỘI TỐC-KÝ) những phương pháp nào đã có nhiều người THỰC-HÀNH.* **Đó là một đảm-bảo rất có giá-trị vì Hội Tốc-Ký không có mục-đích phân-chia lợi-tức.**

Hôm nay Hội Tốc-Ký cho phép đăng phương-pháp Trương-vĩnh-Đạt là phương-pháp đã được truyền-bá trước ở Nam-Việt. Anh Trương-vĩnh-Đạt đã đào-tạo nhiều tốc-ký viên chuyên-nghiệp.

Sau nầy Hội Tốc-Ký sẽ cho đăng vài phương-pháp khác cũng đã có người THỰC-HÀNH.

Ngoài ra, với sự trợ giúp của các tốc-ký-gia chuyên-nghiệp, Hội Tốc-Ký sẽ lần lượt nghiên-cứu và đề-nghị bổ-khuyết những phương-pháp tốc-ký mà Hội có đủ tài-liệu.

H. H. N.

TỐC-KÝ VIỆT-NAM

Phương-Pháp « TrươngVăn »

CHƯƠNG THỨ NHỨT

KHAI-THUYẾT

1 — Tốc-Ký là phương-pháp ghi lời nói hoặc đọc cách rất nhanh-chóng bằng những dấu riêng.

2 - *Dấu-Tốc-Ký.* -- Những dấu dùng trong phương-pháp **Tốc-ký phổ-thông** « Trương-Văn » gồm có :

a) — Dấu ngay : — |

b) — Dấu cong : ◡ ( )

c) — Dấu chấm : •

d) — Dấu vòng tròn nhỏ : o ɵ

đ) — Dấu nửa vòng tròn nhỏ : ɔ ∩

e) — Dấu móc : ◡ ⊂

f) — Dấu gãy : ⊂ ⌐

hoặc hai thứ dấu loại «a» và «b» khởi đầu bằng :

— một vòng tròn : ɔ ɵ

— một cái móc : ⊂ ɔ

3— *Các thứ dấu.*— Có bốn thứ dấu căn-bản :

1o) — Dấu Nguyên-âm (chỉ Nguyên-âm).

2o) — Dấu Phụ-âm (chỉ Phụ-âm).
3o) — Dấu Phụ-âm ghép (chỉ Phụ-âm + Nguyên-âm),
4o) — Dấu Sau cùng (chỉ vần dài).

4 — *Dấu tắt.*— Là một thứ dấu đặt-biệt vô-cùng hữu-ích và đóng một vai tuồng tối quang-trọng về Tốc-lực, dùng để chỉ những chữ rất thường dùng.

Các dấu tắt viết theo một lối riêng, thường, có tánh-cách tượng-trưng không theo Luật Mẹo nào cả. Muốn phân-biệt hãy viết những dấu tắt thật nhỏ; và trong một chữ dấu tắt, *dấu khởi đầu viết nhỏ hơn những dấu theo sau.*

Ví-dụ : đồng-bào hòa-bình

5 — *Cách ráp dấu.*— Dấu ráp tùy theo vần chữ :

1o) — *Ráp theo lối thông-thường*, khi nào vần chữ gồm có :

Phụ-âm ghép + Nguyên-âm hoặc Nguyên-âm + Nguyên âm

Phụ-âm ghép + Phụ-âm hoặc Nguyên-âm + Phụ-âm

2o) — *Ráp theo mối đặc-biệt*, khi nào vần chữ gồm có : Phụ-âm + Vần dài (dấu Sau cùng)

6 — *Cỡ dấu.*— Dấu Tốc-ký lớn nhỏ có ba cỡ :

a) — Cỡ thông-thường (Dấu Phụ-âm ghép « i, u, e, o » ;

b) — Phân nửa cỡ thông-thường (Dấu Phụ-âm ghép « a », dấu Phụ-âm và dấu thuộc hệ-thống Mẹo 21) ;

c) — Một phần tư cỡ thông-thường, viết thật nhỏ (gồm có dấu Nguyên-âm, dấu Sau cùng và dấu tắt) ;

Các cỡ dấu nầy viết *xuôi*, viết *xuống* hay viết *ngược* lên.

Chỉ trừ : Dấu Tốc-ký Phụ-âm ghép khởi đầu bằng « Qu... » viết bằng rưỡi cỡ thông thường.

7 — *Mẹo.* I Khi viết Tốc-ký, chỉ *căn-cứ theo tiếng đọc.*

Chẳng cần thất-công nghĩ vần chữ ra sao ; chỉ *nghe theo tiếng đọc*, ráp những dấu Tốc-ký nhứt-định cho thành tiếng đọc ấy, thế nào cho ngắn, tiện, và mau lẹ hơn hết, đúng theo Nguyên-tắc định sẵn.

Ví-dụ: Khi ta lấy Tốc-ký chữ « Lang » không nên mất thì-giờ nghĩ rằng vần chữ ấy viết có « G » hay không; chỉ ráp dấu đọc thành tiếng ngắn và tiện nhứt . . . . . La + N (Lan)

— Chữ « Tâng », ráp dấu (Ta + n) thành tiếng . . . . . Tân

— Chữ « Mệnh », ráp dấu (Me + n) thành tiếng . . . . . Mẹn

— Chữ « Ich », ráp dấu (I + c) thành tiếng ic

(I + t) hay . . . it

8 — *Mẹo 2.*— Dấu Tốc-ký chỉ ghi *chữ suông*, không kể đến những dấu: ´ ` ? ~ . ˘ ^

a) — *Lối ráp vần thông-thường*: Ví-dụ: người ta đọc « Mệnh », dấu Tốc-ký chỉ ghi. . . . Mê + n ; người ta đọc «lắng», dấu Tốc-ký chỉ ghi. . . La + n

b) — *Lối ráp vần đặc-biệt*: Ví-dụ: người ta đọc « Buồng », dấu Tốc-ký chỉ ghi . . . . B + uon. Đến khi dịch dấu thành chữ, theo nghĩa từng câu, thêm dấu: ´ ` ? ~ . ˘ ^ vào và viết cho đúng vần chữ.

Thử viết một câu chữ thường không bỏ dấu làm tiêu-chuẩn:

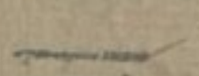
« Lam than con nhen may lan vuong to », thì ta cũng đọc được dễ-dàng là:

« Làm thân con nhện mấy lần vương tơ ».

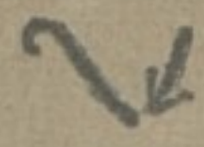
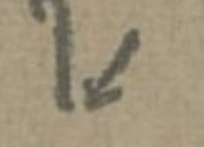
9 — *Mẹo 3.*— Dấu Tốc-ký phải viết theo hệ-thống *một hàng ngay nhứt-định*, theo đúng Luật Mẹo, tùy dấu viết xuôi, viết xuống hay viết ngược lên (Hàng ấy tạm gọi là « Hàng tưởng-tượng).

Vậy, *khởi đầu* một chữ Tốc-ký:

a) — Dấu *xuôi*, phải viết *xuôi theo* hàng tưởng-tượng:

Ví-dụ: miếu  say  *phần chót phải đụng* hàng tưởng-tượng

b) — Dấu viết *xuống*, *lên, phải khởi sự từ* hàng tưởng-tượng

Ví-dụ: ru  tiều 

c) — Dấu viết *ngược* hàng tưởng-tượng

Ví-dụ: đi  hay 

(còn nữa)

Trả lời những câu hỏi bài ám tả : **KHUYẾN HỌC.**

1) Giải nghĩa : *luyện tập sách-đèn* : Gắng công chăm-chỉ học-hành. — *anh tài* : *anh* là thứ cỏ tốt đẹp, *tài* là thông-minh tài giỏi. *Anh-tài* là người dung-mạo đoan-trang, thông-minh tài giỏi hơn thường. — *lảng-độ thanh-xuân :* lêu-lổng chơi-bời, không lo học-tập, để cho tuổi trẻ qua đi. — *bán-khai* : chỉ văn-minh mới được phân nửa, chưa theo kịp các nước tiền-tiến, đã có một nền văn-minh cao. — *con ma đen đỏ*: những người cờ-bạc cho rằng sự ăn thua do nơi hồn ma oan xúi-giục. — *phong-lưu* : *phong* là gió, *lưu* là dòng nước. Xưa tiếng « *phong-lưu* » chỉ người có đức tốt, lịch-sự : *phong-lưu* rất hồng-quần (Nguyễn-Du). *Phong-lưu* lại có nghĩa đài-các sang-trọng : Phong-lưu phú-quí ai bì (Nguyễn-Du). *Phong-lưu* lại nói sự chơi-bời phóng-túng (nghĩa trong bài) : Hẹn phong-lưu để nợ-nần (Hoa-Tiên).

2) Những chữ đôi có chữ *anh* : *anh-hùng* : *anh* là phần đẹp-đẽ nhứt trong cây cỏ, tức là bông hoa hoặc thứ cây cỏ đẹp nhứt trong loài cỏ, nghĩa bộng là đẹp ; *hùng* là giống đẹp và khoẻ nhứt trong loài thú, nghĩa bóng là khoẻ. *Anh-hùng* là bực giỏi và có chí to hơn người :

Ở đời muôn sự của chung,

Hơn nhau một tiếng anh-hùng mà thôi.

Anh-tài (xem giải nghĩa số 1) — *anh-dũng* : người mạnh-mẽ ; — *anh hài* : trẻ con rất nhỏ ; -- *anh-hào* : *anh* là đẹp nhứt, *hào* là trỗi nhứt. Anh-hùng hào-kiệt.

-- chữ *hoang* : *hoang-đàng* : không giữ qui-tắc hoặc lễ-tiết ; -- *hoang-phế* : bỏ hoang, bỏ hư ; *hoang-phí* : lãng phí tiền của ; *hoang-vu* : cỏ rậm mọc đầy. —— chữ *thanh* : *thanh-danh* : tiếng tăm ; *thanh-khiết* : trong sạch ; -- *thanh-liêm* : trong sạch không ham lợi : làm quan không ăn hối-lộ ; *thanh lương* trong sáng mát mẻ, *thanh-minh* : nói rõ ràng ra ; — *thanh-nhàn* : thong thả không có công việc gì ; *thanh-niên* : người trẻ tuổi, *thanh-tịnh* : trong trẻo lặng lẽ — trong trẻo sạch-sẽ ; *thanh toán* : tính toán tài sản cho xong xuôi.

2 cậu trong bài dùng để làm châm ngôn :

Cát kia còn đắp nên cồn,
Đá kia nước chảy cũng mòn nữa ta !

4) Những tiếng phản nghĩa với *dã-man* là *văn-minh*, với *phong-lưu* (trong bài là *cần-kiệm.*

Thème corrigé — *Le gardien de buffle*

Comment ? Garder les buffles est chose pénible ? — Non ! mais au contraire, c'est tout un plaisir ! Coiffé d'un chapeau déchiré, j'ai l'impression d'être protégé de parasol, muni d'une branche de bambou, comme le cavalier de sa cravache, fièrement juché à califourchon sur mon compagnon quadrupède, j'entends gazouiller les oiseaux dans le fourré, contemple voltiger les pavillons contournant le dessus du gazon vert. Rien de plus heureux pour moi et mon pachyderme que de pouvoir ainsi nous promener sous un ciel azuré et au milieu d'une végétation luxuriante.

T. T. LIEM

Trả lời bài chính tả : *Đêm trong rừng*

I — **Từ ngữ** : *Sinh-hoạt :* (sinh-sống và hoạt-động) là sự sống động của các vật.

Im-ắng : im-lặng vắng-vẻ. *Hình dung :* (động-từ) miêu tả ra, ở đây là diễn tả ra trong trí, tưởng-tượng trong trí. *Bồng-lai* : tên một trong ba hòn núi Tiên ở trong Bột-Hải (theo thần-thoại) -- ở đây có ý nói cảnh thần tiên. *Thôi-miên* : cái thuật tập ý-chí mạnh mẽ có thể điều-khiển kẻ khác phải theo ý muốn mình.-- Thôi-miên ở đây nghĩa là, sức huyền-bí của núi rừng bắt mình theo.

II — **Ý-tưởng** : 1) — Tác giả ở trong lều và đêm tối nên chỉ lắng tai nghe mà cảm biết sự sống động của rừng ban đêm, nên những cảm giác được diễn tả ra đây hầu hết là những cảm giác của thính-quan.

2) — Bài nầy tác giả tả muôn ngàn tiếng động trong rừng ban đêm, những tiếng động gần hay xa, ồn ào hay nhỏ nhẹ. Tác giả đã dùng những lời văn nhẹ nhàng và có một nhạc điệu

êm đềm khi đọc lên như nghe thấy tiếng thi thào phảng-phất nhẹ nhẹ, xa xa và rồi biến mất trong một sự lặng-thinh của đêm khuya.

3) — Bài nầy chia làm 3 phần.

Phần thứ nhất : từ đầu bài cho đến... xa xa. — Tác giả ghi lại những âm-điệu nhẹ nhàng, hay chậm chạp, rõ ràng của các thứ tiếng, cả những tiếng nhỏ nhẹ của con sóc, tiếng lá cựa dưới mình con vật đang nằm...

Phần thứ hai : từ « xa xa... đến... Tôi cứ nằm đó... » — Trong phần nầy tác giả tả giọng thác nghe xa xa rồi lắng nghe như gần rồi lại xa hút, rồi những tiếng ồn ào xa xa đưa đến gợi ra trong trí người nghe một cảnh xe pháo chợ búa ở thị-thành.

Phần thứ ba : Cảm giác của tác giả : Những tiếng gần tiếng xa cả hai như hòa hợp lại trong một lúc biến thành một hòa nhạc hỗn hợp rồi lại nhạt dần và biến đi xa làm cho tác giả nghĩ mơ hồ đến những cảnh thần-tiên mơ-mộng đâu đây đang vẳng lên những tiếng nhạc, tiếng sáo trong thinh-không cao vút,

III — Lời văn.

Cách hành-văn trong bài nầy :

1 — **Gợi hình** : Đọc đoạn văn trên đây ta thấy tác-giả dùng những lời văn rất tài tình để gợi ra trong trí người đọc những bức tranh rất linh động.

Ví dụ : Sau lều... cây yên-lặng ngủ kỹ... con hươu ngó-ngẩn nhìn chiếc lều vắng... tiếng rất nhẹ của con sóc chạy, tiếng lá cựa dưới mình con vật đang nằm... v. v. với những cảm giác thính-quan, người đọc có thể hình dung được những rặng cây ngủ lặng trong rừng, một vài con sóc đang chạy trên cành, con nai vàng ngơ-ngác và một vài lá vàng khô gập lại dưới thân con vật đang nằm...

2 — **Có nhiều nhạc điệu** : hầu hết câu nào cũng có một nhạc-điệu êm-đềm, một nhạc-điệu phù-hợp với cảnh vật bên ngoài ban đêm và nhịp nhàng với những cảm giác của tác-giả. Tuy có những âm-thanh rỗn rã, ồn ào của thác, nhưng đều nghé xa xa... nhạt dần và mất hút, tất cả gây nên một điệu nhạc êm-đềm trong cái yên-lặng của rừng khuya.

DANH SÁCH ĐỌC-GIẢ MUA DÀI HẠN :

CẦN-HỌC trân-trọng cám ơn qui bạn kể tên dưới đây đã gởi tiền đến đặt mua dài hạn :

Ông Huỳnh-thế-Vân, 13 Matelot Manuel Saigon.
» Nhiều, infirmier, Hôpital. T.D.M.
» Thạnh, Instituteur Cầu-ngang — Travinh.
» Lý-xuyên-Khung, 258/40 Pellerin Saigon.
» Phạm-văn-Lễ, Q. V. V. B. Đ. Huế.
Cô Nguyễn-thị-Kim-Liên, 70 Galliéni — Cầnthơ.
Ông Kinh, 9 G. Guynemer Saigon.
» Phạm-văn-Phụng, Instituteur à Tân-Chánh Cần-Đước.
» Huỳnh-văn-Mười. Institut de Lettres Saigon.
» Trần-phước-Hội, B. P. 29 Saigon.
» Thái-Ngọc, 137 Palikao Cholon.
» Lê-văn-Phát, Sergent Trảng-Bàng Tàyninh.
» Nguyễn-Hà, Bataillon Võ-Tánh Hội-An.
» Nguyễn-văn-Năm, 5 Boresse Saigon.
» Bảy, Contrôleur Adt. P. T. T. Saigon.
» Lưu-ngọc-Diệp, 37 Galliéni Saigon.
» Trương-như-Đẳng, Identité Judiciaire Huế.
Cô Lê-thị-Tiếp, 258 Rue Dumortier Saigon.

GIÁ TIỀN MUA DÀI HẠN :

	Ở NAM-VIỆT, MIÊN			Ở TRUNG, BẮC-VIỆT		
	B. Tiểu-học	B. Trung-học	Cả 2 Ban	B. Tiểu-học	B. Trung-học	Cả 2 Ban
3 tháng 12 số :	30$	45$	70$	40$	55$	80$
6 tháng 25 số :	65$	90$	150$	85$	115$	175$
12 tháng 50 số :	125$	175$	290$	170$	220$	325$

Giám-đốc :

Cha Jacques CUA

GIADINH

Thơ và bưu-phiếu xin đề :

Mr Ngô văn Thanh

42 - 46, Pellerin — SAIGON

Giấy phép số 75/T.X.B.

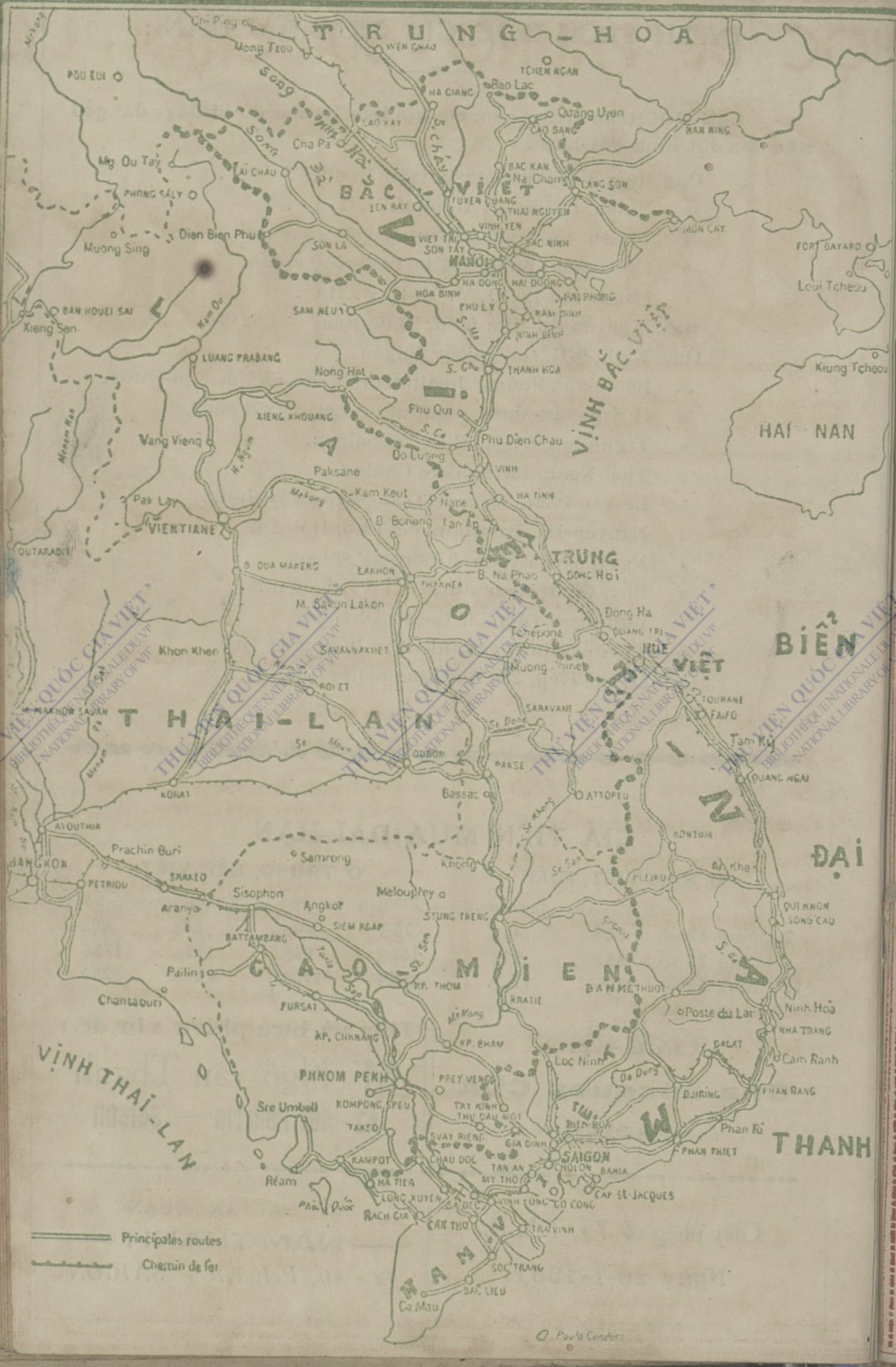
Ngày 26-1-1951

IN TẠI ẤN QUÁN

NAM-THANH

42 - 46, Pellerin. — SAIGON

BẢN ĐỒ NƯỚC VIỆT-NAM



NĂM THỨ NHÌ — NGÀY 22-3-51

HỌC ĐỂ PHỤNG - SỰ CHÂN - LÝ

Cấp Học

BAN TRUNG-HỌC

Tập 29 ——— 44 trang

TRONG SỐ NÀY

Việt-văn

— Đời sống và Nghị-lực.

— Một cảnh rừng hoang.

— Đấu bóng bàn.

— *Chinh phụ ngâm* bình giảng.

— Tâm lý trong Truyện Kiều (tiếp theo)

— Ý - niệm với Khoa - học (tiếp theo)

— Tốc-Ký V. N.

— Kinh-tế chính-trị.

— Mở lớp : **HỌC NHẠC**

Composition française

— Une bicyclette.

— *Quel métier embrasserez vous plus tard?*

— Une femme doit être à la fois instruite et bonne ménagère.

— Mathématiques.

— « *J'aime l'homme qui chante en travaillant* » pensée d'un sociologue.

— « *La magnanimité méprise tout pour avoir tout. Elle est le bon sens de l'orgueil et la voie la plus noble pour recevoir les louanges* »

La Rochefoucauld

— La Grammaire française pratique pour toutes classes.

TÒA SOẠN:
42-46, Rue Pellerin
SAIGON

Giá { Nam Việt, Miên **5$** / Trung, Bắc-Việt **6$**

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIF
NATIONAL LIBRARY OF VIF

ÂU PHỤC VÀ CHEMISE ĐẸP, KHÉO

HIỆU

Sở thích quí Ngài

33, đường Sabourain
(*gần chợ* **SAIGON**)

Giây nói : **Cardi 435**

Nhiều hàng, vải, nỉ, đẹp.
Vừa ý qui Ngài.

Nhiều thợ chuyên-môn



Các học-sinh, nhứt là các sinh-viên cùng các giáo-chúc, tất cả Nam Nữ

Học hành, làm việc lao tổn, tâm trí. Rất cần bổ dưỡng lại sức khoẻ; nên dùng:

1°) Thuốc **bổ-phổi, ngừa** lao và **trừ** lao rất hay.

2°) Thuốc đại bổ **nước cốt** Sâm Cao ly.

Người lớn tuổi, yếu đuối muốn đặng lại sức, mạnh mẽ nên dùng: **Hải Long Tráng Dương bổ thận hoàn,**

Ấy là **3 phương thuốc bí truyền rất công hiệu** của người Việt-Nam.

Mua sỉ hay lẻ do **nhà thuốc cụ Trịnh Hải Long 19 Vassoigne Tânđịnh — Saigon.**

XIN LƯU Ý :

Từ số nầy đến số 30, quí bạn nào muốn đặt mua C.H. dài hạn khác hay chưa đóng tiền hạn cũ, thì mau mau gởi tiền đến Bổn báo theo giá tiền 3 tháng (12 số) 6 tháng (25 số) hoặc một năm (50 số) có đăng trên bìa báo.

Còn từ số 31 trở lên, mà ai gởi tiền đến đặt mua dài hạn thì phải theo giá mới vì chúng tôi sẽ tăng giá mua dài hạn lên 40 °/o — vì tiền giấy và in năm nay lên cao hơn trước.

Mua dài hạn thì rẻ hơn mua lẻ, lại khỏi phải tốn công và gián đoạn trong việc đọc báo. Vì số báo phát hành có hạn định, nếu ai mua lẻ ở tiệm sách mà mua trễ thì nhiều khi phải thất vọng là hết báo: như có nhiều bạn gởi thơ đến đặt mua dài hạn nơi bổn báo vì lý do thiếu báo ở nhà sách.

LỜI TÂM-SỰ

ĐỜI SỐNG VÀ NGHỊ-LỰC

Sự sống trong vũ-trụ

Trên đường cày, đất còn tươi, những hạt lúa bắt đầu nảy nở. Đầu cành mấy chồi non vừa chớm nụ. Bên kia đồi, bầy chim ca hát trên cành gió, và giữa đồng nội, đàn bò con giỡn đùa tung tăng...

Bạn hãy nhìn xa hơn, trên đỉnh núi, trong lòng biển, đâu đâu chúng ta cũng thấy mầm sống, nhựa đất, sự nẩy nở, sự chồi mọc đến không cùng... và, chính trong thân bạn, một sức sống đang bồng bột phát triển.

Đấy là sinh lực mà mọi vật đều nhận, hưởng và bám chặt lấy. Sinh lực là một sự kiện căn-bản trong vũ trụ. Đối với thú vật cỏ cây, sống là tất cả.

Một con vật sinh ra, lớn lên, truyền giống rồi chết đi để làm mồi nuôi sống cho những con vật khác. Cành lá nở đầu xuân, trải qua mưa nắng, khô dần hết nhựa sống, úa vàng và đổ xuống lác đác theo gió mùa thu để phân bón cho những mầm cây mới mọc.

Con chim là con chim, sinh ra chỉ để làm một con chim. Cũng như cành đào tươi đẹp cũng chỉ là một cành đào không hơn không kém.

Con người, sinh ra chưa đủ để thành một con người xứng đáng với danh nghĩa chân chính của nó. Đối với con người, ngày sinh ra chỉ là sự khởi đầu của một cuộc khai phát cần mẫn và dài lâu.

Đi tìm một cuộc đời có nghĩa-lý.

Sự khai phát ấy do chính ở ta, ở sự quyết định và những cố gắng của ta. Vì thế sống không đáng kể, mà sống hoàn thiện là quan thiết, là tất cả.

Mỗi một chúng ta, trong thâm tâm có lúc tự bảo : **« Phải sống một cuộc đời có nghĩa lý, một cuộc đời đầy đủ và đáng sống chứ ? »**

Này Bạn, người thanh niên thân mến, chắc bạn đã liên tưởng đến cái thế lực của tiền tài, cái sức mạnh của đầu óc thông minh, và cái lương tâm chân chính ? Bạn cho đó là những điều kiện cần thiết để đưa bạn tới đích cao quí, mà bạn đã nhắm ?

Nhiều người trước chúng ta, và từ lâu, cũng đã nghĩ như thế và đinh ninh rằng ba sức mạnh trên là những điều kiện tất-nhiên của sự thành công. — Họ đã bắt đầu tự kiến thiết cuộc đời của mình...

Biết bao người đã thâu vào có hàng tiền muôn bạc triệu, mà vẫn không tìm thấy nghĩa lý cuộc đời. Trái lại họ đã cảm thấy tự biến mình thành nô lệ của tiền tài, khoái lạc mà họ thâu được.

Biết bao người có những hiểu biết xa rộng, rồi cũng chỉ bất lực với mớ kiến thức vô bổ của mình.

Biết bao người chân chính, muốn phong tục xã-hội trong sạch, muốn cứu vớt nạn nhân đau khổ, nhưng đành ngồi nhìn xã hội rơi vào tay kẻ gian ác, quyền bính vào chỗ bất nhân ! Cái lương tâm chân chính của người hèn yếu chỉ để mà than khóc những cảnh bi thảm đang diễn ra mà họ tự thấy bất lực không đàn áp và hoán cải được.

Cần-thiết một nghị-lực

Trên kia ta đã nói : « Họ bắt đầu kiến thiết cuộc đời mình... » Nhưng, bạn ơi, sự khởi công và sự thành tựu lẽ dĩ nhiên là không có đồng nghĩa với nhau. Đấy, bạn xem. chung quanh chúng ta, biết bao người đã hao phí sinh lực, biết bao người đã tiêu mòn đời sống giữa sự hỗn loạn náo nhiệt ng i phố... và rồi, dọc đường gió bụi, họ đã ngã quỵ trong vũng máu và nước mắt !

Chỉ vì không có một sức mạnh của tâm hồn, một khi lực bền bỉ trên đường tiến, nghĩa là thiếu **Nghị-Lực**, *người ta đã thất bại đắng cay !*

Một chiếc tàu thủy người ta lắp đầy đủ những máy móc rất tinh - xảo, xếp đặt trang hoàng rất lộng lẫy, ra bể khơi giữa bao sóng gió, bị thiếu dầu .. máy tắt... Chiếc tàu trôi giạt trên mặt sóng theo gió bốn phương !

Bạn ơi, chiếc tàu cuộc đời ta, phải dự bị đầy đủ dầu máy Nghị Lực mới đi đến đích Nghĩa lý của Sự Sống.

Viết đến đây, tôi thiết tha nhớ đến đời bạn, Sơn-Xuân, Bình-Hải Linh-Tâm và...

...Và những giòng lịch-sử.

Là những tấm áo vải, Lê Lợi và Quang-Trung, từ Lam-Sơn và sau dãy núi Hoành-Sơn đi ra, với những bàn tay trắng. Nhưng giàu có một sức mạnh tinh thần bất khuất, những vị anh hùng ấy đã dựng lại giang sơn đất Việt.

Ông Kha luân Bố, với một ít tia sáng chỉ đạo, một vài kiến thức cần hiết và với cả một sức bền vững của tâm hồn, đã thắng sóng gió, vượt bể rộng và tiêu hủy được những bất trắc, phản bội của lòng người, để đặt bước khải hoàn lên trên giải đất mà mấy ngàn năm về trước loài người không hề tưởng có !

Và đây nữa, một gã thanh niên dềm dêm ngồi trên bãi bể, nhìn cảnh bao la trời nước. Những tiếng sóng vỗ vào các mỏm đá nghe như tiếng rền rĩ than van làm cho chàng tưởng đến tiếng của muôn ngàn đồng hương kêu khóc dưới ách đô hộ nước ngoài. Tiếng sóng gợi lên trong lòng người trai trẻ một sự quật cường. Thanh niên anh dũng đứng dậy lên đường chiến đấu.

Với một nghị lực say sưa, chàng gạt bỏ hết những chướng ngại vật lật đổ được ách nô lệ và gột rửa cái nhục vong quốc. Người Thanh niên đó là Âu cơ Ninh, chiến sĩ anh-hùng của dân tộc Ái nhỉ lan,

Chúng ta không chối cái thế lực của tiền tài, cái sức mạnh của thông minh, cái công hiệu của lương chính. Nhưng nếu thiếu sức mạnh tâm hồn, **chủ động lực** *của mọi hành động, thì những cái đó chỉ gần như vô dụng cho đời sống.*

Nếu biết đem tất cả những cái đó giúp vào **Nghị-lực, Nghị-lực** *sẽ làm chúa tể trên trần gian.* **Nghị-lực** *là một sức mạnh tuyệt đối, trong vũ trụ.*

Kết-luận

Để kết luận, bạn hãy mở những tờ nhật báo hôm qua (6-3-51) và xem một tấm gương đầy nghị-lực trong đời sống hằng ngày của chúng ta.

Ở xóm Latin, (xóm học sinh Ba-Lê) có một đôi bạn học sinh : mù điếc và bất toại. Thật là một đôi bạn hi hữu trong lịch sử nhân loại, mà chắc La Fontaine cũng không có mơ tới trong bài ngụ ngôn của tiên sinh.

Cặp học sinh mù, què, giúp nhau học tập, vừa đây cả hai đã đậu phần thứ I ban tú-tài, đang tiếp tục học thi phần thứ II và quyết định chiếm bằng cử-nhân triết học.

Hai Thanh niên đó, thắng được những sự mù tối, què cụt một cách vô cùng anh dũng, để làm cho cuộc đời mình nên hữu ích cho Xã hội.

Ai bảo những người tàng tật dui què là những người gần như bỏ đi ?

— Bạn ơi, **Nghị-lực** *có thể sửa chữa lại tất cả, và hoán cải mặt đất.*

Lâm-Biên

PHÒNG TRỒNG RĂNG

LÊ-TƯỜNG-KHAI

111, Đại lộ Albert 1er *(khít rạp hát A-Sam)*

ĐẤTHỘ — SAIGON

Thợ chuyên môn làm kỹ lưỡng.

Rất được lòng tin cậy của thân chủ,

LỚP ĐỆ I NIÊN

CHÍNH TẢ — *văn tả hành động*

ĐƯỜNG TRƯỜNG

Đêm nay đêm thượng tuần. Xe chạy tới bãi tàu bay thì trăng tỏ.

Ngồi trong xe nom rõ vành trăng vàng vọt chơ vơ trên cánh đồng hiu-quạnh. Con đường lờ mờ khúc-khuỷu, lấp lánh trong đêm. Đường xấu xe xóc lên sòng sọc, tưởng như bao nhiêu mũ ốc, đanh vít, sắp tung hết cả ra như một chiếc xe trong phim hoạt-họa. Xóm làng thưa thớt. Ấy là một vùng bể nghèo đói, đất cát mặn mòi có những căn nhà lá đứng bơ vơ thành một khối đen in lên trời đục lờ điểm vài ngôi sao thưa thớt.

Ngồi trong xe bỗng có cảm tưởng con đường bắt đầu lên dốc. Phong-cảnh như thu hẹp lại. Rồi thấy bóng một ngọn núi lù lù trước mặt. Xe đi sát vào chân đồi, lượn trên con đường cắt veo vào lưng núi, ngoằn ngoèo như vuốt mèo. Người khách lạ ngồi trong xe, có cảm-giác như bị một bọn gian bắt cóc mình đi đến một sào huyệt nào hẻo lánh. Xe quặt nghiêng hẳn về một bên qua đầu chân núi, qua một cái lô-cốt đứng gác trên đèo.

Không-gian bỗng mở rộng ; chiếc xe đi vòng hết chân núi và thoát ra khỏi bóng đen của một trái núi đinh để lấy mình, và đây có lẽ là bể rồi. Vì trước mặt : một vùng đen mông-mênh, bao nhiêu là sao hớn-hở.

TRẦN-CƯ (trên lái thán)

(trích lại Việt-văn diễn-giảng)

CÂU HỎI

I. — **Từ-ngữ**: Giải-nghĩa các tiếng: thượng-tuần, hoạt họa, mặn-mòi, lô-cốt, sào-huyệt, hẻo-lánh, không-gian.

II. — **Ý-tưởng** : 1) Hãy tìm những chi tiết tả cảnh thê-lương và hiu-quạnh trong bài.

2) Những hành-khách trong xe có những cảm-g ác gì ? và vì sao có như thế ?

3) Bài này chia làm mấy phần và mỗi phần tác-giả đã diễn những ý gì ? Liên-lạc với nhau như thế nào ?

III. -- **Lời văn :** Lời văn trong bài này có những đặc-tính nào? Hãy dẫn những lời văn, những chi tiết để làm chứng những tính-cách đó. (1)

LUẬN VĂN

Đầu đề — *Một cánh rừng hoang-vu.*

Dàn bài

1) *Nhập đề*: Nhân một cuộc thám-du, mấy anh em hướng-đạo đến thăm một khu rừng.

2) *Thân bài*
- a, Gần *cửa rừng* : quang cảnh chung, quan sát bằng giác quan : mắt, tai, mũi.
- b, *Trong rừng sâu* : các thứ cây : cây làm củi, bụi thấp, gỗ lớn.

3) — *Kết luận* — Vui sống với thiên-nhiên.

Bài làm

Đoàn chúng tôi tất cả bảy anh em, ai cũng đã mệt lả sau hai giờ leo qua cái ngọn đời khô-khan, dưới ánh gay gắt một ngày nắng hạ.

Nhưng đến đây, gần một lùm cây um-tùm, trông vào có một lối đi sâu thẳm, anh đoàn-trưởng hô to: « đã đến cửa rừng ». Rồi anh cất giọng hát, cả đoàn ca theo vang dội.

Đường vào, chân người qua lại đã mòn thành lối, xuyên qua một cái cửa tò-vò có trần cao, đan bằng lá cây và các thứ giây leo chi chít; hai bên thân cây đứng làm tường.

Càng đi sâu vào rừng càng thấy mát lạnh. Những tia nắng mặt trời lọt qua các làn lá mỏng chiếu xuống thưa thớt và trong

---

(1) Xin cải chính : **Chính tả** (*Văn tả cảnh*).

xanh, thành một thứ ánh sáng mơ hồ, yếu ớt. Nước đọng ở các đầu cành rơi sột soạt trên đám lá khô. Thỉnh-thoảng vọng về những tiếng dội u-huyền của loài thú hòa hợp với giọng riu rít của đoàn chim ri hoặc tiếng ồ-ồ của thác đổ : nghe như một bài ca muôn điệu.

Mặt đất ẩm-ướt và ớn-lạnh xông lên một thứ mùi mốc...

Chúng tôi có cảm giác như lạc loài vào một cảnh hoang vu của đời sống thái cổ.

Qua một làn suối, đường trở nên quanh co vơ vẩn, chỗ thì một khúc cây ngã xuống chận ngang, có nơi đâm vào một hòn đá lớn, nhiều chỗ toàn một loạt sỏi đều đều, nước chảy le te.

Đây là một chòm đầy những thứ cây nhỏ, thân cao vút, vỏng như những cần câu, lá xèo ra, kết lại với nhau, thành một cái tàn xanh um to lớn. Chúng tôi thấy khó chịu khi đi qua những lùm cây như lau, lách, sậy, dứa, gai, trông đã rườm rà, lại là chỗ ẩn-núp của loài rắn rít,

Đi mãi... đến một quãng rừng sạch-sẽ hơn, có những tấm đá bằng phẳng, xung quanh có nhiềugốc cây cổ-thụ, anh đoàn trưởng ra lệnh cởi « xắc », lột giày, nghỉ một lát để còn làm bếp, ăn trưa... rồi anh dẫn chúng tôi đi quan-sát chung-quanh để tìm chỗ « dựng lò », luôn miệng anh chỉ-dẫn tỉ-mỉ, tỏ ra anh là một hướng-đạo-trưởng rất từng-trải ; như một người làm rừng chuyên-nghiệp, anh giảng giải : « đây ! giẻ, cà-lồ, sến, vên vên ; mấy cây leo kia là : giây me, giây sắn v.v. »

Chúng tôi bắt đầu căng lều trên bãi cỏ xanh chạy xoai-xoải bên một bờ khe nước trong-vắt, mấy anh em vui đùa như đàn chim buổi sáng. Giọng người hát lẫn tiếng đùi va cồm cộp trên cọc, đánh nhịp thành một hòa-âm hỗn-hợp, ầm-ĩ phá tan sự im lặng trong rừng vắng và làm ngừng hẳn tiếng kêu « hu hu » của đoàn khỉ bẻ cành ở đám cây-khô đằng xa.

RÉDACTION FRANÇAISE

Vous souhaitez avoir une bicyclette.

Ecrivez à votre père pour la lui demander et lui dire les services que cette bicyclette pourra vous rendre.

Développement

Cher papa,

Je suis de retour à Saigon depuis une semaine. Heureux comme

la nature printanière, je travaille avec en train. J'ai obtenu cette fois un bon point et aussi une bonne place en mathématiques. Mes notes non moins élogieuses prouvant mes progrès, te seront envoyées. Tu seras content de moi

Je t'informe mes progrès pour que tu exausses mes souhaits. Oui, cher papa, depuis longtemps j'ai rêvé d'avoir une bicyclette. Elle ne sera pas très belle comme celle de mon ami Toàn. Mais elle devra être solide, confortable et élégante. Le guidon brillera comme le soleil. Le cadre sera lavé et nettoyé durant mes temps de loisir. Ma bicyclette ne sera jamais couverte de rouille comme celle de mon cousin Ba. Ah ! ce garçon si ambitieux me fait monter le rouge sur mon visage chaque fois qu'il file dare ! dare ! dare ! devant mes yeux. Moi, au moins, je devrais avoir comme lui une bicyclette. Lui, il est de mon âge. Lui, il travaille dans une même classe que moi. Pourtant, je suis parmis les premiers et lui dans le rang des cancres. Et lui, il a une bicyclette. Et moi, je marche toujours à pied.

A l'école, la bicyclette est à la page. La plupart d'entre nous ont la leur car nous sommes desgarçons forts et robustes qui aiment le sport et la rapidité. En allant à pied, je respire les panachées de poussière Pourquoi ne me donnes-tu pas ce moyen de locomotion rapide et modeste qu'est la bicyclette ? Nous vivons à l'époque atomique. Tout tend à la vitesse. Tout change continuellement. Je resterai arriéré si je continue pour toujours à marcher à pied.

Cher papa, au dehors il fait beau. La brise matinale si fraîche et si embaumée de parfum et de joie de vivre m'invite au badinage et à la promenade. Je reste pourtant dans ma salle d'étude pour revoir mes leçons de mathématiques. Je suis sûr que ma patience sera récompensée. Et j'aurai certainement la bicyclette de mes rêves.

Ton fils affectueux.

Cours Secondaires Xuân-Sa

37 Rue Heurteaux SAIGON

BACC, DIPLÔME, BREVET

LỚP ĐỆ II NIÊN

CHÍNH TẢ — *(Văn tả hành-động)*

CHIA KẸO

Khoa vui vẻ bảo các cháu : Ô mà, suýt nữa chú quên quà của các cháu. Cháu Hải bảo đem va-ly vào đây cho mau.

Ba đứa trẻ sung sướng tranh nhau chạy và gáo :

-- Lanh ơi ! vác va-ly của chú vào. Khoa mở va-ly lấy một gói kẹo tây, giơ lên trước mặt cháu. Trình bảo : -- Khoa chia cho đều nhé.

Khoa cười -- Phải tùy theo tuổi chứ, đều sao được. Rồi chàng hỏi Hải :

-- Cháu lên mấy ? -- Thưa chú, cháu lên tám ạ.

-- Được rồi, lên tám thì tám cái. Vừa nói chàng vừa nghiêng gói kẹo đổ ra hai bàn tay tí hon của Hải.

-- Một, hai... bốn... sáu, tám đủ rồi. Bây giờ đến lượt Văn, mấy tuổi ?

Văn ngập-ngừng : -- Thưa chú, cháu cũng lên tám.

Trình cười :

-- Ha ha, ăn gian rồi. Em lại bằng tuổi anh bao giờ !

Nhưng Khoa nghiêm-nhiên lấy kẹo đếm lên bàn tay Văn.

-- Được rồi. Lên tám thì cũng chỉ tám cái. Còn em Hồng ! Hồng đứng im, nước mắt chạy quanh vì nó biết nó mới năm tuổi thì sẽ chỉ được có năm cái kẹo.

Người mẹ trông thấy thế liền mắng :

-- Hồng láo lắm nhé.

Khoa vội bênh cháu :

-- Không, chị cứ nói thế, chứ Hồng ngoan nhất nhà. Năm nay Hồng lên năm phải không ? Lên năm thì được mười cái. Hai lần năm là mười mà lại.

Hồng tươi cười ngay nét mặt lại và vội chìa tay ra đón lấy kẹo khiến ai nấy phải bật cười. Trâm giọng cảm-động :

– Các cháu nói đến chú luôn. Chắc hai chú cũng sốt ruột vì chúng nó.

KHÁI-HƯNG
(trích ở cuốn Thừa-Tự)

CÂU HỎI

I. — **Từ-ngữ.** — Giải nghĩa tiếng : ngập-ngừng, nghiêm-nhiên, nước mắt chạy quanh, cảm-động, gào, suýt nữa.

II. — **Ý tưởng :**

1) Hãy kể những chi tiết ở cảnh tượng vui vẻ và linh động trong bài.

2) Hãy nói tính nết riêng của mỗi nhân-vật trong truyện : Khoa, Trình, các em bé, Trâm.

3 Bài chia mấy phần. Ý tưởng mỗi phần.

III. — **Lời văn** : Lời văn trong bài này có những tính cách nào ? Bạn hãy dẫn chứng về những tính cách đó.

IV. — Bạn biết gì về tác-giả hãy nói ra, và **Tự-Lực Văn-Đoàn** là gì ?

LUẬN VĂN

Đầu đề — *Bạn hãy tả một cuộc đấu bóng bàn.*

1, *Nhập đề* : Nhân dịp gì mà có cuộc đấu ?

2, *Thân bài* { a — *Quang cảnh* chung cuộc chơi
b — *Khán giả* : chung cả và những cử chỉ ngộ nghĩnh trong cuộc — mấy người bại cuộc
c — *Cầu-thủ* : điệu bộ của cầu-thủ
d — *Trọng tài* : tư cách và điều bộ

3, *Kết luận* Sự thán phục của anh em cầu-thủ đối với trọng tài.

Bài làm

Loạt pháo tay vừa dứt, kỷ thả chiếc vợt đè lên quả bóng ở góc bàn, rồi đi ra : tai ửng đỏ, mặt xam xám, cái miệng cười

gượng không đủ chế đậy được sự bất mãn của người chiến-bại... Tuy là một cuộc đấu tư, trong phạm-vi trường, cũng đã đủ kích thích học sinh thi thố tài nghệ, để được làm đại-biểu cho trường mình.

Khán giả chỉ có ban Giám-đốc và anh em học-sinh, đã quen với những sự thắng-bại thường ngày trong các cuộc chơi, nên ít để ý tới Kỷ. Ai cũng nóng lòng trông về phía thầy giáo Liệu -- trọng tài cuộc tuyển--chờ gọi đến tên mình ra trận. Ở góc nầy hay ở góc kia, năm bảy bàn tay rụt rè giơ lên tình nguyện. Thầy giáo Liệu nhìn một người bạn ngồi cạnh tôi; như dò hỏi ý-kiến rồi gọi « Nguyễn-văn-Hạnh »... Hạnh đứng lên, xóc lại quần-áo, bước ra giữa sự bàn tán xôn-xao của khán giả: « ai ăn, ai thua? »

Trên bàn, bóng bắt đầu qua lại, dưới khán giả, tiếng tranh-luận thưa dần. Chỉ đứt đoạn một vài tràng vỗ tay tán thưởng những ngón hay của cầu-thủ, hoặc tiếng hoan hô rộn rịp trong chốc lát rồi lại im bặt.

Giữa hai cầu thủ, trên mặt bàn quả bóng thấp thoáng — nhảy nhót : tiếng kêu cọc cạch, khi dồn dập, khi lải rải nhỏ nhẹ tùy theo lối chơi hăng-hoạt hay mánh khoé của cầu-thủ. Những « ngón bạt » đánh hỏng nghe « vụt »., hoặc « cộp » — tiếng vợt chạm bàn — làm cho khán giả cười rộ mà người bị lỗi thì đỏ mặt.

Giữa sự chăm chú của mọi người, Thanh và Hạnh biểu diễn thật lanh lẹ, mềm dẻo, chiếc vợt lăm lăm trong tay. Có khi thong thả đường hoàng đưa quả bóng qua lại trong một nhịp thật uyển-chuyển. Nhưng rồi thình lình nhảy sát vào bàn, uốn mình qua phía tả. phía hữu, hay lại nhảy tót ra sau xa, ngồi xuống, đỡ một ngón đánh mạnh mà thấp.

Một cầu-thủ hùng dũng giơ cao chiếc vợt, ngắm giáng một vợt thật mạnh : đối phương băng mình ra xa chuẩn bị, nhưng quả bóng chỉ nhẹ nhàng rơi sát mặt lưới ! Tiếng vỗ tay lốp bốp thưa nhặt... rồi vang dội khi người bị lừa kịp chồm vào, trả quả bóng, cũng rất nhẹ nhàng và chỉ xớt vào cạnh bàn rồi chuồi ngay xuống đất.

ARITHMÉTIQUE ET ALGÈBRE

Problème. — Une personne achète un certain nombre de mètres d'une première étoffe pour 42 $ et un autre nombre de mètres d'une deuxième étoffe pour 37 $ 80. Le prix du mètre de la deuxième étoffe est les $\frac{3}{4}$ du prix du mètre de la première et la personne achète en tout 11 m. d'étoffe. Trouver le nombre de mètres de chaque étoffe.

1°) Solution arithmétique

Si le mètre de la première étoffe coûtait autant que celui de la deuxième étoffe, la première étoffe ne vaudrait que $42\,\$ \times \frac{3}{4} = 35\,\$50$.

11 mètres d'étoffe de la deuxième qualité valent donc :
$31\,\$50 + 37\,\$80 = 69\,\$30$.

Le prix du mètre de la deuxième étoffe est de : $\frac{69\,\$30}{11} = 6\,\$30$.

et le prix du mètre de la première étoffe : $6\,\$30 \times \frac{4}{3} = 8\,\$40$.

Réponses :

Nombre de mètres de la première étoffe : $1^{\text{m.}} \times \frac{42}{8{,}40} = \underline{\boxed{5^{\text{m.}}}}$

Nombre de mètres de la deuxième étoffe : $11^{\text{m.}} - 5^{\text{m.}} = \underline{\boxed{6^{\text{m.}}}}$

2°) Solution algébrique

Soit x le nombre de mètres de la première étoffe, x devra être positif et différent de 11.

Le nombre de mètre de la deuxième étoffe sera : $11 - x$.

Prix du mètre de la première étoffe : $\frac{42}{x}$

Prix du mètre de la deuxième étoffe : $\frac{37{,}80}{11-x}$

D'après l'énoncé, le prix du mètre de la deuxième étoffe étant les $\frac{3}{4}$ du prix du mètre de la première, nous avons l'équation suivante :

$$\frac{37,80}{11-x} = \frac{42}{x} \times \frac{3}{4}$$

qui devient après simplification :

$$\frac{18,90}{11-x} = \frac{63}{4x}$$

et après réduction au même dénominateur : $75,6\,x = 693 - 63\,x$

d'où $75,6\,x + 63\,x = 693$ ou $138,6\,x = 693$

et $x = \frac{693}{138,6} = 5$

Réponses : Nombre de mètres de la 1ère étoffe : $\boxed{5^m}$

Nombre de mètres de la 2e étoffe : $11^m - 5^m = \boxed{6^m}$

TUYẾT-HOA

LỚP ĐỆ III VÀ ĐỆ IV NIÊN

CHINH-PHỤ NGÂM

Bình — Giảng

I

I Thuở trời đất nổi cơn gió bụi,
Khách má hồng nhiều nỗi truân-chiên.
Xanh kia thăm thẳm tầng trên,
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này ?

II Trống Tràng-Thành lung lay bóng nguyệt,
Khói Cam-tuyền mờ mịt thức mây.
Chinh tầng gươm báu trao tay,
Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh.
Nước thanh bình ba trăm năm cũ,
Áo nhung trao quan-vũ từ đây.
Sử trời sớm giục dưởng mây,
Phép công là trọng, niềm tây sá nào.

III Đường rong ruổi lưng đeo cung tiễn,
Buổi tiễn đưa lòng bận thê-noa.
Bóng cờ tiếng trống xa xa,
Sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng.

Nguyên Hán văn của ông

ĐẶNG-TRẦN-CÔN

bà **ĐOÀN-THỊ-ĐIỂM** *dịch ra thơ Việt.*

I. Một chút ít văn học sử

Tiểu-dẫn.— Chinh-phụ ngâm nguyên-văn chữ Hán của ông Đặng-trần-Côn viết vào đầu niên hiệu Cảnh-Hưng (Hậu Lê).

1.— **Hoàn cảnh** : Đặng-tiên-sinh sống vào một thời nước không yên. Nhìn thấy cảnh binh đao, nước loạn nhà tan, binh lính phải đi chinh-thú ngoài trận tiền, cảnh biệt-ly thê thảm, nên cảm xúc mà viết nên bài ngâm khúc nầy.

2.—Sáng kiến : Xưa nàng Hầu-thị, Tô-Huệ và Mộc-Lan viết thư gởi ra cho chồng nơi chiến địa, khuyên chồng ra sức lập công trong việc đi chinh-chiến, và tỏ lòng mong ước chóng đến ngày tan giặc để vợ chồng được đoàn-tụ — Bai ngâm-khúc của tiên-sinh cũng một thể-thức như Hồi-văn cẩm-tự của những người đàn bà nói trên. Tiên-sinh thay lời nói của vợ chinh phu gởi chồng chinh-thú phương-xạ.

Trong văn-học V.N. bài ngâm khúc này là một trong những tác phẩm có tính cách sáng tạo, đã sống mãi với dân tộc ta đến ngày nay.

(còn tiếp)

II.—Từ-ngữ.— Giải nghĩa :

Câu 1.— Trời đất nổi gió và bụi cuốn lên bay mù mịt vì có chiến tranh.

2.—Truân-chiên : vất vả, lao đao, đi đứng dùng dằng. *3.— Tràng-Thành* — bức tường dài do Triệu và Tần xây đời chiến quốc để ngăn dân man rợ Hồ khỏi quấy nhiễu nước Yên. Sau đây Tần-thủy-Hoàng thu sáu tiểu quốc làm một nước lớn, bèn sai xây nối lại làm một bức thành rất dài gọi là Vạn-lý Trường-thành, một kỳ công trong thế-giới. *4.— Cam-tuyền,*— núi Cam-tuyền nơi có lầu vua, xa cách kinh thành Tràng-an 200 dặm. Khi có giặc, thì đốt lửa trên núi cho khói lên cao để làm hiệu báo tin có giặc quấy-nhiễu.

5.— Chín tầng : dịch chữ Cửu-trùng có ý nói về Vua. *Trao tay* : theo Hán văn chữ án-kiếm là chống kiếm : có ý nói Vua tức giận chống kiếm đứng lên. (có bản dịch : chống tay).

6.— Truyền hịch : truyền lời tuyên-bố cho dân chúng được hiểu biết vì sao phải soạn sửa chiến-tranh. *Xuất chinh* : ra đi đánh giặc. *7.— Thanh-bình* : yên lặng bình an, *300 năm củ* : ba trăm năm đã qua rồi.

8.– *Áo nhung*: áo có bọc sắt để đỡ tên bắn, tức là áo chiến bào của quân-linh ra trận-tiền. *Quan-vũ*: là quan lo về việc chiến-tranh, trái với quan-văn.

9.– *Sứ-trời dưởng mây*: do chữ: sứ-tinh thiên-môn: sứ giả của nhà vua ra nơi cửa trời và có nghĩa là nhanh như mây bay.

10.– *Phép công*: phép nước. *Niềm tây*: nỗi niềm riêng tư của người ta.

11.– *Thê-noa*: *vợ con.*

III.– Ý-tưởng. Bài nầy là một đoạn mở đầu Ngâm-khúc. Tác giả tả chung một cảnh binh đao, cung kiếm đầy sát khí... và tình ly biệt, sầu hận giang-sơn.

Tình và cảnh cả hai hòa hợp lại làm nên một bức tranh xã-hội, một bức tranh bi-thảm của thời loạn.

I.– Phần thứ 1 *(gồm bốn câu đầu)*: Đang buổi thái bình bỗng nổi cơn chiến-tranh. Người đàn bà chịu phận đau khổ nhiều vì nạn binh lửa. Hỡi trời xanh ôi! vì ai tạo nên cơ sự nầy!

Thuở trời đất nổi cơn gió bụi,
Khách má hồng lắm nỗi truân-chiên!

Tác giả nhận thấy trong cảnh loạn ly người đàn bà là nạn-nhân đau khổ nhất, nên lòng cảm xúc diễn ra 2 câu thơ mở đầu lời than của người chinh-phụ. Hai câu thơ nầy thường được nhắc đến luôn gần như đã biến thành ca-dao tả tâm tình người đàn bà thời-loạn.

Đại thi-hào Horace cũng cảm thấy một nỗi thương-tâm trước cảnh đó đã viết câu thơ bất hủ:

Bella matribus detestata! (Odes, I, 1, 24-25)
Những người mẹ rất ghê tởm chiến tranh!

Còn gì bi đát bằng tấm lòng người mẹ, người vợ, khi thấy con, thấy chồng ra đi vào trong cảnh chém giết? Ra đi mà không hẹn ngày về!..

Xanh kia thăm thẳm từng trên
Vì ai gây dựng cho nên nỗi nầy!

Lòng người ta khi đau khổ quá, không biết van vào ai, không thể hy vọng một sự cứu vớt, sự giải thoát ở những người khác chung quanh mình, vì họ cũng chỉ là người, cũng bất lực như mình, lúc đó người ta quay tìm đến Trời. Trong thâm-tâm mỗi người sẵn có một quan-niệm bẩm-sinh về Tạo Hóa, về Thượng Đế. Lòng người vẫn ngưỡng trông khẩn cầu được những điều thiện và khỏi điều ác. Khi người ta không được như ý muốn hoặc đau khổ quá lại than trách đến Trời!

Phần thứ II. — (gồm 8 câu giữa) — a) Ở đây tác-giả ghi rõ những tục lệ, những thể thức khi có chiến tranh trong các dân tộc Á-đông xưa.

– Động có tin giặc đến quấy nhiễu, thì người ta đốt lửa trên núi cho khói bốc cao để báo tin cho dân sự các thành xa đều biết. Khi đã

được tin báo, người canh gác đánh trống báo động ở làng hay thành nầy, làng tiếp nghe cũng đánh và cứ liên-tiếp, cả một xứ rộng lớn trong chốc lát đều nghe ầm-ĩ tiếng trống báo động giặc đến.

Những tiếng *chín tầng, gươm báu, sứ trời* v.v... cho ta biết cái tinh-thần của dân tộc Á-đông từ lâu vẫn tôn trọng quân chủ và tôn vua như một người thay mặt Trời cai quản dân. Đó là cái thuyết thần-quyền trong chính-sách cai-trị không phải ở Á-đông mà thôi, xưa kia nước nào cũng thi-hành. Thiên-Tử là vua, Thiên môn : cửa Trời hay là điện vua, Sứ trời : người nhà vua sai đi... những tiếng dùng về vua Chúa và Trời cũng như một.

b)-- *Nước thanh bình ba trăm năm cũ !*
Áo nhung trao quan-vũ từ đây.

Trước cảnh binh lửa, nhắc đến những năm dân nước thái-bình vừa qua. Lời văn ẩn ngụ một nỗi buồn rầu nhớ tiếc... Đọc 2 câu thơ nầy lên, ta nghe như lời than áo não tự trong lòng dân gian phát ra. Những người dân hiền lành đang yên ổn làm ăn gặp cơn binh-địa ba đào !

Than ôi ! còn đâu nữa những ngày an-lạc thái-bình ! *Từ đây*,... hai tiếng từ đây gợi lên một nỗi chua xót, từ đây con mất cha, vợ mất chồng, từ đây ! bao cay đắng !

c)– *Phép công là trọng, niềm tây sá nào.*

Câu thơ nầy ngụ một lời giáo-huấn : Một trang nam-nhi xứng danh, khi quốc-gia hữu-sự phải biết gác chuyện thê nhi, dứt tình lưu-luyến bận bịu của gia-đình. Non nước đang kêu gọi, đang chờ đón họ. Họ phải đứng lên đáp lời sông núi, dù có phải phơi thây ngoài chiến trường cũng không từ chối. *Phép công là trọng :* Phép nước là cao quý, trọng vọng. Và còn gì đáng quý đáng trọng bằng người thanh-niên đem xương máu để giữ bờ cõi tổ tiên lưu lại, và giữ gìn cho thế-hệ con cháu về sau ? Trong những câu hát của dân chúng V.N· có câu ca-dao :

Làm trai cho đáng nền trai,
Xuống Đông, Đông tỉnh, lên Đoài, Đoài yên.

cũng đồng ngụ một ý giáo huấn, một lời khuyến khích cái tâm khí của « Trai thời loạn. »

Phần III.– (4 câu cuối)-- Các chiến sĩ mang cung kiếm ra xa trường. Vợ con đi tiễn biệt. Cảnh nầy làm ta nhớ mấy câu thơ cổ về đời chinh-chiến :

Thùng thùng trống đánh ngụ liên
Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa !

Hai câu thơ cổ có một cái duyên mộc mạc tả cảnh dồn dập (gần như bị thúc đẩy !) trong giờ xuất quân và tiếng khóc như mưa rào rào của vợ con người lính thú.

Còn 4 câu thơ : *Đường rong ruổi lưng đeo cung tiễn*

Buổi tiễn đưa lòng bận thê noa
Bóng cờ tiếng trống xa xa
Sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng.

Bằng những nét bút đan-thanh và những âm-điệu ai oán *(xem Lời-văn)* tác-giả tả một cảnh tượng rất đau lòng : Những bà mẹ già, những người vợ trẻ, những đứa con thơ, đi tiễn biệt người chinh phu lên đường ra bờ cõi.

Cha mẹ vợ con, ai ai cũng cầu chúc cho người ra đi được làm nên công danh báo đền nợ nước, nhưng là con người có cảm tình không ai khỏi bùi ngùi trước cảnh ly-biệt.

Mẹ nhìn con, vợ níu áo chồng, con quấn quít lấy cha, tiếng chào, lời dặn đều nghẹn ngào trong nước mắt, trong tiếng nức nở sụt sùi.

Rồi « lệnh trên hành quân, trống kêu dồn », chinh phu dứt áo ra đi theo đoàn quân tiến binh ngoài ngàn... Người đứng lại, nhìn theo, mãi khi bóng cờ tiếng trống đã xa và đoàn quân chinh-chiến dần dần mất hút sau các rặng núi...

Khi sầu đất nước bốc tỏa lên như những đám mây tang tóc, và tiếng than tiếng khóc tự các phòng khuê, đêm đêm nức nở lên một giọng thê thảm não nùng qua trong các làng mạc, hương-thôn sầu muộn.

Kết luận : Chỉ trong 16 câu thơ, mà ta thấy : *cảnh* : Binh đao, cảnh báo động, cảnh triều đình lúc hữu sự, cảnh quân lính ra chiến trường, cảnh biệt ly, cảnh sầu hận ở sông núi và trong làng mạc... *Tình :* lòng đau khổ của phụ nữ, lòng người ngưỡng vọng đến Trời, lòng vua chúa cũng như lòng lê thứ oán giận giặc giã, nhớ tiếc hòa - bình, khao khát hòa - bình, lòng đau ly biệt, hận giang-sơn, tình nhi nữ và chí nam nhi... Một cảnh xã-hội sống động đầy đủ.

IV- Lời văn. *1)— Văn dịch* : Đoạn nầy nguyên Hán-văn có 17 câu, diễn nôm, 16 câu. Phần kết bài : Hán-văn 6 câu, chỉ diễn trong 4 câu, một bức tranh bi thảm.

2)— *Súc tích* : Tác-giả dùng rất ít lời mà gợi ra được rất nhiều ý tứ. Chỉ trong 16 câu thơ mà cả một xã-hội, tình và cảnh được tả đầy đủ. (xem lời kết luận về ý tưởng trên đây) — Câu nào cũng chứa chất những ý tứ hoặc rõ rệt hoặc sâu xa, có khi lại còn gợi những ý ngoài lời văn, như ý nhớ tiếc Hòa-bình ta lĩnh hội được trong câu : « Nước thanh bình 300 năm cũ ! » v.v...

3)— *Gợi hình* : Trong bài nầy, không những lời văn, mà cả giọng văn khi đọc lên có những âm điệu) cả hai hòa lẫn với nhau gợi nên những hình ảnh sống động, như ở câu 5, 6, 9, 10, và 4 câu cuối cùng. Bốn câu nầy là một cảnh hoàn toàn chỉ vẽ bằng mấy nét đơn sơ. Đọc lên âm-điệu của thơ giúp ta nhận rõ :

Đường rong ruổi lưng đeo cung tiễn
Buổi tiễn đưa lòng bận thê noa.

người chiến sĩ bằng bặng ra đi... đến chỗ gặp vợ con tiễn biệt lòng bịn rịn, bồi hồi, đi không dứt.

Bóng cờ tiếng trống xa xa...

Đến câu nầy ta như thấy đoàn quân ngựa xe đã rong ruổi lên đường, xa... xa lắm rồi, tiếng trống nghe nhè nhẹ dần...

Sầu lên ngọn ải, oán rà cửa phòng.

Âm điệu câu cuối nằm ở 2 chữ *oán ra* đọc lên nghe như một tiếng oà khóc của người thiếu phụ về phòng khuê.

LAVANG

COMPOSITION FRANÇAISE

On vantait dans une réunion le savoir d'une jeune fille qui connaissait autre sa langue maternelle, le latin, le grec et plusieurs langues vivantes. Une des personnes présentes demanda si elle savait coudre.

Expliquez le sens et la portée de cette questtion.

Développement

La personne qui faisait cette question partageait probablement un préjugé assez répandu dans notre pays, et s'imaginait, comme beaucoup d'autres, qu'une culture d'esprit empêche les femmes de s'occuper des soins du ménage et des détails de leur intérieur. On s'appuie souvent sur Molière pour soutenir cette thèse, et pourtant ce n'est pas la science qu'a raillée Molière dans ses *Femmes savantes*, c'est l'ignorance présomptueuse, c'est le pédantisme. Si Bélise et Philaminte sont de mauvaises ménagères, ce n'est pas parce qu'elles sont instruites. Pour montrer qu'il ne s'en prend pas aux femmes vraiement instruites, le poète a tracé à côté du portrait de ces fausses savantes, le portrait du savoir modeste, dans cette aimable Henriette qui sait si bien allier la science aux occupations de la femme.

C'est une grande erreur, en effet, de voir dans l'instruction de la femme un obstacle à la pratique des vertus domestiques. Le développement des facultés intellectuelles élève l'esprit de la femme, la rend plus sérieuse, et par là même plus capable de remplir sérieusement tous les devoirs qui lui incombent. On a peur que la science lui fasse dédaigner les ouvrages de couture ; mais le sérieux du jugement qu'elle doit

à l'habitude de la réflexion lui fera comprendre au contraire la nécessité de ces travaux, si elle est pauvre, et, si elle est riche, leur utilité.

Qu'on ne s'y trompe pas, ce qui nuit plus aux femmes, pour cela comme tout le reste, c'est la légèreté et la frivolité d'esprit. Que de jeunes filles ignorantes pourtant négligent et dédaignent l'aiguille ! Pourquoi ? Parce que leur esprit vide, parce qu'au lieu d'employer leurs journées utilement, elles les passent à ne rien faire ou à faire des riens et gaspillent ains le temps sans profit pour elles-mêmes et pour les autres.

Au lieu de mettre sans cesse en opposition la femme savante et celle qui s'occupe de son ménage et de ses enfants, d'exalter l'une au dépens de l'autre, ne ferait-on pas mieux de chercher à élever les femmes de façon à en faire à la fois des femmes instruites et de bonnes ménagères. N'est-ce pas là le vrai but de l'éducation.

Examen de passage en 4ème année E. P. S. — Saigon

Dictée et Questions. — La source.

Dans le jardin lourd de sommeil et comme enveloppé d'or, une source jaillit d'un fouillis de verdure. Je ne la vois pas de l'ombre du tilleul *où* je me suis refugié contre la chaleur; mais l'entendre est déjà un délice. Je n'aurais pas cru prendre tant de joie à une musique aussi monotone : c'est un murmure régulier au son clair, *dont* mon oreille ne se lasse jamais et *dont* le rythme me réveille et me fortifie. Parfois, si, pour l'avoir trop entendu, je crois soudain ne le plus entendre, je suis tout à coup saisi d'inquiétude et de crainte, comme si quelque malheur nous menaçait et que l'eau, par exemple, pût, sans avertissement, cesser de couler.

Alors je me lève de l'ombre et consens à traverser une zone éclatante de soleil, pour aller rendre visite à la source. Elle est toute à son devoir, *qui* est heureusement simple et uniforme. On ne la voit pas naître à cause de l'herbe et des fleurs *qui* se pressent joyeuses pour la recevoir. Mais elle jaillit d'un jet paisible, *qui* dessine un arc léger avant de retomber dans la fontaine. Le soleil, en vain, la frappe au passage de ses flèches ardentes. Elle se rit de ses atteintes, passe à.

GÉOMÉTRIE

Problème. — Soit un quadrilatère ABCD dont les côté, AB, BC et AD sont égaux et dont les angles $\hat{A}$ et $\hat{B}$ mesurent respectivement 60° et 90°.

1°) Calculer les diagonales AC et BD du quadrilatère en fonction de la longueur a des côtés égaux.

2°) Evaluer les angles du triangle BCD.

3°) Calculer la surface du quadrilatère en fonction de a.

INDICATIONS

Pour bien traiter la 3e question, il faut se rappeler 1°) *la formule donnant la valeur de surface du triangle équilatéral en fonction du côté.*

$$(S = \frac{a^2 \sqrt{3}}{4}).$$

2°) *Dans un triangle rectangle, un côté de l'angle droit est égal à l'hypoténuse multipliée par le sinus de l'angle opposé ou par le cosinus de l'angle adjacent.*

SOLUTION

1°) Joignons AC et DB.

L'angle $\hat{B}$ étant droit, les côtés AB et BC étant égaux par hypothèse, le triangle ABC est un triangle rectangle isocèle.

Nous avons donc, d'après le théorème de Pythagore :

$$\overline{AC}^2 = \overline{AB}^2 + \overline{BC}^2$$

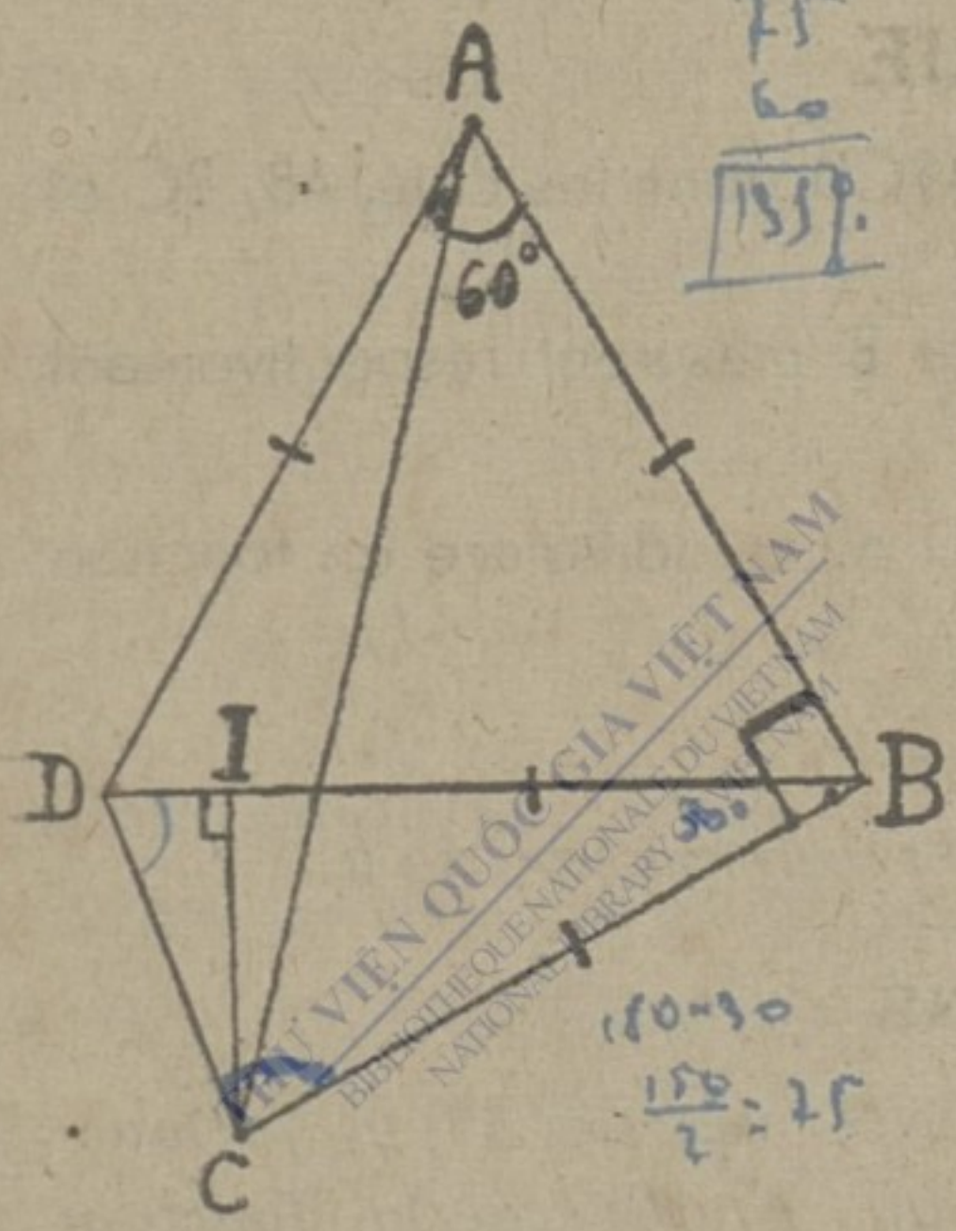
ou $\overline{AC}^2 = a^2 + a^2 = 2a^2$

D'où : $\boxed{\overline{AC} = a\sqrt{2}}$

D'autre part, le triangle ADB ayant 2 côtés AD et AB égaux et l'angle $\hat{A} = 60°$ (par hypothèse) est un triangle équilatéral.

D'où : $DB = AD = AB = a$

$\boxed{\overline{DB} = a}$.



2°) $\hat{CBD} = \hat{CBA} - \hat{DBA}$

or $\hat{CBA} = 90°$ (par hypothèse)

et $\hat{DBA} = 60°$ (angle du triangle équilctéral DBA)

donc $\hat{CBD} = 90° - 60 = 30°$

De plus le triangle BCD est isocèle (BD = a par démonstration et BC = a par hypothèse)

Les angles D et C opposés aux côtés égaux sont donc égaux.

Par suite : $\hat{B} + \hat{C} + \hat{D} = \hat{B} + 2\hat{C} = 180°$.

D'où $2\hat{C} = 180° - \hat{B} = 180° - 30° = 150°$

et $\hat{C} = \frac{150°}{2} = 75°$

Les angles du triangle BCD ont pour valeur :

$\hat{B} = 30°$ et $\hat{D} = \hat{C} = 75°$

3° Partageons le quadrilatère ABCD en deux triangles ABD et BCD et menons la perpendiculaire CI à DB. Nous avons :

Surface ABCD = Surface ADB + Surface BDC.

Le triangle ADB étant équilatéral, nous pouvons calculer sa surface en fonction du côté a :

$$\text{Surface ADB} = \frac{a^2\sqrt{3}}{4}.$$

$$\text{D'autre part : Surface BDC} = \frac{DB \times CI}{2}$$

Or DB = a et dans le triangle rectangle CID :

$CI = CB \times \text{sinus } \hat{CBI}$

$$= a \times \text{sinus } 30_0 = a \times \frac{1}{2} = \frac{a}{2}$$

Donc :

$$\text{Surface BDC} = a \times \frac{\frac{a}{2}}{2} = \frac{a^2}{4}$$

Par suite, Surface ABCD $= \frac{a\sqrt{3}}{4} + \frac{a^2}{4}$

$$= \frac{a^2}{4}(\sqrt{3} + 1)$$

$$\boxed{\text{S. ABCD} = \frac{a^2}{4}(\sqrt{3} + 1)}$$

Devoir d'élève retouché

par M. XUÂN-SA

BAN TÚ-TÀI

Tâm-lý trong truyện Kiều (tiếp theo)

B.— Như trên chúng ta đã nói : một số người khi bàn đến tính nết Hoạn-Thư, chỉ phân-tích những cái dở, mà không để ý đến một vài tư cách của người đàn bà ấy :

Ở ăn thì nết cũng hay.

Kể ra, ngoài những cái nết không tốt, chúng ta cũng phải công tâm nhận rằng : nền giáo-dục của lớp người thượng lưu trong xã-hội đã đào tạo cho Hoạn-Thư có nhiều điều đáng khen trong cách xử-sự.

1)- Tôn trọng giá phẩm.— Tình yêu chung-thủy của Hoạn-Thư bị phản bội, bị lừa dối, nên nàng đã phải chịu đựng biết bao đau khổ. Ròng rã hai năm trời, lòng ghen tức chưa bùng ra, là vì nàng cũng còn mong Thúc-Sinh phải tự đem việc ra bàn giải.

Nếu chồng thú thật với nàng, thì có lẽ Hoạn-Thư :

Cũng dong người dưới mới là lượng trên.

Trong thâm-tâm, hẳn là Hoạn-Thư chẳng muốn gì việc « vườn lại thêm hoa » tình yêu bị chia xẻ. Nhưng nghe Hoạn-Thư nói, thì ta cũng có thể biết được rằng vì thế-giá của nàng, nên cũng đã có lúc nghĩ đến

sự dung thứ (nhưng chồng phải thú thực tình) để tránh những việc có thể làm cho thiên hạ đàm tiếu,

Dại chi chẳng giữ lấy nền ?
Tốt chi mà rước tiếng ghen vào mình ?

Một người như Hoạn-Thư, nói được và làm được, mà khi đã làm thì không kể phải dùng bất cứ một cách gì, miễn là tới đích. Thế mà ta đã thấy con người đanh đá ấy, con người đáo để ấy, trước khi bắt tay vào việc nầy, cũng đã về nhà mẹ, đem tâm sự

Thưa nhà huyên hết mọi tình
Nỗi chàng ở bạc, nỗi mình chịu đen.

Cơn ghen tức đã lên đến thế, mà lòng trí còn biết phân-vân, đem ra bàn giải với người trên để cân-nhắc việc nên chẳng, thì cũng chưa phải là một người để cho ghen-tức hay nông nổi làm mù quáng, mất hết lý-trí.

Nhưng, không may, Hoạn Bà là một người mẹ thiếu sáng suốt thiếu từ-tâm, đã không biết khuyên con lại còn xúi giục và giúp một tay trong việc chẳng lành.

Trong các nguyên-nhân đưa đến kết quả đáng-tiếc cho những người trong cuộc, thì ta phải kể sự nhút-nhát vụng về của một người chồng trong cách dàn xếp việc gia-đình, và cái lòng ít từ-tâm của một bà mẹ.

2) - *Giữ tiếng cho chồng.* — Đối với Thúc-Sinh, « tình-trong » Hoạn-Thư cũng đã có phần coi rẻ, nhưng đó là việc riêng giữa hai người, còn « mặt ngoài » nàng vẫn rất khôn ngoan dè dặt trong cách ăn ở để giữ tiếng tốt cho chồng.

Nàng đã suy tính rất phải, vì

Nghĩ rằng : ngừa ghẻ hơn ghen
Xấu chàng mà có ai khen chi mình!

Trong đời sống vợ chồng, lúc cơn ghen tức nổi lên, if ai giữ được sự an ổn trong gia-đình ; không tan cửa nát nhà thì cũng ròn rằng ầm ĩ, để tiếng cho thế-gian bia miệng.

Ở Hoạn-Thư, cái ý-thức mạnh mẽ về giá-phẩm đã làm cho nàng tránh được những hành vi thương-tổn thể-thống của chồng, của gia-đình và của dòng họ; những hành-vi khả ố mà ta thường thấy ở những người đàn bà vô giáo-dục hoặc quá nông nổi lăng-loàn đang trong những cơn tam-bành của họ.

Lời nói sau đây của người đàn-bà kinh nghiệm cuộc đời như Kiều, cũng đủ làm chứng cho Hoạn-Thư sự dè dặt khôn ngoan đó :

... Máu ghen ai cũng chau mày nghiến răng,
Thế mà im chàng dãi dằng...

Đọc Nguyễn Công-Trứ, ta cũng thấy khi bàn về cách xử-thế lập-thân, thi-sĩ đã khen cái thái-độ :

Nghe như chọc ruột tai làm điếc,
Giận đã căm gan miệng mỉm cười.

Và phải chăng tiên-sinh đã cho cái cách ở ăn như thế là « *trải sự đời* » ?

Cái thái độ im lặng, đành có thể là một thái-độ thâm hiểm nhưng cũng là rất tinh khôn, vì những « tiếng dữ đồn xa » bao giờ cũng bắt đầu ở từ cửa miệng những người chung quanh mình.

Ta xem, khi bọn người tàng công đến mách tin Thúc-Tâm nuôi Kiều ở Lâm-chuy, Hoạn-Thơ đã nổi giận quát mắng :

Chồng tao sao phải như ai
Điều này hẳn miệng người ngoài thị phi!

Rồi ra lệnh đứa thì phải vả miệng, đứa phải bẻ răng, Hoạn-Thư đã làm câm được những cái miệng hay buôn chuyện người.

Những hành vi ngôn-ngữ trên đây đã bênh vực cho tư-cách người vợ đảm đang của Thúc-Sinh, và bênh-vực một cách rất hùng biện.

∴

3) *Biết giá-trị tài-năng, và có lòng thương xót kẻ đau khổ.*

Đối với Hoạn-Thư, Kiều là một tình địch lợi hại. Kiều có thể cướp mất tình yêu của nàng, có thể phá tan hạnh-phúc gia-đình nàng, nên Hoạn-Thư phải ra tay hạ thủ. Chủ đích của nàng chỉ là để bênh vực « quyền lợi bất khả xâm phạm » của mình thôi.

Thực ra, Hoạn-Thư không có lòng ghét Kiều, mà trái lại còn có lòng thương xót đối với một người tài hoa bạc phận. Nghĩa là : Hoạn-Thư chỉ đánh đổ người tình nhân sắc sảo của Thúc-Lang trong con người Kiều, còn đối với thân thế Thúy-Kiều, Hoạn Thư vẫn

Lòng riêng, riêng cũng kính yêu.

Lúc nghe tiếng đàn, xem nét chữ, Hoạn-Thư nhận thấy Kiều là một người tài hoa, nên đã đem lòng cảm phục, và từ đó trong cách xử đãi

Khuôn uy dường cũng bớt vài bốn phần.

Về sau, xét đến cuộc đời lưu lạc của Kiều, một chị em phận gái như mình, Hoạn-Thư thấy thương tâm, và cảm động nói với chồng.

Rằng tài nên trọng, mà tình nên thương,
Bể trầm chìm nỗi thuyền quyên
Hữu tài thương nỗi vô duyên lạ đời !

Âu là sau nầy, khi bắt được Kiều tâm sự với Thúc-Sinh ở Quan-âm-các, khi biết Kiều mang những bảo vật trong chùa trốn đi, Hoạn-Thư đã làm ngơ cho, cũng là vì tình thương xót cái con người vô duyên ấy.

Theo những nhà tâm lý thì người nào còn có một chút lòng thương xót đối với những nạn nhân của xã hội thì cho dù đời sống của họ thế nào chăng nữa, cũng chưa hẳn đã là một người xấu xa hoàn toàn.

Vậy những người không có thiện-cảm đối với Hoạn-Thư, cũng không thể chối cãi, mà không nhận rằng : Vợ Thúc-Sinh không những là còn có lòng nhân đạo, còn có lòng thương xót kẻ đau khổ mà là một người biết giá trị nhân phẩm, biết trọng tài năng kẻ khác, dù tài năng đó ở một đứa nô tỳ, ở một kẻ thù địch đã bại quỵ dưới tay mình.

Hoạn-Thư đã không nhỏ-nhen, vì tư-thù mà để mất lương-tri trong các nhận xét, lẽ nào ta lại có the thiên-tư, vì bênh-vực Kiều mà ket tội Hoạn-Thư như là một người đàn-bà hoàn-toàn xấu xa độc ác ?

C.— Sau cùng, gặp lúc thất thế, Hoạn-Thư bị lọt vào tay Kiều. Trong những người mà quân gia Từ - Hải bắt về đem hành tội báo thù cho Kiều, thì Hoạn Thư là « chính danh thủ phạm », phải điệu ra trước nhất đến công đường.

Đứng trước một người thù có uy quyền, nàng phải rởn gáy lo sợ, nhưng không vì thế mà có những cử chỉ hèn nhát đê tiện không xứng đáng với sự sang trọng của tâm hồn một người có giáo dục.

Vẫn với tinh lý sự ấy, vẫn với tư cách hiên ngang, Hoạn Thư đã lựa lời để minh giải cho mình :

Rằng tôi chút phận đàn bà
Ghen tương thì cũng người ta thường tình
Nghĩ cho khi các viết kinh
Và khi khởi cửa dứt tình chẳng theo
Lòng riêng riêng cũng kinh yêu
Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai !

Chắc hẳn chưa ai quên cái mỉa mai chua chát trên nét mặt và trong lời nói của Kiều khi gặp lại Thúc-Sinh :

Vợ chàng quỷ quái tinh ma
Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau !

Người ta tưởng chừng Kiều sẽ cho hành tội kẻ thù đến « thịt nát xương tan» mới hả giận. Ai ngờ khi nghe những lời của Hoạn-Thư phân trần, Kiều cũng phải khen là :

Khôn ngoan đến mực nói năng phải lời
... Đã lòng tri quả thì nên
Truyền quân lệnh xuống, trướng tiền tha ngay.

Một phần nhờ sự biết điều của Thúy-Kiều, nhưng một phần lớn là nhờ ở cái thông minh khôn khéo của mình, mà Hoạn-Thư khỏi án tử hình nữa.

KẾT LUẬN : Nói tóm lại, Hoạn-Thư, vợ Thúc-Sinh, là con gái một vị tể tướng. Nàng được hấp thụ một nền giáo giục khá cao. Trong cách ăn

nết ở, người ta nhận thấy có nhiều điều hay, nhưng bên những điều hay cũng không thiếu những cái dở.

Hoạn-Thư lại là một người đàn bà có thiên tư thông minh. Cái óc thông minh của nàng đã tìm ra được những mưu cơ để phá hủy cuộc sum họp giữa Thúc - Sinh và Kiều, những mưu cơ rất thần hiệu nhưng cũng thật là tàn nhẫn.

Và chính cái thông minh ấy, về sau, đã cứu nàng thoát khỏi tay báo thù của Thúy-Kiều vậy

L.B.

(viết để tặng Linh, người cháu hay sầu tủi

COMPOSITION FRANÇAISE

Appréciez cette maxime de La Rochefoucauld :

« La magnanimité méprise tout pour avoir tout . Elle est le bon sens de l'orgueil et la voie la plus noble pour recevoir les louanges ».

Indications

Les maximes de La Rochefoucauld frappent toujours par la part de vérité qu'elles renfernent.

Le vice n'est que la vertu dégénérée, entre la dernière et le premier existe toujours quelque ressemblance.

Mais cette différence essentielle entre eux : le vice recherche le moi, tandis que la vertu est désintéressée.

C'est pourquoi, la vraie magnanimité n'est pas calculatrice, et ne cherche pas les louanges.

Dévelcppement

Qui de nous ne se lasse tenter par les maximes de La Rochefoucauld ?

Elles mettent à vif les sentiments humains qu'ils déchirent, coupent, disèquent avec vigueur.

Les aigris, les déchus en font leur pâture, car sous la couverture de La Rochefoucauld ils peuvent attaquer le monde aux noires ingratitudes, aux éclatantes hypocrisies

Mais un peu de calme et beaucoup de justice nous permettront de voir que si nous comprenons rapidement La Rochefoucauld c'est qu'en nous il y a des sentiments qui s'approchent des siens. Nous avons, nous aussi, constaté que l'égoïsme est souvent le mobile des actes humains. Nul n'est besoin d'aller loin pour en chercher la preuve : les actes quotidiens de la vie nous en fournissent à foison.

Cependant certains hommes plus avisés, ayant plus de « bon sens » jouent au sublime, « abandonnent tout pour avoir tout et par la voie la plus noble » réçoivent les louanges.

Ils pardonnent aux parents, aux protégés des grands pour bénéficier des faveurs de ces derniers, répandent à pleines mains les largesses, subventionnent les bonnes œuvres, les yeux fixés sur les décorations qu'ils pourront obtenir, les louanges qu'on leur prodiguera. Alors les personnes bénéficient de leurs bienfaits ne sont en leurs mains que des moyens qu'ils exploitent. Certes les bénéficiaires se voient soulagés mais ils ne se sentent pas moins exploités, car ce n'est pas pour eux que la charité est pratique mais pour que ces «orgeuilleux » aient « tout », reçoivent [illegible]s « louanges par la voie la plus noble. »

Quelle différence avec l'h[illegible]me magnanime qui dédaigne de se venger parce qu'il est assez nobl[illegible]pour être heureux dans n'importe qu'elle situation sans pour cela être obligé de rendre la pareille à ses semblables ; il protège même ses ennemis, se fait un plaisir d'être prévenant à leur égard, dispense son argent aux pauvres, consacre son intelligence, ses loisirs, son amour à secourir les malheureux. Relevant tout de cette fleur délicate qui est la charité, ce don de soi. On se sent aimé auprès de ce vrai magnanime.

Il est douloureux de constater que nous nous prêtons à cette confusion par un désir inavoué de nous venger de nos misères en nous attaquant à la vertu, de notre faiblesse en nous attaquant à l'autorité. Cependant en nous reste assez de cette essence de « l'ange déchu » pour nous permettre d'admirer les vraies vertus et vilipender les fausses.

Entre le vainqueur magnanime qui ne se venge pas de son ennemi de la veille, qui ne lui réclame rien et l'autre vainqueur qui accomplit le même acte en imposant à son adversaire ses vues, ou son opinion, notre admiration va au premier. Faut-il ajouter qu'il manque au deuxième, ce quelque choe d'impondérable, d'indicible qui est comme la lentille qui rend plus puissante la lumière du phare, le réflecteur qui la projette plus loin : le désintéressement.

Ce dernier n'est que le magnanime de La Rochefoucauld. Il n'a que ce bon sens qui, tout compte fait, ne lui rapporte pas beaucoup et la voie qu'il a adoptée n'est pas si noble, parce que pavée tout au long de cet égoïsme sodide qui dénature tout.

Nous voyons donc que l'homme vraiment magnanime doit être surtout désintéressé. Et la maxime de La Rochefoucaud n'est juste que quand il s'agit des hypocrites qui pratiquent la magnanimité dans un but intéressé, par calcul ou par égoïsme.

H. T.

Heureux ceux qui se divertissent en s'instruisant et qui se plaisent à cultiver leur esprit.

Fénelon

Phước thay cho kẻ giải trí bằng cách học tập và vui khoái dồi mài trí tuệ.

LUẬN VĂN TRIẾT-HỌC

(Kỳ thi Tú-Tài Việt-Nam ngày 11-9-50 Saigon)

Luận-đề.— *Thế nào là ý-niệm? Ý-niệm nguyên-nhân tiến-triển thế nào? Khoa-học ngày nay có nhiệm-vụ đi tìm nguyên-nhân các hiện-trạng ấy không?*

Luận-cứu (*tiếp theo*)

III — Ý-*niệm liên quan với khoa-học* — *Kết-luận*

Nhân-loại đang sống ở thời khoa học và khoa học có nhiệm vụ khẩn thiết để khám phá những huyền lý (17) của vũ trụ.

Ý niệm là một bộ phận của Tâm-lý-học và tâm-lý-học là một nghành của triết học. Người ta bảo rằng triết học là một khoa học trong những khoa học. Bởi thế, ý niệm là một điểm quan trọng mà khoa học có nhiệm vụ đi tìm hiện tượng và trạng thái của nó. Hiện trạng của ý niệm rất phiền phức và sự tiến triển của nó không chỉnh là do hoàn cảnh xã hội chi phối. Mặc dù, ý niệm phải ẩn mình vào đường khúc khỉu, *khoa học* cũng *khám phá được và biến thành ý niệm thêm sáng suốt và tinh vi*.

Khoa *sinh vật học tổng quát* nghiên cứu sự sinh tồn và những đặc tính khải quát. Khoa ấy chia ra làm hai ngành : một là *giải phẫu học* khảo sát những khí quan và *sinh lý học* khảo cứu về tác dụng của khí quan ấy.

Như trên đã thuyết minh thì *ý niệm tiền thiên là do sự cấu tạo của nhân thể sinh lý*. Loài người vì chế độ hắc ám đã gây ra những qui kết bi thảm làm cho người sa ngã...., vô học..., người phải trụy lạc về phần vật chất lẫn tinh thần.

Thế hệ phát sinh nơi trụy lạc thì dĩ nhiên ý niệm tiền khiên của trẻ con phải đổi bại. Ta thử suy lý về đời sống con cháu một bộ lạc dã man với con cháu của một dân tộc Âu Mỹ ? Sự phân biệt đã rõ ràng là vì sự cấu tạo của hai giống khác nhau. Cho nên khoa *nhân thế sinh lý* nghiên cứu những phương pháp để làm cho *ý niệm* tốt đẹp hơn bằng phép *sinh lý tuyển trạch*. (18) Nhưng mà *ý niệm* hay là *sinh lý tuyển trạch* cũng phải tùy thuộc nơi sự cải tạo xã hội... nâng cao trình độ học vấn, tăng gia sự sanh sống thì *ý niệm tiền thiên* mới ưu tú được.

Có được lương hảo hơn, ý niệm đầu tiên sẽ tiến triển đến ý niệm về kinh nghiệm. Bây giờ nhờ ở sức khoa học xã hội (19) loài người sẽ tìm những dụng cụ tối tân để cải thiện sinh hoạt hiện thời *nguyên tử lực* được sáng chế và nhơn loại sẽ được hưởng cái kết quả làm cho loài người vô cùng hạnh phúc về một *hoàng kim thời đại ở buổi vị lai nầy*.

Tóm lại *khoa học* và *ý niệm* có một liện quan mật thiết và ý niệm nhờ khoa học và khoa học cũng nhờ ý niệm để tiến hóa trên con đường văn minh đích thật.

---

(17) Les mystères. (18) Sélection biologique (19) Sciences sociales

Phải, ngày nay khoa học có một nhiệm vụ khẩn yếu để tìm nguyên nhơn các hiện trạng của ý niệm đang tiến triển trên con đường sáng hóa của nhân sinh. *Ngày mai ý niệm sẽ thịnh đạt như hoa huệ* (biểu hiệu quân quyền) *đương nở dưới ánh thái dương của mùa xuân tráng lệ.*

Kết luận, — Ý niệm như trên đã giảng giải thì nó thuộc phần *thượng tầng kiến thiết* (20) tức là ý niệm phải biến đổi theo sự loạn động của *hạ tầng cơ sở* (21). Hiện thời trào lưu tiến triển ở thế giới cũng phải nhìn nhận cái « giá trị trác việt » của khoa học là có nhiệm vụ khám phá những hiện trạng huyền bí vủa vũ trụ. Những cuộc khảo cứu khoa học của nhà thông thái Albert Einstein, mục đích là tìm những nguyên nhơn cấu tạo của vũ trụ và tiên sanh không hề nghĩ đến sự áp dụng thực tiễn của nguyên tử.

Chính trên quan điểm ý niệm, làm cho ý niệm càng tinh vi, chuyển biến *ý niệm* từ giai đoạn sơ khai đến giai đoạn văn minh, đó là tiêu chuẩn của các nhà bác học cận thời. Bởi thế *ý niệm* và *khoa học* nằm ở trong chuỗi thời gian bất đoạn của sự tiến hóa.

Vị lai sẽ đảm bảo bước quang vinh của ý niệm mà khoa học là một phương tiện duy nhứt để đi đến đích nếu như không gặp những trở ngại ngẫu nhiên. Trên con đường khuếch trương văn-hóa, ý niệm là một điều kiện tất yếu để kiến lập một ý niệm tối thượng ở ngày mai vậy.

ĐOÀN-PHÔ-VĨNH

---

(20) superstructure (21) Infrastructure

TỐC-KÝ VIỆT-NAM

CHƯƠNG THỨ HAI

Dấu nguyên-âm — Lối ráp vần thông-thường

1°) — Có 5 Dấu nguyên-âm :

Nguyên-âm	Dấu	Áp-dụng	
A	—	à	— ai —
I — Y	ˆ	ý	ˆ yếu ˆ
U	˘	ư	˘ ươi ˘
E	ˊ	ế	ˊ ẻo ˊ
O	ˋ	ố	ˋ oà ˋ

2°) — *Mẹo 4.* — Về phương-diện Tốc-ký, 5 Nguyên-âm « A.I.U.E.O. » thay mặt cho tất cả những Nguyên-âm có dấu (/ ~ ? ~ ∪ ∧).

3°) — *Mẹo 5.* — Dấu Tốc-ký Nguyên-âm viết thật nhỏ (1/4 cỡ thông thường).

So-sánh : Dấu cỡ thông-thường Vì ∈

Dấu Nguyên-âm U ∪ (1/4)

4°) — *Công dụng.* — Dấu Tốc-ký Nguyên-âm dùng :

1°) — Một mình Ví-dụ : à — ở)

2°) — Chung với nhau Ví-dụ : ưa ⌐ oe ⊂

3°) — Trước hết với một Phụ-âm. Ví-dụ : ac ⊂ um ⊂

4°) — Sau chót (sau một Phụ-âm ghep) Ví-dụ: mau ⌐∪ toạ [

5°) — *Mẹo 6.* — Khi hai dấu Nguyên-âm dùng chung với nhau, theo Nguyên-tắc Tổng-quát, *phải viết dính liền* vì điều-kiện tốc-lực :

Ví-dụ : âu ⊃ ao ⊃ êu ⊂ ưa ⌐ oa [

6°) — *Mẹo 7.* — Về kỹ-thuật Tốc-ký Việt-Nam, vấn-đề căn-bản là tránh viết nhiều dấu. Muốn đoạt đến mục-đích ấy, cần *ghém* cho mỗi Nguyên-âm một hoặc hai *Nguyên-âm phụ*, nghĩa là mỗi dấu Nguyên-âm có thể dịch một tiếng chánh, và một hay hai tiếng phụ.

— Dấu Nguyên-âm « A » cũng dịch là Ai — Ay (A thêm I)

— — « O » — Oi (O — I)

— — « U » — Ui - Uy (U — i)

— — « I » — Iu và Ia (I — u)

(I — a)

— — « E » — Eo (E — o)

Như ta thấy, trong tiếng phụ, *Nguyên-âm thứ nhì không* viết. Ta gọi Nguyên-âm ấy là Nguyên-âm **chắp** ».

Kết-luận :

— Dấu « ـــ » đọc . . . . . A và *Oi, Ay*
— — « ـ◌ـ » — . . . . . O — *Oi*
— — « ◌ـ◌ » — . . . . . U — *Ui, Uy*
— — « ◌ـ◌ » — . . . . . I — *Iu, Ia*
— — « ◌ـ » — . . . . . E — *Eo*

BÀI LÀM SỐ 1 *(viết chữ ra dấu)*

ý	ủi	èo	óc
ế	uế	ôi	yếu
ư	ơi	oà	ối
à	ấy	ao	ủa
á	yều	ùa	ấu
ỉu	ưa	uề	ươi
éo	ủy	áy	âu

BÀI LÀM SỐ 2 *(dịch dấu ra chữ)*

Hoa tàn, liễu (ـــ).Rau nào, sâu (—).(◌ـ◌)nhau lắm,cắn nhau đau. Nắng bề nào, che bề (—). (◌ـ◌) bầu thì tròn, (◌ـ) ống thì dài.(—) uốn câu cho vừa miệng cá. Ta về ta tắm (◌ـ◌) ta; dù trong, dù đục (◌ـ◌) nhà còn hơn. Kẻ nhìn tỏ mặt, người (◌ـ) cúi đầu. Của rẻ là của (◌ـ◌).(◌ـ◌) liễu, phai đào. Phận đẹp, duyên (◌ـ◌) (◌ـ◌) thắng, liệt. bại (—) về (— ◌ـ◌) mặc (—) ; ta như dầu đượm thấm hoài năm canh.

GIỚI THIỆU 2 CUỐN SÁCH MỚI :

1— Bình-luận văn-chương - TRUYỆN-THÚY-KIỀU,

Phụ thêm 62 bài vịnh Kiều của ông **Đoàn-phô-Vĩnh,**

2— Essais sur la Littérature Viêtnamienne

Tome I

par M. **Trần-cửu-Chấn**

Hai quyển sách rất giá trị và hữu ích cho con nhà Việt-Nam

HỌC NHẠC

Tặng Liên và Tín *kỹ niệm những ngày sóng gió*

Lời nói đầu

Âm-nhạc là một ngôn-ngữ Quốc-tế.

Dân-tộc V.N. lúc nầy đòi-hỏi cái môn ngữ-học ấy phát-triển

kịp với đà tiến của quốc gia đang vươn mình lên về các phương-diện khác.

Các bản nhạc và sách dạy nhạc chưa đủ để trả lời. Tiếng đàn, hát, đồng-vọng khắp nơi và trong mọi giới.

Người có tâm-huyết với ngày mai của Việt-nhạc đã hơn một lần ái-ngại: « Phải chăng người ta đã ham-mộ âm nhạc một cách bừa-bãi quá... »

Những lý-do chính đáng ấy thúc-bách chúng tôi trình-bày với độc giả « Cần-Học » phần Học Nhạc nầy. Tài liệu và phương-pháp, phần lớn, rút ở chương trình dạy nhạc ở các giáo-đường, một phần do những kinh nghiệm riêng đã thâu-thái được. Danh-từ âm-nhạc hiện nay vẫn chưa được nhất thống trong Toàn quốc, nhưng chúng tôi sẽ cố dùng những danh từ đã được thông-dụng.

Viết phần Học Nhạc nầy, chúng tôi chỉ có cái tham vọng là có thể giúp những bạn mới học một ít tài liệu căn-bản, phổ-thông về nhạc.

Nếu bạn không có tài để trở nên Nghệ-sĩ; ít nhất bạn phải có chí để biết nhận-lấy và thưởng-thức công-trình của Nghệ-thuật.

Mai-phương

Nguyên phụ trách âm-nhạc nhà thờ Thánh Giuse (Vinh)

Những khái niệm đầu tiên

Định nghĩa.— Âm-nhạc là một khoa-học và là một nghệ-thuật cấu tạo âm-thanh để diễn-đạt tư-tưởng và, như thế, âm-nhạc là một ngôn-ngữ.

Một ngôn-ngữ tuyệt-hảo. Vì âm-nhạc hình dung được mọi rung-động của thiên-nhiên và của tâm-hồn, cảm-xúc lòng người một cách sâu xa thấm thía.

Âm-nhạc có nhiều mẹo-luật chặt-chẽ, kết-tinh của những khoa âm-thanh-học, số-học, tâm-lý-học...

Phần chính của âm-nhạc là *âm-thanh* (son) và *tiết tấu* (rythme).

Âm-thanh phát-xuất có nhịp-nhàng, có tiết-tấu thành ra âm nhạc, khác với tiếng động thường, không có tiết-tấu: tiếng-« cạch » — của một viên sỏi rơi trên nền gạch chẳng hạn.

Đã nói âm-nhạc là một ngôn-ngữ, một tiếng nói; tiếng nói

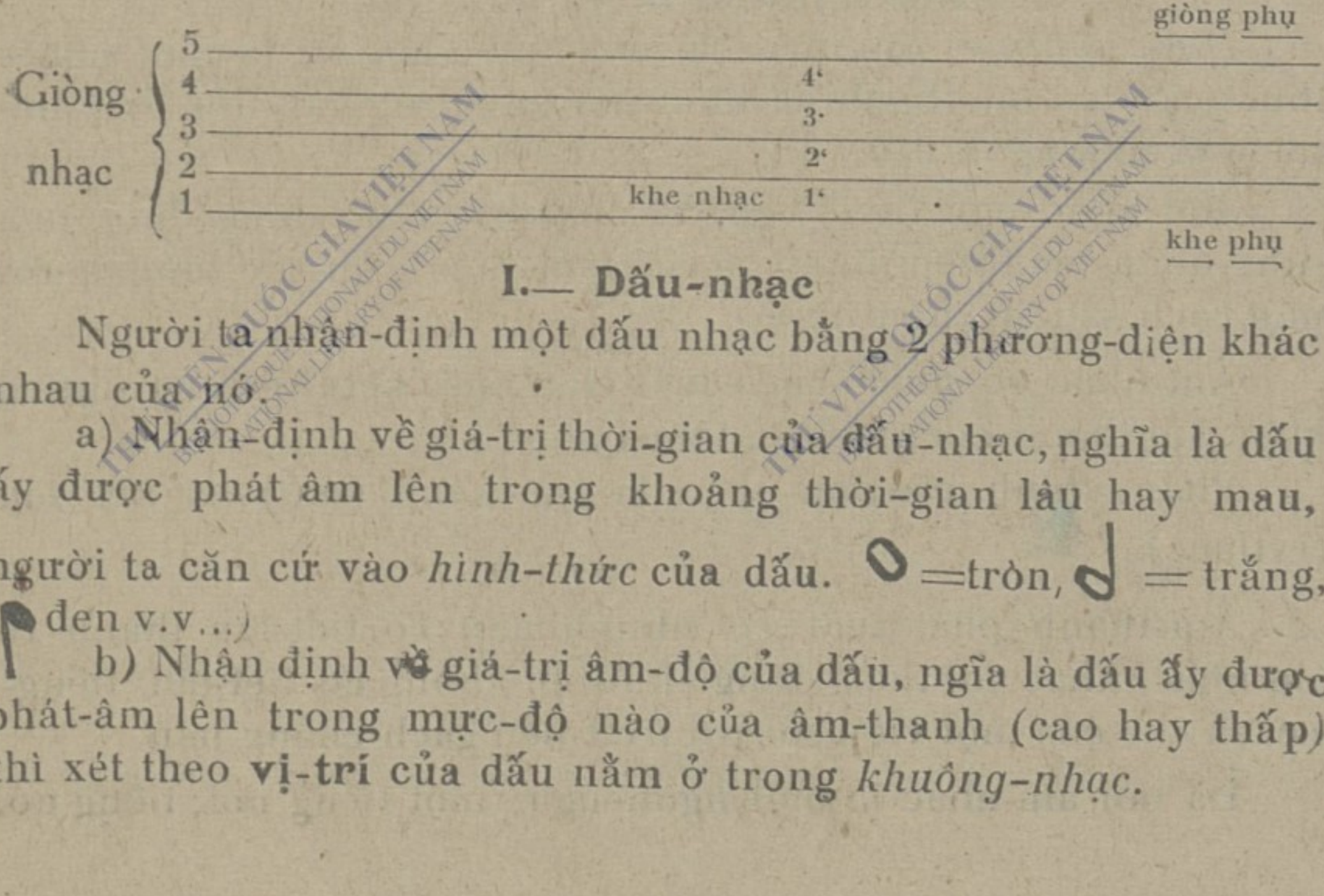
ấy, người ta viết ra bằng một số mẫu-tự (chữ cái) gọi là *dấu nhạc* cũng như những mẫu-tự a, b, c, để tượng trưng tiếng nói thông thường của chúng ta. Chỉ khác ở chỗ, a, b, c,... mỗi chữ có một hình-thức khác nhau để phân-biệt chữ nầy với chữ kia, còn tên gọi của dấu nhạc lại tùy ở vị-trí của dấu. Vì thế mà dấu nhạc phải viết trên một cái khuông-dài, có 5 đường kẻ ngang song song và cách khoảng đều nhau, để phân biệt vị-trí của dấu.

Người ta gọi cái khuông ấy là **khuông nhạc** (*portée*), những đường kẻ ngang là *giòng nhạc* (*ligne*), những khoảng ở giữa mỗi 2 giòng là *khe-nhạc* (*interligne*).

Âm-thanh có thể lên cao mãi hoặc xuống thấp mãi, không cùng. Khuông-nhạc chỉ là một chặng chứa-đựng những âm-độ (nấc lên xuống) dễ nhận nhất của âm-thanh. Người ta ghi lại những âm-độ ấy trên những *giòng* và *khe* của *khuông-nhạc*. Từ dưới lên, ở mỗi giòng, mỗi khe, âm-thanh cao hơn lên một nấc và cũng hạ thấp xuống, như thế, từ trên xuống dưới.

Khuông-nhạc chỉ có 5 giòng và 4 khe, nhưng khi cần viết nhạc ra ngoài giới-hạn của khuông, người ta thêm những gạch nhỏ trên hoặc dưới khuông, gọi là những *giòng phụ* và khoảng nhỏ mới thêm gọi là *khe phụ*.

Khuông-nhạc



I.— Dấu-nhạc

Người ta nhận-định một dấu nhạc bằng 2 phương-diện khác nhau của nó.

a) Nhận-định về giá-trị thời-gian của dấu-nhạc, nghĩa là dấu ấy được phát âm lên trong khoảng thời-gian lâu hay mau, người ta căn cứ vào *hình-thức* của dấu. 𝅝 =tròn, 𝅗𝅥 = trắng, ♩ đen v.v...)

b) Nhận định về giá-trị âm-độ của dấu, ngĩa là dấu ấy được phát-âm lên trong mực-độ nào của âm-thanh (cao hay thấp) thì xét theo **vị-trí** của dấu nằm ở trong *khuông-nhạc*.

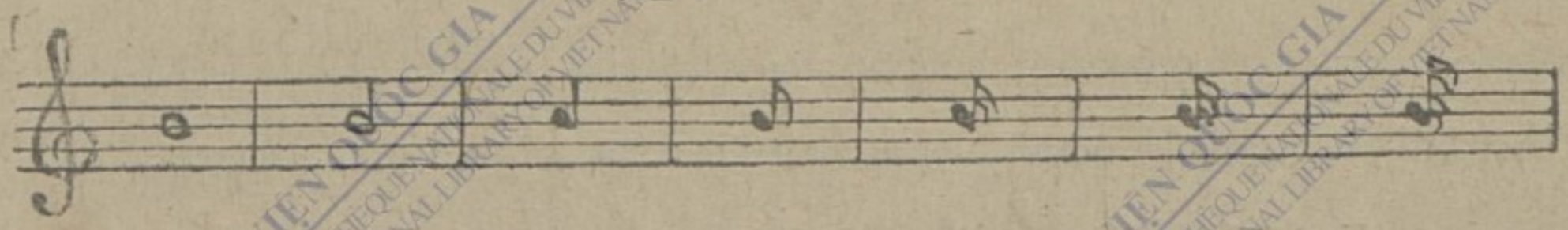
1·) Giá trị thời gian của dấu nhạc

Mỗi một dấu nhạc, tùy nó ngân lâu hay mau, có thể viết ra bằng 7 hình thức nầy :

1·) 𝅝 dấu tròn 2·) 𝅗𝅥 dấu trắng 3·) ♩ dấu đen

4·) ♪ dấu móc (*cờ*) 5·) 𝅘𝅥𝅯𝅘𝅥𝅯 dấu móc đôi 6·) 𝅘𝅥𝅰𝅘𝅥𝅰𝅘𝅥𝅰 dấu móc ba

7·) 𝅘𝅥𝅱𝅘𝅥𝅱𝅘𝅥𝅱𝅘𝅥𝅱 dấu móc tư



si tròn si trắng si đen si móc si móc đôi si móc ba si móc tư

Dấu tròn là dấu ngân lâu nhất, các dấu đứng sau sẽ tuần tự ngân lâu bằng một nửa dấu đứng trước và, như thế, lâu bằng 2 lần dấu đứng sau.

𝅝 (tròn) bằng 2 𝅗𝅥 (trắng)

𝅗𝅥 (trắng) » » ♩ (đen)

♩ (đen) » » ♪ (móc) v.v.

Trong thực hành, người ta cũng thường lấy dấu Đen ♩ làm gốc, kể là một nhịp, rồi tính lên thì 𝅗𝅥 là 2 nhịp... tính xuống thì ♪ là nửa nhịp...

(còn tiếp)

La Grammaire pratique pour tous les degrés

LA FONCTION COMPLÉMENT

Le complément d'objet direct et le complément circonstanciel. (*suite*)

Par contre, un *complément circonstanciel* peut accompagner directement le verbe *sans* l'intermédiaire d'une *préposition* et dans ce cas, il ne doit pas être confondu avec un *complément d'objet direct*.

Exemples :

1o) Elle travaille le matin.

2°) Ce livre coûte vingt piastres.

3°) Cette caisse pèse trente kilos.

Dans ces trois exemples, les verbes « *travaille* », « *coûte* » et « *pèse* » sont tous des verbes *intransitifs*. Les noms « *matin* » « *piastres* » et « *kilos* » jouent alors le rôle de *complément circonstanciel* :

Matin = complément circonstanciel de temps de « travaille ».

Piastres = complément circonstanciel de prix de « coûte ».

Kilos = complément circonstanciel de poids de « pèse ».

Si nous essayons de mettre ces trois verbes à la *forme passive*, les exemples précédents n'*auront plus de sens*. (En effet, nous *ne* pouvons dire : Le matin est travaillé par elle ; Vingt piastres sont coûtées par ce livre ; Trente kilos sont pesés par cette caisse).

Nous ne posons pas ici la question « travaille qui ? » ou « travaille quoi ? » « coûte qui ? » ou « coûte quoi ? », « pèse qui ? » ou « pèse quoi ?», mais « *travaille quand* », « *coûte combien* » et « *pèse combien* ».

D'où cette remarque :

Remarque. — *Un complément qui accompagne directement le verbe sans l'intermédiaire d'une préposition est complément circonstanciel quand il ne peut être sujet du verbe mis au passif.*

(à suivre)

XUÂN-SA

KINH-TẾ CHÁNH-TRỊ

Cô HOÀNG-THỊ-TÂM (Chợ lớn)

Crédit à long terme (cho vay dài hạng). — Thường khi hãng lớn đến nhà băng vay một số bạc mấy muôn đồng, đôi ba năm mới trả, tiền lời lối 5 hoặc 6 % mỗi năm, song cứ mỗi năm tiền lời nhập vào vốn sanh ra lợi nữa (intérêt composé) lợi tăng gia lợi ; một năm tính 365 ngày, năm nhuần 366 ngày nếu ngày thiếu nợ lọt vào 29 Février.

Billet à ordre (giấy vay bạc) modèle : B. P. $ 50.000.

Au Vingt cinq Mars 1950 je paierai à la Caisse d'Epargne de Jeunes filles Viêtnamiennes ou à son ordre la somme de : Cinquante mille piastres.

Valeur reçue en espèces
avec intérêt de 5 % par an.
Bon pour aval et solidaire
sans discussions ni réserves,
La Caution,
Cô Ánh-Tuyết — Cholon

Cholon, le 1er Janvier 1947
Cô Tân Huỳnh-Hoa — Cholon

LƯU Ý. — Cô Ánh-Tuyết bảo lãnh nợ nầy, nếu đúng ngày mà người vay không trả thì nhứt tâm phải trả vốn lời không chối cãi, không thêm bớt, cho : Việt-nam Phụ-nử tiết kiệm ngân hàng.

Calcul des intérêts (*Tính tiền lời*)

Intérêt du 1-1-47 au 1-1-48.

$$\frac{50.000\ \$ \times 5}{100} = \frac{}{} \quad 2.500\ \$$$

Capital et intérêts réunis.

$$50.000\ \$ + 2.500\ \$ = 52.000\ \$$$

Intérêt du 1-1-48 au 1-1-49.

$$\frac{52.500\ \$ \times 5}{100} = \frac{}{} \quad 2.625\ \$.$$

Capital et intérêts réunis.

$$52.500\ \$ + 2.625\ \$ = 55.125\ \$.$$

Intérêt du 1-1-49 au 1-1-50.

$$\frac{55.125\ \$ \times 5}{100} = \frac{}{} \quad 2.756\$25$$

Capital et intérêts réunis.

$$55.125\ \$ + 2.756\ \$\ 25 = 57.881\ \$\ 25.$$

Intérêt du 1-1-50 au 25-3-50 soit 84 jours.

$$\frac{57.881\ \$\ 25 \times 5 \times 84\ j.}{100 \times 365\ j.} = \frac{}{} \quad 666.03$$

Total des intérêts. . .	8.547,28
Capital	50.000
Total général	58.547$28

LƯU Ý. — Ngày vay 1-1-47 tính ; còn ngày trả 25-3-50 không tính ; vậy thì 1-1-50 đến 25-3-50 có 83 ngày, song năm 1948 nhuần, phải thêm 1 ngày. Muốn biết năm nào nhuần thì chia năm đó cho số 4 ; nếu chia hết không còn dư (reste « 0 ») thì nhuần (4 năm nhuần 1 ngày).

LỜI NHAN HỌC-SINH :

Nhà bạn nghèo, *Bạn muốn và chăm học, nhưng lại không đủ tiền để mướn thầy dạy, để theo học tư như chúng bạn,*

Nhà bạn đầy đủ, *muốn bạn học giỏi, cho học tư, nhưng khổ tâm thay, Bạn không biết rõ trường nào dạy hay, thầy nào dạy giỏi,*

Nhà bạn giàu có, *muốn tìm thầy riêng, muốn học trường lớn, nhưng riêng bạn, lại thấy những chốn ấy cô-độc, bạn bè thường phân giai cấp ; thầy giáo và học sinh gần như hai cực điểm, thầy phải dạy, học sinh phải học, đôi bên, không có một sợi giây liên lạc đầm ấm nào cả.*

Bạn muốn học, Bạn tìm học, Bạn biết phải « Cần-Học », nhưng « không thầy đố mầy làm nên » và « Học thầy không thầy học bạn ». Bạn đã hiểu rõ như vậy, sao bạn lại không đến hỏi và nhờ Gia Đình Bổ Túc Học Vụ « Chơn Tri » 196B-196C Bàn-Cờ, Đường hẻm Richaud prolongée. Vì : « Chơn Tri học vụ là : nơi quy tụ những giáo sư xuất sắc, Bắc-Trung-Nam, không xa lạ gì đối với học sinh các tư thục nơi giáo sư cũng như học sinh đều theo một châm ngôn dễ hiểu, dễ áp dụng : « Hòa Thuận Tin Yêu, Vui Vẻ ».

Thơ từ xin gởi : Ông Nguyễn Văn Thục, 171, Đại lộ de la Somme hoặc hỏi ngay lại nhà trường theo địa chỉ trên.

DANH SÁCH ĐỌC-GIẢ CẦN-HỌC MUA DÀI HẠN

CẦN-HỌC trân trọng cám ơn qui bạn đã gởi tiền đến đặt mua dài hạn :

oOo

Cha Jacques Tri, chủng viện Sàigon.
Cha François Tam, nhà thờ Cầu-Kho-Sàigon.
Bà nhứt Phước-viện Chợ-quán — Saigon.
Dì Anne Marie, Phước-viện Chợ-quán.
Trường họ nhà thờ Huyện-Sĩ, Sàigon.
Tiệm hòm TÔBIA, Tânđinh, Saigon.
Ông Lê-đình Qúi, ty cảnh sát, Hội an.
« Ng. Thiện-Đạo, 20 Cimetière, Châuđốc.
« Phạm-văn-Tinh, 51 Route Canal Dérivation Tân-thuận.
« Dương danh-Dư, SRIC, Hiệp-Hoà.
« Thạch-Thanh, Siège social Khemer, Sốc-trăng.
« Nguyễn-văn-Ty, Crèmerie, 50 Kitchener Saigon.
« Nguyễn-văn-Chĩnh, Long-thạnh. An hóa-My-tho.
« Ngô-kỳ-Hia, 105 Quai de la Merne, Saigon.
« Hồ-dung-Hoà; See Géographique, Đalat.
« Hoàng-Đề » » »
« Lương-văn-Bá, thợ Typo Báo Tiếng Kèn, Bến-tre.
« Tôn-thất-Luận, 74 Avenue du musée, Tourane.

GIÁ TIỀN MUA DÀI HẠN :

	Ở NAM-VIỆT, MIÊN			Ở TRUNG, BẮC-VIỆT		
	B. Tiểu-học	B. Trung-học	Cả 2 Ban	B. Tiểu-học	B. Trung-học	Cả 2 Ban
3 tháng 12 số :	30$	45$	70$	40$	55$	80$
6 tháng 25 số :	65$	90$	150$	85$	115$	175$
12 tháng 50 số :	125$	175$	290$	170$	220$	325$

Giám-đốc :

Cha Jacques CUA

GIADINH

Thơ và bưu-phiếu xin đề :

Mr Ngô văn Thanh

42 - 46, Pellerin — SAIGON

Giấy phép số 75/T.X.B.

Ngày 26-1-1951

IN TẠI ẤN QUÁN

NAM-THANH

42 - 46, Pellerin — SAIGON

FIGURES PLANES

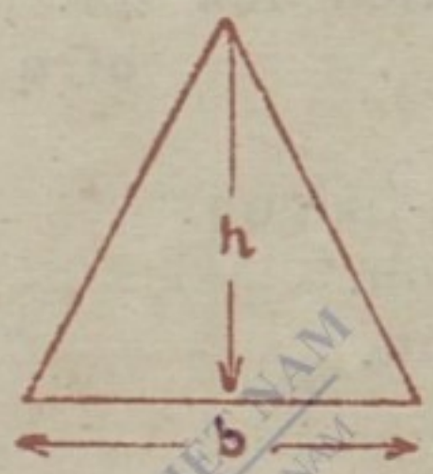
(*TABLEAU RÉCAPITULATIF*)

Triangle

$$S = \frac{b \times h}{2}$$

$$b = \frac{S}{1/2h}$$

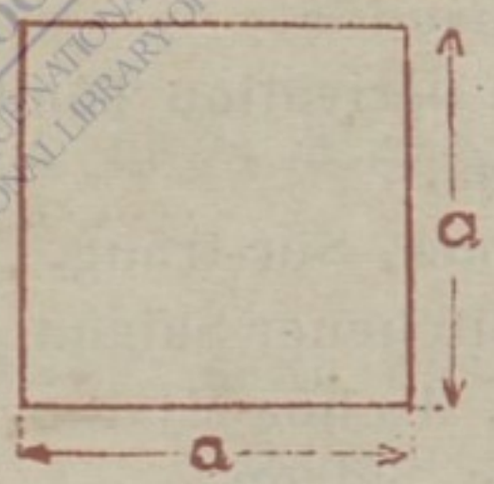
$$h = \frac{S}{1/2b}$$



Carré

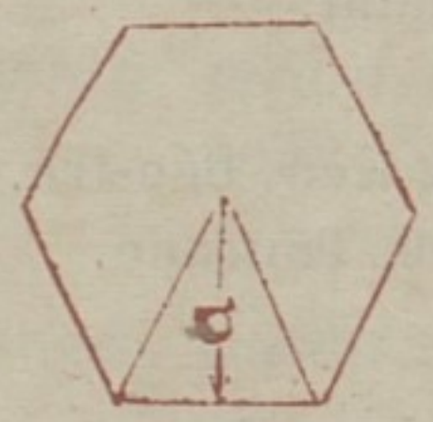
$$S = a \times a = a_2$$

$$a = \sqrt{S},$$



Polygone

$$S = \frac{ap}{2}$$

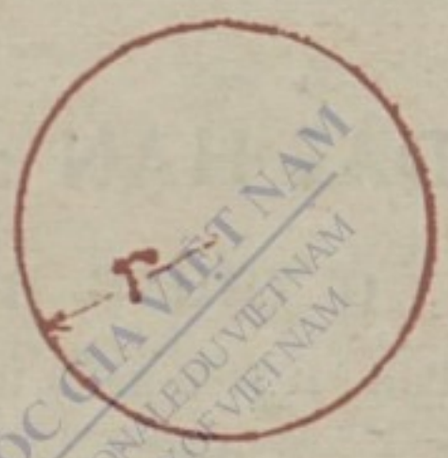


Circonférence

$$Circ. = 2\pi r$$

$$S = \pi r^2$$

$$= \frac{Circ. \times r}{2}$$



Secteur

$$S = \pi r^2 \times \frac{n}{30}$$

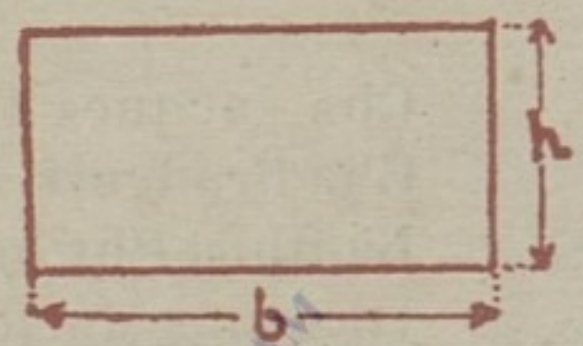


Rectangle

$$S = b \times h$$

$$b = \frac{S}{h}$$

$$h = \frac{S}{b}$$

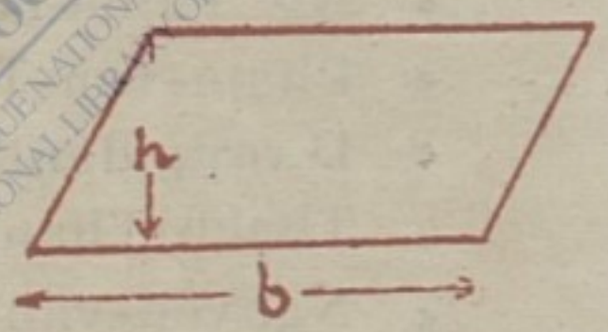


Parallélogr.

$$S = b \times h$$

$$b = \frac{S}{h}$$

$$h = \frac{S}{b}$$

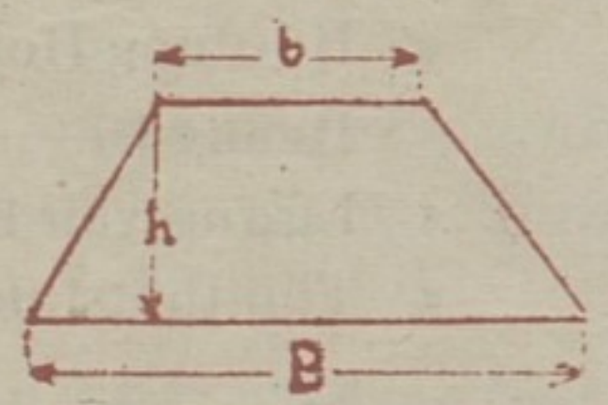


Trapèze

$$S = \frac{(B+b) \times h}{2}$$

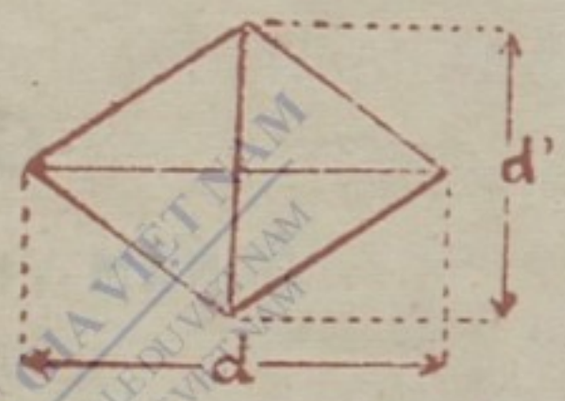
$$h = \frac{S}{1/2(B+b)}$$

$$B+b = \frac{S}{1/2h}$$



Losange

$$S = \frac{dd'}{2}$$



Couronne

$$S = \pi R^2 - \pi r^2$$

$$= \pi (R - r)$$



THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

NHÀ LÀM BẢN KẺM :

CLICHÉ DAU

17, *ĐỒ - HỮU - VỊ* — SAIGON

HỌC ĐỂ PHỤNG - SỰ CHÂN - LÝ

Cần Học

BAN TRUNG-HỌC

Tập 30 ——— 44 trang

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

AVIS IMPORTANT:

Le 15 Avril 1951, **CAN-HOC** présentera au public un numéro spécial :

LE FUTUR BACHELIER

(première partie)

SOUS LA DIRECTION

DE

M' TRẦN-CỬU-CHẤN

Docteur ès lettres

AVEC LA COLLABORATION

DE

MM. NGUYỄN ĐÌNH-HƯNG *licencié ès-sciences, Assistant de l'Ecole Supérieure des Sciences de Saigon*

» PHAN-NGỌC-PHƯƠNG *licencié ès-sciences physiques et mathématiques*

» PHẠM-VĂN-THUẬT *licencié ès-lettres (Anglais)*
diplôme d'Etudes Supérieures

» ƯNG-THIỀU *professeur de caractères chinois et de Viêtnamien.*

TÒA SOẠN:
42-46, Rue Pellerin
SAIGON

Giá { Nam-Việt, Miên **5$**
Trung, Bắc-Việt **6$**

NÊN DÙNG :

Pekinan **TIÊN** — cho trẻ em

Quân thù số **1** ban nóng trẻ em

Phân ra **10** *gói nhỏ, ngọt, ngon và dễ uống*

Lonkinan **TIÊN** cho người lớn

Trị ban nóng và rét rất hay

HYGIÈNE — SANTÉ — QUALITÉ

Pharmacie **TIÊN,** 98, Bonard — SAIGON

Bột Nhi Đồng

Là một thứ BỘT GẠO, sản-phẩm của người Việt-Nam, **để nuôi trẻ em khi còn nhỏ từ 5 tháng tới 2 tuổi**, sẽ thấy đứa trẻ sau này được lớn con, và **rất hợp vệ sinh**, giúp bộ phận tiêu-hóa được nhẹ-nhàng, ăn mau tiêu, ngủ ngon giấc, tránh được các bịnh.

Đứa trẻ tuổi không có vệ-sinh, ăn cơm hột sớm, ngày còn non tháng rất lại cho bộ phận tiêu-hóa, thành ra đứa nhỏ mất sức từ lúc nhỏ, sau trở nên người ốm yếu, phải chịu một phần thiệt thòi của Tạo-hóa

Hạnh phúc đầu tiên của gia-đình là ở chỗ mạnh-khỏe, vui tươi của trẻ em.

BỘT NHI ĐỒNG đã được công-nhận tại
phòng thí-nghiệm thực-phẩm Y-viện Pasteur

Nhà sản-xuất ĐỨC-THỊNH

210 đường Paul Blanchy

CÓ GỞI BÁN CÙNG KHẮP CÁC NƠI

Các học-sinh, nhứt là các sinh-viên cùng các giáo-chức, tất cả Nam Nữ

Học hành, làm việc lao tổn, tâm trí. Rất cần bổ dưỡng lại sức khoẻ; nên dùng:

1·) Thuốc **bổ-phổi, ngừa** lao và **trừ** lao rất hay.

2·) Thuốc đại bổ **nước cốt** Sâm Cao ly.

Người lớn tuổi, yếu đuối muốn đặng lại sức, mạnh mẽ nên dùng: **Hải Long Tráng Dương bổ thận hoàn,**

Ấy là 3 phương thuốc bí truyền rất công hiệu của người Việt-Nam.

Mua sỉ hay lẻ do nhà thuốc cụ Trịnh Hải Long
19 Vassoigne Tânđịnh — Saigon.

NHỮNG KHÓ KHĂN
CỦA ĐỜI SỐNG

Kính tặng chị Cecilia Tường-Vi một người đã chiến-đấu với bao đau khổ để tìm Ánh Sáng Chân-Lý cuộc đời **L. B.**

oOo

Mỗi chúng ta đều có những con mắt đầy sáng hy-vọng, nhắm đến một cái đích và trí chúng ta đều mơ tưởng sự thành-công rực rỡ mai kia...

Nhưng có một điều, mà không phải ai cũng nghĩ tới là những cản trở sẽ gặp, những gian-nguy phải qua. Vì theo «giòng thời gian đưa người kim cổ», những đèo núi gai gốc, những sông lạch hiểm trở bao giờ cũng sẵn sàng đón đợi lữ khách trên đường đời.

« Sự khởi-công và sự thành-~~thực~~ thục không có đồng-nghĩa với nhau» -- *Vì giữa thành-tựu và khởi-công là một con đường trường đầy núi cao, vực thẳm.*

Thành-công đâu phải là một bông hoa đẹp ở bờ rào mà một bàn tay trẻ nải lười biếng cũng ngắt hái được. Không, thành-công đòi hỏi nhiều cố-gắng, đòi hỏi sự tận-tâm, tận-lực. Nhiều khi nó như những mỏ than đá ở tận lòng đất, phải đổ nhiều mồ hôi, nhiều nước mắt, đào hang chui hầm mới khai-quật lên được.

Nầy Bạn, bạn hãy nhìn ra chung quanh ta : đây, bác nông phu cày bừa cuốc xới, chai tay nám mặt, ngày sau mới thu lượm được những kết-quả của một mùa màng tốt tươi.

Đời chúng ta cũng thế. Chúng ta không tránh trút được những mệt nhọc khó khăn nếu chúng ta muốn gặt hái những lượm lúa vàng của sự nghiệp.

Những mảnh đất không có tay người chăm bón, những đám rừng không đốt phát, ta thấy đầy những hoa dại cỏ hoang

không sản lợi được gì, mà chỉ là tổ chứa những loài vật dơ bẩn, những rắn rết rùng rợn.

— Trên cánh đồng của sự sống loài người- những đám đất lòng ta phải được cày bừa, chăm bón, mà chính những gian nan đau khổ sẽ cuốc xới cuộc đời ta, sẽ cày bừa đến tận thâm-tâm ta! Bạn ạ! những giòng nước mắt, có khi cả những giọt mồ hôi máu, sẽ nhỏ xuống... nhỏ xuống trên những luống đất đã thuần thục, để ngày mai đây chúng ta mới có những giờ phút sung sướng đứng xoa tay ngắm cánh đồng lúa chín của mùa thành-công.

∴

Nhưng bạn, bạn sẽ bảo, bạn muốn sống — sống nghĩa lý — một cuộc đời yên-tịnh, không thích chiến-đấu, và bằng lòng kéo dài một cuộc đời bình-lặng thôi.

Câu nói của bạn đã tố-cáo sự lười biếng chung của một số người, và sự lầm-lạc trong nhận-thức về ý-nghĩa sự sống.

— Bạn muốn một cuộc đời yên-tịnh, bạn không thích chiến-đấu ? **Trên đời nầy, có hai sự yên-tịnh, một sự yên-tịnh ở nghĩa-trang, và một sự yên-tịnh trên đỉnh núi.**

Nếu bạn muốn sống một cuộc đời đầy yên-tịnh cao quý, yên tịnh xứng đáng với đời sống con người, bạn phải chiến-đấu trước đã, nghĩa là bạn phải làm một cuộc đăng-sơn gian-lao và cần-mẫn. Phải mệt trí, phải khổ tâm, phải bám lấy từng mô đá vịn từ cành cây, phải chồn chân mỏi gối, dò dẫm qua bao nhiêu chặng đường nguy-hiểm, rồi mới lên được đỉnh núi để hưởng sự an-tịnh thanh-khiết giữa vũ-trụ.

Nếu bạn không thích chiến-đấu, không muốn phải cố gắng để sống, thì bạn sẽ bước dần vào trong phần đất của nghĩa-trang. Ở đó bạn sẽ được sự an-tịnh của bãi tha-ma, sự bình-lặng của mặt nước ao tù đầy vờn váng dơ bẩn, đen tối : Đấy là sự yên-tịnh của những kẻ chết.

Bạn chọn đường nào? Đời sống cao-khiết trên đỉnh núi? hay sự yên lặng sầu thảm trong thế-giới của những nấm mồ?

∴

Nói tóm lại: Đời sống con người là một cuộc khai phát để đi đến sự thành-công cao cả: **Đời sống có nghĩa-lý.**

Mà trên đường đi đến thành-công : chồng chất trăm ngàn

chướng-ngại-vật. Chúng ta phải biết chịu những đau khổ trong tâm-hồn và thể chất để vượt qua.

Nếu thiếu sự chiến-đấu với những khó-khăn của đời sống, không bao giờ chúng ta đi tới đích. Và trái lại, sự lười biếng, sự yếu hèn của ta, sẽ đưa ta vào tử-địa. Ở đó không những chôn vùi thể xác mà còn mai-táng cả danh-tiết của con người.

Lâm-Biên

HỘP THƠ

Cùng bạn đọc thân mến,

Hơn năm nay CẦN HỌC ra mắt cùng Đồng bào Việt-Nam. Được Anh Chị em học-sinh, thơ-ký và hàng giáo-chức toàn cõi Việt-Nam hoan-nghinh và ủng-hộ, nên CẦN-HỌC sống đến số 30 nầy.

Như ở trong hộp thơ số 2 [Ban Trung học, chúng tôi đã trưng bày cùng bạn đọc mục-đích của chúng tôi mà nay cũng vì lý do ấy, chúng tôi chia thể tài CẦN-HỌC lần thứ 2 nữa : nghĩa là tập Ban Trung học chỉ có những bài từ lớp đệ nhứt niên đến đệ tứ niên — và một tập nữa 32 trang riêng cho Ban Tú-tài, là cơ quan dọn thi cấp bằng Tú tài Pháp-Việt

Thưa quí bạn đọc thân mến đã đặt mua dài hạn từ trước đến giờ và đã đóng tiền rồi, xin cho chúng tôi biết trước ngày 15 tháng nầy : quí bạn muốn chọn lựa hay sửa đổi chi trong việc mua C.H. hoặc riêng Ban Trung học, hoặc riêng Ban Tú-tài để chúng tôi biết mà gởi C.H đến quí bạn sớm.

Tập Ban Tú tài xuất bản có hạng định — nên ai muốn mua thì xin đến toà soạn Cần-Học, 42-46 đường Pellerin, Ấn quán Nam-thành, mua sớm hay gởi thơ đến đặt mua trước kẻo hết.

Vì số xuất bản ít, nên chúng tôi không có gởi bán khắp nơi... như những số thường.

Xin anh chị em hãy đón xem LE FUTUR BACHELIER ngày 15 tháng tư d.l. nầy.

LỚP ĐỆ NHỨT NIÊN

CHÍNH-TẢ — *Các Lăng-Tẩm ở Nước ta.*

Ở Kinh mà không đi cung-chiêm các tôn-lăng thì cũng là uổng mất cái công tự Hà-Nội về đây. Vả mục-đích tới về Kinh là muốn xem những cảnh-tượng cũ của nước nhà, còn cảnh tượng gì trang-nghiêm hùng-tráng bằng những nơi lăng-tẩm của mấy vị đế-vương ta đời trước. Không những mấy nơi đó là những nơi thắng-tích đệ-nhất của nước ta, mà lại có thể liệt vào bậc những nơi thắng-tích của cả thế-giới nữa. Hoàn-cầu dễ không đâu có chốn nhà mồ của bậc vua chúa nào mà khéo hòa-hợp cái cảnh thiên-nhiên với cái cảnh nhân-tạo, gây nên cái khí-vị riêng như thương nhớ, như não-nùng, như lạnh lẽo, như hắt-hiu, mà lại như đầy những thơ, những mộng, khiến người khách vãn-cảnh luống những ngẫn-ngơ trong lòng. Mà cái cảm-giác ấy, không phải là người mình mới có, dẫu người ngoại-quốc đi du-lịch đến đấy cũng phải cảm như thế....

Nói lăng những người không biết, mỗi người tưởng-tượng ra một cách : người thì cho là cái nhà bằng đá lớn, trong đựng quan-quách ông vua ; người thì cho là cái vườn rộng, giữa xây nấm, quanh giồng cây ; người thì cho là cái nền to như nơi văn-chỉ, phỗng đá, voi, ngựa đứng chầu. Nhưng dầu tưởng-tượng đến đâu cũng không kịp cái chân-tướng lớn lao. Lăng đây là cả một tòa thành, cả một vùng núi, chớ không phải là một khoảng năm ba sào, một khu vài ba mẫu. Lăng đây là gồm cả mầu trời sắc nước, núi cao rừng rậm, gió thổi ngọn cây, suối reo hang đá. Lăng đây là bức cảnh thiên-nhiên tuyệt đẹp, ghép thêm một bức cảnh nhân-tạo tuyệt khéo Chớ không phải là một nắm con con của tay người xây dựng. Lăng đây là cái nhân-công tô-điểm cho sơn-thủy.

Phạm-Quỳnh

CÂU HỎI

I.— **Từ ngữ** : giải nghĩa các tiếng: *cung-chiêm, thắng-tích, Hùng-tráng, Hoà-hợp, khí-vị, não-nùng, hắt-hiu, văn-cảnh-*

quan-quách, văn-chỉ, chân-tường, sơn-thủy.

II.—**Ý-tưởng.** 1)— Vì sao chốn nhà mồ các đế-vương nước ta có một khí-vị riêng khiến người vẫn cảnh nhĩnh ngẩn ngơ trong lòng ?

2) Tác-giả nói cảnh tượng trang-nghiêm và hùng-tráng thì những chi-tiết nào trong bài tỏ ra lăng-tẩm có cái cảnh-tượng đó ?

3) — Đọc xong bài của tác-giả, bạn hãy lược tóm lại trong một đoạn văn vắn cái cảnh tượng ở nơi lăng-tẩm mấy vị đế-vương ta đời trước ?

III.— **Lời văn.**— Trong bài nầy, lời văn có những tính-cách nào ? Bạn hãy dẫn chứng.

LUẬN VIỆT-VĂN

Đề.— *Anh đùa nghịch làm rách ngang một thân áo. Sợ bị mắng la, anh đem giấu đi một chỗ. Chiều đến, mọi người đều ngủ. Lúc anh chợt tỉnh dậy ngó qua mùng thấy mẹ anh đang cặm cụi nhíp lại chỗ rách. Anh thử phác họa lại cảnh ra xem.*

BÀI LÀM

Đêm về khuya. Gió từ phương xa thổi đến từng cơn, tiếng vạc đi ăn đêm hoà với đàn dế cầm canh như ai oán.

Trong nhà tôi, ai nấy đều say sưa với giấc ngủ. Riêng tôi, tôi còn lo sợ, mới thiu-thiu thì giật mình tỉnh dậy : nguyên vì hồi chiều, sau khi tan học, tôi đã làm rách cái áo « sơ mi ». Về đến nhà, tôi sợ bị đánh, nên đã cất kỹ cái « của nợ » ấy đi một xó. Đầu tôi vẫn lan man lo nghĩ đến trận đòn dữ tợn, sau khi má tôi biết tôi làm rách cái áo... : Đôi mắt lim dim, chợt tôi nghe một tiếng động rất nhẹ, tôi liền hé mắt thì thấy một cái bóng đang cặm-cụi trước ngọn đèn dầu chỉ chiếu đủ ánh-sáng trong căn phòng im lặng. Tôi nhìn kỹ lại thì rõ hình bóng đó chính là người mẹ già, mà bấy lâu nay tôi yêu dấu đang ngồi vá lại quần áo ai, và tôi liên tưởng đến cái áo « sơ mi » rách của tôi. Tôi định thần nhìn kỹ lại thì trời ơi ! không còn lầm được nữa, chính cái áo lấm đầy mực của tôi đang được má tôi nâng-niu trên bàn tay gân guốc.

Tôi lo quá... Tôi nín thở...

Làm sao bây giờ nếu mẹ tôi đánh thức tôi dậy ? Hồn vía tôi rụng rời.

Mẹ tôi chẳng những không đánh tôi mà còn đêm khuya gió lạnh, khi cả nhà đều an giấc, bà đã quên cả giấc ngủ cần-thiết của bà. Trước cái cảnh đêm khuya dưới ngọn đèn lu lét, trước cái tấm lòng hy sinh cao quí ấy tôi cảm động bồi hồi. Người cứ cặm cụi vá lại mảnh áo cho con, thỉnh-thoảng lại ngửng lên cười khoan-khoái, khi tôi lấy làm lạ, mà thấy cái áo của tôi mới rách chiều hôm qua, mà nay nó đã lành... Lúc đó nước mắt tôi tuông ra trong khoé mắt. Phải chăng đó là giọt lệ đầu tiên của đứa con biết hối lỗi khi thấy người mẹ hiền hy-sinh cho con. Lúc đó tôi mới hiểu thấu cái tình mẫu-tử nó thâm-thúy đến bực nào. Lúc ấy tôi muốn cho mẹ tôi mắng tôi có lẽ tôi còn sung sướng hơn....

Một ngọn gió lạnh thổi vào khe cửa làm mái tóc bạc phơi của người mẹ già tung tăng theo làn gió và người mẹ già ấy đã quên cả lạc thú ở đời để hy-sinh cho đứa con thơ.

Trần-văn-Hùng
(*Huỳnh-khương-Ninh*)

CONCOURS D'ADMISSION EN 6è MODERNE

Traduction (*Thème*)

Không nên phá tổ chim.

Thằng Sửu thấy ở trên cành cây có một ổ chim, ba con chim mới nở, thì lấy làm mừng lắm. Nó trèo lên, bắt xuống để chơi. Chị nó trông thấy, ngăn lại mà bảo rằng : « Em ơi ! chớ nên bắt. Chim nó đang sung-sướng thế mà em bắt nó, thì nó cực khổ biết là dường nào ! Em thử nghĩ chốc nữa, mẹ nó tha mồi về, mà không thấy con, thì đau-đớn thế nào. Vả những chim con ấy mà em bắt về, thì dẫu em chăm-chút nó thế nào, nếu nó không chết, thì cũng chẳng sao bằng mẹ nó săn-sóc, nuôi-nấng nó được. Thôi, em ơi ! em đừng làm khổ nó vô-ích, đem để trả mẹ nó. Sau nó lớn lên, nó bay, nó lượn, đẹp mắt em,

nó kêu, nó hót, vui tai em, nó ăn sâu, ăn bọ, thì hoa quả thóc lúa của nhà ta và của thiên-hạ được đỡ hại. »

Sửu nghe chị nói, lại đem cái ổ chim lên để vào chỗ cũ.

Proposé par M. Nguyễn-văn-Thơ--Saigon

EXAMEN DE PASSAGE EN 6è MODERNE

Traduction (Version)

Sois fort.

Sans la force, on ne peut rien faire. Regardez autour de vous. Partout où quelque chose naît, se développe, remplit une fonction, il y a en jeu une force. Sans la force agissante et sans cesse en travail, l'univers serait une masse inerte et morte.

Regarder tomber une pierre : c'est une force qui la fait tomber ; regardez germer une plante : ce sont des forces qui la font germer.

Les trains marchent par la force de la vapeur, les moulins par la force de l'eau. Un homme réunit en lui une grande quantité de force de toute nature, physiques, intellectuelles, morales. C'est un outillage merveilleux qu'il est chargé, d'abord de tenir en bon état, ensuite d'exercer et d'appliquer.

Ch. Wagner

(*Devoirs corrigés - voir page (e 37)*

ĐỊA LÝ HỌC TỔNG QUÁT

của **LÊ-BANG**

PHẦN THỜI KHẮC (tiếp theo)

GIỜ QUỐC-TẾ

Ở Âu-châu người ta muốn qui-định thời khắc cho phân-minh nên phải căn-cứ vào ranh-giới quốc-gia và chia ra 3 khu-giới.

a) **Giờ Tây-Âu** theo giờ « Greenwich » gồm có xứ *Anh, Ái-Nhỉ-Lan, Bỉ, Pháp, Tây-Ban-Nha* và *Bồ-Đào-Nha*.

a) **Giờ Trung-Âu** đi trước 1 giờ đối với Tây-Âu gồm có những xứ *Na-Uy, Thụy-Điển, Đan-Mạch, Đức, Thụy-Sĩ, Hung-Gia-Lợi* và *Hy-Lạp.*

a) **Giờ Đông-Âu** đi *trước 2 giờ* đối với giờ Tây-Âu gồm có xứ *Lỗ-Ma-Ni, Bảo-Gia-Lợi, Liên-Sô.*

d) **Giờ ở các xứ.** Khi ở thành *Luân-Đốn* và *Bá-Lê* chỉ 12 giờ trưa thì ở *Chicago* (Huê-Kỳ) mới có 4 giờ ban mai, 7 giờ sớm mai ở *Nửu-Ước*, 3 giờ chiều ở *Mạc-Tư-Khoa* (Moscou), 9 giờ tối ở *Đông-Kinh*, 12 giờ khuya ở *Tân-Tây-Lan.*

Lúc ấy **Saigon**, *Tân-Gia-Ba*, « *Batavia* », « *Irkoutsh* » 19 giờ tức là *7 giờ tối. Bá-Lê đúng ngọ, Sàigòn 7 giờ tối.*

5.) Trên Địa-cầu khi nào cũng có 2 nhật-kỳ một lần.

Mỗi khi phần thời-khắc chỉ *bán-dạ* (nữa đêm) thì đã qua một ngày khác và đổi nhật-kỳ. *Bởi* thế nên người ta đã qui-định một *cọng-ước quốc-tế* để xem phần nào của Địa-cầu xoay qua ngày mai. Phần Địa-cầu ấy nằm giữa *Thái-Bình-Dương* thuộc về Tý-ngọ-tuyến 180° của thiên-văn-đài « *Greenwich* ».

Một giờ sau, « trục-chỉ » thứ nhứt ở hướng lây kế tý-ngọ-tuyến 180°, rồi kế trục-chỉ thứ nhì nối tiếp và thời-khắc biến đổi từ giờ trong mỗi « trục-chỉ » *đặng chỉ ngày của hôm sau.*

Bởi vậy trên Địa-cầu đồng một lúc thì có 2 nhật-kỳ khác nhau. Ví dụ khi *Bá-Lê* chỉ 17 giờ bữa thứ 2, đồng-thời lúc ấy ở *Sàigòn* đã **nửa đêm** và qua ngày *thứ ba* rồi, 2 giờ sáng bữa thứ 3 ở *Đông-Kinh*, lúc ấy là 5 giờ sáng bữa thứ 3 trên tý-ngọ tuyến 180°.

Tóm tắt, mỗi khi phần thời-khắc chỉ *nửa đêm* thì đã qua ngày khác và nhật-kỳ đổi, đồng-thời có 2 nhật-kỳ ở trên quả Địa-cầu. Chỗ phân ranh giới để qua ngày khác là một con « *đường tưởng-tượng* đi ngang qua Thái-Bình-Dương *thuộc tý-ngọ-tuyến 180° chỉ thời-khắc đặng sang qua ngày mới.*

L'école est une grande famille et une petite société.

Sans éducation, l'instruction est un danger social,

Trường học là một gia-đình lớn và là một xã-hội nhỏ.

Học văn mà không học lễ là cái mối hại cho xã-hội.

LỚP ĐỆ II NIEN

LUẬN VĂN

Bạn hãy bình giải câu danh ngôn ngụ ý khuyên răn người đời tu-đức lập thân : **« An bộ khả dĩ đương xa. »**

Dàn bài

Phần I) *Vào bài* : cắt nghĩa đen câu danh ngôn.

Phần II a) Cắt nghĩa bóng ;

b) Tìm những lẽ để chứng minh sự thật của lời dạy.

c) Viện những tỷ-dụ trong đời học sinh, hoặc trong xã-hội, trong văn chương, lịch sử.

Phần III. *kết luận* : áp dụng vào đời sống của mình để tìm một phương châm hành động hợp với chân lý của đời sống.

Bài làm

I. Kia trên con đường trường, biết bao người qua lại, kẻ đi ngựa, người ngồi xe, kẻ khác nữa đi bộ. Tất cả ai cũng đang dời chỗ, và đi tới một nơi mình đã định tâm đến.

Bánh xe vó ngựa, lăn mau ruổi thẳng, con đường dài sẽ rút ngắn dần dưới gầm xe gót ngựa và không mấy chốc người lữ khách đã đến nơi, tới chốn.

Và đây, người bộ hành đồng cất bước lên đường cùng xe ngựa. Nhưng ngựa xe, đã bỏ kẻ đi chân lại đằng sau xa, xa lắm. Người bộ hành tự biết sức chân mình không nhanh bằng xe, ngựa, vẫn kiên tâm nện những gót chân giẻo giai của mình trên con đường trường. Đi, yên trí đi, và cố gắng cất bước đi mãi. Con đường dài muôn dặm kia rồi cũng mất hút mịt mù sau lưng người đi bộ.

Thế là, người đi xe đi ngựa, kẻ đi chân cả mấy người cùng đến một chỗ như nhau, nên người xưa đã nói : *« An bộ khả dĩ đương xa »*. Vững chân, lanh bước cũng bằng đi xe vậy.

II. a) Đời người ta là một cuộc đi. Vì người ta sống ở đời là để đi tìm đạt chí nguyện, tiến tới đích thành công. Nhưng trên quãng đường đời đó biết « mấy sông phải lội, mấy đèo phải qua » Nghĩa là ra xây dựng sự nghiệp, tác tạo cơ đồ, người ta gặp bao nhiêu là trở ngại, vất vả khó khăn.

Những người được may mắn hơn có đủ tiện lợi, có đủ khả năng để đi nhanh tới đích cũng như người vượt qua những đặm đường trường nhanh chóng hơn, nhờ có xe, ngựa. Còn những người không có đủ những tiện

lợi những sở trường nhưng với một sự kiên tâm làm việc ; và dù việc khó khăn tới đâu, sự chuyên cần, sự nhẫn nại của ta, với thời gian, cũng đem lại một thành công tốt đẹp mà ta ước muốn.

b) Những người thất bại trên đường đời, chính là những người nóng nẩy, vội vàng, chỉ nhìn vào việc phải làm lớn quá, tự mình ta, ta thấy sức hèn thân mọn nên ta dễ dàng chịu hàng phục.

Nhưng ta hãy nghĩ : cả một xứ Nam-Việt rộng rãi hàng trăm ngàn vạn mẫu cũng chỉ là do những hạt cát nhỏ mà sông Cửu-Long đã dày công trong bao năm đào ở Tây Tạng mang về bồi đắp mà làm nên. Hoặc ta hãy xem những cồn mối ở Phi-Châu, từng giây, từng phút những con *mối* chuyên cần tha đất, mỗi con chỉ được một tí bằng hạt mầy nhưng lâu ngày những hạt mầy đất ấy đã góp lại thành những quả núi to lớn trên mặt đất !

Nếu ta biết nghĩ đến những điều như thế chắc ta không lấy làm nản chi vì tự thấy không đủ sức làm việc lớn lao.

c) Anh em học sinh chúng ta, ai lại không nghe đến danh tiếng Démosthène ? Ông là một nhà hiền triết hữu danh ở Hi-lạp, muốn đem cái tư-tưởng của mình ra rao giảng trong dân chúng, và thảo luận với những nhân vật trong xã hội, nhưng không may cho ông, là ông không có cái khoa ngôn ngữ. (bị *cà tật cà lâm*)

Nên hễ ông mở miệng ra là bị cười chê, và nhiều lần bị nhục nhã giữa công trường.

Démosthène phẫn chí về nhà cạo trọc đầu, không ra giao tiếp với xã-hội, và ngày ngày đến bãi biển luyện tập diễn-thuyết giữa những tiếng gió thổi, sóng gầm... ông luyện tập mãi, đến một ngày ra giữa công trường tiếng ông diễn giảng đã làm ngạc nhiên đám quần chúng châu thành Athènes Từ đó Démosthène -- ngày trước là một người ăn nói vụng về, -- nay trở nên một nhà hùng biện đứng vào bậc nhất của dân tộc Hi-lạp.

Démosthène, một nhân vật của mấy ngàn năm lịch sử đã qua.. Nhưng trong đời sống chúng ta, cái gương kiên nhẫn của một học sinh mù điếc ở Ba-lê cũng đã đủ làm cho ta phải kinh phục và bắt chước. Người học sinh mù điếc, lẽ dĩ nhiên là không còn có đủ sự tiện lợi để học hành bằng kẻ khác. Người mù điếc chỉ học bằng cách lấy tay rờ thoa trên thứ chữ nổi và như thế, khó khăn tức tối biết bao ! Vậy mà những người khác có mắt có tai, học hành nhanh chóng thi cử đậu đạt được, thì người học sinh mù điếc ở Ba-lê cũng lần lần thi cử đậu đạt Tú tài.. và rồi cử nhân như ai. *An bộ khả dĩ đương xa* là thế.

III — Một bậc hiền triết Đông-Phương xưa có nói : « *Sinh nhi tri chi học nhi tri chi, khốn nhi tri chi ; cập kỳ nhi tri chi dạ.* » Ở đời có những bậc Thánh-nhân sinh ra là có trí hiểu biết mọi điều trong vũ-trụ và lòng

người, có những người hiền trí-tuệ thông minh có học hành nên hiểu biết, có những người sinh ra tối tăm ngu dốt, phải khốn khổ vất vả lắm mới có sự hiểu biết ; nhưng chung kết lại, cả ba hạng người cũng đều biết như nhau cả.

Xem vậy, trên đời muốn làm việc khó phải kiên nhẫn, cần chuyên, mà ta đã có kiên nhẫn, chuyên cần thì rồi thế nào cũng đạt ý nguyện và đi đến Thành công, mặc dù mình không có đủ tài năng đủ phương tiện như kẻ khác ; đúng như lời xưa : *An bộ khả dĩ đương xa vậy.*

Thanh-Xuân
(Hoa Sói)

COMPOSITION FRANÇAISE — **Vous avez entendu Hoa et Huê causer de leurs occupations scolaires. Hoa aime la classe et cite des leçons qui lui plaisent beaucoup. Huê trouve ennuyeux de venir à l'école : ses raisons. Hoa montre les heureux effets du travail et encourage son ami.**

DEVOIR. — Hoa et Huê revenaient de l'école : je les suivais d'assez près, et me plaisais à les entendre discuter sur leurs occupations scolaires.

« Enfin, a dit Huê, c'est demain Jeudi. Comme les jours de classe me paraissent longs. Je n'aime que deux jours dans la semaine : Jeudi et Dimanche.—Comment peux-tu dire cela ? S'écria Hoa. Moi, je trouve que les jours de classe sont très courts. Quand on travaille, le temps passe vite. Et puis, comme c'est intéressant, ces leçons que nous ont faites notre maître ; par exemple la classe de géographie de ce matin m'a beaucoup plu : je m'imaginais voir les Thô et Man de la haute région du Tonkin, ces hommes habillés de bleu, ces femmes portant de gros colliers au cou, aux poignets et aux pieds, qui pénètrent dans les forêts pour extraire des dầu-ráy ou pour cueillir des fruits, qui font la chasse aux cerfs, aux tigres même. — « Oh ! je t'affirme que je n'y ai rien compris, interrompit Huê, je n'ai fait que bâiller. « — Et cette leçon de choses de toute à l'heure, continua Hoa, qu'en penses-tu ? Cette expérience du verre rempli d'eau que notre maitre a faite pour nous montrer la pression atmosphérique, tu ne l'as pas trouvée intéressante ?

La meilleure éducation est celle qui est donnée par l'exemple.

Lấy gương mà dạy thì hay hơn hết.

« — Nullement, répliqua Huê en faisant la moue. Tu diras ce que tu voudras. Je te déclare franchement que l'étude m'ennuie. Je ne veux plus aller à l'école. Tous les jours, on a des devoirs à faire, des leçons à étudier ; il faut rester des heures en classe, sans jouer, sans causer. Pour le moindre geste qu'on fait, pour la moindre parole qu'on prononce, on est puni, on a des pensums à faire, on vient à l'école le Jeudi pour faire la consigne. Le maître et le père s'entendent pour nous torturer. Je n'en puis plus, te dis-je.

— Il est vrai que l'étude est pénible, reprit Hoa doucement. Mais réfléchis bien. On ne peut pas non plus toujours jouer. Toi-même, tu m'as avoué que les grandes vacances dernières, tu ne savais que faire et tu t'ennuyais beaucoup. Il faut travailler, se donner un peu de peine pour trouver le jeu agréable. (N'est-ce pas que tu t'amuses bien pendant les récréations, quand tu as bien travaillé en classe.) Et puis, que deviendras-tu plus tard si tu ne travailles pas maintenant à l'école ? Ne connais-tu pas Lang, le fils unique d'un Đôc-phu, qui est venu l'autre jour demander un peu d'argent à ton père. parce, qu'il n'avait rien à manger ? Si l'étude est pénible, elle nous permet d'avoir un avenir assuré et heureux. Crois-tu donc que tes parents te veulent du mal en t'envoyant à l'école. Penses-tu que le maitre gagne quelque chose à te punir. Allons, Huê, sois raisonnable. Mets-toi à travailler courageusement ! »

Huê qui gardait un silence méditatif, fit un sourire. quand son camarade s'arrêta. Il lui donna une tape amicale sur l'épaule en lui disant : « c'est vrai, tu as raison. Je me mettrai à travailler dès aujourd'hui, et tu voudras bien m'aider, n'est-ce pas ? ».

Mlle **KIM LIÊN**
Collège Gialong

Examens & Concours - Programmes limitatifs pour la session de 1954

BREVET Ier CYCLE

Français { Littérature : Femmes savantes — Horace.
Rédaction : Dissertation.

Histoire & Géographie : La France

Sciences Naturelles : Notions sommaires d'anatomie et de physiologie-humaines et d'hygiène individuelle.

L'hygiène des différents appareils de l'organisme sera étudiée à propos de la physiologie de chacun d'eux.

Etude élémentaire des microbes. Les maladies contagieuses – sérums et vaccins. Les aliments - Ration alimentaire, quantité et qualités. Les oliments dangereux.

L'eau de boisson. L'alcoolisme

Notions de puériculture (enseignement féminin)

Anglais — Viêtnamien : Au choix

Couture — Chant — Dessin : Au choix.

BREVET ÉLÉMENTAIRE

1°) ***Morale*** : Morale personnelle - professionnelle - sociale.

2°) *Auteurs Français* : La chanson de Roland - Extraits.

Molière : Bourgeois gentilhomme,

Chateaubriand : Principes nouvelles,

Choix du poème du XIXè siècle (Pour toutes ces œuvres, à l'exception du Bourgeois gentilhomme, l'élève devra présenter à l'examen oral le recueil en usage).

3°) *Histoire* : La France en 1789. La Révolution française, ses grandes périodes, les Assemb'ées et leur œuvre (jusqu'au Consulat compris).

Révolution de 1848 ; l'Evolution économique et ouvrière sous le second Empire. L'Œuvre sociale de la 3è République jusqu'en 1839.

Civilisation française au XVIè siècle et XVIIè siècle

4°) *Géographie* : Grandes régions naturelles de la France: Géographie physique et humaine (population, vie économique).

L'Afrique du Nord Française

La Grande Bretagne : Géographie physique, économique et humaine.

5) *Mathématiques* : Programme du cours complémentaires (arrêté du 24 Juillet 1947, publié au Bulletin officiel N° 25) à l'exception de la Géométrie dans l'espace, et des notions de trigonométrie,

6) *Sciences physiques et naturelles :*

a) *Physiques* : Chaleur - Electricité.

b) *Chimie* . Fer - fonte - acier - alcool et fermentation alcolique, glucose - saccharose - amidon - acide acétique et fermentation acétique.

Sciences naturelles : Notions sommaires d'anatomie et de physiologie humaine et d'hygiène individuelle.

Etude élémentaire des microbes. Maladies contagieuses - Sérums - Vaccins.

PROGRAMME LIBRE — 1950-51

D. E. P. S. I.

Auteurs français

Racine	:	Andromaque
Corneille	:	Cinna
Molière	:	Bourgeois gentilhomme
A. France	:	Le livre de mon ami
V. Hugo	:	L'enfant - le semeur, Waterloo - Oceanoox
Lamartine	:	Milly - l'automne, l'isolemment, le lac.
La Fontaine	:	Fables choisies

Pour oral seulement

Morale	:	Programme de la 3è et 4è année
Instruction civique		Programme de 3è année (notions d'économies politiques)
		Programme de 4è année (notions de droit civil, droit local)
Histoire		Programme de la 4è année seulement (écrit)
		Programme de la 3è année seulement (oral)

Géographie	Programme de 4è année (écrit) Pragramme de 3è année (oral)
Viêtnamien	Cung oan ngâm khuc, Kim-Vân-Kiêu Duong luât, hat noi
Mathématiques *Sciences physiques*	Programme de 3è année et 4è année moins géométrie dans l'espace Programme de 4è année (par écrit et oral)
Sciences naturelles	Programme de la 4è année seulement (par écrit et oral)

COMPOSITION FRANÇAISE — *On lit dans madame de Maintenon : « En quelque condition que soit une fille, la goût de l'ouvrage lui est nécessaire ». Développer cette pensée.*

Développement — Madame de Maintenon a dit : « En quelque condition que soit une fille, le goût de l'ouvrage lui est nécessaire ». En effet, les travaux manuels doivent occuper une place importante dans l'éducation des femmes. Pour une jeune fille paurvre, forcée de pouvoir par son travail à sa subsistance et parfois àcelle de sa famille, l'aiguille sera une ressource et un gagne-pain. Si elle devient habile dans les ouvrages de couture, si elle y met ce qu'elle a d'intelligence, d'activité et d'adresse, non seulement elle sera à l'abri de la misère, mais elle fera régner chez elle un devoir étroit et sacré ; elle doit l'aimer puisqu'il assure honnêtement son existence, et ne pas envier le sort des filles plus fortunées, qu'on a tort de croire plus heureuses parce qu'elles n'ont rien à faire.

D'ailleurs les jeunes filles riches ne doivent pas non plus dédaigner les occupations de leur sexe. Savoir couper une étoffe, en assembler les différentes pièces, en confectionner des vêtements est une qualité précieuse chez les jeunes filles de toute condition. Les travaux qu'une nécessité impérieuse impose aux filles pauvres seront entepris par les jeunes personnes riches dans un but de bienfaisance. Elles fabriqueront elles-mêmes les vêtements qu'elles distribuent aux pauvres, et leur aumône aura ainsi quelque chose de plus personnel et de plus

touchant. Pour ce qui regarde leur toilette, n'est-il pas bon aussi qu'elles sachent guider et diriger les ouvrières qui travaillent sous leurs ordres ? Au surplus, ne trouveront-elles pas là un remède contre l'oisiveté et l'ennui qui en est la conséquence ?

Enfin, il y a dans le monde beaucoup de femmes d'une condition moyenne, qui ne font pas de la couture leur métier, et qui pourtant ne sont pas assez riches pour confier à des couturières le soin de leurs ajustements. Pour celles-là aussi, le travail à l'aiguille est indispensable. Que deviendrait le ménage, si elles n'étaient pas là pour confectionner et raccommoder leurs vêtements, et ceux de leurs enfants, utiliser les habits des aînés en les arrangeant pour les plus jeunes, s'ingénier pour être toujours proprement et élégamment habillées sans dépasser les ressources d'un modeste budget ? Voilà certes un talent qui n'est pas à dédaigner.

Que d'arguments encore on pourrait trouver en faveur du travail à l'aiguille ! L'art de faire de jolis ouvrages, d'orner des objets utiles, de donner ainsi à son intérieur un cachet de simplicilé élégante, n'a-t-il pas aussi son prix ? Sans compter que ce talent permet aux femmes d'offrir aux amis, aux parents, des présents, des souvenirs peu coûteux sans doute, mais toujours fort appréciés, parce qu'ils ont occupé les doigts et la pensée d'une personne chère.

On le vit, les travaux manuels constituent un des charmants apanages de la femme et elle aurait grand tort de les négliger. Madame de Maintenon a bien dit : « Dans quelque condition que se trouve une fille, le goût de l'ouvrage lui est nécessaire ».

Mlle **KIM-NGỌC** *(Collège Mytho)*

BREVET D'ETUDES DU Ier CYCLE

(Epreuve de langue anglaise : VERSION)

An english bell.

I remember many years ago, standing on the terrace of a beautiful villa near Florence. It was September evening. And then, I heard a bell whose every vibration found an echo in my heart. I said to my hostess : " That is the most beautiful bell I have ever heard ". " Yes, she replied, it is an English bell ". And so it was. For generations, its sound had gone out over English fields, and then, some rich Italian bought the bell and sent it to the valley of the Arno, where, after four centuries, it made an Englishman sick for home.

D'après S. Baldwin.

(Session du 14-8-50 = Saigon)

(Devoir corrigé : voir page37)

CHIMIE

On introduit 384 gr de Carbure de Calcium (C^2 Ca)

dans une lampe à acétylène. Calculer :

1°) La quantité d'eau nécessaire pour que le carbure ait fourni tout le gaz possible ;

2°) le volume d'acétylène recueilli.

3°) le volume d'air nécessaire à la combustion complète de ce gaz.

4°) le volume de CO_2 produit par cette combustion.

On donne:

Volume d'oxygène dans l'air 20 °/o ; volume moléculaire 22,l4.

Solution.

Nous avons les réaetions chimiques suivantes :

$$C_2\,Ca + {}^2\,H^2\,O \qquad C_2H_2 + Ca\,(OH)_2 \quad (1)$$

$$64\,g \quad 36\,g \qquad 22l,4$$

$$C_2\,H_2 + \frac{5}{2}\,0^2 \qquad {}^2C\,O_2 + H_2\,O \quad (2)$$

$$22^l,4 \quad 11^l,2 \times 5 \qquad 22^l,4 \times 2$$

1) D'après l'équation (1) nous remarquons que 384 g de C_2Ca représentent $\frac{384}{64} = 6$ fois le poids moléculaire.

Donc la quantité d'eau nécessaire à la réaction est de:

$$36g \times 6 = \boxed{216g}$$

2) Et le volume d'acétylène recueilli.

$$22^l,4 \times 6 = \boxed{134l,40}$$

3) La relation (2) nous montre que le volume d'oxygène nécessaire à la combustion d'1 molécule de $C_2\,H_2$ est de :

$$O = 11l,2 \times 5 = 56\,l,0$$

Or, dans cette expérience, on a introduit 6 molécules de C_2Ca qui donnent, après réaction, 6 molécules de $C_2\,H_2$ donc le volumed'oxygène demandé est de :

$$56\,l \times 6 = 336l.$$

L'air renferme l'oxygène dans une proportion de 20 °/. Par conséquent, le volume d'air correspondant est 5 fois plus grand ou :

volume d'air : 336*l*, × 5 = **1.680*l***

4) Le volume de CO_2 est d'après (2) le double du volume de l'acétylène brûlé.

Il sesa donc : 134*l*, 4 × 2 = **268*l*,80**

T.N.T.

LỚP ĐỆ III VÀ ĐỆ IV NIÊN

CHINH - PHỤ NGÂM

Bình — Giảng

I. — Vui có một tấm lòng chẳng dứt,
Vốn theo chàng giờ khắc nào nguôi
Lòng theo nhưng chửa thấy người,
Lên cao mấy lúc trông vời bánh xe,

II. a) — Trông bên nam bãi che mặt nước
Cỏ biếc um, đâu mướt màu xanh,
Nhà thôn mấy xóm chồng-chênh,
Một đàn cò đậu trước ghềnh chiều hôm.

b) — Trông dường bắc, đôi chòm quán khách,
Rườm rà cây xanh ngắt núi non.
Lúa thành thoi-thóp bên cồn,
Nghe thôi địch ngọc véo von bên lầu.

c) — Non đông thấy lá hầu chất đống,
Trĩ xập-xoè mai cũng bẻ-bai,
Khói mù nghi-ngút ngàn khơi.
Con chim bạt gió, lạc loài kêu sương.

d) = Lũng tây thấy nước nhường uốn khúc,
Nhạn liệng không, sóng giục thuyền câu,
Ngàn thông chen chúc khóm lau,
Cách ghềnh thấp thoáng người đâu đi về !

III. — Trông bốn bề chân trời mặt đất,
Lên xuống lầu thấm thoát đổi phen,
Lớp mây che mắt ngại nhìn,
Biết đâu chinh-chiến là miền Ngọc-Quan ?

Hán-văn : **Đặng-trần-Côn**
Thơ Việt : **Đoàn-thị-Điểm**

Một chút ít văn học sử : (tiếp theo kỳ trước)

3— Ý tổng quát : Tác giả viết bài ngâm khúc nầy tả nỗi lòng một người thiếu-phụ có chồng đi chinh thú phương xa : Nào các cảnh biệt-ly-nào lòng e ngại cho người dãi dầm mưa nắng ngoài chiến-địa, lòng sầu, khổ của người vợ trẻ phòng khuê chiếc bóng, một mình nuôi mẹ già dạy con thơ... Và những lời gửi nhắn chồng lo lập công-danh báo đền nợ nước, sau cùng lòng hy-vọng ngày đoàn-tụ chóng đến gần.

4.— Thể-cách : Theo ý-kiến một số bình-giả khảo sát về Chinh-phụ ngâm nhận rằng Chinh-phụ ngâm là một áng văn tác giả viết ra ngụ một ý giáo-huấn.

Mặc dầu những câu thơ trong bài nói về tình sầu muộn, nhớ nhung của người chinh-phụ chiếm một phần lớn, nhưng đọc kỹ ta cũng nhận thấy cái tư tưởng của tác giả, cái cách lập ngôn của tác-giả là có ý « lấy giáo-huấn luân-lý làm chủ quan để dạy người mày râu khăn yếm, lấy nghĩa tu thân xử thế cho xứng với phận làm người. » (Tôn-thất-Bình).

Một câu mở đầu, và một câu kết thúc bài chinh phụ có thể tiêu biểu một phần nào cái thâm-ý của ông Đặng-trần-Côn là dùng bài ngâm khúc nầy để giáo-huấn :

Thiên địa phong trần...
... Ta hồ trượng phu như thị.

Văn dịch Thuở trời đất nổi cơn gió bụi...
... Nhường nầy âu han tài lành trượng phu.

II. TỪ-NGỮ : *Giải-nghĩa* (theo tài liệu của cụ **Tôn-thất-Bình**) **câu 6** trong bài : *Cỏ biếc um dâu mướt màu xanh*, do chữ : *Yên thảo* và *Tần tang* điển ở bài thơ xuân-tứ của Lý-Bạch :

Yên thảo như bích ty	*Cỏ non Yên như sợi tơ bích*
Tần tang đê lục chi	*Cành dâu Tần sa thấp*
Đương quân hoài qui nhật,	*Chính là ngày chàng nhớ về*
Thị thiếp đoạn trường thì..	*Mà thiếp lúc ấy cũng nhớ đứt ruột...*

Câu 7 : *Nhà thôn* : dịch chữ *tỉnh ấp :* tỉnh là giếng, ấp là xóm làng.— **Câu 9 :** *Quán khách* : do chữ *đoản trường đình* là những cái quán hai bên đường quan lộ, năm dặm một gọi là *đoản-đình*, mười dặm một gọ

là *trường định*, để làm nơi cho những người đi tiễn chân làm chỗ từ-giã và ăn uống nghỉ chơn.— **Câu 11** : nguyên-văn : *hoà thử bán hoang thành* : phần nửa thành hoang lúa rợp, điển ở kinh-thi bài Thử-Ly của một vị quan đi qua chốn đô cũ nhà Chu thấy nơi cung điện miếu vũ đã biến thành đồng ruộng, lúa um-tùm thương tâm nên viết bài Thử-Ly. **Câu 12** : *Nghe thôi địch ngọc véo von bên lầu* điển ở câu thơ cổ : *trường địch nhất thanh nhân ỷ lâu* : Một tiếng sáo dài do người tựa trên lầu thổi **Câu 14** : *Trĩ xập xoè* là có ý nói đôi chim trĩ bay với nhau cánh vẫy xập xoè. Điển : trĩ là loài chim kết đôi trống mái sống thanh sạch không tham chạ như loài gà vịt. Áo phẩm phục của các vị hoàng-hậu thêu hình chim trĩ năm sắc tỏ ý trinh-chánh. **Câu15** : *Khói mù* xem bài trước. **Câu 17** : *Lũng-Tây* : con sông ở Lũng-Tây nên cũng gọi tên sông là Lũng Tây.

Câu 19 : *Ngàn thông, khóm lau* do chữ *tùng, thư* là những cây thường trồng trên mồ mả. **Câu 21** : *chân trời mặt đất* : thiên đầu, địa đầu. **Câu 22** : *Lên lầu, đăng lâu* là một thành ngữ chỉ sự trông quê quán, gia đình Bài phú Vương-Xanh đời Tam-quốc có câu :

Đăng tư lâu nhi tư vọng Liêu độ nhật dĩ tiêu ưu

Lên lầu nầy mà ngắm trông bốn mặt Gọi qua ngày tháng cho đỡ ưu-phiền.

Câu 24 : *Ngọc Quan* tên một cửa ải ở huyện Long lặc nơi giáp giới Tây-vực.

Câu 1 : *Vui có* do chữ *Duy hữu* là chỉ có nay không quen dùng mà dùng là *Duy có*.

(còn tiếp)

LITTÉRATURE

Composition française — *Quels sont les caractères généraux du théâtre de Racine ? Que pensez-vous de la moralité de son théâtre ?*

Développement

Racine et Molière semblent avoir la même idée au sujet de leur théâtre. L'un et l'autre font une peinture exacte de la vie réelle. Racine en particulier proclame la nécessité de revenir au naturel et de s'écarter de l'extraordinaire. Il se propose d'exciter la pitié « Par le spectacle des faiblesses de l'homme vaincu par les passions de l'amour.

Ainsi la qualité dominante du théâtre racinien c'est bien la vraisemblance, car le poète lui même a écrit :

« *Il y a que le vraisemblance qui touche la tragédie* » Cela se remarque dans toutes les tragédies de Racine et les distingue de celles de Corneille.

a) La vraisemblance éclate d'abord dans le choix des idées. Elles sont tirées pour ainsi dire des scènes de la vie: les grands noms royaux, tels que Mérone, Mithridate, Pyrrhus, Andromaque, Hermione ne servent qu'à cacher les sentiments les plus naturels du cœur de l'homme.

b) La vraisemblance se révèle ensuite dans l'action qui est très simple « *chargée de peu de matière* ». Elle se passe tout entière dans l'âme. Cela vient de ce que le poète ne peint pas les caractères intéressants ou vivants. Chez lui point de sujets complexes, très peu d'incidents.

c) La vraisemblance se remarque encore dans l'intrigue qui est très rapide. Celle-ci se trouve le plus près possible du dénouement, c'est-à-dire au moment où la passion qui semble sommeiller depuis longtemps va éclater dans toute sa fureur.

d) Enfin, la vraisemblance est fortement exprimée par la peinture des passions humaines. En effet, nul homme n'a connu mieux que Racine les secrets mobiles du cœur. Il peint l'humanité telle qu'elle es avec ses faiblesses et ses élans généraux.

Chacun des spectateursse recourait aisémentdans ces héros dont le caractère est soumis à une passion plusforte qu'eux qui succombent sous sa domination. Il en résulte que la femme occupe dans le théâtre de Racine le premier rang car plus que les hommes elle est victime de la passion surtout de l'amour. Aussi le théâtre de Racine n'est-elle pas une splendide galerie ou sont exposées toutes les passions qui peuvent agiter un cœur de femme.

La tendresse maternelle dans l'Andromaque, l'ambition dans Athalie, l'amour passionnant et violent dans l'Hermione, l'amour tendre et innocent dans Bérénice. Cependant les caractères d'homme ne sont pas négligés. Tous les types se reconnaissent : Joad plein de dignité et de courage, Britannicus plein de jeunesse et de franchise, Néron plein de ruse et de cruauté, Mithridate chargé d'âge et de faiblesse du cœur. Avec des passions prises dans la vie réelle et poussées

---

La politesse est à l'esprit ce que la grâce est au visage.

Sự khuôn phép ở nơi tâm trí cũng như cái duyên ở trên mặt.

jusqu'aux conséquences les plus funestes, le théâtre de Racine n'éveille guère dans le cours des émotions élevées et réconfortantes.

Aussi le spectacle des passions désordonnées et punies par les propres excès n'est-il guère moral, car il offre l'exemple des catastrophes qu'entraine la victoire de la passion sur la raison et le devoir. Cela n'est pas tout à fait rassurant pour élever le niveau moral du public. C'est pourquoi la plupart des critiques reprochent à Racine l'absence d'élévation dans les drames.

Racine a discerné les traits fondamentaux et éternels de la psychologie de la vie, aussi les sujets antiques qu'il met en scène, gardent-ils toujours leur caractère de jeunesse et de vérité.

Devoir d'élève retouché

ARITHMÉTIQUE ET ALGÈBRE

Problème — Une automobile doit parcourir l'espace compris entre deux villes à la vitesse de 60 km à l'heure. Aux $\frac{2}{3}$ du chemin, un accident l'oblige à un arrêt d'une demi-heure et le reste du chemin est parcouru à la vitesse de 20 km à l'heure. L'automobile arrive avec $2^h 42^{mn}$ de retard. Quelle est la-distance des deux villes ?

(B.E. Seine 1950)

1°) Solution arithmétique

Sans l'arrêt d'une demi-heure. le retard n'eût été que

$$2^h 42^{mn} - 30^{mn} = 2^h 12^{mn}$$

Or ce retard est occasionné par une diminution de vitesse de $60\,km - 20\,km = 40\,km$ à l'heure pour le reste du chemin, c'est-à-dire le $\frac{1}{3}$ du trajet.

Pour une distance de 60 km, le retard est donc $1^h \times \frac{40}{20} = 2_h$

D'autre part nous savons que le retard est proportionnel à la distance parcourue.

Par suite à un retard de $2^h 12^{mn} = 2_h \frac{1}{5} = \frac{11}{5}$ d'h correspond une distance de $\frac{60\,km \times 11}{2 \times 5} = 66\,km$

Réponse ;

Distance des deux villes : 66 km × 3 = | 198 km |.

2·) Solution algébrique

Sans l'arrêt d'une demi-heure, le retard n'eût été que

$$2^h42^{mn} - 30^{mn} = 2^h12^{mn} = \frac{11}{5} \text{ d'heure}$$

Si nous désignons par x la distance des deux villes (exprimée en km , le reste du chemin à parcourir après l'accident sera $\frac{x}{3}$

S'il n'y avait pas d'accident le temps mis par l'automobile, pour parcourir ce reste du chemin, serait : $\frac{x}{3} : 60 = \frac{x}{180}$

Mais puis qu'elle doit réduire sa vitesse à cause de l'accident le temps mis réellement sera : $\frac{x}{3} : 20 = \frac{x}{60}$

Le retard étant de $\frac{11}{5}$ d'heure, nous avons l'équation suivante :

$$\frac{x}{60} - \frac{x}{180} = \frac{11}{5}$$

qui devient après rèduction au même dénominateur

$$3x - x = 396$$

ou $$2x = 396$$

et $$x = \frac{396}{2} = 198$$

Réponse :

Distance des 2 villes : | 198 km |

Hà-Kim-Nguyệt

GEOMETRIE

Problème proposé — On donne un triangle ABC. Des points B et C, on abaisse les perpendiculaires BI et C J sur la bissectrice extérieure de l'angle A du triangle. La droite BI coupe la droie CA an point D et la droite C J coupe la droite B A au point E.

1·) Que peut-on dire des triangles ACE et ABD.

2·) Les points B et C étant fixes, le triangle ABC varie de

façon que la somme des 2 côtés AB et AC reste constante égale à une longueur 2a.

Sur quelle ligne se déplace les points D et E. O étant le milieu de BC, montrer que les points I et J décrivent un cercle de centre O dont on précisera le rayon.

3°) J C prolongé recoupe le cercle au point K : montrer que les points I, O, K sont en ligne droite ?

(B. E. Hanoi Juin 1950)

La littérature au Baccalauréat.

Vous semble -t- il que La Fontaine ait observé de très près les mœurs des animaux ? La vérité chez lui est - elle scientifique ou poétique?

DÉVELOPPEMENT

I. **Introduction** — En dédiant à Monseigneur le Dauphin, les six - premiers livres de ses Fables La Fontaine écrivait :

" Je chante les héros dont Esope est le père
" Tout parle en mon ouvrage et même les poissons"

Fidèle à la tradition du genre qu'il avait abordé si tard, notre fabuliste a mis en scène les représentants les plus variés de la gent animale. Comment les a - t - il peints ?

Quelle physionomie et quel caractère donne -t. il aux principaux d'entre eux ?

II. **Corps du sujet** - *A - La Fontaine n'est pas un naturaliste*

1°/ *Il a commis un certain nombre d'erreurs.*

Ce serait commettre une erreur dont maint critique n'a pas su se défendre que de voir en lui un naturaliste exact et minutieux.

La Fontaine confond les souris et les chats, le chameau et le dromadaire. Admettant sans contrôle le préjugé courant à son époque, il croit que la queue du serpent est venimeux. Ces erreurs s'aggravent d'une connaissance superficielle et parfois même inexacte des mœurs et du caractère des animaux. On sait aujourd'hui que la fourmis n'amasse pas de provisions pour l'hivers, puisque, durant cette saison, elle reste engourdie. De même le loup n'est pas l'animal sot et poltron dont les mésaventures égayent les enfants. Le lion dépouille parfois sa majesté et se montre à l'occasion aussi sanguinaire que le tigre.

2/ *Circonstances atténuantes* - Mais peut on refuser à La Fontaine le bénéfice des circonstances atténuantes si l'on songe combien étaient

rudimentaires au XVII· siècle les connaissances proprement sciéntifiques. D'ailleurs au XVIII, siècle, Buffon n'a .t. il pas lui-même rédigé mainte description reconnue depuis lors sinexacte ? Actuellement encore, en dépit de patientes recherches d'un Cuvier, d'un Geoffroy saint Hilaire, de la documentation fournie par les innombrables observations de ~~sans~~leurs successeurs l'accord est loin d'être unanime sur les mœurs et même la classification d'un certain nombre d'animaux.

3) Il garde souvent aux animaux leur physionomie traditionnelle

Ainsi l'œuvre de La Fontaine ne trahit aucune "préoccupation scientifique" Il ne se soucie nullement de cataloguer les animaux de les répartir en embranchements, familles, variétés.

De même, il leur garde d'ordinaire le caractère consacré par la tradition. Pour lui, le renard est resté le goupil dont le Moyen âge avait popularisé les exploits. Ysengrin revit sous les traits du loup et Noble sous ceux du lion.

B. La Fontaine est un peintre animalier

I) Il connait et aime les animaux.

Est ce à dire que La Fontaine, tout entier à son rôle de contenu et de moraliste, se soit désintéressé de la physionomie exacte de ses héros ?

Ce détachement se concilierait mal avec ce que nous savons de sa sympathie pour les animaux et de son talent d'observateur.

Cependant que Descartes et Malebranche déniaient aux animaux toute intelligence et toute sensibilité, que les gens de la Cour et les auteurs qui écrivaient pour eux ne se souciaient guère de savoir ce qu'était un chien ou un âne. La Fontaine, familier des champs, se penche avec curiosité sur ceux qui sont déjà pour lui "nos frères inférieurs". Dans son Epitre à Mme de la Sablière, il tente de démontrer avec exemples à l'appui que comme nous les animaux souffrent et sont capables de raisonnements.

2) Il sait évoquer leurs attitudes.

Ceux qui lui sont familiers, il excelle à les peindre non par une description minutieuse, mais par des attitudes et des gestes précis. C'est la silhouette du héron "au long bec, emmanché d'un long cou" qui se profile à l'horizon entre les roseaux de la rivière ; la tortue "va son train de sénateur" tandis que Jeannot Lapin "broute, trotte, fait tous ses tours " avant de revenir entamer une controverse avec la "dame au museau pointue". Devant l'âtre:

Raton, avec sa patte
D'une manière délicate

Ecarte un peu la cendre et retire les doigts.

Puis les reporte à plusiers fois.

Trie un manon, puis deux et puis trois en escroque.

C : En peignant les animaux La Fontaine songe le plus souvent aux hommes.

Ainsi La Fontaine peut être comparé à un véritable peintre animalier, pour l'art du coloris, la grâce et la précision des contours. Cependant après avoir introduit la vie dans la fable, il songe à la leçon destinée aux hommes.

Les actes et les propos des animaux doivent donc être considérés surtout comme propres aux types d'humanité que ceux-ci sont destinés à représenter. Ainsi s'explique toute cette vaste organisation sociale attribuée au règne animal. Le lion parle, raisonne, agit comme Louis XIV; le renard dévore les poules "toutes canes" mais il s'exprime comme un courtisan de la Galerie des Glaces ; le chat guette d'un œil avide les souris mais il marmotte des patenôtres de Tartuffe.

Voilà pourquoi le même animal est présenté dans diverses fables sous un jour différent. En présence du compère Renard, le Loup est un vaniteux et un sot que de dures expriences ne réussissent pas à rendre perspicace par contre en face de l'Agneau il représente la tyramie cruelle et de mauvaise foi. Dans son dialogue avec le chien, il apparait sous les traits du pauvre besogneux" mais épris d'indépendance farouche, digne aïeul de l'animal dont Vigny célèbrera la stoïque fierté.

D'ailleurs dans la plupart des cas, La Fontaine a respecté l'allure de l'animal ainsi doté de sentiments humains. L'ours ne peut être qu'un balourd, le lapin garde son insouciance et le masque revêche du "triste oiseau le hibou" doit cacher de sombres méditations philosophiques.

III. Conclusion. Dans la peinture des animaux La Fontaine s'est surtout attaché aux manifestations extérieures, delà l'exactitude et la vie de ses portraits. Par contre, il ne s'est pas toujours soucié de pénétrer leur caractère véritable. S'en tenant à la tradition, corrigée il est vrai lorsqu'elle s'écartait par trop de vraisemblance, il les a fait agir et parler en "hommes" pour l'édification de ceux auxquels s'adressaient ses Fables.

TRAN - VAN - LAM

Le but de l'éducation intellectuelle est de donner à l'enfant le goût du travail et l'habitude de l'effort.

Tout cède aux longs efforts d'un travail obstiné.

Sự trau dồi trí hóa là cho con nit đặng biết ham làm việc và biết rán sức.

Hễ gia công bền chí, thì thắng được mọi việc khó.

ALGÈBRE

On considère le trinôme $f(x) = x^2 - 2mx + 5m - 4$

1) Comment faut-il choisir m pour que ce trinôme soit positif quel que soit x ?

2) Déterminer m pour que le trinôme soit carré parfait. Quelles sont alors ses racines ?

3) m étant quelconque, établir entre les racines du trinôme une relation simple indépendante de m. En déduire quels sont les nombres qui peuvent être racines doubles de $f(x)$, calculer les valeurs correspondantes de m et vérifier ainsi les résultats de la question 2°.

4) Pour quelles valeurs de m le trinôme a t-il une et une seule racine comprise entre O et I ?

5) Pour quelles valeurs de m le trinôme a t-il une racine et une seule comprise entre 5/2 et m ? (Sénégal AA'B. Oct. 1938)

SOLUTION

1) Pour que $f(x)$ soit posititif quel que soit x, il faut et il suffit que son discriminant soit négatif, il a alors le signe du coefficient de x^2 c'est-à-dire plus. $\Delta' = m^2 - 5m + 4 \leqslant 0$

$m' = 1$

$m' = 4$

$1 < m < 4$

2/ f (x) sera un carré parfait et s'écrira $f(x) = (x - x_0)^2$ s'il a une racine double : $x' = x'' = x_0$ donc pour $m' = 1$ et $m'' = 4$

a/ $m' = 1$ $\quad x' = x'' = m = 1 \quad f(x) = (x-1)^2$

b/ $m'' = 4$ $\quad x' = x'' = m = 4 \quad f(x) = (x-4)^2$

3/ Relation indépendante de m $\quad S = x' + x'' = 2m$

$P = x' \quad x'' = 5m - 4$

$m = \frac{S}{2} = \frac{P+4}{5} \qquad 2P - 5S + 8 = 0$

$2x'x'' - 5(x' + x'') + 8 = 0.$

Racines doubles $x' = x'' = x_0 \qquad 2x_0^2 - 10x_0 + 8 = 0$

$x'_0 = 1 \qquad S = 2x'_0 = 2m \qquad m = 1$

$x'_0 = 4 \qquad S = 2x'_0 = 2m \qquad m = 4$

4) On doit avoir soit $0 < x' < 1 < x''$
soit $x' < 0 < x'' < 1$

La condition nécessaire et suffisante est : $f(0).\ f(1) < 0$

Or $f(0) = 5m - 4$ et $f(1) = 1 - 2m + 5m - 4 = 3m - 3 = 3(m - 1)$

$f(0).\ f(1) = 3(m - 1)(5m - 4) < 0$

L'inéquation est vérifiée pour : $4,5 < m < 1$. On a alors le classement $0x'\ 1x''$

5) La condition nécessaire et suffisante est $f(5/2).\ f(m) < 0$

Or $f(5/2) = 25/4 - 5m + 5m - 4 = 9/4 > 0$

et $f(m) = m^2 - 2m + 5m - 4 = -m^2 + 5m - 4$

Par suite $f(5/2).\ f(m) = 9/4(-m^2 + 5m - 4) < 0$ ou $m^2 - 5m + 4 > 0$.

L'inéquation est vérifiée pour $m < 1$ et $m > 4$: Pour $m < 1$ on a le classement $x' < m < x'' < 5/2$

Pour $m > 4$ on a le classement $5/2 < x' < m < x''$

On retrouve les conditions d'existence des racines

Ainsi lorsque le trinôme $f(x)$ a deux racines réelles et distinctes, ces racines séparent les nombres 5/2 et m.

P.N. Phương

TRUYỆN THÚY KIỀU

(Tiếp theo CẦN HỌC số 27)

Chung quanh vẫn nước non nhà,
Với Vương-Quan, trước vẫn là đồng thân. (1)
Vẫn nghe thơm nức hương lân, (2)
Một nền Đồng-tước, khoá xuân hai Kiều. (3)
Nước non (4) cách mấy buồng thêu, (5)
Những là trộm dấu, thầm yêu, chốc mòng. (6)
May thay giải-cấu tương phùng, (7)
Gặp tuần đố-lá (8) thỏa lòng tìm hoa.
Bóng hồng (9) nhác thấy nẻo xa,
Xuân lan, thu cúc, mặn mà cả hai. (10)
Người quốc sắc, kẻ thiên tài,
Tình trong như dã, mặt ngoài còn e.
Chập chờn cơn tỉnh, cơn mê,
Rốn ngồi chang liện, dứt về chỉn (11) khôn.
Bóng tà như giục cơn buồn,
Khách đà lên ngựa, người còn ghé (12) theo.

Dưới dòng nước chảy trong veo (13)
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt- tha. (14)

Dịch Pháp văn

C'est un habitant du voisinage, un homme du pays,
Un ancien condisciple de Vương-Quang.
Depuis longtemps il avait entendu parler de ses voisins intéressants,
Il savait que, dans certain temple du Moineau de Bronze, était enfermé le printemps de ces deux belles.
De ce doux gynécée, il était toujours séparé par combien d'eaux et de montagnes,
Et depuis une éternité il avait aimé en secret et soupiré en cachette.
Quelle chance donc que cette rencontre due au hasard !
Il lui a fallu cette fête des feuilles (affluence des foules élégantes), pour satisfaire son cœur à la recherche de la belle fleur.
A peine vit-il dans le lointain ces ombres roses,
L'orchidée du printemps, le chrysanthème de l'automne étaient tous deux d'une beauté charmante,
Cette beauté connue du pays entier et ce talent céleste,
Dès leur première entrevue, savaient dans leur for intérieur qu'ils s'aimaient, mais extérieurement manifestaient encore quelque hésitation.
Kiều flottait entre le rêve et la réalité, Elle savait qu'il était indécent de s'attarder, mais il lui était pénible de se résoudre à partir.
La descente du soleil vers l'horizon semblait provoquer chez elle un accès de mélancolie.
Le cavalier était déjà en selle qu'elle continua encore à regarder furtivement dans sa direction.
L'eau qui coulait dans l'arroyo était d'une limpidité extraordinaire,
A côté du pont. les feuilles d'un saule projetaient leur ombre du soir en longues lanières. **(N. V. V. dịch)**

L'iustruction est un trésor, le travail en est la clef.

Văn chương là của báu, sự làm việc là cái mối.

CHÚ

1) *Đồng thân*: *đồng* : cùng nhau, *thân* : gần-gũi, cùng gần gũi với nhau Đây chỉ về bè bạn cùng học một thầy, cũng như *đồng môn* : học chung một cửa (nhà thầy) hay *đồng song* : học chung dưới một cửa sổ.

2) *Hương lân* : *hương* : mùi thơm, *lân* : ở gần, hàng xóm ; năm nhà ở gần nhau gọi là một lân. *Hương lân* : những lời bàn tán đẹp đẽ của hàng xóm. Trước khi gặp chị em Thúy-Kiều, Kim-Trọng đã nghe những người ở gần ca tụng tài sắc hai nàng rồi.

3) *Một nền Đồng tước* ... : rút trong bài thơ của Đỗ-Mục về một đoạn truyện Tam-Quốc :

« Đông phong bất giữ Châu lang tiện,

Đồng-tước xuân thâm toả nhị Kiều. »

Nghĩa : Nếu gió Đông không giúp cho Châu Du thì hai Kiều phải khóa xuân trong đền Đồng tước.

Hai Kiều là Đại Kiều vợ Tôn-Sách, và Tiểu Kiều vợ Châu-Du mà Tào-Tháo muốn bắt làm thiếp.

Ở đây, tác giả ví Thúy-Kiều và Thúy-Vân ở chốn « thâm nghiêm, kín cổng », không mấy khi ra ngoài, cũng như hai Kiều thời xưa bị nhốt ở đài Đồng Tước nếu Tào Tháo toại ý muốn.

4) *Nước non* : sông núi. Lấy trong sách « Quốc sắc thiên hương » câu :

« Tương thân chữ xích như diễn nhược hà sơn »

Nghĩa : Gần nhau độ một gang tay, một thước mà không được gặp nhau như cách trở núi sông.

5) *Buồng thêu* : do chữ *tú phòng*, *tú* : thêu, dệt, *phòng* : buồng, nghĩa là buồng con gái ngồi thêu.

6) *Dấu* : yêu, yêu dấu, chớ không phải *dấu* diếm. *Chốc mòng* : biết bao nhiêu, bấy lâu nay.

7) *giải cấu* : bất ngờ, tình cờ không hẹn mà gặp ; *tương phùng* : *tương* : cùng nhau, *phùng* : gặp gỡ, *tương phùng* : gặp nhau. *Giải cấu tương phùng* : tình cờ gặp nhau.

8) *tuần đố lá* : cuộc chơi trẻ con, chúng gom góp thật nhiều lá cây đủ các loại.

Tác giả ví cuộc gặp gỡ này như Kim-Trọng tìm trong đám lá nhiều loại, được gặp một đóa hoa đẹp là Thúy-Kiều.

9) *bóng hồng* : do chữ *mỹ nhân hồng ảnh* : bóng người đẹp màu hồng, để chỉ người đàn bà xinh.

10) « *Xuân lan, thu cúc...* : Hoa lan nở mùa xuân, hoa cúc nở mùathu, do Tùy sử có câu :

« *Xuân lan, thu cúc giai nhất thời chi tú giả* » *nghĩa* : hoạ lan mùa xuân, hao cúc mùa thu, mỗi thứ nở một mùa, đẹp một vẻ.

Ở đây, tác giả muốn tả ra Thúy-Kiều và Thúy-Vân đều xinh đẹp dưới mắt Kim-Trọng.

11) *chẫn* : do tiếng *cố* nghĩa : chỉ là ; *khôn* : khó. *Chẫn khôn* : cũng khó, dứt về cũng khó.

12) *ghé* : dòm, ngó ; *ghé theo* ; ghémắt trông theo. Có bản chép : *trông theo.*

13) *dưới dòng*... có bản chép : *Dưới cầu dáy nước trong veo*

hoặc : *Dưới khe*...

cũng để : *Dưới dòng*.... thì đúng với câu thơ Đường :

« *Nhất cừ xuân bích lộng sàn sàn,*
« *Lục liễu Kiều biên yểm ánh gian.* »

Nghĩa : một giòng nước biếc gờn gợn, bên cầu thì phất phơ cành liễu

14) *thướt tha* : có bản chép là *la tha* nghĩa là ngã từ từ xuống.

GIẢNG

Ấy là người cùng làng bạn học của Vương Quan, Kim-Trọng nghe hàng xóm bàn tán về tài sắc hai Kiều ở chốn thâm nghiêm như đài Đồng-Tước, tuy không xa chốn buồng the bao nhiêu mà xem như cách ngàn trùng sông núi, chàng yêu thầm nhớ trộm đã bao lâu nay. May mắn thay tình cờ gặp mặt chàng thỏa lòng không khác gì tìm được đóa hoa tươi trong hội đố lá. Vừa thấy dáng ở xa, chàng nhận rằng cả hai đều xinh đẹp mặn mà.

Giữa người tuyệt sắc nổi tiếng khắp nơi và kẻ tài hoa lỗi lạc chúng, mối tình đã nở trong lòng, nhưng ngoài mặt còn e thẹn.

Thúy-Kiều nửa tỉnh, nửa mê, muốn ngồi thêm nữa thì không tiện mà bỏ về cũng khó lòng. Nhưng bóng chiều sẩm lần như giục cơn sầu, Kim-Trọng lên ngựa giả từ mà Thúy-Kiều còn ghé mắt nhìn theo.

Cái cảnh nước trong vắt chảy dưới dòng, ánh tà dương ngã trên cành liễu thướt tha càng gợi buồn cho kẻ si tình biết chừng nào ?

BÌNH

– Dùng lời thơ của Đỗ-Mục tả thâm ý của Tào-Tháo muốn nhốt hai Kiều để ghép vào nhân vật trong chuyện, tác giả muốn cho ta biết rằng trước khi gặp cảnh phong trần Thúy-Kiều và Thúy Vân không phải là

hạng gái lăng loàn, trắc nết, dù Kiều có tâm hồn lãng-mạn. Mười lăm năm vất vả của Kiều là tại Số Mạng mà thôi.

— Tả tình yêu trộm nhớ thầm của Kim-Trọng trong 6 chữ : *nước non cách mấy buồng thêu* tưởng không gì thấm thúy, sâu xa hơn nữa ;

— Đối lại, mối tình vừa vụt nở trong lòng Thúy-Kiều khi gặp Kim-Trọng khiến nàng chập chờn nửa mê nửa tỉnh, khó thế ở, về và nhìn mãi theo chàng sau khi từ giã, là đủ lắm rồi. Dùng những lời bóng bẩy diễn được những ý nghĩ sâu kín của người như thế, tuyệt vô cùng.

— Còn nói gì đến cách tả cảnh : nước chảy, liễu phất phơ, ánh nắng chiều ngã xuống khiến người đọc hình dung một bức tranh trước mắt có đủ cảnh, sắc để mà... buồn như kẻ si tình.

LÊ-HƯƠNG

Điều lầm lỗi đáng tiếc : Trong bài trước, số 27 vì sơ ý chúng tôi để lộn chữ *nết* là *nến* ở câu thứ 18 *(Văn chương* nết *đắt, thông minh tính trời)*, và ở trong bài CHÚ *(trang 30)*, lời giải số 20. Nhờ quí bạn vui lòng sửa dùm và tha thứ cho.

L.T.S.

HỌC NHẠC (tiếp theo)

Của Mai-phương tặng Liên và Tín

Kỷ niệm những ngày sóng gió

2.) Vị-trí của dấu nhạc.

Người ta không thể lĩnh-hội được hết các âm thanh và, do đó cũng không tài nào đặt cho mỗi một âm-thanh có một tên riêng được.

Âm-nhạc chỉ hình dung được quãng âm-thanh tai ta có thể nghe được mà thôi. Và để tiện đọc nhạc, người ta chận lấy một khúc âm-thanh trong quãng ấy, gồm có 7 nấc liên tiếp nhau tự dưới mà lên, rồi đặt tên cho 7 nấc ấy. Bảy nấc đã có tên họp thành một *bản cái*, gọi là *bộ âm*, và đính tên cho tất cả các âm thanh.

Người ta ghi các âm-thanh (viết nhạc) trên *khuông nhạc*, âm thanh cao ở vị trị cao, âm thanh thấp ở vị trí thấp, bằng những cái dấu mà ta gọi là *dấu nhạc* (notes)

7 dấu nhạc, tự dưới mà lên, liên tiếp nhau.

DO [1]	RE	Mi	FA	SOL	LA	SI
(Đô)	(Rê)	(Mi)	(Pha)	(Xon)	(La)	(Xi)

(1) *nốt* Do *cũng gọi là* Ut, *nhưng* Ut *hiện nay không dùng nữa.*

Xem đó thì ta sẽ biết một cách rất dễ tên các nốt khác miễn là ta biết tên chỉ một nốt thôi.

Ví dụ: nếu *Sol* nằm ở giòng thứ 2· thì giòng thứ 1· là *Mi*, giòng thứ 3· là *Si*, khe thứ 1· là *Fa*, khe thứ 2· là *La* v.v...

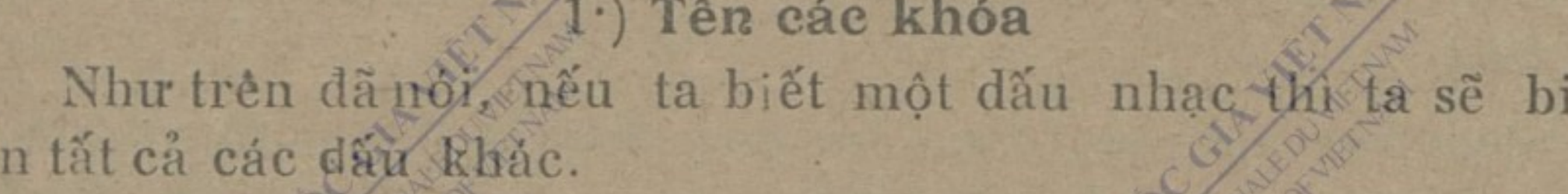
Ta chỉ cần nhớ rằng: từ dưới lên cũng như ở trên xuống, khi hết một *bộ âm* thì ta nối thêm vào một *bộ âm* khác.

Xem bộ âm trên, ta thấy trên *Si* (7) là dấu cuối cùng, sẽ **có** *Do*, Rê v.v... nghĩa là lại cứ thứ tự một bộ âm khác, Dưới *Do* (*1'*) sẽ có *Si* rồi *La*... một bộ âm nữa.

Hình nhạc tóm lại :

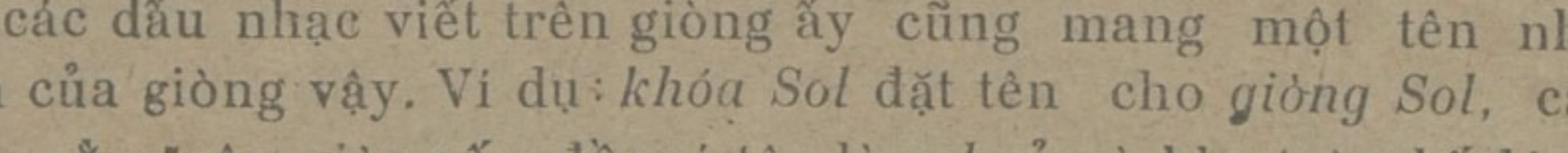
a·) Vị-trí nốt nhạc trên khuông

nốt trên giòng và giòng phụ — nốt trên khe và khe phụ



b·) Thời gian và âm độ

Thời gian bằng nhau mà âm độ khác nhau — Thời gian khác nhau mà âm độ bằng nhau



KHÓA

1·) **Tên các khóa**

Như trên đã nói, nếu ta biết một dấu nhạc thì ta sẽ biết tên tất cả các dấu khác.

Vậy *khóa* là dấu đặt đầu mỗi khuông nhạc để định tên cho dấu nhạc, mà ta cần biết để làm gốc.

Có **3** thứ khóa là *khóa* **Sol**, *khóa* **Do** và *khóa* **Fa**, mỗi thứ khóa đặt cho giòng mà khóa nằm, chính cái tên của khóa. Tất cả các dấu nhạc viết trên giòng ấy cũng mang một tên như tên của giòng vậy. Ví dụ: *khóa Sol* đặt tên cho *giòng Sol*, các dấu nằm trên giòng ấy đều có tên là *sol* cả và khe trên kế đó là *La*, dấu trong khe là *La*, giòng trên là *Si*.... cứ thế mãi.

Kỳ sau: **(Hình thức và vị trí các khóa.)**

Devoirs corrigés

Il ne faut pas détruire les nids.

Suru aperçoit sur l'une des branches un nid avec trois petits oisillons. Cette découverte le remplit d'une grande joie. Il grimpe de suite sur l'arbre pour décrocher le nid. Mais le voyant sa grande sœur l'en empêche en disant : « Mon petit ! Ne les prends pas. Ces oisillons sont si heureux en ce moment. Si tu les prenais, comme ils souffriraient Pense que dans un instant, leur mère retournerait dans son nid en apportant de la nourriture, mais ne les trouvant pas. Quelle douleur pour son coeur de mère ! D'autre part, lorsque tu les auras, si tous tes soins les empêchent de mourir, ils ne pourront cependant pas égaler ceux de leur mère. Non, mon petit ! ne les fais pas souffrir inutilement. Laisse-les à leur nid. Un jour, lorsqu'ils auront grandi, ils voleront et planeront pour réjouir tes yeux. Ils chanteront et leur musique charmera tes oreilles. Ils détruiront les insectes pour que nos arbres et nos récoltes ainsi que ceux de tout le monde soient moins ravagés.

Sưu obéit au conseil de sa grande sœur et remet le nid à sa place

Hãy mạnh lên !

Không sức mạnh: người ta chẳng làm nên việc gì. Anh hãy nhìn quanh anh. Nơi nào có một vật sinh nở, làm một việc gì, tất có một sức mạnh điều-khiển. Không sức mạnh hành động và làm việc luôn luôn, vũ-trụ sẽ biến thành một khối bất động và chết rủ.

Anh hãy nhìn một viên đá rơi. Đây là sức mạnh đã làm viên đá ấy rơi. Anh hãy nhìn một cây nẩy chồi. Đây là sức mạnh đã cho cây đâm mầm.

Xe lửa chạy vì nhờ sức mạnh của hơi nước. Cối quay vì nhờ sức mạnh của nước. Người nào triệu tập nhiều sức mạnh về mọi phương-diện : thân xác, trí tuệ, và tinh thần. Người ấy có một dụng cụ tuyệt diệu mà trước hết phải giữ vẹn toàn để sau nầy áp-dụng và thi-hành.

Les bons livres sont pour l'esprit ce que les aliments sont pour le corps.

Những sách dạy, dưỡng cái tri hóa cũng như vật thực dưỡng cái thân thể.

Une cloche anglaise

Je me rappelle, il y a bien des années, que je me tenais sur la terrasse d'une belle villa près de Florence. C'était un soir de Septembre. Alors j'entendis une cloche dont chaque tintement trouvait un écho dans mon cœur. Je dis à mon hôtesse : « Voilà la plus belle cloche que je n'ai jamais entendue : « Oui, répliqua -t- elle, c'est une cloche anglaise ». Et c'était vrai. Durant des générations son tintement avait parcouru (s'était répandu à travers) les campagnes anglaises, etpuis, quelque riche Italien acheta la cloche et l'envoya dans la vallée de l'Arno, où, après quatre siècles, il suscita la nostalgie dans l'âme d'un Anglais.

Trả lời bài Chính tả : **Đường trường** (Đệ I niên.) Số 29

I. — **Từ Ngữ**. Giải nghĩa các tiếng: *Thượng-tuần* nghĩa là tuần trên.- mỗi tháng 30 ngày chia ra 3 tuần 10 ngày. Từ 1 đến hết 10 là thượng tuần, 11 đến hết 20 : trung tuần và 20 đến hết tháng là hạ tuần.

Hoạt-Hoạ. Một lối trong cách vẽ.- Cách vẽ các tranh linh động trong phim ảnh. *Mặn-mòi* : cũng như mặn mà, nhưng ở đây ngụ ý nghĩa đói, không phì nhiêu, không hay sinh lợi, cũng như nghĩa trong câu « đồng chua nước mặn. »

Lô Cốt : Do tiếng Blockhaus nghĩa là đồn canh gác.

Sào huyệt : Ở đây nghĩa hang hầm, nơi tụ họp của bọn cướp ẩn nấp. Sào huyệt cũng có nghĩa là nơi tổ chứa một cái gì như : Châu thành Athènes ở Hi-lạp là nơi sào-huyệt của Văn-Chương.

Hẻo-Lánh : là cô quạnh, khuất vắng. *Không-gian* : quãng không. Ngày nay người ta nói chuyện với nhau qua khônggian một cách dễ dàng là nhờ ở sự phát minh vô tuyến điện.

II. — **Ý-Tưởng** : 1) — Những chi tiết tả cảnh thê lương hiu quạnh trong bài : trăng vàng vọt chơ vơ... hiu quạnh. — Con đường lờ mờ... trong đêm. — Những căn nhà lá... sao thưathớt.

2) — Hành khách có cảm giác như thế vì : xe đi trong đêm khuya vắng lên đồi núi hiu quạnh, đường sá hiểm trở, ít người

---

On ne doit rester étranger à rien de ce que l'on peut apprendre.

Hễ có điều chi học được thì chẳng nên bỏ qua.

qua lại, nó giống như đường đi vào hầm bọn gian hay ẩn núp và ra chặn cướp khách đường. Nếu có xảy ra việc gì, ngoài những người trong xe và lái xe không ai biết mà cứu...

3) — Bài nầy có thể chia ra ra làm ba phần. *Phần I.* – Hai câu mở đầu nói: đêm trăng thượng tuần xe chạy đến bãi tàu bay thì sáng tỏ.

Phần II. Thân bài gồm 2 điểm chính. a) — «Ngồi trong xe... thưa thớt» — ghi lại hai cảnh tượng khách trong xe nhận thấy : cảnh khó nhọc trên đường sá khúc khuỷu, xe xóc sòng sọc... và cảnh đêm trên cánh đồng hiu quanh, hèn xóm làng miền bể nghèo đói, nhà lá chơ vơ trong đêm trăng vàng vọt.

b) — « Ngồi trong xe.., trên đèo ». Nói về cãm giác khibiết xe lên giốc, quang cảnh đồi núi vắng người, đường sá ngoằn ngoèo... làm cho khách tưởng như bị kẻ gian bắt cóc đưa đi...

Phần III. — « Không gian... hớn hở ». — Một sự vui vẻ đột nhiên đến trong trong lòng khách khi thấy mình thoát khỏi bóng đen của núi, khỏi sự sợ hại hẻo lánh ám ảnh, và ra giữa cảnh giời quang đảng, sao sáng tươi hớn hở.

III — Lời-Văn — Lời văn trong bài nầy chính xác, tự nhiên và gợi hình.

a) Chính xác và tự nhiên. — 1) Tác giả dùng nhiều tiếng Pháp Việt như đánh vít (vis) phim (film) lô cốt (Blockhaus) là những tiếng rất đúng và giản-dị, người ta không thể thay được những tiếng giản-dị hơn mà không đổi mất ý.

2) Những tiếng : xóc lên sông sọc, đất cát mặn mòi, trời dục lờ, núi lù lù, ngoằn ngoèo... núi đỉnh đè lấy mình... là những tiếng rất thường, tự nhiên không cầu-kỳ không có vẻ trau chuốt mà rất đúng với cảnh làm cho người đọc lãnh hội được ý tứ ngay.

b) Gợi hình. — Bằng những lời văn chính xác và tự-nhiên, tác giả đã làm cho câu văn gợi ra trước mắt ta nhiều hình ảnh linh động : những hình ảnh ấy ta thấy khắp trong cả bài, một vài hình ảnh đẹp như « trăng vàng vọt trên cánh đồng...» «ngọn núi lù lù...» «những căn nhà lá đứng chơ vơ thành một

khối đen in lên nền trời đục lờ điểm vài ngôi sao thưa thớt». « Một vùng đen... sao hớn hở. » — Và một vài hình ảnh khác hiện ra xa hơn trong tri người đọc ; « chiếc xe trong phim hoạt hoạ » « một sào huyệt hẻo lánh.»

Trả Lời bài chính tả (Đệ II) **Chia-Kẹo.**

I. = Từ-Ngữ. *Ngập ngừng* : không có vẻ chắc chắn, mạnh bạo trong lời nói và việc làm, gần như rụt rè, không dứt khoát. — *Nghiễm nhiên* : (Nghiễm : làm ra cách như ; nhiên tự nhiên,) Khoa vẫn ra cách tự nhiên như không biết Văn nói dối.

Nước mắt chạy quanh. — nước mắt vừa rưng rưng chạy quanh trong con mắt, *Cảm động* : trong lòng bị cảm-xúc sinh ra động tình, *Gào* : van, thét, kêu to tiếng và nhiều lần. *Suýt nữa* : tí nữa, chốc nữa, chút nữa.

II. — Ý Tưởng. — 1) Bài văn nầy là một bài văn từ đầu đến cuối đều có những cảnh linh động vui vẻ. Nhưng cảnhlinh động nhất là lúc Khoa hỏi đến Hồng, : Em Hồng mấy tuổi. — Hồng biết mình ít tuổi sẽ được ít kẹo, rưng rưng muốn khóc. Lời mẹ Hồng mắng yêu Hồng, Khoa lại binh cháu và vui vẻ nói: hailần năm là mười mà lại ! Nét mặt gần khóc của Hồng đổi ra tươi vui, Hồng chìa tay ra đón lấy kẹo làm ai nấy phải bật cười.

2) — Tâm tính của mỗi người : a) — Khoa và Trình là hai người vui tính có những câu nói đùa có duyên và thần tình.

b) — Hải, ta không thấy có nhiều cử chỉ trong cảnh nhộn nhịp đó, vì nó lớn khôn hơn các em, dè dặt im lặng.

c) — Văn — Ngây thơ và ranh mảnh — Ranh mảnh vì muốn lừa chú : mình cũng tám tuổi để được tám cái kẹo như anh, nhưng ngây thơ không nghĩ rằng chú thừa biết là mình nói dối để ăn gian !

d) — Hồng thì ngây thơ, thực thà, biết nhỏ tuổi sẽ được ít kẹo, nên sắp khóc, — nghe nói được mười cái lại cười ngay.

e) — Trâm là mẹ các em bé, (Đọc thừa tự : Trâm là vợ một ôngtri Huyện, anh của Trình và Khoa. Trâm thấy ông Huyện đối với hai em rất là săn sóc quyến luyến, và khi xa nhau ông Huyện nhắc đến hai chú luôn, nên Trâm không ưa hai chú lắm và có nhiều cử chỉ tỏ ra như ghen với hai em trai chồng),

Hôm nay Khoa và Trình ở quê ra chơi, Trâm thấy hai chú vui đùa và thương mến các cháu, nên lòng Trâm cũng cảm động trước cái tình lưu luyến của gia-tộc.

III. — Lời văn. — Bài nầy là một bài văn lối nói chuyện, nên cách hành văn nhanh nhẹn, vui vẻ, tự nhiên.

a) Nhanh-nhẹn : Tác giả vừa dùng cách đặt câu gọn, chữ gọn, vừa dùng cách gợi hình ảnh linh động mau lẹ, nên người đọc thấy cảnh hoạt động trong bài.

— Cách dùng chữ và đặt câu gọn như : — Văn ngập ngừng: thưa chú... — Được rồi. Lên tám thì cũng chỉ tám cái. — Bây giờ đến lượt... Mấy tuổi? — Trâm giọng cảm động: — «Các cháu... »

— Cách gợi hình ảnh mau lẹ linh động trong lúc đếm kẹo. — «Một, hai... bốn... sáu, tám đủ rồi. Bây giờ đến lượt...» Chỉ trong hơn mươi chữ mà ta thấy được những cử chỉ của Khoa đổ kẹo ra tay cháu, lúc đầu từng chiếc một, sau đếm chiết từng đôi một, đôi một... «bốn,.. sáu... tám ».

b) Tự nhiên vui vẻ. — Tác giả dùng những tiếng tự nhiên giản dĩ và những lời nói đùa thần tình, có duyên. Tự nhiên như : Ồ mà, suýt nữa, vào đây cho mau, nước mắt chảy quanh, bật cười v.v... Vui vẻ như ! Cũng phải tùy tuổi chứ, đều sao được. Ha ha, ăn gian rồi ! — Lên năm thì được mười cái, hai lần năm là mười mà lại v.v...

IV. — Tác giả : Khái Hưng. Tiểu thuyết gia có tiếng nhất trong khoảng 1933 đến 1941. Có chân trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Ông viết rất nhiều truyện vắn, dài, đăng trên các báo Phong Hóa. Ngày nay. Đã xuất bản—Hồn bướm mơ Tiên, cuốn thứ nhất trong T. L. V. Đ. Nửa chừng Xuân, Tiêu Sơn Tráng-Sĩ, Gia Đình Thoát-Ly Thừa Tự, Tiếng suối reo, Dọc đường gió bụi, Cái ve... v.v...

— Ông chuyên môn tả những gia đình trưởng giả trong xã-hội V.N. và những sự xung đột của hai cái trào lưu mới và cũ trong đời sống người V.N.

— Văn ông gọn gàng và lưu loát. Ông là một nhà văn được Thanh-niên nam-nữ V.N. rất yêu mến. Người ta gọi ông là nhà văn của phái Thanh-niên

L. V.

Réponses : au questionnaire de la Dictée : *La source.*

1. *Délice* : plaisir, bonheur.

Elle est toute à son devoir : elle est si appliquée qu'elle ne cesse amais de couler.

Flèches ardentes : les rayons de soleil sont si accablants que l'auteur les compare à des flèches ardentes.

Elle se rit de ses atteintes : les coups de soleil dont la source est frappée ne sont nullement dangereux. Au contraire elle se sent heureuse en riant avec eux.

Il n'altère pas sa fraîcheur : le soleil, quoique ardent, ne peut au plus grand jamais détériorer et même flétrir la verdure qui environne la source et celle-ci garde éternellement le délice.

2. *Analyse logique* :

Nombre	Propositons	Nature	Forme	Fonction
1	Je ne lavois pas de l'ombre du tilleul	principale		
2	Où je me suis refugié contre la chaleur	Subordonnée relative,	introduite par le pronom relatif *où*	complément de *ombre*
3	mais l'entendre est déjà un délice	indépendante.	introduite par la conjonction de coordination *mais*	

3. *Analyse grammaticale* :

Où : pronom relatif ayant pour antécédant ombre, complément circonstanciel de lieu de *me suis refugié.*

Dont : pronom relatif ayant pour antécédant son complément d'objet indirect de *se lasse.*

Dont : pronom relatil ayant pour antécédant son complément déterminatif de *rythme.*

Qui : pronom relatif ayant pour antécédant devoir, sujet de est.

Qui : pronom relatif ayant pour antécédant herbe et fleurs, sujet de se presse.

Qui : pronom relatif ayant pour antécédant je, sujet, de dessine.

Dont : pronom relatif ayant pour antécédant colliers, complément d'objet indirect de se pare.

LÊ-VĂN
Professeur

XIN LƯU Ý

Tôi xin thiết tha yêu cầu những bạn đọc kể tên dưới đây gởi tiền đến để đóng tiền mua C. H. dài hạn đã mãn :

Ông	Trần-quang-Hiền	ở Huế,	từ số	1	đến số	30 : 180 $
«	Trương-Dưỡng	»	»	21	»	30 : 50 $
«	Trần-hữu-Pháp	»	»	24	»	30 : 55 $
«	Huỳnh-Châu	»	»	24	»	30 : 55
«	Nguyễn-Hoè	»	»	24	»	30 : 55 $
«	Bùi-công-Diễn	»	»	24	»	30 : 55 $
«	Nguyễn-văn-Phong	»	»	24	»	30 : 55 $
«	Anh Châu-Phát	»	»	24	»	30 : 55 $
«	Nguyễn-Bộ	Nhatrang	»	24	»	30 : 55
«	Nguyễn-Vực,	Dalạt	»	24	»	30 : 55 $
«	Lê-Huyên,	Phan-thiết	»	24	»	30 : 55 $
«	Ng-Cấn, Lâm-Tuyên	Dran,	»	22	»	30 : 65 $
«	Cao-văn-Cử	Thủ-đức	»	22	»	30 : 55 $
«	Lâm,	P. P.	»	22	»	30 : 55 $

NGÔ-VĂN-THANH

Từ số 31 **giá tiền mua dài hạn** như dưới đây:

Ở Nam-Việt, Miên			*Ở Trung, Bắc-Việt, Lèo*		
B. Tiểu-học	B. Trung-học	Cả 2 ban	B. Tiểu-học	B. Trung-học	Cả 2 ban
12 số : 35 $	50 $	80 $	45 $	60 $	90 $
25 : 70 »	95 »	160 »	90 »	120 »	180 »
50 : 130 »	180	300 »	175 »	225 »	360 »

Ở Ngoại-quốc mỗi tập thêm 0$60

Tùng - Quang

I59, Lê-Lợi — SAIGON

Qui Ngài muốu mua, đổi và mướn sách, tiểu thuyết, bản nhạc cũ, mới và đồ dùng văn phòng, xin mời lại địa chỉ trên sẽ được vừa ý.

PHÒNG TRỒNG RĂNG

LÊ-TƯỜNG-KHAI

111, Đại lộ Albert 1er *(khít rạp hát A-Sam)*

ĐẤTHỘ — SAIGON

Thợ chuyên môn làm kỹ lưỡng.

Rất được lòng tin cậy của thân chủ,

Sách mới **VĂN-PHẠM TIẾNG ANH**

« VĂN-PHẠM TIẾNG ANH » do bạn Nguyễn-hoàng-Tâm soạn, giảng giải bằng tiếng Việt cho người Việt học. Sách dầy 280 trang, ấn loát mỹ-thuật. Có bán khắp hàng sách. Giá bán 35 $ 00. Học sanh *(địa-phương S. C.)* được bán với giá 30 $ 00 tại 170A Rue Mayer -- Saigon.

CẦN HỌC

Bộ BA

Ban Trung-học

từ số 21 đến số 30 sẽ có bán khắp nơi nội tuần tới

Giám-đốc :

Cha Jacques CUA

GIADINH

Thơ và bưu-phiếu xin đề :

Mr Ngô văn Thanh

42 - 46, Pellerin — SAIGON

Giấy phép số 131/T.X.B.

Ngày 31-3-1951

IN TẠI ẤN QUÁN

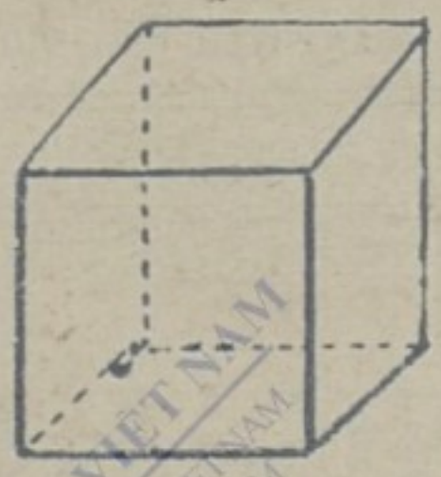
NAM-THANH

42 - 46, Pellerin — SAIGON

SOLIDES

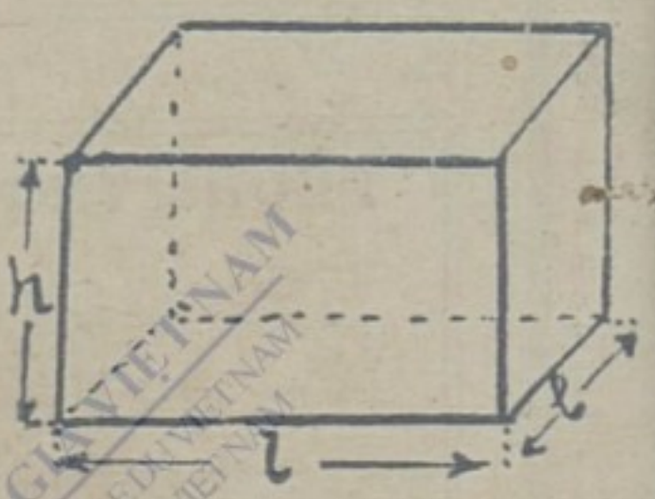
(*TABLEAU RÉCAPITULATIF*)

Cube



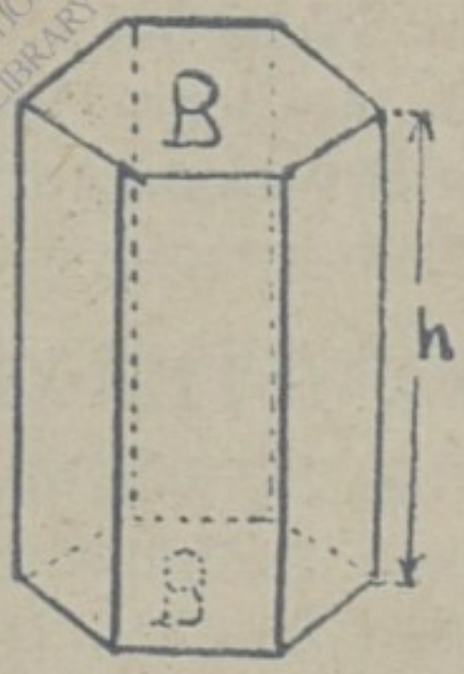
S. lat. $= 4a^2$
S. tot. $= 6a^2$
$V = a.a.a = a^3$

Parallélépipède



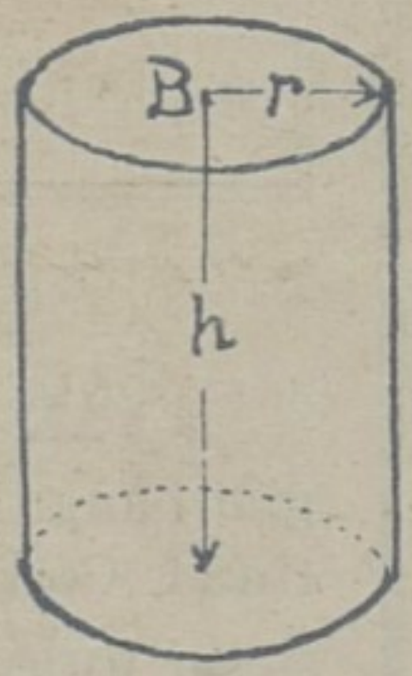
S. lat. $=$ *périm.* $\times h$
S. tot. $= ph + 2B$
$V = Bh$

Prisme



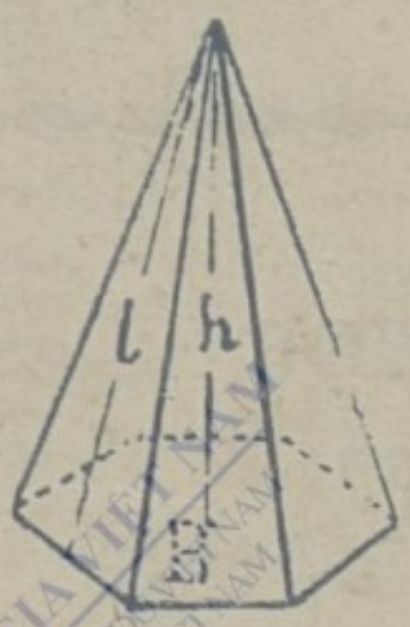
S. lat. $= ph.$
S. tot. $= ph + 2B$
$V = Bh$

Cylindre



S. lat. $= 2\pi rh$
S. tot. $=$
$2\pi rh + 2B$
$= 2\pi r(h + r)$
$V \quad Bh = \pi r^2 h$

Pyramide

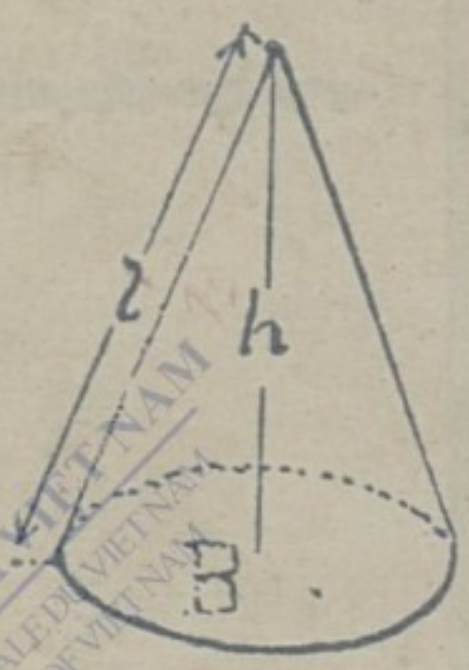


S. lat. $= \frac{pl}{2}$

S. tot. $= \frac{pl}{2} + B$

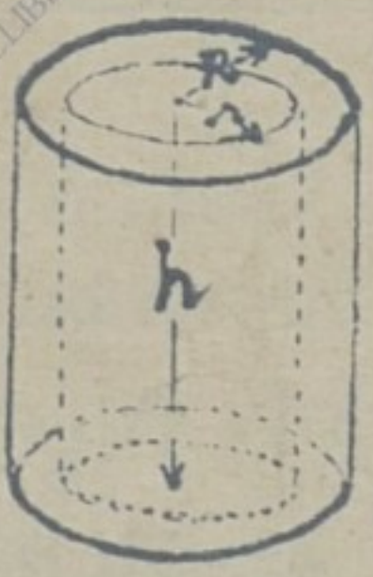
$V = \frac{Bh}{3}$

Cône



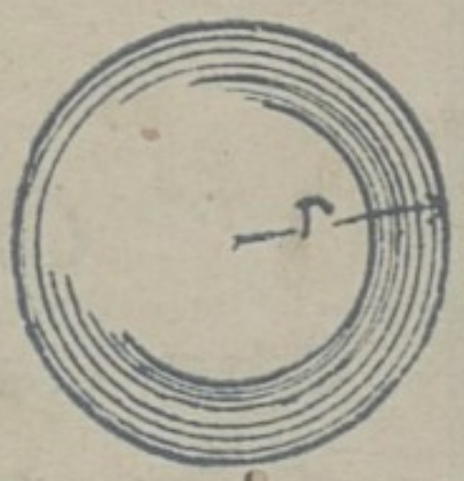
S. lat. $= \frac{pl}{2}$
$= \pi rl$
S tot $= \pi rl + B$
$= \pi r(l + r)$
$V = \frac{Bh}{3} = \frac{\pi r^2 h}{3}$

Manchon



$V = Bh;$
$= (\pi R^2 - \pi r^2)h$
$= \pi (R^2 - r^2)h$

Sphère



$S = 4\pi r^2$
$V = 4\pi r^2 \times \frac{r}{3} = \frac{4}{3}\pi r^3$

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

NHÀ LÀM BẢNG KẺM :

CLICHÉ DAU

17 ĐỒ HỮU VỊ — SAIGON

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIỆT NAM

M. 16545 18268